**CÁC CHUYÊN ĐỀ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

**ÔN THI VÀO LỚP 10**

**CHUYÊN ĐỀ 1: TRUYỆN THƠ TRUNG ĐẠI VIỆT NAM**

**ĐỀ 1: PHÂN TÍCH NHÂN VẬT VŨ NƯƠNG TRONG TÁC PHẨM «  CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG » CỦA NGUYỄN DỮ**

**I. Mở bài**

**Cách 1:**

Nguyễn Dữ là một trong những cây đại thụ lớn của nền văn học trung đại Việt Nam. Nếu như “Truyện Kiều” của Nguyễn Du là đỉnh cao rực rỡ của thể loại truyện Nôm thì “Chuyện người con gái Nam Xương” của nguyễn Dữ được coi là kiệt tác của thể loại truyện, được đánh giá là “áng thiên cổ tùy bút”. Đến với “ Chuyện người con gái Nam Xương” , người đọc cảm nhận được nhân vật Vũ Nương một người phụ nữ có nhan sắc, đức hạnh, nết na nhưng lại chịu số phận vô cùng bất hạnh, oan nghiệt, khiến người đọc không khỏi băn khoăn day dứt ám ảnh về cuộc đời của người thiếu phụ Nam Xương.

**Cách 2:**

Hình tượng người phụ nữ luôn là một đề tài hấp dẫn trong văn học. Đó là đề tài đã lấy đi rất nhiều tình cảm và nước mắt của biết bao nhiêu thi nhân, văn nhân trong lịch sử văn học nước nhà. Ta đã từng thổn thức với nàng Kiều - một người con gái đẹp nghiêng nước nghiêng thành nhưng cuộc đời lại ngang trái trong thơ Nguyễn Du. Ta cũng từng phải ngạc nhiên với người phụ nữ ngang tàng, bản lĩnh trong thơ Hồ Xuân Hương. Và thật xúc động biết bao khi một lần nữa ta lại được thương, được khóc cho một Vũ Nương đẹp người đẹp nết nhưng số phận lại đầy rẫy nỗi oan khiên trong “*Chuyện người con gái Nam Xương.*

**II. Thân bài**

**1.Khái quát chung**

*- “Chuyện người con gái Nam Xương”* có nguồn gốc từ chuyện kể dân gian: Vợ chàng Trương, là thiên thứ 16 trong tổng số 20 truyện của “*Truyền kì mạn lục”.* Nhân vật chính trong tác phẩm là Vũ Nương, một người phụ nữ trung trinh, tiết hạnh, đẹp người, đẹp nết nhưng lại bị chồng nghi oan thất tiết. Do không có cơ hội để minh oan, giãi bầy, Vũ Nương đành phải nhảy sông tự vẫn để chứng minh sự trong sạch của mình. Kết thúc truyện là hình ảnh Vũ Nương hiện về thấp thoáng lúc ẩn, lúc hiện giữa lòng sông nói lời tạ từ rồi biến mất. Đó là bi kịch của rất nhiều những người phụ nữ bất hạnh khi mà hạnh phúc gia đình chính là chỗ dựa vững chắc cho họ, giờ đây đã tan thành mây khói, mất đi chỗ dựa cuộc sống, họ lâm vào bi kịch và cái chết là con đường giải thoát duy nhất để họ kết thúc bi kịch của chính mình. Vì thế,

truyện không đơn thuần dừng lại ở sự phản ánh hiện thực mà còn tố cáo hiện thực, dóng lên niềm khao khát hạnh phúc của người phụ nữ trong một xã hội công bằng, văn minh.

**2. Phân tích nhân vật Vũ Nương**

**\* Vũ Nương là một người phụ nữ đẹp người, đẹp nết**

- Trước hết, Vũ Nương là một người con gái đẹp người, đẹp nết, đại diện cho vẻ đẹp của người phụ nữ thời kì phong kiến. Ngay từ đầu truyện Vũ Nương đã được giới thiệu “*tính đã thùy mị nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp”*.

- Trong xã hội phong kiến, một người phụ nữ đẹp phải hội tụ đủ các yếu tố: *“ tam tòng, tứ đức”, “ công, dung, ngôn, hạnh”.* Trong đó, dung chính là vẻ bề ngoài của nàng mà Trương Sinh đã xin mẹ *“ đem 100 lạng vàng cưới về »*. Chi tiết này đã tô đậm vẻ đẹp nhan sắc và phẩm chất của nàng. Sau đó, nhà văn tập trung làm nổi bật vẻ đẹp đức hạnh của nàng, bằng việc đặt Vũ Nương vào rất nhiều hoàn cảnh, tình huống và các mối quan hệ xung quanh như với chồng, với mẹ chồng và với đứa con trai tên là Đản.

**\* Luận cứ 1:** **Trong mối quan hệ với chồng: Nàng là người vợ thủy chung, yêu thương chồng hết mực.**

- Đầu tiên là Vũ Nương trong mối quan hệ với người chồng - Trương Sinh. Nàng hiện lên là một người vợ nhất mực thủy chung, yêu thương chồng tha thiết. Trong cuộc sống vợ chồng bình thường, khi mới lấy nhau, nàng hiểu tính chồng có thói đa nghi, thường đề phòng vợ quá mức nên Vũ Nương đã cư xử khéo léo, đúng mực, nhường nhịn và giữ đúng khuôn phép, không bao giờ để xảy ra nỗi bất hòa trong gia đình. Vì thế, chúng ta có thể thấy, nàng là người phụ nữ hiểu chồng, biết mình và rất đức hạnh.

- Khi chồng chuẩn bị đi lính, Vũ Nương rót chén rượu đầy và dặn dò chồng bằng những lời nói đầy nghĩa tình, thắm thiết “*Chàng đi chuyến này thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thế là đủ rồi”*. Điều đó cho thấy nàng không mong vinh hiển, chỉ cần chồng mang về hai chữ *“bình yên”.* Ở nhà, Vũ Nương nhớ thương chồng da diết. Mỗi khi thấy “*bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi”* nàng lại cảm thấy “*thổn thức tâm tình*”, nhớ thương chồng nơi biên ải xa xôi. Tiết hạnh ấy còn được khẳng định trong câu nói thanh minh, phân trần sau này của nàng với chồng khi bị chồng nghi oan *“ Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót”.*

- Qua tâm trạng bâng khuâng, nhớ thương, đau buồn của Vũ Nương, Nguyễn Du vừa cảm thông vừa ca ngợi tấm lòng son sắc, thủy chung của nàng. Và nỗi nhớ ấy, tâm trạng ấy cũng chính là tâm trạng chung của những người phụ nữ trong thời loạn lạc, chiến tranh. Khi Trương Sinh đi lính trở về, một mực khăng khăng cho rằng nàng thất tiết, Vũ Nương đã ra sức phân trần để cho chồng hiểu, nói lên thân phận của mình, nhắc tới tình nghĩa phu thê và khẳng định một lòng nhất mực thủy chung, son sắt với chồng. Thậm chí, nàng còn cầu xin chồng *“Thiếp vốn con kẻ khó được nương tựa nhà giàu. Sum họp chưa thỏa tình chăn gối, chia phôi vì động việc lửa binh. Cách biệt ba năm giữ gìn một tiết. Tô son điểm phấn từng đã nguôi lòng, ngõ liễu tường hoa chưa hề bén gót….Mong chàng đừng một mực nghi oan cho thiếp”*. Có nghĩa là Vũ Nương đang ra sức giữ gìn, hàn gắn hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ tan vỡ.

=>Điều đó cho thấy nàng thực sự rất trân trọng hạnh phúc gia đình mà mình đang có và càng làm nổi bật lên niềm khát khát hướng tới hạnh phúc gia đình ấm êm của người phụ nữ Vũ Nương. Rồi khi không còn hi vọng được nữa, nàng nói trong đau đớn và thất vọng: *«  Thiếp sỡ dĩ muốn nương tựa vào chàng vì có cái thú vui nghi gia nghi thất, Nay đã bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió…đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa. ».* Với nànghạnh phúc gia đình, *“ thú vui nghi gia, nghi thất*” là niềm khát khao và tôn thờ cả đời giờ đã tan vỡ. Tình yêu giờ đây của nàng được cụ thể bằng những hình ảnh ước lệ: *“bình rơi trâm gãy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió.”* Đến nỗi đau chờ chồng dến hóa đá nàng cũng không có được *“ đâu còn có thể lại lên núi Vọng Phu kia nữa”.*

- Vậy là tình yêu, hạnh phúc gia đình vốn là cơ sở tồn tại của người vợ trẻ giờ đã không còn có ý nghĩa. Cuối cùng, bị cự tuyệt quyền yêu, quyền hạnh phúc cũng đồng nghĩa với việc nàng bị cự tuyệt quyền tồn tại. Nàng tìm đến cái chết sau mọi sự cố gắng không thành. Hành động trẫm mình tự vẫn của nàng là hành động quyết liệt cuối cùng để bảo vệ phẩm giá. Đối với người con gái đức hạnh và giàu đức hi sinh ấy thì phẩm giá còn cao hơn mạng sống. Rồi những năm tháng sống dưới thủy cungnhưng nàng vẫn một lòng hướng về chồng con, quê hương và khao khát được đoàn tụ. Khi nàng nhận ra Phan Lang người cùng làng và nghe Phan lang kể về chuyện gia đình mà ứa nước mắt xót thương. Thế nhưng nàng khao khát được trả lại phẩm giá, danh dự cho mình hơn bao giờ hết. Nàng gửi chiếc thoa vàng cho Phan Lang, nhờ Phan Lang nói với Trương Sinh lập đàn giải oan cho mình.Như thế nàng là người trọng tình , trong nghĩa : dù thương nhớ chồng con, khao khát được đoàn tụ nhưng vẫn quyết giữ lời hứa sống chết bên Linh Phi.

*=>***Qua phân tích ta thấy,với vai trò là một người vợ, Vũ Nương là một người phụ nữ chung thủy, mẫu mực, lí tưởng trong xã hội phong kiến**. Trong trái tim của người phụ nữ ấy chỉ có tình yêu, lòng bao dung và sự vị tha.

**\* Luận cứ 2: Trong mối quan hệ với mẹ chồng: Nàng là người con dâu hiếu thảo.**

- Tiếp đến, Vũ Nương trong mối quan hệ với mẹ chồng. Nàng hiện lên là một người con dâu hiếu thảo. Chồng đi lính, ở nhà nàng thay chồng làm tròn bổn phận, trách nhiệm của một người con hiền, dâu thảo. Chăm sóc mẹ chồng khi già yếu, ốm đau. *“ Nàng hết sức thuốc thang lễ bái thần phật và lấy lời ngọt ngào khuyên lơn”.*

*-* Mẹ chồng mất, nàng hết lòng thương xót, lo liệu ma chay chu đáo đối với cha mẹ đẻ mình. Lời trăng trối của bà mẹ chồng trước khi mất đã khẳng định lòng hiếu thảo, tình cảm chân thành và công lao to lớn của Vũ Nương: *“ Xanh kia quyết chẳng phụ nàng cũng như con đã chẳng phụ mẹ”.* Nguyễn Dữ đã rất già dặn khi ông để cho bà mẹ chồng nhận xét về sự hiếu thảo của Vũ Nương.Đó là sự đánh giá xác đáng và khách quan nhất. Điều đó đã cho thấy nhân cách và công lao to lớn của Vũ Nương đối với gia đình nhà chồng này.

**Luận cứ 3: Trong mối quan hệ với con: Nàng là người mẹ yêu thương con hết mực.**

- Cuối cùng trong mối quan hệ với con Vũ Nương là người mẹ yêu thương con hết mực.Thiếu vắng chồng, nàng một mình sinh con, và nuôi dạy con khôn lớn. Nàng không chỉ đóng vai trò là một người mẹ, nàng còn đóng vai trò là một người cha hết lòng yêu thương con, không để con phải thiếu thốn tình cảm. Nàng còn là một người mẹ tâm lí khi Bé Đản sinh ra chưa biết mặt cha, lo con thiếu thốn tình cảm của cha nên thường chỉ vào cái bóng của mình trên vách mà bảo là cha Đản. Qua đó ta thấy nàng sớm định hình cho con về một mái ấm, một gia đình hoàn chỉnh.

=>Như vây, nàng không chỉ hoàn thành tốt trách nhiệm của một người vợ, người con, người mẹ, người cha mà còn là một người trụ cột của gia đình. N àng xứng đáng được hưởng những gì hạnh phúc, tuyệt vời nhất. Thế nhưng trớ trêu thay hạnh phúc đã không mỉm cười với nàng. Đó là khi Trương Sinh sau ba năm đi lính trở về, bé Đản không chịu nhận cha, nghe lời nói của con “*Trước đây, thường có một người đàn ông, đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, những chẳng bao giờ bế Đản cả*”, Trương Sinh nhất nhất cho rằng *“vợ hư”.*

- Mặc dù Vũ Nương đã tìm cách để giải thích lại thêm họ hàng, làng xóm bênh vực và biện bạch cho nàng nhưng mối nghi ngờ vợ của Trương Sinh không có gì gỡ ra được. Cuối cùng nàng đã trẫm mình xuống dòng nước Hoàng Giang lạnh lẽo. Đó là hành động quyết liệt để bảo toàn danh dự, nhân phẩm trong một nỗi đau tuyệt vọng cùng cực, đau đớn.

 Vậy đâu là nguyên nhân dẫn tới cái chết oan nghiệt của Vũ Nương? Đó trước hết là do chi tiết cái bóng và những lời nói ngây thơ của bé Đản. Nhưng nguyên nhân sâu sa đằng sau đó là từ người chồng đa nghi, thô bạo. Ngay từ đầu truyện, nhà văn đã giới thiệu Trương Sinh là *“ con nhà hào phú nhưng không có học*”, lại có tính đa nghi, đối với vợ thì hay phòng ngừa quá mức, thiếu cả lòng tin và tình thương với người tay ấp má kề với mình. Đó chính là mầm mống của bi kịch để rồi trong hoàn cảnh đi lính ba năm xa nhà, xa vợ, thói ghen tuông, ích kỉ của bản thân chàng nổi lên và giết chết người vợ của mình. Đồng thời do cuộc chiến tranh phi nghĩa cộng với chế độ phong kiến hà khắc, nam quyền độc đoán đã dung túng cho thói gia trưởng của người đàn ông, cho phép người đàn ông có thể đối xử tệ bạc với người phụ nữ của mình. Và người phụ nữ không có quyền được lên tiếng, không có quyền tự bảo vệ ngay cả khi có *“họ hàng, làng xóm bênh vực và biện bạch cho”*…Tất cả đã đẩy Vũ Nương người phụ nữ đương thời vào con đường bi kịch, phá tan đi những hạnh phúc gia đình của người phụ nữ, dồn đẩy họ vào con đường cùng không lối thoát.

- Cuối truyện, Vũ Nương hiện về thấp thoáng trên chiếc kiệu hoa giữa dòng, võng lọng, cờ kiệu rực rỡ đầy sông, nàng nói lời đa tạ Linh Phi và tạ từ Trương Sinh rồi biến mất. Đây là những chi tiết, hình ảnh thể hiện sự sáng tạo của Nguyễn Dữ. Kết thúc truyện như thế, không chỉ giúp hoàn thiện thêm nét đẹp tính cách của nhân vật mà còn chứng tỏ Vũ Nương vô tội. Ở thế giới bên kia, nàng được đối xử xứng đáng với phẩm giá của mình. Vì thế, Nguyễn Dữ đã đáp ứng được ước mơ của con người về sự bất tử, sự chiến thắng của cái thiện, cái đẹp, thể hiện nỗi khát khao hạnh phúc trong một cuộc sống công bằng, hạnh phúc cho những con người lương thiện, đặc biệt là người phụ nữ đương thời.

**3. Đánh giá, mở rộng**

- Nghệ thuật xây dưng nhân vật: nhân vật được khắc họa tâm lý, tính cách thông qua đối thoại, lời tự bạch đặt nhân vật vào những hoàn cảnh khác nhau. Đặc sắc trong việc sử dụng yếu tố kì ảo đã làm hoàn chỉnh, tô đậm nét đẹp vốn có của Vũ Nương: Nặng tình nghĩa, coi trọng nhân phẩm, vị tha mặc dù ở thế giới khác vẫn quan tâm đến chồng con, vẫn luôn muốn khôi phục danh dự.

*\* Liên hệ Mở rộng:* Nhân vật Thúy Kiều, hình ảnh người phụ nữ trong bài Bánh trôi nước…

- Cũng giống như Vũ Nương trong xã hội phong kiến xưa còn có biết bao thân phận của người phụ nữ phải sống trong cảnh đời như vậy như hình ảnh của người phụ nữ trong bài thơ *“Bánh trôi nước”* của Hồ Xuân Hương hay hình ảnh của Thúy KIều trong *“Truyện Kiều”* của Nguyễn Du. Tất cả họ là những người đẹp người đẹp nết nhưng có số phận bất hạnh.

**III. Kết bài**

  “Chuyện người con gái nam xương”là một áng văn hay thành công về mặt dựng truyện ,khắc hoạ nhân vật ,kết hợp tự sự và trữ tình, hiện thực và lãng mạn . Truyện đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta thêm cảm phục trước tài năng của nhà văn, thêm trân trọng, yêu mến những người phụ nữ trong XHPK. Từ một chiếc bóng oan khiên tác phẩm đã gợi ra biết bao điều chúng phải suy ngẫm về đạo vợ chồng, về cách hành xử trong cuộc sống, về nhân cách, về cuộc đời con người. Và có lẽ cũng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.

**======================================================**

**ĐỀ 2: CẢM NHẬN VỀ SỐ PHẬN BI KỊCH CỦA VŨ NƯƠNG QUA TRUYỆN NGẮN « NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG » CỦA NGUYỄN DỮ**

**1. Mở bài**

Nguyễn Dữ là nhà văn tiêu biểu của nền văn học trung đại Việt Nam. Tên tuổi của ông gắn liền với tác phẩm “Truyền kỳ mạn lục”. “Chuyện người con gái Nam Xương” thuộc 16/20 tập truyện. Tác giả Nguyễn Dữ đã rất thành công khi xây dựng hình tượng nhân vật Vũ Nương. Thông qua cuộc đời và số phận đầy bi kịch, khổ đau của nhân vật Vũ Nương tác giả đã phơi bày bộ mặt xấu xa, bất nhân của xã hội phong kiến đương thời đã chà đạp lên số phận con người. Đặc biệt là thân phận người phụ nữ.

**2. Thân bài**

 - Nêu vài nét về tác giả, tác phẩm

- “Chuyện người con gái Nam Xương” được xây dựng dưạ trên một câu chuyện có thật là “Vợ chàng Trương” vốn được lưu truyền trong dân gian. Trên cơ sở một câu chuyện cổ tích, Nguyễn Dữ đã có những hư cấu và sáng tạo tình tiết kì ảo để “Chuyện người con gái Nam Xương” trở thành một áng văn hấp dẫn, đặc sắc, giàu giá trị nhân văn.

- “Chuyện người con gái Nam Xương”  xoay quanh về cuộc đời và số phận bi thảm của Vũ Nương . Đọc tác phẩm người đọc nhận thấy Vũ Nương là một người phụ nữ hội tụ những phẩm chất cao đẹp của người phụ nữ Việt Nam, một người vợ chung thủy, một người mẹ yêu con, một người con dâu hiếu … Lẽ ra nàng xứng đáng được hưởng một cuộc sống yên bình, hạnh phúc. Thế nhưng nàng phải chịu một cuộc đời bất hạnh, khổ đau.

**1. Luận điểm 1: Trước hết Vũ Nương phải chịu số phận bất hạnh khổ đau vì là nạn nhân của chiến tranh phong kiến.**

**-** Cuộc sum vầy của nàng với Trương Sinh chưa được bao lâu thì chiến tranh xảy ra. Trương Sinh tuy con nhà hào phú nhưng vì ít học phải đi lính ngay từ đợt đầu. Khi Trương Sinh đi lính nàng đang có mang, Trương Sinh đi chưa đầy một tuần nàng sinh con, mọi công việc nàng gánh vác trong gia đình, từ chăm sóc con thơ, phụng dưỡng mẹ già, ngày tháng dần trôi 1 năm, 2 năm, 3 năm …nàng luôn sống trong tâm trạng chờ mong khắc khoải lo lắng cho sự an nguy của chồng nơi chiến trận.

- Nỗi nhớ thương khắc khoải với người chồng nơi biên ải cứ dâng tràn theo thời gian: “Mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào không ngăn được”.

- Hình ảnh” bướm lượn” có thể thấy những lúc vui, hay những lúc buồn Vũ Nương cũng đều cồn cào nỗi nhớ thương chồng. Để an ủi lòng mình đêm đêm Vũ Nương chỉ cái bóng của mình là Trương Sinh. Suy nghĩ này giúp người đọc hiểu được niềm khao khát được đoàn tụ của Trương Sinh với Vũ Nương lớn biết chừng nào. Sau 3 năm dài đằng đẵng chàng Trương Sinh của nàng đã may mắn bình an trở về, tưởng rằng gia đình nhỏ sẽ đầy ắp tiếng cười của ngày đoàn viên, tưởng rằng những vất vả mà nàng đã trải qua trong những năm tháng Trương Sinh đi lính sẽ được bù đắp, thế nhưng sau những giây phút buồn vui ngắn ngủi một bi kịch này trời đã giáng suốt cuộc đời Vũ Nương nàng bị nghi ngờ thất tiết.

- Chiến tranh đã chia lìa nàng và chồng để mỗi khi đứa con thơ hỏi nàng về cha của nó thì nàng đã chỉ chiếc bóng của mình trên tường nói là cha Đản. Bé Đản ngây thơ tin lời nàng nói, nên đã không công nhận Trương Sinh là cha và ngây thơ kể với Trương Sinh rất rành rọt về người cha trước kia của mình, “ Thường có một người đàn ông đêm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bế Đản cả”, nghe lời con, tin lời con trẻ mà cơn ghen tuông bùng lên trong lòng anh ta.

- Nếu không có chiến tranh thì Vũ Nương đâu phải xa chồng thì bé Đản đâu phải xa cha, không có chiến tranh thì gia đình nhỏ bé của Vũ Nương đâu phải đối diện với nghịch cảnh, chiếc bóng oan khuất. Từ nỗi khổ vì chiến tranh của Vũ Nương và sự hi sinh của cha ông ta trong các cuộc chiến tranh bảo vệ sau này, người đọc nhận thấy chiến tranh muôn đời là hành động phi lý, hành động tội ác của những kẻ hiếu chiến.

**Luận điểm 2: Vũ Nương không chỉ khổ đau bất hạnh vì nàng là nạn nhân của chiến tranh phong kiến mà làm còn khổ hơn vì là nạn nhân của tư tưởng Nam quyền.**

- Cuộc hôn nhân của Vũ Nương không bắt đầu từ tình yêu đôi lứa, mà mang tình cảm gả bán, bởi vì Trương Sinh là người trong làng nhận thấy Vũ Nương là một người con gái thùy mị, nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp, anh ta đã xin mẹ 100 lạng vàng cưới nàng. Trương Sinh là con nhà hào phú còn Vũ Nương là con nhà nghèo sự khác biệt về đẳng cấp đã khiến cho Vũ Nương luôn mặc cảm với thân phận của mình, còn Trương Sinh coi gia cảnh của mình để có thể có những đặc quyền với vợ.

- Ngay từ khi mới về nhà chồng Vũ Nương đã phải đối mặt với sự đa nghi, phòng ngừa quá của Trương Sinh, biết phận mình nên nàng luôn nhường nhịn, giữ gìn khuôn phép để gia đình không thất hòa xảy ra.

 - Nếu chiến tranh xảy ra, Vũ Nương khổ nỗi khổ của người chinh phụ, thì khi Trương Sinh trở về nàng phải chịu nỗi khổ của tư tưởng nho giáo phong kiến, chế độ phong kiến nam quyền, khi Trương Sinh nghe lời bé Đản nói về “người cha” của mình thì Trương Sinh đã nghi ngay vợ mình thất tiết. Vũ Nương đã phải đón nhận cơn ghen từ chồng, gặp lại Vũ Nương sau khi ra mộ mẹ Trương Sinh la lên cho hả giận, Vũ Nương đã thanh minh trong nước mắt “Thiếp vốn con kẻ khó, được nương tựa nhà giàu, sum họp chưa thỏa tình chăn gối,chia phôi vì động việc lửa binh” , những lời phân trần của nàng thấu tình đạt lí, đâu có cởi bỏ được mối nghi ngờ trong đầu óc của Trương Sinh.

 -Và như là nói chồng chuyện tày trời kia ai nói những tương sinh độc đoán đa nghi hồ đồ không nói câu chuyện giữa anh ta và bé Đản Nếu anh ta vừa có thể mắng nhiếc vừa có thể nói về một người đàn ông xuất hiện vào ban đêm trong thời gian anh ta đi lính thì Vũ Nương đã phải có thể tải oan cho mình đối với Vũ Nương nỗi khổ do chiến tranh gây ra Chẳng thấm vào đâu so với nỗi khổ khi chồng bị nghi oan ở thất thiết bị đánh đuổi đi trước nỗi oan tày trời. Khổ nhục này nàng đã bày tỏ nỗi tuyệt vọng đau đớn của mình thiếp Sở dĩ được nương tựa vào chàng thì có thú vui ra nghi thức này đã bị rơi trong giấy Xem sự thất vọng đau đớn của nàng cũng chẳng làm lung lay ý chí mù quáng của Trương Sinh.

- Bà con hang xóm biện bạch giúp nàng nhưng Trương Sinh cũng chẳng tin. Nàng đã trực tiếp nói chuyện tày đình kia ai nói, nhưng Trương Sinh độc đoán, đa nghi, hồ đồ không nói câu chuyện giữa anh ta và bé Đản. Nếu anh ta vừa có thể mắng nhiếc, vừa có thể nói rằng có một người luôn xuất hiện vào ban đêm trong thời gian anh ta đi lính thì Vũ Nương có thể giải oan cho mình. Đối với Vũ Nương nỗi khổ do chiến tranh cũng chả thấm vào đâu so với nỗi khổ bị chồng nghi oan là thất tiết và bị đánh đuổi đi.Trước nỗi oan tày trời, trước nỗi khổ nhục này nàng đã bày tỏ nỗi tuyệt vọng đau đớn của mình. “ Thiếp sở dĩ nương tựa vào chàng, vì có cái thú vui nghi gia, nghi thất. Nay đã bình rơi tram gẫy, mây tạnh mưa tan, sen rũ trong ao, liễu tàn trước gió, khóc tuyết bong hoa rụng cuống, kêu xuân cánh én lìa cành…”

- Không chỉ bị chồng mắng nhiếc, mà còn bị chồng đánh và đuổi đi Vũ Nương đã phải tìm đến cái chết bên bến Hoàng Giang để giải thoát cuộc đời đau khổ của mình, suy cho cùng cái chết của Vũ Nương là do Trương Sinh bức tử Vũ Nương là nạn nhân của thói hồ đồ, đa nghi, độc đoán, vũ phu.

**Luận điểm 3: Mở rộng nâng cao**

- Số phận bất hạnh của Vũ Nương trong tác phẩm “ Chuyện người con gái Nam Xương” tiêu biểu cho số phận của những người phụ nữ bình dân trong xã hội phong kiến, họ đâu có quyền quyết định số phận của cuộc đời của mình, cuộc đời họ sướng hay khổ, hạnh phúc hay đau khổ đều hoàn toàn phụ thuộc vào cách cư xử của người chồng, số phận của Vũ Nương cho ta hiểu và liên tưởng tới số phận khổ đau của Thúy Kiều trong kiệt tác “Truyện Kiều” của Nguyễn Du.

- Nếu Vũ Nương khổ vì chiến tranh phong kiến, vì tư tưởng bất công nam quyền, thì Thúy Kiều khổ vì nàng là nạn nhân của các thế lực bạo tàn, khổ vì sức mạnh ma quái của đồng tiền. Ngày nay chúng ta đang sống trong xã hội văn minh công bằng người phụ nữ được hưởng quyền bình đẳng so với nam giới, họ được quyền hưởng cuộc sống hạnh phúc gia đình do mình có công vun đắp lên. Tuy nhiên đâu đó vẫn còn không ít những người phụ nữ phải chịu hậu quả của những tàn dư của xã hội phong kiến, họ của nạn nhân của nạn nhân của thói vũ phu từ người chồng, là nạn nhân của hành động buôn người chúng ta cần phải lên án bênh vực bảo vệ những người phụ nữ đó.  
**3. Kết bài**

Nguyễn Dữ đã xây dựng nhân vật Vũ Nương là hiện thân của tấm lòng vị tha, của vẻ đẹp của người phụ nữ. Song cuộc đời nàng lại có quá nhiều nỗi đớn đau, bất hạnh. Ngòi bút của Nguyễn Dữ đã hướng đến thể hiện và trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp ấy và bày tỏ sự cảm thông sâu sắc đối với nỗi đau khổ và ước mơ về một cuộc sống tươi đẹp cho những con người bình thường, có phẩm chất tốt đẹp. Thiên truyện còn là lời tố cáo mạnh mẽ chế độ phong kiến hà khắc, cửa quyền, nhẫn tâm đẩy con người vào bước đường cùng không lối thoát.  
  
**===================================================**

**ĐỀ 3: “QUA CÂU CHUYỆN VỀ CUỘC ĐỜI VÀ CÁI CHẾT THƯƠNG TÂM CỦA VŨ NƯƠNG, «CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG THỂ HIỆN NIỀM THƯƠNG CẢM ĐỐI VỚI SỐ PHẬN OAN NGHIỆT CỦA CỦA NGƯỜI PHỤ NỮ VIỆT NAM DƯỚI CHẾ ĐỘ PHONG KIẾN, ĐỒNG KHẲNG ĐỊNH VẺ ĐẸP TRUYỀN THỐNG CỦA HỌ”. PHÂN TÍCH NHÂN VẬT VŨ NƯƠNG TRONG «CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG » CỦA NGUYỄN DỮ LÀM SÁNG RỎ NHẬN ĐỊNH TRÊN.**

**I. Mở bài**

**Cách 1.**

Nguyễn Dữ là cây đại thụ tiêu biểu của nền văn học Trung đại, sống ở thế kỷ XVI,ông là người học rộng, tài cao nhưng chỉ làm quan một năm rồi xin nghỉ về nhà nuôi mẹ già và viết sách, sống ẩn dật như nhiều trí thức đương thời. *“Chuyện người con gái Nam Xương*” là tác phẩm thành công nhất của ông. Tác phẩm là một trong 20 truyện của *“Truyền kỳ mạn lục”*, được viết bằng chữ Hán, khai thác các truyện cổ dân gian và truyền thuyết lịch sử, dã sử của Việt Nam. Nhân vật chính - Vũ Nương - người phụ nữ đức hạnh, khao khát cuộc sống bình yên, hạnh phúc, nhưng các thế lực tàn bạo cùng lễ giáo phong kiến khắc nghiệt lại xô đẩy nàng vào những cảnh ngộ éo le, oan khuất và bất hạnh. Vậy nên có ý kiến cho rằng : “Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, Chuyện người con gái Nam Xương thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến, đồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ”.

**Cách 2.**

Số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến luôn là đề tài mà được nhiều tác giả chọn để đưa vào tác phẩm của mình. Trong đó, *" Chuyện người con gái Nam Xương"* của Nguyễn Dữ đã thể hiện rõ nét được số phận của họ và đồng thời là sự cảm thương với những người phụ nữ đó. “Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, Chuyện người con gái Nam Xương thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến, đồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ”.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung:**

*“Chuyện người con gái Nam Xương”* có nguồn gốc từ chuyện kể dân gian: Vợ chàng Trương, là thiên thứ 16 trong tổng số 20 truyện của “*Truyền kì mạn lục”.* Nhân vật chính trong tác phẩm là Vũ Nương, một người phụ nữ trung trinh, tiết hạnh, đẹp người, đẹp nết nhưng lại bị chồng nghi oan thất tiết nên đã phải nhảy sông tự vẫn. Kết thúc truyện là hình ảnh Vũ Nương hiện về thấp thoáng lúc ẩn, lúc hiện giữa lòng sông nói lời tạ từ rồi biến mất. Đó là bi kịch của rất nhiều những người phụ nữ bất hạnh khi mà hạnh phúc gia đình chính là chỗ dựa vững chắc cho họ, giờ đây đã tan thành mây khói, mất đi chỗ dựa cuộc sống, họ lâm vào bi kịch và cái chết là con đường giải thoát duy nhất để họ kết thúc bi kịch của chính mình. Vì thế, truyện không đơn thuần dừng lại ở sự phản ánh hiện thực mà còn tố cáo hiện thực, dóng lên niềm khao khát hạnh phúc của người phụ nữ trong một xã hội công bằng, văn minh.

**2. Phân tích nhân vật Vũ Nương để làm sáng tỏ nhận định**

**Luận điểm 1: Số phận oan nghiệt của Vũ Nương**

- Thật vậy, câu chuyện trước hết thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến mà điển hình là Vũ Nương.

- Ngay từ đầu tác phẩm Nguyễn Dữ đã cảm thương cho Vũ Nương- người phụ nữ nhan sắc và đức hạnh- lại phải lấy Trương Sinh- một kẻ vô học hồ đồ vũ phu. Thương tâm hơn nữa, người chồng còn *“có tính đa nghi”* nên đối với vợ đã “*phòng ngừa quá sức*”.(Mòn mỏi đợi chờ, vất vả gian lao). Đọc tác phẩm, ta thấy được nỗi niềm đau đớn của nhà văn với Vũ Nương – người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Đó là sự xót xa cho hoàn cảnh éo le của người phụ nữ: lấy chồng chưa được bao lâu, “*chưa thỏa tình chăn gối, chia phôi vì động việc lửa binh”*, nàng đã phải tiễn biệt chồng lên đường đi đánh giặc Chiêm.

- Cảnh tiễn đưa chồng của Vũ Nương mới ái ngại xiết bao. Nàng rót chén rượu đầy ứa hai hàng lệ: “*Chàng đi chuyến này... mẹ hiền lo lắng”.* Thật buồn thương cho Vũ Nương, trong những ngày vò võ một mình ngóng trông tin chồng với bao nhớ thương vời vợi: *“Mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được”.*

- Hẳn rằng Nguyễn Dữ vô cùng đau đớn cho Vũ Nương nên chỉ cần một câu văn ấy cũng đủ làm người đọc cảm thấy xót xa với người mệnh bạc có chồng chia xa. Tâm trạng nhớ thương đau buồn ấy của Vũ Nương cũng là tâm trạng chung của những người chinh phụ trong thời phong kiến loạn lạc. Trương Sinh đi, để lại gánh nặng gia đình, để lại gánh nặng cho người vợ trẻ. Vũ Nương thay chồng vất vả nuôi mẹ, nuôi con. Sau khi mẹ chồng mất, chỉ còn hai mẹ con Vũ Nương trong căn nhà trống vắng cô đơn. Đọc đến những dòng tả cảnh đêm, người vợ trẻ chỉ biết san sẻ buồn vui với đứa con thơ dại, chúng ta không khỏi chạnh lòng thương xót cho mẹ con nàng.(Cái chết thương tâm )(Nỗi oan khuất của Vũ Nương)

-Thế rồi, “*Việc quân kết thúc* ”,Trương Sinh từ miền xa chinh chiến trở về, nhưng Vũ Nương không được hưởng hạnh phúc trong cảnh vợ chồng sum họp. Chỉ vì chuyện chiếc bóng qua miệng đứa con thơ mới tập nói mà Trương Sinh lại đinh ninh rằng vợ mình hư hỏng nên *“mắng nhiếc”* và “*đánh đuổi đi*”. Trương Sinh đã bỏ ngoài tai mọi lời bày tỏ van xin đến rớm máu của vợ, mọi sự “*biện bạch*” của họ hàng làng xóm. Vũ Nương bị chồng đẩy vào bi kịch, bị vu oan là vợ mất nết hư thân: *“Nay đã bình rơi... Vọng Phu kia nữa”.*

- Bi kịch Vũ Nương là bi kịch gia đình từ chuyện chồng con, nhưng nguyên nhân sâu xa là do chiến tranh loạn lạc gây nên. Chỉ một thời gian ngắn, sau khi Vũ Nương tự tử, một đêm khuya dưới ngọn đèn, chợt đứa con nói rằng: *“Cha Đản lại đến kia kìa”.* Lúc bấy giờ Trương Sinh “*mới tỉnh ngộ thấu nỗi oan của vợ, nhưng việc trót đã qua rồi”.* Người đọc xưa cũng chỉ biết thở dài, cùng Nguyễn Dữ xót thương cho người con gái Nam Xương và bao phụ nữ bạc mệnh khác trong cõi đời.(Nỗi oan cách trở)

=>Hình ảnh Vũ Nương ngồi kiệu hoa, phía sau có năm mươi chiếc xe cờ tán võng lọng rực rỡ đầy sông, lúc ẩn, lúc hiện... là những chi tiết hoang đường, nhưng đã tô đậm nỗi đau của người phụ nữ *“bạc mệnh”* duyên phận hẩm hiu, có giá trị tố cáo lễ giáo phong kiến vô nhân đạo. Câu nói của hồn ma Vũ Nương giữa dòng sông vọng vào: “*Đa tạ tình chàng, thiếp chẳng thể trở về nhân gian được nữa”* làm cho nỗi đau của nhà văn thêm phần bi thiết. Nỗi oan tình của Vũ Nương được minh oan và giải toả, nhưng âm – dương đã đôi đường cách trở, nàng chẳng thể trở lại nhân gian và cũng không bao giờ còn được làm vợ, làm mẹ.

**Luận điểm 2: Vẻ đẹp truyền thống của Vũ Nương**

- Bên cạnh truyện thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiến thì truyện còn khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ tiêu biểu là Vũ Nương. Người con gái *“thuỳ mị, nết na*” và *“tư dung tốt đẹp”* => Ngay từ đầu truyện tác giả đã giới thiệu về Vũ Nương với một chi tiết thật ngắn gọn, khái quát “*Tính đã thùy mị, nết na lại thêm có tư dung tốt đẹp”.* Nàng là một cô gái danh giá nên Trương Sinh, con nhà hào phú “*mến vì dung hạnh”* đã *“xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về”. (*Người vợ thuỷ chung)

=>Những ngày sau đó, Vũ Nương hiện lên là một người phụ nữ khéo léo, đôn hậu, biết chồng có tính *“đa nghi”* nàng đã “*giữ gìn khuôn phép”* không để xảy ra cảnh vợ chồng phải “*thất hoà”.* Khi tiễn chồng đi lính, Vũ Nương rót chén rượu đầy chúc chồng “*được hai chữ bình yên”*. Nàng chẳng mong được đeo ấn phong hầu mặc áo gấm trở về quê cũ. Ước mong của nàng thật bình dị, vì nàng đã coi trọng hạnh phúc gia đình hơn mọi công danh phù phiếm ở đời.

- Vũ Nương còn thể hiện niềm cảm thông trước nỗi vất vả, gian lao mà chồng phải chịu đựng và nói lên nỗi khắc khoải nhớ nhung của mình: “*Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trông liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình thương người đất thú. Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cánh hồng bay bổng”*. Khi xa chồng, Vũ Nương là người vợ thuỷ chung, yêu chồng tha thiết, nỗi buồn nhớ chồng chất dài theo năm tháng *“ …mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được”*. Khi bị chồng nghi oan, nàng đã phân trần để chồng hiểu rõ tấm lòng mình. Nàng còn nói đến thân phận mình và nghĩa tình vợ chồng để khẳng định tấm lòng thuỷ chung trong trắng, cầu xin chồng đừng nghi oan, nghĩa là đã hết lòng tìm cách hàn gắn hạnh phúc gia đình đang có nguy cơ tan vỡ. Nhưng rồi mọi cố gắng của nàng cũng không lay động người đa nghi như Trương Sinh.

- Để minh oan cho mình là người phụ nữ *“đoan trang giữ tiết, trinh bạch gìn son”,* mãi mãi soi tỏ với đời *“vào nước xin làm ngọc Mị Nương, xuống đất xin làm cỏ Ngu Mì”* nàng đã nhảy xuống sông Hoàng Giang tự tử kết thúc cuộc sống đau khổ ở trần thế. Rồi sao, ở dưới thuỷ cung, tuy Vũ Nương có oán trách Trương Sinh, nhưng nàng vẫn thương nhớ chồng con, quê hương và khao khát được trả lại danh dự: *“Có lẽ không thể gửi hình ẩn bóng ở đây được mãi, để mang tiếng xấu xa. Vả chăng, ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam. Cảm vì nỗi ấy, tôi tất phải tìm về có ngày”.*(Người mẹ hiền, dâu thảo )

=> Vũ Nương là người phụ nữ đảm đang và giàu tình thương mến.

- Chồng ra trận mới được một tuần, nàng đã sinh con. Mẹ chồng già yếu, ốm đau, nàng *“hết sức thuốc thang”*, *“ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn”.* Vừa phụng dưỡng mẹ già, vừa chăm sóc nuôi dạy con thơ. Lúc mẹ chồng qua đời, nàng đã “*hết lời thương xót*”, việc ma chay tế lễ được lo liệu, tổ chức rất chu đáo. Nhà văn Nguyễn Dữ rất già dặn khi ông để bà mẹ chồng nhận xét về Vũ Nương .

- Lời nhận xét ấy cũng là lời ghi nhận công ơn của nàng với gia đình nhà chồng: “*Sau này trời xét lòng lành, ban cho phúc đức, giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ con cũng như con đã chẳng phụ mẹ”.* Đó là cách đánh giá thật xác đáng và khách quan. Từ xưa đến nay cũng hiếm có lời xác nhận tốt đẹp của mẹ chồng đối với nàng dâu. Điều đó chứng tỏ Vũ Nương là một nhân vật có phẩm hạnh hoàn hảo, trọng đạo nghĩa làm vợ, làm dâu và làm mẹ. Tác giả khẳng định một lần nữa trong lời kể: *“Bà cụ nói xong thì mất. Nàng hết lời thương xót, phàm việc ma chay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình*”.(Người phụ nữ lý tưởng trong xã hội phong kiến)

=> Qua hình tượng Vũ Nương, người đọc thấy trong Vũ Nương cùng xuất hiện ba con người tốt đẹp: nàng dâu hiếu thảo, người vợ đảm đang, chung thủy, người mẹ hiền đôn hậu. Ở nàng, mọi cái đều sáng tỏ và hoàn hảo đến mức tuyệt vời. Đó là hình ảnh người phụ nữ lý tưởng trong xã hội phong kiến ngày xưa.

**3. Đánh giá, mở rông**

- Bi kịch của Vũ Nương là một lời tố cáo đanh thép với xã hội phong kiến xem trọng quyền uy của những kẻ giàu có và những người đàn ông trong gia đình. Những người phụ nữ đức hạnh ở đây không được bênh vực, chở che mà còn bị đối xử bất công, vô lí. Những vẻ đẹp của Vũ Nương rất tiêu biểu cho người phụ nữ Việt Nam từ xưa đến nay. Câu chuyện thể hiện niềm cảm thương đối với số phận oan nghiệt của Vũ Nương và khẳng định vẻ đẹp truyền thống của nàng và cũng chính vì thế mà tác phẩm đã thể hiện giá trị hiện thực và giá trị nhân đạo sâu sắc.

*\* Liên hệ mở rộng :* So sánh với những tác phẩm viết về nỗi bất hạnh của người phụ nữ và ca ngợi vẻ đẹp của họ: Văn học dân gian, “*Truyện Kiều”* – Nguyễn Du, thơ Hồ Xuân Hương, “*Chinh phụ ngâm*” - Đoàn Thị Điểm, *“Cung oán ngâm khúc”* - Nguyễn Gia Thiều...

**III. Kết bài**

Hình tượng nhân vật Vũ Nương là điển hình cho thân phận người phụ nữ trong xã hội phong kiến với tư dung tốt đẹp, chung thủy sắt son mà bất hạnh tột cùng. Câu chuyện *“thể hiện niềm cảm thương sâu sắc với số phận* oan nghiệt của người phụ nữ Việt Nam dưới chế độ phong kiếnđồng thời khẳng định vẻ đẹp truyền thống của họ”. « Chuyện người con gái Nam Xương » do đó thấm đượm giá trị nhân đạo và giá trị hiện thực sâu sắc. Cho đến hôm nay câu chuyện vẫn như một hồi chuông nhắc nhở mọi người phải bênh vực, bảo vệ người phụ nữ để họ được hưởng những niềm hạnh phúc mà họ xứng đáng được hưởng.

**=====================================================**

**ĐỀ 4: PHÂN TÍCH GIÁ TRỊ CHIẾC BÓNG TRONG TRUYỆN «NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG » CỦA NGUYỄN DỮ.**

**1 Mở bài**

Tất cả mọi thứ trên thế gian này theo thời gian đều sẽ bị bào mòn, chỉ có duy nhất nghệ thuật còn lại mãi với thời gian. Có những tác phẩm dù trải qua bao nhiêu thế kỉ, qua sự thách thức của dòng đời, nó vẫn còn nguyên sức sống của mình. “*Chuyện người con gái Nam Xương”* là một tác phẩm như thế.  Đọc tác phẩm này người đọc không chỉ ấn tượng với Truyện ngắn của Nguyễn Dữ khi sử dụng các chi tiết hoang đường, kỳ ảo mà còn thực sự ấn tượng với chi tiết cái bóng, chi tiết này ẩn chứa những ý nghĩa văn chương sâu sắc.

**2. Thần bài**

 Trong tác phẩm tự sự chi tiết là một yếu tố vô cùng quan trọng, chi tiết chiếc bóng cùng với những chi tiết khác tạo nên sự hấp dẫn của “Chuyện Người con gái Nam Xương”

 Trong tác phẩm “ Chuyện người con gái Nam Xương”, Chi tiết cái bóng xuất hiện 2 lần đó là chiếc bóng của Vũ Nương trên tường vào ban đêm do bé Đản nhớ lại kể chuyện với Trương Sinh, chiếc bóng đó xuất hiện thường xuyên vào ban đêm trong thời gian Trương Sinh đi lính, chiếc bóng xuất hiện lần thứ hai là chiếc bóng của Trương Sinh trên tường xuất hiện vào ban đêm sau khi Vũ Nương đã mất.

 Trong suy nghĩ của bé Đản chiếc bóng trên tường ở cả hai hoàn cảnh trên đều là cha của nó.

**+ Giá trị của chiếc bóng:** Ở cả hai hoàn cảnh xuất hiện chi tiết cái bóng đều có ý nghĩa cả về nghệ thuật và nội dung. Ở lần xuất hiện thứ nhất cái bóng xuất hiện là cái bóng của Vũ Nương, chiếc bóng xuất hiện lần này qua lời kể ngày thơ của bé Đản là có giá trị đặc sắc về nghệ thuật gió thổi bùng lên cơn ghen trong lòng anh chàng Trương sinh khiến anh ta đã bao lần khiến Trương Sinh vốn đa nghi liền tin ngay Vũ Nương thất tiết, khiến Vũ Nương phải đối mặt với một nỗi oan tày trời, không thể thanh minh trước cơn ghen của Trương Sinh, cuối cùng trong nỗi đau tuyệt vọng nàng phải chọn cái chết để giải thoát. Nỗi đau về cả thể xác, lẫn tinh thần.

 Bên cạnh giá trị về nghệ thuật chi tiết chiếc bóng xuất hiện lần thứ nhất còn có những giá trị nội dung rất lớn việc Vũ Nương chỉ bóng mình trên tường và nói với bé Đản đó là cha của nó. đã cho người đọc hiểu được tình yêu thương của nàng bằng hành động này nàng không muốn đứa con nhỏ của mình bị tổn thương về mặt tinh thần, muốn cho con hiểu rằng nó vẫn đang được lớn lên trong hoàn trong gia đình có cả cha lẫn mẹ.

- Việc coi bóng mình trên tường là Trương Sinh, còn cho ta thấy Vũ Nương là một người vợ có tình yêu thương chồng tha thiết, chiến tranh chỉ có thể khiến nàng xa chồng về không gian, thời gian chứ không thể chia cắt về tình nghĩa vợ chồng vô tình mà bền chặt, nếu nàng là hình thì Trương Sinh là bóng, bóng và hình luôn quấn quýt bên nhau không thể tách.

- Việc sử dụng chi tiết cái bóng xuất hiện trong lời kể của bé Đản còn nhằm tố cáo chiến tranh phi nghĩa, bất chính. Cuộc chiến tranh này đã khiến cho bao người phụ nữ phải chịu nỗi khổ của người chinh phu xa chồng, lo lắng cho sự nguy nan của chồng, một mình gánh vác mọi công việc trong gia đình và luôn phải sống trong trông chờ, khao khát.

-Việc Vũ Nương coi cái bóng mình trên tường là chồng còn phản ánh một niềm hi vọng, niềm khao khát chính đáng của người chinh phụ nữ đó là khát vọng đoàn tụ. Điều này giúp ta hiểu Nguyễn Dữ đã thấu hiểu thật sâu sắc nỗi lòng của người phụ nữ khi có chồng đi đánh trận. Mặt khác chi tiết chiếc bóng xuất hiện lần thứ nhất còn nhằm gửi gắm tâm sự của Nguyễn Dữ trong xã hội phong kiến xưa ẩn khuất quanh người phụ nữ, đặc biệt là những người phụ nữ bình dân và có thể ập xuống cuộc đời họ bất cứ lúc nào mà họ không thể lường trước được. Ngoài những ý nghĩa nói trên chi tiết chiếc bóng xuất hiện lần thứ nhất còn thể hiện tình cảm ngây thơ hồn nhiên của bé Đản một đứa trẻ luôn tin lời người mẹ của mình.

+ Nỗi oan của Vũ Nương xoay quanh chi tiết cái bóng lần thứ nhất (một tình huống vì chồng nghi oan là thất tiết) cho ta liên tưởng tới nỗi oan của nhân vật chị kính trong vở chèo “Quan Âm Thị Kính”. Họ là những người phụ nữ thật đáng thương, không có cơ hội thanh minh mỗi khi đối mặt với nỗi oan,

Sau khi Vũ Nương tự vẫn Trương Sinh bé Đản sống lặng lẽ, vào một đêm khuya bên ngọn đèn dầu bé Đản trỏ bóng Trương Sinh trên tường và nói “cha Đản lại đến kia kìa” Trương Sinh nhìn theo hướng chỉ của bé Đản và lúc mấy giờ anh anh mới hiểu ra nỗi oan của vợ. Thì ra người cha trước kia thường đến vào ban đêm, luôn kè kè bên cạnh Vũ Nương chính là cái bóng của nàng trên tường cũng giống như người cha trong suy nghĩ của bé Đản bây giờ là cái bóng của Trương Sinh trên tường mà thôi,

**+ Cũng giống như chiếc bóng xuất hiện lần thứ nhất chiếc bóng lần này có ý nghĩa sâu sắc về nội dung và nghệ thuật**

**+ Về nghệ thuật:** Chiếc bóng lần này có ý nghĩa mở nút câu chuyện, nó giúp Trương Sinh hiểu ra nỗi oan của vợ giúp cho sự tức tối, hờn ghen vẫn luôn đọngj lại trong tâm trí, trái tim của anh ta bỗng tan biến. Lúc này anh ta hiểu rất rõ về người cha trước kia của bé Đản “Tại sao chỉ đến vào ban đêm, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng bao giờ bé Đản cả” lúc này anh ta cũng hiểu người vợ xinh đẹp của mình lại hết lời thanh minh trong nước mắt như vậy. Chiếc bóng lần này thực sự đã giải oan cho Vũ Nương và chắc chắn khiến cho linh hồn của Vũ Nương được thanh thản.

**+Về nội dung:** Chi tiết chiếc bóng xuất hiện lần thứ hai giúp người đọc hiểu được tình cảm ngây thơ hồn nhiên của bé Đản, mặt khác chiếc bóng lần này giúp Vũ Nương giải oan nhưng lại giúp người đọc nhận ra một thực tế phũ phàng rằng những người phụ nữ bình dân Việt Nam trong xã hội xưa ra khi mắc oan sẽ khó có cơ hội được giải oan cho mình vì thân phận và tiếng nói của họ đâu có được. Và nếu có cơ hội may mắn được giải oan thì chỉ rơi vào tình cảnh “Cởi được vạ thì má đã xưng”.

**=>Đánh giá:** Có thể khẳng định chi tiết chiếc bóng là một trong những yếu tố nghệ thuật đặc sắc góp phần tạo nên giá trị của tác phẩm. “Chuyện người con gái Nam Xương”. Việc sử dụng chi tiết chiếc bóng vừa thể hiện tài năng, nghệ thuật, vừa thể hiện tấm lòng nhân đạo cao cả của nhà văn Nguyễn Dữ.

**3. Kết bài**

  Có thể thấy “Chuyện người con gái Nam Xương” của Nguyễn Dữ là một tác phẩm xuất sắc. Và chi tiết “cái bóng” là một trong những yếu tố góp phần làm nên điều ấy.Quả đúng là “Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn”. Chi tiết cái bóng đã góp phần thể hiện được tư tưởng của nhà văn Nguyễn Dữ . Một tư tưởng chưa đựng những giá trị hiện thực và nhân đạo sâu sắc.

===========================================================

**ĐỀ 5: CẢM NHẬN VỀ NHÂN VẬT VŨ NƯƠNG QUA ĐOẠN TRUYỆN SAU:**

*“… Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương, tính đã thùy mị nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp. Trong làng có chàng Trương Sinh mến vì dung hạnh, xin với mẹ trăm lạng vàng cưới về. Song Trương có tính đa nghi đối với vợ phòng ngừa quá sức. Nàng cũng giữ gìn khuôn phép, không từng để lúc nào vợ chồng phải đến thất hòa. Cuộc xum vầy chưa được bao lâu thì xảy ra việc triều đình bắt lính đi đánh giặc Chiêm. Trương tuy con nhà hào phú nhưng không có học nên tên phải ghi trong sổ lính đi vào loại đầu. Buổi ra đi mẹ chàng có dặn rằng:*

*Nay con phải tạm ra tong quân, xa lìa dưới gối. Tuy hội công danh từ xưa ít gặp, nhưng trong chỗ binh cách phải biết giữ mình làm trọng, gặp khó khăn nên lui, lường sức mình mà tiến, đừng nên tham miếng mồi thơm để lỡ mắc vào cạm bẫy. Quan cao tước lớn nhường để người ta. Có như thế mẹ ở nhà mới khỏi lo lắng về con được.*

*Chàng quỳ xuống đất vâng lời dạy. Nàng rót chén rượu đầy tiễn chồng mà rằng:*

*- Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thể là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến cho tiện thiếp băn khoăn, mẹ hiền lo lắng. Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trồng liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cảnh không bay bổng.*

*Nàng nói đến đây, mọi người đều ứa hai hàng lệ. Rồi đó, tiệc tiễn vừa tàn, áo chàng đành rứt. Ngước mắt cảnh vật vẫn còn như cũ, mà lòng người đã nhuộm mối tình muôn dặm quan san!”*

*( Trích Chuyện người con gái Nam Xương – SGK Ngữ văn 9 tập 1)*

**1. Mở bài**

Nguyễn Dữ là một trong những cây đại thụ lớn của nền văn học trung đại Việt Nam. Nếu như “Truyện Kiều” của Nguyễn Du là đỉnh cao rực rỡ của thể loại truyện Nôm thì “Chuyện người con gái Nam Xương” của nguyễn Dữ được coi là kiệt tác của thể loại truyện, được đánh giá là “áng thiên cổ tùy bút”. Đến với “ Chuyện người con gái Nam Xương”, người đọc cảm nhận được nhân vật Vũ Nương một người phụ nữ có nhan sắc, đức hạnh, nết na nhưng lại chịu số phận vô cùng bất hạnh, oan nghiệt. Điều đó được thể hiện rõ qua đoạn truyện trên.

**2.Thân bài**

**a. Khái quát:**

**-** Chuyện “ Người con gái Nam Xương” là một trong 20 truyện trích trong “ Truyền kì mạn lục” áng văn được người đời đánh giá là áng “ Thiên cổ tùy bút” - cây bút kì diệu truyền tới ngàn đời. Truyện được viết từ chuyện cổ tích “ Vợ chàng Trương” nhưng với ngòi bút tài năng của mình Nguyễn Dữ đã sáng tạo nên “ Chuyện người con gái Nam Xương” rất riêng giàu giá trị và ý nghĩa. Qua câu chuyện về cuộc đời và cái chết thương tâm của Vũ Nương, tác phẩm đã làm nổi bật vẻ đẹp và số phận đau thương của người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**- Vị trí đoạn trích:** Đoạn trích trên thuộc phần đầu của tác phẩm. Đoạn trích đã khái quát những phẩm chất tốt đẹp của Vũ Nương và tái hiện cảnh Vũ Nương tiễn chồng đi lính, qua đoạn trích đã thể hiện rõ những nét phẩm chất tốt đẹp của Vũ Nương một người phụ nữ thương yêu chồng con sâu sắc.

**b. Cảm nhận về nhân vật Vũ Nương qua đoạn trích**

**\* Vũ Nương là người phụ nữ xinh đẹp, nết na, đức hạnh, khéo léo, tế nhị, biết nhún nhường.**

Điều đó được thể hiện trong lời giới thiệu của tác giả và trong chính cuộc sống của nàng với Trương Sinh. Mở đầu tác phẩm Nguyễn Dữ giới thiệu: “ Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương, tính tình đã thùy mị nết na lại thêm tư dung tốt đẹp”. Như vậy chỉ với một câu giới thiệu ngắn gọn Nguyễn Dữ đã khái quát một cách khái quát và đầy đủ và trọn vẹn về vẻ đẹp âm hồn Vũ Nương ở nàng hội tụ đầy đủ cả: công – dung - ngôn - hạnh.

Và cũng bởi vì mến vì dung hạnh của nàng nên Trương Sinh đã xin mẹ trăm lạng vàng về cưới. Chi tiết này càng tô đậm cho vẻ đẹp của VN. Nhưng điều đó có nghĩa là ở ngay phần đầu của tác phẩm Nguyễn Dữ đã xây dựng giữa hai nhân vật này là một sự cách bức. Nếu như Vũ Nương xinh đẹp, nết na đức hạnh thì Trương Sinh lại có tính đa nghi. Trương Sinh lại có cái quyền của người đàn ông trong xã hội phong kiến nam quyền, có quyền của nhà giàu đã phải bỏ trăm lạng vàng để cưới vợ. Với sự cách bức lớn như thế thì hẳn là cuộc sống của Vũ Nương sẽ gặp nhiều khó khăn. Hơn thế nữa Trương Sinh với vợ lại luôn phòng ngừa quá sức nhưng “ Vũ Nương luôn giữ gìn khuôn phép không để vợ chồng xảy ra thất hòa”. Nếu không phải là người phụ nữ tế nhị khéo léo thì hẳn nàng sẽ không giữ được hòa khí trong gia đình như vậy.

**\* Không chỉ là người phu nữ xinh đẹp nết na, đức hạnh, Vũ Nương còn là một người vợ yêu chồng, một người mẹ yêu con và luôn khao khát hạnh phúc gia đình.**

Vẻ đẹp ấy của nàng được tác giả làm nổi bật khi Trương Sinh ra trận. Trương sinh và nàng cưới nhau chưa được bao lâu thì Trương Sinh phải ra trận, vì Trương Sinh con nhà hào phú nhưng ít học nên phải ghi tên dầu đi lính. Lúc tiễn chồng ra trận Vũ Nương rót chén rượu đầy mà rằng: “ Chàng đi chuyến này …. Cánh hồng bay bổng”

=> Rõ ràng là trong lời nói của Vũ Nương ta nhân ra tình cảm tha thiết mà nàng dành cho chồng. Nàng chỉ mong chồng trở về bình yên chứ ko cần công danh hienr hách. Nàng lo cho nỗi vất vả của chồng nơi chiến trận và dự cảm được nỗi cô đơn trong những ngày thiếu vắng chồng. Nàng khong một lời than vãn về những vất vả mà mình phải gánh vác. Những lời nói của Vũ Nương cảm động đến mức khiến cho những người xung quanh ai lấy đều ứa hai hàng lệ và có lẽ người đọc không khỏi động lòng.

Rồi Trương Sinh đi ra trân, Vũ Nương ở nhà nhớ chồng da diết: “ Ngày qua tháng lại….ngăn được”. Bằng một vài hình ảnh ước lệ tượng trưng Nguyễn Dữ đã diễn tả nỗi nhớ triền miên, dai dẳng, ngày qua ngày, tháng qua tháng của Vũ Nương với người chồng nơi chiến trận của nàng. Nàng vừa thương chồng, vừa nhớ chồng, vừa thương xót cho chính mình đêm ngày phải đối mặt với nỗi cô đơn vò võ. Tâm trạng nhớ thương, đau buồn ấy, cũng là tâm trạng chung của những người chinh phu trong xã hội loan lạc xưa.

*“ Nhớ chàng đằng đẵng đường lên bằng trời*

*Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu*

*Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong”*

( *Chinh phụ ngâm khúc)*

Thể hiện tâm trạng ấy Nguyễn Dữ càng cảm thông cho nỗi đau khổ của Vũ Nương, vừa ca ngợi tấm lòng thủy chung, thương nhớ chờ đợi chồng của nàng.

*\* Liên hệ chị Dậu của Ngô Tất Tố:* Tấm lòng, tình yêu thương chồng của Vũ Nương khiến ta nhớ đến chị Dậu trong tiểu thuyết “ Tắt đèn” của nhà văn Ngô Tất Tố. Dù chỉ là một người phụ nữ nông dân thấp cổ, bé họng nhưng chị đã liều mạng để bảo vệ chồng. Có thể nói rằng tấm lòng thủy chung son sắt, tình yêu thương dành cho chồng con chính là nét chung đẹp đẽ trong tâm hồn người phụ nữ Việt Nam. Vẻ đẹp ấy thật đáng trân trọng.

**c. Đánh giá**: Truyện thành công bởi nghê thuật xây dựng nhân vật, dụng ý xây dựng nghệ thuật của nhà văn. Như vậy bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, đoạn trích giúp ta cảm nhận được những nét đẹp trong tâm hồn Vũ Nương. Nàng hiện lên không chỉ là một người phụ nữ xinh đẹp, nết na, đức hạnh, khéo léo, tế nhị, biết nhún nhường, mà còn là một người vợ thủy chung hết mức. Xây dựng nhân vật này, Nguyễn Dữ muốn gửi vào đó lời ngợi ca, trân trọng đối với những người phụ nữ trong xã hội xưa. Và phải thực sự là một người luôn trân trọng và cảm thông với cuôc đời của họ, Nguyễn Dữ mới có thể viết một tác phẩm hay độc đáo đến như vậy.

**3. Kết bài**

Đã gần 5 thập kỉ trôi qua nhưng đến nay “ Chuyện người con gái Nam Xương” vẫn còn nguyên giá trị. Tác phẩm đã khắc họa thành công nhân vật Vũ Nương một người phụ nữ đẹp người, đẹp nết, đức hạnh, vẹn toàn nhưng lại có số phận bất hạnh. Vũ Nương tiêu biểu cho số phận người phụ nữ bất hạnh trong xã hội phong kiến. Với những giá trị về nội dung và nghệ thuật truyện ngắn “ Chuyện người con gái Nam Xương” sẽ mãi còn neo đậu trong trái tim bạn đọc nhiều thế hệ.

=============================================================

**ĐỀ 6: CẢM NHẬN VỀ NHÂN VẬT VŨ NƯƠNG QUA ĐOẠN TRÍCH SAU :**

*“... Chàng quỳ xuống đất vâng lời dạy. Nàng rót chén rượu đầy tiễn chồng mà rằng:*

*- Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thể là đủ rồi. Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến cho tiện thiếp băn khoăn, mẹ hiền lo lắng. Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trồng liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cảnh không bay bổng.*

*Nàng nói đến đây, mọi người đều tựa hai hàng lệ. Rồi đó, tiệc tiễn vừa tàn, áo chàng đành rứt. Ngước mắt cảnh vật vẫn còn như cũ, mà lòng người đã nhuộm mối tình muôn dặm quan san!*

*Bấy giờ, nàng đương có mang, sau khi xa chồng vừa đẩy tuần thì sinh ra một đứa con trai, đặt tên là Đản. Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi, thì nỗi buồn góc bể chân trời không thể nào ngăn được, Bà mẹ cũng vì nhớ con mà dân sinh ổm. Nàng hết sức thuốc thang lễ bái thần phật và lấy lời ngọt ngào khôn khéo khuyên lơn, Song bệnh tình mỗi ngày một trầm trọng, bà biết không sống được, bèn trối lại với nàng rằng:*

*- Ngắn dài có số, tươi héo bởi trời. (...) Sau này, trời xét lòng lành, ban cho phúc đức, giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ con, cũng như con đã chăng pha lệ.*

*Bà cụ nói xong thì mất, Nàng hết lời thương xót, phàm việc và cay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình."*

(*Chuyện người con gái Nam Xương* - Nguyễn Dữ, SGK Ngữ văn 9. Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam - 2017)

**I. Mở bài**

Viết về đề tài người phụ nữ Việt Nam trong văn học Trung đại không thể không kể đến Nguyễn Dữ. Ông nổi tiếng học rộng, tài cao nhưng chỉ làm quan một năm rồi lui về ở ẩn. Tác phẩm nổi tiếng nhất của ông là “*Chuyện người con gái Nam Xương”.* Đây là truyện thứ 16 trong tổng số 20 truyện của “*Truyền kì Mạn Lục”.* Truyện đã khắc hoạ thành công nhân vật Vũ Nương – một người phụ nữ đẹp người đẹp nết nhưng lại gặp nhiều đau khổ, bất hạnh. Đoạn truyện trên kể về việc dặn dò của Vũ Nương với chồng trước khi chồng đi lính và sự chăm sóc tận tình của Vũ Nương với mẹ chồng khi chồng vắng nhà.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung:**

- Chuyện người con gái Nam Xương có nguồn gốc từ truyện cổ tích *“Vợ chàng Trương”*. Toàn bộ câu chuyện xoay quanh cuộc đời và số phận bi thảm của người con gái xinh đẹp “*thùy mị, nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp*” tên là Vũ Thị Thiết quê ở Nam Xương. Vẻ đẹp của nàng xứng đáng có được hạnh phúc viên mãn. Rồi Trương Sinh, một người con nhà hào phú trong làng, vì mến “*dung hạnh*” mà “ *xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới về làm vợ”.*

**- Vị trí đoạn trích:** Đoạn trích trên thuộc phần đầu của tác phẩm. Đoạn trích đã khái quát những phẩm chất tốt đẹp của Vũ Nương và tái hiện cảnh Vũ Nương tiễn chồng đi lính, qua đoạn trích đã thể hiện rõ những nét phẩm chất tốt đẹp của Vũ Nương một người phụ nữ thương yêu chồng con sâu sắc, đảm đang tháo vát, một người con dâu hiếu thảo.

**2. Cảm nhận về Vũ Nương**

**a. Trước hết Vũ Nương là một người vợ yêu chồng, thủy chung son sắt**

- Nguyễn Dữ đã dành những lời lẽ đẹp đẽ ca ngợi phẩm chất tốt đẹp và tấm lòng trung trinh của Vũ Nương.

- **Trước hết, ở nhân vật Vũ Nương ta nhận thấy, nàng là một người vợ hết mực thương chồng, sống trọn đạo vợ chồng.**Lúc còn ở bên nhau, nàng toan lo mọi bề, tất cả đều chu toàn, cặn kẽ. Biết chồng có tính đa nghi, với vợ phòng ngừa quá mức nên Vũ Nương hết mực giữ gìn khuôn phép. Vì thế cuộc sống vợ chồng chưa từng xảy ra bất hòa. Và rồi chiến tranh phong kiến diễn ra chia cắt tình cảm gia đình, vì tuy con nhà hào phú nhưng ít học nên tên phải ghi trong sổ lính vào loại đi đầu.

- Buổi tiễn chồng ra trận, nàng rót chén rượu đầy, nói lời ngọt ngào nồng đượm tình yêu thủy chung “*Chàng đi chuyến này, thiếp chẳng dám mong đeo được ấn phong hầu, mặc áo gấm trở về quê cũ, chỉ xin ngày về mang theo được hai chữ bình yên, thể là đủ rồi.”* Qua câu nói trên ta thấy mong ước lớn lao nhất của nàng là cuộc sống gia đình yên ấm, mong chồng được bình yên trở về. Nàng tiếp lời “*Chỉ e việc quân khó liệu, thế giặc khôn lường. Giặc cuồng còn lẩn lút, quân triều còn gian lao, rồi thế chẻ tre chưa có, mà mùa dưa chín quá kì, khiến cho tiện thiếp băn khoăn, mẹ hiền lo lắng”.*

*-* Lời nói ấy, ta cảm nhận được nỗi xót thương, cảm thông cho những vất vả, hiểm nguy mà chồng sẽ phải chịu đựng nơi chiến trường. Bên cạnh đó nàng càng bày tỏ nỗi khắc khoải nhớ mong da diết của mình trong những ngày chồng đi xa“*Nhìn trăng soi thành cũ, lại sửa soạn áo rét, gửi người ải xa, trồng liễu rủ bãi hoang, lại thổn thức tâm tình, thương người đất thú! Dù có thư tín nghìn hàng, cũng sợ không có cảnh không bay bổng”.* ". Những câu văn biền ngẫu sóng đôi, cân xứng nhịp nhàng như nhịp đập thổn thức của trái tim người vợ trẻ, lời tiễn biệt ân tình thể hiện tình yêu thương chồng và niềm khát khao một mái ấm hạnh phúc.

- Xa chồng, Vũ Nương không lúc nào không nghĩ đến, không nhớ thương: *"Ngày qua tháng lại, thoắt đã nửa năm, mỗi khi thấy bướm lượn đầy vườn, mây che kín núi thì nỗi buồn nơi góc bể chân trời không thể nào ngăn được".* Tác giả đã dùng những hình ảnh ước lệ, mượn cảnh vật thiên nhiên để diễn tả sự trôi chảy của thời gian. Thời gian trôi qua, không gian cảnh vật thay đổi, mùa xuân tươi vui đi qua, mùa đông ảm đạm lại đến còn lòng người thì dằng dặc một nỗi nhớ mong.

- Chi tiết nàng chỉ bóng mình trên tường và nói với con rằng "*cha Đản lại đến"* không chỉ muốn con ghi nhớ bóng hình người cha trong trái tim non nớt của nó, mà còn thể hiện tình cảm của nàng trước sau như một, gắn bó như hình với bóng. Nói với con như vậy để làm vơi đi nỗi nhớ thương chồng. Tâm trạng đó của Vũ Nương cũng là tâm trạng chung của những người vợ có chồng đi lính trong thời loạn lạc:

*"Nhớ chàng đằng đẵng đường lên bằng trời*

*Trời thăm thẳm xa vời khôn thấu*

*Nỗi nhớ chàng đau đáu nào xong"*

( Trích "*Chinh phụ ngâm"* - Đoàn Thị Điểm)

**b.Nàng là người mẹ yêu thuong con**

*\* Chuyển ý:*Không chỉ là một người vợ thủy chung **Vũ Nương còn là một người mẹ** rất mực tâm lí, yêu thương con cái***.* Sau khi chồng đi lính, nàng một mình sinh con và đặt tên là Đản, một mình nuôi dạy con,** vừa đóng vai trò là một người mẹ, lại vừa đóng vai trò là một người cha . Ngày qua ngày sợ con buồn khi thiếu vắng cha, nàng đã chỉ bóng mình trên vách để nói với con đó là cha Đản. Nào ai ngờ đó lại là khởi nguồn bi kịch cho nàng về sau.

**c. Vũ Nương còn là người con dâu hiếu thảo**

*\* Chuyển ý:*Không chỉ là một người vợ thủy chung, một người mẹ yêu thương con sâu sắc mà Vũ Nương còn là người con dâu hiếu thảo.

- Khi chồng đi lính, nàng vẫn còn trẻ nhưng đã phải gánh vác mọi việc trong gia đình chồng. Trong xã hội phong kiến, mối quan hệ mẹ chồng - nàng dâu rất khó dung hoà thường chỉ mang tính chất ràng buộc của lễ giáo phong kiến vậy mà Vũ Nương vẫn rất yêu quý, chăm sóc mẹ chồng như đối với cha mẹ đẻ của mình. Khi mẹ chồng ốm, nàng "*hết sức thuốc thang và lễ bái thần phật, lấy lời ngọt ngào, khôn khéo, khuyên lơn*".

- Những lời nói dịu dàng, những cử chỉ ân cần của nàng thật đáng trân trọng. Đặc biệt lời trăn trối của bà mẹ chồng trước khi mất đã khẳng định lòng hiếu thảo, tình cảm chân thành của Vũ Nương : *"Ngắn dài có số, tươi héo bởi trời. Mẹ không phải không muốn đợi chồng con về, mà không gắng ăn miếng cơm miếng cháo đặng cùng vui sum họp. Song lòng tham vô cùng mà vận trời khó tránh. Nước hết chuông rền, số cùng khí kiệt . Một tấm thân tàn, nguy trong sớm tối, việc sống chết không khỏi phiền đến con. Chồng con nơi xa xôi chưa biết sống chết thế nào, không thể về đền ơn được. Sau này, trời xét lòng lành, ban cho phúc đức, giống dòng tươi tốt, con cháu đông đàn, xanh kia quyết chẳng phụ con cũng như con đã chẳng phụ mẹ"* . Đây quả là sự ghi nhận, đánh giá rất cao công lao của Vũ Nương đối với gia đình chồng.

- Nhà văn Nguyễn Dữ rất già dặn khi ông để cho bà mẹ chồng nhận xét về nàng dâu chứ không phải là ai khác. Đặt trong xã hội lúc bấy giờ thì đây là lời đánh giá thật xác đáng và khách quan khiến ta cảm nhận được nét đẹp trong phẩm chất của Vũ Nương. Rồi đến khi mẹ chồng mất, “*nàng hết lời thương xót, phàm việc ma chay tế lễ, lo liệu như đối với cha mẹ đẻ của mình”*. Nàng làm những việc đó không chỉ vì bổn phận và trách nhiệm của người con dâu mà còn xuất phát từ lòng yêu thương, sự hiếu thảo mà nàng đã dành cho mẹ chồng. Rõ ràng Vũ Nương là một người phụ nữ đảm đang, tháo vát. Trong cả ba tư cách: người vợ, người con, người mẹ, tư cách nào cũng nêu cao được đức hạnh của nàng: chung thủy, yêu thương chồng tha thiết, rất mực yêu thương con, hiếu thảo với mẹ chồng. Nàng là mẫu người phụ nữ lí tưởng trong xã hội phong kiến xưa, nàng xứng đáng được hưởng hạnh phúc và được mọi người trân trọng.

- Tuy nhiên, số phận của nàng Vũ Nương lại đi đến hạnh phúc cuối cùng mà phải tự vẫn ở bến Hoàng Giang. Người đọc càng cảm thấy đau xót hơn khi người phụ nữ đức hạnh, trinh bạch gìn lòng như nàng cuối cùng lại không được hưởng hạnh phúc như người mẹ đã nói. Tóm lại, đoạn trích đã thể hiện được tấm lòng thơm thảo, thủy chung của Vũ Nương đối với chồng, với mẹ chồng và với gia đình.

**3. Đánh giá**

Bằng ngòi bút sắc sảo, chỉ một đoạn truyện ngắn, Nguyễn Dữ đã làm nổi bật lên phẩm chất tốt đẹp của Vũ Nương – người phụ nữ tiêu biểu trong xã hội xưa. Với những lời đối thoại, những chi tiết, hình ảnh và ngôn ngữ trong đoạn truyện đã làm cho đoạn truyện thêm hấp dẫn và thuyết phục người đọc.

**III. Kết bài**

Với việc tạo dựng tình huống để thử thách nhân vật, khắc họa nhân vật qua ngoại hình, hành động, đối thoại kết hợp với nhiểu điển tích, ngôn từ cổ kính, giàu giá trị biểu đạt…, đoạn trích đã sáng lên vẻ đẹp phẩm chất của Vũ Nương: yêu thương chồng, con và là người con dâu hiếu thảo, đảm đang. Những phẩm chất tốt đẹp của Vũ Nương trong đoạn truyện là những phẩm chất của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Họ xứng đáng để chúng ta ca ngợi, yêu thương. Từ phẩm chất của Vũ Nương chúng ta học tập được những đức tính cao đẹp, từ đó tạo nên một xã hội văn minh và đầy nhân văn.

**=======================================================**

**HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ**

*( Ngô Gia Văn Phái)*

**ĐỀ 7: PHÂN TÍCH HÌNH TƯỢNG VUA QUANG TRUNG QUA - NGUYỄN HUỆ ĐOẠN TRÍCH HỒI THỨ 14 CỦA “HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ”**

**1.Mởbài:** Văn học trung đại Việt Nam khi nhắc đến thể chí không thể không nhắc đến tác phẩm *« Hoàng Lê nhất thống chí »* của Ngô gia văn phái. Tác phẩm không chỉ là một mẫu mực của thể loại, mà cùng với ngòi bút chân thực sắc sảo đã cho hậu thế thấy được bản lĩnh của người anh hùng áo vải Nguyễn Huệ, cùng sự thất bại thảm hại của vua tôi Lê Chiêu Thống và quân Thanh. Điều này đã được phản ánh rõ nét trong hồi thứ mười bốn của tác phẩm này.

**2. Thân bài:**

**a. Khái quát tác phẩm + hồi thứ 14**

- “Hoàng Lê nhất thống chí” là một cuốn tiểu thuyết lịch sử bằng chữ Hán được viết theo thể chương hồi do nhiều tác giả trong Ngô Gia Văn Phái (Ngô Thì Chí, Ngô Thì Du…) sáng tác. Đây là một bức tranh sâu rộng vừa phản ánh được sự thối nát, suy tàn của triều đình Lê Trịnh, vừa phản ánh được sự phát triển của phong trào Tây Sơn.  
– Trong hồi thứ 14 của tác phẩm, hình tượng người anh hùng Quang Trung hiện lên thật cao đẹp với khí phách hào hùng, trí tuệ sáng suốt và tài thao lược hơn người.

**b. Hình tượng vua Quang Trung***a.Trước tiên, Cần thấy rằng Quang Trung là người có lòng yêu nước nồng nàn, có lòng tự hào dân tộc sâu sắc*, tiếp nối truyền thống của Trưng Nữ Vương, Trần Hưng Đạo, Lê Thái Tổ…  
- Nghe giặc chiếm đóng Thăng Long định thân chinh cầm quân đi ngay.  
- Tinh thần dân tộc của Quang Trung thể hiện rất rõ qua lời phủ dụ các tướng sĩ trước khi lên đường ra Bắc “Trong khoảng vũ trụ, đất nào sao ấy, đều đã phân biệt rõ ràng, phương Nam, phương Bắc chia nhau mà cai trị. Người phương Bắc không phải nòi giống ta, bụng dạ ắt khác”và “Đời Hán có Trưng Nữ Vương, Đời tống có Đinh Tiên Hoàng, Lê đại Hành ….Các ngài không lỡ ngồi nhìn chúng làm điều tàn bạo nên đã thuận lòng người, dấy nghĩa quân, đều chỉ đánh một trận là thắng và đuổi được chúng về phương Bắc”

=> Lời phủ dụ mang âm hưởng của Nam quốc sơ hà, Hịch tướng sĩ, Bình ngô địa cáo,  
Nó mang tâm hồn dân tộc và khí phách anh hùng của các bậc tiền bối vằng lại.

*b.Quang Trung là vị vua có trí tuệ sáng suốt, có tầm nhìn xa trông rộng:*- Có quan hệ gần gũi, chan hoà và biết lắng nghe ý kiến của tướng sĩ:

+ Định thân chinh cầm quân đi ngay nhưng nghe lời can ngăn, ông đã lên ngôi để “chính vị hiệu” rồi mới hạ lệnh xuất quân.

+ Tới Nghệ An, QT cho vời người cống sĩ ở huyện La sơn để hỏi ý kiến “Kế nên đánh hay giữ ra sao”.

+ Ra quân lệnh rất nghiêm “Chớ nên ăn ở hai lòng, nếu như việc phát giác ra sẽ bị ta giết chết ngay tức khắc, chớ bảo là ta không nói trước!” nhưng kế đó ông “Ra doanh yên ủi quân lính” rồi tha cho hai tướng Sở và Lân để họ lấy công chuộc tội.  
- Sáng suốt trong việc nhận định thời cuộc: Mới khởi binh đánh giặc đã tính toán chu đáo đầy đủ “ Lần này ta ra, thân hành cầm quân, phương lược tiến đánh đã có tính sẵn”. Tính cả kế hoạch ngoại giao sau khi thắng với chủ trương “Dẹp việc binh đao để phúc cho dân”  
- Sáng suốt, nhạy bén trong việc dùng binh: Chỉ huy quân lính hành quân thần tốc : Vừa hành quân, vừa tuyển quân, duyệt binh, tiến đánh chỉ trong vòng 5 ngày đã giành thắng lợi

- Mới khởi binh đã hẹn ngày chiến thắng “Hẹn ngày mồng 7 năm mới thì vào Thăng Long mở tiệc ăn mừng, các ngươi nhớ lấy, đừng cho là ta nói khoác”.

=> Như vậy Quang Trung là người có trí tuệ phi thường.

*c.Quang Trung là người có ý chí, hành động mạnh mẽ, quyết đoán:*

- Nghe tin giặc tới Thăng Long không hề nao núng định thân chinh cầm quân đi ngay.

- Từ khi gặc đến làm được biết bao việc có ích, nhanh chóng: Tế cáo trời đất, lên ngôi, phủ dụ quân lính, hoạch định phương lược tiến đánh, tuyển mộ quân lính, duyệt binh, tiến đánh, đánh trận nào thắng trận ấy.

- Mạnh mẽ trong điều binh khiển tướng, trực tiếp chỉ huy các trận đánh, tự tin trong các trận đánh, sự tự tin dựa trên những cơ sở đã được phân tích và chuẩn bị kĩ lưỡng.

*d. Quang trung là vị vua lẫm liệt trong chiến trận:*

- Tự thân chỉ huy một đạo quân, cưỡi voi xông pha giữa trận mạc, vừa chỉ huy, vừa tham gia chiến đâú trong mọi trận đánh, đối lập hoàn toàn với Lê Chiêu Thống- Một ông vua đớn hèn

- Linh hoạt trong kế sách đánh giặc, ở mỗi trânh đánh chọn phương lược tiến đánh khác nhau nhưng rất phù hợp và hiệu quả: Trận phú xuyên đánh bí mật, trận Hà Hồi đùng cách đánh mưu lược, táo bạo chắc thắng, trận Ngọc Hồi dùng cách đánh áp lá cà nhưng mưu trí mạnh mẽ…  
- Hình ảnh Quang Trung “áo bào đen sạm khói súng” mãi là hình ảnh lẫm liệt của vị anh hùng dân tộc trong tâm trí người đọc.

**c. Đánh giá**

Như vậy, bằng những lời văn chân thực, hồi thứ 14 của Hoàng lê nhất thống chí đã khắc họa thành công hình tượng vua Quang Trung - một vị vua yêu nước, sáng suốt nhạy bén và có tầm nhìn xa trông rộng. Xây dựng hình tượng này, các tác giả đã gửi gắm vào đó sự cảm phục trước tài năng, đức độ của vua Quang Trung và niềm tự hào sâu sắc về lịch sử của nước nhà. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng biết bao.

**3. Kết bài:**

Quang Trung là hình ảnh sáng ngời, biểu tượng cho tinh thần và sức mạnh quật cường, cho ý chí độc lập tự chủ của dân tộc Việt Nam. Hình ảnh ấy mãI khắc ghi trong chúng ta niềm tự hào về truyền thống đấu tranh bất khuất của dân tộc ta và lòng biết ơn sâu sắc về người con ưu tú của cả dân tộc.

**================================================**

**TRUYỆN LỤC VÂN TIÊN**

*( Nguyễn Đình Chiểu)*

**ĐỀ 8: PHÂN TÍCH ĐOẠN TRÍCH “LỤC VÂN TIÊN CỨU KIỀU NGUYỆT NGA” CỦA NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU**

**A. Mở bài**

Nguyễn Đình Chiểu - một nhà thơ lớn của dân tộc ta mà cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã từng gọi ông là “Ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc”. Một trong những tác phẩm xuất sắc gắn với tên tuổi của Nguyễn Đình Chiểu là “Truyện Lục Vân Tiên”, trong đó bài thơ “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” là trích đoạn để lại nhiều ấn tượng với người đọc đặc biệt là nhân vật Lục Vân Tiên - một hình tượng trang nam tử hành hiệp trượng nghĩa cứu người hoạn nạn, đại diện cho người anh hùng lý tưởng của nhân dân.

**B.Thân bài**

**1. Khái quát** :

“Truyện Lục Vân Tiên” là một tác phẩm truyện thơ nôm, gồm 2082 câu thơ lục bát xoay quanh cuộc đời nhân vật Lục Vân Tiên. Lục Vân Tiên là nhân vật trung tâm của tác phẩm đồng thời cũng là nhân vật mà nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu xây dựng để kí thác những tư tưởng, quan điểm cũng như thể hiện một ước mơ về thế giới công bằng, con người sống với nhau bằng tình nghĩa chứ không phải bằng những thứ vật chất thông thường. Có thể nói trích đoạn “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga” là trích đoạn thể hiện được rõ nét và sâu sắc nhất được những phẩm chất đáng quý ở Lục Vân Tiên.

**2. Nhân vật Lục Vân Tiên**

**a. Vân Tiên mang dáng dấp của một người anh hùng hiệp nghĩa**

- Nói về nhân vật LVT trong đoạn trích “LVTCKNN” trước hết ta nhận thất ở nhân vật này là **bóng dáng của một người anh hung hiệp nghĩa, một chàng trai dũng cảm.** Điều đó được thể hiện ngay từ những câu thơ mở đầu của đoạn trích.

*“Vân Tiên ghé lại bên đàng  
Bẻ cây làm gậy nhằm làng xông vô”*

+ Đọc những câu thơ đầu tiên này, ta không khỏi ấn tượng với một chàng trai có nghĩa khí và lí tưởng sống cao đẹp. Trên đường đi, Vân Tiên tình cờ gặp bọn cướp Phong Lai đang hoành hành làm hại người dân vô tội. Chứng kiến cảnh đó, LVT không đành lòng khoanh tay đứng nhìn, chàng vội vàng “bẻ cây làm gậy” rồi xông vào đánh cướp. Trong khi lúc này bọn cướp vừa đông lại gươm giáo đầy mình còn chàng thì chỉ có một mình lại không có vũ khí. Rõ ràng là LVT không hề toan tính, không suy nghĩ thiệt hơn, chỉ biết rằng điều cần làm lúc này là đánh tan bọn cướp để cứu dân lành. Không phải là một người anh hùng nghĩa hiệp có tinh thần dũng cảm hẳn là chàng sẽ chẳng thể hành động được như vậy

+ Không chỉ thể hiện trong hành động, sự dũng cảm và tinh thần hiệp nghĩa của LVT còn được thể hiện trong lời nói của chàng:

*“Kêu rằng bớ đảng hung đồ  
Chớ quen làm thói hồ đồ hại dân”*

=> Câu nói của VT đã thể hiện rõ thái độ của chàng. Đó là sự bất bình trước những kẻ ngang nhiên cướp bóc làm hại người dân vô tội. Lời nói ấy chính là lời tuyên chiến giữa chính nghĩa đối với thế lực phi nghĩa bạo tàn. Sau câu nói ấy là hành động Vân Tiên đánh cướp. Nguyễn Đình Chiểu đã miêu tả cụ thể hành động ấy:

*“Vân Tiên tả đột hữu xông*

*Khác nào Triệu Tử phá vòng Đương Dang”*

- Mặc dù kẻ thù lúc này đã “ truyền quân bốn phía” với gươm giáo đầy mình nhưng Vân Tiên không hề sợ hãi. Chàng “tả đột hữu xông”. Thành ngữ “tả đột hữu xông” cùng với phép so sánh đã cho ta nhận ra ở Vân Tiên là bóng dáng của một dũng tướng, một con người có tài thao lược và tinh thần dũng cảm. Tài năng ấy được cổ vũ bởi sức mạnh của chính nghĩa nên cuối cùng bọn cướp Phong Lai đã phải quăng gươm giáo bỏ chạy. Và chính những phẩm chất ấy của Vân Tiên càng làm ta thêm yêu mến và cảm phục .

**b. Vân Tiên là một chàng trai có tấm lòng nhân hậu, biết quan tâm và yêu thương mọi người.**

- Không chỉ là một người hiệp nghĩa, dũng cảm, LVT trong đoạn trích này còn là một chàng trai có tấm lòng nhân hậu, biết yêu thương và quan tâm người khác. Nghe tiếng khóc ở trong xe, Vân Tiên đã đến gần vừa là để hỏi han quan tâm vừa là để thông báo cho người trong xe yên tâm vì giờ lũ cướp đã bị dẹp tan, không còn mối đe dọa nào nữa.Người đọc không khỏi ngạc nhiên bởi một chàng trai trẻ tuổi sao có thể chu đáo ân cần đến như vậy? Thật đáng trân trọng.

**c. Vân Tiên là một chàng trai trọng lễ tiết**

- Khi đọc những câu thơ tiếp theo của đoạn trích, ta lại nhận ra Vân Tiên còn nhiều những phẩm chất đáng quý nữa. Chàng thực sự là một người trọng lễ tiết. Khi biết lũ cướp đã bỏ đi, Kiều Nguyệt Nga muốn ra khỏi xe để tạ lạy tỏ lòng biết ơn Vân Tiên nhưng chàng đã vội ngăn lại bằng lời nói có phần gấp gáp:

*“ Khoan khoan ngồi đó chớ ra  
Nàng là phận gái ta là phận trai”*

- Trong XH phong kiến, nam nữ không được tùy tiện mà gặp mặt bởi quan niệm “nam nữ thụ thụ bất thân” đặc biệt là với con gái. Việc một người con gái giao lưu, gặp gỡ với một người đàn ông không phải chồng mình có thể bị đánh giá không tốt về phẩm giá. Và vì thế mà họ cũng không được coi trọng. Hiểu được điều đó nên LVT đã ngăn cản không cho KNN ra ngoài, chàng không muốn làm ảnh hưởng đến danh dự, phẩm giá của KNN. Những chi tiết như thế chứng tỏ chàng là một người trọng lễ tiết.

**d. Quan điểm về việc nghĩa và người anh hùng**

**-** Tất cả những phẩm chất đó đã khiến cho Vân Tiên trở thành một hình tượng đẹp trong lòng bạn đọc nhưng đẹp hơn cả ***là quan niệm về việc nhân nghĩa*** của chàng ở cuối đoạn trích này:

*“Làm ơn há dễ trông người trả ơn  
Nay đã rõ đặng nguồn cơn  
Nào ai tính thiệt so hơn làm gì  
Nhớ câu kiến nghĩa bất vi  
Làm người thế ấy cũng phi anh hùng”*

- Theo quan điểm của mình, Vân Tiên cho rằng làm ơn vốn xuất phát từ tinh thần chính nghĩa tự nguyện đầy chân thành, mong muốn chỉ là giúp người chứ không phải mong báo đáp, hàm ơn. Và nếu một người gặp việc nghĩa mà không làm thì không phải là người anh hùng đáng trọng. Từ quan niệm của Vân Tiên và cũng là của Nguyễn Đình Chiểu, chúng ta đã có thêm cái nhìn khác về một người anh hùng.

- Người anh hùng đâu chỉ là những người xông pha trận mạc đánh đuổi kẻ thù mà còn là những người dám xả thân vì nghĩa, dám đứng ra bênh vực lẽ phải, bảo vệ dân lành. Đó là người anh hùng của cuộc sống thường nhật.

**3. Đánh giá**:

- Có thể thấy rằng “Truyện Lục Vân Tiên” của Nguyễn Đình Chiểu là một tác phẩm bất hủ của văn học trung đại. Bằng sự kết hợp giữa tự sự và miêu tả, tác phẩm đã xây dựng thành công hình tượng nhân vật Lục Vân Tiên. Chàng là người tiêu biểu cho cái thiện mang vẻ đẹp hào hiệp trong cái xã hội đầy bất công tàn ác. Nhân vật Vân Tiên mãi là hình ảnh đẹp mà Nguyễn Đình Chiểu gửi gắm niềm tin khát vọng về truyền thống đạo đức tốt đẹp của nhân dân ta. Thông qua nhân vật này chúng ta nhận ra ở nhà thơ Nguyễn ĐÌnh Chiểu là sự trân trọng, ngợi ca dành cho những con người dám xả thân vì nghĩa. Ông đã dạy cho chúng ta một bài học về lẽ sống đẹp ở đời.

**C. Kết bài**

“Truyện Lục Vân Tiên” đã khép lại rồi nhưng dường như những điều mà NĐC gửi gắm trong tác phẩm vẫn còn vang vọng mãi. Hơn hai thế kỉ đã trôi qua nhưng hình tượng Lục Vân Tiên vẫn mãi là một hình ảnh đẹp. Đọc tác phẩm này, ta không khỏi cảm phục trước tài năng và đức độ của NĐC, ta lại càng thêm trân trọng những con người sẵn sàng vì nghĩa quên thân như Lục Vân Tiên. Chàng trai trẻ tuổi ấy đã nhắc nhở thế hệ trẻ chúng ta sống phải có trách nhiệm với mọi người, sống đẹp, sống có ích cho xã hội.

**===============================================**

**CHỊ EM THÚY KIỀU**

*( Nguyễn Du)*

**ĐỀ 9: PHÂN TÍCH ĐOẠN TRÍCH “CHỊ EM THÚY KIỀU” CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN DU**

**1. Mở bài**

Nguyễn Du đại thi hào của dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới, tên tuổi của ông gắn liền với kiệt tác “Truyện Kiều”. Xét về nghệ thuật tác phẩm thành công trên mọi phương diện. Từ ngòi bút tả cảnh, đến ngòi bút miêu tả nội tâm nhân vật đều đạt đến độ tinh tế. Trong đó đặc sắc nhất là ngòi bút miêu tả chân dung nhân vật. Đến với đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” tác giả đã khắc họa bức chân dung của Thúy Vân, Thúy Kiều, ta không chỉ thấm thía ngòi bút tả chân dung nhân vật sáng tạo của thi nhân, mà còn cảm nhận vẻ đẹp của một trang tuyệt thế giai nhân.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát**

**- Vị trí đoạn trích:** Đoạn trích "Chị em Thuý Kiều" nằm trong phần: "Gặp gỡ và đính ước", sau phần giới thiệu gia cảnh gia đình Thuý Kiều. Với nhiệt tình trân trọng ngợi ca, Nguyễn Du đã sử dụng bút pháp nghệ thuật ước lệ cổ điển, lấy những hình ảnh thiên nhiên để gợi tả, khắc hoạ vẻ đẹp chị em Thuý Kiều thành những tuyệt sắc giai nhân.

*\* Dẫn dắt:* Trước hết, Nguyễn Du cho ta thấy vẻ đẹp bao quát của hai chị em Thuý Kiều trong bốn câu đầu:

Đầu lòng hai ả tố nga,  
Thuý Kiều là chị, em là Thuý Vân.  
Mai cốt cách, tuyết tinh thần,  
Mỗi người mỗi vẻ mười phân vẹn mười.

- Đoạn thơ đã giới thiệu thân phận của hai chị em là hai cô con gái lớn của gia đình Vương viên ngoại, trong đó Thúy Kiều là chị cả, còn Thúy Vân là con thứ. Nhà thơ dùng từ Hán Việt "tố nga" chỉ những người con gái đẹp tinh tế để gọi chung hai chị em Thuý Vân, Thuý Kiều.Vẻ đẹp chung nhất của hai chị em được Nguyễn Du tóm gọn bằng một câu “Mai cốt cách, tuyết tinh thần”, tiêu biểu cho phong cách ước lệ gợi tả của tác giả. “Cốt cách” tức chỉ phẩm chất, tính cách của hai cô gái.

- Hai chị em được ví von có cốt cách thanh cao như hoa mai, có tâm hồn trong sáng như tuyết trắng. Mỗi người có vẻ đẹp riêng và đều đẹp một cách toàn diện. Từ cái nhìn bao quát ấy, nhà thơ đi miêu tả từng người. Sau khi giới thiệu vẻ đẹp chung về hình thức lẫn tâm hồn của hai chị em bằng bốn câu thơ, để làm nổi bật vẻ đẹp của Thúy Kiều Nguyễn Du đã tinh tế khéo léo miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân trước: ​

Vân xem trang trong khác vời,  
Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang.  
Hoa cười ngóc thốt đoan trang,  
Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da,

- Bằng nghệ thuật ước lệ tượng trưng, liệt kê, nhân hoá, tác giả miêu tả vẻ đẹp của Thuý Vân là vẻ đẹp “trang trọng, khác vời”. Đó là một vẻ đẹp cao sang quí phái của gia đình quyền quý. Chỉ vài nét chấm phá, bức chân dung của Thúy Vân hiện lên thật nghiêm trang, đứng đắn và phúc hậu. Gương mặt của nàng đầy đặn như trăng hôm rằm, gợi ra một vẻ đẹp đoan trang phúc hậu,

- Điểm trên khuôn mặt đó là “nét ngài nở nang” gợi ra vẻ đẹp của đôi lông mày hơi đậm. Không chỉ vậy, tác giả còn khắc họa được giọng nói, nụ cười e thẹn, nhẹ nhàng và mang nét đoan trang: “hoa cười ngọc thốt đoan trang”. Đặc biệt nhất là vẻ đẹp của nàng Thúy Vân phải khiến cho tạo hóa phải nhường nhịn: “Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da”. Việc miêu tả ngoại hình của Thúy Vân như muốn dự báo trước về một cuộc đời yên bình, hạnh phúc của nàng.

- Miêu tả vẻ đẹp của nàng Thúy Vân trước, Nguyễn Du nhằm tạo đòn bẩy để người đọc thấy sự nổi bật của Thúy Kiều. Nếu ở Thúy Vân chỉ dừng lại ở nhan sắc, thì Thúy Kiều hội tụ vẻ đẹp Sắc, tài, tình:

“Kiều càng sắc sảo mặn mà,  
So bề tài sắc lại là phần hơn  
Làn thủy tinh, nét xuân sơn”

- Trong xã hội cũ, người ta luôn quan niệm rằng thiên nhiên là chuẩn mực của cái đẹp, con người thường được so sánh với thiên nhiên, hoặc hiện lên qua các hình ảnh ước lệ tượng trưng. Tác giả có dụng ý miêu tả Thúy Vân trước, khéo léo sử dụng thủ pháp đòn bẩy làm nổi bật vẻ đẹp của Kiều. Nếu Thúy Vân với vẻ đẹp đoan trang, phúc hậu thì Thúy Kiều lại “sắc sảo, mặn mà”, vẹn toàn cả tài lẫn sắc. Vẻ đẹp của Kiều được khắc họa một cách chấm phá chứ không miêu ta toàn diện như Vân, đó là cách tạo điểm nhấn rõ rệt.

- Khi đi miêu tả vẻ đẹp của Thúy Kiều tác giả chú ý miêu tả đôi mắt, vì đôi mắt là cửa sổ tâm hồn. Một đôi mắt như “ làn thu thủy” trong trẻo, dịu dàng như làn nước mùa thu, đôi mày sắc nét tươi mới như nét núi mùa xuân. Đôi mắt ấy còn hé lộ đời sống nội tâm đa sầu, đa cảm. Một hình ảnh ước lệ quen thuộc kết hợp với so sánh ẩn dụ đã khắc họa chân dung Thúy Kiều đẹp hoàn hảo.

- Vẻ đẹp khiến cho “hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh”. “ghen”, “hờn” là các động từ chỉ sự ghen ghét, đố kị, nó mang một sắc thái mạnh biểu thị thái độ ghen tức của thiên nhiên đối với vẻ đẹp của Thúy Kiều, không một khuôn mẫu nào có thể so sánh được với vẻ đẹp của nàng kể cả thiên nhiên, một tiêu chí tối đa để gợi tả vẻ đẹp của tự nhiên, vẻ đẹp làm thành nghiêng nước mất, tiềm tàng tai họa. Và đằng sau sự nổi giận của tạo hóa ấy sẽ là sự trả thù theo quy luật tự nhiên: “trời xanh quen thói, má hồng đánh ghen”.

- Nhưng qua nghệ thuật ước lệ tượng trưng, miêu tả vẻ đẹp lộng lẫy, đài các, kiêu sao, có sức cuốn hút mãnh liệt của Thúy Kiều. Nhất là các từ "ghen", "hờn", Nguyễn Du đã hé mở cho chúng ta thấy những cơn sóng gió bão tố của cuộc đời như chờ trực để vùi dập thân phận của nàng.

*\* Chuyển ý:* Nếu như ở Thúy Vân, Nguyễn Du chỉ miêu tả sắc đẹp thì ở Thúy Kiều, nhà thơ vừa miêu tả nhan sắc, vừa ca ngợi tài năng:​

Sắc đành tài một, tại đành hoạ hai

- Như vậy, về sắc thì đành chỉ có một mình Thúy Kiều về tài thì may ra, họa hoằn lắm mới có người thứ hai. Thứ nhất là trí thông minh sẵn có do tạo hóa ban tặng:

*“Thông minh vốn sẵn tính trời  
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm  
Cung thương lầu bậc ngũ âm,  
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.  
Khúc nhà tay lựa nên chương.”*

- Ở nàng hội tụ đầy đủ các ngón tài: cầm, kì, thi, họa. Trong đó có tài đàn đạt đến độ tinh tế, không ai sánh được. Xét riêng về tài đánh đàn thì Thúy Kiều vượt xa những người khác. Đặt biệt, một bản nhạc nhan đề là "Bạc mệnh" – bản nhạc do nàng sáng tác đã trở thành tuyệt tác. Đã tác động vào cõi sâu thẳm trong tâm hồn của con người, khiến ai thưởng thức cũng phải đau khổ, sầu não đến rơi nước mắt, đến buốt nhói tim. Phải chăng "một thiên bạc mệnh lại càng não nhân" ấy như muốn dự báo những đau khổ, bất hạnh chồng chất trong suốt 15 năm ròng của đời người con gái tài sắc vạn toàn?

- Nhìn chung, Nguyễn Du có dụng ý rất rõ trong việc nhấn mạnh tài sắc của Thúy Kiều, nhà thơ đã cực tả Thúy Vân, tưởng như sắc đẹp của Thúy Vân không ai hơn được nữa, để rồi sau đó, Thúy Kiều xuất hiện thì Thúy Vân trở thành một cái nền làm tôn sắc đẹp của Thúy Kiều là tuyệt đỉnh. Còn tài của nàng cũng là tuyệt đỉnh. (Giáo sư Nguyễn Lộc)

- Có thế nói rằng, lần đầu tiên trong lịch sử văn học nước nhà, hình ảnh người phụ nữ hoàn mĩ về hình thức lẫn tâm hồn được thể hiện dưới ngòi bút của thiên tài Nguyễn Du một cách say sưa, nồng nhiệt, tập trung và trân trọng nhất. Đó là một cái nhìn của con người có tấm lòng nhân đạo mênh mông như ngọn nước triều dâng. Nguyễn Du đã mở đường cho tư tưởng của mình đi trước thời đại. Bởi lẽ, trong xã hội phong kiến đầy rẫy những bất công, ngang trái, hà khắc, phụ nữ luôn bị lép vế, bị ruồng rẫy, chà đạp, xô đẩy đến bức đường cùng.

*\* Chuyển ý:* Một lần nữa ở bốn câu kết thúc của trích đoạn Chị em Thúy Kiều, Nguyễn Du miêu tả cuộc sống phong lưu, êm đềm, khuôn phép, mẫu mực và ngợi ca đức hạnh của cả hai chị em:​

Phong lưu rất mực hồng quần,  
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cặp kê,  
Em đềm trướng rủ màn che.  
Tường đông ong bướm đi về mặc ai

- Mặc dù đã đến tuổi búi tóc cài trâm “Cập kê”, lại có nhiều người muốn hẹn ước tán tỉnh, nhưng Thúy Vân và Thúy Kiều vẫn sống hòa thuận, vui vẻ trong cảnh “trướng rủ màn che”, của những cô gái con nhà gia giáo. Chính những nét hồn nhiên, trong sáng, thơ ngây đã nuôi dưỡng, bồi đắp cho sự hình thành - phát triển nhân cách và ý thức làm người cao cả của hai chị em sau này, đặc biệt là Thúy Kiều.

**c. Đánh giá:** Qua đoạn trích giúp ta nhận ra tư tưởng và tình cảm mà tác giả gửi gắm ngợi ca, trân trọng, vẻ đẹp của con người đặc biệt là người phụ nữ trong xã hội phong kiến với vẻ đẹp về nhan sắc tài năng, phẩm hạnh. Qua đoạn trích Nguyễn Du cũng dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh biểu hiện của giá trị nhân đạo.

**3. Kết bài**

Mặc dù đã ra đời cách đây hơn hai trăm năm nhưng Truyện Kiều của Nguyễn Du luôn để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng độc giả nhiều thế hệ và đoạn thơ gợi tả về Thúy Kiều, Trong đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” đã góp phần làm nên thành công đó, trong số các tác phẩm viết về vẻ đẹp của người phụ nữ hoặc ngợi ca vẻ đẹp người phụ nữ trong xã hội xưa thì bức chân dung của Thúy Kiều trong đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” được đánh giá là xuất sắc nhất.

**=====================================================**

**ĐỀ 10: VẺ ĐẸP CỦA THÚY VÂN, THÚY KIỀU QUA ĐOẠN TRÍCH «CHỊ EM THÚY KIỀU » TRÍCH TRUYỆN KIỀU CỦA NGUYỄN DU.**

**I. Mở bài**

**Cách 1.**

Kiệt tác “Truyện Kiều” của đại thi hào Nguyễn Du hơn 200 năm nay làm say đắm lòng người không chỉ bởi giá trị xã hội sâu sắc, tư tưởng, quan niệm tiến bộ mà còn làm say đắm lòng người bởi những đoạn thơ miêu tả chân dung đạt đến độ uyên bác. Một trong số đó là đoạn trích *“Chị em Thúy Kiều”* với bức chân dung tuyệt đẹp của chị em Thúy Kiều mà đặc biệt là sắc đẹp và tài năng của Thúy Kiều.

**Cách 2.**

Nguyễn Du cả đời cầm bút luôn dụng tâm hướng cảm xúc của mình đến với vẻ đẹp cũng như số phận của người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Dưới ngòi bút của ông, chân dung những người phụ nữ luôn được ca ngợi và cực tả đến tuyệt mĩ. Điều này ta có thể thấy rõ qua bức chân dung chị em Thúy Kiều trong đoạn trích cùng tên. Bằng nét bút tài hoa, ông đã dựng nên bức tranh về hai tố nữ với những nét đẹp không hề lặp lại. Vẻ đẹp ấy đã làm cho trái tim bao thế hệ bạn đọc không khỏi trầm trồ, ngưỡng mộ. Đồng thời qua đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” mỗi chúng ta có cơ hội được diện kiến ngòi bút kì tài của Nguyễn Du trong nghệ thuật khắc họa chân dung nhân vật.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát đoạn trích:**

- Mở đầu đoạn trích giới thiệu gia cảnh gia đình Thuý Kiều. Với nhiệt tình trân trọng ngợi ca, Nguyễn Du đã khắc hoạ vẻ đẹp chị em Thuý Kiều thành những tuyệt sắc giai nhân đồng thời qua đó bộc lộ cảm hứng nhân văn sâu sắc của mình.

**2. Phân tích Vẻ đẹp của Chị em Thúy Kiều**

**a. Vẻ đẹp chung**

- Trước hết, Nguyễn Du cho ta thấy **vẻ đẹp bao quát của hai chị em Thuý Kiều** trong bốn câu đầu:

Đầu lòng hai ả tố nga,

Thuý Kiều là chị, em là Thuý Vân.

Mai cốt cách, tuyết tinh thần,

Mỗi người mỗi vẻ mười phân vẹn mười.

- Hai câu thơ đầu xác định lứa tuổi và vị trí hai chị em. “Tố nga” có nghĩa là cô gái đẹp. Đó không những là cái đẹp của lứa tuổi mà còn là cái đẹp của nhan sắc yêu kiều. Tiếp đến, bằng bút pháp ước lệ, tác giả gợi tả vẻ đẹp duyên dáng, thanh cao, trong trắng của hai người thiếu nữ:

*“Mai cốt cách, tuyết tinh thần*  
*Mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười”.*

- Thúy Kiều và Thúy Vân được miêu tả là người có cốt cách thanh cao, đẹp đẽ như dáng mai. Không những thế, tâm hồn hai nàng trong sạch và tinh khôi như tuyết trắng. Thủ pháp ước lệ gợi cho người đọc hai hình dung tuyệt đẹp cả về hình dáng lẫn tâm hồn. Vẻ đẹp ấy đạt đến chuẩn mực mà xã hội phong kiến xưa cần có. Một vẻ đẹp hài hòa và toàn vẹn “*mười phân vẹn mười”.* Dù là xinh đẹp hay kiều diễm đến mức nào thì cũng phải có giới hạn bởi dù sao Thúy Kiều Và Thúy Vân là con người chứ không phải là tiên nữ giáng trần. Thế nhưng, ở đây, Nguyễn Du muốn phá vỡ giới hạn đó. Ông muốn tạo ra một ngoại lệ, đưa vẻ đẹp của hai nàng đến độ hoàn hảo, hiếm có. Và hai vẻ đẹp ấy dần dần hiện ra trước mắt người đọc như ánh sáng lúc bình minh ló rạng, khiến cho người đọc không khỏi ngỡ ngàng.

**b. Vẻ đẹp của Thúy Vân:**

- Đầu tiên là vẻ đẹp của Thúy Vân. Nàng có một vẻ đẹp khác vời, làm ta cảm thấy gần gũi và ấm áp vô cùng:

*“Vân xem trang trọng khác vời*  
*Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang*  
*Hoa cười ngọc thốt đoan trang*  
 *Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da”.*

- Qua bốn câu thơ, Thúy Vân hiện lên với vẻ đẹp đằm thắm lạ thường. Nàng có khuôn mặt đầy đặn, phúc hậu *“khuôn trăng đầy đặn”,* với *“nét ngài nở nang”.* Nụ cười của nàng rạng rỡ như đóa hoa đương thì đậm sắc trong vườn xuân (hoa cười). Giọng nói của nàng trong trẻo như tiếng ngọc ngà, cẩm thạch (ngọc thốt) biết bao mê li. Cử chỉ, hình dung đoan trang, thùy mị khiến cho người nhìn, người nghe càng thêm yêu mến trong lòng. Mái tóc nàng óng mượt và mềm mại như mây bay gió thổi. Làn da mịn màng, trắng đẹp như tuyết trắng non cao. Thật là càng nhìn càng thấy đắm say. Vẻ đẹp ấy làm cho đất trời phải thua, phải nhường, phải khiêm cung cúi đầu chào đón. Đó là một vẻ đẹp trời đất hợp duyên mà có. Vẻ đẹp ấy do tạo hóa ban tặng, là thành quả của tổ tiên nhân đức nhiều đời tích tụ mà thành. Xưa nay ta chưa từng thấy tiên nữ, nay đọc Truyện Kiều mà được gặp tiên nữ vậy. Thật là một vẻ đẹp hiếm có ở trên đời. Ngoại hình và dung hạnh của Thúy Vân thể hiện nàng là một người con gái chuẩn mực, là một mẫu mực cần có của người phụ nữ dưới chế độ phong kiến: hiền đức, phúc hậu và đoan trang hết mực.

=> Vẻ đẹp của Thuý Vân có sự hoà hợp với thiên nhiên, như ngầm dự báo trước tương lai êm ấm, bình lặng trong cuộc đời nàng.

**c. Vẻ đẹp tài sắc của Thúy Kiều**

- Tiếp theo vẻ đẹp của Vân, Nhà thơ dùng 12 câu để nói về vẻ đẹp và tài năng của Kiều. Vẻ đẹp của Thúy Kiều hiện lên cái nền của Thúy Vân. Nguyễn Du đã rất tài tình khi tạo được một *“lực đẩy”,* tiếp tục cho người đọc chiêm ngưỡng hai tuyệt phẩm của đất trời. Không giống như Thúy Vân, Thúy Kiều có mang vẻ đẹp sắc xảo mặn mà hơn nhiều lần.

“Kiều càng sắc sảo mặn mà,

So bề tài sắc lại là phần hơn”

*“Sắc sảo”* là cái đẹp của tư dung thể hiện qua khuôn mặt, ánh mắt, giọng nói*,…“Mặn mà”* là cái đẹp của tâm hồn vừa nồng thắm của cung cách vừa sâu sắc của trí tuệ và tài năng. Ánh mắt nàng trong trẻo như mặt nước hồ thu (làn thu thủy) trong ngày gió lặng. Chân mày của nàng cong vút như dáng núi mùa xuân (nét xuân sơn) tràn đầy sức sống.

- Toàn thân nàng toát lên sức cuốn hút đến mê mị lòng người *“Làn thu thủy, nét xuân sơn”*. Vẻ đẹp ấy đã khiến cho thiên nhiên đố kị: hoa ghen tức vì *“thua thắm”,* liễu hờn giận vì “*kém xanh”.* Nguyễn Du đã dành những từ ngữ đẹp nhất của mình dành tặng ca ngợi vẻ đẹp của nhân vật Thúy Kiều. Đó là một vẻ đẹp toàn bích, trác việt, ngoại hạng; một vẻ đẹp có sức quyến rũ và chinh phục lòng người. Và còn hơn thế nữa, đó là một vẻ đẹp chưa từng có ở trên đời: *“Sắc đành đòi một, tài đành họa hai”.*

*-* Nếu so về tài năng, có thể tìm thấy người thứ hai; còn vẻ đẹp của nàng là duy nhất. Một vẻ đẹp vượt qua mọi giới hạn mà có lẽ phải có duyên cơ ta mới được chiêm ngưỡng. Thế nên, vẻ đẹp độc nhất vô nhị ấy khiến cho đất trời nảy sinh đố kị, lòng người ganh đua. Điều đó dự báo một cuộc đời trắc trở, đầy sống gió mà Kiều sẽ trải qua. Cuộc đời vốn đa đoan, tài năng và xinh đẹp không phải là tội lỗi nhưng lòng người khó đoán, mệnh số trắc trở. Quân tử đa mang, hồng nhan bạc mệnh cũng là lẽ thường tình. Đó cũng là điều mà tác giả muốn gửi gắm khi xây dựng nhân vật này.

- Tài năng vượt trội của Thúy Kiều tiếp tục được tác giả trình bày đoạn thơ sau. Nàng không chỉ tuyệt đẹp mà tài năng cũng đến độ phi phàm:

*“Thông minh vốn sẵn tính trời  
Pha nghề thi họa, đủ mùi ca ngâm  
Cung thương làu bậc ngũ âm  
 Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương  
Khúc nhà tay lựa nên chương  
 Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân”.*

Thuý Kiều thông minh do thiên bẩm nên tất cả những môn nghệ thuật: cầm, kì, thi, họa, nàng đều rất điêu luyện, thành thạo hơn người, đặc biệt là tài gảy đàn: *“Cung thương lầu bậc ngũ âm*”. Nàng không chỉ giỏi về âm luật mà còn biết sáng tác. "Làu bậc ngũ âm" là sự điêu luyện trong kĩ thuật chơi đàn. Tiếng đàn của nàng Kiều không chỉ ngân lên những âm thanh huyền diệu mà còn nức nở nhiều cung bậc cảm xúc. Mỗi nốt nhạc rung lên là mỗi tiếng ai oán, não nùng, khổ đau, sầu thảm. Khúc nhạc “*bạc mệnh”* mà nàng sáng tác làm cho người nghe phải rơi lệ. Khúc nhạc *“bạc mệnh”* đó phải chăng vận vào đời nàng, là sự ghi lại tiếng lòng của một trái tim giàu trắc ẩn, đa cảm, đa sầu. Có thể nói, nàng có tất cả các kĩ năng về nghệ thuật và ở lĩnh vực nào nàng cũng đạt đến tuyệt đỉnh. Phải chăng, Nguyễn Du vì quá yêu mến nhân vật của mình mà đã dành cho nàng sự tôn vinh tột bậc đến thế?

=>Như vậy, vẻ đẹp của Thuý Kiều là sự kết hợp giữa sắc-tài-tình. Chính vẻ đẹp ấy cũng ngầm dự báo một số phận không êm đềm, bình lặng mà đầy trắc trở, éo le.

**d. Vẻ đẹp trong lối sống của chị em Thúy Kiều**

- Khép lại đoạn thơ, Nguyễn Du dùng những lời lẽ đẹp để gợi ca cuộc sống đức hạnh của chị em Thuý Kiều:

“ Phong lưu rất mực hồng quần  
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê  
Êm đềm trướng rủ màn che  
 Tường đông ong bướm đi về mặc ai”.

- Đức hạnh là cái gốc của con người. Chị em Thúy Kiều không chỉ có tài sắc mà còn có đức hạnh. Hai nàng được hưởng một nền giáo dục theo khuôn khổ của lễ giáo, của gia phong, .

- Tuy sống trong cảnh "*phong lưu rất mực hồng quần*", đã tới "*tuần cập kê"* (được phép thành gia, lập thất ) nhưng hai nàng là hai thiếu nữ có gia giáo, đức hạnh. Thành ngữ “*Trướng rủ màn che*” gợi tả một lối sống kín đáo, rất khuôn phép của con nhà gia giáo đàng hoàng . Vì thế, đối với những người đàn ông *“ong bướm”* (chỉ những người đàn ông tán tỉnh phụ nữ không có mục đích tốt đẹp) thì hai Kiều không bao giờ để tâm tới. Hai câu kết trong sáng, đằm thắm như che chở, bao bọc cho hai nàng. Hai nàng hiện lên như một bông hoa vẫn còn phong nhụy trong cảnh "*êm đềm",* chưa một lần tỏa hương vì ai đó.

“Êm đềm trướng rủ màn che,  
Tường đông ong bướm đi về mặc ai”.

**3*.* Đánh giá khái quát:**

Với nghệ thuật tả người từ khái quát đến cụ thể, tả ngoại hình mà bộc lộ tính cách, dự báo số phận, ngôn ngữ gợi tả, sử dụng hình ảnh ước lệ, thủ pháp đòn bẩy, các biện pháp tu từ, nhân hóa, so sánh, dùng điển tích, điển cố, Nguyễn Du đã làm nổi bật lên hai bức tranh tố nữ với những vẻ đẹp có một không hai. Nghệ thuật ấy đã tôn lên tài năng của ông trong việc khắc họa chân dung nhân vật. Qua chân dung chị em Kiều, ta càng mến yêu, trân trọng những người phụ nữ xưa. Dù cuộc sống có trải qua những thăng trầm biến cố song vẻ đẹp của họ luôn khiến ta ngưỡng mộ và yêu thương.

**III. Kết bài**

Chỉ với 24 câu thơ lục bát, đoạn trích *“Chị em Thuý Kiều*” đã tái dựng tài tình chân dung hai trang tuyệt sắc giai nhân Thuý Vân, Thuý Kiều bằng nhiều biện pháp ẩn dụ, tượng trưng, hình ảnh ước lệ, từ ngữ trong sáng, giàu sức gợi. Bức chân dung ấy còn mang tính chất dự báo về cuộc đời của hai nàng về sau. Qua chân dung hai chị em Vân Kiều, nhà thơ Nguyễn Du đã bộc lộ thái độ trân trọng, ngợi ca vẻ đẹp người phụ nữ. Đó chính là một trong những biểu hiện rõ nét của tư tưởng nhân đạo Nguyễn Du trong “*Truyện Kiều”.*

===========================================================

**ĐỀ 11: ĐOẠN TRÍCH “CHỊ EM THÚY KIỀU” THỂ HIỆN CẢM HỨNG NHÂN ĐẠO CỦA NGUYỄN DU QUA VIỆC MIÊU TẢ CHÂN DUNG NHÂN VẬT CHÂN DUNG NHÂN VẬT VÀ DỰ CẢM VỀ KIẾP NGƯỜI TÀI HOA BẠC MỆNH. QUA 12 CÂU THƠ MIÊU TẢ THÚY KIỀU EM HÃY LÀM SÁNG TỎ Ý KIẾN TRÊN.**

*“Kiều càng sắc sảo mặn mà,  
So bề tài sắc lại là phần hơn.  
 Làn thu thủy nét xuân sơn,  
Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh.  
 Một hai nghiêng nước nghiêng thành,  
 Sắc đành đòi một tài đành họa hai.  
 Thông minh vốn sẵn tính trời,*

*Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.  
 Cung thương làu bậc ngũ âm,  
Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương.  
 Khúc nhà tay lựa nên chương  
Một thiên Bạc mệnh lại càng não nhân”*

**1. Mở bài**

Nguyễn Du là đại thi hào của dân tộc Việt Nam, Là nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn, Danh nhân văn hóa thế giới. Tên tuổi của ông gắn liền với kiệt tác “Truyện Kiều”. Một trong những yếu tố tạo nên thành công của tác phẩm phải kể đến giá trị nhân đạo, nhân văn sâu sắc của tác giả. Đến với 12 câu thơ miêu tả bức chân dung của Thúy Kiều ta sẽ sáng tỏ được điều ấy.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát:** Đoạn trích “ Chị em Thúy Kiều” nằm ở phần mở đầu của tác phẩm. Giới thiệu về gia cảnh của Kiều, Tác giả tập trung ca ngợi tài và sắc của Thúy Vân và Thúy Kiều. Toàn bộ đoạn trích đã ca ngợi vẻ đẹp của hai bức chân dung Thúy Vân và Thúy Kiều, đặc biệt trong bức chân dung của Thúy Kiều thể hiện rõ nét nhất tấm lòng nhân đạo của đại thi hào Nguyễn Du.

- **Vị trí đoạn trích:** 12 câu thơ trên thuộc phần giữa của đoạn trích “Chị em Thúy Kiều”. Tác giả đi miêu tả vẻ đẹp và tài năng của Thúy Kiều. Trong đoạn trích này, Nguyễn Du tập trung miêu tả vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều để từ đó ca ngợi vẻ đẹp, đức hạnh và tài năng của những những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**b. Phân tích 12 câu thơ**

*\* Dẫn dắt:* Trước hết cảm hứng nhân văn của Nguyễn Du được thể hiện qua việc ca ngợi vẻ đẹp tài năng của con người. Đầu tiên rất là khẳng định bức chân dung của Thúy Kiều hoàn thiện, tuyệt Mỹ trên cơ sở so sánh với bức chân dung Thúy Vân.

*“Kiều càng sắc sảo mặn mà*

*So bề tài sắc lại là phần hơn”*

 - Nếu bước chân dung của Thúy Vân chỉ dừng lại ở những nét vẽ về ngoại hình, nhan sắc. Thì đến với bức chân dung của Thúy Kiều ta nhận ra sự hơn hẳn, vượt trội so với Thúy Vân. Vẻ đẹp của nàng “ sắc sảo” - vẻ đẹp của trí tuệ và sự thông minh, còn “mặn mà” là nét đẹp đằm thắm, duyên dáng cuốn hút của người con gái khiến người khác khó có thể quên. Như vậy ngay lời nhận xét đầu tiên về chân dung của Thúy Kiều ta nhận ra ở nàng hội tụ cả nét đẹp về Sắc - tài - tình. Dường như Nguyễn Du đã dành tất cả yêu thương sâu sắc đối với nàng để rồi thi nhân đã khắc họa rõ nét vẽ đẹp hoàn thiện hoàn mỹ của người thiếu nữ họ Vương. Đặc biệt, qua lời thơ của Nguyễn Du người đọc nhận ra được sự trân trọng, nâng niu mà đại thi hào rảnh cho Thúy Kiều.

 Tiếp đến là những nét vẽ về nhan sắc:

*“Làn thu thủy nét xuân sơn*

*Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh”*

- Tài năng rõ ràng thi nhân dồn hết cả tâm lực và tâm trí để khắc họa những nét về bức chân dung của Thúy Kiều. Ông dành tất cả tình yêu, sự trân trọng ngợi ca đối với nàng và đó là biểu hiện được tấm lòng nhân đạo, nhân văn sâu sắc.

- Cảm hứng nhân đạo nhân văn sâu sắc của thi nhân thể hiện qua cách dự cảm và kiếp người tài hoa bạc mệnh. Khi miêu tả nhan sắc của Thúy Kiều Nguyễn Du đã ngầm dự báo. Nhan sắc của nàng khiến: “Hoa phải ghen”, liễu phải “hờn” khiến trời đất phải hờn ghen sẽ gặp rắc rối, truân chuyên, éo le. Như vậy bằng sự đồng cảm sâu sắc trước số phận éo le của người phụ nữ Nguyễn Du đã dự báo về những tai ương đang chờ đợi Thúy Kiều phía trước để rồi khi đau đớn, xót xa thay cho cuộc đời, số phận của nàng.

- Cảm hứng nhân đạo nhân văn sâu sắc của Nguyễn Du được bộc lộ rõ nét qua 12 câu thơ phải kể đến ngòi bút tài hoa của tác giả.

**c. Đánh giá**

Nguyễn Du đã thực sự rất thành công khi miêu tả Thúy Kiều trong đoạn thơ này. Không cầu kì, không kĩ lưỡng, chỉ với một vài thủ pháp nghệ thuật, Nguyễn Du đã cho ta thấy được Thúy Kiều là một người con gái tài sắc vẹn toàn. Nhưng theo thuyết “Hồng nhan bạc phận, tài mệnh tương đố” thì cuộc đời nàng hẳn sẽ khó tránh khỏi những tai ương, nghiệt ngã. Và đằng sau bức chân dung tuyệt sắc ấy, ta không khó để cảm nhận được một sự trân trọng đặc biệt của nhà thơ dành cho Thúy Kiều nói riêng và nói chung là dành cho những người phụ nữ trong xã hội phong kiến.

**3. Kết bài**

Thông qua bức chân dung của Thúy Kiều ta nhận ra ra được tấm lòng và tình cảm của tác giả dành cho người phụ nữ trong xã hội xưa đó là sự đề cao. Ngợi ca giá trị của người phụ nữ . Đặt trong hoàn cảnh tác phẩm ra đời đó là xã hội phong kiến khi người phụ nữ bị rẻ rúng coi thường ta nhận ra được số phận bi thương của họ,và xúc động tấm lòng chân thực nhân văn của ông. Ông xứng đáng là một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn.

===================================================

**ĐỀ 12: CẢM NHẬN VỀ TẤM LÒNG NHÂN ĐẠO CỦA NGUYỄN DU THÔNG QUA ĐOẠN TRÍCH “ CHỊ EM THÚY KIỀU” CỦA NGUYỄN DU**

**1. Mở bài**

Nguyễn Du là thiên tài văn học, là nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn. “Truyện Kiều” của ông được coi là kiệt tác ngàn đời trong kho tàng văn chương dân tộc. Một trong những yếu tố làm nên giá trị của tác phẩm chính là giá trị nhân đạo. Ở vị trí mở đầu của tác phẩm đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” đã thể hiện sâu sắc tấm lòng nhân đạo của đại thi hào Nguyễn Du.

**2. Thần bài**

**a. Khái quát**: Trong đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du được thể hiện qua sự ngưỡng mộ một vẻ đẹp của người con gái đầu lòng nhà họ Vương. Đặc biệt là sự trân trọng vẻ đẹp tinh thần, tài năng của Thúy Vân, Thúy Kiều. Tấm lòng nhân đạo ấy còn được thể hiện trong dự cảm với số phận nàng Kiều qua bức chân dung được khắc họa.

**b. Trước hết tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du được thể hiện ở sự ngợi ca vẻ đẹp tài năng của con người**

Với bút pháp ước lệ tượng trưng tác giả đã gợi tả vẻ đẹp duyên dáng, thanh tao trong trắng của người thiếu nữ ở hai chị em Thúy Kiều: “ Mai cốt cách tuyết tinh thần”. Hai hình ảnh ước lệ “ Mai cốt cách” ( cốt cách của cây mai mảnh dẻ thanh cao), “ tuyết tinh thần” (tinh thần trắng và trong sạch như tuyết) đã gợi tả vẻ đẹp của hai chị em Thúy Kiều. Hai chị em Thúy Kiều cốt cách duyên dáng, thanh cao như cây mai và tinh thần trong trắng như tuyết đó là vẻ đẹp hoàn hảo cả hình thức, lẫn tâm hồn. Hai chị em đều đẹp với vẻ đẹp “mười phân vẹn mười” xong mỗi người lại mang một nét đẹp riêng khác nhau “mỗi người một vẻ” đúng là cách nhìn đầy ngợi ca trân trọng của tác giả.

 + Gợi tả vẻ đẹp của Thúy Vân tác giả viết: *“ Vân xem trang trọng khác vời*

*Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang*

*Hoa cười ngọc thốt đoan trang*

*Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da”*

 Chỉ hai chữ “trang trọng” đã gợi tả ở Thúy Vân một vẻ đẹp cao sang, quý phái vẻ đẹp ấy được so sánh với vẻ đẹp chuẩn mực của thiên nhiên như: “ trăng”, “ hoa”, “ mây”, “tuyết”, “ngọc”… dưới ngòi bút của thi nhân chân dung của Thúy Vân hiện ra từ khuôn mặt, nét ngài, làn da, mái tóc, đến nụ cười, giọng nói, khuôn mặt đầy đặn, tươi sáng như trăng đêm rằm, lông mày sắc nét như con ngài, Miệng cười tươi tắn như hoa, giọng nói trong trẻo thốt ra như hàm răng ngọc ngà là những lời đoan trang. Mái tóc của nàng đen mượt hơn mây, da trắng mịn màng hơn tuyết. Vân đẹp hơn những gì mỹ lệ của thiên nhiên, một vẻ đẹp của sự hòa hợp êm đều xung quanh. Từ thông điệp nghệ thuật này, ắt hẳn Vân sẽ có một cuộc đời bình yên không sóng gió.

 + Gợi tả vẻ đẹp của của Thúy Kiều: Tác giả khái quát

*“Kiều càng sắc sảo mặn mà*

*so bề tài sắc lại là phần hơn”*

Như vậy Nguyễn Du đã miêu tả Thuý Vân trước để làm nổi bật Thúy Kiều theo thủ pháp nghệ thuật đòn bẩy. Tả kỹ, tả đẹp để Vân trở thành tuyệt thế giai nhân để rồi khẳng định Kiều còn hơn hẳn. Từ “càng” đứng trước hai từ láy liên tiếp “sắc sảo, mặn mà” làm nổi bật vẻ đẹp của Thúy Kiều: sắc sảo của trí tuệ, mặn mà về tâm hồn. Vẫn là những hình tượng nghệ thuật ước lệ được nhà thơ sử dụng để ngợi ca nhan sắc của Thúy Kiều.

*“ Làn thu thủy nét xuân sơn*

*Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh*

*Một hai nghiêng nước nghiêng thành*

*Sắc đành đòi một tài đành họa”*

 Nguyễn Du không thiên về cụ thể như tả Thúy Vân, mà ở đây ông chỉ đặc tả đôi mắt theo lối “điểm nhãn” vẽ hồn của chân dung. Bởi đôi mắt là cửa sổ tâm hồn thể hiện phần tinh anh của trí tuệ, của tâm hồn. Cái sắc sảo của trí tuệ, cái mặn mà của tâm hồn đều liên quan đến đôi mắt.Hình ảnh ước lệ “Làn thu thủy” là làn nước của mùa thu gợn sóng gợi lên thật đẹp sinh động, vẻ đẹp của đôi mắt trong sáng long lanh, linh hoạt, thăm thẳm. Còn “nét xuân sơn” - núi mùa xuân, gợi lên đôi lông mày thanh tú như dáng núi mùa xuân, vẻ đẹp của Kiều khiến hoa phải ghen, liễu phải hờn, nước phải nghiêng, thành phải đổ. Thi nhân không tả trực tiếp vẻ đẹp mà miêu tả sự đố kị ghen ghét với vẻ đẹp hay sự ngưỡng mộ, mê say trước vẻ đẹp ấy “nghiêng nước nghiêng thành” là cách nói sáng tạo, điển cố để cực tả giai nhân. Rõ ràng cái đẹp của Thúy Kiều có chiều sâu, có sức quyến rũ làm mê mẩn lòng người.

 Tạo hóa không chỉ ban cho nàng vẻ đẹp tuyệt vời, mà còn phú cho nàng trí tuệ thông minh tuyệt đối:

*“ Thông minh vốn sẵn tính trời*

*Pha nghệ thi họa đủ mùi cá ngâm*

*Cung Thương lầu bậc ngũ âm*

*Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một chương*

*Khúc nhà tay lửa lên trương*

*Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân”*

- Tài năng của Thúy Kiều đã đạt tới mức lý tưởng theo quan niệm thẩm mỹ phong kiến, đủ cả cầm, kỳ, thi, họa, đặc biệt tài đàn của nàng còn vượt trội hơn cả “lầu bậc ngũ âm”. Nàng đã soạn riêng một khúc “bạc mệnh” mà ai nghe cũng phải não lòng. Đây chính là biểu hiện của con người có trái tim đã sầu, đa cảm. Tả sắc, tài của Thúy Kiều là Nguyễn Du muốn ngợi ca cái tâm đặc biệt của nàng. Vẻ đẹp của Thúy Kiều là sự kết hợp sắc, tài, tình đều đạt tới mức tuyệt vời Thúy Vân và Thúy Kiều ở dưới ngòi bút của Nguyễn Du không chỉ có nhan sắc tuyệt vời mà còn có đức hạnh khuôn phép. Dù đã đến tuổi cài trâm búi tóc nhưng hai chị em vẫn:

*“Êm đềm trướng rủ màn che*

*Tường đông ong bướm đi về mặc ai”*

- Ngợi ca vẻ đẹp của chi emThúy Kiều Nguyễn Du đã trân trọng, đề cao giá trị phẩm giá của con người như nhan sắc, tài hoa, phẩm hạnh. Sự ngưỡng mộ, ngợi ca của người phụ nữ trong xã hội “ trọng nam khinh nữ” chính là biểu hiện sâu sắc của cảm hứng nhân đạo.

**c. Tấm lòng nhân đạo ấy còn được thể hiện trong dự cảm về số phận nhân vật Kiều qua bức chân dung được khắc họa**.

- Dưới ngòi bút của đại thi hào Nguyễn Du, chân dung Thúy Kiều là bức chân dung mang tính cách số phận. Vẻ đẹp “chim sa cá lặn” của nàng khiến cho tạo hóa phải ghen ghét, các vẻ đẹp khác và đố kỵ. Tài năng, trí tuệ thiên bẩm và tâm hồn đa sầu, đa cảm khiến nàng khó tránh khỏi định mệnh nghiệt ngã. Thi nhân dự báo số phận của Thúy Kiều phải chịu nhiều đau khổ:

*“Lạ gì bỉ sắc tư phong*

*Trời xanh quen thôi má hồng đánh ghen”*

- Nhất là cung đàn “bạc mệnh” đầy đau khổ, sầu não do Kiều soạn riêng cho mình, như dự báo cuộc đời hồng nhan bạc phận dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh, cũng là biểu hiện của tấm lòng thương cảm sâu sắc đối với con người, là biểu hiện của cảm hứng nhân đạo, nhân văn sâu sắc của Nguyễn Du dành cho nhân vật Thúy Kiều ngay từ những vần thơ mở đầu tác phẩm - đoạn trích Chị em Thúy Kiều.

**3. Kết bài**

 Nguyễn Du - nhà thơ thiên tài của dân tộc ta đã dành toàn bộ tâm huyết, sức lực tài năng để sáng tạo bức chân dung chị em Thúy Kiều. Với sự kết hợp tại tình giữa bút pháp ước lệ tượng trưng, sử dụng sáng tạo nghệ thuật so sánh, nhân hóa và ngôn ngữ tinh tế tả ít gợi nhiều. Nguyễn Du đã vẽ nên bức chân dung toàn mĩ về “hai ả tố nga” bằng thơ sáng giá nhất cho nền văn học trung đại để biểu hiện sâu sắc cảm hứng nhân đạo của mình. Cảm hứng nhân đạo của “Chị em Thúy Kiều” đã góp phần đem đến những giá trị tư tưởng đặc sắc giá trị nhân bản của kiệt tác “Truyện Kiều”. Đọc đoạn trích, đọc tác phẩm chúng ta tự hào Nguyễn Du một trái tim chan chứa yêu thương, đồng cảm với số phận con người một tài năng về thi ca rực rỡ của văn học nước nhà.

======================================================

**ĐỀ 13: NGHỆ THUẬT MIÊU TẢ CHÂN DUNG NHÂN VẬT QUA ĐOẠN TRÍCH SAU:**

*“ Vân xem trang trọng khác vời*

*Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang*

*Hoa cười ngọc thốt đoan trang*

*Mây thua nước tóc tuyết nhường màu da*

*Kiều càng sắc sảo mặn mà*

*So bề tài sắc lại là phần hơn*

*Làn thu thủy nét xuân sơn*

*Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh*

*Một hai nghiêng nước nghiêng thành*

*Sắc đành đòi một tài đành họa”*

**1. Mở bài**

Ở mỗi quốc gia khác nhau đều có những thi nhân nổi tiếng Pháp có Ban - Zắc, ở Nga có Mắc-xim Góc-ki, ở Đan Mạch của Anđecxen thì ở Việt Nam có đại thi hào Nguyễn Du. Kiệt tác “truyện Kiều” đã gắn liền tên tuổi của thi nhân. Xét về nghệ thuật thì tác phẩm thành công trên mọi phương diện. Ngoài ngòi bút tả cảnh, ngòi bút tả nội tâm nhân vật. Song một điều không ai có thể phủ nhận là tài nghệ miêu tả và khắc họa tính cách nhân vật sắc sảo đến mức các nhà viết tiểu thuyết hiện đại cũng khó lòng theo kịp Nguyễn Du. Điều đó được thể hiện rõ nét nhất qua đoạn trích “Chị em Thúy Kiều” mà tiêu biểu là đoạn miêu tả vẻ đẹp của Thúy Vân và Thúy Kiều.

**2. Thân bài**

**\* Khái quát:**

**-** Đoạn trích nằm ở phần mở đầu của tác phẩm, giới thiệu gia cảnh của Kiều. Khi giới thiệu những người trong gia đình Kiều, tác giả tập trung tả tài sắc của Thúy Vân và Thúy Kiều. Bốn dòng thơ đầu tác giả giới thiệu chung về vị thứ và vẻ đẹp của chị em Thúy Kiều:

“Đầu lòng hai ả tố nga,

Thuý Kiều là chị, em là Thuý Vân.

Mai cốt cách, tuyết tinh thần,

Mỗi người mỗi vẻ mười phân vẹn mười”

- Bằng cách giới thiệu hai “ả tố nga” vừa ngắn gọn vừa giản dị hết sức ấn tượng đầy đủ. Trong gia đình họ Vương có hai cô con gái đầu lòng đẹp như “Hằng Nga”. Và câu thơ “Mai cốt cách, tuyết tinh thần”, bằng việc sử dụng bút phát ước lệ tượng trưng thông qua hai hình ảnh “mai”, “tuyết”, tác giả gợi lên trước mắt chúng ta vẻ đẹp của hai thiếu nữ với dáng người mảnh dẻ, duyên dáng như cây mai một loài hoa đẹp và cao quý, tâm hồn của họ trong trắng như tuyết, cả hai đều đẹp hoàn thiện, hoàn mỹ “mười phân vẹn mười”, mỗi người mang một nét đẹp riêng “Mỗi người mỗi vẻ”, đúng là cách nhìn đầy ngợi ca trân trọng của tác giả.

Đến với bốn câu thơ tiếp theo, tác giả gợi về vẻ đẹp của Thúy Vân.

“Vân xem trang trọng khác vời,

Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang

Hoa cười , ngọc thốt đoan trang,

Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da”

- Câu thơ đầu “Vân xem trang trọng khác vời” đã khái quát đặc điểm của nhân vật. Hai chữ “trang trọng” gợi vẻ đẹp cao sang, quý phái của Thúy Vân, có thể nói có bao nhiêu cái đẹp của tạo vật, thiên nhiên đều được Nguyễn Du mượn để tạo nên chân dung của Thúy Vân.

- Đó là trăng, hoa, tuyết, ngọc, mây, bằng bút pháp ước lệ, thư pháp liệt kê, vẻ đẹp của Vân được tác giả cụ thể hóa bằng khuôn mặt, đôi mày, mái tóc, làn da, nụ cười, giọng nói. Cụ thể trong việc sử dụng từ ngữ làm nổi bật vẻ đẹp của đối tượng được miêu tả: “đầy đặn”, “nở nang”, “đoan trang”.

- Những biện pháp tu từ ẩn dụ, so sánh, nhân hóa đều nhằm thể hiện vẻ đẹp phúc hậu mà quý phái của người thiếu nữ. Một thúy vân với gương mặt đầy đặn dịu nhẹ như trăng rằm, lông mày sắc nét đậm như con ngài, miệng cười tươi thắm như hoa, giọng nói trong như ngọc, mái tóc mềm mượt hơn mây, làn da trắng hơn tuyết. Vẻ đẹp ấy làm cho thiên nhiên ngưỡng mộ “mây thua”, “tuyết nhường”.

- Hai chữ “thua”, “nhường” biểu hiện sự hài lòng không ghen ghét, điều này dự báo nàng sẽ có một cuộc sống bình lặng, suôn sẻ không gặp sóng gió.

*\* Chuyển ý:* Nếu tả Thúy Vân với bốn câu thơ thì sang Thúy Kiều Nguyễn Du dành cho nàng mười hai câu thơ. Nếu Vân được miêu tả với vẻ đẹp hoàn hảo thì Thúy Kiều còn vượt lên trên cái hoàn hảo đó, nếu Vân Nguyễn Du chỉ nói đến sắc thì Kiều còn đẹp cả sắc lẫn tài, đó là vẻ đẹp của tuyệt thế giai nhân sắc sảo mặn mà.

“Kiều càng sắc sảo mặn mà,

So bề tài sắc lại là phần hơn”

- Ở đây, Nguyễn Du rất thành công trong việc sử dụng nghệ thuật đòn bẩy: Miêu tả Vân trước để làm nền cho vẻ đẹp của Kiều. Chỉ bằng một câu thơ với các từ “càng”, “hơn” tác giả giúp người đọc hình dung rõ vẻ đẹp vượt trội của Kiều. Nàng không những tuyệt đỉnh về nhan sắc mà còn sắc sảo về trí tuệ, mặn mà về tâm hồn.

“Làn thu thuỷ, nét xuân sơn,

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh

- Khi miêu tả Thúy Kiều, tác giả vẫn sử dụng bút pháp ước lệ thông qua các hình tượng thiên nhiên “thu thủy”, “xuân sơn” “hoa ghen”, “liễu hờn”. Chỉ có điều Nguyễn Du không liệt kê nhiều chi tiết như Vân à chỉ tập trung ở đôi mắt. Hình ảnh ước lệ “thu thủy” gợi tả đôi mắt Kiều đẹp trong như nước mùa thu, “xuân sơn” gợi lên đôi lông mày thanh tú trên khuôn mặt trẻ trung, đôi mắt ấy của Kiều chính là cửa sổ tâm hồn, thể hiện sự sắc sảo về trí tuệ, mặn mà về tâm hồn. Sắc của Kiều làm cho người ta ngưỡng mộ say mê đến lỗi có thể “mất nước, mất thành”, con thiên nhiên thì ganh ghét, đố kỵ “hoa ghen” “liễu hờn”

Sắc đã vậy còn tài, tình của Kiều thì sao? Miêu tả Kiều tác giả dành một phần để nói về nhan sắc, còn dành đến hai phần để nói về tài năng. Đây chính là dụng ý nghệ thuật của Nguyễn Du. - Ông muốn nhấn mạnh sắc đẹp của Kiều thì không có bút pháp nào tả nổi. Về sắc đẹp của Kiều là số một còn về tài thì trong thiên hạ may ra có người thứ hai:

“Sắc đành đòi một, tài đành hoạ hai”

- Kiều thông minh bẩm sinh, cái tài do trời phú. Tài năng của nàng đạt tới mức hoàn thiện theo quan niệm thẩm mỹ gồm cả “cầm, kỳ, thi, họa”

“Thông minh vốn sẵn tính trời,

Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.

Cung thương làu bậc ngũ âm,

Nghề riêng ăn đứt Hồ cầm một trương.”

- Nàng thông minh bẩm sinh, có tài làm thơ, vẽ “pha nghề ca hát đủ mùi”. Đặc biệt tài đàn của nàng là nổi trội hơn cả – là sở trường, tiếng đàn của nàng thật hay, hay đến mức có thể ăn đứt bất cứ nghệ sĩ tài ba nào trong thiên hạ. Kiều không chỉ giỏi đánh đàn mà còn giỏi sáng tác nhạc, đến mức có thể soạn cho mình một bản nhạc về nhan đề “bạc mệnh” . Mỗi khi nàng chơi bản đàn đó đều khiến cho lòng người âu sầu, ảo não người nghe chau mày rơi lệ. Cung đàn “bạc mệnh” chính là sự ghi lại tiếng lòng của một trái tim đa sầu, đa cảm. Như vậy vẻ đẹp của Kiều là sự kết hợp cả sắc, tài và tình, một vẻ đẹp vượt qua ngoài khuôn khổ khiến cho tạo hóa ghen ghét đố kị.

“Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh”

- Từ việc khắc họa bức chân dung Thúy Kiều tác giả dự báo về số phận éo le, đau khổ, một tương lai chìm nổi sẽ đến với nàng.

Mặc dù tài sắc của Thúy Kiều, Thúy Vân khác nhau dự báo về tương lai cuộc sống khác nhau.

**\* Đánh giá**: Như vậy, bằng bút pháp ước lệ, lấy vẻ đẹp của thiên nhiên để gợi tả vẻ đẹp của con người, Nguyễn Du đã khắc họa thành công vẻ đẹp chân dung hai chị em Vân - Kiều. Qua đó, chúng ta thấy được cảm hứng ngợi ca vẻ đẹp, tài năng con người và dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh đầy nhân văn ở Nguyễn Du.

**3. Kết bài**

Thông qua bức chân dung của Thúy Vân, Thúy Kiều ta nhận ra ra được tấm lòng và tình cảm của tác giả dành cho người phụ nữ trong xã hội xưa đó là sự đề cao. Ngợi ca giá trị của người phụ nữ . Đặt trong hoàn cảnh tác phẩm ra đời đó là xã hội phong kiến khi người phụ nữ bị rẻ rúng coi thường ta nhận ra được số phận bi thương của họ,và xúc động tấm lòng chân thực nhân văn của ông. Ông xứng đáng là một nhà nhân đạo chủ nghĩa lớn.

=============================================================

**KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH**

*( Nguyễn Du)*

**ĐỀ 14: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ CẢNH NGỘ VÀ NỖI NIỀM CỦA THÚY KIỂU QUA ĐOẠN THƠ SAU:**

*“Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân*

*Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung*

*Bốn bề bát ngát xa trông*

*Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia*

*Bẽ bàng mây sớm đèn khuya*

*Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”*

**I. Mở bài**

Nguyễn Du- đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới đã để lại cho đời một tác phẩm bất hủ. Đó là “Đoạn trường tân thanh” hay còn gọi là “Truyện Kiều”. “Truyện Kiều” gây ấn tượng với người đọc không chỉ bởi giá trị nhân văn cao cả, giá trị hiện thực độc đáo mà còn bởi nghệ thuật tả cảnh ngụ tình đã đạt đến trình độ đỉnh cao. Nói đến nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong “Truyện Kiều” ta không thể không nhắc đến đoạn trích “Kiều ơ lầu Ngưng Bích”. Trong đoạn trích ấy, có lẽ sáu câu thơ đầu là những vần thơ đọc đáo nhất.

*“Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân*

*Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung*

*Bốn bề bát ngát xa trông*

*Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia*

*Bẽ bàng mây sớm đèn khuya*

*Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”*

**II. Thân bài**

**1. Khái quát:**

Đoạn trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích” gồm 22 câu thơ lục bát, nằm ở phần 2 “Gia biến và lưu lạc” trong tác phẩm “ Truyện Kiều”. Trong đoạn trích này, Nguyễn Du đã miêu tả một cách rõ nét tâm trạng của Thúy Kiều trong những tháng ngày bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích để từ đó làm nổi bật nỗi bất hạnh của những người phụ nữ trong xã hội xưa.

**- Vị trí đoạn thơ:** Thuộc phần đầu của đoạn trích “Kiều ở lầu ngưng Bích”

**- Chủ đề**: Sáu câu thơ trên là bức tranh thiên nhiên trước lầu Ngưng Bích điều đó cho thấy nét tài tình trong nghệ thuật tả cảnh của Nguyễn Du.

**2. Cảm nhận về cảnh ngộ và nỗi niềm của Thúy Kiều**

- Mở đầu đoạn trích, Nguyễn Du đã giúp người đọc cảm nhận được cảnh ngộ của Thúy Kiều- một người con gái tài hoa nhưng bạc phận:

*“Trước lầu Ngưng Bích khóa xuân*

*Vẻ non xa tấm trăng gần ở chung*

*Bốn bề bát ngát xa trông*

*Cát vàng cồn nọ bụi hồng dặm kia”*

+ Hoàn cảnh: của Thúy Kiều lúc này thật trớ trêu. Sau khi bán mình chuộc cha và em, Thúy Kiều bị Mã Giám Sinh làm nhục rồi đẩy vào lầu xanh. Vì qua nhục nhã, ê chề, nàng có ý định tự tử. Nhưng Tú Bà sợ mất cả chì lần chài nên đã đưa nàng ra lầu Ngưng Bích nói là đợi người chuộc thân nhưng thực chất là để thực hiện những âm mưu mới. Lúc này nàng đang bị giam lỏng ở lầu Ngưng Bích chênh vênh trên sường núi, giữa nơi đất khách quê người.

+ Nói về hoàn cảnh ấy, Nguyễn Du đã mượn hai chữ “ khóa xuân”(khóa kín tuổi xuân). Thực ra “khóa xuân” là từ vốn dùng để nói về cuộc sống nề nếp, kín đáo của những người con gái nhà quyền quý. Với hoàn cảnh của Thúy Kiều, Nguyễn Du dùng từ ấy để miêu tả thật khiến người đọc không khỏi chua chat, xót xa.

- Và từ lầu Ngưng Bích nhìn ra, Kiều thấy ở phía xa kia là hình ảnh của một vầng trăng non mới mọc. Hình ảnh vầng trăng trong đoạn thơ này là một chi tiết nghệ thuật, gợi thời gian nghệ thuật. Đó là lúc chiều muộn, khi nhà nhà đã lên đèn, người người đang quay quần bên bữa cơm sum họp. Hình ảnh ấy dễ khiến người ta nhớ về gia đình, về quê hương. Và có thể Thúy Kiều cũng có chung tâm trạng ấy bởi giờ đây nàng đang phải bơ vơ nơi đất khách quê người.

- Và cũng từ cái nơi chênh vênh giữa sườn núi ấy, Kiều còn nhìn thấy ở phía trước là cả một khung cảnh thiên nhiên rộng lớn.

+ Câu thơ “Bốn bề bát ngát xa trông” gồm sáu chữ mà chữ nào cũng gợi ra một không gian hoang vắng, rợn ngợp. Nhìn lên trên là vầng trăng đơn côi, nhìn xuống mặt đất thì bên là cồn cát nhấp nhô lượn sóng bên là bụi hồng cuốn xa hàng vạn dặm. Lầu Ngưng Bích trở thành một chấm nhỏ giữa thiên nhiên trơ trọi, giữa mênh mang trời nước. Không một bóng người, không một sự chia sẻ, chỉ có thiên nhiên câm lặng làm bạn. Kiều chỉ có một mình để tâm sự, để đối diện với chính mình.

+ Ở bốn câu thơ đầu này Nguyễn Du đã rất thành công với bút pháp tả cảnh ngụ tình. Tác giả đã vẽ ra một bức tranh thiên nhiên rộng lớn, hoang vắng, không có bóng dáng của con người trước lầu Ngưng Bích để từ đó làm nổi bật nỗi cô đơn đến cùng cực của Thúy Kiều. Miêu tả như thế không phải nhà thơ nào cũng làm được.

- Và trong hoàn cảnh như thế, Kiều lại cảm thấy “bẽ bàng” khi nghĩ đến thân phận của mình:

*“Bẽ bàng mây sớm đèn khuya*

*Nửa tình nửa cảnh như chia tấm lòng”*

+ “Bẽ bàng” ở đây có nghĩ là xấu hổ và tủi thẹn. Nàng cảm thấy bẽ bàng là bởi tình yêu tan vỡ, tình cốt nhục chia lìa còn bản thân nàng thì danh dự, nhân phẩm đã bị người ta chà đạp.

+ Lúc này nàng chỉ biết làm bạn với mây, với đèn. Cụm từ “mây sớm đèn khuya” gợi thời gian tuần hoàn, khép kín. Tất cả như giam hãm con người, như khắc sâu thêm nỗi cô đơn khiến Kiều càng bẽ bàng, chán ngán, buồn tủi .

**3. Đánh giá nghệ thuật, nội dung của đoạn thơ**

Như vậy, bằng bút pháp tả cảnh ngụ tình, kết hợp hệ thống hình ảnh ước lệ, ngôn ngữ giàu sắc thái biểu cảm, Nguyễn Du đã khắc họa thành công một bức tranh thiên nhiên mênh mông, vắng lặng. Và trên nền của khung cảnh ấy là hình ảnh nàng Kiều lẻ loi, cô độc với bao nỗi niềm tâm sự đau thương. Từ những vần thơ ấy, người đọc nhận ra nỗi niềm thương cảm xót xa của tác giả dành cho nhân vật nói riêng và nói chung là dành cho tất cả những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng.

**III. Kết bài**

Có thể nói rằng “Kiều ở lầu Ngưng Bích” là một trong những đoạn trích thành công nhất về nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong “Truyện Kiều”. Đoạn trích này nhất là 6 câu thơ đầu đã khơi gợi trong ta không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng thơ của tác giả Nguyễn Du, khiến ta càng thêm thương cảm cho tình cảnh bất hạnh của nàng Kiều, cho nỗi đau của những người phụ nữ trong xã hội phong kiến. Và phải chăng chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử “Truyện Kiều” vẫn là tác phẩm bất hủ của văn học Việt Nam.

**========================================================**

**ĐỀ 15: CẢM NHẬN VỀ VẺ ĐẸP THÚY KIỀU QUA ĐOẠN TRÍCH SAU:**

*"Tưởng người dưới nguyệt chén đồng,*

*Tin sương luống những rày trông mai chờ.*

*Bên trời góc bể bơ vơ,*

*Tấm son gột rửa bao giờ cho phai.*

*Xót người tựa cửa hôm mai,*

*Quạt nồng ấp lạnh những ai đó giờ?*

*Sân Lai cách mấy nắng mưa,*

*Có khi gốc tử đã vừa người ôm,"*

(Trích *Kiều ở lầu Ngưng Bích, Truyện Kiều* - Nguyễn Du, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2012, tr.93 – 94)

**I. Mở bài**

Nguyễn Du là đại thi hào dân tộc, danh nhân văn hóa thế giới, tên tuổi của ông gắn liền với tác phẩm *"Truyện Kiều”* - kiệt tác số một của văn học trung đại Việt Nam. Ngoài giá trị nội dung sâu sắc, Truyện Kiều còn rất thành công về nghệ thuật đặc biệt là bút pháp *“Vịnh cảnh ngụ tình”* (lấy cảnh vật để nói lên nỗi lòng của con người, người và cảnh vì thế mà tâm đầu ý hợp hòa quyện vào nhau). Tiêu biểu là đoạn trích "*Kiều ở lầu Ngưng Bích*” và điển hình là tám câu thơ trên đã khắc họa một cách xúc động về nỗi nhớ người yêu, nhớ bố mẹ của Thúy Kiều, qua ngôn ngữ độc thoại nội tâm của chính nhân vật.  
**II. Thân bài**

**1. Khái quát đoạn trích:**

- Sau khi trao duyên cho em là Thúy Vân, Kiều theo Mã Giám Sinh về Lâm Tri để yên phận làm vợ, nào ngờ đó lại là chốn lầu xanh trêu hoa ghẹo bướm. Quyết giữ thân trong trắng, Kiều cự tuyệt và dùng mọi cách để không sa vào vũng bùn lầy nhơ nhuốc ấy. Đòn roi của mụ Tú Bà không khuất phục được ý chí giữ gì phẩm giá của người con gái đẹp. Mụ đưa Kiều vào lầu Ngưng Bích nhưng thực chất là giam lỏng và bắt đầu như âm mưu “*thuần phục”* nàng. Tại lầu Ngưng Bích, nhìn cảnh vật đượm nỗi ưu sầu với vẻ non xa, tấm trăng gần, cồn cát bụi bay mờ mịt, thời gian, không gian trôi qua vô hình vô định như chính cuộc đời nàng. Thương cho số phận của chính mình, Kiều nhớ về gia đình, nhớ về cha mẹ, nhớ về những người thân yêu và nhớ về mối tình dang dỡ với chàng Kim.  
**2. Cảm nhận về vẻ đẹp của nhân vật Thúy Kiều trong đoạn trích**

**a. Kiều nhớ Kim Trọng**

+ Trước hết Kiều nhớ đến Kim Trọng. Đã có nhiều người phê phán rằng Kiều không phải là người con chí hiếu khi trong tình cảnh như thế này lại nhớ đến người yêu trước tiên. Có lẽ việc để Thúy Kiều nhớ về Kim Trọng trước cũng là một trong

những dụng ý của tác giả.

- Nguyễn Du đã khéo léo để nàng Kiều nhớ Kim Trọng trước, cha mẹ sau. Bởi, trước hết nó phù hợp với quy luật tâm lí của tuổi trẻ. Hơn nữa, trong cơn gia biến, Kiều đã hi sinh chữ tình vì chữ hiếu. Nàng đã bán mình chuộc cha, làm tròn đạo hiếu. Với cha mẹ, nàng đã đền đáp được công ơn sinh thành và dưỡng dục cao như núi, dài như bể của cha mẹ. Vì vậy nàng không có gì phải ăn năn, day dứt. Thế nhưng, còn với chàng Kim, nàng đã không làm tròn được lời thề đính ước giữa chàng và nàng:

“Tưởng người dưới nguyệt chén đồng

Tin sương luống những rày trông mai chờ”

- Tại sao tác giả lại không dùng từ nhớ mà lại dùng từ *“tưởng”? “Tưởng”* có nghĩa là nhớ nhung, hồi tưởng, vừa là nhớ, vừa là hình dung, tưởng tượng ra người mình yêu. Nhớ về Kim Trọng là nhớ về người yêu nên bao giờ Kiều cũng nhớ về lời thề đôi lứa. *“Chén đồng”* là chén rượu thề nguyền, đồng lòng, đồng dạ mà Kiều và Kim Trọng đã uống dưới ánh trăng vằng vặc:

"Vầng trăng vằng vặc giữa trời

Đinh linh hai miệng một lời song song”

- Vầng trăng kia vẫn còn, chén rượu thề nguyền chưa ráo mà nay tình duyên đã chia cắt đột ngột. Câu thơ như có nhịp thổn thức của trái tim yêu thương đang rỉ máu.

Nhớ về Kim Trọng, đau đớn hình dung cảnh ở Liêu Dương xa xôi cách trở, Kim Trọng không hề hay biết Kiều đã bán mình chuộc cha mà vẫn hướng về Kiều chờ tin mà uổng công vô ích. Càng nhớ chàng bao nhiêu thì Kiều càng thương cho số phận mình bấy nhiêu:

“Bên trời góc bể bơ vơ

Tấm son gột rửa bao giờ cho phai”

- Thương thân mình bơ vơ trên trời, góc bể, càng nuối tiếc cho mối tình đầu. Câu thơ *"Tấm son gột rửa bao giờ cho phai”* có thể hiểu tấm son của Kiều đã bị hoen ố nàng không còn là một thiếu nữ phòng khuê, nhưng có thể hiểu *"tấm son”* là tấm lòng chung thủy son sắc của nàng dành cho Kim Trọng chẳng bao giờ nguôi ngoai. Đặt trong hoàn cảnh cô đơn Kiều đã tạm để tấm lòng mình lắng xuống và nhớ đến Kim Trọng. Đó là sự vị tha và tấm lòng chung thủy của một người.

**b. Kiều nhớ cha mẹ**

*\* Chuyển ý*:Tiếp theo là Kiều nhớ đến cha mẹ, nàng đã làm tròn đạo hiếu, nhưng không vì thế mà nỗi nhớ cha mẹ kém phần day dứt:

“Xót người tựa cửa hôm mai  
Quạt lồng ấp lạnh những ai đó giờ?  
Sân Lai cách mấy nắng mưa  
Có khi gốc tử đã vừa người ôm”

- Khi viết về nỗi nhớ cha mẹ của Kiều, Nguyễn Du dùng từ *“xót”.* Từ này thể hiện nỗi nhớ thương quặn lòng của một đứa con hiếu thảo. Nguyễn Du sử dụng thành ngữ *“quạt nồng ấp lạnh”,* điển cố *“sân Lai”, “gốc tử”* để nói lên nỗi xót xa của nàng khi cha mẹ đã già mà không được chăm sóc chu đáo. Cụm từ "*cách mấy nắng mưa*" vừa nói được thời gian xa cách qua bao mùa mưa nắng vừa nói lên sự tàn phá của tự nhiên, của nắng mưa đối với con người và cảnh vật, lần nào nhớ về cha mẹ Kiều cũng *"nhớ ơn chín chữ cao sâu*"và luôn ân hận day dứt vì đã phụ công sinh thành nuôi dưỡng của cha mẹ. Còn gì xót xa hơn khi nghĩ đến cha mẹ đã già mà vẫn phải nhớ thương, ngày đêm lo lắng cho mình, vẫn tựa cửa chờ ngóng tin con. Là người con chí hiếu, Kiều đã quyết *"bán mình chuộc cha*", nhưng giờ đây nơi nghìn trùng xa cách, nàng vẫn không nguôi được nỗi nhớ thương, xót xa cho cha mẹ già. Ai sẽ thay mẹ chăm sóc cha mẹ luôn là câu hỏi xoáy sâu tâm can nàng. **Đến đây ta hiểu tại sao trong nỗi nhớ thương, Kiều lại nhớ Kim Trọng trước cha mẹ sau,** phải chăng trong hai chữ tình hiếu nàng đã tạm yên với chữ hiếu bởi khi bán mình chuộc cha Kiều đã phần nào đền đáp được công ơn sinh thành nuôi dưỡng của cha mẹ. Còn với Kim Trọng trước khi về Liêu Dương chịu tang chú, chàng đã kỳ vọng vào Kiều bao nhiêu.  
 "Giữ vàng giữ ngọc cho hay

Cho đành lòng kẻ chân mây với trời”

-Vậy mà giờ đây, tấm thân Kiều đã bị hoen ố, nàng đã phụ bạc chàng Kim vì thế nàng luôn ân hận, day dứt như một kẻ phụ tình. Nỗi đau ấy cứ xé tâm can nàng khiến nàng luôn nhớ đến Kim Trọng, nhớ người yêu trước nhớ cha mẹ sau, điều đó hoàn toàn phù hợp với quy luật tâm lý của Kiều. Đồng thời thể hiện sự tinh tế trong ngòi bút miêu tả tâm lý của Nguyễn Du. Điều đáng lưu ý là dù trong hoàn cảnh cô đơn ở lầu Ngưng Bích, Kiều là người đáng thương nhất nhưng trái tim Kiều đầy yêu thương nhân hậu vị tha. Nàng là người tình thủy chung, là người con rất mực hiếu thảo, thật đáng trân trọng biết bao.

**3. Đánh giá**

Chỉ với 8 câu thơ ngắn gọn , Nguyễn Du với nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật đặc sắc, tinh tế, đã thể hiện được tấm lòng thủy chung của Kiều với Kim Trọng và hiếu thảo của Kiều với gia đình. Dù trong hoàn cảnh khó khăn, cô độc, Kiều vẫn luôn đau đáu về người yêu, về trách nhiệm của người con với cha mẹ. Trách nhiệm và tấm lòng thương yêu người yêu, cha mẹ của nàng thật đáng quý biết bao. Nói đến Kiều, người ta thường nói đến cái tài, cái sắc, nhưng chính cái tình của Kiều đối với gia đình, đối với người yêu, đối với tất thảy mọi người trong cuộc đời này mới là điều làm nên nhân cách cao đẹp của Kiều.

**III. Kết bài**

Bằng việc sử dụng ngôn ngữ độc thoại nội tâm, những từ ngữ hình ảnh tinh tế, qua đoạn trích *"Kiều ở lầu Ngưng Bích*” nói chung và tám câu thơ trên nói riêng, Nguyễn Du đã khắc họa thành công và thật xúc động nỗi nhớ người yêu, nhớ cha mẹ của Thúy Kiều, qua đây cho ta thấy, Kiều không chỉ là một cô gái tài sắc vẹn toàn mà còn là người tình thủy chung, người con hiếu nghĩa. Đồng thời đoạn thơ cho ta thấy được tấm lòng ngợi ca trân trọng vẻ đẹp phẩm chất của con người, đặc biệt là người phụ nữ của thi nhân – một trong những biểu hiện cho cảm hứng nhân đạo trong sáng tác của Nguyễn Du.

=======================================================

**ĐÊ 16: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ ĐOẠN THƠ SAU:**

“Buồn trông cửa bể chiều hôm  
 Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa  
 Buồn trông ngọn nước mới sa

Hoa trôi man mác biết là về đâu   
 Buồn trông nội cỏ rầu rầu  
 Chân mây mặt đất một màu xanh xanh  
 Buồn trông gió cuốn mặt duềnh  
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”

( Trích “Kiều ở lầu Ngưng Bích, Trích Truyện Kiều của Nguyễn Du)

**I. Mở bài**

Nguyễn Du là đại thi hào dân tộc, là danh nhân văn hóa thế giới. Nhắc đến ông, người ta nhớ đến *“ Truyện Kiều”-* một tác phẩm đã nâng Tiếng Việt lên thành ngôn ngữ dân tộc. Đọc truyện, ta cảm nhận được trái tim nhân hậu, đa cảm đối với con người của nhà thơ. Như Mông Liên Đường chủ nhân trong lời tựa Truyện Kiều đã viết “*Lời văn tả ra hình như có máu chảy ở đầu ngọn bút, nước mắt thấm ở trên tờ giấy, khiến ai đọc cũng phải thấm thìa, ngậm ngùi, day dứt đến đứt ruột”.* Và có đọc tám câu thơ cuối của đoạn *“ Kiều ở lầu Ngưng Bích”* ta mới cảm nhận được nét tinh tế, được cái hay, cái đẹp của bút pháp tài ba của Nguyễn Du, đặc biệt là bút pháp *“vịnh cảnh ngụ tình”:*

“Buồn trông cửa bể chiều hôm  
Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa  
Buồn trông ngọn nước mới sa  
Hoa trôi man mác biết là về đâu   
Buồn trông nội cỏ rầu rầu  
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh  
Buồn trông gió cuốn mặt duềnh  
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”

**II. Thân bài**

**1. Khái quát đoạn trích**

- Đoạn trích nằm giữa hai biến cố đau xót. Đây là những biến cố giúp ta hiểu những bàng hoàng tê tái và sự lo âu về tương lại của nàng Kiều. Tại lầu Ngưng Bích, Kiều không thôi buồn nhớ. Nàng nghĩ đến thân phận hoa trôi bèo nổi của mình rệu rã tâm hồn. Nàng còn nhớ đến Kim trọng, nhớ đến đêm uống rượu hẹn thề mà đắng cay. Thấy thương Kim Trọng rày trông mai chờ mòn mỏi. Rồi nàng thương cha mẹ ngày đêm ngóng chờ. Song thân tuổi già hiu quạnh, không người kề cận mà xót xa trong lòng. Càng suy nghĩ, nàng càng đau đớn và tuyệt vong. Nhìn ra bốn bề mong tìm lấy một sự trợ giúp nào đó. Thế nhưng, càng mong đợi, lại càng thấy xa vời, mờ mịt hơn:

**2. Phân tích 8 câu thơ**

- Đoạn thơ chia ra làm bốn cặp lục bát, mở đầu mỗi cảnh là điệp từ “*buồn trông*” xuất hiện với âm hưởng trầm buồn, báo hiệu biết bao sóng gió, khó khăn phía trước. Đồng thời mỗi cặp lục bát cũng tương ứng với một nét tâm trạng của Thúy Kiều.

- Mở đầu là khung cảnh biển nước mênh mông:

*“Buồn trông cửa bể chiều hôm*

*Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa”*

- Nguyễn Du sử dụng linh hoạt hai từ láy “*thấp thoáng”, “ xa xa”* và kết hợp với đại từ phiếm chỉ *“ai”* cho thấy nỗi chờ đợi, trông ngóng trong vô vọng của nàng. Không chỉ vậy, Nguyễn Du cũng rất tinh tế khi lựa chọn khoảng thời gian để bộc lộ tâm trạng, đó là thời gian buổi chiều, gợi nhắc gợi nhớ về hơi ấm gia đình. Đúng lúc ấy lại xuất hiện hình ảnh *“cánh buồm”* nhỏ bé trước *“cửa bể”* rộng lớn, làm cho nỗi hoang vắng mênh mông càng lớn hơn. Đồng thời *“cánh buồn”* đó cũng chính là ẩn dụ cho thân phận bé nhỏ, lẻ loi của nàng.

- Bức tranh thứ hai, Nguyễn Du dựng nên cảnh dòng nước với đóa hoa trôi. Cảnh vật được nhìn bằng ánh mắt sầu não đến ghê gớm, trước mắt nàng lại hiện lên cảnh tan tác, chia lìa:

“Buồn trông ngọn nước mới sa  
Hoa trôi man mác biết là về đâu ?”

- Nàng Kiều tự ví bản thân mình với những cánh hoa mỏng manh, yếu đuối, thân phận chìm nổi lênh đênh không biết đi đâu về đâu. Kết hợp với câu hỏi tu từ *“biết là về đâu?”* càng cho thấy rõ hơn nữa thân phận bọt bèo, bấp bênh, vô định của nàng. Trong dòng nước mênh mang, cánh hoa trôi chao đảo, cứ dập dềnh, quẩn quanh, không biết trôi về đâu. Dòng nước ấy hay chính là dòng đời vạn biến.

- Cánh *“hoa trôi man mác”* trên *“ngọn nước mới sa”* gợi lên thân phận nhỏ bé, mỏng manh, lênh đênh trôi dạt trên dòng đời vô định không biết đi đâu về đâu. Số kiếp của bông hoa hay cũng chính là số kiếp của đời Kiều đấy thôi. Càng nghĩ càng thêm đáng sợ. Lỡ sa bước vào cạm bẫy cuộc đời giả trá, Kiều nào có hay. Để đến nỗi giờ đây nàng cũng không biết đời mình sẽ đi đâu về đâu. Rồi phận gái long đong, tuổi xuân cao quý cũng sẽ bị cuộc đời vùi dập tan tành mà thôi. Câu hỏi tu từ như chạm vào nơi sâu thẳm của trái tim người đọc.

- Bức tranh thứ 3, Nguyễn Du muốn nói với chúng ta rằng Kiều đang rất boăn khoăn và lo lắng cho tương lai của mình. Đó là một tương lai vô định, càng nghĩ ngợi càng thấy mờ mịt. Càng nhìn xa càng thấy mịt mờ. Dưới ánh mắt của Thúy Kiều, tất cả dường như mờ ảo, tan biển, ẩn giấu biết bao hoài nghi và bí mật :

“Buồn trông nội cỏ rầu rầu  
Chân mây mặt đất một màu xanh xanh”

- Hình ảnh cỏ, đã nhiều lần xuất hiện trong thơ Nguyễn Du, là sắc xanh non mơn mởn trong ngày hội xuân, đầy sức sống: *“Cỏ non xanh tận chân trời”.* Nhưng đến đây sắc xanh ấy đâu còn nữa, mà thay vào đó là màu sắc của sự tàn tạ, héo úa “*rầu rầu”.* Nội cỏ *“rầu rầu”* nhuốm màu đau thương trải rộng nơi “*chân mây mặt đất*” gợi cuộc sống úa tàn, **bi thương, vô vọng** kéo dài không biết đến bao giờ. *“Cỏ”* trong đôi mắt thấm đẫm tâm trạng của nàng Kiều *“rầu rầu*” tàn lụi, héo úa. Tác giả tả màu xanh của cỏ nối tiếp nhau đến tận chân trời, nhưng màu xanh ấy không sắc nét mà nhòe mờ, pha lẫn vào nhau, có phần đơn điệu. Màu cỏ héo úa như sắp tàn lụi như sắp từ biệt vũ trụ, kết thúc cuộc đời ngắn ngủi.

- Màu cỏ hay cũng chính là tâm hồn của Thúy Kiều đang héo úa, heo hắt, rệu rã trước cuộc đời. Phải chăng trong dòng nước mắt cô đơn và tủi cực mà cái nhìn của nàng **nhìn đâu cũng thấy vô vọng.**

- Đến bức tranh cuối cùng**,** một lần nữa nàng Kiều lắng lòng mình, để nghe những vang vọng của cuộc sống. Nhưng những thứ nàng nghe được chỉ là chuỗi âm thanh khủng khiếp:

“Buồn trông gió cuốn mặt duềnh  
Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi”

- Hình ảnh “*gió cuốn mặt duềnh*” và âm thanh ầm ầm của tiếng sóng “*kêu quanh ghế ngồi”* gợi tâm trạng lo sợ, hãi hùng của Thúy Kiều. Nàng hoàn toàn tuyệt vọng trong cái nghịch cảnh trớ trêu của mình*.* Nó như báo trước những trắc trở, như vẽ ra con đường gian nan mà nàng sẽ phải đi qua *“Ầm ầm tiếng sóng”.* Chỉ ngay sau lúc này, dông bão của số phận sẽ nổi lên, xô đẩy, vùi dập cuộc đời Kiều *“Thanh y hai lượt, thanh lâu hai lần”.* Với những nét vẽ này, Nguyễn Du khác họa đậm nét sự hoảng loạn, mất phương hướng trong tinh thần của Kiều. Nàng hoàng toàn tuyệt vọng trước dòng đời khắc nghiệt. Nàng cầu cứu trăm phương nhưng bất lực.

- Độc đáo hơn, khi những bức tranh tâm trạng được cụ Nguyễn Du sắp xếp theo trình tự tăng tiến. Từ cảm giác hoang mang trước của biển, đến suy nghĩ về tương lai vô định, nổi trôi của kiếp đời con gái. Sau đó là sự tuyệt vọng trước nghịch cảnh bế tắc, tối tăm. Cuối cùng, nàng rơi vào trạng thái hoang tưởng, tột cùng đau đớn và sợ hãi.

**3. Đánh giá**

Với nghệ thuật ẩn dụ, hệ thống câu hỏi tu từ, các từ láy “thấp thoáng”, “xa xa”, “man mác”,“rầu rầu”, “xanh xanh”, “ầm ầm”… đã góp phần làm nổi bật nỗi buồn nhiều bề trong tâm trạng Kiều. Tác giả lấy ngoại cảnh để bộc lộ tâm cảnh. Cảnh được miêu tả từ xa đến gần. Màu sắc từ nhạt đến đậm. Âm thanh từ tĩnh đến động. Nỗi buồn từ man mác, mông lung đến lo âu, kinh sợ, dồn đến cơn bão táp của nội tâm, cực điểm của cảm xúc trong lòng Kiều. Toàn là hình ảnh về sự vô định. Sự vật mong manh, dạt trôi. Lòng người chao đảo nghiêng đổ dữ dội. Cuối cùng hoàn toàn rơi vào bế tắc, tuyệt vọng đến tận cùng. Lúc này, Kiều bất lực , buông xuôi trước thực tại phũ phàng. Bởi thế, nàng ngây thơ mắc lừa Sở Khanh để rồi nàng bị đẩy xuống bùn nhơ của cuộc đời: *“Thanh y hai lượt, thanh lâu hai lần”.*

**III. Kết bài**

Tám câu thơ cuối trong đoạn trích *“Kiều ở lầu Ngưng Bích”* đặc tả tâm trạng cô đơn, buồn tủi và khổ đau của Thúy Kiều. Đoạn trích đã khẳng định sự kì tài của Nguyễn Du trong việc miêu tả nội tâm nhân vật bằng bút pháp “*tả cảnh ngụ tình*” đặc sắc. Đồng thời ta cũng thấy được tấm lòng nhân đạo, niềm cảm thương sâu sắc mà Nguyễn Du dành cho người con gái hồng nhan bạc mệnh. Khép lại đoạn thơ những hình ảnh, âm thanh của tám câu thơ cuối như còn lưu lại mãi trong tâm trí người đọc. Khiến cho người đọc day dứt khôn nguôi về một kiếp người tài hoa bạc mệnh.

====================================================

**CẢNH NGÀY XUÂN**

*( Nguyễn Du)*

**ĐỀ 17: PHÂN TÍCH ĐOẠN TRÍCH "CẢNH NGÀY XUÂN"**

**1. Mở bài**

Nguyễn Du là một đại thi hào của dân tộc Việt Nam. Tên tuổi của nhà thơ không chỉ nổi tiếng trong nước mà còn vang xa trên thi đàn thế giới. Sở dĩ tác giả đạt được niềm vinh quang đó là vì ông đã có một sự nghiệp sáng tác giá trị, trong đó xuất sắc nhất là Truyện Kiều - tác phẩm lớn nhất của nền văn học Việt Nam. Cảm hứng nhân đạo và vẻ đẹp ngôn từ của truyện thơ này đã chinh phục trái tim bao thế hệ bạn đọc trong gần hai trăm năm qua. Đọc đoạn trích "Cảnh ngày xuân", chúng ta càng cảm phục bút pháp miêu tả cảnh vật giàu chất tạo hình và man mác xúc cảm của tác giả.

**2. Thân bài**

- Bên cạnh nghệ thuật tả người, nghệ thật tả cảnh là một thành công đặc biệt của "Truyện Kiều". Bút pháp ước lệ tuy nghiêng về sự gợi tả, kích thích trí tưởng tượng của người đọc nhưng vẫn giú ta hình dung rất rõ về bức tranh thiên nhiên mùa xuân tười đẹp và tâm trạng của người du xuân trong giây phút trở về. Đoạn thơ có kết cấu theo trình tự thời gian của một cuộc du xuân. Bốn dòng thơ đầu là khung cảnh mùa xuân. Tám dòng thơ tiếp theo là cảnh lễ hội trong tiết Thanh minh. Và sáu dòng thơ cuối là cảnh và nỗi lòng của chị em Thúy Kiều lúc bóng chiều buông xuống.

- Mở đầu, Nguyễn Du đã phác họa một bức tranh mùa xuân thật ấn tượng. Không gian, thời gian hiện ra trong hai dòng thơ khơi gợi trí tưởng tượng của người đọc:

*Ngày xuân con én đưa thoi,*

*Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.*

- Khung cảnh thiên nhiên mang vẻ đẹp riêng của mùa xuân. Giữa bầu trời cao rộng, từng đàn chim én rộn ràng bay lượn như chiếc thoi trên khung dệt vải. Hình ảnh "con én đưa thoi" gợi bước đi của mùa xuân tương tự cách nói trong dân gian:

*"Thời giờ thấm thoắt thoi đưa*

*Hết mưa lại nắng, hết ngày lại đêm".*

Xung quanh tràn ngập "ánh thiều quang" - ánh sáng tươi đẹp - đang rọi chiếu lên toàn cảnh vật. Ánh nắng mùa xuân có nét riêng, không nóng bức như mùa hè cũng không dịu buồn như mùa thu mà trái lại, tạo một cảm giác tươi vui, trẻ trung, mới mẻ trong sự nồng ấm của những ngay đầu năm. Thời gian đầu năm trôi qua thạt nhanh làm sao! Cho nên cả hai câu thơ vừa miêu tả cảnh thiên nhiên tươi sáng đồng thời thể hiện niềm tiêc nuối trước sự trôi nhanh của thời gian. Thoắt một cái đã cuối xuân rồi, cái đẹp của mùa mở đầu một năm sắp hết.

- Chỉ bằng một câu thơ lục bát, bức họa xuân hiện ra đẹp đến không ngờ:  
 *Cỏ non xanh tận chân trời,*

*Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*.

- Cách viết của Nguyễn Du khiến ta không phân biệt được đâu là thơ, đâu là họa nữa. Thảm cỏ xanh non trải ra mênh mang đến "tận chân trời" là gam màu nền cho bức tranh xuân. Trên nền xanh mượt mà ấy được điểm xuyết một vài bông hoa lê trắng. Đây chính là cái hồn, cái thần, là nét vẽ trung tâm của bức tranh. Tiếp thu từ câu thơ cổ trung Quốc: "Phương thảo liên thiên bích / Lê chi sổ điểm hoa" (Cỏ thơm liền với trời xanh / Trên cành lê có mấy bông hoa), Nguyễn Du đã vận dụng sáng tạo khi thêm màu trắng vào câu thơ. Cả một không gian xuân hiện lên khoáng đạt, trong trẻo vô cùng. Màu sắc có sự hài hòa đến mức tuyệt diệu. Chỉ hai màu thôi mà có thể gợi nên vẻ mới mẻ, tinh khôi, tươi sáng, trẻ trung đầy thanh khiết đến như vậy. Tính từ "trắng" kết hợp với động từ "điểm" đã thể hiện được cái đẹp, cái sống động của câu thơ lẫn bức tranh xuân, gợi hình ảnh lay động của hoa làm cho cảnh vật trở nên sinh động, có hồn chứ không tĩnh lại. Những đường nét mềm mại, thanh nhẹ, sắc màu không sặc sỡ mà hài hòa, không tả nhiều mà vẫn gợi được vẻ đẹp riêng của mùa xuân. Phải là người sống chan hòa với thiên nhiên, cỏ cây và nhất là có tâm hồn rung động tinh tế, thi nhân mới có thể viết được những câu thơ nhẹ nhàng mà đầy biểu cảm tuyệt vời đến thế. Dường như Nguyễn Du đã thay mặt tạo hóa dùng ngòi bút để chấm phá bức tranh nghệ thuật cho riêng mình. Nhà thơ Hàn Mặc Tử trong bài "Mùa xuân chín" cũng đã ít nhiều ảnh hưởng Nguyễn Du khi vẽ cảnh mùa xuân:

*Sóng cỏ xanh tươi gợn tới trời,*

*Bao cô thiếu nữ hát trên đồi.*

- Đoạn thơ có sự chuyển tiếp nhịp nhàng, tự nhiên. Từ khung cảnh mùa xuân tươi mới, êm đềm ấy, nét bút của Nguyễn Du bắt đầu tập trung khắc họa những hoạt động của con người. Họ là những người đi tảo mộ, đi chơi xuân ở miền quê kiểng. Và trong lễ hội dập dìu đó có những nhân vật của Nguyễn Du - chị em Thúy Kiều - đang thong thả chơi xuân:

*Thanh minh trong tiết tráng ba*

*Lễ là tảo mộ, hội là đạp thanh.*

- Tiết Thanh minh vào đầu tháng ba, khí trời mát mẻ, trong trẻo. Người người đi viếng, quét dọn, sửa sang và lễ bái, khấn nguyện trước phần mộ tổ tiên. Sau "lễ tảo mộ" là đến "hội đạp thanh", khách du xuân giẫm lên cỏ xanh - một hình ảnh quen thuộc trong các cuộc chơi xuân đầy vui thú ở chốn làng quê. Cách sử dụng điệp từ "lễ là", "hội là" gợi ấn tượng về sự diễn ra liên tiếp của các lễ hội dân gian, niềm vui tiếp nối niềm vui.

- Không khí lễ hội rộn ràng, huyên náo bỗng hiện ra thật sinh động trong từng dòng thơ giàu hình ảnh và nhạc điệu:

*Gần xa nô nức yến anh,*

*Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân.*

*Dập dìu tài tử giai nhân,*

*Ngừa xe như nước áo quần như nêm.*

- Tài năng của Nguyễn Du được thể hiện qua cách sử dụng ngôn từ. Sự xuất hiện của hàng loạt các từ ngữ hai âm tiết bao gồm danh từ, động từ, tính từ như: gần xa, yến anh, chị em, tài tử, giai nhân, nô nức, sắm sửa, dập dìu,... đã gợi lên bầu không khí rộn ràng của lễ hội đồng thời làm rõ hơn tâm trạng của người đi trẩy hội. Hầu hết các câu thơ đều được ngắt nhịp đôi (2/2) cũng góp phần gợi tả không khí nhộn nhịp, đông vui của lễ hội. Cách nói ẩn dụ "nô nức yến anh" gợi hình ảnh từng đoàn người náo nức du xuân như chim én, chim oanh bay ríu rít. Câu thơ "Chị em sắm sửa bộ hành chơi xuân", Nguyễn Du không chỉ nói lên một lời thông báo mà còn giúp người đọc cảm nhận được những trông mong, chờ đợi của chị em Kiều. Trong lễ hội mùa xuân, nhộn nhịp nhát là những am thanh nữ tú, trai thanh gái lịch vai sánh vai, chận nối chân nhịp bước. Họ chính là linh hồn của ngày hội. Cặp tiểu đối "tài tử"/"giai nhân", "ngựa xe như nước"/"áo quần như nêm" đã khắc họa rõ nét sự hăm hở của tuổi trẻ. Họ đến với hội xuân bằng tất cả niềm vui sống của tuổi xuân. Trong đám tài tử giai nhân ấy có ba chị em Thúy Kiều. Có lẽ, Nguyễn Du đã miêu tả cảnh lễ hội bằng đôi mắt và tâm trạng của hai cô gái "đến tuổi cập kê" trước cánh cửa cuộc đời rộng mở nên cái náo nức, dập diu từ đó mà ra. Toàn bộ dòng người đông vui, tưng bừng đó tấp nập ngựa xe như dòng nước cuốn, áo quần đẹp đẽ, thướt tha đống đúc "như nêm" trên các nẻo đường. Thật là một lễ hội tưng bừng, sang trọng và phong lưu.

- Cái hay, cái khéo của Nguyễn Du còn được thể hiện ở chỗ chỉ bằng vài nét phác thảo, nhà thơ đã làm sống lại những nét đẹp văn hóa ngàn đời của người Phương Đông nói chung và dân tộc Việt Nam nói riêng. Lễ tảo mộ, hội đạp thanh không chỉ là biểu hiện đẹp của lòng biết ơn tổ tiên, của tình yêu con người trước cảnh sắc quê hương, đất nước mà còn gợi lên một vẻ đẹp của đời sống tâm linh với phong tục dân gian cổ truyền:

*Ngổn ngang gò đống kéo lên,*

*Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay.*

- Người đã khuất và người đang sống, quá khứ và hiện tại như được kéo gần lại. Ta nhận ra một niềm cảm thông sâu sắc mà Nguyễn Du đã gởi vào những dòng thơ: có thể hôm nay, sau hơn hai trăm năm, suy nghĩ của chúng ta có ít nhiều thay đổi trước cảnh: "Thoi vàng vó rắc tro tiền giấy bay" thế nhưng giá trị nhân đạo được gửi gắm vào những vần thơ của Nguyễn Du vẫn làm ta thực sự xúc động.  
"Ngày vui ngắn chẳng tày gang". Cuộc vui nào rồi cũng đến lúc tàn. Buổi du xuân vui vẻ cũng dã tới chỗ phải nói lời tạm biệt. Vẫn là cảnh mùa xuân, vẫn là không khí của ngày hội lễ, nhưng bây giờ là giây phút cuối ngày:

*Tà tà bóng ngả về tây,*

*............*

*Dịp cầu nho nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.*

- Nếu câu thơ mở đầu của "Cảnh ngày xuân" chan hòa ánh sáng "thiều quang" thì đến đây, hoàng hôn dường như bắt đầu nhuốm dần xuống phong cảnh và con người. Hội đã hết, ngày đã tàn nên nhịp thơ không còn cái rộn ràng, giục giã mà trái lại thật chậm rãi, khoan thai. Cảnh vật vì thế mang cái vẻ nên thơ, diu êm, vắng lặng trong ánh nắng nhạt dần. Dòng khe có chiếc cầu nho nhỏ cuối ghềnh tạo thành đường nét thể hiện linh hồn của bức tranh một buổi chiều xuân. Nhịp chân có chút tâm tình man mác nên "thơ thẩn" và đến đây là "bước dần", chẳng có gì nao nức, vội vàng. Các từ láy "tà tà", "thanh thanh", "nho nhỏ", "nao nao" góp phần làm nên sự yên ắng và nỗi buồn của cảnh vật, của con người. Cảnh vật và thời gian được miêu tả bằng bút phá ước lệ cổ điển nhưng vẫn gợi cho người đọc cảm giác gần gũi, thân quen vì nó đã thấm hồn dân tộc, mang bóng dáng cảnh sắc quê hương Việt Nam.

- Rõ ràng, cảnh ở đây được nhìn qua tâm trạng nhân vật tham gia vào lễ hội. Hai chữ "nao nao" (Nao nao dòng nước uốn quanh) đã nhuốm màu tâm trạng lên cảnh vật. Dòng nước nao nao, trôi chậm lưu luyến bên chân cầu nho nhỏ, phải chăng cũng là nỗi lưu luyến, tiếc nuối của lòng người khi ngày vui chóng qua? Nguyễn Du đã từng viết: "Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ?". Vì vậy, khi vào lễ hội, người vui thì cảnh sắc rộn ràng tười mới. Lúc lễ hội tan rồi, người về sao tránh khỏi sự xao xuyến, cảnh sắc sao tránh khỏi màu ảm đạm! Dường như có một nỗi niềm man mác, bâng khuâng thấm sâu, lan tỏa trong tâm hồn vốn đa tình, đa cảm như Thúy Kiều. Và ở sáu dòng cuối này, Nguyễn Du không chỉ nhằm nói tâm trạng buồn tiếc khi lễ hội vừa tàn, mà hình như, ông chuẩn bị đưa nhân vật của mình vào một cuộc gặp gỡ khác, một thế giới khác. Như ta đã biết, ngay sau buổi Thanh minh, Nguyễn Du đã sắp đặt để Thúy Kiều gặp Đạm Tiên và Kim Trọng. Vì thế, cảnh vật trong hoàng hôn này cũng là một dự báo, một linh cảm cho đoạn trường mà đời kiều sắp phải bước qua. Tả cảnh, tả tình như thế thật khéo, cách chuyển ý cũng thật tinh tế, tự nhiên.

**3. Kết bài**

Nhà thơ, ngôn ngữ như chạm khắc, như thoát khỏi khuôn khổ trói buộc của công thức, ước lệ để làm sống lại bức tranh xuân và tâm trạng con người. Cả một khung cảnh xuân thơ mộng, tràn đầy ấy như hiện ra trước mắt. Ta bỗng nhớ đến những ngày ngây thơ, trong sáng của kiều rồi ngẫm lại chẵng đường trôi dạt mười lăm năm của người phụ nữ tài sắc ấy mà cảm thương cho số phận một con người.

**==============================================**

**CHUYÊN ĐỀ 2: THƠ HIỆN ĐẠI VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1945 - 1975**

**BÀI 1: ĐỒNG CHÍ**

***(****Chính Hữu)*

**ĐỀ 18:** **PHÂN TÍCH CƠ SỞ HÌNH THÀNH TÌNH ĐỒNG CHÍ, ĐỒNG ĐỘI ĐƯỢC THỂ HIỆN THÔNG QUA ĐOẠN THƠ SAU:**

*“Quê hương anh nước mặn đồng chua*

*Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá*

*Anh với tôi đôi người xa lạ*

*Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau*

*Súng bên súng đầu sát bên đầu*

*Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỷ*

*Đồng chí!*

**1. Mở bài**

Chính Hữu là cây bút thơ tiêu biểu trong nền thơ ca thời kháng chiến chống thực dân Pháp. Vốn là một người lính nên tác phẩm của ông chủ yếu viết về chiến tranh và người lính, qua những trang thơ mang giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết, ngôn ngữ cô đọng, hàm súc gợi nhiều ý nghĩa biểu tượng nên tác phẩm của ông được đông đảo bạn đọc đón nhận. “Đồng chí” là một bài thơ như thế. Đến với tác phẩm qua những câu thơ nói về cơ sở hình thành tình đồng chí, đồng đội. Nhà thơ giúp ta cảm nhận được vẻ đẹp của anh bộ đội Cụ Hồ trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát**

|  |
| --- |
| **- Hoàn cảnh sang tác:** Bài thơ *“****Đồng chí”***được sáng tác năm 1948, sau khi tác giả tham gia chiến dịch Việt Bắc Thu- Đông( 1947)- thời kỳ đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.  **- Chủ đề:** Bài thơ ca ngợi tình đồng đội gian khổ có nhau của các anh bộ đội Cụ Hồ trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp.  **- Vị trí đoạn thơ:**7 câu thơ trên thuộc phần đầu của bài thơ *“Đồng chí”*, 7 câu thơ đầu là những lời thơ xúc động của Chính Hữu khi kể về những người lính với hoàn cảnh xuất thân, lí tưởng, tấm lòng… có những điểm tương đồng, là cơ sở nảy sinh tình đồng chí, đồng đội gắn bó keo sơn. |
| **b. Phân tích thơ** |
| *\* Dẫn dắt:* Trước tiên, tình đồng chí bắt nguồn từ sự tương đồng về hoàn cảnh xuất thân (Hay lòng đồng cảm giai cấp):  *“Quê hương anh nước mặn, đồng chua*  *Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá”.*  - Hai câu thơ đầu tiên, tác giả sử dụng nghệ thuật đối *“quê hương anh” – ‘làng tôi”, “nước mặn, đồng chua” - “đất cày lên sỏi đá”*, gợi lên sự tương đồng về quê hương của những người lính.  - Thành ngữ *"nước mặn đồng chua"* gợi lên một miền đất nắng gió ven biển, đất đai bị nhiễm phèn, nhiễm mặn, rất khó trồng trọt. Cái đói, cái nghèo như manh nha từ trong làn nước. Còn cụm từ “đất cày lên sỏi đá” lại gợi lên trong lòng người đọc về một vùng đồi núi, trung du đất đai cằn cỗi, khó canh tác. Cái đói, cái nghèo như ăn sâu vào trong lòng đất.  - Lời thơ mộc mạc, giản dị, chân thành đã cho thấy những người lính, họ đều xuất thân từ những người nông dân chân lấm tay bùn, vất vả và nghèo khó. Các anh tuy có khác nhau về địa giới, người miền xuôi, kẻ miền ngược thì cũng giống nhau ở cái nghèo, cái khổ. Chính sự tương đồng về cảnh ngộ, sự đồng cảm giai cấp là sợi dây tình cảm nối họ lại với nhau, là cơ sở ban đầu để hình thành trong họ tình đồng chí, đồng đội gắn bó keo sơn. |
| *\* Chuyển ý***: Không chỉ tương đồng về hoàn cảnh xuất thân, từ những con người vốn chẳng hề thân quen, nay cùng chung lí tưởng cách mạng mà gặp gỡ, từ đó mà làm nên tình đồng chí.**  *“Anh với tôi đôi người xa lạ*  *Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau”.*  - Nếu trong 2 câu thơ mở đầu, "*tôi*", "*anh*" đứng ở 2 vị trí độc lập, tách rời thì đến 2 câu thơ này, "*tôi*", "anh" đã chung trong một dòng thơ. Nhà thơ không nói "*hai người xa lạ*" mà là "*đôi người xa lạ*"! Vì thế ý thơ được nhấn mạnh, mở rộng thêm. *Đôi* có nghĩa là sự gắn bó chặt chẽ, keo sơn, thắm thiết. Dùng từ *đôi*, Chính Hữu đã muốn khẳng định tình thân gắn bó không thể tách dời giữa những người lính chiến sĩ.  - Câu thơ *“súng bên súng, đầu sát bên đầu”* có sự đối ứng chặt chẽ: *“Súng bên súng”* là cách nói giàu hình tượng để diễn tả sự cùng nhau kề vai sát cánh đi bên nhau trong chiến đấu; cùng chung mục tiêu, cùng chung nhiệm vụ***.*** *“Đầu sát bên đầu”* là cách nói hoán dụ tượng trưng cho ý chí, quyết tâm chiến đấu của những người lính trong cuộc kháng chiến trường kì của dân tộc.  - Câu thơ chia làm 2 vế tiểu đối đã làm nổi bật hình ảnh những người đồng đội luôn sát cánh bên nhau. |
| - Trong cuộc sống nơi chiến trường, họ cùng trải qua những khó khăn, thiếu thốn. Đó cũng là cơ sở để những người lính thể hiện tình đồng chí đồng đội gắn bó “*Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”*.  - Cuộc sống chiến đấu đã gắn kết những người chiến sĩ. Hai dòng chữ chỉ có một chữ *chung* mà cái chung đã bao trùm lên tất cả. Câu thơ đã gợi lên một hình ảnh đẹp đong đầy những kỉ niệm. Những người lính đã từng chiến đấu nơi chiến khu Việt Bắc hẳn không ai quên được cái rét của núi rừng như nhà thơ Tố Hữu đã viết:  *Rét Thái Nguyên rét về Yên Thế*  *Gió qua rừng Đèo Khế gió sang*.  - Và cũng chẳng ai quên được sự yêu thương chia sẻ của mọi người “*bát cơm sẻ nửa, chăn sui đắp cùng*” (Tố Hữu). Họ cùng nhau chia sẻ vui buồn, họ kể cho nhau nghe về bản thân mình; họ cùng truyền cho nhau hơi ấm tình đồng đội... Và nếu như "*anh với tôi*" vẫn còn có một chút khoảng cách thì đến bây giờ, khi "*đêm rét chung chăn*", mọi khoảng cách đã không còn.  => Tất cả những hành động và tình cảm chân thành ấy đã làm nên những người bạn “tri kỉ” tri âm mà cao hơn là tình đồng chí, đồng đội bền chặt, thiêng liêng. |
| - Khép lại đoạn thơ là một câu thơ có vị trí rất đặc biệt, được cấu tạo bởi hai từ: “ đồng chí!”.  - Câu thơ vang lên như một phát hiện, một lời khẳng định, một định nghĩa về đồng chí. Thể hiện cảm xúc dồn nén, được thốt ra như một cao trào của cảm xúc, trở thành tiếng gọi thiets tha của tình đòng chí, đồng đội. Dòng thơ đặc biệt ấy như một bản lề gắn kết. Nó nâng cao ý thơ đoạn trước và mở ra ý thơ đoạn sau. Dấu chấm cảm đi kèm hai tiếng ấy bỗng như chất chứa bao trìu mến yêu thương.  **c. Đánh giá**  => Với giọng điệu tâm tình, thiết tha, lời thơ giản dị, nồng ấm; đoạn thơ đã đi sâu khám phá, lí giải cơ sở của tình đồng chí. Đồng thời tác giả đã cho thấy sự biến đổi kì diệu từ những người nông dân hoàn toàn xa lạ trở thành những người đồng chí đồng, đội sống chết có nhau. Tình đồng chí, đồng đội nảy nở và bền chặt trong sự chan hoà, chia sẻ mọi gian lao cũng như những niềm vui, nỗi buồn. Đó là mối tình tri kỉ của những người bạn chí cốt, những người đồng chí, đồng đội, sống gắn bó bên nhau.  **3. Kết bài**  Có thể nói rằng “Đồng chí” của Chính Hữu là một bài thơ độc đáo. Bài thơ ấy và nhất là khổ thơ thứ nhất đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng của nhà thơ Chính Hữu, càng thêm trân trọng, yêu mến những người lính bộ đội cụ Hồ và hơn cả là càng thêm tự hào về lịch sử oai hùng của dân tộc. Đoạn thơ còn đem đến cho ta những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về tinh thần vượt khó, bài học về lòng yêu nước, về tình yêu quê hương. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử, “ Đồng chí” của Chính Hữu vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.  **=======================================================** |
|  |

**ĐỀ 19: Phân tích những biểu hiện cao đẹp của tình đồng chí, đồng đội (10 câu tiếp):**

“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày

Gian nhà không mặc kệ gió lung lay

Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính

Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh

Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi

Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày

Thương nhau tay nắm lấy bàn tay.

(Trích Đồng chí của Chính Hữu)

**1. Mở bài**

Viết về người lính và chiến tranh nhưng văn thơ hiện đại Việt Nam không đi sâu khai thác những khó khăn gian khổ, những mất mát đau thương của những người lính mà chủ yếu hướng ngòi bút của mình khai thác vẻ đẹp của họ trên nhiều bình diện, đặc biệt là tình đồng chí đồng đội cao đẹp. Đến với bài thơ “Đồng Chí” của nhà thơ Chính Hữu đặc biệt đến với khổ thơ trên đã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp giản dị, chân thực cũng như sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội của những người lính cụ Hồ trong những năm tháng kháng chiến chống Pháp đầy khó khăn gian khổ.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát**

|  |
| --- |
| **- Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ được sáng tác năm 1948, sau chiến dịch Việt Bắc năm 1947, lúc đó Chính Hữu là chính trị viên đại đội. Ông đã tham gia chiến đấu cùng những người đồng đội, làm rất nhiều công việc vất vả. Sau chiến dịch, Chính Hữu bị ốm nặng. Những người đồng đội đã chăm sóc cho ông tận tình, chu đáo. Thấu hiểu tình cảm của những người đồng chí, đồng đội, Chính Hữu đã viết bài thơ "Đồng chí" như một lời cảm ơn những người đồng đội của mình. Chính vì vậy mà tình đồng chí là sợi chỉ hồng xuyên suốt, là chủ đề của bài thơ.  **- Chủ đề:** Bài thơ thể hiện rõ tình đồng đội keo sơn gắn bó giữa những người chiến sĩ quân đội nhân dân trong cuộc sống chiến đấu gian khổ.  **- Vị trí đoạn thơ:** Đoạn thơ trên thuộc phần giữa của bài thơ,khổ thơ thứ 2 trong bài thơ đã làm hiện lên vẻ đẹp giản dị, chân thực cũng như sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội của hững người lính trong những năm tháng đầy khó khăn gian khổ. |
| **b. Phân tích thơ** |
| *\* Dẫn dắt:* Tình đồng chí, trước hết, là *sự cảm thông sâu xa những hoàn cảnh, tâm tư, nỗi niềm sâu kín của nhau*:  "Ruộng nương anh gửi bạn thân cày  Gian nhà không mặc kệ gió lung lay  Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính’  *- Những người lính thấu hiểu sâu sắc cảnh ngộ, mối bận lòng của nhau về chốn quê nhà.*  - Hai câu thơ đầu sử dụng *đại từ nhân xưng "anh"* chứ không phải là "*tôi*" cho ta thấy những người chiến sĩ hiểu bạn như hiểu mình; nói về bạn mà như nói về chính mình. *Hoàn cảnh của “anh”* là một hoàn cảnh còn nhiều khó khăn: neo người, thiếu sức lao động “ ruộng …cày”. - Hình ảnh “ gian nhà không” đã diễn tả cái nghèo về vật chất và thiếu thốn cả người trụ cột trong gia đình các anh. Ruộng nương, căn nhà là những tài sản quý giá, gần gũi, gắn bó, vậy mà họ sẵn sàng bỏ lại nơi hậu phương.  - Không những thế, họ còn thấu hiểu lí tưởng, ý chí lên đường giải phóng quê hương của bạn mình.  - Từ “*mặc kệ*” đặt giữa câu thơ cùng hình ảnh làng quê gợi sự xúc động và niềm tự hào trong lòng người đọc về những anh bộ đội cụ Hồ. “*Mặc kệ*” ở đây không có nghĩa là bỏ mặc mà là sự dứt khoát của những người lính. Họ tạm biệt làng quê để lên đường theo tiếng gọi của qh đất nước mang theo cả nỗi nhớ quê hương. Họ sẵn sàng từ biệt những gì là gắn bó, thân thiết với cuộc đời mình để lên đường tham gia chiến đấu.  - Những người lính còn thấu hiểu cả nỗi nhớ quê nhà luôn đau đáu, thường trực trong tâm hồn của nhau.  - Hình ảnh “giếng nước gốc đa” là một hình ảnh rất giàu sức gợi, đây vừa là hình ảnh được nhân hóa, lại vừa là hoán dụ biểu trưng cho quê hương, người thân nơi hậu phương luôn luôn dõi theo và nhớ nhung người lính da diết.  - Câu thơ nói quê hương nhớ người lính mà thực ra là người lính đang nhớ nhà. *Nỗi nhớ hai chiều* nên càng da diết, khôn nguôi. Đó cũng là cách tự vượt lên chính mình, nén tình riêng vì nghĩa lớn. Chính nỗi nhớ quê hương ấy lại là động lực mạnh mẽ giúp người lính quyết tâm chiến đấu. |
| - Không chỉ có vậy, biểu hiện của tình đồng chí còn là *sự cùng nhau chia sẻ những gian lao, thiếu thốn trong cuộc đời người lính.*  - Chính Hữu là người trực tiếp tham gia chiến dịch việt Bắc Thu- Đông năm 1947. Hơn ai khác, ông thấu hiểu những thiếu thốn và khó khăn mà người lính gặp phải, trước hết đó là người lính phải đối mặt với những cơn sốt rét:  *Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*  *Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi*.  - Bằng *bút pháp miêu tả* hết sức chân thực, hình ảnh thơ chọn lọc, nhà thơ đã vẽ lên bức tranh hiện thực sống động về người lính với sự đồng cảm sâu sắc.  - Hình ảnh: *“ớn lạnh, sốt run người, ướt mồ hôi”* là những biểu hiện cụ thể để nói về căn bệnh sốt rét rừng rất nguy hiểm khi mà trong chiến tranh không hề có đủ thuốc men để chạy chữa. Đây là một hình ảnh xuất phát từ cái nhìn chân thực của người lính trong chiến tranh. Chữ “biết” chỉ sự nếm trải. Có trải qua mới thấm thía cái ám ảnh đáng sợ của những trận sốt rét ác tính. Cụm từ *anh với tôi* trong câu thơ đã diễn đạt rất rõ sự chia sẻ của những người đồng đội.  => Chính sự quan tâm giữa những người lính đã trở thành điểm tựa vững chắc để họ vượt qua những gian khổ, khó khăn.  - Ngoài nỗi khổ vì bệnh tật, trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến, những người lính còn chịu khó khăn, thiếu thốn đủ bề.  *Áo anh rách vai*  *Quần tôi có vài mảnh vá*  *Miệng cười buốt giá*  *Chân không giày.*  - Nhịp thơ lúc này như chậm hơn, lắng lại. Những từ ngữ trong thơ giản dị, mộc mạc, những hình ảnh đối xứng, sóng đôi đã giúp tác giả tái hiện một cách chân thực, không cường điệu, không tô vẽ về cuộc sống của người lính trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp.  - Hình ảnh: "áo rách vai, quần vài mảnh vá, chân không giày" là những hình ảnh liệt kê đã miêu tả chính xác, cụ thể những thiếu thốn của người lính. Hơn ai hết, Chính Hữu đã từng là người lính trực tiếp tham gia chiến đấu, ông hiểu cặn kẽ những thiếu thốn, những khó khăn gian khổ mà người lính phải trải qua.  - Thế nhưng, chính những khó khăn gian khổ ấy lại càng tô đậm vẻ đẹp của người chiến sĩ, tô đậm tình yêu thương, sự gắn bó, sẻ chia. Trong khó khăn gian khổ, họ vẫn lạc quan, yêu cuộc sống. Câu thơ “*miệng cười buốt giá”* đã làm bừng sáng cả bài thơ. Sự đối ý trong câu thơ này đã nhấn mạnh tinh thần lạc quan của những người chiến sĩ. Trong khó khăn gian khổ nhưng họ vẫn lạc quan để vượt lên hoàn cảnh, để truyền cho nhau hơi ấm và sức mạnh, để rồi xuất hiện một ý thơ thật đẹp:  *"Thương nhau tay nắm lấy bàn tay*".  - Đây là chi tiết thơ chọn lọc, vừa chân thực, vừa giàu sắc thái biểu cảm. Hình ảnh này xuất phát từ thực tế nắm lấy bàn tay bạn để bàn tay cóng vì rét buốt được sưởi ấm. Nhưng thật bất ngờ cái đôi bàn tay truyền hơi ấm ấy đã trở thành bàn tay giao cảm. Các anh đã truyền cho nhau hơi ấm của tình yêu thương, sức mạnh của tình đồng đội. Cái nắm tay thân ái xiết chặt thêm tình đồng chí, để gạt bớt khó khăn gian khổ. Một biểu hiện cao đẹp của tình đồng chí đồng đội. Có thể nói chính tình đồng chí, đồng đội sâu nặng đã nâng đỡ bước chân người lính, sưởi ấm tâm hồn họ trên mọi nẻo đường chiến đấu. |

=> Với giọng điệu tâm tình, thiết tha; lời thơ giản dị, nồng ấm; chỉ với 10 dòng thơ nhưng tác giả đã tái hiện một cách chân thực vẻ đẹp chân chất, mộc mạc, bình dị của người lính cụ Hồ trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp: mặc dù trải qua nhiều khó khăn, thiếu thốn nhưng các anh luôn vượt qua, thấu hiểu, đồng cam cộng khổ và có tinh thần lạc quan.

**3. Kết bài**

Đoạn thơ kết thúc nhưng dư âm còn vang mãi trong lòng mỗi người. Hình ảnh người chiến sĩ với tình cảm đồng chí, đồng đội như còn khắc sâu trong tâm trí người đọc. Ta thêm cảm phục, tự hào về những con người bình dị mà cao đẹp trong buổi đầu kháng chiến đầy gian khổ. Từ đó, ta mới thấy hết được trách nhiệm của bản thân trong việc bảo vệ và phát triển quê hương, dân tộc mình.

**===========================================================**

**ĐÊ 20: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ HÌNH TƯỢNG NGƯỜI LÍNH TRONG BÀI THƠ “ĐỒNG CHÍ” CỦA CHÍNH HỮU.**

**I. Mở bài**

**Cách 1:**

Hình ảnh người lính trong kháng chiến luôn là một đề tài bất tận của thơ ca kháng chiến. Ở mỗi một thời kì, họ lại hiện lên với những vẻ đẹp khác nhau, có lúc thì sôi nổi, trẻ trung, khi thì hào hoa, lãng mạn. Đến với Chính Hữu, chúng ta bắt gặp hình ảnh của người lính nông dân chân chất và mộc mạc trong kháng chiến chống Pháp. Hình ảnh đấy được thể hiện hết sức sâu sắc và cảm động trong bài thơ “Đồng chí”.  
**Cách 2:**

Trong cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc vĩ đại, hình ảnh người lính mãi mãi là hình ảnh cao quý nhất, đẹp đẽ nhất. Hình tượng người lính đã đi vào lòng người và văn chương với tư thế, tình cảm và phẩm chất cao đẹp. Một trong những tác phẩm ra đời sớm nhất, tiêu biểu và thành công nhất viết về tình cảm của những người lính Cụ Hồ là bài*“Đồng chí”* của Chính Hữu. Bài thơ được sáng tác năm 1948. Bằng những rung động mới mẻ và sâu lắng, bằng chính sự trải nghiệm của người trong cuộc, qua bài thơ *“Đồng chí”,* Chính Hữu đã diễn tả thật sâu sắc tình đồng chí gắn bó thiêng liêng của anh bộ đội thời kháng chiến.

**II.Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ “Đồng chí” của Chính Hữu được sáng tác vào đầu năm 1948 khi cuộc kháng chiến chống Pháp đang diễn ra vô cùng ác liệt. Sau khi cùng đồng đội tham gia chiến đấu trong chiến dịch Việt Bắc (thu đông 1947) đánh bại cuộc tiến công quy mô lớn của giặc Pháp lên chiến khu Việt Bắc, Chính Hữu bị ốm nặng được đưa về trạm quân y điều trị. Đơn vị cử một người đồng đội ở lại để chăm sóc ông. Cảm kích trước tấm lòng của người đồng đội ấy, ông đã sáng tác bài thơ này. Bài thơ đã giúp người đọc hiểu thêm về một tình cảm cao đẹp- tình đồng chí và vẻ đẹp tâm hồn của những người lính bộ đội cụ Hồ.

**- Chủ đề:** Với cái nhìn chân thực của người lính-người trong cuộc-người trực tiếp cầm súng ra mặt trận, Chính Hữu đã khắc họa thành công vẻ đẹp sống động từ hoàn cảnh xuất thân đến tâm hồn và ý chí nghị lực mạnh mẽ, dũng cảm, chan chứa tình đồng chí của người lính cách mạng.

**2**. **Cảm nhận về hình tượng người lính trong bài thơ**

**a.** **Cơ sở hình thành tình đồng chí**

- Thật vậy, trong 7 câu thơ đầu, nhà thơ lý giải **cơ sở hình thành tình đồng chí** thắm thiết, sâu nặng của những người lính cách mạng.

**\*Luận cứ 1: Cùng chung cảnh ngộ xuất thân ( Lòng đồng cảm giai cấp)**

- Cảm nhận đầu tiên của chúng ta khi đọc bài thơ là hình ảnh người lính hiện lên rất thực, thực như trong cuộc sống còn nhiều vất vả lo toan của họ. Ngỡ như từ cuộc đời thực họ bước thẳng vào trang thơ, trong cái môi trường quen thuộc bình dị thường thấy ở làng quê ta còn đói nghèo lam lũ:

*“Quê hương anh nước mặn đồng chua,*

*Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá”.*

- Hai câu đầu với cấu trúc sóng đôi cùng cách xưng hô *“anh - tôi”* thân mật gần gũi đã thể hiện sự tương đồng về hoàn cảnh của những người lính. Giọng điệu thủ thỉ, tâm tình như lời kể chuyện, tâm sự của hai người đồng đội nhớ lại kỉ niệm về những ngày đầu tiên gặp gỡ. Họ đều là con em của những vùng quê nghèo khó, là những nông dân ở nơi “*nước mặn đồng chua*” hoặc ở chốn “*đất cày lên sỏi đá”*.

- Đúng như Nguyên Hồng đã viết: *“Lũ chúng tôi bọn người tứ xứ”*, họ có người đến từ miền biển, có người đến từ đồi núi. Nhưng tất cả họ đều lớn lên từ những vùng cơ cực, lớn lên trong cảnh nghèo khó, lam lũ, vất vả. Hình ảnh “*quê hương anh*” và “*làng tôi*” hiện lên với biết bao nỗi gian lao vất vả, mặc dù nhà thơ không chú ý miêu tả. Nhưng chính điều đó lại làm cho hình ảnh vốn chỉ là danh từ chung chung kia trở nên cụ thể đến mức có thể nhìn thấy được, nhất là dưới con mắt của những người con làng quê Việt Nam. Thành ngữ dân gian được tác giả vận dụng rất tự nhiên, nhuần nhuỵ khiến người đọc có thể dễ dàng hình dung được những miền quê nghèo khổ, nơi sinh ra những người lính. Khi nghe tiếng gọi thiêng liêng của Tổ Quốc, họ sẵn sàng ra đi và nhanh chóng có mặt trong đoàn quân chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc. Hai câu thơ đầu theo cấu trúc sóng đôi, đối ứng: “*Quê anh – làng tôi*” đã diễn tả **sự tương đồng về cảnh ngộ.** Và chính sự tương đồng về cảnh ngộ ấy đã trở thành niềm đồng cảm giai cấp, là **cơ sở cho tình đồng chí, đồng đội của người lính**.

**\* Luận cứ 2:** **Cùng chung lí tưởng chiến đấu**

- Những tưởng hai con người ở hai vùng quê nghèo đói đấy sẽ chẳng bao giờ gặp được nhau, ấy vậy mà chiến tranh nổ ra, những con người hoàn toàn xa lạ ấy lại *“quen nhau”*

*“Anh với tôi đôi người xa lạ*

*Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau”*

- Những câu thơ mộc mạc, tự nhiên, mặn mà như một lời thăm hỏi. Họ hiểu nhau, thương nhau, tri kỉ với nhau bằng tình tương thân tương ái vốn có từ lâu giữa những người nghèo, người lao động. Nhưng *“tự phương trời”* họ về đây không phải do cái nghèo xô đẩy, mà họ về đây đứng trong cùng đội ngũ do họ có một **lí tưởng chung, cùng một mục đích cao cả**: chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc. Hình ảnh : “*Anh – tôi*” riêng biệt đã mờ nhoà, hình ảnh sóng đôi đã thể hiện sự gắn bó tương đồng của họ trong nhiệm vụ và lí tưởng chiến đấu:

“*Súng bên súng đầu sát bên đầu”*

*- “Súng”* và *“đầu”* là hình ảnh đẹp, mang ý nghĩa tượng trưng cho nhiệm vụ chiến đấu và lý tưởng cao đẹp. Điệp từ *“súng”* và *“đầu”* được nhắc lại hai lần như nhấn mạnh tình cảm gắn bó trong chiến đấu của người đồng chí.

**\* Luận cứ 3:Tình đồng chí nảy nở bền chặt trong sự chan hoà, chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui**. Đó là mối **tình tri kỉ** của những người bạn chí cốt mà tác giả biểu hiện bằng một hình ảnh thật cụ thể, giản dị mà hết sức gợi cảm:

*“Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”.*

- Cái rét ở rừng Việt Bắc đã nhiều lần vào trong thơ bộ đội chống Pháp vì đó là một thực tế ai cũng nếm trải trong những năm chinh chiến ấy.  
- Đêm Việt Bắc thì quá rét, chăn lại quá nhỏ, loay hoay mãi không đủ ấm. Đắp được chăn thì hở đầu, đắp được bên này thì hở bên kia. Có điều lạ là câu thơ nói đến cái rét lại gợi cho người đọc một cảm giác ấm cúng của tình đồng đội, nghĩa đồng bào. Chính trong những ngày thiếu thốn, khó khăn ấy từ *“xa lạ”* họ đã trở thành *“tri kỉ”* của nhau. *“Tri kỉ”* là người bạn thân thiết hiểu rất rõ về ta. Vất vả nguy nan đã gắn kết những người đồng chí khiến họ trở thành người bạn tâm giao gắn bó. Những câu thơ giản dị mà hết sức sâu sắc, như được chắt lọc từ cuộc sống, từ cuộc đời người lính gian khổ. Bao nhiêu yêu thương được thể hiện qua những hình ảnh vừa gần gũi vừa hàm súc ấy. Chính Hữu đã từng là một người lính, đã trải qua cuộc đời người lính nên câu thơ bình dị mà có sức nặng, sức nặng của tình cảm trìu mến, yêu thương với đồng đội. Sự gắn bó mỗi lúc lại càng thêm sâu sắc: Là súng bên súng đến đầu bên đầu, rồi thân thiết hơn nữa là đắp chung chăn, thành tri kỉ. Hình ảnh thật giản dị nhưng rất cảm động.

- Để rồi khép lại đoạn thơ đầu là dòng thơ chỉ với một từ *“Đồng chí!”.* Từ *“đồng chí”* được đặt thành cả một dòng thơ ngắn gọn mà ngân vang, giản dị mà thiêng liêng. Từ *“đồng chí”* với dấu chấm cảm như một nốt nhấn đặc biệt mang những sắc thái biểu cảm khác nhau, nhấn mạnh sự thiêng liêng cao cả trong tình cảm mới mẻ này. Đồng chí là cùng chí hướng, cùng mục đích. Nhưng trong tình cảm ấy một khi có cái lõi bên trong là *« tình tri kỉ »* lại được thử thách, được tôi rèn trong gian khổ thì mới thực sự vững bền. Không còn anh, cũng chẳng còn tôi, họ đã trở thành một khối đoàn kết, thống nhất gắn bó.

=> Như vậy, trong tình đồng chí có tình cảm giai cấp (xuất thân từ nông dân), có tình bạn bè tri kỉ và có sự gắn bó giữa con người cùng chung lí tưởng, chung mục đích chiến đấu. - Và khi họ gọi nhau bằng tiếng *“đồng chí”* họ không chỉ còn là người nông dân nghèo đói lam lũ, mà họ đã trở thành anh em trong cả một cộng đồng với một lý tưởng cao cả vì đất nước quên thân để tạo nên sự hồi sinh cho quê hương, cho dân tộc.

- Câu thơ vẻn vẹn có 2 chữ như chất chứa, dồn nén bao cảm xúc sâu xa từ sáu câu thơ trước và khởi đầu cho những suy nghĩ tiếp theo. Câu thơ như một nút nhấn nổi bật trong bản nhạc, là sự thăng hoa và kết tinh của mọi cảm xúc, mọi tình cảm. Quả thật ngôn từ Chính Hữu thật là hàm súc.

**2**. **Biểu hiện đẹp của tình đồng chí**

*\* Chuyển ý:* Nếu 7 câu đầu tác giả nêu lên cơ sở để hình thành tình đồng chí thì 10 câu tiếp theo tác giả đi tìm những biểu tượng đẹp của tình đồng đội, đồng chí thiêng liêng sâu nặng này.

**\*Trước hết, đồng chí là sự thấu hiểu và chia sẻ những tâm tư, nỗi lòng của nhau**. Các anh đều là những người lính tạm gác tình riêng, để nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của tổ quốc, dũng cảm ra đi vì nghĩa lớn để lại sau lưng mảnh trời quê hương với biết bao nhiêu trăn trở:

*“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*

*Gian nhà không mặc kệ gió lung lay*

*Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”*

- Họ vốn gắn bó sâu nặng với ruộng nương, với căn nhà thân thiết, nhưng cũng sẵn sàng rời bỏ tất cả để ra đi. Nhà thơ đã dùng những hình anh quen thuộc và tiêu biểu của mọi làng quê Việt Nam như biểu tượng của quê hương những người lính nông dân. Giếng nước, gốc đa không chỉ là cảnh vật mà còn là làng quê, là dân làng. Cảnh vật ở đây được nhân cách hoá, như có tâm hồn hướng theo người lính. Hình ảnh *“gian nhà không”* là hình ảnh khá lắng đọng trong tâm trí những người chiến sĩ ấy và cũng hết sức ám ảnh trong tâm trí người đọc. Gian nhà không không chỉ gợi cái nghèo mà còn diễn tả nỗi trống trải của lòng người ở lại. Trong câu*“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*” nếu ta thay từ *“anh”* bằng từ *“tôi”* thì ý nghĩa câu thơ sẽ thay đổi hẳn. Ruộng nương *“tôi”....*là lời bộc bạch tâm trạng của nhân vật trữ tình. Nhưng rõ ràng nhân vật trữ tình trong bài thơ không nói về mình mà nói về đồng đội của mình. Điều đó nghĩa là họ thấu hiểu cảnh ngộ và mối bận lòng của nhau.Từ *“mặc kệ”* không phải là vô tâm, vô trách nhiệm. Mặc kệ là ý chí quyết tâm của họ khi đi theo cách mạng, làm rắn lòng mình để khỏi mềm lòng khi bước vào trận chiến, là sự lựa chọn dứt khoát. Tâm trạng ấy cũng được Nguyễn Đình Thi nói tới trong bài “Đất nước”:

*“ Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội*

*Những phố dài xao xác hơi may*

*Người ra đi đầu không ngoảnh lại*

*Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy”*

- Thái độ quyết liệt ấy có vẻ như lạnh lùng nhưng người bạn tri kỉ của anh hiểu được rằng đó chỉ là những biểu hiện bề ngoài còn trong sâu thẳm tâm hồn người lính vẫn dành cho hậu phương biết bao yêu mến, vẫn hình dung ra cảnh *“Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”.“Giếng nước, gốc đa”* vốn là những vật vô tri, vô giác nay đã được nhân hóa lên để thể hiện nỗi nhớ thương da diết của quê hương yêu dấu với những người lính đã rời đi và rất khó để hẹn ngày trở lại.

- Ngoài ra giếng nước, gốc đa còn dùng để ám chỉ những người ở lại, những người vợ chờ chồng, mẹ chờ con luôn nhớ thương, mong ngóng tới ngày người lính trở về. Tại sao người lính đang ở trong chiến trường mà lại thấu hiểu hết những tâm sự của quê hương, gia đình, ấy là bởi vì chính người lính cũng đang nhớ về họ da diết, một nỗi nhớ hai chiều, nhớ về quê hương chính là cách để họ vượt qua khó khăn. Đấy chính là vẻ đẹp tâm hồn, những tình cảm chất chứa trong những người chiến sĩ ấy.

- Ba câu thơ với các hình ảnh: ruộng nương, gian nhà, giếng nước, gốc đa, hình ảnh nào cũng thân thương, cũng ăm ắp một tình quê, một nỗi nhớ thương vơi đầy. Nhắc tới nỗi nhớ da diết này, Chính Hữu đã nói đến sự hi sinh không mấy dễ dàng của người lính. Tâm tư ấy, nỗi nhớ nhung ấy của “anh” và cũng là của “tôi”, là đồng chí họ thấu hiểu và chia sẻ cùng nhau. Tình đồng chí đã được tiếp thêm sức mạnh bởi tình yêu quê hương đất nước ấy.

**\*Tình đồng chí còn là sự đồng cam cộng khổ, sự sẻ chia những gian lao thiếu thốn của cuộc đời người lính:**

*“Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*

*Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi*

*Áo anh rách vai*

*Quần tôi có vài mảnh vá*

*Miệng cười buốt giá*

*Chân không giày”*

- Bằng những hình ảnh tả thực, các câu thơ có cấu trúc sóng đôi: *áo anh*, **rách vai**, *quần tôi*, **mảnh vá**, miệng cười buốt giá, chân không giày, tác giả đã tái hiện chân thực những khó khăn thiếu thốn trong buổi đầu kháng chiến: thiếu lương thực, thiếu vũ khí, quân trang, thiếu thuốc men…

- Người lính phải chịu “*từng cơn ớn lạnh”,* những cơn sốt rét rừng hành hạ như cơm bữa.

*\* Liên hệ mở rộng:* Căn bệnh này cũng được nhà thơ Quang Dũngnói tới trong bài thơ Tây Tiến:

“ *Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc*

*Quân xanh màu lá dữ oai hùm”.*

Hay trong bài “*Dấu chân qua trảng cỏ”,* nhà thơ Thanh Thảo cũng từng viết:

*“Những người sốt rét đương cơn*

*Dấu chân bầm xuống đường trơn ướt nhòe”.*

- Căn bệnh sốt rét- nỗi kinh hoàng ám ảnh của người lính trong chiến tranh đã hành hạ họ khiến họ tiều tụy, xanh xao, vàng da, tóc rụng. Vì thế lúc này chỉ có tình thương yêu, đùm bọc mới là liều thuốc bổ tinh thần giúp họ vượt qua bệnh tật. Cái đọng lại trong câu thơ là từ *“biết”.* Người lính không nói tôi *“biết”* mà là tôi với anh *“biết”* từng cơn ớn lạnh.Nghĩa là họ cùng nếm trải, cùng chịu đựng, cùng trải qua.

- Họ đã đồng cam cộng khổ, chia ngot xẻ bùi trong khó khăn gian khổ. Tất cả những khó khăn gian khổ được tái hiện bằng những chi tiết hết sức thật, không một chút tô vẽ. Không dừng lại ở đó người lính ngay từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến, bộ đội ta thiếu thốn đủ đường, quần áo rách bươm phải buộc túm lại nên người lính vệ quốc còn được gọi là *“vệ túm*”. Những hình ảnh *“áo rách vai, quần vài mảnh vá, chân không giày”* đã nói lên điều đó. Nhưng trên hết họ vẫn lạc quan, yêu đời *“Miệng cười buốt giá”*giữa chiến trường bom rơi đạn lửa.

- Chính nụ cười ấy đã xóa tan cái lạnh lẽo của đêm đông giá rét. Họ đùa vui trong gian khổ thiếu thốn, động viên nhau qua ánh mắt, nụ cười. Dù đó chỉ là nụ cười gượng gạo trong *“buốt giá”* nhưng vẫn chứa chan tình cảm cho thấy sự lạc quan, mạnh mẽ trong cuộc sống chiến đấu. Đọc những câu thơ này, ta vừa không khỏi chạnh lòng khi thấu hiểu nhưng gian nan vất vả mà thế hệ cha ông đã từng trải qua, vừa trào dâng một niềm kính phục ý chí và bản lĩnh vững vàng của những người lính vệ quốc.

*\** **Là niềm yêu thương gắn bó sâu nặng dành cho nhau (Sức mạnh của tình đoàn kết)**

## Nếu điểm nhấn ở khổ thơ đầu là câu thơ “Đồng chí” thì điểm nhấn ở khổ thơ thứ hai là câu thơ: “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”.

## - Hình ảnh “tay nắm lấy bàn tay” là hình ảnh giàu sức gợi. Trong cái buốt giá gian lao, những bàn tay tìm đến với nhau để siết chặt đội ngũ; để truyền hơi ấm cho nhau; để động viên, cảm thông, chia sẻ mọi khó khăn; để hứa hẹn lập công. Bàn tay giao cảm thay cho lời nói. Nhà thơ Lưu Quang Vũ cũng từng viết “Lúc chia tay ta chỉ nắm tay mình/ Điều chưa nói bàn tay đã nói”. Người ta bảo bàn tay biết nói là thế. Một sự cảm thông, chia sẻ vừa chân thành, vừa tha thiết làm sao. Câu thơ ấm áp trong ngọn lửa tình cảm thân thương! Hình ảnh kết thúc đoạn thứ hai này cắt nghĩa vì sao người lính có thế vượt qua mọi thiếu thốn, gian khổ, xa quê hương, quần áo rách vá, chân không giày, mùa đông lạnh giá với những cơn sốt rét “run người”... Hơi ấm của tình đồng chí truyền cho nhau đã giúp người lính thắng được tất cả. 3. Bức tranh đẹp về tình đồng chí (Biểu tượng đẹp về tình đồng chí)

- Hình ảnh người lính và tình đồng chí của họ đã kết tinh, tỏa sáng trong khổ thơ cuối của bài:

“Đêm nay rừng hoang sương muối  
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới  
Đầu súng trăng treo”

- Ba câu thơ cuối vừa giàu chất hiện thực lại vừa đậm đà chất lãng mạn bay bổng, vừa gợi tả bức tranh không gian toàn cảnh của núi rừng, lại vừa đặc tả tình cảm ấm áp của những người lính trong chiến tranh. Đây là biểu hiện cao đẹp nhất của tình đồng đội, đồng chí. Đó là khoảng thời gian “*đêm nay”* rất cụ thể với khung cảnh *“rừng hoang sương muối”* hiu quạnh, lạnh lẽo và khắc nghiệt. Tuy nhiên, người lính vẫn đứng cạnh bên nhau để “*chờ giặc tới”*.

- Động từ “*chờ”* cho thấy được tư thế chủ động và hết sức đề cao cảnh giác của người lính trong khi làm nhiệm vụ. Nghệ thuật tương phản đối lập được tạo ra rất cân đối giữa một bên là không gian núi rừng lạnh lẽo, hoang vu, vắng lặng với một bên là tư thế chủ động mạnh mẽ như lấn át cả không gian toàn cảnh của người lính. Chính sức mạnh của tình đồng chí đã làm cho người lính vượt lên trên hiện thực khắc nghiệt đó. Các từ gần nghĩa *“cạnh”-“bên”* cho thấy sức mạnh của tinh thần đoàn kết, gắn bó luôn có nhau của người lính. Trên cao là ánh trăng treo lơ lửng trên bầu trời, dưới cái nhìn lãng mạn hóa của Chính Hữu, ánh trăng như đang treo ở đầu mũi súng.

- Đêm khuya, trăng trên vòm trời cao đã sà xuống thấp dần, ở vào một vị trí và tầm nhìn nào đó, vầng trăng như treo trên đầu mũi súng của người chiến sĩ đang phục kích chờ giặc. Và *“trăng”* theo đó đã trở thành người bạn vừa chứng minh cho tình cảm đồng chí keo sơn của người lính, vừa sáng soi và sưởi ấm cho không gian của rừng đêm sương muối lạnh lẽo bên trên.

- Hình ảnh *“súng”-“trăng”* được đặt bên nhau khiến người đọc có nhiều liên tưởng giữa thực tại - mơ mộng, chiến tranh - hòa bình, chiến sĩ - thi sĩ. Sự đan cài giữa hiện thực và lãng mạn ấy vừa cho thấy được hiện thực chiến tranh khó khăn, vất vả; lại vừa toát lên vẻ đẹp tâm hồn của người lính: họ vừa là chiến sĩ vừa là thi sĩ, họ cầm súng chiến đấu để bảo vệ quê hương, đem lại nền độc lập, tự do cho Tổ quốc thân yêu.

- Có thể nói, ba câu thơ cuối là một bức tranh đẹp, như một bức tượng đài sừng sững của hình ảnh người lính cách mạng với tình đồng chí thiêng liêng sâu sắc. Chính tình cảm đồng chí đã làm nên vẻ đẹp tâm hồn người chiến sĩ.

- Như vậy tình đồng chí trong bài thơ là tình cảm cao đẹp và thiêng liêng của những con người gắn bó keo sơn trong cuộc chiến đấu vĩ đại vì một lý tưởng chung. Đó là mối tình có cơ sở hết sức vững chắc: sự đồng cảm của những người chiến sĩ vốn xuất thân từ những người nông dân hiền lành chân thật gắn bó với ruộng đồng. Tình cảm ấy được hình thành trên cơ sở tình yêu Tổ Quốc, cùng chung lí tưởng và mục đích chiến đấu.

- Hoàn cảnh chiến đấu gian khổ và ác liệt lại tôi luyện thử thách làm cho mối tình đồng chí đồng đội của những người lính càng gắn bó, keo sơn. Mối tình thiêng liêng sâu nặng, bền chặt đó đã tạo nên nguồn sức mạnh to lớn để những người lính *“áo rách vai”, “chân không giầy”* vượt lên mọi gian nguy để đi tới và làm nên thắng trận để viết lên những bản anh hùng ca Việt Bắc, Biên giới, Hoà Bình, Tây Bắc…. tô thắm thêm trang sử vàng chống Pháp hào hùng của dân tộc.

4. Đánh giá, mở rộng

- Bằng nhiều hình ảnh sóng đôi cùng nghệ thuật so sánh, ẩn dụ, ngôn ngữ thơ hàm súc, mộc mạc như tiếng nói của người lính đang tâm sự, tâm tình, vận dụng tục ngữ, thành ngữ linh hoạt, tạo nên chất thơ dung dị, hồn nhiên, đậm đà đặc biệt là sự kết hợp giữa bút pháp hiện thực và lãng mạn, Chính Hữu đã khắc họa thành công bức tượng đài về người nông dân mặc áo lính rất đẹp, tráng lệ, hào hùng của thời kì đầu kháng chiến chống Pháp.

- Từ hình ảnh người lính trong bài thơ Đồng chí khiến ta liên tưởng đến hình ảnh của người lính trong bài thơ “*Dáng đứng Việt Nam”* của Lê Anh Xuân hay hình ảnh người lính trong bài *“Nhớ”* của Hồng Nguyên, hay hình ảnh người lính trong bài “*Tây tiến”* của nhà thơ Quang Dũng… Họ là kết tinh cao độ những truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta trong suốt bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước. Họ mãi là hình ảnh đẹp nhất trong thơ, mãi là chân dung đẹp nhất của thời đại chúng ta.

**III. Kết bài**

Bài thơ *“Đồng chí”* là một bài thơ hay, độc đáo viết về người lính cụ Hồ. Qua bài thơ, người đọc thấy được vẻ đẹp của tình đồng đội, đồng chí sâu sắc, cao cả, thiêng liêng của người lính cách mạng. Cuộc kháng chiến chống Pháp đã thắng lợi vẻ vang, trang sử vàng đã sang qua bao nhiêu giai đoạn mới, thế nhưng mỗi lần đọc lại bài thơ Đồng chí ta như thấy rõ hình ảnh của anh bộ đội Cụ Hồ hiện lên sáng rực, thật cao đẹp trong những lời thơ của Chính Hữu.

**=============================================================**

**ĐỀ 21: TRÌNH BÀY CẢM NHẬN CỦA EM VỀ ĐOẠN THƠ SAU:**

*Quê hương anh nước mặn, đồng chua*

*Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.*

*Anh với tôi đôi người xa lạ*

*Tự phương trời chăng hẹn quen nhau,*

*Súng bên súng, đầu sát bên đầu,*

*Đêm rét chung chăn thành đội tri kỉ.*

*Đồng chí !*

*Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*

*Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay*

*Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.*

*(Trích Đồng chí - Chính Hữu, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục, 2008, tr.128)*

**I. Mở bài**

Chính Hữu là cây bút thơ tiêu biểu trong nền thơ ca thời kháng chiến chống thực dân Pháp. Vốn là một người lính nên tác phẩm của ông chủ yếu viết về chiến tranh và người lính, qua những trang thơ mang giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết, ngôn ngữ cô đọng, hàm súc gợi nhiều ý nghĩa biểu tượng nên tác phẩm của ông được đông đảo bạn đọc đón nhận. “Đồng chí” là một bài thơ như thế. Đến với tác phẩm qua những câu thơ nói về ý nghĩa biểu tượng của tình đồng đội, đồng chí. Nhà thơ giúp ta cảm nhận được vẻ đẹp của anh bộ đội Cụ Hồ trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp.

*“Quê hương anh nước mặn, đồng chua*

*Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá.*

*Anh với tôi đôi người xa lạ*

*Tự phương trời chăng hẹn quen nhau,*

*Súng bên súng, đầu sát bên đầu,*

*Đêm rét chung chăn thành đội tri kỉ.*

*Đồng chí !*

*Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*

*Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay*

*Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”.*

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ được sáng tác năm 1948, sau chiến dịch Việt Bắc năm 1947, lúc đó Chính Hữu là chính trị viên đại đội. Ông đã tham gia chiến đấu cùng những người đồng đội, làm rất nhiều công việc vất vả. Sau chiến dịch, Chính Hữu bị ốm nặng. Những người đồng đội đã chăm sóc cho ông tận tình, chu đáo. Thấu hiểu tình cảm của những người đồng chí, đồng đội, Chính Hữu đã viết bài thơ "Đồng chí" như một lời cảm ơn những người đồng đội của mình. Chính vì vậy mà tình đồng chí là sợi chỉ hồng xuyên suốt, là chủ đề của bài thơ.

**- Chủ đề:** Bài thơ thể hiện rõ tình đồng đội keo sơn gắn bó giữa những người chiến sĩ quân đội nhân dân trong cuộc sống chiến đấu gian khổ.

**- Vị trí đoạn thơ**: Đoạn thơ trên thuộc phần đầu của bài thơ trong bài thơ đã làm hiện lên vẻ đẹp giản dị, chân thực cơ sở hình thành của tình đồng chí, đồng đội qua đó ta thấy được sự gắn bó thân thiết của những người lính trong những năm tháng đầy khó khăn gian khổ.

**2. Cảm nhận về đoạn thơ**

**a.** **Cơ sở hình thành tình đồng chí**

Thật vậy, trong 7 câu thơ đầu, nhà thơ lý giải cơ sở hình thành tình đồng chí thắm thiết, sâu nặng của những người lính cách mạng.

**\*Cùng chung cảnh ngộ xuất thân**

- Trong cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, những chiến sĩ dũng cảm, kiên cường chiến đấu bảo vệ Tổ quốc không ai khác chính là những người nông dân mặc áo lính. Từ giã quê hương, họ ra đi tình nguyện đứng trong đội ngũ những người chiến đấu cho một lí tưởng chung cao đẹp, đó là độc lập tự do cho dân tộc. Mở đầu bài thơ là những tâm sự chân tình về con người và cuộc sống rất bình dị và cũng rất quen thuộc:

*“Quê hương anh nước mặn đồng chua.*

*Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá”*

- Hai câu đầu với cấu trúc sóng đôi cùng cách xưng hô *“anh - tôi”* thân mật gần gũi đã thể hiện sự tương đồng về hoàn cảnh của những người lính. Giọng điệu thủ thỉ, tâm tình như lời kể chuyện, tâm sự của hai người đồng đội nhớ lại kỉ niệm về những ngày đầu tiên gặp gỡ. Họ đều là con em của những vùng quê nghèo khó, là những nông dân ở nơi “*nước mặn đồng chua*” hoặc ở chốn “*đất cày lên sỏi đá”*.

- Đúng như Nguyên Hồng đã viết: *“Lũ chúng tôi bọn người tứ xứ”*, họ có người đến từ miền biển, có người đến từ đồi núi. Nhưng tất cả họ đều lớn lên từ những vùng cơ cực, lớn lên trong cảnh nghèo khó, lam lũ, vất vả.

- Hình ảnh “*quê hương anh*” và “*làng tôi*” hiện lên với biết bao nỗi gian lao vất vả, mặc dù nhà thơ không chú ý miêu tả. Nhưng chính điều đó lại làm cho hình ảnh vốn chỉ là danh từ chung chung kia trở nên cụ thể đến mức có thể nhìn thấy được, nhất là dưới con mắt của những người con làng quê Việt Nam. Thành ngữ dân gian được tác giả vận dụng rất tự nhiên, nhuần nhuỵ khiến người đọc có thể dễ dàng hình dung được những miền quê nghèo khổ, nơi sinh ra những người lính. Khi nghe tiếng gọi thiêng liêng của Tổ Quốc, họ sẵn sàng ra đi và nhanh chóng có mặt trong đoàn quân chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc. Hai câu thơ đầu theo cấu trúc sóng đôi, đối ứng: “*Quê anh – làng tôi*” đã diễn tả sự tương đồng về cảnh ngộ.

- Và chính sự tương đồng về cảnh ngộ ấy đã trở thành niềm đồng cảm giai cấp, là cơ sở cho tình đồng chí, đồng đội của người lính.

\* **Cùng chung lí tưởng chiến đấu**

- Những tưởng hai con người ở hai vùng quê nghèo đói đấy sẽ chẳng bao giờ gặp được nhau, ấy vậy mà chiến tranh nổ ra, những con người hoàn toàn xa lạ ấy lại *“quen nhau”*

*“Anh với tôi đôi người xa lạ*

*Tự phương trời chẳng hẹn quen nhau”*

- Những câu thơ mộc mạc, tự nhiên, mặn mà như một lời thăm hỏi. Họ hiểu nhau, thương nhau, tri kỉ với nhau bằng tình tương thân tương ái vốn có từ lâu giữa những người nghèo, người lao động. Nhưng *“tự phương trời”* họ về đây không phải do cái nghèo xô đẩy, mà họ về đây đứng trong cùng đội ngũ do họ có một lí tưởng chung, cùng một mục đích cao cả: chiến đấu bảo vệ Tổ Quốc. Giống như những anh lính trong bài thơ “Nhớ” của Hồng Nguyên:

“Lũ chúng tôi bọn người tứ xứ

Gặp nhau từ hồi chưa biết chữ

Quen nhau từ buổi “một, hai”

Súng bắn chưa quen

Quân sự mươi bài

Lòng vẫn cười vui kháng chiến”

- Hình ảnh : “*Anh - tôi*” riêng biệt đã mờ nhoà, hình ảnh sóng đôi đã thể hiện sự gắn bó tương đồng của họ trong nhiệm vụ và lí tưởng chiến đấu:

“*Súng bên súng đầu sát bên đầu”*

*- “Súng”* và *“đầu”* là hình ảnh đẹp, mang ý nghĩa tượng trưng cho nhiệm vụ chiến đấu và lý tưởng cao đẹp. Điệp từ *“súng”* và *“đầu”* được nhắc lại hai lần như nhấn mạnh tình cảm gắn bó trong chiến đấu của người đồng chí.

**\*Tình đồng chí nảy nở bền chặt trong sự chan hoà, chia sẻ mọi gian lao cũng như niềm vui**. Đó là mối tình tri kỉ của những người bạn chí cốt mà tác giả biểu hiện bằng một hình ảnh thật cụ thể, giản dị mà hết sức gợi cảm:

*“Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”.*

Cái rét ở rừng Việt Bắc đã nhiều lần vào trong thơ bộ đội chống Pháp vì đó là một thực tế ai cũng nếm trải trong những năm chinh chiến ấy.  
- Đêm Việt Bắc thì quá rét, chăn lại quá nhỏ, loay hoay mãi không đủ ấm. Đắp được chăn thì hở đầu, đắp được bên này thì hở bên kia. Có điều lạ là câu thơ nói đến cái rét lại gợi cho người đọc một cảm giác ấm cúng của tình đồng đội, nghĩa đồng bào. Chính trong những ngày thiếu thốn, khó khăn ấy từ *“xa lạ”* họ đã trở thành *“tri kỉ”* của nhau. *“Tri kỉ”* là người bạn thân thiết hiểu rất rõ về ta. Vất vả nguy nan đã gắn kết những người đồng chí khiến họ trở thành người bạn tâm giao gắn bó. Những câu thơ giản dị mà hết sức sâu sắc, như được chắt lọc từ cuộc sống, từ cuộc đời người lính gian khổ. Bao nhiêu yêu thương được thể hiện qua những hình ảnh vừa gần gũi vừa hàm súc ấy. Chính Hữu đã từng là một người lính, đã trải qua cuộc đời người lính nên câu thơ bình dị mà có sức nặng, sức nặng của tình cảm trìu mến, yêu thương với đồng đội. Sự gắn bó mỗi lúc lại càng thêm sâu sắc: Là súng bên súng đến đầu bên đầu, rồi thân thiết hơn nữa là đắp chung chăn, thành tri kỉ. Hình ảnh thật giản dị nhưng rất cảm động.

-  Để rồi khép lại đoạn thơ đầu là dòng thơ chỉ với một từ *“Đồng chí!”.* Từ *“đồng chí”* được đặt thành cả một dòng thơ ngắn gọn mà ngân vang, giản dị mà thiêng liêng. Từ *“đồng chí”* với dấu chấm cảm như một nốt nhấn đặc biệt mang những sắc thái biểu cảm khác nhau, nhấn mạnh sự thiêng liêng cao cả trong tình cảm mới mẻ này.

- Đồng chí là cùng chí hướng, cùng mục đích. Nhưng trong tình cảm ấy một khi có cái lõi bên trong là *« tình tri kỉ »* lại được thử thách, được tôi rèn trong gian khổ thì mới thực sự vững bền. Không còn anh, cũng chẳng còn tôi, họ đã trở thành một khối đoàn kết, thống nhất gắn bó.

- Như vậy, trong tình đồng chí có tình cảm giai cấp (xuất thân từ nông dân), có tình bạn bè tri kỉ và có sự gắn bó giữa con người cùng chung lí tưởng, chung mục đích chiến đấu.Và khi họ gọi nhau bằng tiếng *“đồng chí”* họ không chỉ còn là người nông dân nghèo đói lam lũ, mà họ đã trở thành anh em trong cả một cộng đồng với một lý tưởng cao cả vì đất nước quên thân để tạo nên sự hồi sinh cho quê hương, cho dân tộc. Câu thơ vẻn vẹn có 2 chữ như chất chứa, dồn nén bao cảm xúc sâu xa từ sáu câu thơ trước và khởi đầu cho những suy nghĩ tiếp theo. Câu thơ như một nút nhấn nổi bật trong bản nhạc, là sự thăng hoa và kết tinh của mọi cảm xúc, mọi tình cảm. Quả thật ngôn từ Chính Hữu thật là hàm súc.

**b**. **Biểu hiện đẹp của tình đồng chí**

- Nếu 7 câu đầu tác giả nêu lên cơ sở để hình thành tình đồng chí thì 3 câu tiếp theo tác giả đi tìm biểu hiện đẹp đầu tiên của tình đồng đội, đồng chí thiêng liêng sâu nặng này. Biểu hiện đẹp đầu tiên của tình đồng đội, đồng chí là sự thấu hiểu và chia sẻ những tâm tư, nỗi lòng của nhau. Các anh đều là những người lính tạm gác tình riêng, để nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của tổ quốc, dũng cảm ra đi vì nghĩa lớn để lại sau lưng mảnh trời quê hương với biết bao nhiêu trăn trở:

*“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*

*Gian nhà không mặc kệ gió lung lay*

*Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”*

- Họ vốn gắn bó sâu nặng với ruộng nương, với căn nhà thân thiết, nhưng cũng sẵn sàng rời bỏ tất cả để ra đi. Nhà thơ đã dùng những hình anh quen thuộc và tiêu biểu của mọi làng quê Việt Nam như biểu tượng của quê hương những người lính nông dân. Giếng nước, gốc đa không chỉ là cảnh vật mà còn là làng quê, là dân làng. Cảnh vật ở đây được nhân cách hoá, như có tâm hồn hướng theo người lính.

- Hình ảnh *“gian nhà không”* là hình ảnh khá lắng đọng trong tâm trí những người chiến sĩ ấy và cũng hết sức ám ảnh trong tâm trí người đọc. Gian nhà không không chỉ gợi cái nghèo mà còn diễn tả nỗi trống trải của lòng người ở lại. Trong câu*“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*” nếu ta thay từ *“anh”* bằng từ *“tôi”* thì ý nghĩa câu thơ sẽ thay đổi hẳn. Ruộng nương *“tôi”....*là lời bộc bạch tâm trạng của nhân vật trữ tình. Nhưng rõ ràng nhân vật trữ tình trong bài thơ không nói về mình mà nói về đồng đội của mình. Điều đó nghĩa là họ thấu hiểu cảnh ngộ và mối bận lòng của nhau.

- Từ *“mặc kệ”* không phải là vô tâm, vô trách nhiệm. *“Mặc kệ”* là ý chí quyết tâm của họ khi đi theo cách mạng, làm rắn lòng mình để khỏi mềm lòng khi bước vào trận chiến, là sự lựa chọn dứt khoát. Tâm trạng ấy cũng được Nguyễn Đình Thi nói tới trong bài “*Đất nước*”:

*“ Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội*

*Những phố dài xao xác hơi may*

*Người ra đi đầu không ngoảnh lại*

*Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy”*

- Thái độ quyết liệt ấy có vẻ như lạnh lùng nhưng người bạn tri kỉ của anh hiểu được rằng đó chỉ là những biểu hiện bề ngoài còn trong sâu thẳm tâm hồn người lính vẫn dành cho hậu phương biết bao yêu mến, vẫn hình dung ra cảnh *“Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”.“Giếng nước, gốc đa”* vốn là những vật vô tri, vô giác nay đã được nhân hóa lên để thể hiện nỗi nhớ thương da diết của quê hương yêu dấu với những người lính đã rời đi và rất khó để hẹn ngày trở lại. Ngoài ra giếng nước, gốc đa còn dùng để ám chỉ những người ở lại, những người vợ chờ chồng, mẹ chờ con luôn nhớ thương, mong ngóng tới ngày người lính trở về. Tại sao người lính đang ở trong chiến trường mà lại thấu hiểu hết những tâm sự của quê hương, gia đình, ấy là bởi vì chính người lính cũng đang nhớ về họ da diết, một nỗi nhớ hai chiều, nhớ về quê hương chính là cách để họ vượt qua khó khăn.

- Đấy chính là vẻ đẹp tâm hồn, những tình cảm chất chứa trong những người chiến sĩ ấy. Ba câu thơ với các hình ảnh: ruộng nương, gian nhà, giếng nước, gốc đa, hình ảnh nào cũng thân thương, cũng ăm ắp một tình quê, một nỗi nhớ thương vơi đầy. Nhắc tới nỗi nhớ da diết này, Chính Hữu đã nói đến sự hi sinh không mấy dễ dàng của người lính. Tâm tư ấy, nỗi nhớ nhung ấy của *“anh”* và cũng là của *“tôi”,* là đồng chí họ thấu hiểu và chia sẻ cùng nhau. Tình đồng chí đã được tiếp thêm sức mạnh bởi tình yêu quê hương đất nước ấy.

**3. Đánh giá, mở rộng**

**-** Bằng ngôn từ cô đọng, hàm súc, vận dụng thành ngữ linh hoạt, hành ảnh chân thực mang tính khái quát cao, đoạn thơ đã khắc họa được hình ảnh những người lính một cách chân thực, cũng như tình đồng chí keo sơn gắn bó của họ trong những ngày đầu chống Pháp.

- Từ hình ảnh người lính trong bài thơ Đồng chí khiến ta liên tưởng đến hình ảnh của người lính trong bài thơ “*Dáng đứng Việt Nam”* của Lê Anh Xuân hay hình ảnh người lính trong bài *“Nhớ”* của Hồng Nguyên, hay hình ảnh người lính trong bài “*Tây tiến”* của nhà thơ Quang Dũng… Họ là kết tinh cao độ những truyền thống tốt đẹp của dân tộc ta trong suốt bốn ngàn năm dựng nước và giữ nước. Họ mãi là hình ảnh đẹp nhất trong thơ, mãi là chân dung đẹp nhất của thời đại chúng ta.

**III. Kết bài**

Chỉ với 10 câu thơ nhưng Chính Hữu đã giúp người đọc thấy rõ cơ sở hình thành nên tình đồng đội, đồng chí vững chắc của những người lính cũng như biểu hiện đẹp về tình đồng chí thiêng liêng, sâu nặng. Từ đó, chúng ta cảm thấy tự hào, yêu mến và kính trọng hơn những người lính cách mạng đã hy sinh để bảo vệ nền hòa bình của đất nước.

**==========================================================**

**ĐỀ 22: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ ĐOẠN THƠ SAU:**

“*Ruộng nương anh gửi bạn thân cày,*

*Gian nhà không, mặc kệ gió lung lay*

*Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính.*

*Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*

*Rét run người vầng trán ướt mồ hôi*

*Áo anh rách vai*

*Quần tôi có vài mảnh vá*

*Miệng cười buốt giá*

*Chân không giày*

*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”*

(Trích *Đồng chí*, Chính Hữu, Ngữ văn 9, tập một)

**I. Mở bài**

Chính Hữu là cây bút thơ tiêu biểu trong nền thơ ca thời kháng chiến chống thực dân Pháp. Vốn là một người lính nên tác phẩm của ông chủ yếu viết về chiến tranh và người lính, qua những trang thơ mang giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết, ngôn ngữ cô đọng, hàm súc gợi nhiều ý nghĩa biểu tượng nên tác phẩm của ông được đông đảo bạn đọc đón nhận. “Đồng chí” là một bài thơ như thế. Đến với tác phẩm qua những câu thơ nói về ý nghĩa biểu tượng của tình đồng đội, đồng chí. Nhà thơ giúp ta cảm nhận được vẻ đẹp của anh bộ đội Cụ Hồ trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp.

**II. Thân bài**

**1.Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ được sáng tác năm 1948, sau chiến dịch Việt Bắc năm 1947, lúc đó Chính Hữu là chính trị viên đại đội. Ông đã tham gia chiến đấu cùng những người đồng đội, làm rất nhiều công việc vất vả. Sau chiến dịch, Chính Hữu bị ốm nặng. Những người đồng đội đã chăm sóc cho ông tận tình, chu đáo. Thấu hiểu tình cảm của những người đồng chí, đồng đội, Chính Hữu đã viết bài thơ "Đồng chí" như một lời cảm ơn những người đồng đội của mình. Chính vì vậy mà tình đồng chí là sợi chỉ hồng xuyên suốt, là chủ đề của bài thơ.

**- Chủ đề:** Bài thơ thể hiện rõ tình đồng đội keo sơn gắn bó giữa những người chiến sĩ quân đội nhân dân trong cuộc sống chiến đấu gian khổ.

**- Vị trí đoạn thơ:** Đoạn thơ trên thuộc phần giữa của bài thơ, đoạn thơ đã tái hiện lên vẻ đẹp giản dị, chân thực cũng như sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội của những người lính trong những năm tháng đầy khó khăn gian khổ.

**2. Cảm nhận khổ thơ**

*\* Chuyển ý:*Nếu 7 câu đầu tác giả nêu lên cơ sở để hình thành tình đồng chí thì 10 câu tiếp theo tác giả đi tìm **những biểu hiện đẹp của tình đồng đội, đồng chí** thiêng liêng sâu nặng này.

**+ Luận điểm 1: Trước hết, đồng chí là sự thấu hiểu và chia sẻ những tâm tư, nỗi lòng của nhau**. Các anh đều là những người lính tạm gác tình riêng, để nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của tổ quốc, dũng cảm ra đi vì nghĩa lớn để lại sau lưng mảnh trời quê hương với biết bao nhiêu trăn trở:

*“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*

*Gian nhà không mặc kệ gió lung lay*

*Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”*

- Họ vốn gắn bó sâu nặng với ruộng nương, với căn nhà thân thiết, nhưng cũng sẵn sàng rời bỏ tất cả để ra đi. Nhà thơ đã dùng những hình anh quen thuộc và tiêu biểu của mọi làng quê Việt Nam như biểu tượng của quê hương những người lính nông dân. Giếng nước, gốc đa không chỉ là cảnh vật mà còn là làng quê, là dân làng.

- Cảnh vật ở đây được nhân cách hoá, như có tâm hồn hướng theo người lính. Hình ảnh *“gian nhà không”* là hình ảnh khá lắng đọng trong tâm trí những người chiến sĩ ấy và cũng hết sức ám ảnh trong tâm trí người đọc. Gian nhà không không chỉ gợi cái nghèo mà còn diễn tả nỗi trống trải của lòng người ở lại. Trong câu*“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*” nếu ta thay từ *“anh”* bằng từ *“tôi”* thì ý nghĩa câu thơ sẽ thay đổi hẳn. Ruộng nương *“tôi”....*là lời bộc bạch tâm trạng của nhân vật trữ tình. Nhưng rõ ràng nhân vật trữ tình trong bài thơ không nói về mình mà nói về đồng đội của mình.

- Điều đó nghĩa là họ **thấu hiểu cảnh ngộ và mối bận lòng của nhau.** Từ *“mặc kệ”* không phải là vô tâm, vô trách nhiệm. Mặc kệ là ý chí quyết tâm của họ khi đi theo cách mạng, làm rắn lòng mình để khỏi mềm lòng khi bước vào trận chiến, là sự lựa chọn dứt khoát. Tâm trạng ấy cũng được Nguyễn Đình Thi nói tới trong bài “Đất nước”:

*“ Sáng chớm lạnh trong lòng Hà Nội*

*Những phố dài xao xác hơi may*

*Người ra đi đầu không ngoảnh lại*

*Sau lưng thềm nắng lá rơi đầy”*

- Thái độ quyết liệt ấy có vẻ như lạnh lùng nhưng người bạn tri kỉ của anh hiểu được rằng đó chỉ là những biểu hiện bề ngoài còn trong sâu thẳm tâm hồn người lính vẫn dành cho hậu phương biết bao yêu mến, vẫn hình dung ra cảnh *“Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”.“Giếng nước, gốc đa”* vốn là những vật vô tri, vô giác nay đã được nhân hóa lên để thể hiện nỗi nhớ thương da diết của quê hương yêu dấu với những người lính đã rời đi và rất khó để hẹn ngày trở lại. Ngoài ra giếng nước, gốc đa còn dùng để ám chỉ những người ở lại, những người vợ chờ chồng, mẹ chờ con luôn nhớ thương, mong ngóng tới ngày người lính trở về. Tại sao người lính đang ở trong chiến trường mà lại thấu hiểu hết những tâm sự của quê hương, gia đình, ấy là bởi vì chính người lính cũng đang nhớ về họ da diết, một nỗi nhớ hai chiều, nhớ về quê hương chính là cách để họ vượt qua khó khăn. Đấy chính là vẻ đẹp tâm hồn, những tình cảm chất chứa trong những người chiến sĩ ấy.

- Ba câu thơ với các hình ảnh: ruộng nương, gian nhà, giếng nước, gốc đa, hình ảnh nào cũng thân thương, cũng ăm ắp một tình quê, một nỗi nhớ thương vơi đầy. Nhắc tới nỗi nhớ da diết này, Chính Hữu đã nói đến sự hi sinh không mấy dễ dàng của người lính. Tâm tư ấy, nỗi nhớ nhung ấy của “anh” và cũng là của “tôi”, là đồng chí họ thấu hiểu và chia sẻ cùng nhau. Tình đồng chí đã được tiếp thêm sức mạnh bởi tình yêu quê hương đất nước ấy. Cùng nói về nỗi nhớ ấy, trong bài thơ "*Bao giờ trở lại",* Hoàng Trung Thông viết:

*"Bấm tay tính buổi anh đi,*

*Mẹ thường vẫn nhắc: biết khi nào về ?*

*Lúa xanh xanh ngắt chân đê,*

*Anh đi là để giữ quê quán mình.*

*Cây đa bến nước sân đình,*

*Lời thề nhớ buổi mít tinh lên đường.*

*Hoa cau thơm ngát đầu nương,*

*Anh đi là giữ tình thương dạt dào.*

*(...) Anh đi chín đợi mười chờ,*

*Tin thường thắng trận, bao giờ về anh?"*

**Luận điểm 2: Tình đồng chí còn là sự đồng cam cộng khổ, sự sẻ chia những gian lao thiếu thốn của cuộc đời người lính:**

*“Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*

*Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi*

*Áo anh rách vai*

*Quần tôi có vài mảnh vá*

*Miệng cười buốt giá*

*Chân không giày”*

- Bằng những hình ảnh tả thực, các câu thơ có cấu trúc sóng đôi: *áo anh*, rách vai, *quần tôi*, **mảnh vá**, miệng cười buốt giá, chân không giày, tác giả đã tái hiện chân thực những khó khăn thiếu thốn trong buổi đầu kháng chiến: thiếu lương thực, thiếu vũ khí, quân trang, thiếu thuốc men…Người lính phải chịu “*từng cơn ớn lạnh”,* những cơn sốt rét rừng hành hạ như cơm bữa. *\* Liên hệ mở rộng:* Nhà thơ Quang Dũng cũng nhói lòng nhắc về hình tượng người lính đang mắc phải căn bệnh sốt rét trong bài thơ “*Tây Tiến”:*

“ *Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc*

*Quân xanh màu lá dữ oai hùm”.*

Hay trong bài “*Dấu chân qua trảng cỏ”,* nhà thơ Thanh Thảo cũng từng viết:

*“Những người sốt rét đương cơn*

*Dấu chân bầm xuống đường trơn ướt nhòe”.*

- Chỉ như vậy thôi cũng đủ để hiểu, người lính phải gian khổ ra sao. Căn bệnh sốt rét- nỗi kinh hoàng ám ảnh của người lính trong chiến tranh đã hành hạ họ khiến họ tiều tụy, xanh xao, vàng da, tóc rụng. Vì thế lúc này chỉ có tình thương yêu, đùm bọc mới là liều thuốc bổ tinh thần giúp họ vượt qua bệnh tật. Cái đọng lại trong câu thơ là từ *“biết”.*

- Người lính không nói tôi *“biết”* mà là tôi với anh *“biết”* từng cơn ớn lạnh.Nghĩa là họ cùng nếm trải, cùng chịu đựng, cùng trải qua. Họ đã đồng cam cộng khổ, chia ngot xẻ bùi trong khó khăn gian khổ. Tất cả những khó khăn gian khổ được tái hiện bằng những chi tiết hết sức thật, không một chút tô vẽ. Không dừng lại ở đó người lính ngay từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến, bộ đội ta thiếu thốn đủ đường, quần áo rách bươm phải buộc túm lại nên người lính vệ quốc còn được gọi là *“vệ túm*”. Những hình ảnh *“áo rách vai, quần vài mảnh vá, chân không giày”* đã nói lên điều đó.

**Luận điểm 3: Lạc quan, yêu đời.**

**-** Nhưng trên hết họ vẫn lạc quan, yêu đời *“Miệng cười buốt giá”*giữa chiến trường bom rơi đạn lửa. Chính nụ cười ấy đã xóa tan cái lạnh lẽo của đêm đông giá rét. Họ đùa vui trong gian khổ thiếu thốn, động viên nhau qua ánh mắt, nụ cười. Dù đó chỉ là nụ cười gượng gạo trong *“buốt giá”* nhưng vẫn chứa chan tình cảm cho thấy sự lạc quan, mạnh mẽ trong cuộc sống chiến đấu. Nó gợi cho ta nhớ cái cười âm vang cả Trường Sơn của những người lính trong “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính”* của Phạm Tiến Duật *“Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha”.*

**Luận điểm 4:****Là niềm yêu thương gắn bó sâu nặng dành cho nhau (Sức mạnh của tình đoàn kết)**

- Nếu điểm nhấn ở khổ thơ đầu là câu thơ *“Đồng chí”* thì điểm nhấn ở khổ thơ thứ hai là câu thơ: “*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”.* Hình ảnh *“tay nắm lấy bàn tay”* là hình ảnh giàu sức gợi. Trong cái buốt giá gian lao, những bàn tay tìm đến với nhau để siết chặt đội ngũ; để truyền hơi ấm cho nhau; để động viên, cảm thông, chia sẻ mọi khó khăn; để hứa hẹn lập công. Bàn tay giao cảm thay cho lời nói. Nhà thơ Lưu Quang Vũ cũng từng viết:

*“Lúc chia tay ta chỉ nắm tay mình*

*Điều chưa nói bàn tay đã nói”*.

- Người ta bảo bàn tay biết nói là thế. Một sự cảm thông, chia sẻ vừa chân thành, vừa tha thiết làm sao. Câu thơ ấm áp trong ngọn lửa tình cảm thân thương! Nếu như trong thơ Phạm Tiến Duật, người lính “*Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi”* để gần nhau hơn trên chặng đường dài thì với Chính Hữu cái nắm tay kia là biểu tượng cao đẹp, nồng ấm và thiêng liêng của tình đồng chí.

- Chiến tranh có thể tàn phá, cướp đi tất cả nhưng không thể giết chết mối liên kết ấy. Chất liệu hiện thực sinh động chỉ là cái nền để tôn lên vẻ đẹp sâu lắng và sức mạnh của tình đồng chí- tình cảm đã giúp tác giả và những người lính khác sống qua những tháng ngày bom rơi đạn lửa.

**3. Đánh giá, mở rộng**

**-** Với thể thơ tự do, bút pháp tả thực, lời thơ giản dị, mộc mạc, cô đọng; hình ảnh thơ gợi cảm, giàu ý nghĩa…, đoạn thơ khắc họa chân thực mà sinh động tình đồng chí gắn bó keo sơn của những người lính vệ quốc trong những ngày đầu kháng chiến, đồng thời thể hiện tài năng của tác giả.

- Cùng với các tác phẩm khác như **"*Tây Tiến*"** của Quang Dũng, "Nhớ" của Hồng Nguyên,... "Đồng chí" của Chính Hữu đã góp phần làm phong phú hình ảnh anh bộ đội Cụ Hồ trong thơ ca hiện đại. Bài thơ đã mở ra một hướng đi mới cho văn học kháng chiến viết về người lính cách mạng: Cảm hứng thơ đi lên từ hiện thực đời thường mà vẫn dạt dào lãng mạn.

**III. Kết bài**

*“Đồng chí”* là một bài thơ hay. Và đặc biệt là mười câu giữa đã khắc họa thành công những biểu hiện đẹp của tình đồng đội, đồng chícao đẹp, thiêng liêng của anh bộ đội cụ Hồ thời kì đầu kháng chiến chống Pháp.Đoạn thơkhông chỉ cho ta thấy được những gian khổ cuộc đời người lính mà còn làm cho ta yêu thêm những vẻ đẹp của họ. Đọc bài thơ nói chung và đoạn thơ nói riêng khiến cho chúng ta tự hứa với lòng mình phải sống xứng đáng với những gì mà cha ông ta đã hi sinh vì độc lập tự do.

*===========================================================*

**ĐỀ 23: CẢM NHẬN VỀ HÌNH ẢNH NGƯỜI LÍNH QUA ĐOẠN THƠ SAU:**

*Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*

*Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi*

*Áo anh rách vai*

*Quần tôi có vài mảnh vá*

*Miệng cười buốt giá*

*Chân không giày*

*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay*

*Đêm nay rừng hoang sương muối*

*Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới*

*Đầu súng trăng treo.*

(*Đồng chí*, Chính Hữu, Ngữ văn 9, tập 1. NXBGDVN, 2014)

**I. Mở bài**

Chính Hữu là cây bút thơ tiêu biểu trong nền thơ ca thời kháng chiến chống thực dân Pháp. Vốn là một người lính nên tác phẩm của ông chủ yếu viết về chiến tranh và người lính, qua những trang thơ mang giọng điệu nhẹ nhàng, tha thiết, ngôn ngữ cô đọng, hàm súc gợi nhiều ý nghĩa biểu tượng nên tác phẩm của ông được đông đảo bạn đọc đón nhận. “Đồng chí” là một bài thơ như thế. Đến với tác phẩm qua những câu thơ nói về ý nghĩa biểu tượng của tình đồng đội, đồng chí. Nhà thơ giúp ta cảm nhận được vẻ đẹp của anh bộ đội Cụ Hồ trong những năm đầu kháng chiến chống Pháp.

**II. Thân bài**

**1.Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ được sáng tác năm 1948, sau chiến dịch Việt Bắc năm 1947, lúc đó Chính Hữu là chính trị viên đại đội. Ông đã tham gia chiến đấu cùng những người đồng đội, làm rất nhiều công việc vất vả. Sau chiến dịch, Chính Hữu bị ốm nặng. Những người đồng đội đã chăm sóc cho ông tận tình, chu đáo. Thấu hiểu tình cảm của những người đồng chí, đồng đội, Chính Hữu đã viết bài thơ "Đồng chí" như một lời cảm ơn những người đồng đội của mình. Chính vì vậy mà tình đồng chí là sợi chỉ hồng xuyên suốt, là chủ đề của bài thơ.

**- Chủ đề:** Bài thơ thể hiện rõ tình đồng đội keo sơn gắn bó giữa những người chiến sĩ quân đội nhân dân trong cuộc sống chiến đấu gian khổ.

**- Vị trí đoạn thơ:** Đoạn thơ trên thuộc phần giữa và phần cuối của bài thơ, đã làm hiện lên vẻ đẹp giản dị, chân thực cũng như sức mạnh của tình đồng chí, đồng đội của hững người lính trong những năm tháng đầy khó khăn gian khổ. Chỉ với 10 câu nhưng lại có sức lay động trái tim của nhiều độc giả. Bởi nó ghi lại một cách chân thực và cảm động mối tình keo sơn, gắn bó giữa những người lính. Họ đã cùng nhau chia sẻ những khó khăn, thiếu thốn, cùng nhau vượt qua những thử thách của cuộc chiến ác liệt để đến với nhau bằng tình đoàn kết, yêu thương và kết tụ lại là bức tranh đẹp về tình đồng đội đồng chí thiêng liêng, cao đẹp.

**2. Cảm nhận đoạn thơ**

**a. Biểu hiện của tình đồng chí:**

**+ Luận điểm 1: Là sự đồng cam, cộng khổ trong cuộc đời người lính**

*\* Dẫn dắt:*Trước hết, tình đồng chí còn là sự đồng cam cộng khổ, sự sẻ chia những gian lao thiếu thốn của cuộc đời người lính:

*“Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*

*Sốt run người vầng trán ướt mồ hôi*

*Áo anh rách vai*

*Quần tôi có vài mảnh vá*

*Miệng cười buốt giá*

*Chân không giày”*

- Bằng những hình ảnh tả thực, các câu thơ có cấu trúc sóng đôi: *áo anh*, **rách vai**, *quần tôi*, **mảnh vá**, miệng cười buốt giá, chân không giày, tác giả đã tái hiện chân thực những khó khăn thiếu thốn trong buổi đầu kháng chiến: thiếu lương thực, thiếu vũ khí, quân trang, thiếu thuốc men…Người lính phải chịu “*từng cơn ớn lạnh”,* những cơn sốt rét rừng hành hạ như cơm bữa. *\* Liên hệ mở rộng:* Chính nhà thơ Quang Dũng cũng nhói lòng nhắc về hình tượng người lính đang mắc phải căn bệnh sốt rét trong bài thơ “*Tây Tiến”:*

“ *Tây Tiến đoàn binh không mọc tóc*

*Quân xanh màu lá dữ oai hùm”.*

- Hay trong bài “*Dấu chân qua trảng cỏ”,* nhà thơ Thanh Thảo cũng từng viết:

*“Những người sốt rét đương cơn*

*Dấu chân bầm xuống đường trơn ướt nhòe”.*

- Chỉ như vậy thôi cũng đủ để hiểu, người lính phải gian khổ ra sao. Căn bệnh sốt rét- nỗi kinh hoàng ám ảnh của người lính trong chiến tranh đã hành hạ họ khiến họ tiều tụy, xanh xao, vàng da, tóc rụng. Vì thế lúc này chỉ có tình thương yêu, đùm bọc mới là liều thuốc bổ tinh thần giúp họ vượt qua bệnh tật. Cái đọng lại trong câu thơ là từ *“biết”.* Người lính không nói tôi *“biết”* mà là tôi với anh *“biết”* từng cơn ớn lạnh.Nghĩa **là họ cùng nếm trải, cùng chịu đựng, cùng trải qua.** Họ đã đồng cam cộng khổ, chia ngot xẻ bùi trong khó khăn gian khổ. Tất cả những khó khăn gian khổ được tái hiện bằng những chi tiết hết sức thật, không một chút tô vẽ. Không dừng lại ở đó người lính ngay từ những ngày đầu của cuộc kháng chiến, bộ đội ta thiếu thốn đủ đường, quần áo rách bươm phải buộc túm lại nên người lính vệ quốc còn được gọi là *“vệ túm*”. Những hình ảnh *“áo rách vai, quần vài mảnh vá, chân không giày”* đã nói lên điều đó.

**+ Luận điểm 2: Lạc quan, yêu đời.**

- Nhưng trên hết họ vẫn **lạc quan, yêu đời** *“Miệng cười buốt giá”*giữa chiến trường bom rơi đạn lửa. Chính nụ cười ấy đã xóa tan cái lạnh lẽo của đêm đông giá rét. Họ đùa vui trong gian khổ thiếu thốn, động viên nhau qua ánh mắt, nụ cười. Dù đó chỉ là nụ cười gượng gạo trong *“buốt giá”* nhưng vẫn chứa chan tình cảm cho thấy sự lạc quan, mạnh mẽ trong cuộc sống chiến đấu. Nó gợi cho ta nhớ cái cười âm vang cả Trường Sơn của những người lính trong “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính”* của Phạm Tiến Duật *“Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha”.*

**+ Luận điểm 3:****Là niềm yêu thương gắn bó sâu nặng dành cho nhau (Sức mạnh của tình đoàn kết)**

- Nếu điểm nhấn ở khổ thơ đầu là câu thơ *“Đồng chí”* thì điểm nhấn ở khổ thơ thứ hai là câu thơ:

“*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”*

*-*  Hình ảnh *“tay nắm lấy bàn tay”* là hình ảnh giàu sức gợi. Trong cái buốt giá gian lao, những bàn tay tìm đến với nhau để siết chặt đội ngũ; để truyền hơi ấm cho nhau; để động viên, cảm thông, chia sẻ mọi khó khăn; để hứa hẹn lập công. Bàn tay giao cảm thay cho lời nói. Nhà thơ Lưu Quang Vũ cũng từng viết:

*“Lúc chia tay ta chỉ nắm tay mình*

*Điều chưa nói bàn tay đã nói”*

- Người ta bảo bàn tay biết nói là thế. Một sự cảm thông, chia sẻ vừa chân thành, vừa tha thiết làm sao. Câu thơ ấm áp trong ngọn lửa tình cảm thân thương! Nếu như trong thơ Phạm Tiến Duật, người lính “*Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi”* để gần nhau hơn trên chặng đường dài thì với Chính Hữu cái nắm tay kia là biểu tượng cao đẹp, nồng ấm và thiêng liêng của tình đồng chí. Chiến tranh có thể tàn phá, cướp đi tất cả nhưng không thể giết chết mối liên kết ấy. Chất liệu hiện thực sinh động chỉ là cái nền để tôn lên vẻ đẹp sâu lắng và sức mạnh của tình đồng chí- tình cảm đã giúp tác giả và những người lính khác sống qua những tháng ngày bom rơi đạn lửa.

**b. Sức mạnh và vẻ đẹp của tình đồng chí**

- Hình ảnh người lính và tình đồng chí của họ đã kết tinh, tỏa sáng trong ba câu thơ cuối của bài:

“Đêm nay rừng hoang sương muối  
Đứng cạnh bên nhau chờ giặc tới  
Đầu súng trăng treo”

- Ba câu thơ cuối vừa giàu chất hiện thực lại vừa đậm đà chất lãng mạn bay bổng, vừa gợi tả bức tranh không gian toàn cảnh của núi rừng, lại vừa đặc tả tình cảm ấm áp của những người lính trong chiến tranh. Đây là biểu hiện cao đẹp nhất của tình đồng đội, đồng chí. Đó là khoảng thời gian “*đêm nay”* rất cụ thể với khung cảnh *“rừng hoang sương muối”* hiu quạnh, lạnh lẽo và khắc nghiệt.

- Tuy nhiên, người lính vẫn đứng cạnh bên nhau để “*chờ giặc tới”*. Động từ “*chờ”* cho thấy được tư thế chủ động và hết sức đề cao cảnh giác của người lính trong khi làm nhiệm vụ. Nghệ thuật tương phản đối lập được tạo ra rất cân đối giữa một bên là không gian núi rừng lạnh lẽo, hoang vu, vắng lặng với một bên là tư thế chủ động mạnh mẽ như lấn át cả không gian toàn cảnh của người lính. Chính sức mạnh của tình đồng chí đã làm cho người lính vượt lên trên hiện thực khắc nghiệt đó.

- Các từ gần nghĩa *“cạnh”-“bên”* cho thấy sức mạnh của tinh thần đoàn kết, gắn bó luôn có nhau của người lính. Trên cao là ánh trăng treo lơ lửng trên bầu trời, dưới cái nhìn lãng mạn hóa của Chính Hữu, ánh trăng như đang treo ở đầu mũi súng. Đêm khuya, trăng trên vòm trời cao đã sà xuống thấp dần, ở vào một vị trí và tầm nhìn nào đó, vầng trăng như treo trên đầu mũi súng của người chiến sĩ đang phục kích chờ giặc. Và *“trăng”* theo đó đã trở thành người bạn vừa chứng minh cho tình cảm đồng chí keo sơn của người lính, vừa sáng soi và sưởi ấm cho không gian của rừng đêm sương muối lạnh lẽo bên trên.

- Hình ảnh *“súng”-“trăng”* được đặt bên nhau khiến người đọc có nhiều liên tưởng giữa **thực tại-mơ mộng, chiến tranh hòa bình, chiến sĩ-thi sĩ.** Sự đan cài giữa hiện thực và lãng mạn ấy vừa cho thấy được hiện thực chiến tranh khó khăn, vất vả; lại vừa toát lên vẻ đẹp tâm hồn của người lính: họ vừa là chiến sĩ vừa là thi sĩ, họ cầm súng chiến đấu để bảo vệ quê hương, đem lại nền độc lập, tự do cho Tổ quốc thân yêu.

=> Có thể nói, ba câu thơ cuối là một bức tranh đẹp, như một bức tượng đài sừng sững của hình ảnh người lính cách mạng với tình đồng chí thiêng liêng sâu sắc. Chính tình cảm đồng chí đã làm nên vẻ đẹp tâm hồn người chiến sĩ.

Như vậy tình đồng chí trong bài thơ là tình cảm cao đẹp và thiêng liêng của những con người gắn bó keo sơn trong cuộc chiến đấu vĩ đại vì một lý tưởng chung. Đó là mối tình có cơ sở hết sức vững chắc: sự đồng cảm của những người chiến sĩ vốn xuất thân từ những người nông dân hiền lành chân thật gắn bó với ruộng đồng. Tình cảm ấy được hình thành trên cơ sở tình yêu Tổ Quốc, cùng chung lí tưởng và mục đích chiến đấu. Hoàn cảnh chiến đấu gian khổ và ác liệt lại tôi luyện thử thách làm cho mối tình đồng chí đồng đội của những người lính càng gắn bó, keo sơn. Mối tình thiêng liêng sâu nặng, bền chặt đó đã tạo nên nguồn sức mạnh to lớn để những người lính *“áo rách vai”, “chân không giầy”* vượt lên mọi gian nguy để đi tới và làm nên thắng trận để viết lên những bản anh hùng ca Việt Bắc, Biên giới, Hoà Bình, Tây Bắc…. tô thắm thêm trang sử vàng chống Pháp hào hùng của dân tộc.

3. Đánh giá, mở rộng

**-** Bằng nhiều hình ảnh sóng đôi cùng nghệ thuật so sánh, ẩn dụ, ngôn ngữ thơ hàm súc, mộc mạc như tiếng nói của người lính đang tâm sự, tâm tình, vận dụng tục ngữ, thành ngữ linh hoạt, tạo nên chất thơ dung dị, hồn nhiên, đậm đà đặc biệt là sự kết hợp giữa bút pháp hiện thực và lãng mạn, đoạn thơ đã khắc họa thành công bức tượng đài về người nông dân mặc áo lính rất đẹp, tráng lệ, hào hùng của thời kì đầu kháng chiến chống Pháp.

-Từ hình ảnh người lính trong bài thơ Đồng chí khiến ta liên tưởng đến hình ảnh của người lính trong bài thơ “*Dáng đứng Việt Nam”* của Lê Anh Xuân hay hình ảnh người lính trong bài *“Nhớ”* của Hồng Nguyên, hay hình ảnh người lính trong bài “*Tây tiến”* của nhà thơ Quang Dũng… Họ là kết tinh cao độ tình đồng đội, đồng chí thiêng liêng trong hai cuộc kháng chiến. Họ mãi là biểu tượng đẹp của dân tộc, là những người con anh hùng của Tổ quốc.

**III. Kết bài**

Đoạn thơ thể hiện chân thực, cảm động một tình cảm lớn mang tính thời đại, đó là tình đồng chí bền chặt, thiêng liêng của những người lính cách mạng. Qua đó tác giả đã khắc họa thành công hình ảnh đẹp về người lính thời kì đầu chống Pháp. Đoạn thơ như một lời nhắn nhủ tới thế hệ mai sau:hãy biết nâng niu và trân trọng, gìn giữ những tình cảm đẹp trong cuộc sống, phải biết kính trọng, biết ơn những người lính đã hi sinh vì sự độc lập của dân tộc.

*==============================================================*

**BÀI 2: BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH**

*(Phạm Tiến Duật)*

**ĐÊ 24: VẺ ĐẸP VỀ HÌNH TƯỢNG NGƯỜI LÍNH TRONG “BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH” CỦA PHẠM TIẾN DUẬT.**

**I. Mở bài**

**Cách 1**

Phạm Tiến Duật là một trong những gương mặt tiêu biểu cho thế hệ các nhà thơ trẻ thời kháng chiến chống Mỹ, đã từng trải nghiệm cuộc sống trên tuyến đường Trường Sơn nên thơ của ông hầu như chỉ viết về những người lính trẻ và những cô thanh niên xung phong.Thơ ông chinh phục trái tim bạn đọc bằng những giọng điệu sôi nổi trẻ trung, ngang tàng và mang đậm chất lính. ***“Bài thơ về tiểu đội xe không kính*”** đã in đậm dấu ấn phong cách nghệ thuật độc đáo ấy. Ra đời vào thời điểm cuộc kháng chiến chống Mĩ diễn ra ác liệt (1969), bài thơ đã xây dựng thành công vẻ đẹp người lính lái xe một cách chân thực, rõ nét với nhiều phẩm chất đẹp đẽ, đáng trân quý.

**Cách 2**

Viết về đề tài người lính đã có rất nhiều nhà thơ khai thác và thành công trong đó phải kể đến Phạm Tiến Duật. Ông là nhà văn trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ. Với giọng điệu sôi nổi trẻ trung, ngang tàng và mang đậm chất lính, Phạm Tiến Duật để lại cho đời nhiều thi phẩm hay trong số đó là *“Bài thơ về tiểu đội xe không kính”* ra đời năm 1969. Bài thơ đã xây dựng thành công vẻ đẹp người lính lái xe một cách chân thực, rõ nét với nhiều phẩm chất đẹp đẽ, đáng trân quý.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính”* của Phạm Tiến Duật được sáng tác năm 1969 trong thời kì cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra rất gay go, ác liệt. Từ khắp các giảng đường đại học, hàng ngàn sinh viên đã gác bút nghiên để lên đường đánh giặc, và điểm nóng lúc đó là tuyến đường Trường Sơn **-** con đường huyết mạch nối liền hậu phương với tiền tuyến. Phạm Tiến Duật đã ghi lại những hình ảnh tiêu biểu của nơi khói lửa Trường Sơn. Có thể nói, hiện thực đã đi thẳng vào trang thơ của tác giả và mang nguyên vẹn hơi thở của cuộc chiến.

**- Chủ đề:** Ra đời trong hoàn cảnh ấy, bài thơ đã thực sự trở thành hồi kèn xung trận, trở thành tiếng hát quyết thắng của tuổi trẻ Việt Nam thời kì chống Mĩ. Cảm hứng từ những chiếc xe không kính đã làm nền để nhà thơ chiến sĩ khắc họa thành công chân dung người chiến sĩ lái xe: ung dung tự tại, lạc quan sôi nổi, bất chấp mọi khó khăn gian khổ, tình đồng chí đồng đội gắn bó, tình yêu đất nước thiết tha…

**2. Phân tích, cảm nhận vẻ đẹp người lính**

**+ Luận điểm 1: Hình tượng người lính lái xe trong bài thơ hiện lên với tư thế hiên ngang, bất khuất (khổ 1 và khổ 2)**

*\* Dẫn dắt:*Trước hết, hình tượng người lính lái xe trong bài thơ hiện lên với tư thế hiên ngang, bất khuất. Tác giả đã tái hiện lại một cách chân thực sự khốc liệt của cuộc chiến tranh thông qua hình ảnh chiếc xe không có kính - bằng chứng xác đáng cho sự tàn phá khủng khiếp của một thời đã qua và để rồi trên cái nền của cuộc kháng chiến gian khổ, khốc liệt ấy, tác giả Phạm Tiến Duật đã xây dựng thành công hình ảnh những người lính lái xe Trường Sơn với tư thế ung dung, hiên ngang, luôn sẵn sàng ra trận:

*“Ung dung buồng lái ta ngồi  
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng”*

- Tác giả đã sử dụng thành công thủ pháp đảo ngữ, đưa từ "*ung dung"* lên đầu câu đã gợi lên sự bình thản, điềm nhiên đến kì lạ của những người lính. Thêm vào đó, thủ pháp liệt kê "*nhìn đất", "nhìn trời", "nhìn thẳng*" đã cho thấy tư thế vững vàng, bình thản, dũng cảm của những người lính lái xe.

- Họ không trốn tránh, không sợ hãi mà luôn sẵn sàng, bình thản, dũng cảm nhìn thẳng vào con đường đầy khó khăn, gian khổ phía trước để vượt qua. Thêm vào đó, tư thế ung dung, hiên ngang của người lính xe ra trận được khắc họa đậm nét hơn qua những hình ảnh hòa nhập vào thiên nhiên:

*“Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng  
 Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim  
 Thấy sao trời và đột ngột cánh chim  
Như sa, như ùa vào buồng lái”.*

- Tác giả đã mở ra một không gian rộng lớn với những con đường dài chạy tít tắp, có gió thổi, có *“sao trời”* và có cả những “*cánh chim*”. Tất cả thiên nhiên, vũ trụ “*như ùa vào buồng lái*” của những người lính. Và với nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác"*xoa mắt đắng*" tác giả đã thể hiện một cách rõ nét tinh thần dũng cảm, bất chấp mọi khó khăn, gian khổ của người lính lái xe.

- Các anh đã vượt qua tất cả mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ, để lái những chiếc xe phóng như bay trên con đường dài. Lúc đó, giữa các anh với con đường như không còn khoảng cách để các anh có cảm giác như "*con đường chạy thẳng vào tim"* của chính mình. Đồng thời, qua biện pháp so sánh "*như sa, như ùa vào buồng lái*" đã giúp chúng ta cảm nhận được tốc độ nhanh chóng, phi thường của tiểu đội xe không kính khi ra trận. Như vậy, với hai khổ thơ mở đầu bài thơ, tác giả đã xây dựng thành công hình tượng những người lính với tư thế ung dung, tràn đầy bản lĩnh trước những khó khăn, gian khổ, hiểm nguy của cuộc chiến trên cái nền khung cảnh ác liệt của cuộc chiến tranh.

**+ Luận điểm 2:** **Những người lính trong bài thơ còn là những con người luôn tràn đầy tinh thần lạc quan, bất chấp mọi hiểm nguy, coi thường mọi gian khổ (khổ 3 và khổ 4)**  
- Thêm vào đó, những người lính trong bài thơ còn là những con người luôn tràn đầy tinh thần lạc quan, bất chấp mọi hiểm nguy, coi thường mọi gian khổ. Trong cuộc kháng chiến chống đế quốc Mĩ xâm lược, những người lính luôn phải đối diện với muôn ngàn khó khăn, thử thách, hiểm nguy, thế nhưng, dẫu trong bất kì hoàn cảnh nào đi chăng nữa những người lính ấy vẫn luôn tràn đầy tinh thần lạc quan để vượt lên trên tất cả, chiến đấu và chiến thắng kẻ thù xâm lược:

*“……………………………  
 Bụi phun tóc trắng như người già  
 Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc  
Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha*

*………………………………  
 Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời  
 Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa  
 Mưa ngừng, gió lùa mau khô thôi”.*

- Tác giả đã sử dụng hàng loạt các hình ảnh như "bụi", "mưa" để diễn tả những khó khăn, gian khổ mà những người lính phải trải qua. Dẫu có thật nhiều những khó khăn nhưng những người lính ấy đã thể hiện thái độ coi thường, bất chấp hết tất cả mọi thứ. Thái độ, tinh thần ấy của họ đã được tái giả thể hiện rõ nét qua việc sử dụng cấu trúc lặp "*không có ... ừ thì..."* cùng kết cấu phủ định "*chưa có ...".*

- Thêm vào đó, với việc sử dụng hình ảnh so sánh độc đáo "*bụi phun tóc trắng như người già",* "*mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời*" không những cho thấy sự khắc nghiệt của thiên nhiên mà hơn thế nữa nó còn thể hiện sự ngang tàn, phơi phới, lạc quan của những người lính, họ luôn luôn hướng về phía trước. Đồng thời, những hình ảnh "*phì phèo châm điếu thuốc", "lái trăm cây số nữa"* đã thêm một lần nữa cho chúng ta thấy tinh thần lạc quan, thái độ coi thường mọi hiểm nguy, thử tháchphía trước.

**+ Luận điểm 3: Những người lính luôn tràn đầy tình đồng chí, đồng đội cao đẹp (khổ 5 và khổ 6)**  
Không chỉ dừng lại ở thái độ coi thường, bất chấp mọi hiểm nguy mà tình đồng chí, đồng đội cao đẹp cũng là một trong số những vẻ đẹp đáng trân quý ở những người lính lái xe. Sau những chặng đường dài hiểm nguy trong mưa bom bão đạn và cả sự khắc nghiệt của thời tiết, những người lính ấy gặp lại nhau, trao cho nhau những cái bắt tay thật độc đáo và tràn đầy ý nghĩa:

“…………………………………  
*Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới  
Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi”.*

- Có thể nói, hình ảnh "*bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi*" là một hình ảnh thơ độc đáo và giàu sức gợi. Cái bắt tay ấy vừa thể hiện sự đồng cảm từ tận sâu trái tim, tấm lòng của những người lính dành cho nhau, vừa là những lời động viên ngắn ngủi mà chân thành, ấm áp và đồng thời, đó là còn sự chia sẻ những niềm vui, nỗi buồn, những khó khăn, gian khổ mà học đã trải qua. Cái bắt tay ấy chính là cái bắt tay chan chứa tình yêu thương, sự thấu hiểu, sẻ chia, gắn bó của những người lính. Cái bắt tay hứa hẹn lập công.

- Cái bắt tay thay lời muốn nói “*Điều chưa nói bàn tay đã nói”* (Lưu Quang Vũ). Nếu trong thơ Chính Hữu cái nắm tay kia là biểu tượng cao đẹp, nồng ấm và thiêng liêng của tình đồng chí “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay” thì trong thơ Phạm Tiến Duật, người lính “*Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi”* để gần nhau hơn trên chặng đường dài. Đồng thời, những cuộc gặp gỡ, trú quân ngắn ngủi với bữa cơm dã chiến đã làm cho những người lính xích lại gần nhau thêm nữa:

*“Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời  
 Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy  
 Võng mắc chông chênh trên đường xe chạy  
Lại đi, lại đi trời thêm xanh”.*

- Dường như với những người lính, những người đồng đội, những người cùng *"chung bát đũa"* đấy là một gia đình, họ gắn bó và san sẻ cùng nhau. Đây có lẽ là một cách định nghĩa về gia đình thật tếu táo, đậm chất lính nhưng cũng thật tình cảm của Phạm Tiến Duật. Những phút nghỉ ngơi trong chốc lát, những bữa cơm quây quần cạnh nhau diễn ra thật vội vã nhưng chính những giây phút ngắn ngủi ấy đã kéo những người lính xích lại gần nhau thêm, để họ thêm gần gũi, thêm yêu mến nhau. Và chính những giây phút ấy đã tiếp thêm cho họ niềm tin, ý chí, sức mạnh để rồi họ *"lại đi, lại đi",* lại tiếp tục cuộc hành trình của mình vì màu xanh hi vọng, màu xanh hòa bình, màu xanh cho một ngày mai chiến thắng của quê hương, đất nước.

**+ Luận điểm 4: Những người lính với ý chí chiến đấu, tinh thần yêu nước và lí tưởng cao đẹp. (khổ 7)**  
*\* Chuyển ý:*Cuối cùng, trong khổ thơ kết thúc bài thơ, tác giả đã cho thấy ý chí chiến đấu, tinh thần yêu nước và lí tưởng cao đẹp của những người lính:

*“*Không có kính, rồi xe không có đèn

Không có mui xe, thùng xe có xước

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:

Chỉ cần trong xe có một trái tim”

- Điệp ngữ *“không có”* đã làm nên âm điệu nhanh, mạnh, khỏe khoắn, dồn dập cho cả đoạn thơ. Ta cảm nhận thấy trong nhịp điệu ấy khí thế khẩn trương, hối hả của những đoàn xe ra trận và cả sự ác liệt trong cuộc chiến. Tác giả đã sử dụng thành công nghệ thuật liệt kê “không có ….”, đồng nghĩa với sự chồng chất những mất mát, hi sinh của người lính. Đến đây hình tượng những chiếc xe không kính đã phát triển ở mức cao hơn. Xe không chỉ “*không có kính*”, mà còn “*không có đèn*”, “*không có mui xe”,* chiếc xe đã trở lên hỏng hóc, méo mó và biến dạng như một thứ đồ phế thải. Tưởng chừng xe không thể chạy được, nhưng thật kì diệu “*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước”.*

- Đây là một điều bất ngờ, hơn thế nữa là những phi thường, là một sự bất chấp đầy thách thức. Tại sao lại có điều kì diệu ấy? Nhà thơ Phạm Tiến Duật đã phát hiện rằng: *“Chỉ cần trong xe có một trái tim”* thì dù thế nào xe vẫn cứ chạy. Không có cách lí giải nào cụ thể và thuyết phục hơn thế. *“Chỉ cần”* có nghĩa là yếu tố duy nhất để xe vẫn cứ chạy chính là trái tim người lính.

- Chỉ có trái tim quả cảm, giàu lòng yêu nước của người chiến sĩ lái xe thì có mọi khó khăn đã lùi lại phía sau. Đặc biệt nhà thơ đã phát hiện ra cả tiểu đội xe không kính vẫn chạy vì “*miền Nam phía trước”,* vì một nửa đất nước đang rên siết dưới gót giày xâm lược của đế quốc Mỹ. Ý chí chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước của người lính Trường Sơn đến đây đã ngời sáng. Đẹp nhất trong bài thơ là *“trái tim”* người lính. Hình ảnh này được đặt trong thể đối lập với ba cái “*không”: “không kính”, “không đèn”, “không mui”.* - Đây chính là sự đối lập giữa cái ác liệt của cuộc chiến với tinh thần, khí phách, tầm lòng của người lính lái xe. Hình ảnh “*trái tim”* chính là hoán dụ cho người chiến sĩ Trường Sơn yêu nước dũng cảm. Với hình ảnh giàu ý nghĩa này, nhà thơ Phạm Tiến Duật đã mở ra một góc nhìn mới cho hình tượng người lính lai xe không kính. Phải chăng *“trái tim”* là cội nguồn sức mạnh của cả tiểu đội xe không kính, gốc rễ phầm chất anh hùng của người lính Trường Sơn.

-Từ hình ảnh “*trái tim*” cầm lái, nhà thơ đã khẳng định một chân lí của thời đại chống Mĩ, đó là sức mạnh quyết định chiến thắng không phải là phương tiện, vũ khí mà là con người với trái tim yêu nước nồng nàn và ý chí kiên cường dũng cảm. Có thể nói hình ảnh *“trái tim”* đã làm bật lên chủ đề của bài thơ và làm ngời sáng vẻ đẹp của người chiến sĩ lái xe Trường Sơn thời chống Mĩ.  
**3. Đánh giá, mở rộng**

- Hình ảnh người lính lái xe không kính đã được nhà thơ Phạm Tiến Duật khắc họa bằng chất liệu hiện thực sống động của cuộc sống chiến trường. Ngôn ngữ và giọng điệu thơ tự nhiên, khỏe khoắn, mang cái ngang tàng của những người trẻ. Chọn hình ảnh những chiếc xe không kính, Phạm Tiến Duật đã xây dựng thành một hình tượng điển hình nhằm phản ánh hiện thực chiến tranh là biểu dương tinh thần, ý chí của người lính Trường Sơn. Đặc biệt tác giả đã khắc họa thành công chân dung người lính lái xe với nhiều phẩm chất cao quý. Đó là tư thế hiên ngang, dũng cảm, là thái độ bất chấp, coi thường nguy hiểm. Đó còn là vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội và lòng yêu nước nồng nàn, cháy bỏng, ý chí chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Với những phẩm chất cao đẹp ấy, người lính lãi xe trong bài thơ đã trở thành biểu tượng đẹp cho tuổi trẻ Việt Nam thời chống Mĩ.

- Từ hình ảnh người lính trong bài thơ khiến ta liên tưởng đến hình ảnh người lính trong bài thơ *“Đồng chí”*của Chính Hữu. Họ là kết tinh cao độ tình đồng đội, đồng chí thiêng liêng trong hai cuộc kháng chiến. Họ sẽ mãi là biểu tượng đẹp của dân tộc, là những người con anh hùng của Tổ Quốc, sẽ mãi là “*Thạch Sanh của thế kỉ XX*” (Tố Hữu)

**III. Kết bài**

Bài thơ đã khắc hoạ hình tượng người chiến sĩ lái xe thật đẹp, thật dí dỏm, thật lính. Đó là hình ảnh tiêu biểu của thế hệ trẻ trong thời kì kháng chiến chống Mĩ -một thế hệ anh hùng, sống đẹp và giàu lí tưởng. Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước đã thành công hơn bốn mươi năm qua nhưng vẻ đẹp người lính quyết tâm chiến đấu vì miền Nam ruột thịt ngày nào vẫn chưa mờ phai trong lòng mỗi người con đất Việt . Nó nhắc chúng ta-thế hệ trẻ- tiếp bước cha anh, gìn giữ Tổ quốc mãi trường tồn.

**====================================================**

**ĐỀ 25:**  **CẢM NHẬN VỀ VẺ ĐẸP NGƯỜI LÍNH LÁI XE QUA BA KHỔ THƠ CUỐI TRONG ”BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH”. TỪ ĐÓ LIÊN HỆ VỚI LÍ TƯỞNG SỐNG CỦA TUỔI TRẺ TRONG THỜI ĐẠI NGÀY NAY.**

*“Những chiếc xe từ trong bom rơi*

*Đã về đây họp thành tiểu đội*

*Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới*

*Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi.*

*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời*

*Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy*

*Võng mắc chông chênh đường xe chạy*

*Lại đi, lại đi trời xanh thêm.*

*Không có kính, rồi xe không có đèn,*

*Không có mui xe, thùng xe có xước,*

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:  
Chỉ cần trong xe có một trái tim.”*

(Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục năm 2018, trang 132)

**I. Mở bài**

**Cách 1:**

Phạm Tiến Duật là một trong những gương mặt tiêu biểu của lớp nhà thơ trẻ trong những năm chống Mĩ. Thơ ông tập trung thể hiện thế hệ trẻ trong cuộc kháng chiến chống Mĩ qua các hình tượng người lính và những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Thi phẩm "Bài thơ về tiểu đội xe không kính" sáng tác năm 1969, nằm trong chùm thơ Phạm Tiến Duật được tặng giải Nhất cuộc thi thơ của báo Văn Nghệ và được đưa vào tập thơ "Vầng trăng quầng lửa" của tác giả. Bài thơ mà điển hình là ba khổ thơ cuối đã khắc họa hiện thực khốc liệt của chiến tranh nhưng qua đó làm nổi bật lên hình tượng người lính với bao phẩm chất cao đẹp:

**Cách2:**

Cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đầy cam go và oanh liệt cúa nhân dân đã kết thúc thắng lợi. Trong “*mưa bom bão đạn”* trên tuyến đường Trường Sơn trước đây có bao kỳ tích xảy ra. Một trong những thần thoại của thế kỷ XX là hình ảnh nhửng đoàn xe không có kính vẫn băng ra trận tuyến, nối đuôi nhau đi lên phía trước, góp phần làm nên những kỳ tích của dân tộc. Xúc động trước hiện thực lớn lao đó của đồng đội, Phạm Tiến Duật đã sáng tác “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*”. Thi phẩm ra đời vào năm 1969. Bài thơ có nhiều khổ, nhưng đẹp nhất, hay nhất là ba khổ cuối vì tác giả đã khắc họa thành công vẻ đẹp của người lính lái xe:

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính”* của Phạm Tiến Duật được sáng tác năm 1969 trong thời kì cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra rất gay go, ác liệt. Từ khắp các giảng đường đại học, hàng ngàn sinh viên đã gác bút nghiên để lên đường đánh giặc, và điểm nóng lúc đó là tuyến đường Trường Sơn **-** con đường huyết mạch nối liền hậu phương với tiền tuyến. Phạm Tiến Duật đã ghi lại những hình ảnh tiêu biểu của nơi khói lửa Trường Sơn. Có thể nói, hiện thực đã đi thẳng vào trang thơ của tác giả và mang nguyên vẹn hơi thở của cuộc chiến.

**- Chủ đề:** Ra đời trong hoàn cảnh ấy, bài thơ đã thực sự trở thành hồi kèn xung trận, trở thành tiếng hát quyết thắng của tuổi trẻ Việt Nam thời kì chống Mĩ. Cảm hứng từ những chiếc xe không kính đã làm nền để nhà thơ chiến sĩ khắc họa thành công chân dung người chiến sĩ lái xe: ung dung tự tại, lạc quan sôi nổi, bất chấp mọi khó khăn gian khổ , tình đồng chí đồng đội gắn bó, tình yêu đất nước thiết tha…

**- Vị trí đoạn thơ**: Đoạn thơ trên thuộc phần cuối của bài thơ, là hình ảnh những chiếc xe không kính, hình ảnh anh bộ đội cụ Hồ và cái ác liệt cùng sự anh hùng. Từ những chiếc xe tải không kính trên tuyến đường Trường Sơn, xe qua bom giật, bom rung, bom rơi ta vẫn thấy được tinh thần ung dung, bình tĩnh, hiên ngang, dũng cảm của người lính lái xe. Mỗi khổ thơ hiện lên một vẻ đẹp của người chiến sĩ, càng đọc ta càng thấy trân trọng, cảm phục phẩm chất của người chiến sĩ lái xe. Bức chân dung ấy lại được khắc họa rõ nét qua tình đồng chí đồng đội nồng ấm và tình yêu Tổ quốc thiêng liêng cao cả, ý chí chiến đầu vì Miên Nam thân yêu qua ba khổ cuối.

**2. Phân tích**

**a. Cảm nhận về vẻ đẹp của người lính lái xe qua ba khổ thơ cuối  
+ Luận điểm 1: Hình ảnh người lính và tình đồng chí đồng đội của những người lính lái xe không kính:**

*\* Dẫn dắt:* Ở ba khổ cuối, chân dung tâm hồn của người lính lái xa được gợi ra cũng chính từ hình ảnh những chiếc xe không có kính:

“*Những chiếc xe từ trong bom rơi*

*Đã về đây họp thành tiểu đội*

*Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới*

*Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi”*

- Nhịp thơ ở đây hơi lắng lại. Người chiến sĩ đang nói về đồng đội và cũng đang tự nói về mình. “*Từ trong bom rơi”* có nghĩa là từ trong ác liệt, từ trong cái chết trở về. Từ nơi cảm tử, họ tìm về nhau. Vượt qua tuyến lửa, bom rơi, những chiếc xe bỗng tụ nhau thành tiểu đội thật kỳ khôi, thú vị: tiểu đội những chiếc xe không kính  
- Câu thơ *“Những chiếc xe từ trong bom rơi”* gợi về cuộc chiến thật ác liệt. Người chiến sĩ lái xe phải đối diện vơi mưa bom, bão đạn, với thần chết bất cứ lúc nào. Trong hoàn cảnh ác liệt ấy, điều gì khiến các anh trở về được bình an? Thơ Phạm Tiến Duật đã chỉ ra điều kì diệu ấy “*Đã về đây họp thành tiểu đội”.* Chữ *“họp”* gợi sự đoàn tụ, sự bảo toàn. Thì ra vì không thể thiếu nhau, những người đồng đội ấy đã băng qua mưa bom bão đạn để *“về”* trong vòng tay nhau, vòng tay của sự sống và chiến thắng. Ta thấy ở họ sáng ngời lên một tình cảm đẹp-tình đồng đội.. Tình cảm ấy tạo nên sức mạnh để chiến thắng. Trong những năm kháng chiến chống Pháp, Chính Hữu đã phát hiện sức mạnh của tình cảm đó trong bài thơ *“Đồng chí”* qua hình ảnh thơ “*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”*.

- Còn Phạm Tiến Duật với hình ảnh “*Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi”* có gì đó mới hơn,trẻ hơn. Vẫn là cái bắt tay thân thiện, giản dị, mộc mạc mà gần gũi qua ô cửa kính đã vỡ. Cái *“bắt tay qua cửa kính vỡ rồi*” mới thật tự hào, sảng khoái biết bao! Hình như, chính ô cửa vỡ ấy khiến họ gần nhau thêm, khiến cái bắt tay của họ thêm chặt hơn và tình đồng đội lại càng thêm thắm thiết. Cái bắt tay qua ô cửa kính vỡ như là sự chia sẽ, cảm thông lẫn nhau của người lính Trường Sơn. Đó là sự mừng vui, là chúc mừng nhau hoàn thành nhiệm vụ, cũng là niềm tin, niềm tự hào của người chiến thắng. Vẫn cái ô cửa kính đó mà cả một khoảng trời bè bạn gặp gỡ, hội ngộ.

- Thơ Phạm Tiến Duật không chỉ phát hiện tình đồng đội ở những vẻ đẹp hào hùng, mà còn nhìn nhận dưới góc độ những tình cảm thân thương, đầm ấm. Họ-những con người từ nhiều phương trời, nhiều miền quê nhưng trong thử thách, họ gắn với nhau thành ruột thịt:

*“Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời*

*Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy*

*Võng mắc chông chênh đường xe chạy*

*Lại đi, lại đi trời xanh thêm”*

- Sinh hoạt của người lái xe, cái ăn cái ngủ bình thường của con người, được tóm lược vào trong các hình ảnh *“Bếp Hoàng Cầm*” “*bát đũa”,* và “*võng mắc chông chênh”*. Cái gì cũng tạm bợ, cơ động, gian khổ nhưng cách nhìn, cách nghĩ của người chiến sĩ vế chúng thật tươi tắn và cảm động: là *“gia đình”* đấy.

- Chất thơ nghịch ngợm đầy ý vị đã mở ra từ những hình ảnh chân chất đời lính đã ấm lên tình đồng ngũ, nghĩa anh em. Bằng cách nói giản dị ấy, Phạm Tiến Duật đã phát hiện được độ sâu sắc trong tình đồng đội. Đó là tình bạn, tình đồng chí, là chiến hữu, là ruột thịt. Trong quân ngũ, tình đồng đội là tình cảm gia đình, ruột thịt, là tình cảm thật sự đặc biệt, là sự hòa quyện của tình đồng chí, tình người và tình thương yêu giai cấp.

*\* Liên hệ mở rộng:* Đọc đoạn thơ trên, khiến tanhớ đến truyện ngắn “*Những ngôi sao xa xôi”* của Lê Minh Khuê cũng kể về tình đồng đội mà thắm thiết hơn cả tình chị em của ba cô thanh niên xung phong và những cảm xúc rất riêng của họ.Ta lại nhớ đến các cô gái ở Ngã ba Đồng Lộc. Họ như thể chị em sinh ra từ một người mẹ. Sống cùng và chết cũng không lìa xa.

- Bài thơ vẫn tiếp tục tô đậm vẻ đẹp của tâm hồn biết yêu thương, mơ mộng, tâm hồn qua thử thách vẫn tươi xanh, non mướt qua hai câu thơ:

*“Võng mắc chông chênh đường xe chạy*

*Lại đi lại đi trời xanh thêm”*

- Những chiến sĩ kiên cường ấy cùng chiến đấu và cùng chia sẻ với nhau phút dừng chân thật vui thú, thỏa mái. Chữ “*chông chênh”* vừa nói cái không chắc của thế mắc võng, vừa toát lên cái thi vị, tinh nghịch pha chút mạo hiểm rất quen thuộc của kẻ đưa võng. Như ta đã gặp hình ảnh người lính “*Ung dung buồng lái ta ngồi”, “Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha”*… câu thơ “*Lại đi lại đi trời xanh thêm*” nối tiếp phát hiện khác. Điệp ngữ “*lại đ*i” tựa như nhịp bước hành quân của người chiến sĩ, khó khăn không nản, hi sinh không sờn, biểu hiện đoàn xe không ngừng tiến tới, không một sức mạnh bạo tàn nào của giặc Mỹ có thể ngăn nổi.

- Hình ảnh *"Trời xanh"* là một nét vẽ rất tài hoa mang ý nghĩa tượng trưng sâu sắc. Nó không chỉ biểu tượng cho sự sống mà còn biểu tượng cho tự do, hòa bình, chứa chan hi vọng chiến công lớn đang chờ. Người chiến sĩ lái xe chính là tự do của nhân loại. Họ chiến đấu để giành lại *“trời xanh”.*

*-* Chính vì thế dù gian khó hiểm nguy đến đâu, họ cũng vẫn quyết tâm lái xe bon bon về phía trước. Đây không phải là một mệnh lệnh khô khan, là nhiệm vụ đơn thuần mà là tinh thần, là ý chí, là tình cảm của người lính luôn hướng trái tim về miền Nam ruột thịt. Câu thơ gợi ra sự liên tưởng trong lòng người đọc, ta có cảm giác rằng mỗi đoạn đường xe đi qua như mở thêm một khoảng trời hạnh phúc, bình yên. Và mơ ước nữa chứ. Rất nhiều lần *“trời xanh”* hiện ra trong mưa bom ở bài thơ này. Tâm hồn người lính sao mà tươi xanh đến thế! Họ là hiện thân của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, là hình tượng đẹp nhất của thế kỷ “*Như Thạch Sanh của thế kỷ hai mươi” (*Tố Hữu).

**+ Luận điểm 2:** **Lòng yêu nước, ý chí chiến đấu giải phòng miền Nam (khổ thơ cuối)**

- **Tới khổ thơ cuối cùng,** vẫn một giọng thơ mộc mạc, gần với lời nói bình thường. Vậy mà nhạc điệu, hình ảnh, ngôn ngữ rất đẹp, rất thơ, cảm hứng và suy tưởng vừa bay bổng, vừa sâu sắc để hoàn thiện bức chân dung tuyệt vời của người chiến sĩ vận tải Trường Sơn:  
  *“Không có kính rồi xe không có đèn*

*Không có mui xe, thùng xe có xước*

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*

*Chỉ cần trong xe có một trái tim”*

- Điệp ngữ “*không có*” lặp lại ba lần như nhân lên để tổng kết cái khó khăn, khốc liệt của chiến tranh, khó khăn nối tiếp khó khăn, càng đi vào sâu tới những chiến trường nguy hiểm hơn. Và minh chứng cho sự khốc liệt đó là những chiếc xe mang trên mình đầy thương tích: không đèn, không mui, kính vỡ, thùng xước, bị biến dạng. Trận đánh gần đến ngày toàn thắng thì thử thách với người lính càng lớn, hi sinh mất mát càng nhiều. Nhưng đối lập với những mất mát ấy là một thứ như thép, như đồng đang tồn tại: ý chí của người lái xe.

- Người lính lái xe vẫn cứ vững chắc tay lái, đối diện với con đường vũng vàng trên vị trí chiến đấu. Chữ “*vẫn chạy”* sao mà gan góc. Mà ý chí, mà bướng bỉnh, mà ngoan cường!

- Trước mắt chúng ta , những đoàn xe vẫn cứ tiếp tục chạy trên con đường Trường Sơn mưa bom bão đạn, những chiến sĩ lái xe vẫn cứ “*ung dung buồng lái ta ngồi”* và đoàn xe *“Lại đi lại đi trời xanh thêm*” vượt lên bom đạn, sát cánh cùng miền Nam ruột thịt. Đây là mục đích, là lí tưởng sống của những người lái xe trong thời kì ấy và cũng chính là mục đích, lí tưởng của thế hệ thanh niên lớp lớp lên đường chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

- Bài thơ dựng lên cuộc chiến đấu với bao điều không có: không kính, không đèn, không mui. Đến đây, nhà thơ hạ bút: *“Chỉ cần trong xe có một trái tim”.* Tác giả đã sử dụng nghệ thuật tương phản giữa hoàn cảnh ác liệt của cuộc kháng chiến và phẩm chất của anh lính lái xe, ý chí kiên cường quyết tâm chiến thắng kẻ thù xâm lược. *“Trái tim”* là một hoán dụ nghệ thuật tu từ chỉ người chiến sĩ lái xe Trường Sơn năm xưa. *“Trái tim”* của họ đau xót trước cảnh nhân dân miền Nam sống trong khói bom thuốc súng, đất nước bị chia cắt thành hai miền*. “Trái tim”* ấy dạt dào tình yêu Tổ quốc như máu thịt, như mẹ cha, như vợ như chồng ... *“Trái tim”* ấy luôn luôn sục sôi căm thù giặc Mĩ bạo tàn.

- Yêu thương, căm thù chính là động lực thôi thúc những người chiến sĩ lái xe khát khao giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Nhưng điều gì mãnh liệt nhất, quan trọng nhất. Anh lính đã nói thật tự tin, giản dị “*Chỉ cần trong xe có một trái tim”.* Trái tim như ngọn đèn, như mặt trời ở cuối bài thơ làm ấm, làm sáng rực lên chiến trường nhiều gian khổ.   
Có thể nói cả bài thơ hay nhất là câu thơ cuối cùng. Nó là nhãn tự, là “*con mắt của thơ”,* bật sáng chủ đề, tỏa sáng vẻ đẹp hình tượng người lính lái xe thời chống Mĩ.

**b. Liên hệ với lí tưởng sống của tuổi trẻ trong thời đại ngày nay**

- Cũng giống như lí tưởng sống của thế hệ trẻ thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước, thanh niên ngày nay cũng mang trong mình nhiều quan niệm, lối sống cao đẹp. Nếu lí tưởng sống của thanh niên Việt Nam trong những giai đoạn cách mạng vừa qua là sống chiến đấu để bảo vệ Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội thìlý tưởng sống của thanh niên hiện nay là phát triển đất nước. Thế hệ trẻ hiện nay đang được sống trong thời hòa bình, họ ý thức rất rõ trách nhiệm của mình đối với non sông. Lí tưởng sống sẽ là động lực giúp con người vươn lên trong cuộc sống. Lí tưởng sống cao đẹp là điều kiện để con người sống có ý nghĩa; giúp con người hoàn thiện vẻ đẹp tâm hồn, nhân cách.

*\* Liên hệ mở rộng:*Như những học sinh sinh viên khoác trên mình bộ áo xanh tình nguyện đi giúp đỡ người nông thôn xây dựng nhà cửa. Hay những anh lính biển ngày đêm canh gác vì tương lai của đất nước. Hay những y, bác sĩ,…. ở tuyến đầu giúp đất nước chống dịch Covid,… Tuy nhiên bên cạnh đó vẫn còn có những thanh niên chẳng có lấy nổi cho mình một lí tưởng sống hoặc có nhưng mục tiêu thật nhạt nhẽo, nhàm chán và vô ích. Thế hệ trẻ ngày nay có những trách nhiệm, những sứ mệnh, những vinh quang và thách thức của mình.  Bước chân sang thế kỉ XXI, mỗi người trẻ tuổi chúng ta cần nâng cao tinh thần học tập, rèn luyện, luôn mang trong mình một trái tim nhiệt huyết và tự hào về dân tộc Việt Nam.

**3. Đánh giá, mở rộng**

- Với một chất liệu hiện thực độc đáo, giọng thơ ngang tàng, khẩu khí trẻ trung, nhịp điệu biến hóa linh hoạt: khi thì như lời hội thoại, khi thì như khúc văn xuôi phù hợp với nhịp hành quân của đoàn xe trên đường ra tuyến lửa, ba khổ thơ cuối bài thơ đã cho ta thấy tinh thần đấu tranh kiên cường, dũng cảm của những người lính. Họ chiến đấu bằng tất cả lòng nhiệt huyết và niềm tin của mình vào tương lai tươi sáng, họ luôn hướng tới miền Nam phía trước. Đây là tấm gương sáng cho giới trẻ mọi thế hệ noi theo.

-Tới đây ta lại nhớ đến hình ảnh những nữ thanh niên xung phong truyện ngắn “*Những ngôi sao xa xôi”* của Lê Minh Khuê hay các cô gái ở Ngã ba Đồng Lộc. Họ sống cùng và chết cũng không lìa xa. Họ là kết tinh cao độ tình đồng đội, đồng chí thiêng liêng trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Họ mãi là biểu tượng đẹp của dân tộc, là những người con anh hùng của Tổ quốc.

**III. Kết bài**

Ba khổ thơ cuối của bài đã khép lại con đường tới miền Nam yêu dấu mấy chục năm trong sự thống nhất, trọn vẹn, yêu thương. Nó đã phác họa những hình tượng đẹp về người lính lái xe trên tuyến đường Trường Sơn trong những năm chống Mĩ cứu nước. Cảm ơn nhà thơ đã đem đến cho chúng ta những vần thơ hay như thế. Bước chân sang thế kỉ XXI, trận đánh của mỗi người tuổi trẻ chúng ta hoàn toàn khác nhưng những gì là hào hùng, là nhiệt huyết ở người lính lái xe- thế hệ cha ông vẫn luôn là sự khích lệ, là sự nêu gương để chúng ta gắng sức và sống tốt hơn.

*==========================================================*

**ĐỀ 26: CẢM NHẬN VỀ HAI ĐOẠN THƠ SAU:**

Không có kính không phải vì xe không có kính

Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi

Ung dung buồng lái ta ngồi,

Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng

Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim

Thấy sao trời và đột ngột cánh chim

Như sa như ùa vào buồng lái

(Trích *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật. Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục năm 2018, trang 132)

**I. Mở bài**

Có những tác phẩm đọc xong, gấp sách lại là ta quên ngay, cho đến lúc xem lại ta mới chợt nhớ là mình đã đọc rồi. Nhưng cũng có những tác phẩm như dòng sông chảy qua tâm hồn ta để lại những ấn tượng chạm khắc trong tâm khảm*.“Bài thơ về tiểu đội xe không kính”* của Phạm Tiến Duật là một tác phẩm như thế. Thi phẩm được sáng tác 1969. Bài thơ đã sáng tạo một hình ảnh độc đáo: những chiếc xe không kính, qua đó làm nổi bật hình ảnh những người lính lái xe ở tuyến Trường Sơn với tư thế hiên ngang, dũng cảm, trẻ trung, sôi nổi được thẻ hiện qua khổ thơ trên.

**II. Thân bài**

**1.Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sang tác:** Bài thơ in đậm dấu ấn phong cách nghệ thuật độc đáo của Phạm Tiến Duật. Ông sáng tác bài thơ này vào năm 1969 trong thời điểm gay go ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Thi phẩm nằm trong chùm thơ Phạm Tiến Duật được tặng giải nhất cuộc thi thơ của báo Văn nghệ năm 1969 và được đưa vào tập thơ “*Vầng trăng quầng lửa”* của tác giả.

**- Chủ đề:** Bài thơ đã thể hiện thành công vẻ đẹp của người lính lái xe Trường Sơn – hình ảnh cho tuổi trẻ Việt Nam thời chống Mĩ.

**- Vị trí đoạn thơ**: Bài thơ có 7 khổ, hai khổ trên thuộc phần đầu của bài thơ hai khổ thơ cho thấy hình ảnh những chiếc xe không kính và người lính lái xe: ung dung, hiên ngang, dũng cảm. Mỗi khổ thơ hiện lên một vẻ đẹp của người chiến sĩ, càng đọc ta càng thấy trân trọng, cảm phục phẩm chất của người chiến sĩ lái xe.

**2.Cảm nhận hai khổ thơ**

- Không như các nhà thơ khác, Phạm Tiến Duật đã thể hiện tính cách khác người của mình ngay ở hai câu thơ mở đầu. Không mĩ lệ hóa, không dùng hình ảnh thiên nhiên đẹp đẽ để so sánh, không trau chuốt, không bóng bẩy, hình ảnh chiếc xe trong thơ Phạm Tiến Duật rất trần trụi, bình dị, không nguyên vẹn:

“Không có kính không phải vì xe không có kính

Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi”

- Hình ảnh những chiếc xe trần trụi, xây xước, móp méo, không kính, không đèn mà vẫn băng băng trên đường ra tiền tuyến, chở quân, chở súng đạn, lương thực hướng về miền Nam là hình ảnh thực và thường gặp trong những năm tháng chống Mĩ gian lao và hào hùng. Hình ảnh những chiếc xe không kính được miêu tả cụ thể, chi tiết rất thực.

- Lẽ thường, để đảm bảo an toàn cho tính mạng con người, cho hàng hoá nhất là trong địa hình hiểm trở Trường Sơn thì xe phải có kính mới đúng. Ấy thế mà chuyện “*xe không kính”* lại là môt thực tế, những chiếc *“xe không kính”* rồi “*không đèn”, “không mui”* ấy vẫn chạy băng ra tiền tuyến. Hình ảnh ấy, lần đầu tiên và cũng là duy nhất cho đến nay khơi dậy cảm hứng thơ của Phạm Tiến Duật.

- Hai câu thơ đầu với lời thơ tự nhiên đến mức buộc người ta phải tin ngay vào sự phân bua của các chàng trai lái xe dũng cảm. Thật ra có thể nói một cách đơn giản: Xe không có kính vì bom giật, bom rung. Nhưng nhà thơ lại chọn cách nói như là muốn tranh cãi với ai. Giọng điệu ngang tàng, lí sự với cấu trúc “*không có...không phải vì không có...”.*

*-* Giọng này phù hợp với tính cách ngang tàng dũng cảm, đầy nghị lực, tính tếu nhộn của những lái xe Trường Sơn. Cách giải thích này cũng gợi lên cái ác liệt của chiến tranh, người lính luôn cận kề với hiểm nguy, với cái chết nhưng coi đó như chuyện bình thường. Chất thơ của câu thơ này hiện ra chính trong vẻ tự nhiên đến mức khó ngờ của ngôn từ. Câu thơ rất gần với văn xuôi lại có giọng thản nhiên, ngang tàng trong đó ngày càng gây ra sự chú ý về vẻ đẹp khác lạ của nó.

- Hình ảnh “*bom giật, bom rung*” vừa giúp ta hình dung được một vùng đất từng được mệnh danh là “*túi bom”* của dịch vừa giúp ta thấy được sự khốc liệt của chiến tranh và đó chính là nguyên nhân để những chiếc xe vận tải không có kính. Bom đạn ác liệt của chiến tranh đã tàn phá làm những chiếc xe ban đầu vốn tốt, mới trở thành hư hỏng. Không tô vẽ, không cường điệu mà tả thực, nhưng chính cái thực đã làm người suy nghĩ, hình dung mức độ ác liệt của chiến tranh, bom đạn giặc Mỹ.  
- Mục đích miêu tả những chiếc xe không kính là nhằm ca ngợi những chiến sĩ lái xe Trường Sơn – chủ nhân những chiếc xe không kính. Những người lính lái xe điều khiển những chiếc xe không kính kì lạ trong tư thế ung dung, hiên ngang, bình tĩnh, tự tin. Đó là những con người trẻ trung, tư thế ung dung, coi thường gian khổ, hy sinh. Trong buồng lái không kính chắn gió, họ có cảm giác mạnh mẽ khi phải đối mặt trực tiếp với thiên nhiên bên ngoài. Những cảm giác ấy được nhà thơ ghi nhận tinh tế sống động qua những hình ảnh thơ

“Ung dung buồng lái ta ngồi

Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng”

- Tác giả đã sử dụng thành công thủ pháp đảo ngữ, đưa từ "*ung dung"* lên đầu câu đã gợi lên sự bình thản, điềm nhiên đến kì lạ của những người lính. Thêm vào đó, thủ pháp liệt kê "*nhìn đất", "nhìn trời", "nhìn thẳng*" đã cho thấy tư thế vững vàng, bình thản, dũng cảm của những người lính lái xe. Họ không trốn tránh, không sợ hãi mà luôn sẵn sàng, bình thản, dũng cảm nhìn thẳng vào con đường đầy khó khăn, gian khổ phía trước để vượt qua.

*\* Chuyển ý:*Đến đoạn thơ thứ hai, nhà thơ tập trung làm rõ vẻ đẹp tâm hồn của người chiến sĩ:

*“Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng  
 Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim  
 Thấy sao trời và đột ngột cánh chim  
Như sa, như ùa vào buồng lái”.*

- Những câu thơ tả thực, chính xác đến từng chi tiết. Không có kính chắn gió, bảo hiểm, xe lại chạy nhanh nên người lái phải đối mặt với bao khó khăn nguy hiểm: nào là *“gió vào xoa mắt đắng”,* nào là “*con đường chạy thẳng vào tim*”, rồi “*sao trời”,* rồi “*cánh chim”* đột ngột, bất ngờ như sa, như ùa - rơi rụng, va đập, quăng ném.... vào buồng lái, vào mặt mũi, thân mình. Dường như chính nhà thơ cũng đang cầm lái, hay ngồi trong buồng lái của những chiếc xe không kính nên câu chữ mới sinh động và cụ thể, đầy ấn tượng, gợi cảm giác chân thực đến thế. Những câu thơ nhịp điệu nhanh mà vẫn nhịp nhàng đều đặn khiến người đọc liên tưởng đến nhịp bánh xe trên đường ra trận.

- Qua những câu thơ trên, tác giả đã mở ra một không gian rộng lớn với những con đường dài chạy tít tắp, có gió thổi, có *“sao trời”* và có cả những “*cánh chim*”. Tất cả thiên nhiên, vũ trụ “*như ùa vào buồng lái*” của những người lính. Và với nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác "*xoa mắt đắng*" tác giả đã thể hiện một cách rõ nét tinh thần dũng cảm, bất chấp mọi khó khăn, gian khổ của người lính lái xe. Các anh đã vượt qua tất cả mọi khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ, để lái những chiếc xe phóng như bay trên con đường dài. Lúc đó, giữa các anh với con đường như không còn khoảng cách để các anh có cảm giác như "*con đường chạy thẳng vào tim"* của chính mình.

- Hình ảnh "*con đường chạy thẳng vào tim"* gợi liên tưởng về con đường ra mặt trận, con đường chiến đấu, con đường cách mạng. Đồng thời, qua biện pháp so sánh "*như sa, như ùa vào buồng lái*" đã giúp chúng ta cảm nhận được tốc độ nhanh chóng, phi thường của tiểu đội xe không kính khi ra trận. Như vậy, với hai khổ thơ mở đầu bài thơ, tác giả đã xây dựng thành công hình tượng những người lính với tư thế ung dung, tràn đầy bản lĩnh trước những khó khăn, gian khổ, hiểm nguy của cuộc chiến trên cái nền khung cảnh ác liệt của cuộc chiến tranh. Đó cũng chính là hình ảnh của người chiến sĩ Giải phóng quân thời chống Mĩ. Như một nhà thơ đã từng viết:

“Cuộc đời vẫn đẹp sao  
Tình yêu vẫn đẹp sao  
Dù đạn bom man rợ thét gào  
Dù thân thể thiên nhiên mang đầy thương tích”

**3. Đánh giá, mở rộng**

- Vậy đấy, hai khổ thơ tả thực những khó khăn gian khổ mà những người chiến sĩ lái xe Trường Sơn đã trải qua. Trong khó khăn, các anh vẫn ung dung, hiên ngang bình tĩnh nêu cao tinh thần trách nhiệm, quyết tâm gan góc chuyển hàng ra tiền tuyến. Không có kính chắn gió, bảo hiểm, đoàn xe vẫn lăn bánh bình thường. Lời thơ nhẹ nhõm, trôi chảy như những chiếc xe vun vút chạy trên đường.

**-** Từ hình ảnh người lính trong bài thơ “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính”* của Phạm Tiến Duật ta lại liên tưởng đến người lính trong bài *“Đồng chí”* của Chính Hữu. Cả hai bài đều nêu cao tinh thần chiến đấu và phẩm chất dũng cảm, lạc quan của người lính trong bất cứ hoàn cảnh nào.

**III. Kết bài**

Qua hai khổ thơ đầu, người đọc vừa hình dung được hiện thực của cuộc kháng chiến chống Mỹ, vừa cảm nhận được vẻ đẹp trong tâm hồn của người lính. Cảm ơn nhà thơ đã giúp người đọc cảm nhận sâu sắc về những người chiến sĩ của một thời gian khổ mà hào hùng, đã quên mình để chiến đấu, hi sinh cho dân tộc, đất nước. Chúng ta càng biết ơn các anh và nguyện tiếp bước các anh gìn giữ Tổ quốc Việt Nam mãi mãi trường tồn.

*==========================================*

**ĐỀ 27: CẢM NHẬN VỀ KHỔ THƠ ĐẦU VÀ KHỔ THƠ CUỐI “ BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH” CỦA NHÀ THƠ PHẠM TIẾN DUẬT.**

*“Không có kính không phải vì xe không có kính  
Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi  
Ung dung buồng lái ta ngồi,  
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.*

*“Không có kính rồi xe không có đèn*

*Không có mui xe,thùng xe có xước*

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*

*Chỉ cần trong xe cómột trái tim”.*

*(Bài thơ về tiểu đội xe không kính - Phạm Tiến Duật)*

**I. Mở bài**

Phạm Tiến Duật là một trong những gương mặt xuất sắc của thơ ca Việt Nam thời chống Mĩ cứu nước. Ông được gọi là "*Viên ngọc Trường Sơn của thơ ca"* bởi thi sĩ đã mang cả hào khí thời đại cùng dãy Trường Sơn vào thơ. Đặc biệt mảng thơ về người lính lái xe của ông đã để lại ấn tượng thật thú vị, đó là "*Vết xe lăn*" nóng bỏng trong những bài thơ Trường Sơn thời chống Mĩ. Trong số đó phải kể đến *“Bài thơ về tiểu đội xe không kính”.* Thi phẩm ra đời vào năm 1969. Bài thơ ấn tượng nhất với người đọc là khổ đầu và cuối của bài thơ:

“Không có không phải xe không có kính  
Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi

Ung dung buồng lái ta ngồi  
 Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng”

……………………………………..

“Không có kính rồi xe không có đèn  
 Không có mùi rồi thùng xe có xước  
 Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước

Chỉ cần trong xe có một trái tim”

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sang tác:** “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính”* của Phạm Tiến Duật được sáng tác năm 1969 trong thời kì cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra rất gay go, ác liệt. Từ khắp các giảng đường đại học, hàng ngàn sinh viên đã gác bút nghiên để lên đường đánh giặc, và điểm nóng lúc đó là tuyến đường Trường Sơn – con đường huyết mạch nối liền hậu phương với tiền tuyến. Phạm Tiến Duật đã ghi lại những hình ảnh tiêu biểu của nơi khói lửa Trường Sơn. Có thể nói, hiện thực đã đi thẳng vào trang thơ của tác giả và mang nguyên vẹn hơi thở của cuộc chiến. Ra đời trong hoàn cảnh ấy, bài thơ đã thực sự trở thành hồi kèn xung trận, trở thành tiếng hát quyết thắng của tuổi trẻ Việt Nam thời kì chống Mĩ.

**- Chủ đề tác phẩm:** Cảm hứng từ những chiếc xe không kính đã làm nền để nhà thơ chiến sĩ khắc họa thành công chân dung người chiến sĩ lái xe: ung dung tự tại, lạc quan sôi nổi, bất chấp mọi khó khăn gian khổ , tình đồng chí đồng đội gắn bó, tình yêu đất nước thiết tha…

**- Vị trí đoạn thơ**: Bài thơ có 7 khổ, hai khổ trên thuộc khổ đầu và khổ cuối của bài thơ hai khổ thơ cho thấy hình ảnh những chiếc xe không kính và người lính lái xe: ung dung, hiên ngang, dũng cảm. Mỗi khổ thơ hiện lên một vẻ đẹp của người chiến sĩ, càng đọc ta càng thấy trân trọng, cảm phục phẩm chất của người chiến sĩ lái xe.

**2. Phân tích hai khổ thơ**

**Luận điểm 1: Hình ảnh những chiếc xe không kính và tư thế hiên ngang, bất khuất của người lính (Khổ đầu)**

- Không như các nhà thơ khác, Phạm Tiến Duật đã thể hiện tính cách khác người của mình **ngay ở hai câu thơ mở đầu**. Không mĩ lệ hóa, không dùng hình ảnh thiên nhiên đẹp đẽ để so sánh, không trau chuốt, không bóng bẩy, hình ảnh chiếc xe trong thơ Phạm Tiến Duật rất trần trụi, bình dị, không nguyên vẹn:

“Không có kính không phải vì xe không có kính

Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi”

- Hình ảnh những chiếc xe trần trụi, xây xước, móp méo, không kính, không đèn mà vẫn băng băng trên đường ra tiền tuyến, chở quân, chở súng đạn, lương thực hướng về miền Nam là hình ảnh thực và thường gặp trong những năm tháng chống Mĩ gian lao và hào hùng. Hình ảnh những chiếc xe không kính được miêu tả cụ thể, chi tiết rất thực.

- Lẽ thường, để đảm bảo an toàn cho tính mạng con người, cho hàng hoá nhất là trong địa hình hiểm trở Trường Sơn thì xe phải có kính mới đúng. Ấy thế mà chuyện “*xe không kính”* lại là môt thực tế, những chiếc *“xe không kính”* rồi “*không đèn”, “không mui”* ấy vẫn chạy băng ra tiền tuyến. Hình ảnh ấy, lần đầu tiên và cũng là duy nhất cho đến nay khơi dậy cảm hứng thơ của Phạm Tiến Duật.

- Hai câu thơ đầu với lời thơ tự nhiên đến mức buộc người ta phải tin ngay vào sự phân bua của các chàng trai lái xe dũng cảm. Thật ra có thể nói một cách đơn giản: Xe không có kính vì bom giật, bom rung. Nhưng nhà thơ lại chọn cách nói như là muốn tranh cãi với ai. Giọng điệu ngang tàng, lí sự với cấu trúc “*không có...không phải vì không có...”.*

*-* Giọng này phù hợp với tính cách ngang tàng dũng cảm, đầy nghị lực, tính tếu nhộn của những lái xe Trường Sơn. Cách giải thích này cũng gợi lên cái ác liệt của chiến tranh, người lính luôn cận kề với hiểm nguy, với cái chết nhưng coi đó như chuyện bình thường. Chất thơ của câu thơ này hiện ra chính trong vẻ tự nhiên đến mức khó ngờ của ngôn từ. Câu thơ rất gần với văn xuôi lại có giọng thản nhiên, ngang tàng trong đó ngày càng gây ra sự chú ý về vẻ đẹp khác lạ của nó.

- Hình ảnh “*bom giật, bom rung*” vừa giúp ta hình dung được một vùng đất từng được mệnh danh là “*túi bom”* của dịch vừa giúp ta thấy được sự khốc liệt của chiến tranh và đó chính là nguyên nhân để những chiếc xe vận tải không có kính.

- Bom đạn ác liệt của chiến tranh đã tàn phá làm những chiếc xe ban đầu vốn tốt, mới trở thành hư hỏng. Không tô vẽ, không cường điệu mà tả thực, nhưng chính cái thực đã làm người suy nghĩ, hình dung mức độ ác liệt của chiến tranh, bom đạn giặc Mỹ. Mục đích miêu tả những chiếc xe không kính là nhằm ca ngợi những chiến sĩ lái xe Trường Sơn – chủ nhân những chiếc xe không kính. Những người lính lái xe điều khiển những chiếc xe không kính kì lạ trong tư thế ung dung, hiên ngang, bình tĩnh, tự tin.

- Đó là những con người trẻ trung, tư thế ung dung, coi thường gian khổ, hy sinh. Trong buồng lái không kính chắn gió, họ có cảm giác mạnh mẽ khi phải đối mặt trực tiếp với thiên nhiên bên ngoài. Những cảm giác ấy được nhà thơ ghi nhận tinh tế sống động qua những hình ảnh thơ :

“Ung dung buồng lái ta ngồi

Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng”

- Cách ngắt nhịp 2/2/2 cùng thủ pháp đảo ngữ, đưa từ "*ung dung"* lên đầu câu đã gợi lên sự bình thản, điềm nhiên đến kì lạ của những người lính. Thêm vào đó, thủ pháp liệt kê "*nhìn đất", "nhìn trời", "nhìn thẳng*" đã cho thấy tư thế vững vàng, bình thản, dũng cảm của những người lính lái xe. Họ không trốn tránh, không sợ hãi mà luôn sẵn sàng, bình thản, dũng cảm nhìn thẳng vào con đường đầy khó khăn, gian khổ phía trước để vượt qua.

**+ Luận điểm 2: Những người lính với ý chí chiến đấu, tinh thần yêu nước và lí tưởng cao đẹp. (khổ cuối)**

- Trong khổ thơ kết thúc bài thơ, tác giả đã cho thấy ý chí chiến đấu, tinh thần yêu nước và lí tưởng cao đẹp của những người lính:

*“*Không có kính, rồi xe không có đèn

Không có mui xe, thùng xe có xước

Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước:

Chỉ cần trong xe có một trái tim”

- Điệp ngữ *“không có”* đã làm nên âm điệu nhanh, mạnh, khỏe khoắn, dồn dập cho cả đoạn thơ. Ta cảm nhận thấy trong nhịp điệu ấy khí thế khẩn trương, hối hả của những đoàn xe ra trận và cả sự ác liệt trong cuộc chiến. Tác giả đã sử dụng thành công nghệ thuật liệt kê “*không có ….”,* đồng nghĩa với sự chồng chất những mất mát, hi sinh của người lính. Đến đây hình tượng những chiếc xe không kính đã phát triển ở mức cao hơn. Xe không chỉ “*không có kính*”, mà còn “*không có đèn*”, “*không có mui xe”,* chiếc xe đã trở lên hỏng hóc, méo mó và biến dạng như một thứ đồ phế thải. Tưởng chừng xe không thể chạy được, nhưng thật kì diệu “*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước”.*

*-*  Đây là một điều bất ngờ, hơn thế nữa là những phi thường, là một sự bất chấp đầy thách thức. Tại sao lại có điều kì diệu ấy? Nhà thơ Phạm Tiến Duật đã phát hiện rằng: *“Chỉ cần trong xe có một trái tim”* thì dù thế nào xe vẫn cứ chạy. Không có cách lí giải nào cụ thể và thuyết phục hơn thế. *“Chỉ cần”* có nghĩa là yếu tố duy nhất để xe vẫn cứ chạy chính là trái tim người lính. Chỉ có trái tim quả cảm, giàu lòng yêu nước của người chiến sĩ lái xe thì có mọi khó khăn đã lùi lại phía sau. Đặc biệt nhà thơ đã phát hiện ra cả tiểu đội xe không kính vẫn chạy vì “*miền Nam phía trước”,* vì một nửa đất nước đang rên siết dưới gót giày xâm lược của đế quốc Mỹ.

- Ý chí chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước của người lính Trường Sơn đến đây đã ngời sáng. Đẹp nhất trong bài thơ là *“trái tim”* người lính. Hình ảnh này được đặt trong thể đối lập với ba cái “*không”: “không kính”, “không đèn”, “không mui”.* Đây chính là sự đối lập giữa cái ác liệt của cuộc chiến với tinh thần, khí phách, tầm lòng của người lính lái xe. Hình ảnh “*trái tim”* chính là hoán dụ cho người chiến sĩ Trường Sơn yêu nước dũng cảm.

- Với hình ảnh giàu ý nghĩa này, nhà thơ Phạm Tiến Duật đã mở ra một góc nhìn mới cho hình tượng người lính lai xe không kính. Phải chăng *“trái tim”* là cội nguồn sức mạnh của cả tiểu đội xe không kính, gốc rễ phầm chất anh hùng của người lính Trường Sơn. Từ hình ảnh “*trái tim*” cầm lái, nhà thơ đã khẳng định một chân lí của thời đại chống Mĩ, đó là sức mạnh quyết định chiến thắng không phải là phương tiện, vũ khí mà là con người với trái tim yêu nước nồng nàn và ý chí kiên cường dũng cảm. Có thể nói hình ảnh *“trái tim”* đã làm bật lên chủ đề của bài thơ và làm ngời sáng vẻ đẹp của người chiến sĩ lái xe Trường Sơn thời chống Mĩ.

**3. Đánh giá, mở rộng**

**-** Hình ảnh người lính lái xe không kính đã được nhà thơ Phạm Tiến Duật khắc họa bằng chất liệu hiện thực sống động của cuộc sống chiến trường. Ngôn ngữ và giọng điệu thơ tự nhiên, khỏe khoắn, mang cái ngang tàng của những người trẻ. Chọn hình ảnh những chiếc xe không kính, Phạm Tiến Duật đã xây dựng thành một hình tượng điển hình nhằm phản ánh hiện thực chiến tranh là biểu dương tinh thần, ý chí của người lính Trường Sơn. Đặc biệt tác giả đã khắc họa thành công chân dung người lính lái xe với nhiều phẩm chất cao quý. Đó là tư thế hiên ngang, dũng cảm, là thái độ bất chấp, coi thường nguy hiểm. Đó là ý chí chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Với những phẩm chất cao đẹp ấy, người lính lái xe trong bài thơ nói chung và trong khổ đầu và cuối nói riêng đã trở thành biểu tượng đẹp cho tuổi trẻ Việt Nam thời chống Mĩ.

*\* Liên hệ mở rông:* Từ hình ảnh người lính trong bài thơ khiến ta liên tưởng đến hình ảnh người lính trong bài thơ *“Đồng chí”*của Chính Hữu. Họ là những người lính xuất thân từ những miền quê nghèo khó nghe tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc mà từ giã quê hương bước vào mặt trận. Họ là biểu tượng đẹp của dân tộc, là những người con anh hùng của Tổ Quốc, là “*Thạch Sanh của thế kỉ XX*” (Tố Hữu)  
**III. Kết bài**

Bài thơ về tiểu đội xe không kính nói chung và hai đoạn thơ nói riêng là một thi phẩm đặc sắc tiêu biểu cho phong cách thơ Phạm Tiến Duật. Ngôn từ giản dị, sáng tạo hình ảnh chi tiết, sự linh hoạt của nhạc điệu, hai đoạn thơ đã khắc hoạ hiện thực chiến tranh và tôn vinh vẻ đẹp phẩm giá con người nhỏ bé mà dũng cảm, hiên ngang. Cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước đã thành công hơn bốn mươi năm qua và lớp bụi thời gian đã phủ đầy những trang sách nhưng vẻ đẹp người lính quyết tâm chiến đấu vì miền Nam ruột thịt ngày nào vẫn chưa mờ phai trong lòng mỗi người con đất Việt . Nó nhắc chúng ta-thế hệ trẻ- tiếp bước cha anh, gìn giữ Tổ quốc mãi trường tồn.

*==========================================*

**ĐÊ 28: PHÂN TÍCH “BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH” CỦA NHÀ THƠ PHẠM TIẾN DUẬT.**

**I. Mở bài**

**Cách 1**

“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước  
Mà lòng phơi phới vẫy tương lai”

Đó là những câu thơ vô cùng tuyệt đẹp mà nhà thơ Tố Hữu đã viết ra để ca ngợi cả một thế hệ những chàng trai, cô gái thanh niên xung phong đã dũng cảm từ giã gia đình, từ bỏ giảng đường đại học để đi theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ Quốc. Họ ra đi và dấn thân vào con đường Trường Sơn máu lửa, nơi bom đạn kẻ thù liên tiếp dội xuống, nơi sự sống và cái chết trở nên mong manh với một niềm tin niềm lạc quan phơi phới vào tương lai đất nước. Và viết về những người lính trên tuyến đường Trường Sơn năm ấy, ta không thể nhắc đến bài thơ *“Bài thơ tiểu đội xe không kính”* của nhà thơ Phạm Tiến Duật. Thi phẩm được viết vào năm 1969. Bài thơ khắc họa thành công một hình tượng độc đáo: Những chiếc xe không kính để làm nổi bật hình ảnh những người lái xe ở chiến trường Trường Sơn hiên ngang, dũng cảm, trẻ trung, sôi nổi…

**Cách2** Phạm Tiến Duật là một trong những tác giả tiêu biểu của thế hệ các nhà thơ trẻ thời chống Mĩ cứu nước. Thơ Phạm Tiến Duật có giọng ngang tàng, tinh nghịch mà sôi nổi, tươi trẻ, đã làm sống lại hình ảnh thế hệ trẻ - đặc biệt là lớp trẻ ở tuyến đường Trường Sơn và không khí của thời đánh Mĩ gian khổ, ác liệt*.“Bài thơ về tiểu đội xe không kính”* ra đời trong hoàn cảnh đó. Đây là một trong những bài thơ đặc sắc của Phạm Tiến Duật, nằm trong chùm thơ được tặng giải nhất cuộc thi thơ báo văn nghệ 1969 - 1970. Bài thơ đã khắc họa thành công một hình tượng độc đáo : Những chiếc xe không kính để làm nổi bật hình ảnh những người lái xe ở chiến trường Trường Sơn hiên ngang, dũng cảm, trẻ trung, sôi nổi…

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sang tác:** Bài thơ in đậm dấu ấn phong cách nghệ thuật độc đáo của Phạm Tiến Duật. Ông sáng tác bài thơ này vào năm 1969 trong thời điểm gay go ác liệt của cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Thi phẩm nằm trong chùm thơ Phạm Tiến Duật được tặng giải nhất cuộc thi thơ của báo Văn nghệ năm 1969 và được đưa vào tập thơ “*Vầng trăng quầng lửa”* của tác giả.

**- Chủ đề:** Bài thơ đã thể hiện thành công vẻ đẹp của người lính lái xe Trường Sơn - hình ảnh tiêu biểu cho thế hệ trẻ Việt Nam thời kì chống Mĩ cứu nước.

**2. Phân tích bài thơ**

**a. Hình ảnh những chiếc xe không kính.**

- Mở đầu bài thơ là hình ảnh những chiếc xe không kính chắn gió – hình ảnh có sức hấp dẫn đặc biệt vì nó chân thực, độc đáo, mới lạ. Xưa nay, hình ảnh xe cộ trong chiến tranh đi vào thơ ca thường được mỹ lệ hoá, tượng trưng ước lệ chứ không được miêu tả cụ thể, thực tế đến trần trụi như cách tả của Phạm Tiến Duật.

- Với bút pháp hiện thực như bút pháp miêu tả “*anh bộ đội cụ Hồ thời chống Pháp*” của Chính Hữu trong bài Đồng chí (1948), Phạm Tiến Duật đã ghi nhận, giải thích về *“những chiếc xe không kính*” thật đơn giản, tự nhiên mà chỉ khi **phân tích bài thơ về tiểu đội xe không kính**ta mới thấy được:

***“Không có kính không phải vì xe không có kính***

***Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi”***

- Bom đạn khốc liệt của chiến tranh làm cho những chiếc xe ấy không có kính. Cái hình ảnh thực này được diễn tả bằng hai câu thơ rất gần với văn xuôi lại có giọng thản nhiên pha chút ngang tàng, đọc lên nghe rất thú vị. Ba chữ “*không*” đi liền nhau với hai nốt nhấn *“ Bom giật, bom rung”* biểu lộ chất lính trong cách nói phóng khoáng hồn nhiên. Như vậy tác giả đi từ hiện thực khốc liệt, những chiếc xe vận tải bị bom Mỹ tàn phá để xây dựng lên một hình tượng thơ độc đáo và nhiều ý nghĩa.

**b. Hình ảnh người chiến sỹ lái xe**

**-** Tác giả miêu tả những chiếc xe không kính nhằm làm nổi rõ hình ảnh những người chiến sĩ lái xe ở Trường Sơn. Thiếu đi những điều kiện phương tiện vật chất tối thiểu lại là một cơ hội để người lái xe bộc lộ những phẩm chất cao đẹp, sức mạnh tinh thần lớn lao của họ. Những phẩm chất cao đẹp ấy được khắc hoạ một cách cụ thể và gợi cảm ở 14 câu thơ tiếp theo.

**Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây**

**a. Trước hết là sự ung dung, bình tĩnh giữa chiến trường hiểm nguy**.

- Câu thơ thứ ba làm nổi bật tính cách, phẩm chất đẹp đẽ của người lính. Khi người lái xe mở máy cho xe lăn bánh đồng nghĩa với bắt đầu bước vào trận đánh. Sự sống và cái chết cách nhau chỉ trong gang tấc, nhưng họ vẫn giữ được tư thế hiên ngang, tự tin hiếm có:

*Ung dung buồng lái ta ngồi,*

*Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.*

- Như một lời nói, lời kể chân tình, hai câu thơ “*ung dung.... thẳng*” đã nhấn mạnh tư thế ngồi lái tuyệt đẹp của người chiến sĩ trên những chiếc xe không kính.

Tác giả sử dụng biện pháp tu từ đảo ngữ, đưa từ "*ung dung"* lên đầu câu đã gợi lên sự bình thản, điềm nhiên đến kì lạ của những người lính. Thêm vào đó, thủ pháp liệt kê "*nhìn đất", "nhìn trời", "nhìn thẳng*" đã cho thấy tư thế vững vàng, bình thản, dũng cảm của những người lính lái xe. Bầu không khí căng thẳng với “*Bom giật, bom rung”,* vậy mà họ vẫn nhìn thẳng, cái nhìn hướng về phía trước của một con người luôn coi thường hiểm nguy. Nhịp thơ 2/2/2 với những dấu phẩy ngắt khiến âm điệu câu thơ trở nên chậm rãi, như diễn tả thái độ thản nhiên đàng hoàng. Với tư thế ấy, họ đã biến những khó khăn, nguy hiểm, trở ngại trên đường ra trận thành niềm vui thích. Chỉ có những người lính lái xe với kinh nghiệm chiến trường dày dạn, từng trải mới có được thái độ, tư thế như vậy.

- Ai đã từng một lần đặt chân đến Trường Sơn vào thời kì chống Mĩ mới thấu hiểu những gian khổ, hiểm nguy của người lính lái xe. Đường Trường Sơn gập ghềnh, hiểm trở. Mùa mưa, mưa như thác đổ. Mùa khô, xe chạy bụi bay mù trời. Ngày nào trời quang mây tạnh thì máy bay Mĩ liên tục trút bom đạn xuống những đoàn xe nối nhau ra mặt trận. Xe có kính người lái xe đã vất vả, xe không có kính lại càng vất vả biết chừng nào. Bút pháp tả thực kết hợp với bút pháp lãng mạn tạo nên vẻ đẹp bất ngờ của những câu thơ:

“Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng

Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim

Thấy sao trời và đột ngột cánh chim

Như sa như ùa vào buồng lái”.

- Những câu thơ tả thực, chính xác đến từng chi tiết. Không có kính chắn gió, bảo hiểm, xe lại chạy nhanh nên người lái phải đối mặt với bao khó khăn nguy hiểm: nào là “*gió vào xoa mắt đắng*”, nào là “*con đường chạy thẳng vào tim*”, rồi “*sao trời”,* rồi “*cánh chim”* đột ngột, bất ngờ như sa, như ùa- rơi rụng, va đập, quăng ném.... vào buồng lái, vào mặt mũi, thân mình. Có lẽ khi không còn lớp kính ngăn cách, con người và thiên nhiên như gần gũi hơn, hòa nhập hơn, do vậy mà sự cảm nhận dường như tăng lên gấp bội. Sao trời ban đêm, cánh chim ban ngày như sa như ùa vào buồng lái. Xe lao lên phía trước, con đường lùi lại phía sau, người lái xe tưởng như “*nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim*”. Câu thơ chứa đựng ý nghĩa tượng trưng sâu xa: con đường vào chiến trường miền Nam chính là đích đến của trái tim người lính.Qua đó, ta thấy dường như chính nhà thơ cũng đang cầm lái, hay ngồi trong buồng lái của những chiếc xe không kính nên câu chữ mới sinh động và cụ thể, đầy ấn tượng, gợi cảm giác chân thực đến thế.

**=>**Qua phân tích, ta thấy hai khổ thơ mở đầu tả thực những khó khăn gian khổ mà những người chiến sĩ lái xe Trường Sơn đã trải qua. Trong khó khăn, các anh vẫn ung dung, hiên ngang bình tĩnh nêu cao tinh thần trách nhiệm, quyết tâm gan góc chuyển hàng ra tiền tuyến. Không có kính chắn gió, bảo hiểm, đoàn xe vẫn lăn bánh bình thường. Lời thơ nhẹ nhõm, trôi chảy như những chiếc xe vun vút chạy trên đường.

**b. Những người lính trẻ rất yêu đời lạc quan**, **bất chấp khó khăn, coi thường gian khổ.**

Nỗi vất vả, gian nan được Phạm Tiến Duật miêu tả bằng những hình ảnh chân thực, giản dị nhưng để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người đọc:

*“Không có kính, ừ thì có bụi,*

*Bụi phun tóc trắng như người già*

*Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc*

*Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha.*

*Không có kính, ừ thì ướt áo*

*Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời*

*Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa*

*Mưa ngừng, gió lùa khô mau thôi”*

- Hai đoạn thơ tả thực đến từng chi tiết, từng hình ảnh và thật cả trong cách diễn tả. Câu thơ đậm chất văn xuôi, mộc mạc như lời nói thường ngày. Nếu như hai khổ trên là những cảm giác về những khó khăn thử thách thì đến đây, thử thách, khó khăn ập tới cụ thể, trực tiếp. Đó là “*bụi phun tóc trắng*” và “*mưa tuôn mưa xối”* Gió, bụi, mưa tượng trưng cho gian khổ thử thách ở đời. Trên con đường chi viện cho miền Nam ruột thịt, những người lính đã nếm trải đủ mùi gian khổ.

- Nhưng trước thử thách mới, người chiến sĩ vẫn không nao núng. Các anh càng bình tĩnh, dũng cảm hơn. “*Mưa tuôn, mưa xối xả”,* thời tiết khắc nghiệt, dữ đội nhưng đối với họ tất cả chỉ “*chuyện nhỏ*”, chẳng đáng bận tâm, chúng lại như đem lại niềm vui cho người lính.Chấp nhận thực tế, câu thơ vẫn vút lên tràn đầy niềm lạc quan sôi nổi: “*không có kính ừ thì có bụi, …..ừ thì ướt áo*”. Những tiếng “*ừ thì”* vang lên như một thách thức, một chấp nhận khó khăn đầy chủ động, một thái độ cứng cỏi. Dường như gian khổ hiểm nguy của chiến tranh chưa làm mảy may ảnh hưởng đến tinh thần của họ, trái lại họ xem đây là một dịp để thử sức mình, qua hoạn nạn khó khăn để chứng tỏ chí làm trai. Sau thái độ ấy là những tiếng cười đùa, những lời hứa hẹn, quyết tâm vượt gian khổ hiểm nguy: *“ Chưa cần rửa....chưa cần thay…. khô mau thôi”.* Cấu trúc câu thơ vẫn cân đối, nhịp nhàng theo nhịp rung cân đối của những bánh xe lăn. Câu thơ cuối 7 tiếng cuối đoạn có đến 6 thanh bằng “*mưa ngừng gió lùa khô mau thôi*” gợi cảm giác nhẹ nhõm, ung dung rất lạc quan, rất thanh thản.

- Đó là khúc nhạc vui của tuổi 18 - 20 hoà trong những hình ảnh hóm hỉnh: “*phì phèo châm điếu thuốc - nhìn nhau mặt lấm cười ha ha*” ... Ý thơ rộn rã, sôi động như sự sôi động hối hả của đoàn xe trên đường đi tới. (Nếu chúng ta quen đọc, hoặc yêu thích nhưng vần thơ trau chuốt, mượt mà thì lần đầu tiên đọc những vần thơ này, có thể cảm thấy hơi gợn, ít chất thơ. Nhưng càng đọc thì lại càng thấy thích thú, giọng thơ có chút gì nghịch ngợm, lính tráng. Ta nghe như họ đương cười đùa, tếu táo với nhau vậy.

- Có lẽ với những năm tháng sống trên tuyến đường Trường Sơn (Phạm Tiến Duật từng là thành viên của đoàn 559 vận tải chiến đấu ở Trường Sơn), là một người lính thực thụ đã giúp Phạm tiến Duật đưa hiện thực đời sống vào thơ ca - một hiện thực bộn bề, một hiện thực thô tháp, trần trụi, không hề trau chuốt, giọt rũa. Đấy phải chăng chính là nét độc đáo trong thơ Phạm Tiến Duật. Và những câu thơ gần gũi với lời nói hàng ngày ấy càng làm nổi bật lên tính cách ngang tàng của những anh lính trẻ hồn nhiên, yêu đời, trẻ trung. Đó cũng là một nét rất ấn tượng của người lính lái xe Trường Sơn. Cái cười sảng khoái vô tư, khác với cái cười buốt giá trong bài thơ “Đồng chí”, nụ cười hồn nhiên ấy rất hiếm khi gặp trong thơ ca chống Pháp, nụ cười ngạo nghễ của những con người luôn luôn chiến thắng và tràn đầy niềm tin.)

**c. Tình đồng chí, đồng đội gắn bó, yêu thương.**

- Trong gian lao, thử thách, tình đồng đội, đồng chí càng trở nên thiêng liêng hơn, máu thịt hơn. Bao thiếu thốn vật chất được thay thế bằng tình yêu thương đồng đội thắm thiết:

*“Những chiếc xe từ trong bom rơi*

*Đã về đây họp thành tiểu đội*

*Gặp bạn bè suốt dọc đường đi tới*

*Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi.*

*Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời*

*Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy*

*Võng mắc chông chênh đường xe chạy*

*Lại đi, lại đi trời xanh thêm”.*

- Nhịp thơ ở đây hơi lắng lại. Người chiến sĩ đang nói về đồng đội và cũng đang tự nói về mình. “*Từ trong bom rơi”* có nghĩa là từ trong ác liệt, từ trong cái chết trở về. Từ nơi cảm tử, họ tìm về nhau. Vượt qua tuyến lửa, bom rơi, những chiếc xe bỗng tụ nhau thành tiểu đội thật kỳ khôi, thú vị: tiểu đội những chiếc xe không kính.

Câu thơ *“Những chiếc xe từ trong bom rơi”* gợi về cuộc chiến thật ác liệt. Người chiến sĩ lái xe phải đối diện vơi mưa bom, bão đạn, với thần chết bất cứ lúc nào. Trong hoàn cảnh ác liệt ấy, điều gì khiến các anh trở về được bình an? Thơ Phạm Tiến Duật đã chỉ ra điều kì diệu ấy “*Đã về đây họp thành tiểu đội”.*

- Chữ *“họp”* gợi sự đoàn tụ, sự bảo toàn. Thì ra vì không thể thiếu nhau, những người đồng đội ấy đã băng qua mưa bom bão đạn để *“về”* trong vòng tay nhau, vòng tay của sự sống và chiến thắng. Ta thấy ở họ sáng ngời lên một tình cảm đẹp-tình đồng đội.. Tình cảm ấy tạo nên sức mạnh để chiến thắng. Trong những năm kháng chiến chống Pháp, Chính Hữu đã phát hiện sức mạnh của tình cảm đó trong bài thơ *“Đồng chí”* qua hình ảnh thơ “*Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”*.

- Còn Phạm Tiến Duật với hình ảnh “*Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi”* có gì đó mới hơn, trẻ hơn. Vẫn là cái bắt tay thân thiện, giản dị, mộc mạc mà gần gũi qua ô cửa kính đã vỡ. Cái *“bắt tay qua cửa kính vỡ rồi*” mới thật tự hào, sảng khoái biết bao! Hình như, chính ô cửa vỡ ấy khiến họ gần nhau thêm, khiến cái bắt tay của họ thêm chặt hơn và tình đồng đội lại càng thêm thắm thiết. Cái bắt tay qua ô cửa kính vỡ như là sự chia sẽ, cảm thông lẫn nhau của người lính Trường Sơn. Đó là sự mừng vui, là chúc mừng nhau hoàn thành nhiệm vụ, cũng là niềm tin, niềm tự hào của người chiến thắng. Vẫn cái ô cửa kính đó mà cả một khoảng trời bè bạn gặp gỡ, hội ngộ.

- Thơ Phạm Tiến Duật không chỉ phát hiện tình đồng đội ở những vẻ đẹp hào hùng, mà còn nhìn nhận dưới góc độ những tình cảm thân thương, đầm ấm. Họ-những con người từ nhiều phương trời, nhiều miền quê nhưng trong thử thách, họ gắn với nhau thành ruột thịt:

*“Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời*

*Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy*

*Võng mắc chông chênh đường xe chạy*

*Lại đi, lại đi trời xanh thêm”*

- Sinh hoạt của người lái xe, cái ăn cái ngủ bình thường của con người, được tóm lược vào trong các hình ảnh *“Bếp Hoàng Cầm*” “*bát đũa”,* và “*võng mắc chông chênh”*. Cái gì cũng tạm bợ, cơ động, gian khổ nhưng cách nhìn, cách nghĩ của người chiến sĩ vế chúng thật tươi tắn và cảm động : là *“gia đình”* đấy. Chất thơ nghịch ngợm đầy ý vị đã mở ra từ những hình ảnh chân chất đời lính đã ấm lên tình đồng ngũ, nghĩa anh em. Bằng cách nói giản dị ấy, Phạm Tiến Duật đã phát hiện được độ sâu sắc trong tình đồng đội. Đó là tình bạn, tình đồng chí, là chiến hữu, là ruột thịt. Trong quân ngũ, tình đồng đội là tình cảm gia đình, ruột thịt, là tình cảm thật sự đặc biệt, là sự hòa quyện của tình đồng chí, tình người và tình thương yêu giai cấp. *\* Liên hệ mở rộng:* Ta lại nhớ đến truyện ngắn “*Những ngôi sao xa xôi”* của Lê Minh Khuê cũng kể về tình đồng đội mà thắm thiết hơn cả tình chị em của ba cô thanh niên xung phong và những cảm xúc rất riêng của họ.Ta lại nhớ đến các cô gái ở Ngã ba Đồng Lộc. Họ như thể chị em sinh ra từ một người mẹ. Sống cùng và chết cũng không lìa xa.

- Bài thơ vẫn tiếp tục tô đậm vẻ đẹp của tâm hồn biết yêu thương, mơ mộng, tâm hồn qua thử thách vẫn tươi xanh, non mướt qua hai câu thơ:

*“Võng mắc chông chênh đường xe chạy*

*Lại đi lại đi trời xanh thêm”*

- Những chiến sĩ kiên cường ấy cùng chiến đấu và cùng chia sẻ với nhau phút dừng chân thật vui thú, thỏa mái. Chữ “*chông chênh”* vừa nói cái không chắc của thế mắc võng, vừa toát lên cái thi vị, tinh nghịch pha chút mạo hiểm rất quen thuộc của kẻ đưa võng. Như ta đã gặp hình ảnh người lính “*Ung dung buồng lái ta ngồi”, “Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha”*… câu thơ “*Lại đi lại đi trời xanh thêm*” nối tiếp phát hiện khác.

- Điệp ngữ “*lại đ*i” tựa như nhịp bước hành quân của người chiến sĩ, khó khăn không nản, hi sinh không sờn, biểu hiện đoàn xe không ngừng tiến tới, không một sức mạnh bạo tàn nào của giặc Mỹ có thể ngăn nổi.

- Hình ảnh *"Trời xanh"* là một nét vẽ rất tài hoa mang ý nghĩa tượng trưng sâu sắc. Nó không chỉ biểu tượng cho sự sống mà còn biểu tượng cho tự do, hòa bình, chứa chan hi vọng chiến công lớn đang chờ. Người chiến sĩ lái xe chính là tự do của nhân loại. Họ chiến đấu để giành lại *“trời xanh”.*

*-* Chính vì thế dù gian khó hiểm nguy đến đâu, họ cũng vẫn quyết tâm lái xe bon bon về phía trước. Đây không phải là một mệnh lệnh khô khan, là nhiệm vụ đơn thuần mà là tinh thần, là ý chí, là tình cảm của người lính luôn hướng trái tim về miền Nam ruột thịt. Câu thơ gợi ra sự liên tưởng trong lòng người đọc, ta có cảm giác rằng mỗi đoạn đường xe đi qua như mở thêm một khoảng trời hạnh phúc, bình yên. Và mơ ước nữa chứ. Rất nhiều lần *“trời xanh”* hiện ra trong mưa bom ở bài thơ này. Tâm hồn người lính sao mà tươi xanh đến thế! Họ là hiện thân của chủ nghĩa anh hùng cách mạng, là hình tượng đẹp nhất của thế kỷ “*Như Thạch Sanh của thế kỷ hai mươi” (*Tố Hữu).

**d. Lòng yêu nước, ý chí chiến đấu giải phòng miền Nam (khổ thơ cuối)**

**-** Khổ cuối dựng lên hai hình ảnh đối lập đầy kịch tính, rất bất ngờ và thú vị làm nổi bật sự khốc liệt trong chiến tranh nhưng cũng làm nổi bật ý chí chiến đấu, quyết tâm sắt đá, tình cảm sâu đậm với miền Nam ruột thịt:

*“Không có kính rồi xe không có đèn*

*Không có mui xe, thùng xe có xước*

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*

*Chỉ cần trong xe có một trái tim”*

- Điệp ngữ “*không có*” lặp lại ba lần như nhân lên để tổng kết cái khó khăn, khốc liệt của chiến tranh, khó khăn nối tiếp khó khăn, càng đi vào sâu tới những chiến trường nguy hiểm hơn. Và minh chứng cho sự khốc liệt đó là những chiếc xe mang trên mình đầy thương tích: không đèn, không mui, kính vỡ, thùng xước, bị biến dạng.

- Trận đánh gần đến ngày toàn thắng thì thử thách với người lính càng lớn, hi sinh mất mát càng nhiều. Nhưng đối lập với những mất mát ấy là một thứ như thép, như đồng đang tồn tại: ý chí của người lái xe.

- Người lính lái xe vẫn cứ vững chắc tay lái, đối diện với con đường vũng vàng trên vị trí chiến đấu. Chữ “*vẫn chạy”* sao mà gan góc. Mà ý chí, mà bướng bỉnh, mà ngoan cường! Trước mắt chúng ta , những đoàn xe vẫn cứ tiếp tục chạy trên con đường Trường Sơn mưa bom bão đạn, những chiến sĩ lái xe vẫn cứ “*ung dung buồng lái ta ngồi”* và đoàn xe *“Lại đi lại đi trời xanh thêm*” vượt lên bom đạn, sát cánh cùng miền Nam ruột thịt. Đây là mục đích, là lí tưởng sống của những người lái xe trong thời kì ấy và cũng chính là mục đích, lí tưởng của thế hệ thanh niên lớp lớp lên đường chiến đấu vì sự nghiệp giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

- Bài thơ dựng lên cuộc chiến đấu với bao điều không có: không kính, không đèn, không mui. Đến đây, nhà thơ hạ bút: *“Chỉ cần trong xe có một trái tim”.* Tác giả đã sử dụng nghệ thuật tương phản giữa hoàn cảnh ác liệt của cuộc kháng chiến và phẩm chất của anh lính lái xe, ý chí kiên cường quyết tâm chiến thắng kẻ thù xâm lược.

- *“Trái tim”* là một hoán dụ nghệ thuật tu từ chỉ người chiến sĩ lái xe Trường Sơn năm xưa. *“Trái tim”* của họ đau xót trước cảnh nhân dân miền Nam sống trong khói bom thuốc súng, đất nước bị chia cắt thành hai miền*. “Trái tim”* ấy dạt dào tình yêu Tổ quốc như máu thịt, như mẹ cha, như vợ như chồng ... *“Trái tim”* ấy luôn luôn sục sôi căm thù giặc Mĩ bạo tàn. Yêu thương, căm thù chính là động lực thôi thúc những người chiến sĩ lái xe khát khao giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

- Nhưng điều gì mãnh liệt nhất, quan trọng nhất. Anh lính đã nói thật tự tin, giản dị “*Chỉ cần trong xe có một trái tim”.* Trái tim như ngọn đèn, như mặt trời ở cuối bài thơ làm ấm, làm sáng rực lên chiến trường nhiều gian khổ.   
Có thể nói cả bài thơ hay nhất là câu thơ cuối cùng. Nó là nhãn tự, là “*con mắt của thơ”,* bật sáng chủ đề, tỏa sáng vẻ đẹp hình tượng người lính lái xe thời chống Mĩ. Thiếu phương tiện vật chất nhưng những chiến sĩ vận tải Đoàn 559 vẫn hoàn thành vẻ vang nhiệm vụ, nêu cao phẩm chất con người Việt Nam anh hùng như Tố Hữu đã ca ngợi :

***“Thiếu tất cả, ta rất giàu dũng khí***

***Sống chẳng cúi đầu, chết vẫn ung dung***

***Giặc muốn ta nô lệ, ta lại hoá anh hùng***

***Sức nhân nghĩa mạnh hơn cường bạo”***

**3. Đánh giá, mở rộng**

- Bằng ngôn ngữ thơ giản dị, tự nhiên nhưng giàu sức gợi cảm, hình ảnh sáng tạo, độc đáo, nhịp thơ tự do, phóng khoáng…, Phạm Tiến Duật đã khắc hoạ thành công hình ảnh những chiếc xe không kính qua đó làm nổi bật vẻ đẹp của những chiến sĩ lái xe bằng tấm lòng cảm phục và mến thương sâu sắc.

- Từ hình ảnh người lính trong bài thơ khiến ta liên tưởng đến hình ảnh người lính trong bài thơ *“Đồng chí”*của Chính Hữu. Họ là những con người nghe tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc mà sẵn sàng từ giã quê hương bước vào chiến trận, đối mặt với mưa bom bão đạn- nơi mà sự sống và cái chết chỉ trong gang tất. Họ là biểu tượng đẹp của dân tộc, là những người con anh hùng của Tổ Quốc, là “*Thạch Sanh của thế kỉ XX*” (Tố Hữu)

**III. Kết bài**

“Bài thơ về tiểu đội xe không kính” là một tác phẩm đặc sắc, tiêu biểu viết về hình ảnh những chiếc xe không kính và vẻ đẹp của những người chiến sĩ lái xe. Bài thơ để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc về tình người, tình đồng chí gắn bó trong chiến tranh, cũng như lòng yêu nước nồng nàn của những người lính trong thời kỳ kháng chiến. Chiến tranh đã lùi xa hơn 40 năm, con đường Trường Sơn đã đi vào lịch sử, và dân tộc cũng đã bước sang trang mới nhưng mỗi khi đọc lại bài thơ này, chúng ta càng tự hào và khâm phục biết bao các chiến sĩ lái xe ở Trường Sơn ngày trước bởi họ đã góp phần vào chiến thắng huy hoàng của dân tộc. Chúng ta mãi yêu mến, tự hào về họ - những con người đẹp nhất trong thời đại Hồ Chí Minh.

**=========================================================**

**ĐỀ 29: PHÂN TÍCH VẺ ĐẸP NGƯỜI LÍNH QUA HAI BÀI THƠ “ĐỒNG CHÍ” CỦA CHÍNH HỮU VÀ “BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH” CỦA NHÀ THƠ PHẠM TIẾN DUẬT.**

**I. Mở bài**

**Cách1**

Hình tượng người lính là một trong số những hình tượng trung tâm, tiêu biểu của nền văn học Việt Nam nói chung và văn học cách mạng nói riêng với nhiều tác giả, tác phẩm nổi tiếng. Bài thơ "*Đồng chí*" của Chính Hữu và bài thơ "*Bài thơ về tiểu đội xe không kính"* là một trong số những tác phẩm xuất sắc, để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc về hình tượng người lính. Hai bài thơ ra đời vào hai thời điểm khác nhau trong hai cuộc kháng chiến trường kì, gian khổ của dân tộc nhưng hai nhà thơ đã xây dựng thành công hình tượng người lính cụ Hồ với nhiều vẻ đẹp, phẩm chất đáng trân trọng.

**Cách2**

Là những nhà thơ quân đội trưởng thành trong những cuộc chiến tranh bảo vệ Tổ quốc, Chính Hữu và Phạm Tiến Duật từng sống, trải nghiệm và thấm thía đời sống của người lính trên chiến trường. Trên đôi bàn tay của hai nhà thơ không chỉ vững vàng những cây súng đánh giặc mà còn từng bung nở cho đời những vần thơ diệu kì về người lính. Hai trong số những áng thơ ấy là Đồng chí của Chính Hữu và Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật. Cùng khắc họa hình ảnh người lính trong lực lượng quân đội nhân dân Việt Nam nhưng bên cạnh những điểm chung vốn dễ nhận thấy, ở hai bài thơ, mỗi bài lại có những nét đẹp riêng.  
**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sang tác:** Bài thơ ***Đồng chí***của Chính Hữu được viết vào đầu năm 1948 sau khi tác giả cùng đồng đội của mình tham gia chiến dich Việt Bắc Thu Đông 1947. Với cái nhìn chân thực của người lính-người trong cuộc-người trực tiếp cầm súng ra mặt trận, Chính Hữu đã khắc họa thành công vẻ đẹp sống động từ hoàn cảnh xuất thân đến tâm hồn và ý chí nghị lực mạnh mẽ, dũng cảm, chan chứa tình đồng chí của người lính cách mạng.

- Còn Bài thơ về tiểu đội xe không kính  của Phạm Tiến Duật ra đời vào những năm cuộc kháng chiến chống Mỹ diễn ra gay go và ác liệt nhất. Từ khắp các giảng đường đại học, hàng ngàn sinh viên đã gác bút nghiên để lên đường đánh giặc.Lúc này con đường Trường Sơn là con đường huyết mạch, nối liền hậu phương và tiền tuyến nên bị bom Mỹ bắn phá ác liệt. Nhưng bằng sự dũng cảm, lòng quyết tâm những chiếc xe đã vượt qua mưa bom bão đạn lên đường ra trận. Bằng ngòi bút chân thật, âm điệu khỏe khoắn, hào hùng Phạm Tiến Duật đã đem đến cho người đọc cái nhìn đầy đủ nhất về cuộc sống, chiến đấu của người lính lái xe.

**Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây**

**2. Phân tích vẻ đẹp của người lính qua hai bài thơ**

- Hai bài thơ, mỗi bài mỗi vẻ. Ở Đồng chí của Chính Hữu, người đọc bắt gặp hình ảnh người nông dân mặc áo lính giản dị, chân thành, chất phác với hoàn cảnh xuất thân bình dị:

“Quê hương anh nước mặn đồng chua

Làng tôi nghèo đất cày lên sỏi đá”

- Họ đều là những người nông dân chân lấm tay bùn, ra đi từ những miền quê nghèo khó. Vì chung lí tưởng, chung nhiệm vụ mà họ trở thành người đồng chí sát cánh bên nhau. Khác với những người chiến sĩ trong bài Đồng chí, những người lính trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính là những chiến sĩ trẻ hồn nhiên, hóm hỉnh, ngang tàng, trẻ trung, phần nhiều là những thanh niên học sinh đi thẳng từ nhà trường ra chiến trường. Họ ngang tàng, hóm hỉnh ngay từ chính câu thơ đầu tiên: *“Không có kính không phải vì xe không có kính”* – câu thơ mang giọng tranh luận sôi nổi, say sưa của tuổi trẻ. Dòng thơ đầu dài mười tiếng như lời phân trần nguyên nhân khiến xe không có kính. Và người chiến sĩ lái xe trẻ trung đã biến cái không bình thường thành cái bình thường, thậm chí thấy thú vị trước cái không bình thường đó.

- Tuy mang một vài điểm khác nhau về độ tuổi, về hoàn cảnh xuất thân nhưng hình tượng người lính trong hai bài thơ đều mang những nét đẹp chung của anh bộ đội Cụ Hồ như tinh thần sẵn sàng vượt qua mọi khó khăn gian khổ, tình đồng đội keo sơn gắn bó, ý chí chiến đấu kiên cường và tinh thần lạc quan, yêu đời.

- Trong cuộc kháng chiến trường kì của nhân dân ta, dù ở thời điểm nào, người lính cũng phải đương đầu với vô vàn khó khăn, thử thách. Trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, những người lính trong bài thơ***Đồng chí*** của Chính Hữu đã phải sống những ngày tháng kháng chiến gian truân, vất vả, thiếu thốn. Ai đã từng trải qua đời lính trong những năm tháng đó mới thấm thía hết những gian nan mà người lính phải trải qua. Một trong những khó khăn mà họ phải đối mặt là căn bệnh sốt rét rừng:

“Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh

Sốt run người vừng trán ướt mồ hôi”

- Những người nhiễm bệnh đầu tiên cảm thấy ớn lạnh, sau đó người lạnh run cầm cập, đắp bao nhiêu chăn cũng không đủ, người vã mồ hôi vì nóng và vì yếu. Sau cơn sốt rét là da xanh, da vàng, viêm gan… Viết về điều này, Tố Hữu đã có những câu về anh vệ quốc quân:

*“Giọt giọt mồ hôi rơi*

*Trên má anh vàng nghệ”*.

*\* Liên hệ mở rộng:* Thôi Hữu trong bài Lên Cấm Sơn cũng để cập đến căn bệnh ác tính này:

*“Nước da đã lên màu tật bệnh*

*Đâu còn tươi nữa những ngày hoa”.*

Hay như nhà thơ Quang Dũng cũng viết:

“*Tây tiến đoàn binh không mọc tóc*

*Quân xanh màu lá dữ oai hùm”.*

- Không chỉ để lại nước da xanh, căn bệnh này còn cướp đi sinh mạng của biết bao chiến sĩ. Có những người không chống chọi lại được với bệnh tật và nằm lại ở rừng xanh:

“*Anh bạn dãi dầu không bước nữa*

*Gục lên súng mũ bỏ quên đời”*

(Quang Dũng - Tây Tiến).

- Không chỉ phải đối mặt với bệnh tật, những ngày đầu kháng chiến, cuộc sống của người lính rất gian khổ thiếu thốn:

“Áo anh rách vai

Quần tôi có vài mảnh vá

Miệng cười buốt giá

Chân không giày”

- Những khó khăn thiếu thốn đó của các anh bộ đội đã hiện lên trong thơ Chính Hữu bằng bút pháp tả thực, một sự thật trần trụi đến xót xa. Nhà thơ Hồng Nguyên trong bài thơ **Nhớ** cũng kể về những anh lính thiếu thốn quân trang quân dụng, phải đánh giặc bằng vũ khí tự tạo:

“Lột sắt đường tàu

Rèn thêm dao kiếm

Ảo vải chân không

Đi lùng giặc đánh”

- Còn khi viết về những người lính trong Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Phạm Tiến Duật không nhắc đến những thiếu thốn về quân trang quân dụng mà đề cập đến sự khốc liệt của chiến trường. Bom đạn chiến tranh đã làm cho những chiếc xe của đoàn xe ra trận trở thành những chiếc xe không kính. Xe không kính vì: “*Bom giật bom rung kính vỡ đi rồi”.* Không có kính nên “*Bụi phun tóc trắng như người già”, “Mưa tuôn mưa xối như ngoài trời”.* Và tác giả đã lạc quan vui vẻ gọi tiểu đội của mình là *“Tiểu đội xe không kính”.* Trên con đường Trường Sơn – nơi mà “*một mét vuông có ba quả bom lớn”* nhiều chiến sĩ đã phải nằm lại về điều này, có nhà thơ đã viết những câu thơ đầy đau xót.:

“Nếu tất cả trở về đông đủ

Sư đoàn tôi sẽ thành mấy sư đoàn”

- Dù ở thời điểm nào, chiến tranh cũng luôn là mất mát, là đau thương. Mặc dầu vậy, những chiến sĩ lái xe vẫn vượt qua mọi khó khăn, nguy hiểm để hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình một cách lạc quan, trẻ trung. Họ hiện ra với tư thế hiên ngang, tinh thần dũng cảm, bất chấp khó khăn, nguy hiểm:

“*Ung dung buồng lái ta ngồi*

*Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng”*.

- Tư thế đó là tư thế đi vào lịch sử, tư thế hùng tráng của những anh hùng Trường Sơn.

- Dù khó khăn, vất vả như vậy nhưng những chiến sĩ vẫn luôn lạc quan, yêu đời. Dù đứng giữa rừng rét buốt nhưng trên môi họ vẫn nở nụ cười: *“Miệng cười buốt giá"*(Đồng chí). Họ coi thường thử thách, khó khăn. Câu thơ cho thấy sự lạc quan, bình thản của những con người hồn nhiên, giản dị. Những người lính ấy lạc quan, cười trước khó khăn, chấp nhận mọi thách thức :

“*Không có kính, ừ thì có bụi*

*Bụi phun tóc trắng như người già*

*Chưa cần rửa, phì phèo châm điếu thuốc*

*Nhìn nhau mặt lấm cười ha ha”*

Rồi:

“*Không có kính, ừ thì ướt áo*

*Mưa tuôn, mưa xối như ngoài trời*

*Chưa cần thay, lái trăm cây số nữa*

*Mưa ngừng, gió lùa, khô mau thôi”*.

- Ai đã từng đặt chân đến đường Trường Sơn vào thời chống Mĩ mới thấu hiểu hết gian khổ của người lính lái xe. Đường Trường Sơn gập ghềnh hiểm trở. Mưa rừng Trường Sơn như trút nước. Mùa khô, bụi bay mù trời. Ngày trời quang mây tạnh thì bom giặc Mĩ liên tục trút xuống những đoàn xe nối nhau ra trận. Xe có kính, những chiến sĩ lái xe đã vất vả, xe không có kính lại càng vất vả biết chừng nào.

- Sống giữa lửa đạn chiến tranh, những người lính càng thêm yêu thương đùm bọc nhau. Sống những ngày tháng gian khổ, họ sẵn sàng chia sẻ từng cái chăn, tấm áo: *“Đêm rét chung chăn thành đôi tri kỉ”, “Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”* (Chính Hữu **- *Đồng chí*).** Đó là cái nắm tay xiết chặt hàng ngũ và gạt bớt những khó khăn, gian khổ, cái bắt tay để sưởi ấm, động viên, để hứa hẹn lập công. Dù bom đạn giặc Mĩ có khốc liệt đến đâu cũng không thể ngăn được những cái bắt tay thân ái của những chiến sĩ lái xe Trường Sơn:

“*Gặp bè bạn suốt dọc đường đi tới*

*Bắt tay qua cửa kính vỡ rồi”.*

*-* Cái bắt tay đó cho thấy sự bất lực của kẻ thù, đồng thời cũng cho thấy sự cộng hưởng niềm vui chiến thắng. Dù trút mưa bom bão đạn song đế quốc Mĩ không sao ngăn được:

*“Bếp Hoàng Cầm ta dựng giữa trời*

*Chung bát đũa nghĩa là gia đình đấy*

*Võng mắc chông chênh đường xe chạy*

*Lại đi, lại đi trời xanh thêm”.*

- Dừng chân giữa rừng Trường Sơn, những người chiến sĩ động viên, khích lệ nhau cùng hướng về ngày mai tươi sáng. “*Chỉ cần trong xe có một trái tim”,* dù không có kính, không có đèn, không có mui xe, thùng xe có xước thì những chiếc xe vẫn sẽ luôn hướng về miền Nam yêu thương.

**\* So sánh**

- Bài thơ *“Đồng chí”* là hiện thân của vẻ đẹp giản dị, mộc mạc mà sâu sắc. Tình đồng chí được thể hiện thật tự nhiên hoà huyện trong tinh thần yêu nước mãnh liệt và chia sẻ giữa những người bạn với nhau.

- Còn “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính*” là sự khắc hoạ nổi bật của nét trẻ trung, tinh thần lạc quan, dũng cảm với tinh thần yêu thần yêu nước rừng rực cháy trong tim. Khát vọng và niềm tin của họ được gửi vào những chiếc xe không kính, thứ đưa họ vượt dãy Trường Sơn thẳng tiến vì miền Nam yêu dấu.

+ **Bàn về nghệ thuật của hai bài thơ, ta không khó để thấy rằng chúng có nét khác biệt tương đối rõ ràng.** Chính Hữu dùng bút pháp lãng mạn, xây dựng trong thơ của mình biểu tượng nên thơ của tình đồng chí: “*Đầu súng trăng treo”.* Cảm hứng dâng trào lên rồi lại lắng đọng trong tâm hồn, hoá thành hình ảnh của chiến đấu và hoà bình, mang đến cho đời một bài thơ đầy chất trữ tình nhưng cũng không kém phần hấp dẫn. Ngược lại, Phạm Tiến Duật xây dựng hình ảnh người lính bằng những gì có thực trong cuộc sống chiến đấu gần gũi nhất: *“xe không kính”.* Hình ảnh thơ này thật sự quá độc đáo, khiến người đọc nhiều lần ngỡ ngàng vì sự phá cách và nét đơn giản nhưng cũng ngập tràn chất thơ của *“Bài thơ về tiểu đội xe không kính”.*

- **Nhưng dù khác nhau từ hoàn cảnh, xuất thân cho đến lí tưởng chiến đấu, họ vẫn cùng chung một mục tiêu duy nhất:** chiến đấu vì hoà bình, độc lập, tự do của tổ quốc. Họ lấy quyết tâm làm nền tảng, tinh thần làm cơ sở để vững bước đến tương lai được dựng nên bởi tình đồng chí. Dù biết rằng trong cuộc chiến một sống một còn ấy, đã có không ít những người phải hi sinh, nhưng đó lại là động lực lớn hơn chắp cánh cho ước mơ của những người chiến sĩ bay xa, bay cao. Hình tượng người lính ở hai thời kì đều chất chứa những phẩm chất cao đẹp của anh bộ đội cụ Hồ mà chúng ta cần phải trân trọng và yêu quý.  
**3. Đánh giá, mở rộng**

Qua hình ảnh anh chiến sĩ Trường Sơn, chúng ta chợt nhận ra sự gần gũi, thân quen giữa những người lính qua các thời kì. Từ anh bộ đội cụ Hồ thời kháng chiến chống Pháp trong thơ Chính Hữu đến anh chiến sĩ Trường Sơn thời chống Mĩ trong thơ Phạm Tiến Duật đều có chung một nét đẹp truyền thống kiên cường, bất khuất, dũng cảm và đầy tinh thần lạc quan yêu đời. Với điều kiện thuận lợi hơn, người lính thời chống Mĩ đã được trau rèn, huấn luyện. Các anh đã kế thừa và phát huy được tinh thần cách mạng vốn đã vững vàng nay lại vững vàng hơn.Tuy cùng khai thác chất liệu thơ từ đời sống thực với những chi tiết thật đến trần trụi của cuộc sống người lính nhưng hai bài thơ còn khác nhau bởi bút pháp và giọng điệu riêng của mỗi tác giả và cảm hứng nổi bật ở mỗi bài. Cảm hứng của Chính Hữu hướng vào vẻ đẹp của tình đồng chí, đồng đội của người lính, còn Phạm Tiến Duật thì lại tập trung làm nổi bật chủ nghĩa anh hùng, tinh thần dũng cảm, bất chấp mọi khó khăn và bom đạn kẻ thù của những người lính lái xe.

**III. Kết bài**

Nhìn lại những chặng đường lịch sử đã đi qua, đọc lại hai bài thơ về người lính qua hai thời kì, trong ta bỗng dấy lên niềm xúc động lẫn tự hào. Hình ảnh những người lính ấy trở nên bất tử và đẹp rực rỡ. Dù lớp bụi thời gian có phủ đầy những trang sách và những đổi mới của cuộc sống làm biến chuyển đi tất cả, nhưng hình ảnh những anh lính cụ Hồ, anh giải phóng quân đến các anh chiến sĩ Trường Sơn vẫn sống mãi trong lòng mọi người với một niềm cảm xúc trào dâng mạnh mẽ.

**================================================================**

**ĐỀ 30: “BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH”CỦA NHÀ THƠ PHẠM TIẾN DUẬT ĐÃ TÁI HIỆN MỘT CÁCH ĐẦY ĐỦ VÀ TRỌN VẸN SỰ KHỐC LIỆT CỦA NHỮNG NĂM THÁNG CHIẾN TRANH CHỐNG MĨ ĐỒNG THỜI CA NGỢI VẺ ĐẸP CỦA THẾ HỆ TRẺ VIỆT NAM THỜI ĐẠI HỒ CHÍ MINH”. TỪ NHỮNG CẢM NHẬN CỦA EM VỀ KHỔ THƠ SAU, HÃY LÀM SÁNG TỎ NHẬN ĐỊNH TRÊN.**

*Không có kính không phải vì xe không có kính  
Bom giật, bom rung kính vỡ đi rồi  
Ung dung buồng lái ta ngồi,  
Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.*

*“Không có kính rồi xe không có đèn*

*Không có mui xe,thùng xe có xước*

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*

*Chỉ cần trong xe cómột trái tim”.*

*(Bài thơ về tiểu đội xe không kính – Phạm Tiến Duật)*

**1. Mở bài:**

Thế kỉ XX trong cuộc kháng chiến vĩ đại của dân tộc bảo về tổ quốc.Có rất nhiều con người đáng được ngợi ca. Những hình ảnh người lính lái xe Trường Sơn, và hình ảnh cô thanh niên xung phong nơi tuyến lửa, là những hình ảnh tiêu biểu nhất của thế hệ thanh niên Việt Nam trong cuộc kháng chiến chống Mĩ. Hình ảnh ấy đã được Phạm Tiến Duật - người được mệnh danh là “ Nhà thơ của đường Trường Sơn” tái hiện lại trong “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính”. Bài thơ đã tái hiện một cách đầy đủ và trọn vẹn sự khốc liệt của những năm tháng chiến tranh chống Mĩ đồng thời ca ngợi vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh”. Đến với khổ đầu và khổ cuối của bài thơ chúng ta sẽ cảm nhận được điều đó.

**2.Thân bài**

**a. Khái quát hoàn cảnh ra đời, nội dung và nghệ thuật của bài thơ**

**- Hoàn cảnh sang tác:** “*Bài thơ về tiểu đội xe không kính”* của Phạm Tiến Duật được sáng tác năm 1969 trong thời kì cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra rất gay go, ác liệt. Từ khắp các giảng đường đại học, hàng ngàn sinh viên đã gác bút nghiên để lên đường đánh giặc, và điểm nóng lúc đó là tuyến đường Trường Sơn - con đường huyết mạch nối liền hậu phương với tiền tuyến. Phạm Tiến Duật đã ghi lại những hình ảnh tiêu biểu của nơi khói lửa Trường Sơn. Có thể nói, hiện thực đã đi thẳng vào trang thơ của tác giả và mang nguyên vẹn hơi thở của cuộc chiến.

**- Chủ đề:** Ra đời trong hoàn cảnh ấy, bài thơ đã thực sự trở thành hồi kèn xung trận, trở thành tiếng hát quyết thắng của tuổi trẻ Việt Nam thời kì chống Mĩ. Cảm hứng từ những chiếc xe không kính đã làm nền để nhà thơ chiến sĩ khắc họa thành công chân dung người chiến sĩ lái xe: ung dung tự tại, lạc quan sôi nổi, bất chấp mọi khó khăn gian khổ , tình đồng chí đồng đội gắn bó, tình yêu đất nước thiết tha…

**- Vị trí đoạn thơ**: Hai khổ trên thuộc khổ đầu và khổ cuối của bài thơ hai khổ thơ cho thấy hình ảnh những chiếc xe không kính và người lính lái xe: ung dung, hiên ngang, dũng cảm. Mỗi khổ thơ hiện lên một vẻ đẹp của người chiến sĩ, càng đọc ta càng thấy trân trọng, cảm phục phẩm chất của người chiến sĩ lái xe.

**b. Chứng minh nhận định**

**\*Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật đã tái hiện một cách đầy đủ và trọn vẹn sự khốc liệt của những năm tháng chiến tranh chống Mĩ.** Điều đó được thể hiện rõ nét qua hình ảnh những chiếc xe không kính được tác giả miêu tả trong bài thơ. Mở đầu bài thơ, tác giả có viết:

*Không có kính không phải vì xe không có kính  
Bom giật, bom rung, kính vỡ đi rồi*

+ Xe không kính là một hình ảnh quen thuộc, thường thấy ở tuyến lửa Trường Sơn trong những năm tháng kháng chiến chống Mĩ. Nhưng trong thơ ca thì có lẽ đây là lần đầu hình ảnh ấy xuất hiện. Ở hai câu thơ này, hình ảnh những chiếc xe không kính được miêu tả rất thực. Lời thơ tự nhiên đến mức buộc người ta phải tin ngay vào sự phân bua của các chàng trai lái xe dũng cảm. Chất thơ của câu thơ này hiện ra chính trong vẻ tự nhiên đến mức khó ngờ của ngôn từ. Bằng biện pháp tu từ điệp ngữ với các từ phủ định “không” được lặp lại nhiều lần, Phạm Tiến Duật như muốn nói rằng xe không kính không phải do cấu tạo ban đầu của nó. Vậy thì do đâu? Câu thơ thứ 2 đã giải thích cho điều này. Với các động từ mạnh “giật, rung” lời thơ đã cho ta nhận ra rằng chính bom đạn của chiến tranh đã tàn phá khiến cho những chiếc xe vận tải vốn nguyên vẹn, lành lặn giờ đây trở thành không kính.

Không chỉ không kính, những chiếc xe vận tải còn bị hư hỏng nhiều bộ phận khác:

*“Không có kính rồi xe không có đèn*

*Không có mui xe,thùng xe có xước*

Ba chữ “không” lại một lần nữa khẳng định mức độ ác liệt của cuộc chiến in dấu trên những chiếc xe ra trận: “không kính”,”không đèn”,”không mui” và lại có thêm cái xước. Hình ảnh những chiếc xe không kính vốn chẳng hiếm trong chiến tranh, song phải có một hồn thơ nhạy cảm, có nét tinh nghịch, ngang tàn như Phạm Tiến Duật mới phát hiện ra được, đưa nó vào thơ và  trở thành biểu tượng độc đáo của thơ ca thời chống Mĩ. Và từ hình ảnh ấy, tác giả đã tạo ấn tượng cho người đọc một cách cụ thể và sâu sắc về hiện thực chiến tranh khốc liệt, dữ dội, về cuộc chiến đấu gian khổ mà người lính phải trải qua.

**c. Vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời đại Hồ Chí Minh**

**\* Vẻ đẹp của tư thế hiên ngang, ung dung, đường hoàng,tự tin, và tâm hồn lãng mạn:**

**-** Song, chính trong cái ác liệt của cuộc chiến, chính từ những cái “không” đó thì tư thế ung dung, hiên ngang của những người lính lại được thể hiện rõ nét:

*“Ung dung buồng lái ta ngồi*

*Nhìn đất, nhìn trời,nhìn thẳng”.*

- Tư thế của những người lính lái xe mới ung dung và đường hoàng làm sao! Đặt từ “ung dung” lên đầu câu, dường như nhà thơ muốn nhấn mạnh vào tư thế chủ động trước hoàn cảnh. Con mắt “nhìn đất”, “nhìn trời”,”nhìn thẳng” mang vẻ đẹp trang nghiêm, bất khuất như một lời thề. Chữ “nhìn thẳng” khiến ta hình dung như họ đang đối mặt thẳng thắn với gian khổ, hi sinh mà không hề né tránh, không hề run sợ. Có lẽ chính những khó khăn thử thách, chính bom đạn chiến tranh đã tôi rèn cho họ khiến họ trở nên can trường và bản lĩnh hơn.

**\*Vẻ đẹp của lòng yêu nước và ý chí quyết tâm giải phóng miền nam thống nhất nước nhà**

- Không chỉ mang tư thế ung dung, hiên ngang, bản lĩnh vững vàng, những người lính lái xe trong bài thơ này còn là những chàng trai có lòng yêu nước nồng nàn, có ý chí quyết tâm giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

*Xe vẫn chạy vì miền Nam phía trước*

*Chỉ cần trong xe cómột trái tim”.*

- “Trái tim”là hình ảnh hoán dụ mang ý nghĩa tượng trưng, đó chính là người chiến sĩ lái xe, là sức mạnh và tinh thần quả cảm, là nhiệt huyết của tuổi trẻ, là ý chí chiến đầu giải phóng miền Nam thống nhất đất nước, là tình yêu Tổ quốc thiết tha. Hình ảnh này đã khẳng định: khi trái tim cầm lái thì mọi gian khổ, hiểm nguy đều được người lính chấp nhận và vượt qua với tư thế ung dung và niềm vui sôi nổi, lạc quan phơi phới. Hình ảnh này cũng khẳng định bom đạn của kẻ thù chỉ có thể phá hủy đượcnhững chiếc xe chứ không thể ngăn cản được nhiệt huyết cứu nước của những con người:“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/Mà lòng phơi phới dậy tương lai” (Tố Hữu).

**d. Đánh giá:**

Như vậy, bằng các biện pháp tu từ điệp ngữ, liệt kê, hoán dụ và các từ ngữ, hình ảnh chọn lọc, hai khổ thơ trên đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn sự khốc liệt của chiến tranh trong những năm tháng chống Mĩ cứu nước và vẻ đẹp tâm hồn của những người lính lái xe, của thế hệ trẻ Việt Nam thời đại HCM. Đó chính là phong thái un gung hiên ngang, là ý chí quyết tâm giải phóng Miền nam thống nhất đất nước. Lời thơ cho ta nhận ra ở nhà thơ PTD là niềm cảm phục, sự trân trọng , yêu mến dành cho những người lính bộ đội cụ Hồ. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng.

**3. Kết bài**

“Bài thơ về tiểu đội xe không kính” là một tác phẩm đặc sắc, tiêu biểu viết về hình ảnh những chiếc xe không kính và vẻ đẹp của những người chiến sĩ lái xe. Bài thơ để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc về tình người, tình đồng chí gắn bó trong chiến tranh, cũng như lòng yêu nước nồng nàn của những người lính trong thời kỳ kháng chiến. Chiến tranh đã lùi xa hơn 40 năm, con đường Trường Sơn đã đi vào lịch sử, và dân tộc cũng đã bước sang trang mới nhưng mỗi khi đọc lại bài thơ này, chúng ta càng tự hào và khâm phục biết bao các chiến sĩ lái xe ở Trường Sơn ngày trước bởi họ đã góp phần vào chiến thắng huy hoàng của dân tộc. Chúng ta mãi yêu mến, tự hào về họ - những con người đẹp nhất trong thời đại Hồ Chí Minh

*=============================================*

**BÀI 3: ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ**

*(Huy Cận)*

**ĐỀ 31: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ VẺ ĐẸP CỦA ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ QUA KHỔ THƠ ĐẦU VÀ KHỔ THƠ CUỐI BÀI THƠ ” ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ” CỦA HUY CẬN.**

“Mặt trời xuống biển như hòn lửa.

Sóng đã cài then, đêm sập cửa.

Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,

Câu hát căng buồm cùng gió khơi.

...

Câu hát căng buồm với gió khơi,

Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.

Mặt trời đội biển nhô màu mới,

Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.”

(Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018, tr.139,140)

**I. Mở bài**

Huy Cận là nhà thơ nổi tiếng từ phong trào thơ Mới tiêu biểu của nền thơ ca hiện đại Việt Nam. Nếu như trước Cách mạng tháng Tám, thơ ông mang đậm triết lí và tràn ngập nỗi buồn thì sau cách mạng các tác phẩm thơ ca của ông lại tràn ngập niềm vui, tình yêu thiên nhiên, con người và cuộc sống mới. Một trong những bài thơ tiêu biểu đánh dấu sự chuyển biến trong giọng điệu và phong cách sáng tác của Huy Cận giai đoạn sau cách mạng có thể kể đến là “*Đoàn thuyền đánh cá”.* Bài thơ đã khắc họa nhiều hình ảnh đẹp tráng lệ, thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống. Điều này được thể hiện rõ nét qua khổ thơ đầu và cuối của bài.Đây là hai khổ thơ miêu tả cảnh đoàn thuyền đánh cá ra khơi đầy hào hứng và khi đoàn thuyền đánh cá trở về trong thắng lợi vẻ vang:

“Mặt trời xuống biển như hòn lửa.

Sóng đã cài then, đêm sập cửa.

Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi,

Câu hát căng buồm cùng gió khơi.

...

Câu hát căng buồm với gió khơi,

Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.

Mặt trời đội biển nhô màu mới,

Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.”

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tac:** Bài thơ ra đời sau chuyến đi thực tế dài ngày của tác giả tới vùng mỏ Quảng Ninh, trong thời điểm miền Bắc nước ta đang trong giai đoạn đầu dựng chủ nghĩa xã hội (1958). Xuyên suốt toàn bài thơ là âm hưởng khỏe khoắn, hào hùng, lạc quan thể hiện rõ dấu ấn của sự chuyển mình trong cảm hứng nghệ thuật của nhà thơ Huy Cận. Bố cục bài thơ theo trình tự một chuyến ra khơi của đoàn thuyền đánh cá, đồng thời cũng là sự vận động của tự nhiên theo thời gian của vũ trụ từ hoàng hôn đến bình minh trong đó có nhiều bức tranh đẹp, lộng lẫy trong không gian rộng lớn của trời biển.

**-Vị trí đoạn thơ:** Hai khổ trên thuộc khổ thơ đầu và khổ thơ cuối của bài thơ là cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá, khổ thơ cuối lại là cảnh đoàn thuyền trở về với chuyến thu hoạch thắng lợi. Những hình ảnh, cảnh tượng lặp lại trong hai khổ thơ mang đến suy nghĩ và liên tưởng về sự lặp vòng, vần xoay của vũ trụ cũng như hoạt động của con người. Thời gian tuần hoàn, từ hoàng hôn tới bình minh cũng giống như con người luôn luôn cố gắng phát triển sự nghiệp, cải tạo nước nhà.

**\* Cảm nhận vẻ đẹp của đoàn thuyền đánh cá qua khổ thơ đầu và khổ thơ cuối**

**2. Cảnh ra khơi và tâm trạng náo nức của con người.**

**a. Cảnh hoàng hôn trên biển.**

- Mở đầu bài thơ là cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá được miêu tả thật độc đáo và ấn tượng:

*“Mặt trời xuống biển như hòn lửa*

*Sóng đã cài then đêm sập cửa”*

- Nhà văn Nguyễn Tuân Đã viết “*Mặt trời đỏ như lòng trứng khổng lồ, đặt trên mâm lễ từ từ tiến vào”* với *“hòn lửa”.* Khi hoàng hôn buông xuống, mặt trời như một quả cầu lửa khổng lồ đang từ từ lặn xuống biển xanh, cả không gian vũ trụ như nhuốm một màu đỏ rực rỡ và huy hoàng.Với nghệ thuật so sánh, nhân hóa cho thấy cảnh biển hoàng hôn vô cùng tráng lệ, hùng vĩ. Mặt trời được ví như một hòn lửa khổng lồ đang từ từ lặn xuống. Trong hình ảnh liên tưởng này, vũ trụ như một ngôi nhà lớn, với đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ, những lượn sóng là then cửa.

- Chi tiết *“mặt trời xuống biển”* có thể gây ra sự thắc mắc của người đọc vì bài thơ tả cảnh đoàn thuyền đánh cá ở vùng biển miền Bắc, mà ở bờ biển nước ta, trừ vùng Tây Nam thường chỉ thấy cảnh mặt trời mọc trên biển chứ không thể thấy cảnh mặt trời lặn xuống biển. Thực ra hình ảnh mặt trời xuống biển là được nhìn từ trên con thuyền đang ra biển hoặc từ một hòn đảo vào lúc hoàng hôn, nhìn về phía tây, qua một khoảng biển thì vẫn có thể thấy như là mặt trời xuống biển. Với sự quan sát tinh tế nhà thơ đã miêu tả rất thực chuyển đổi thời khắc giữa ngày và đêm.

**b. Khi thiên nhiên bước vào trạng thái nghỉ ngơi thì con người bắt đầu làm việc.**

- Khi thiên nhiên vũ trụ bắt đầu đi vào trạng thái nghỉ ngơi thì con người bắt đầu công việc ra khơi đánh cá. Đó là sự tương phản giữa thiên nhiên và con người:

*“ Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi  
Câu hát căng buồm với gió khơi”*

- Đoàn thuyền chứ không phải chỉ con thuyền ra khơi đã tạo ra sự tấp nập trên biển. Chữ “*lại”* vừa khẳng định nhịp điệu lao động của người dân chài đã đi vào ổn định, vừa thể hiện sự đối lập giữa sự nghỉ ngơi của đất trời và sự làm việc của con người. Tác giả đã tạo ra một hình ảnh khỏe, lạ mà thật từ sự gắn kết ba sự vật và hiện tượng: Câu hát, cánh buồm và gió khơi. Người đánh cá căng buồm và cất câu hát lên nhà thơ có cảm giác như chính câu hát đó đã làm căng cánh buồm. Câu hát mang theo niềm vui, sự phấn chấn của người lao động trở thành sức mạnh cùng với gió biển làm căng cánh buồm để con thuyền lướt sóng ra khơi. Nghệ thuật ẩn dụ trong hình ảnh thơ lãng mạn này đã góp phần thể hiện một hiện thực : Đó là niềm vui phơi phới, tinh thần lạc quan của người dân chài. Họ ra khơi trong tâm trạng đầy hứng khởi vì học tìm thấy niềm vui trong lao động, yêu biển và say mê với công việc chinh phục biển khơi làm giàu cho Tổ quốc.

**3. Cảnh đoàn thuyền trở về trong buổi bình minh lên.**

**a. Cảnh đoàn thuyền trở về**

 - Nếu khổ đầu nói lên thời điểm xuất phát thì khổ cuối là thời điểm trở về. Điểm xuất phát lúc mặt trời xuống biển đỏ như hòn lửa thì lúc trở về bình minh mặt trời đội biển lên mang theo một màu mới khép kín một chu trình thời gian và cũng là hoàn thiện một chu trình làm việc của dân chài:

“Câu hát căng buồm cùng gió khơi  
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”

- Câu đầu tác giả lặp lại ở khổ thơ thứ nhất: *“Câu hát căng buồm với gió khơi”.* Chỉ có từ “*với*” là khác, có lẽ tác giả tránh sự lặp lại ở câu thơ trước. Điều đó làm cho khổ thơ cuối giống như điệp khúc của một bài hát, tạo cảm giác tuần hoàn về thời gian, về công việc lao động; nhấn mạnh khí thế tâm trạng của những người dân. Đoàn thuyền ra đi hào hứng sôi nổi, nay trở về cũng với tinh thần ấy rất khẩn trương. Câu hát đưa thuyền đi nay câu hát lại đưa thuyền về. Đây là lần thứ ba tiếng hát vang lên.

- Tiếng hát biểu hiện cho niềm vui của những người đánh cá khi được hưởng thành quả rực rỡ sau một đêm lao động vất vả. Tiếng hát ấy vang lên hùng tráng khi đoàn thuyền đang rẽ sóng trở về. Nhà thơ nhân hóa *“đoàn thuyền”* đang “*chạy đua cùng mặt trời*”, chạy đua cùng thời gian.

- Hai tiếng “*chạy đua”* cho ta thấy những người dân chài mặc dù suốt đêm làm việc không mệt mỏi nhưng sức lực của họ vẫn dồi dào, khí thế của họ vẫn mạnh mẽ. Được ví như nhãn tự của tác phẩm, Huy Cận nâng tầm con người lên với tầm của vũ trụ. Quả cầu lửa của nhân loại, mặt trời lộng lẫy chói chang, giờ đây, đoàn thuyền với những người lao động cũng có thể sánh ngang với mặt trời.

- Con người thật xứng đáng với tầm vóc chủ nhân biển cả, vẫn muốn dành thời gian để lao động, để cống hiến. Sau một đêm lao động vất vả, họ vẫn dồi dào năng lượng, cũng giống như đất nước và con người Việt Nam, chìm trong chiến tranh, đạn bom loạn lạc, nhưng khi tổ quốc bước vào thời kì xây dựng, người dân vẫn luôn sẵn sàng tiên phong, đi theo tiếng gọi của Tổ quốc.

**b. Bình minh trên biển**

- Mở đầu bài thơ là cảnh hoàng hôn, kết thúc bài thơ là cảnh bình minh “*Mặt trời đội biển nhô màu mới*”. Ánh mặt trời sáng rực, từ từ nhô lên ở phía chân trời xa cảm giác như mặt trời đội biển. Vẻ đẹp tráng lệ của bình minh trên biển được nhà thơ miêu tả sinh động qua biện pháp nhân hóa *“mặt trời đội biển*” gợi cảm giác thần thoại. Mặt trời có sức mạnh lớn lao, dường như nó đang đội biển mà lên và cái *“màu biển”* là màu hồng bình minh, là lời chào đón của thiên nhiên với những người lao động cần cù. Đặc biệt câu thơ cuối cùng gợi ra hình ảnh đoàn thuyền nối đuôi nhau trở về, chiếc nào trên khoang cũng đầy ắp cá. Ánh mặt trời chiếu vào mắt cá khiến cho mỗi mắt cá như một mặt trời nhỏ, lấp lánh. Hình ảnh *“mắt cá huy hoàng”* vừa là thành quả lao động, vừa gợi ra niềm vui, niềm tự hào của những người lao động và cuộc sống mới đầy tốt đẹp đang mở ra trước mắt. Đó là một hình ảnh đầy sáng tạo và lãng mạn.

**4. Đánh giá, mở rộng**

- Với lời thơ dứt khoát, mạnh mẽ cùng âm hưởng bản anh hùng ca, hình ảnh thơ lặp lại, tương xứng ở khổ đầu và khổ cuối, tác giả đã mang đến một bức họa với những khối màu vừa hài hòa, giao thoa vừa đối lập, tương phản. Đặc sắc nghệ thuật của hai khổ thơ chính là ở chỗ, dùng những hình ảnh cũ nhưng nội dung lại nói về cái mới, tạo nên sự hô ứng giữa không gian và thời gian. Không gian tuần hoàn, thời gian ngày đêm lặp vòng cũng giống như những người lao động luôn làm việc hăng say, hết mình cho sự nghiệp lớn lao của dân tộc.

-Từhình ảnh ngư dân lao động trong Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận ta lại liên tưởng đến nhân vật anh thanh niên cùng những nhân vật khác trong Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long. Họ là hiện thân của vẻ đẹp người lao động một thời. Đó là những người ưu tú của quê hương trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Người lao động vô danh trong hai tác phẩm đủ mọi thành phần, lứa tuổi, nghề nghiệp, dù ở núi cao hay biển xa đều là những người nhiệt tình, say mê công việc, sống có lí tưởng. Họ là điển hình cao đẹp của con người lao động mới, con người trưởng thành trong công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Chính họ đã đóng góp một phần công sức lớn lao của mình vào việc đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, là hậu phương vững chắc bảo vệ Tổ quốc thân yêu.

**III. Kết bài**

Chỉ với khổ thơ đầu và cuối đã tạo nên một kết cấu bài thơ vô cùng đặc sắc. Tiếng hát say mê niềm vui như đang làm rung động sợi dây tình cảm của ta và đây cũng chính là cái tài cái khéo của Huy Cận khi làm thơ. Hơn nửa thế kỉ đã trôi qua, bài thơ vẫn giữ nguyên vẹn giá trị ban đầu của nó. Phần nào, nó giúp chúng ta hiểu được chân dung tinh thần mới của Huy Cận sau bao biến cố lịch sử trọng đại của đất nước và dân tộc - một Huy Cận trữ tình cách mạng.

*=============================================*

**ĐỀ 32: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ ĐOẠN THƠ SAU:**

*Thuyền ta lái gió với buồm trăng   
Lướt giữa mây cao với biển bằng,   
Ra đậu dặm xa dò bụng biển,   
Dàn đan thế trận lưới vây giăng.*

*Cá nhụ cá chim cùng cá đé,   
Cá song lấp lánh đuốc đen hồng,   
Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe.   
Đêm thở : sao lùa nước Hạ Long.*

*Ta hát bài ca gọi cá vào,   
Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao.   
Biển cho ta cả nhục lòng mẹ   
Nuôi lớn đời ta tự buổi nào.*

(Trích *Đoàn thuyền đánh cá -* Huy Cận, Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019, tr. 140)

**I. Mở bài**

Huy Cận là một trong những nhà thơ lớn của nền văn học Việt Nam, đặc biệt là trong phong trào Thơ mới. Thơ của ông luôn có một phong cách rất riêng với những nhà thơ khác. Tiêu biểu cho các tác phẩm của ông trong thời kì mới là bài thơ “Đoàn thuyền đánh cá” ra đời 1958. Bài thơ là lời ca ngợi thiên nhiên và con người lao động Việt Nam thời kì đất nước xây dựng chủ nghĩa xã hội. Để lại nhiều ấn tượng nhất trong lòng người đọc là vẻ đẹp và mối giao hòa giữa con người và thiên nhiên trên cái nền lộng lẫy, tráng lệ của vũ trụ biển cả qua ba khổ thơ trên.

**II. Thân bài**

**1.Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ được sáng tác trong chuyến đi công tác của Huy Cận tại vùng mỏ Hòn Gai, Quảng Ninh năm 1958 và được bắt nguồn từ cảm hứng ngợi ca công cuộc xây dựng chú nghĩa xã hội của miền Bắc tự do độc lập. Với ý nghĩa đó, bài thơ "*Đoàn thuyền đánh cá"* là khúc tráng ca, ca ngợi con người laò động với tinh thần làm chủ và niềm vui, niềm tin trước cuộc sống mới trong những năm đầu xây dựng đất nước.

**- Vị trí đoạn thơ:** Ba khổ thơ trên nằm ở phần giữa bài thơ, đã làm nổi bật với vẻ đẹp tráng lệ của biển khơi và vẻ đẹp khỏe khoắn, mạnh mẽ của đoàn thuyền, của con người trong lao động. Tất cả được viết lên bằng trí tưởng tượng mãnh liệt,bằng niềm hứng khởi bay bổng và bút pháp tạo hình đầy sáng tạo.

**2. Phân tích, cảm nhận**

**Luận điểm 1**: **Người dân ra khơi với tư thế tầm vóc lớn lao** (khổ 3)

- Mở đầu đoạn thơ là hình ảnh đoàn thuyền lướt nhanh giữa trời cao biển rộng có cái lân lân, sảng khoái lạ thường:

*“Thuyền ta lái gió với buồm trăng*

*Lướt giữa mây cao với biển bằng.*

*Ra đậu dặm xa dò bụng biển*

*Dàn đan thế trận lưới vây giăng”.*

- Nghệ thuật phóng đại “*Lướt giữa mây cao với biển bằng”* - con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé giờ đây qua cái nhìn của tác giả đã sánh ngang tầm vũ trụ. Con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé trước biển trời bao la, đã trở thành con thuyền kì vĩ, lớn lao mang tầm vóc vũ trụ. Thuyền có gió làm lái, có trăng làm buồm, lướt giữa mây cao và biển bằng, giữa mây trời và sóng nước với tất cả sức mạnh chinh phục biển cả,chinh phục thiên nhiên. Hình ảnh này thể hiện rất rõ sự thay đổi trong cảm hứng nghệ thuật của Huy Cận trước và sau cách mạng .

- Chủ nhân con thuyền – những người lao động cũng trở nên lồng lộng giữa biển trời trong tư thế, tầm vóc làm chủ cuộc đời. Nghệ thuật ẩn dụ “*lái gió buồm trăng”* nghĩa là thiên nhiên hòa hợp, cùng con người lao động. Nếu như ở đoạn đầu, thiên nhiên đã chìm vào trạng thái nghỉ ngơi, thư giãn *“mặt trời xuống biển”, “sóng đã cài then”,”đêm sập cửa”* thì ở đây, con người đã đánh thức thiên nhiên, khiến thiên nhiên dường như bừng tỉnh, như cùng hòa vào niềm vui trong lao động. Có thể nói, lòng tin yêu thiên nhiên, con người và cảm hứng lãng mạn bay bổng đã giúp nhà thơ xây dựng được một hình ảnh thơ tuyệt đẹp, vừa hoành tráng, lại vừa thơ mộng.

- Đã qua rồi thời con người còn nhỏ bé, đơn độc trước sức mạnh bí ẩn của biển cả. Mang trong mình khí thế của người làm chủ, biển thu hẹp lại để con người ra tận khơi xa dò bụng biển, tìm luồng cá, dàn đan thế trận, bủa lưới vây giăng để con người tìm tòi, khám phá. Họ đàng hoàng ra những nơi xa để bắt thiên nhiên phục vụ.

- Họ những dân chài mang theo cả sức trẻ, sức khoẻ, mang theo cả sự tìm tòi, khám phá để tung phá thế giới bí hiểm của thiên nhiên. Nghệ thuật ẩn dụ *“Dàn đan thế trận”* được tác giả khai thác rất thành công.Việc đánh bắt ấy như một trận chiến mà mỗi người lao động như một chiến sĩ. Qua phân tích ta thấy sự kết hợp giữa hiện thực (đoàn thuyền) với chất lãng mạn (thuyền lái gió, trăng treo trên cánh buồm) tạo nên những vần thơ đẹp và sâu sắc.

**\* Luận điểm 2**: **Cảnh biển đẹp trong đêm** (khổ 4)

- Bức tranh lao động được điểm tô bằng vẻ đẹp của thiên nhiên. Cái nhìn của nhà thơ đối với biển và cá cũng có những sáng tạo bất ngờ, độc đáo:

*“Cá nhụ cá chim cùng cá đé*

*Cá song lấp lánh đuốc đen hồng.*

*Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe”*

- Thủ pháp liệt kê kết hợp với sự phối sắc tài tình qua việc sử dụng các tính từ chỉ màu sắc *“đen hồng”,”vàng chóe”…* đã tạo nên một bức tranh sơn mài nhiều màu sắc, ánh sáng, lung linh huyền ảo như trong câu chuyện cổ tích nói về xứ sở thần tiên. Nhà thơ đã liệt kê những loài cá quý của biển: cá nhụ, cá chim, cá đé , mỗi loài cá là một kiểu dáng, một màu sắc làm nên sự giàu đẹp của biển cả quê hương.

- Nhân hóa “*Cái đuôi e quẫy”* như có một hội rước đuốc trong lòng biển đêm sâu thẳm. Mỗi khi: “*Cái đuôi em quẫy”,* trăng như vàng hơn, rực rỡ hơn, biển cả như sống động hẳn lên. Nhà thơ gọi cá bằng một cách gọi rất dịu dàng-“em” ẩn chứa sự yêu mến với cá và biển cả quê hương.

- Người xưa thường nói: *“Thi trung hữu họa”* – nghĩa là trong thơ có hình có ảnh. Quả đúng như thế, mỗi loài cá ở đây là bức kí họa thần tình. Chúng đâu chỉ là sản phẩm vô tri được đánh bắt bởi bàn tay con người. Với họ - những người ngư dân này – cá là bạn, là “em”, là niềm cảm hứng cho con người trong lao động, và cũng chính là đối tượng thẩm mĩ cho thi ca. Cảnh đẹp không chỉ ở màu sắc, ánh sáng, mà còn ở âm thanh.Nhìn bầy cá bơi lội, nhà thơ lắng nghe tiếng sóng vỗ rì rầm:

*"Đêm thở: sao lùa nước Hạ long"*

 - Hình ảnh nhân hoá thật độc đáo. Đêm vẫn thư giãn và thủy triều lên xuống tạo ra hơi thở của đêm. Những đốm sao bạt ngàn in trên mặt nước, trôi dạt trên đầu những ngọn sóng triều đập vào bãi cát được ví như: "*lùa nước Hạ Long*". Sao với nước cũng xuất hiện và tồn tại trong nhịp thở của đêm. Nối những miền không gian lại với nhau, thiên nhiên như bức tranh sơn mài tráng lệ và kỳ ảo.

**\* Luận điểm 3**: **Tinh thần lao động hăng say và lòng biết ơn biển** (khổ 5)

- Tiếng hát theo những người dân chài trong suốt cả cuộc hành trình và giờ đây tiếng hát cất lên là đế gọi cá vào lưới:

Ta hát hài ca gọi cá vào

Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao

- Bài hát căng buồm đưa đoàn thuyền ra khơi, bài hát lại vang lên trong công việc, biến lao động cực nhọc thành niềm vui phơi phới, niềm vui lao động, niềm vui được hòa nhập gắn bó thân thiết với thiên nhiên. Lời ca gọi cá vào lưới nâng cao thêm chất thơ mộng của bức tranh. Người dân chài gõ thuyền xua cá vào lưới, nhưng đây không phải là con người mà là ánh trăng: trăng in xuống dòng nước, sóng vỗ như gõ nhịp vào mạn thuyền xua cá. Hiện thực được trí tưởng tượng sáng tạo thành hình ảnh lãng mạn, giàu chất thơ. Cái nhìn của nhà thơ đối với biển cả và con người là cái nhìn tươi tắn, lạc quan, ông như hòa nhập vào công việc, vào con người, vào biển cả.

- Từ đó, cảm xúc dâng trào, không thể không cất lên tiếng hát, bài ca về lòng biết ơn mẹ biển giàu có và nhân hậu:

*“Biển cho ta cá như lòng mẹ*

*Nuôi lớn đời ta tự buổi nào”*

- Biển ở đây được Huy Cận ví như một người mẹ. Một người mẹ luôn bao dung, che chở cho những đứa con của mình, một người mẹ sẽ luôn dành cho những đứa con những gì tốt đẹp nhất, và luôn luôn là vậy, như câu thơ "*nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra"*, chẳng bao giờ vơi cạn. Thật vậy, *"biển cho ta cá",* luôn hào phóng với chúng ta, không bao giờ giữa lại gì cho riêng mình.

=> Đây là một hình ảnh so sánh thật tài tình, mang đầy lòng biết ơn, kính trọng của Huy Cận với mẹ biển cả, với sự hào phóng của thiên nhiên. Biển đã cho ta, nuôi ta lớn khôn từ những ngày ta còn thơ bé, nuôi lớn chúng ta qua bao thế hệ con người. Phải, chúng ta thực lòng phải cảm tạ biển cả mênh mông đã cho ta của cải, nuôi lớn ta, giúp ta làm giàu cho quê hương đất nước. Lời thơ vang lên như lời tâm tình, như lời thủ thỉ của con người dành cho mẹ biển bao la. Đó là lời cảm ơn, lời biết ơn sâu sắc gửi tới biển, bởi biển hào phóng quá, yêu thương trìu mến quá! Qua phân tích ta thấy con người luôn có khát vọng chiến thắng, làm chủ thiên nhiên nhưng cũng vô cùng biết ơn thiên nhiên.

**3. Đánh giá, mở rộng**

**-** Ba khổ thơ là hình ảnh của thiên nhiên và con người trong công cuộc đánh bắt cá. Nó vừa đẹp lãng mạn lại vừa mang một màu sắc hiện thực thật rõ ràng. Có thể nói, Huy Cận đã vẽ lên một bức tranh thiên nhiên và những người dân chài thật đầy màu sắc. Cùng với đó, nghệ thuật mà Huy Cận sử dụng trong đoạn thơ trên vô cùng nhuần nhuyễn như so sánh, liệt kê, nhân hóa cũng góp phần tạo nên đặc sắc cũng như thành công cho đoạn thơ.

- Từ hình ảnh con thuyền và người dân chài trong bài “*Đoàn thuyền đánh cá”* khiên em liên tưởng đến hình ảnh con thuyền và người dân chài trong bài “Quê hương” của Tế Hanh:

*“Chiếc thuyền nhẹ hăng như con tuấn mã*

*Phăng mái chèo mạnh mẽ vượt trường giang”*

**III. Kết bài**

Chỉ bằng ba khổ thơ ngắn ngủi, nhưng vẫn hiện lên thật rõ bút pháp tài hoa của nhà thơ Huy Cận. Nó đã thể hiện niềm cảm xúc dào dạt của ông trước cuộc sống mới của những người dân sau bao năm tháng chiến tranh. Ông thật xứng đáng là một trong những nhà thơ hiện đại tài năng bậc nhất nền thi ca Việt Nam. Đọc đoạn thơ, bài thơ ta càng yêu hơn, trân trọng hơn vẻ đẹp của cảm hứng say sưa, niềm vui phơi phới trước cuộc đời và tình yêu thiên nhiên, con người thiết tha của nhà thơ Huy Cận.

*===========================================*

**ĐỀ 33: PHÂN TÍCH BÀI THƠ “ ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ” CỦA HUY CẬN.**

**I. Mở bài**

**Cách 1**

Huy Cận là nhà thơ tiêu biểu của nền thơ hiện đại Việt Nam với một hồn thơ dạt dào cảm hứng lãng mạn về thiên nhiên đất nước, con người trong thời đại mới. Bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" được nhà thơ sáng tác vào năm 1958 khi miền Bắc bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Bài thơ là khúc tráng ca ca ngợi lao động tập thể và người lao động trên biển nếu khổ thơ mở đầu là khúc hát ra khơi đầy hứng khởi thì khổ cuối là khúc ca khải hoàn trở về sau một đêm hăng say lao động và thắng lợi trở về của người lao động.

**Cách 2:**

Có lẽ, con người đẹp nhất là khi làm việc, say mê lao động, thực sự hòa mình vào thiên nhiên đất trời, hòa mình vào vũ trụ bao la… Huy Cận đã gửi gắm hồn mình qua bài thơ “*Đoàn thuyền đánh cá*” với một tình yêu cuộc sống thiết tha và say đắm! Bài thơ vừa là một bức tranh đẹp đẽ, vừa là khúc ca hào hùng về  những người đánh cá trên biển cả bao la những con người thực sự làm chủ biển trời, làm chủ cuộc đời mới!

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ được sáng tác trong chuyến đi công tác của Huy Cận tới vùng mỏ Hòn Gai, Quảng Ninh năm 1958 và được in trong tập “*Trời mỗi ngày lại sáng”*. Bài thơ được bắt nguồn từ cảm hứng ngợi ca công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của miền Bắc.

**- Chủ đề:** Với ý nghĩa đó, thi phẩm "*Đoàn thuyền đánh cá"* là khúc tráng ca, ca ngợi con người lao động với tinh thần làm chủ và niềm vui, niềm tin trước cuộc sống mới trong những năm đầu xây dựng đất nước. Bài thơ có bảy khổ, bố cục bài thơ theo trình tự một chuyến ra khơi của đoàn thuyền đánh cá, đồng thời cũng là sự vận động của tự nhiên theo thời gian của vũ trụ từ hoàng hôn đến bình minh trong đó có nhiều bức tranh đẹp, lộng lẫy trong không gian rộng lớn của trời biển.

**2. Phân tích bài thơ**

**Luận điểm 1: Cảnh hoàng hôn trên biển và đoàn thuyền đánh cá ra khơi** (2 khổ đầu)

**\* Khổ 1:** Mở đầu bài thơ là cảnh đoàn thuyền ra khơi đánh cá được miêu tả thật độc đáo và ấn tượng:

*“Mặt trời xuống biển như hòn lửa*

*Sóng đã cài then đêm sập cửa”*

- Nhà văn Nguyễn Tuân Đã viết “*Mặt trời đỏ như lòng trứng khổng lồ, đặt trên mâm lễ từ từ tiến vào”* với *“hòn lửa”.* Khi hoàng hôn buông xuống, mặt trời như một quả cầu lửa khổng lồ đang từ từ lặn xuống biển xanh, cả không gian vũ trụ như nhuốm một màu đỏ rực rỡ và huy hoàng.Với nghệ thuật so sánh, nhân hóa cho thấy cảnh biển hoàng hôn vô cùng tráng lệ, hùng vĩ. Mặt trời được ví như một hòn lửa khổng lồ đang từ từ lặn xuống. Trong hình ảnh liên tưởng này, vũ trụ như một ngôi nhà lớn, với đêm buông xuống là tấm cửa khổng lồ, những lượn sóng là then cửa. Chi tiết *“mặt trời xuống biển”* có thể gây ra sự thắc mắc của người đọc vì bài thơ tả cảnh đoàn thuyền đánh cá ở vùng biển miền Bắc, mà ở bờ biển nước ta, trừ vùng Tây Nam thường chỉ thấy cảnh mặt trời mọc trên biển chứ không thể thấy cảnh mặt trời lặn xuống biển. - Thực ra hình ảnh mặt trời xuống biển là được nhìn từ trên con thuyền đang ra biển hoặc từ một hòn đảo vào lúc hoàng hôn, nhìn về phía tây, qua một khoảng biển thì vẫn có thể thấy như là mặt trời xuống biển. Với sự quan sát tinh tế nhà thơ đã miêu tả rất thực chuyển đổi thời khắc giữa ngày và đêm.

**-** Khi thiên nhiên vũ trụ bắt đầu đi vào trạng thái nghỉ ngơi thì con người bắt đầu công việc ra khơi đánh cá. Đó là sự tương phản giữa thiên nhiên và con người:

*“ Đoàn thuyền đánh cá lại ra khơi  
Câu hát căng buồm với gió khơi”*

- Đoàn thuyền chứ không phải chỉ con thuyền ra khơi đã tạo ra sự tấp nập trên biển. Chữ “*lại”* vừa khẳng định nhịp điệu lao động của người dân chài đã đi vào ổn định, vừa thể hiện sự đối lập giữa sự nghỉ ngơi của đất trời và sự làm việc của con người. Tác giả đã tạo ra một hình ảnh khỏe, lạ mà thật từ sự gắn kết ba sự vật và hiện tượng: Câu hát, cánh buồm và gió khơi. Người đánh cá căng buồm và cất câu hát lên nhà thơ có cảm giác như chính câu hát đó đã làm căng cánh buồm. Câu hát mang theo niềm vui, sự phấn chấn của người lao động trở thành sức mạnh cùng với gió biển làm căng cánh buồm để con thuyền lướt sóng ra khơi. Nghệ thuật ẩn dụ trong hình ảnh thơ lãng mạn này đã góp phần thể hiện một hiện thực : Đó là niềm vui phơi phới, tinh thần lạc quan của người dân chài. Họ ra khơi trong tâm trạng đầy hứng khởi vì học tìm thấy niềm vui trong lao động, yêu biển và say mê với công việc chinh phục biển khơi làm giàu cho Tổ quốc.

**\* Khổ 2:** Câu hát thể hiện tinh thần lạc quan yêu đời, niềm vui lao động, sôi nổi hào hứng trong niềm khí thế cùng với buổi đầu ra khơi trong niềm tin vào một chuyến ra khơi thành công, tốt đẹp:

*“Hát rằng: cá bạc biển Đông lặng*

*Cá thu biển Đông như đoàn thoi*

*Đêm ngày dệt biển muôn luồng sáng*

*Đến dệt lưới ta, đoàn cá ơi!”*

- Với hình thức liệt kê hình ảnh các loài cá: cá bạc, cá thu, Huy Cận đã cho người đọc thấy sự giàu có của biển Đông. Biển Đông có rất nhiều cá và đang chờ mọi người tới khai thác. Cá được nhà thơ so sánh “*như đoàn thoi”.* Đoàn thoi hoạt động rất nhanh và nhiều trên bến phà. Và cá ở biển Đông cũng nhiều và bơi rất nhanh như thoi vậy. Câu thơ cất cao lên tiếng hát, tràn ngập niềm say mê, phấn khởi trước sự ưu ái của thiên nhiên ban tặng cho người dân vùng chài. Vì thế hai câu cuối Huy Cận như nhập thân vào người lao động, thể hiện niềm mong mỏi của ngư dân có thể bắt được nhiều cá tôm. Họ hy vọng, những đàn cá “*đêm ngày dệt biển”* ấy sẽ vào dệt lưới của đoàn thuyền “*Đến dệt lưới ta đàn cá ơi !”.* Vần *“ơi”* kết hợp với dấu chấm cảm ở câu thơ cuối khiến cho hình ảnh của những đàn cá hiện lên thật sinh động, thật gần gũi thân thiết với con người.

**Luận điểm 2:** **Cảnh đánh cá và cảnh biển đêm** (4 khổ tiếp)

\* **Khổ 3:** Với khả năng quan sát miêu tả tinh tế, hòa cùng với cảm hứng vũ trụ thật mãnh liệt, Huy Cận đã tái hiện vẻ đẹp cận cảnh đoàn thuyền ra khơi hùng tráng, thơ mộng trong đêm trăng. Mở đầu đoạn thơ là hình ảnh đoàn thuyền lướt nhanh giữa trời cao biển rộng có cái lân lân, sảng khoái lạ thường:

*“Thuyền ta lái gió với buồm trăng*

*Lướt giữa mây cao với biển bằng.*

*Ra đậu dặm xa dò bụng biển*

*Dàn đan thế trận lưới vây giăng”.*

- Nghệ thuật phóng đại “*Lướt giữa mây cao với biển bằng”*. Con thuyền đánh cá vốn nhỏ bé giờ đây qua cái nhìn của tác giả đã sánh ngang tầm vũ trụ. Nó khác hẳn với con thuyền cô đơn, nhỏ bé, lạc lõng giữa không cùng trời đất mênh mang trong bài “*Tràng giang”* trước cách mạng:

“*Sóng gợn tràng giang buồn điệp điệp*

*Con thuyền xuôi mái nước song song*

*Thuyền về nước lại sầu trăm ngả*

*Củi một cành khô lạc mấy dòng”.*

- Còn ở đây con thuyền không hề nhỏ bé, đơn độc mà lại rất lớn lao làm chủ biển cả bao la rộng lớn. Nghệ thuật ẩn dụ “*lái gió buồm trăng”* nghĩa là thiên nhiên hòa hợp, cùng con người lao động. Nếu như ở đoạn đầu, thiên nhiên đã chìm vào trạng thái nghỉ ngơi, thư giãn *“mặt trời xuống biển”, “sóng đã cài then”,”đêm sập cửa”* thì ở đây, con người đã đánh thức thiên nhiên, khiến thiên nhiên dường như bừng tỉnh, như cùng hòa vào niềm vui trong lao động. Có thể nói, lòng tin yêu thiên nhiên, con người và cảm hứng lãng mạn bay bổng đã giúp nhà thơ xây dựng được một hình ảnh thơ tuyệt đẹp, vừa hoành tráng, lại vừa thơ mộng.

- Bức tranh không gian của biển cả được mở rộng ra ba chiều: chiều cao của mây, chiều sâu của bụng biển và chiều rộng của biển khơi có tác dụng tôn thêm tầm vóc lớn lao của con thuyền và người lao động. Các động từ được sử dụng dày đặc: “*lái”, “lướt”, “đậu”, “dò”, ‘dàn đan”, “vây giăng”* có tác dụng diễn tả hành động đánh cá rất nhanh, rất khẩn trương của những đoàn thuyền đná cá trên biển. Hình ảnh “*dàn đan thế trận*” là một hình ảnh ẩn dụ cho hành động đánh cá của ngư dân. Đánh cá nhưng cũng cần phải bày binh bố trận, có chiến thuật, chiến lược thì mới có thể bắt được nhiều tôm cá.

- Chính vì thế, họ đã đưa con thuyền tiến ra tận khơi xa, dò bụng biển để tìm nguồn cá lớn. Và những con thuyền hiện lên như những con tuấn mã, băng băng lướt qua sóng đèo, chinh phục thiên nhiên. Và ngư dân thì làm việc với tinh thần dũng cảm, hăng say và trí tuệ nghề nghiệp với một tâm hồn phơi phới của người làm chủ thiên nhiên, vũ trụ.

\* **Khổ 4:** Bức tranh lao động được điểm tô bằng vẻ đẹp của thiên nhiên. Cái nhìn của nhà thơ đối với biển và cá cũng có những sáng tạo bất ngờ, độc đáo:

*“Cá nhụ cá chim cùng cá đé*

*Cá song lấp lánh đuốc đen hồng.*

*Cái đuôi em quẫy trăng vàng chóe”*

- Thủ pháp liệt kê kết hợp với sự phối sắc tài tình qua việc sử dụng các tính từ chỉ màu sắc *“đen hồng”,”vàng chóe”…* đã tạo nên một bức tranh sơn mài nhiều màu sắc, ánh sáng, lung linh huyền ảo như trong câu chuyện cổ tích nói về xứ sở thần tiên. Nhà thơ đã liệt kê những loài cá quý của biển: cá nhụ, cá chim, cá đé , mỗi loài cá là một kiểu dáng, một màu sắc làm nên sự giàu đẹp của biển cả quê hương. Nhân hóa “*Cái đuôi e quẫy”* như có một hội rước đuốc trong lòng biển đêm sâu thẳm. Mỗi khi: “*Cái đuôi em quẫy”,* trăng như vàng hơn, rực rỡ hơn, biển cả như sống động hẳn lên. Nhà thơ gọi cá bằng một cách gọi rất dịu dàng-“em” ẩn chứa sự yêu mến với cá và biển cả quê hương.

- Người xưa thường nói: *“Thi trung hữu họa”* – nghĩa là trong thơ có hình có ảnh. Quả đúng như thế, mỗi loài cá ở đây là bức kí họa thần tình. Chúng đâu chỉ là sản phẩm vô tri được đánh bắt bởi bàn tay con người. Với họ - những người ngư dân này – cá là bạn, là “em”, là niềm cảm hứng cho con người trong lao động, và cũng chính là đối tượng thẩm mĩ cho thi ca. Cảnh đẹp không chỉ ở màu sắc, ánh sáng, mà còn ở âm thanh.Nhìn bầy cá bơi lội, nhà thơ lắng nghe tiếng sóng vỗ rì rầm:

*"Đêm thở : sao lùa nước Hạ long"*

- Hình ảnh nhân hoá thật độc đáo. Đêm vẫn thư giãn và thủy triều lên xuống tạo ra hơi thở của đêm. Những đốm sao bạt ngàn in trên mặt nước, trôi dạt trên đầu những ngọn sóng triều đập vào bãi cát được ví như: "*lùa nước Hạ Long*". Sao với nước cũng xuất hiện và tồn tại trong nhịp thở của đêm. Nối những miền không gian lại với nhau, thiên nhiên như bức tranh sơn mài tráng lệ và kỳ ảo.

**\* Khổ 5:** Tiếng hát theo những người dân chài trong suốt cả cuộc hành trình và giờ đây tiếng hát cất lên là để gọi cá vào lưới:

Ta hát hài ca gọi cá vào

Gõ thuyền đã có nhịp trăng cao

- Bài hát căng buồm đưa đoàn thuyền ra khơi, bài hát lại vang lên trong công việc, biến lao động cực nhọc thành niềm vui phơi phới, niềm vui lao động, niềm vui được hòa nhập gắn bó thân thiết với thiên nhiên. Lời ca gọi cá vào lưới nâng cao thêm chất thơ mộng của bức tranh. Người dân chài gõ thuyền xua cá vào lưới, nhưng đây không phải là con người mà là ánh trăng: trăng in xuống dòng nước, sóng vỗ như gõ nhịp vào mạn thuyền xua cá. Hiện thực được trí tưởng tượng sáng tạo thành hình ảnh lãng mạn, giàu chất thơ. Cái nhìn của nhà thơ đối với biển cả và con người là cái nhìn tươi tắn, lạc quan, ông như hòa nhập vào công việc, vào con người, vào biển cả.

- Từ đó, cảm xúc dâng trào, không thể không cất lên tiếng hát, bài ca về lòng biết ơn mẹ biển giàu có và nhân hậu:

*“Biển cho ta cá như lòng mẹ*

*Nuôi lớn đời ta tự buổi nào”*

- Biển ở đây được Huy Cận ví như một người mẹ. Một người mẹ luôn bao dung, che chở cho những đứa con của mình, một người mẹ sẽ luôn dành cho những đứa con những gì tốt đẹp nhất, và luôn luôn là vậy, như câu thơ "*nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra"*, chẳng bao giờ vơi cạn. Thật vậy, *"biển cho ta cá",* luôn hào phóng với chúng ta, không bao giờ giữa lại gì cho riêng mình. Đây là một hình ảnh so sánh thật tài tình, mang đầy lòng biết ơn, kính trọng của Huy Cận với mẹ biển cả, với sự hào phóng của thiên nhiên. Biển đã cho ta, nuôi ta lớn khôn từ những ngày ta còn thơ bé, nuôi lớn chúng ta qua bao thế hệ con người. Phải, chúng ta thực lòng phải cảm tạ biển cả mênh mông đã cho ta của cải, nuôi lớn ta, giúp ta làm giàu cho quê hương đất nước. Lời thơ vang lên như lời tâm tình, như lời thủ thỉ của con người dành cho mẹ biển bao la. Đó là lời cảm ơn, lời biết ơn sâu sắc gửi tới biển, bởi biển hào phóng quá, yêu thương trìu mến quá! Qua phân tích ta thấy con người luôn có khát vọng chiến thắng, làm chủ thiên nhiên nhưng cũng vô cùng biết ơn thiên nhiên.

**\* Khổ 6:** Suốt dọc cả bài thơ là tiếng hát, sau những tiếng hát ca ngợi, những tiếng hát lao động hăng say là tiếng hát niềm vui thu hoạch:

*“Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng,  
Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng.*

*Vẩy bạc đuôi vàng loé rạng đông,  
 Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng*”

*- “Sao mờ”* là khoảng thời gian chuẩn bị trời đã bắt đầu rạng sáng, đó cũng chính là lúc công việc của người ngư dân càng trở nên khẩn trương, mau lẹ để kéo lưới cho kịp trời sáng. Cảnh lao động hiện lên như một bức tranh sống động với những nét tạo hình đầy khỏe khoắn, gân guốc với hình ảnh trung tâm là con người lao động.

- Cụm từ “*kéo xoăn tay”* không chỉ cho thấy những mẻ cá bội thu, nặng trĩu mà đây còn là một nét vẽ tạo hình với những bắp thịt săn chắc của những chàng thanh niên ngư dân cuồn cuộn nổi lên để kéo cá vào khoang thuyền. Từ đó khiến ta chợt nhớ tới câu thơ của nhà thơ Tế Hanh trong bài Quê hương khi cũng viết về dân chài lưới quê mình:

*“Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng*

*Cả thân hình nồng thở vị xa xăm”*

- Ánh nắng hồng của bình minh hòa cùng với sắc màu của cá *“bạc”, “vàng”* có tác dụng tô đậm thêm sự giàu có và quý giá “*rừng vàng biển bạc”* của biển cả mà thiên nhiên ban tặng cho con người. “*Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng”* gợi tả công việc nhịp nhàng của ngư dân với sự vận hành của vũ trụ. Khi lưới xếp lên khoang cũng là lúc đoàn thuyền trở về đón bình minh, kết thúc một ngày lao động vất vả, mệt nhọc. Hình ảnh “*nắng hồng”* ở cuối khổ thơ biểu tượng cho niềm vui, niềm lạc quan tin tưởng vào tương lai, sự hồi sinh mới mẻ của đất nước sau chiến tranh.

**Luận điểm 3: Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về** (khổ cuối)

- Bài ca lao động khép lại trong khổ thơ cuối với hình ảnh đoàn thuyền trở về trong thắng lợi lúc bình minh lên:

*“Câu hát căng buồm với gió khơi*

*Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời*

*Mặt trời đội biển nhô màu mới*

*Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”*

 - Nếu khổ đầu nói lên thời điểm xuất phát thì khổ cuối là thời điểm trở về. Điểm xuất phát lúc mặt trời xuống biển đỏ như hòn lửa thì lúc trở về bình minh mặt trời đội biển lên mang theo một màu mới khép kín một chu trình thời gian và cũng là hoàn thiện một chu trình làm việc của dân chài:

“Câu hát căng buồm cùng gió khơi  
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”

- Câu đầu tác giả lặp lại ở khổ thơ thứ nhất: *“Câu hát căng buồm với gió khơi”.* Chỉ có từ “*với*” là khác, có lẽ tác giả tránh sự lặp lại ở câu thơ trước. Điều đó làm cho khổ thơ cuối giống như điệp khúc của một bài hát, tạo cảm giác tuần hoàn về thời gian, về công việc lao động; nhấn mạnh khí thế tâm trạng của những người dân.

- Đoàn thuyền ra đi hào hứng sôi nổi, nay trở về cũng với tinh thần ấy rất khẩn trương. Câu hát đưa thuyền đi nay câu hát lại đưa thuyền về. Đây là lần thứ ba tiếng hát vang lên. Tiếng hát biểu hiện cho niềm vui của những người đánh cá khi được hưởng thành quả rực rỡ sau một đêm lao động vất vả. Tiếng hát ấy vang lên hùng tráng khi đoàn thuyền đang rẽ sóng trở về. Nhà thơ nhân hóa *“đoàn thuyền”* đang “*chạy đua cùng mặt trời*”, chạy đua cùng thời gian. Hai tiếng “*chạy đua”* cho ta thấy những người dân chài mặc dù suốt đêm làm việc không mệt mỏi nhưng sức lực của họ vẫn dồi dào, khí thế của họ vẫn mạnh mẽ. Được ví như nhãn tự của tác phẩm, Huy Cận nâng tầm con người lên với tầm của vũ trụ.

- Quả cầu lửa của nhân loại, mặt trời lộng lẫy chói chang, giờ đây, đoàn thuyền với những người lao động cũng có thể sánh ngang với mặt trời. Con người thật xứng đáng với tầm vóc chủ nhân biển cả, vẫn muốn dành thời gian để lao động, để cống hiến. Sau một đêm lao động vất vả, họ vẫn dồi dào năng lượng, cũng giống như đất nước và con người Việt Nam, chìm trong chiến tranh, đạn bom loạn lạc, nhưng khi tổ quốc bước vào thời kì xây dựng, người dân vẫn luôn sẵn sàng tiên phong, đi theo tiếng gọi của Tổ quốc.

**-** Mở đầu bài thơ là cảnh hoàng hôn, kết thúc bài thơ là cảnh bình minh “*Mặt trời đội biển nhô màu mới*”. Ánh mặt trời sáng rực, từ từ nhô lên ở phía chân trời xa cảm giác như mặt trời đội biển. Vẻ đẹp tráng lệ của bình minh trên biển được nhà thơ miêu tả sinh động qua biện pháp nhân hóa *“mặt trời đội biển*” gợi cảm giác thần thoại. Mặt trời có sức mạnh lớn lao, dường như nó đang đội biển mà lên và cái *“màu biển”* là màu hồng bình minh, là lời chào đón của thiên nhiên với những người lao động cần cù. Đặc biệt câu thơ cuối cùng gợi ra hình ảnh đoàn thuyền nối đuôi nhau trở về, chiếc nào trên khoang cũng đầy ắp cá. Ánh mặt trời chiếu vào mắt cá khiến cho mỗi mắt cá như một mặt trời nhỏ, lấp lánh. Hình ảnh *“mắt cá huy hoàng”* vừa là thành quả lao động, vừa gợi ra niềm vui, niềm tự hào của những người lao động và cuộc sống mới đầy tốt đẹp đang mở ra trước mắt. Đó là một hình ảnh đầy sáng tạo và lãng mạn.

**3. Đánh giá, mở rộng**

- Nét nghệ thuật đặc sắc và nổi bật của “*Đoàn thuyền đánh cá”* là hình ảnh thơ. Cả bài thơ được dệt bằng nhiều hình ảnh đẹp, đa dạng và tinh tế với nhiều màu sắc. Hầu như ở khổ thơ nào cũng có những hình ảnh đặc sắc, mới mẻ. Nhà thơ đã sáng tạo hình ảnh từ sự quan sát, cảm nhận chính xác về sự vật kết hợp với sự liên tưởng và trí tưởng tượng mạnh bạo cùng với cảm hứng lãng mạn bay bổng. Phương thức nghệ thuật chủ yếu và phổ biến để xây dựng hình ảnh trong bài thơ này là so sánh và ẩn dụ, tượng trưng thêm vào đó là lối phóng đại, khoa trương đã đạt được hiệu quả thẩm mĩ và tạo được dấu ấn riêng cho thi phẩm. Bên cạnh đó thì các yếu tố như lời thơ, nhịp điệu, vần,…cũng tạo nên âm hưởng, giọng điệu khỏe khoắn, tươi vui, mạnh mẽ…góp phần làm nên một bức tranh lao động thật đẹp, thật sống động.

*\* Liên hệ mở rộng*: Từviệc miêu tả cảnh lao động đánh cá của người dân chài trên biển ta lại liên tưởng đến công việc lặng thầm của nhân vật anh thanh niên trong *“Lặng lẽ Sa Pa”* của Nguyễn Thành Long. Họ là hiện thân của vẻ đẹp người lao động một thời. Họ là điển hình cao đẹp của con người lao động mới, con người trưởng thành trong công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Chính họ đã đóng góp một phần công sức lớn lao của mình vào việc đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, là hậu phương vững chắc bảo vệ Tổ quốc thân yêu.

**III. Kết bài**

Với ngòi bút tài hoa, bay bổng cùng cảm hứng về vũ trụ, bài thơ "*Đoàn thuyền đánh cá"* của Huy Cận đã xây dựng thành công hình tượng người lao động mới với những vẻ đẹp đáng trân quý, với tầm vóc lớn lao trên cái nền thiên nhiên bao la, rộng lớn. Hơn nửa thế kỉ đã trôi qua, bài thơ vẫn giữ nguyên vẹn giá trị ban đầu của nó. Và mỗi khi đọc lại, ta vẫn thấy hay trong khi một số bài thơ khác cùng viết về đề tài này đã rơi vào quên lãng.

*==================================================*

**ĐỀ 34: VẺ ĐẸP CỦA BIỂN CẢ VÀ NIỀM VUI CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG TRONG ĐOẠN THƠ SAU CỦA BÀI THƠ “ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ” CỦA HUY CẬN.**

“Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng,Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng,Vảy bạc đuôi vàng loé rạng đông,Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng.

Câu hát căng buồm với gió khơi,Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.Mặt trời đội biển nhô màu mớiMắt cá huy hoàng muôn dặm phơi.”

(Trích ***Đoàn thuyền đánh cá*** - Huy Cận, Ngữ văn 9 Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam 2017)

**I. Mở bài**

Huy Cận là nhà thơ tiêu biểu của nền thơ hiện đại Việt Nam với một hồn thơ dạt dào cảm hứng lãng mạn về thiên nhiên đất nước, con người trong thời đại mới. Bài thơ "Đoàn thuyền đánh cá" được nhà thơ sáng tác vào năm 1958 khi miền Bắc bước vào giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Trong bài thơ ấy, ấn tượng với người đọc nhất có lẽ là 2 khổ thơ cuối của bài thơ. Hai khổ cuối, tác giả khắc họa hình ảnh tráng lệ, thể hiện sự hài hòa giữa thiên nhiên và con người lao động, bộc lộ niềm vui, niềm tự hào của nhà thơ trước đất nước và cuộc sống.

"… Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng

Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng

Vẩy bạc đuôi vàng lóe rạng đông

Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng

Câu hát căng buồm với gió khơi,

Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời.

Mặt trời đội biển nhô màu mới

Mắt cá huy hoàng muôn dặm phơi”

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sang tác**: Bài thơ gồm bảy khổ thơ ghi lại hành trình của một đoàn thuyền đánh cá: ra khơi lúc hoàng hôn, đánh cá một đêm trăng trên Hạ Long, trở về bến lúc rạng đông. Đây là hai khổ thơ thứ 6 và 7 nói lên cảnh kéo lưới lúc mờ sáng và cảnh đoàn thuyền buồm căng gió lộng trở về. Bài thơ được sáng tác trong chuyến đi công tác của Huy Cận tới vùng mỏ Hòn Gai, Quảng Ninh năm 1958 và được in trong tập “*Trời mỗi ngày lại sáng”*.

**- Chủ đề:** Bài thơ được bắt nguồn từ cảm hứng ngợi ca công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội của miền Bắc. Với ý nghĩa đó, thi phẩm "*Đoàn thuyền đánh cá"* là khúc tráng ca, ca ngợi con người lao động với tinh thần làm chủ và niềm vui, niềm tin trước cuộc sống mới trong những năm đầu xây dựng đất nước. Bài thơ có bảy khổ, bố cục bài thơ theo trình tự một chuyến ra khơi của đoàn thuyền đánh cá ra khơi lúc hoàng hôn, đánh cá một đêm trăng trên Hạ Long, trở về bến lúc rạng đông.

**- Vị trí đoạn thơ:** Hai khổ thơ trên thuộc phần cuối của bài thơ là cảnh kéo lưới lúc mờ sáng và cảnh đoàn thuyền buồm căng gió lộng trở về. (Hoặc hai khổ thơ là khúc ca ca ngợi hình ảnh con người lao động với kết quả rực rỡ, ca ngợi vẻ đẹp tươi sáng của bình minh trên biển Hạ Long)

**2. Cảm nhận hai khổ thơ cuối**

**Luận điểm 1: Cảnh kéo lưới lúc sáng (khổ 6)**

- Ra đi từ lúc hoàng hôn buông xuống, sóng cài then, đêm sập cửa, vũ trụ nghĩ ngơi, nay trở về bình minh đang lên rạng rỡ. Trước hết, đó là cảnh khẩn trương, hối hả chuẩn bị cho sự trở về:

*“Sao mờ, kéo lưới kịp trời sáng,  
 Ta kéo xoăn tay chùm cá nặng.*

*Vẩy bạc đuôi vàng loé rạng đông,  
 Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng*”

*- “Sao mờ”* là khoảng thời gian chuẩn bị trời đã bắt đầu rạng sáng, đó cũng chính là lúc công việc của người ngư dân càng trở nên khẩn trương, mau lẹ để kéo lưới cho kịp trời sáng. Cảnh lao động hiện lên như một bức tranh sống động với những nét tạo hình đầy khỏe khoắn, gân guốc với hình ảnh trung tâm là con người lao động.

- Cụm từ “*kéo xoăn tay”* không chỉ cho thấy những mẻ cá bội thu, nặng trĩu mà đây còn là một nét vẽ tạo hình với những bắp thịt săn chắc của những chàng thanh niên ngư dân cuồn cuộn nổi lên để kéo cá vào khoang thuyền. Từ đó khiến ta chợt nhớ tới câu thơ của nhà thơ Tế Hanh trong bài Quê hương khi cũng viết về dân chài lưới quê mình:

*“Dân chài lưới làn da ngăm rám nắng*

*Cả thân hình nồng thở vị xa xăm”*

- Ánh nắng hồng của bình minh hòa cùng với sắc màu của cá *“bạc”, “vàng”* có tác dụng tô đậm thêm sự giàu có và quý giá “*rừng vàng biển bạc”* của biển cả mà thiên nhiên ban tặng cho con người. “*Lưới xếp buồm lên”* là hai hình ảnh đối lập. *“Lưới xếp”* là kết thúc một ngày lao động còn *“buồm lên”* là đón chào một ngày mới. “*Lưới xếp buồm lên đón nắng hồng”* gợi tả công việc nhịp nhàng của ngư dân với sự vận hành của vũ trụ. Khi lưới xếp lên khoang cũng là lúc đoàn thuyền trở về đón bình minh, kết thúc một ngày lao động vất vả, mệt nhọc. Hình ảnh “*nắng hồng”* ở cuối khổ thơ là ẩn dụ đặc sắc. Đó là nắng của một ngày mới, một cuộc đời mới mà cách mạng đem lại cho chúng ta.

**Luận điểm 2: Cảnh đoàn thuyền đánh cá trở về** (khổ cuối)

- Bài ca lao động khép lại trong khổ thơ cuối với hình ảnh đoàn thuyền trở về trong thắng lợi lúc bình minh lên. Nếu khổ đầu nói lên thời điểm xuất phát thì khổ cuối là thời điểm trở về. Điểm xuất phát lúc mặt trời xuống biển đỏ như hòn lửa thì lúc trở về bình minh mặt trời đội biển lên mang theo một màu mới khép kín một chu trình thời gian và cũng là hoàn thiện một chu trình làm việc của dân chài:

“Câu hát căng buồm cùng gió khơi  
Đoàn thuyền chạy đua cùng mặt trời”

- Câu đầu tác giả lặp lại ở khổ thơ thứ nhất: *“Câu hát căng buồm với gió khơi”.* Chỉ có từ “*với*” là khác, có lẽ tác giả tránh sự lặp lại ở câu thơ trước. Điều đó làm cho khổ thơ cuối giống như điệp khúc của một bài hát, tạo cảm giác tuần hoàn về thời gian, về công việc lao động; nhấn mạnh khí thế tâm trạng của những người dân. Đoàn thuyền ra đi hào hứng sôi nổi, nay trở về cũng với tinh thần ấy rất khẩn trương. Câu hát đưa thuyền đi nay câu hát lại đưa thuyền về.

- Đây là lần thứ ba tiếng hát vang lên. Tiếng hát biểu hiện cho niềm vui của những người đánh cá khi được hưởng thành quả rực rỡ sau một đêm lao động vất vả. Tiếng hát ấy vang lên hùng tráng khi đoàn thuyền đang rẽ sóng trở về. Nhà thơ nhân hóa *“đoàn thuyền”* đang “*chạy đua cùng mặt trời*”, chạy đua cùng thời gian. Hai tiếng “*chạy đua”* cho ta thấy những người dân chài mặc dù suốt đêm làm việc không mệt mỏi nhưng sức lực của họ vẫn dồi dào, khí thế của họ vẫn mạnh mẽ. Được ví như nhãn tự của tác phẩm, Huy Cận nâng tầm con người lên với tầm của vũ trụ.

- Quả cầu lửa của nhân loại, mặt trời lộng lẫy chói chang, giờ đây, đoàn thuyền với những người lao động cũng có thể sánh ngang với mặt trời. Con người thật xứng đáng với tầm vóc chủ nhân biển cả, vẫn muốn dành thời gian để lao động, để cống hiến. Sau một đêm lao động vất vả, họ vẫn dồi dào năng lượng, cũng giống như đất nước và con người Việt Nam, chìm trong chiến tranh, đạn bom loạn lạc, nhưng khi tổ quốc bước vào thời kì xây dựng, người dân vẫn luôn sẵn sàng tiên phong, đi theo tiếng gọi của Tổ quốc.

**-** Mở đầu bài thơ là cảnh hoàng hôn, kết thúc bài thơ là cảnh bình minh “*Mặt trời đội biển nhô màu mới*”. Ánh mặt trời sáng rực, từ từ nhô lên ở phía chân trời xa cảm giác như mặt trời đội biển. Vẻ đẹp tráng lệ của bình minh trên biển được nhà thơ miêu tả sinh động qua biện pháp nhân hóa *“mặt trời đội biển*” gợi cảm giác thần thoại. Mặt trời có sức mạnh lớn lao, dường như nó đang đội biển mà lên và cái *“màu biển”* là màu hồng bình minh, là lời chào đón của thiên nhiên với những người lao động cần cù. Đặc biệt câu thơ cuối cùng gợi ra hình ảnh đoàn thuyền nối đuôi nhau trở về, chiếc nào trên khoang cũng đầy ắp cá. Ánh mặt trời chiếu vào mắt cá khiến cho mỗi mắt cá như một mặt trời nhỏ, lấp lánh.

- Hình ảnh *“mắt cá huy hoàng”* vừa là thành quả lao động, vừa gợi ra niềm vui, niềm tự hào của những người lao động và cuộc sống mới đầy tốt đẹp đang mở ra trước mắt. Đó là một hình ảnh đầy sáng tạo và lãng mạn.

**3. Đánh giá, mở rộng**

- Với cách sử dụng màu sắc, cách vận dụng các thủ pháp nghệ thuật như ẩn dụ, nhân hóa, sử dụng kết cấu đầu cuối tương ứng , Huy Cận đã sáng tạo được nhiều hình ảnh đẹp, đầy ý nghĩa. Hai khổ thơ cuối toát lên vẻ đẹp của vùng biển quê hương, là niềm vui của con người đã làm chủ thiên nhiên, làm chủ cuộc sống.

*\* Liên hệ mở rộng:* Hình ảnh của con người lao động trong bài khiến ta liên tưởng đến những con người lao động trong *“Lặng lẽ Sa Pa”* của Nguyễn Thành Long. Họ là anh thanh niên, anh cán bộ nghiên cứu sét, anh kĩ sư vườn rau,…Họ là hiện thân của vẻ đẹp người lao động một thời. Họ là điển hình cao đẹp của con người lao động mới, con người trưởng thành trong công cuộc xây dựng Chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Chính họ đã đóng góp một phần công sức lớn lao của mình vào việc đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, là hậu phương vững chắc bảo vệ Tổ quốc thân yêu.

**III. Kết bài**

Với hai khổ thơ cuối Huy Cận đã vẽ lên trước mắt người đọc bức tranh sau một đêm lao động vất vả, người dân cùng nhau kéo lưới, về bến. Đồng thời thông qua đó thể hiện niềm tin vào cuộc sống mới, người dân được hạnh phúc ấm no " *đón nắng hồng*" trong cuộc sống xã hội chủ nghĩa. Hơn nửa thế kỉ đã trôi qua, bài thơ vẫn giữ nguyên vẹn giá trị ban đầu của nó. Phần nào, bài thơ giúp chúng ta hiểu được chân dung tinh thần mới của Huy Cận sau bao biến cố lịch sử trọng đại của đất nước và dân tộc – một Huy Cận trữ tình cách mạng.

**===============================================**

**BẾP LỬA**

*(Bằng Việt)*

**ĐỀ 35: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ HÌNH ẢNH NGƯỜI BÀ TRONG BÀI THƠ «  BẾP LỬA » CỦA NHÀ THƠ BẰNG VIỆT.**

**1. Mở bài**

Từ xưa đến nay hình tượng người phụ nữ Việt Nam đã đi vào rất nhiều tác phẩm thơ ca và không thể không thể kể đến bài thơ « Bếp Lửa » của Bằng Việt. Bài thơ « Bếp lửa » đã xây dựng hình tượng người bà đó là sự kết tinh của những vẻ đẹp truyền thống của người phụ nữ Việt Nam: tần tảo, lam lũ, giàu đức hi sinh, tinh thần chịu đựng và yêu thương con cháu vô bờ bến.

**2.Thân bài**

**\*Khái quát:**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ « Bếp lửa » được sáng tác năm 1963 khi tác giả đang là sinh viên ngành luật tại Liên Xô cũ. Bên này nỗi nhớ thương bà, bên kia là đứa cháu hiếu thảo tình nghĩa. Nỗi nhớ gợi về kỉ niệm. Trong muôn vàn kỷ niệm thì có lẽ nhớ thương nhất là hình ảnh người bà và bếp lửa mà bà nhóm nên mỗi buổi sớm mai.Theo dòng hoài niệm những mảng kí ức cứ hiện về, ta thấy hình ảnh một bếp lửa đang cháy và dáng bà đang lặng lẽ ngồi bên. Hình ảnh bà luôn gắn với hình ảnh bếp lửa.

**1. Trong ánh lửa chập chờn ta thấy hình ảnh bà hiện lên trong dáng vẻ lam lũ, cuộc sống đói nghèo, đất nước có chiến tranh.**

*« Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa »*

« Nắng mưa » là hình ảnh ẩn dụ chỉ những gian nan, vất vả của cuộc đời bà, đầy gian truân, vất vả nhiều lận đận trải qua nhiều « nắng mưa » tưởng như không bao giờ dứt. Cuộc đời bà còn gắn với những thăng trầm của lịch sử. Đó là nạn đói năm 1945 khiến hàng vạn người chết đói.

*«  Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi*

*Bố đi đánh xe khô rạc ngựa gầy »*

 Thành ngữ « đói mòn, đói mỏi » cho thấy cái đói kéo dài kiệt sức.

**2. Bà con là người yêu thương con cháu vô bờ bến, có ý thức trách nhiệm với vận mệnh đất nước**.

- Khi đất nước có chiến tranh bà lẳng lặng thay con nuôi cháu hai con nuôi cháu, để con bà phục vụ kháng chiến. Trong suốt 8 năm ròng bà đã vượt lên khó khăn, gian khổ sưởi ấm lòng cháu bằng ngọn lửa của tình yêu thương.

*« Tám năm rồng cháu cũng ba nhóm lửa*

*Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe*

*Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học »*

- Các từ ngữ : « bà dạy, bà bảo, bà chăm » đã diễn ra một cách thấm thía, sâu sắc tấm lòng của bà tình yêu thương của bà bao la, sự chăm chút của bà với một đứa cháu nhỏ. Các từ « bà, cháu » được lặp đi lặp lại gợi tả tình bà cháu quấn quýt thiêng liêng và là chỗ dựa vững chắc cho cháu. Ở bà có sự kết hợp cao quý giữa công cha, nghĩa mẹ, ơn thầy. Chính vì thế mà cháu nhớ về bà với tấm lòng thành kính.

**3. Sống trong cuộc sống đói nghèo, trong hoàn cảnh đất nước khó khăn, thiếu thốn, trong cảnh đất nước có chiến tranh, có mỗi lo giặc tàn phá xóm làng.**

*« Năm giặc đốt làng chạy tàn, cháy rụi »*

 - Nhưng bà vẫn vượt qua với một nghị lực bền vững. Lời dặn của bà với cháu nôn nao, chân thực và cảm động:

*« Vẫn vững lòng bà dặn cháu đinh linh*

*Bố ở chiến khu, bố còn việc bố*

*Bố mày có viết thư chớ kể này, kể nọ*

*Cứ bảo nhà vẫn được bình yên »*

- Bà dặn cháu đừng kể khó khăn, thiếu thốn hai bà cháu, xóm làng, quê hương đã phải chịu đựng để bố yên tâm công tác. Từ láy «  đinh ninh » càng làm sáng tỏ nghị lực của bà. Bà vẫn vững lòng trước mọi khó khăn, thử thách làm tròn nghĩa vụ của người hậu phương để người ở tiền tuyến yên tâm công tác. Lời dặn dò trực tiếp của bà với cháu không chỉ giúp ta hình dung rõ ràng giọng nói, tình cảm, suy nghĩ của bà mà lời dặn dò còn sáng lên những phẩm chất của người phụ nữ Việt Nam : bình tĩnh, tự tin, âm thầm chịu đựng giàu đức hi sinh và luôn vững tin trong những ngày gian khổ nhất.

 - Ở bài thơ « Bếp lửa » hình ảnh người bà còn nổi bật với tấm lòng yêu thương mênh mông. Bà là người phụ nữ mang vẻ đẹp của tình đoàn kết xóm làng. Bà đã tạo được tình cảm tốt đẹp với những người xung quanh.Bà đã «  Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui », tạo tình làng nghĩa xóm. Và chính những người hàng xóm, láng giềng là những người giúp đỡ bà khi có những biến cố xảy ra.

- Cao hơn nữa ở bà có tình yêu đất nước sâu sắc. Vì muốn các con yên tâm công tác, làm tròn nhiệm vụ với đất nước, bà đã dặn cháu không được kể những khó khăn mà hai bà cháu ở nhà phải trải qua.

**4. Không những vậy bà còn là người tần tảo,chịu thương, chịu khó, giàu đức hi sinh, chăm lo cho mọi người của bà được tác giả thể hiện một cách chi tiết và tiêu biểu:**

*« Mấy chục năm rồi đến tận bây giờ*

*Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm*

*Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm »*

 - Thời gian trôi đi mấy chục năm rồi hình ảnh bà vẫn không có gì thay đổi. « Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm » vẫn chịu thương, chịu khó, cần mẫn,dẻo dai, dịu dàng và khéo léo trong công việc nhóm lửa bếp lửa. Bếp lửa bà nhóm lên mỗi sớm mai là nhóm lên những yêu thương, niềm vui sưởi ấm san sẻ.

*«  Nhóm niềm yêu thương khoai sắn ngọt bùi*

*Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung đôi*

*Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ. »*

- Bà đã nhóm lên, khơi dậy niềm yêu thương những ký ức đẹp đẽ trong cuộc đời « nhóm niềm yêu thương », bà đã truyền hơi ấm tình người, khởi hơi dậy trong tâm hồn cháu tình yêu thương ruột thịt, tình cảm sẻ chia, tình đoàn kết xóm làng và rộng ra hơn nữa là tình yêu quê hương đất nước. « nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui ». Và cũng chính từ công việc nhóm lửa bà đã không sợ những kỉ niệm ấu thơ trong cháu để cháu luôn nhớ về nó và cũng có nghĩa là nhớ về cội nguồn, về dân tộc mình «  Nhóm dạy cả những tâm tình tuổi nhỏ ». Bếp lửa không chỉ được bà nhen lên bằng nhiên liệu ở bên ngoài, mà còn nhen lên từ ngọn lửa trong lòng bà bằng ngọn lửa của sự sống, tình yêu thương và niềm tin.

*« Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*

*Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn*

*Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng »*

- Ngọn lửa đã tỏa sáng chân dung người bà, là biểu tượng của sự sống bất diệt như thế bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn truyền lửa, ngọn lửa của sự sống niềm tin cho các thế hệ nối tiếp.

**\*Đánh giá:** Hình ảnh người bà hiện lên trong bài thơ «  Bếp lửa » qua thơ tám chữ : sáng tạo hình ảnh bếp lửa vừa thực, vừa mang ý nghĩa biểu tượng cảm xúc thông qua sự hồi tưởng kết hợp giữa tả tự sự và bình luận.

**3. Kết bài**

  Bài thơ « Bếp lửa » đã hiện lên hình ảnh người bà - Người phụ nữ Việt Nam giàu đức hi sinh, giàu tình yêu thương. Hình ảnh người bà đã đã sinh thành, nhen nhóm, duy trì sự sống. Bà đã nuôi cháu khôn lớn giữa muôn vàn khó khăn, đã cho con đi chiến đấu vì đất nước, vì dân đã âm thầm vượt qua mọi khó khăn, thiếu thốn của cuộc sống chiến tranh với một niềm tin và hi vọng. Bà là biểu tượng cho vẻ đẹp của người phụ nữ Việt Nam. Chính những người như bà đã làm nên cuộc sống tươi đẹp hơn cho quê hương, đất nước.

**===============================================================**

**ĐỀ 36: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ ĐOẠN THƠ SAU TRONG BÀI THƠ ” BẾP LỬA” CỦA BẰNG VIỆT:**

Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờBà vẫn giữ thói quen dậy sớmNhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm,Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi, Nhóm niềm xôi gạo mới, sẻ chung vui, Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ...Ôi kỳ lạ và thiêng liêng - bếp lửa!”

Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu,Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả, Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở: Sớm mai này, bà nhóm bếp lên chưa?...

(Ngữ văn , tập 1, NXB Giáo dục, 2016, tr. 144 - 145)

**I. Mở bài**

**Cách 1:**

Bằng Việt là một trong những nhà thơ trưởng thành trong thời kỳ kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Với giọng văn tự sự, trữ tình riêng biệt, ông đã có những tập thơ để lại dấu ấn sâu sắc trong lòng người. Bài thơ “Bếp lửa” là một thi phẩm thơ nổi tiếng của ông, là một trong những sáng tác xuất sắc nhất của ông khi khắc họa lại những ký ức về người bà ở quê nhà trong những năm tháng tác giả xa quê hương. Đặc biệt những kỉ niệm về tuổi thơ đầy gian khó khi được ở bên bà, được bà chăm sóc, yêu thương đã được Bằng Việt thể hiện qua khổ thơ trên.

**Cách 2:**

Quê hương đã trở thành nguồn cảm hứng đề tài bất tận cho nhiều tác giả để viết lên những thi phẩm nổi tiếng. Trong đó có nhà thơ Bằng Việt với bài thơ nổi tiếng «  Bếp lửa ». Qua sự hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu «Bếp lửa» đã gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu, trân trọng, biết ơn của người cháu đối với bà, cũng như đối với gia đình, quê hương, đất nước. Đặc biệt những kỉ niệm về tuổi thơ đầy gian khó khi được ở bên bà, được bà chăm sóc, yêu thương đã được Bằng Việt thể hiện qua khổ thơ trên.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ Bếp lửa được sáng tác năm 1963 khi tác giả rời xa quê hương học ngành luật ở Nga.

**- Chủ đề:** Bài thơ có nhan đề “Bếp lửa”- một hình ảnh rất đỗi quen thuộc trong đời sống con người Việt Nam thưở trước. Song với riêng nhà thơ, bếp lửa luôn gắn liền với hình ảnh của bà và những kỉ niệm tuổi thơ khóc nhọc. Năm khổ đầu của bài là những kỉ niệm như thế, hiện lên qua dòng hổi tưởng của nhà thơ, để đến khổ sáu, chúng ta được lắng nghe những suy ngẫm về bà với đầy tình yêu thương và lòng biết ơn sâu nặng.

**-Vị trí đoạn thơ:** Đoạn thơ trên thuộc phần cuối của bài thơ thể hiện những suy nghĩ của cháu về bà và cuộc đời bà để từ đó bộc lộ nỗi nhớ da diết của người cháu về bà, lòng biết ơn trân trọng của nhà thơ đối với bà cũng là lòng biết ơn với quê hương đất nước.

**2.Cảm nhận hai khổ thơ**

**Luận điểm 1: Suy nghĩ về cuộc đời bà và bếp lửa**

*\* Dẫn dắt:* Xuyên suốt cả bài thơ là bao nhiêu kỷ niệm thời thơ ấu bên bà. Được bà chăm sóc, được bà dạy, bà chứng kiến sự trưởng thành của cháu. Như một thước phim quay chậm, mọi kỷ niệm ùa về trong tâm trí tác giả khiến ông bồi hồi, xúc động. Hồi ức vẫn còn đó, hiện tại trong tâm trí nhà thơ chợt xuất hiện những dòng suy ngẫm với triết lí sâu xa:

- Hình ảnh bà luôn gắn liền vời hình ảnh bếp lửa, ngọn lửa. Có thể nói bà là người ***“****nhóm lửa”,* lại cũng là người giữ cho ngọn lửa luôn ấm nóng và toả sáng trong mỗi gia đình. Hình ảnh bà càng hiện rõ nét cụ thể với những phẩm chất cao quý. Trước hết bà là người phụ nữ tảo tẩn, nhẫn nại, giàu tình yêu thương và đức hi sinh:

“*Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa....*

*.... Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ”*

- Nhà thơ đã gói ghém cả cuộc đời bà bằng một câu thơ với nghệ thuật đảo ngữ “Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa”. Bốn chữ “lận đận đời bà” với cụm tù “biết mấy nắng mưa” đã gợi ra sự dài dặc của thời gian, sự vất vả, nhọc nhằn, khổ cực, chênh vênh của một đời người. Bà đã kiên cường vượt qua mọi “*mưa nắng”* cuộc đời để trở thành chỗ dựa cho con cháu.

- Cuộc đời bà là một cuộc đời đầy gian truân, vất vả, nhiều lận đận, trải qua nhiều nắng mưa tưởng như không bao giờ dứt. Hình ảnh của bà cũng là hình ảnh của bao người phụ nữ Việt Nam giàu đức hy sinh dù gian truân vất vả vẫn sáng lên tình yêu thương.

Và qua “mấy chục năm”, “đến tận bây giơ”, bà vẫn chẳng nghỉ ngơi. Bà vẫn giữ thói quen cũ “dậy sớm”và “nhóm bếp lửa” cũng như giữ trọn tình yêu thương mà bà đã dành cho con, cho cháu mấy chục năm qua. Điệp từ "*nhóm"* được lặp đi lặp lại nhiều lần trong khổ thơ như lời khẳng định: bà chính là người nhóm lên trong lòng cháu ngọn lửa của tình yêu thương, của đức hy sinh cao cả.

- Khi nhóm lên *"lửa ấp iu nồng đượm",* bà đã dạy cho cháu tình yêu thương những người ruột thịt. Nhóm tình quê "*khoai sắn ngọt bùi*", bà dạy cháu tình yêu thương xóm làng, yêu mảnh đất quê nghèo.

- "*Nhóm nồi xôi gạo mới mẻ chung vui",* bà dạy cháu phải luôn mở lòng ra với mọi người xung quanh.Và cũng từ đó, bà cũng nhắc nhở cháu rằng không bao giờ được quên đi những năm tháng nghĩa tình, những năm tháng khó khăn mà hai bà cháu đã cùng trải qua. Không chỉ nhóm lên ngọn lửa đó ấm nồng và cháy sáng mãi trong lòng mọi người. Người bà kì diệu ấy đã nhóm dậy, khơi dậy, giáo dục, bồi đắp cho người cháu về cả thể xác lẫn tâm hồn, về ước mơ, lẽ sống của "*tâm tình tuổi nhỏ".* Bếp lửa của bà khó khăn, nhọc nhằn, vất vả.

- Bà nuôi cháu khôn lớn bằng bếp lửa ấy. Vậy mà giờ đây, cháu đã du học tận trời Nga xa xôi, xa bà, xa quê hương, xa Tổ quốc. Cuộc đời của cháu như một câu chuyện cổ tích. Và ở đấy, bà là bà tiên hiền hậu, luôn nâng đỡ từng bước đi của cháu. Cháu đã trưởng thành từ bếp lửa của bà. Từ cuộc sống nghèo khổ, bà ươm mầm ước mơ cho cháu đi du học phương xa.

- Tất cả những gì cháu có được ngày hôm nay chính là nhờ ngọn lửa trong bà, ngọn lửa ấy chắp cánh cho người cháu tự tin bay vào cuộc đời cao rộng.

Khám phá ra những ý nghĩa kì diệu, cao cả, thiêng liêng từ bếp lửa của bà, cháu sung sướng reo lên:

"Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!"

- Từ nơi phương xa, cháu vẫn luôn nhớ về bà với niềm xúc động mãnh liệt. Phép đảo ngữ, câu cảm thán với từ *“ôi”* đặt ở đầu câu bộc lộ sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng và vui sướng của cháu. “Bếp lửa”- “kì lạ và thiêng liêng” hay chính tình bà nặng sâu và diệu kì đến thế? Câu thơ chỉ có tám chữ mà có sức lan tỏa vô cùng. Bếp lửa ấy luôn hiện diện cùng bà, tỏa sáng vẻ đẹp của bà. Đứa cháu nhỏ ấy cảm thấy thật bất ngờ khi phát hiện ra những điều kì diệu thiêng liêng từ những thứ bình thường, giản dị. Cháu nhớ về bà, về bếp lửa cũng chính là nhớ về quê hương cội nguồn với tấm lòng tri ân sâu nặng.

**Luận điểm 2: Nỗi nhớ của cháu đối với bà và bếp lửa**

- Suốt dọc bài thơ 10 lần hình ảnh bếp lửa xuất hiện là 10 lần cháu nhớ tới bà và khổ thơ kết thúc này nỗi nhớ càng trào dâng mãnh liệt được tác giả bộc lộ:

"Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu  
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả  
Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhớ:  
- Sớm mai này bà nhóm lửa lên chưa?..."

- Đứa cháu năm xưa giờ đã trưởng thành “*Giờ cháu đã đi xa”. Có ngọn khói trăm tàu/ Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả”.* Dấu chấm xuất hiện ở giữa dòng thơ tạo thành một sự ngắt nhịp dài giống như quá khứ đã trôi đi quá xa so với hiện tại.

- Điệp từ *“trăm”* mở ra một thế giới rộng lớn với bao điều mới mẻ. Tuổi thơ đã lùi xa, đứa cháu nhỏ năm xưa giờ đã lớn khôn, đã được chắp cánh bay cao, bay xa đến những chân trời cao rộng có *“ khói trăm tàu”,”lửa trăm nhà”,”niềm vui trăm ngả”.*

- Tuy thế, cháu vẫn khôn nguôi nhớ về bà và bếp lửa quê hương, nhớ về góc bếp, nơi nắng mưa hai bà cháu có nhau. . Mỗi ngày cháu đều tự hỏi *“Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?”.* Cháu sẽ không bao giờ quên và chẳng thể nào quên được vì đó chính là nguồn cội, là nơi mà tuổi thơ của cháu được nuôi dưỡng để lớn lên từ đó. Bà và quê hương yêu dấu là điểm tựa, là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho cháu trên mỗi bước đường đời.

- Bếp lửa đã trở thành tấm lòng, niềm tin thiêng liêng kì diệu nâng bước cháu trên hành trình dài rộng của cuộc đời có nghĩa là từ một bếp lửa đơn sơ, giản dị của bà nhiều bếp lửa khác đã được nhen lên, sự sống cứ thế truyền đời, bất diệt. Đến đây ta có thể khẳng định: bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa, truyền lửa, truyền niềm tin. Bếp lửa đã nâng cao để trở thành biểu tượng cho tình nghĩa gia đình, tình yêu quê hương, đất nước. Câu hỏi tu từ và dấu chấm lửng khép lại bài thơ đã tạo ra một kết thúc mở với nỗi nhớ khôn nguôi và niềm hoài vọng thiết tha, đau đáu.

**3. Đánh giá, mở rộng**

- Đoạn thơ đã kết hợp nhuần nhuyễn giữa biểu cảm với miêu tả, tự sự và bình luận, lời thơ có tính triết lí sâu sắc, phép đảo ngữ và điệp từ được sử dụng rất hiệu quả.Thành công của đoạn thơ còn ở sự sáng tạo vừa chân thực vừa giàu ý nghĩa biểu tượng: hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà, làm điểm tựa khơi gợi mọi kỉ niệm, cảm xúc và suy nghĩ về bà và tình bà cháu.

- Đó cũng là người bà trong "*Tiếng gà trưa*" của Xuân Quỳnh, là bao người mẹ, người chị dịu dàng,đằm thắm đã tô đậm trang sử vàng chói lọi của truyền thống người phụ nữ Việt Nam anh hùng. Khép lại bài thơ, hình ảnh người bà vẫn cứ lặng lẽ tỏa sáng, nhóm lên trong lòng người đọc tình cảm mến yêu, kính phục và cả lòng biết ơn sâu sắc.

**III. Kết bài**

Qua hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, đoạn trích và bài thơ Bếp lửa gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu đồng thời thể hiện lòng kính yêu trân trọng và biết ơn của người cháu đối với bà và cũng là đối với gia đình, quê hương, đất nước. Gấp trang thơ lại, lòng ta dấy lên bao cảm xúc tốt đẹp: yêu bà, yêu gia đình và yêu quê hương đất nước. Chúng ta càng cảm phục trước một Bằng Việt khéo léo và tinh tế trong cách sử dụng từ ngữ. Các câu thơ đặc sắc sẽ sáng mãi, ngân mãi trong lòng bạn đọc.

*=============================================*

**ĐỀ 37: PHÂN TÍCH ĐOẠN THƠ SAU ĐỂ THẤY ĐƯỢC DÒNG HOÀI NIỆM ĐẸP ĐẼ CỦA NGƯỜI CHÁU VỀ TUỔI THƠ SỐNG BÊN BÀ.**

*Tám năm ròng, cháu cùng bà nhóm lửa*

*Tu hú kêu trên những cánh đồng xa*

*Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà?*

*Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế.*

*Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!*

*Mẹ cùng cha công tác bận không về,*

*Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe,*

*Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học,*

*Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc,*

*Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà,*

*Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?*

*(Trích Bếp lửa - Bằng Việt - Ngữ văn 9, NXBGD Việt Nam, 2017)*

**I. Mở bài**

Quê hương đã trở thành nguồn cảm hứng đề tài bất tận cho nhiều tác giả để viết lên những thi phẩm nổi tiếng. Trong đó có nhà thơ Bằng Việt với bài thơ nổi tiếng «  Bếp lửa ». Qua sự hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu «Bếp lửa» đã gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu, trân trọng, biết ơn của người cháu đối với bà, cũng như đối với gia đình, quê hương, đất nước. Đặc biệt những kỉ niệm về tuổi thơ đầy gian khó khi được ở bên bà, được bà chăm sóc, yêu thương đã được Bằng Việt thể hiện qua khổ thơ trên.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ “Bếp lửa” được sáng tác năm 1963, khi tác giả 19 tuổi và đang học ngành Luật ở Liên Xô. Tác phẩm viết theo thể thơ tự do và được đưa vào tập thơ “Hương cây **-** Bếp lửa”, tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ. Bằng sự kết hợp hài hòa giữa biểu cảm với tự sự, miêu tả và nghị luận, bài thơ đã xây dựng hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà và là điểm tựa khơi gợi mọi cảm xúc và suy nghĩ về tình bà cháu.

**- Chủ đề:** Mạch cảm xúc của bài thơ đi từ hồi tưởng đến hiện tại, từ kỉ niệm đến suy ngẫm. Điều đó được gợi ra qua hình ảnh bếp lửa quê hương và hình ảnh người bà. Từ đó mà người cháu (chính là Bằng Việt) bộc lộ nỗi nhớ về những kỉ niệm thời ấu thơ và được sống trong sự yêu thương, chăm sóc của bà. Đồng thời thể hiện niềm biết ơn, sự kính trọng của người cháu đối với người bà, đối với gia đình, đối với quê hương, đất nước.

**- Vị trí đoạn thơ :** Đoạn thơ trên nằm ở phần 2 của bài. Đây là đoạn thơ đầy xúc động nhắc lại kỉ niệm êm đềm sâu sắc một thời gian khổ của bà và cháu.

**2. Phân tích, cảm nhận**

- Ở một đất nước xa xôi, cô quạnh, bao nhiêu ký ức về người bà một đời khắc khổ nuôi ông lớn khôn hiện hữu về như mới ngày hôm qua:

“*Tám năm ròng, cháu cùng bà nhóm lửa*

*Tu hú kêu trên những cánh đồng xa*

*Khi tu hú kêu, bà còn nhớ không bà?*

*Bà hay kể chuyện những ngày ở Huế.*

*Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!*”

- Giọng thơ thủ thỉ như kể một câu chuyện cổ tích. Đó là những năm tháng của cuộc sống gian khổ, cơ cực mà đứa cháu lớn lên trong sự che chở, đùm bọc, cưu mang của người bà. Tám năm. Tám năm kháng chiến. Tám năm khó khăn. Tám năm trời dài đằng đẵng với bao kỉ niệm buồn vui bên bà, bên bếp lửa. Tám năm- một quãng thời gian không dài nhưng cũng chẳng ngắn đủ cho cháu cảm nhận được tình yêu thương của bà dành cho cháu. Một cuộc sống đầy ắp khó khăn, khổ cực nhưng đầy tình yêu thương từ bà. Bà biết không, đó chính là cuộc sống cháu mong muốn bởi cháu được ở với bà, chơi với bà, tâm sự với bà.

- Người bà vẫn cứ như vậy, vẫn cứ tần tảo, cứ trở đi trở lại trong văn học Việt Nam. Trong tác phẩm “*Đò lèn”*, nhà thơ Nguyễn Duy cũng miêu tả hình ảnh người bà lam lũ, vất vả, chịu thương chịu khó:

*“Tôi đâu biết bà tôi cơ cực thế  
Bà mò cua xúc tép ở Đồng Quan  
Bà đi gánh chè xanh Ba Trại  
 Quán Cháo, Đồng Giao thập thững đêm hàn.”*

- Nếu trong hồi ức lúc tác giả lên bốn tuổi, ấn tượng đậm nét nhất là mùi khói thì ở đây, ấn tượng ấy là tiếng **chim tu hú**. Tiếng chim tu hú vang lên vừa gợi lại trong tâm hồn tác giả bao kỉ niệm khó quên, vừa dấy lên nỗi nhớ quê hương, nhớ nhà, nhớ bà, nhớ bếp lửa.

Tiếng chim tu hú gợi về những buổi mai, hai bà cháu cùng nhau nhóm lửa giữa không gian mênh mông, cô quạnh. Tiếng chim lúc mơ hồ, vang vọng từ “*những cánh đồng xa”*, lúc lại gần gũi, xót xa, nghe “*sao mà tha thiết thế”.* Tiếng chim tu hú như giục giã, khắc khoải điều gì da diết lắm khiến cho lòng người trỗi dậy những hoài niệm, nhớ mong. Nhà thơ Anh Thơ cũng từng đồng điệu với những cảm xúc ấy:

*“Con đi dài thương nhớ    
Mười năm chưa về quê    
Tu hú ơi tu hú   
Kêu chi hoài vườn xanh?”*

- Nỗi lòng của chim tu hú “*kêu chi hoài trên những cánh đồng xa”* đâu có khác gì với nỗi nhớ mong bà sâu sắc của đứa cháu nơi xứ người. Tiếng chim ấy khiến lòng người như trỗi dậy bao hoài niệm, nhớ mong da diết, âm vang trong tim người đọc.

- Những kỉ niệm trôi theo một nhạc điệu tâm tình thủ thỉ, chậm rãi đầy nhung nhớ đã đưa ta về với tuổi thơ sống bên bà và đầy ắp tình bà cháu của tác giả.  
- Nhà thơ đang kể chợt quay sang trò chuyện với bà, tưởng như bà đang ngồi đối diện “*bà còn nhớ không bà”.* Bà có nhớ những câu chuyện bà vẫn thường kể, những câu chuyện cổ tích hằng đêm, dưới ánh trăng sáng, cháu ngồi trong lòng bà, đu đưa trên chiếc võng, vừa nghe bà kể vừa mân mê những sợi tóc bạc của bà hay những câu chuyện về các anh bộ đội cụ Hồ dũng cảm, xả thân vì nước, vì dân? Bà có nhớ những việc làm tận tụy đầy yêu thương của bà dành cho cháu, nhất là trong những buổi chiều hai bà cháu ngồi nhóm bếp? Làm sao cháu có thể quên được hồi ấy:

“Mẹ cùng cha công tác bận không về

Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe

Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học

Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc”.

- Tình thương của bà là sự bảo ban, chăm sóc không khác gì công ơn sinh thành và nuôi dưỡng. Một loạt các từ ngữ *“bà bảo”,”bà dạy”,”bà chăm”* vừa diễn tả một cách sâu sắc tình thương bao la, sự chăm chút hết mình của người bà dành cho cháu, vừa thể hiện được lòng biết ơn của cháu đối với bà. Đối với tác giả, bà chính là mẹ, là cha, là người thầy dạy dỗ cháu nên người.

- Bà là người chăm chút cho cháu từ cái ăn, cái mặc đến việc học hành. Bà dạy cháu những bài học quý giá về đạo làm người, dạy cho cháu niềm tự hào về dân tộc ta, một dân tộc bất khuất, kiên cường, không bao giờ chịu khuất phục để bảo vệ quê hương Việt Nam. Tình yêu và kính trọng bà của tác giả được thể hiện thật chân thành, sâu sắc: “*Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc”.*

*-* Chỉ một mình chữ “t*hương*” thôi cũng đã đủ gói ghém tất thảy tình yêu thương, sự kính trọng và niềm biết ơn sâu nặng mà người cháu dành cho bà của mình.Đối với cháu, bà và tình yêu thương sâu lắng của bà dành cho cháu sẽ luôn là một chỗ dựa tinh thần vững chắc, là điểm tựa của tâm hồn cháu mỗi khi cháu gặp thất bại, khó khăn.

- Đến tận bây giờ, dù đang du học nơi xứ người, đang đứng dưới trời tiết giá lạnh, cháu vẫn cảm nhận được cái ấm áp của tình yêu thương, của sự vỗ về, chăm sóc của bà. Càng nghĩ về bà, cháu lại càng thương bà hơn. Thương bà ở một mình dưới túp lều tranh xiêu vẹo, thương bà mỗi ngày một mình nhóm lửa, lòng luôn cầu mong đứa cháu được bình an. Từ tình yêu thương sâu sắc của mình dành cho bà, tác giả quay sang khẽ trách con chim tu hú:

“Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?”

- Tác giả đang trách chim tu hú mãi bay xa ngoài các cánh đồng, không đến ở cùng với bà đỡ cô quạnh, đỡ buồn tủi hay tác giả đang trách sự vô tâm, bất lực của chính bản thân mình? Câu hỏi tu từ :

“*Tu hú ơi chẳng đến ở cùng bà*

*Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa”*

- Như một lời than thở thật tự nhiên, cảm động vô cùng chân thật, thể hiện nỗi nhớ thương da diết người bà của đứa cháu. Những câu thơ giống như lời đối thoại tâm tình của và bà trò chuyện trong tâm tưởng. Tất cả như lời giãi bày, tâm sự của cháu dành cho bà. Hình ảnh của bà, hình ảnh của bếp lửa và âm thanh của chim tu hú vang vọng trong một không gian mênh mông khiến bài thơ như phủ sắc bàng bạc của không gian hoài niệm, của tình bà cháu đẹp như trong truyện cổ tích.

- Tiếng chim tu hú khép lại khổ thơ mà cứ như xoáy sâu vào tâm trí kẻ xa quê đang dáo dác kiếm tìm những kỉ niệm yêu thương… Âm điệu trong khổ thơ thật da diết, trầm buồn, phù hợp với tâm trạng của thi sĩ: nỗi nhớ quê, nhớ bà da diết, sâu đậm, day dứt…

**3. Đánh giá, mở rộng**

- Bằng thể thơ tám chữ có giọng điệu phù hợp với cảm xúc và suy ngẫm cùng với những hình ảnh quen thuộc: hình ảnh bếp lửa,  tiếng chim tu hú,…vừa mang ý nghĩa tả thực vừa mang khả năng liên tưởng và biện pháp tu từ đạt hiệu quả cao: liệt kê, câu cảm thán, câu hỏi tu từ, cảm xúc bộc lộ trực tiếp,... kết hợp biểu cảm, tự sự, tác giả Bằng Việt đã viết lên đoạn thơ thể hiện cảm xúc của cháu về những năm tháng tuổi thơ bên bà. Đồng thời, đoạn thơ chứa đựng tư tưởng cao đẹp: những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức tỏa sáng, nâng đỡ con người suốt hành trình dài rộng của cuộc đời.

*\* Liên hệ mở rộng:* Từ những dòng hoài niệm bên bà và *“bếp lửa”* của Bằng Việtkhiến ta liên tưởng đến những dòng hoài niệm bên bà và đàn gà *“mái mơ mái vàng”* của nữ sĩ Xuân Quỳnh trong bài “*Tiếng gà trưa”*. Cả hai bài đều thể hiện tình cảm gắn bó, thân thiết, nhớ về những năm tháng tuổi thơ với bao kỉ niệm cùng bà. Nó chứng minh rằng người ta có thể tách quê hương ra khỏi con người chứ không thể tách con người ra khỏi quê hương và những gì tươi đẹp của quá khứ sẽ trở thành nguồn sức mạnh dẫn bước con người đi đến tương lai.

**III. Kết bài**

Chỉ với mười một câu thơ ngắn gọn nhưng Bằng Việt đã khái quát được những dòng hoài niệm đẹp đẽ của người cháu về tuổi thơ sống bên bà qua đó cho ta thấy rõ tình cảm thiêng liêng giữa bà và cháu. Gấp trang sách lại rồi nhưng ta không thể nào quên được hình ảnh người bà cùng tiếng chim tu hú và mùi khói bếp buổi chiều quê. Đoạn thơ của nhà thơ Bằng Việt chẳng khác nào lời ru của mẹ, chuyện kể của bà,..từ những năm tháng tuổi thơ vọng về.

*==================================================*

**ĐỀ 38: CẢM NHẬN VỀ ĐOẠN THƠ SAU:**

*Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*

*Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn*

*Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng...*

*Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*

*Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ*

*Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm*

*Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm.*

*Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi*

*Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui*

*Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ*

*Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa !*

(Bằng Việt, *Bếp lửa,* Ngữ văn 9, tập Một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2015, trang 144)

Viết bài văn trình bày cảm nhận của em về hình ảnh bếp lửa trong đoạn thơ trên.

**I. Mở bài**

Quê hương đã trở thành nguồn cảm hứng đề tài bất tận cho nhiều tác giả để viết lên những thi phẩm nổi tiếng. Trong đó có nhà thơ Bằng Việt với bài thơ nổi tiếng «  Bếp lửa ». Qua sự hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu «Bếp lửa» đã gợi lại những kỉ niệm đầy xúc động về người bà và tình bà cháu, đồng thời thể hiện lòng kính yêu, trân trọng, biết ơn của người cháu đối với bà, cũng như đối với gia đình, quê hương, đất nước. Đặc biệt là những kí ức về bà và cuộc đời bà cũng như lòng biết ơn chân thành của người cháu đối với bà đã được nhà thơ Bằng Việt thể hiện qua khổ thơ trên.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác :** Bài thơ “Bếp lửa” được sáng tác năm 1963, khi tác giả 19 tuổi và đang học ngành Luật ở Liên Xô. Tác phẩm viết theo thể thơ tự do và được đưa vào tập thơ “Hương cây **-** Bếp lửa”, tập thơ đầu tay của Bằng Việt và Lưu Quang Vũ. Bằng sự kết hợp hài hòa giữa biểu cảm với tự sự, miêu tả và nghị luận, bài thơ đã xây dựng hình ảnh bếp lửa gắn liền với hình ảnh người bà và là điểm tựa khơi gợi mọi cảm xúc và suy nghĩ về tình bà cháu.

**- Chủ đề:** Mạch cảm xúc của bài thơ đi từ hồi tưởng đến hiện tại, từ kỉ niệm đến suy ngẫm. Điều đó được gợi ra qua hình ảnh bếp lửa quê hương và hình ảnh người bà. Từ đó mà người cháu (chính là Bằng Việt) bộc lộ nỗi nhớ về những kỉ niệm thời ấu thơ và được sống trong sự yêu thương, chăm sóc của bà. Đồng thời thể hiện niềm biết ơn, sự kính trọng của người cháu đối với người bà, đối với gia đình, đối với quê hương, đất nước.

**- Vị trí đoạn thơ:** Đoạn thơ trên nằm ở khổ 5 và 6 của bài. Đây là đoạn thơ đầy xúc động nhắc lại kỉ niệm êm đềm sâu sắc, cũng như tình cảm biết ơn quý trọng bà một thời gian khổ của bà và cháu.

**2.Phân tích, cảm nhận**

**Luận điểm 1: Suy ngẫm về cuộc đời bà (Khổ 5)**

- Sau những đoạn thơ hồi tưởng về thời ấu thơ được sống cùng bên bà của mình, người cháu tiếp tục suy ngẫm, chiêm nghiệm về cuộc đời của bà qua hình ảnh bếp lửa:

*“Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*

*Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn*

*Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng…”*

- Từ hình ảnh bếp lửa cụ thể ở câu trên, tác giả chuyển thành hình ảnh ngọn lửa trong lòng bà. Như thế, bếp lửa không chỉ được nhen lên bằng nhiên liệu củi rơm mà còn được nhen lên từ ngọn lửa của sức sống, lòng yêu thương “*luôn ủ sẵn*” trong lòng bà, của niềm tin vô cùng “*dai dẳng”,* bền bỉ và bất diệt. Ngọn lửa là những kỉ niệm ấm lòng, là niềm tin thiêng liêng kì diệu nâng bước cháu trên suốt chặng đường dài. Ngọn lửa là sức sống, lòng yêu thương, niềm tin mà bà truyền cho cháu. Cùng với hình tượng *“ngọn lửa”,* các từ ngữ chỉ thời gian:“*rồi sớm rồi chiều”*, các động từ “*nhen”, “ủ sẵn”, “chứa*” đã khẳng định ý chí, bản lĩnh sống của bà, cũng là của người phụ nữ Việt Nam giữa thời chiến.

- Điệp ngữ - ẩn dụ *“một ngọn lửa”* cùng kết cấu song hành đã làm cho giọng thơ vang lên mạnh mẽ, đầy xúc động tự hào. *“Ngọn lửa”* là sáng tạo nghệ thuật đắt giá của tác giả. Nó vừa có ý nghĩa nhấn mạnh đến sự sống dai dẳng bất diệt của ngọn lửa; lại vừa có ý nghĩa thể hiện tình yêu thương mà người bà dành cho cháu. Ngọn lửa chính là hiện thân cho tâm hồn, nghị lực sống phi thường của người bà. Vì thế, bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người, truyền lửa cho người cháu cũng như là thế hệ mai sau. Bà tin cháu mình sau này sẽ nên người và thành tài để xây dựng non sông đất nước.

**Luận điểm 2: Sự tần tảo, hy sinh của bà (Khổ 6)**

- Từ những hoài niệm về tuổi thơ và bà, người cháu suy ngẫm về cuộc đời, về lẽ sống của bà. Bà là người tần tảo, giàu đức hi sinh và giàu lòng nhân ái:

*Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*

- Nhà thơ đã gói ghém cả cuộc đời bà bằng một câu thơ với nghệ thuật đảo ngữ “Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa”. Bốn chữ “lận đận đời bà” với cụm tù “biết mấy nắng mưa” đã gợi ra sự dài dặc của thời gian, sự vất vả, gian truân, nhọc nhằn, khổ cực, chênh vênh của một đời người. Bà đã kiên cường vượt qua mọi “*mưa nắng”* cuộc đời để trở thành chỗ dựa cho con cháu. Cuộc đời bà là một cuộc đời đầy gian truân, vất vả, nhiều lận đận, trải qua nhiều nắng mưa tưởng như không bao giờ dứt.

*Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ*

*Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm*

- Hình ảnh của bà cũng là hình ảnh của bao người phụ nữ Việt Nam giàu đức hy sinh dù gian truân vất vả vẫn sáng lên tình yêu thương. Và qua “mấy chục năm”, “đến tận bây giơ”, bà vẫn chẳng nghỉ ngơi.

- Bà vẫn giữ thói quen cũ “dậy sớm”và “nhóm bếp lửa” cũng như giữ trọn tình yêu thương mà bà đã dành cho con, cho cháu mấy chục năm qua. Điệp từ "*nhóm"* được lặp đi lặp lại nhiều lần (4 lần) trong khổ thơ như lời khẳng định: Bà chính là người nhóm lên trong lòng cháu ngọn lửa của tình yêu thương, của đức hy sinh cao cả.

- Khi nhóm lên *"lửa ấp iu nồng đượm",* bà đã dạy cho cháu tình yêu thương những người ruột thịt. Nhóm tình quê "*khoai sắn ngọt bùi*", bà dạy cháu tình yêu thương xóm làng, yêu mảnh đất quê nghèo. "*Nhóm nồi xôi gạo mới mẻ chung vui",* bà dạy cháu phải luôn mở lòng ra với mọi người xung quanh.Và cũng từ đó, bà cũng nhắc nhở cháu rằng không bao giờ được quên đi những năm tháng nghĩa tình, những năm tháng khó khăn mà hai bà cháu đã cùng trải qua. Không chỉ nhóm lên ngọn lửa đó ấm nồng và cháy sáng mãi trong lòng mọi người.

- Người bà kì diệu ấy đã nhóm dậy, khơi dậy, giáo dục, bồi đắp cho người cháu về cả thể xác lẫn tâm hồn, về ước mơ, lẽ sống của "*tâm tình tuổi nhỏ".* Bếp lửa của bà khó khăn, nhọc nhằn, vất vả. Bà nuôi cháu khôn lớn bằng bếp lửa ấy. Vậy mà giờ đây, cháu đã du học tận trời Nga xa xôi, xa bà, xa quê hương, xa Tổ quốc.

- Cuộc đời của cháu như một câu chuyện cổ tích. Và ở đấy, bà là bà tiên hiền hậu, luôn nâng đỡ từng bước đi của cháu. Cháu đã trưởng thành từ bếp lửa của bà. Từ cuộc sống nghèo khổ, bà ươm mầm ước mơ cho cháu đi du học phương xa. Tất cả những gì cháu có được ngày hôm nay chính là nhờ ngọn lửa trong bà, ngọn lửa ấy chắp cánh cho người cháu tự tin bay vào cuộc đời cao rộng.

- Khám phá ra những ý nghĩa kì diệu, cao cả, thiêng liêng từ bếp lửa của bà, cháu sung sướng reo lên:

"Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!"

- Từ nơi phương xa, cháu vẫn luôn nhớ về bà với niềm xúc động mãnh liệt. Phép đảo ngữ, câu cảm thán với từ *“ôi”* đặt ở đầu câu bộc lộ sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng và vui sướng của cháu. “Bếp lửa”- “kì lạ và thiêng liêng” hay chính tình bà nặng sâu và diệu kì đến thế? Câu thơ chỉ có tám chữ mà có sức lan tỏa vô cùng. Bếp lửa ấy luôn hiện diện cùng bà, tỏa sáng vẻ đẹp của bà. Đứa cháu nhỏ ấy cảm thấy thật bất ngờ khi phát hiện ra những điều kì diệu thiêng liêng từ những thứ bình thường, giản dị. Bếp lửa và bà như hóa thân vào làm một, luôn rực cháy, bất tử thiêng liêng. Cháu nhớ về bà, về bếp lửa cũng chính là nhớ về quê hương cội nguồn với tấm lòng tri ân sâu nặng.

- Giờ đây, tác giả đã sống xa quê, đã rời xa vòng tay người bà. Cuộc sống đầy đủ vật chất hơn, nhưng hình ảnh bà mãi là một dấu ấn khó phai. Tình cảm ấy đã trở thành bất tử trong tâm hồn tác giả. Đây cũng là khởi đầu của tình yêu đất nước, con người Việt Nam.

**3. Đánh giá, mở rộng**

- Đoạn thơ đã kết hợp nhuần nhuyễn, linh hoạt giữa biểu cảm với miêu tả, tự sự , lời thơ có tính triết lí sâu sắc, phép đảo ngữ và điệp từ được sử dụng rất hiệu quả làm tăng thêm xúc cảm cho bài thơ và biểu lộ cảm xúc của tác giả chân thực, rõ nét hơn.Thành công của đoạn thơ còn ở sự sáng tạo vừa chân thực vừa giàu ý nghĩa biểu tượng: hình ảnh bếp lửa và ngọn lửa biểu tượng cho tình yêu vô bờ bến của bà dành cho người cháu.

- Đó cũng là người bà trong "*Tiếng gà trưa*" của nữ sĩ Xuân Quỳnh, là bao người mẹ, người chị dịu dàng, đằm thắm đã tô đậm trang sử vàng chói lọi của truyền thống người phụ nữ Việt Nam anh hùng. Khép lại bài thơ, hình ảnh người bà vẫn cứ lặng lẽ tỏa sáng, nhóm lên trong lòng người đọc tình cảm mến yêu, kính phục và cả lòng biết ơn sâu sắc.

**III. Kết bài**

Qua hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, đoạn trích giúp ta hiểu hơn về hình ảnh người bà cũng như là những phẩm chất thiêng liêng cao quý của người phụ nữ Việt. Bà mãi mãi là tín ngưỡng đẹp nhất trong tâm hồn người cháu. Gấp trang sách lại, lòng ta dấy lên bao cảm xúc tốt đẹp: yêu bà, yêu gia đình và yêu quê hương đất nước.

**=======================================================**

**ĐỀ 39: PHÂN TÍCH BÀI THƠ BẾP LỬA CỦA BẰNG VIỆT**

**I. Mở bài**

**Cách 1**

Thời gian vẫn trôi và bốn mùa luôn luân chuyển. Con người chỉ xuất hiện một lần trong đời và cũng chỉ một lần ra đi mãi mãi vào cõi vĩnh hằng…nhưng những gì là thơ, là văn, là nghệ thuật đích thực thì vẫn còn mãi với thời gian. Trước khi chết, vua Phổ cầm tay Mooda và nói *“Ta tiêu biểu cho trật tự, ngươi tiêu biểu cho cái đẹp. Biết đâu hậu thế sẽ quên ta và nhắc nhở đến ngươi”.* Có lẽ về sau, chúng ta vẫn sẽ không quên *“Bếp lửa”* của **Bằng Việt-**một bài thơ hay, ngọt ngào, da diết. Qua dòng hồi tưởng và suy ngẫm của người cháu đã trưởng thành, bài thơ gợi lại những kỉ niệm xúc động tình bà cháu, thể hiện tình cảm kính yêu và biết ơn vô hạn của cháu đối với bà, cùng là đối với quê hương, đất nước.

**Cách 2**

Quê hương, gia đình, làng xóm là những kỉ niệm đẹp đẽ, bình dị và thân thuộc với những ai xa quê. Đối với nhà thơ Tế Hanh, quê hương là làng chài ven biển *“nước bao vây cách biển nửa ngày sông”;* với nhà thơ Đỗ Trung Quân thì “*Quê hương là chùm khế ngọt”, “là con diều biếc”…* Nhưng riêng với Bằng Việt, quê hương của ông gợi về bằng một hình ảnh rất quen thuộc, bình dị, mộc mạc – Bếp lửa. Ra đời năm 1963, bài thơ “*Bếp lửa*” còn là những dòng cảm xúc nói lên lòng kính yêu với bà và niềm nhớ mong về bà của tác giả.  
**II. Thân bài**

**1.Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ "Bếp lửa" là một trong các bài thơ hay nhất, tiêu biểu nhất cho đặc điểm thơ, phong cách nghệ thuật và sự nghiệp cầm bút của ông. Tác phẩm được sáng tác năm 1963, khi tác giả đang là sinh viên ngành luật bên Liên Xô, là tập thơ đầu tay của Bằng Việt, sau được đưa vào tuyển tập "Hương cây - Bếp lửa" cùng với Lưu Quang vũ.

**- Chủ đề:** Mạch cảm xúc của bài thơ đi từ hồi tưởng đến hiện tại, từ kỉ niệm đến suy ngẫm. Điều đó được gợi ra qua hình ảnh bếp lửa quê hương và hình ảnh người bà. Từ đó mà người cháu (chính là Bằng Việt) bộc lộ nỗi nhớ về những kỉ niệm thời ấu thơ và được sống trong sự yêu thương, chăm sóc của bà. Đồng thời thể hiện niềm biết ơn, sự kính trọng của người cháu đối với người bà, đối với gia đình, đối với quê hương, đất nước.

**2.Phân tích bài thơ**

**Luận điểm 1: Những hồi tưởng về bà và tình bà cháu**. (Khổ 1)

- Trước hết là hình ảnh *“bếp lửa*” nơi khơi nguồn cảm xúc nỗi nhớ, hồi tưởng về người bà kính yêu. Ở phương xa, người cháu luôn hướng về quê nhà, nơi có gia đình, có người thân yêu, có bà và có cả những kỉ niệm ầu ơ khi còn nhỏ. Và dòng cảm xúc hồi tưởng ấy được bắt đầu từ hình ảnh “*bếp lửa”* yêu thương:

*"Một bếp lửa chờn vờn sương sớm*

*Một bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Cháu thương bà biết mấy nắm mưa."*

- Ba tiếng “*một bếp lửa”* được nhắc lại hai lần, trở thành điệp khúc mở đầu bài thơ với giọng điệu sâu lắng, khẳng định hình ảnh*“bếp lửa”* như một dấu ấn không bao giờ phai mờ trong tâm tưởng của nhà thơ.

- Từ láy“*chờn vờn”* rất thực như gợi nhớ, gợi thương đến dáng hình bập bùng, chập chờn của ngọn lửa trong kí ức.

- Từ láy “*ấp iu”* gợi bàn tay kiên nhẫn, khéo léo và tấm lòng chi chút của người nhóm lửa, lại rất chính xác với công việc nhóm bếp cụ thể. Hình ảnh bếp lửa *“chờn vờn sương sớm”* giàu tính chất tả thực, gợi lên hình ảnh một bếp lửa ẩn hiện bập bùng cháy trong làn sương khói của buổi sớm mai. Những đốm than hồng đỏ rực nồng đượm sự ấp ủ, được nhóm lên bởi bàn tay dịu dàng, cần mẫn, khéo léo và tấm lòng chi chút của người bà. Đồng thời, cái bếp lửa ấy cũng chờn vờn trong tâm trí , trong nỗi nhớ ám ảnh của nhà thơ, ấp ui, trân trọng và giữ gìn. Từ đó đánh thức dòng hồi tưởng nhớ thương của người cháu về người bà – người nhóm lửa trong mỗi buổi sớm mai:

*"Cháu thương bà biết mấy nắng mưa."*

- Cụm từ *“biết mấy nắng mưa”* gợi tả sự cần cù, chịu khó, vất vả, giàu đức hi sinh của người bà. “*Thương”* là tình cảm chân thành, xuất phát từ trái tim giàu tình yêu thương, sự sẻ chia vả bao hàm cả sự kính trọng, niềm biết ơn sâu sắc, cùng nỗi nhớ khôn nguôi của người cháu dành cho bà của mình.

- Như vậy, với ba câu thơ mở đầu tác phẩm, Bằng Việt đã thể hiện tình cảm nỗi nhớ da diết của mình về bếp lửa quê hương và người bà thân yêu. Có thể coi đây là khúc dạo đầu viết về nỗi nhớ. Từ đó định hướng cảm xúc cho toàn bài. Bài thơ sẽ là lời tâm tư, nỗi nhớ của người cháu về bếp lửa, về người bà và cả những kỉ niệm buồn vui khi còn bên cạnh bà.

**Luận điểm 2:** **Những hồi tưởng về bà và tình bà cháu (4 khổ tiếp theo)**

**Khổ 2:** Nhắc đến tuổi thơ, có lẽ trong mỗi chúng ta luôn thường trực nghĩ tới những năm tháng hồn nhiên, tinh khôi, trong trẻo khi được sống trong sự đủ đầy cả về vật chất và tình cảm yêu thương của cha mẹ, người thân.

- Nhưng với những thế hệ như lớp nhà thơ Bằng Việt thì điều đó làm sao có được khi họ phải sống trong những năm tháng bom rơi đạn lạc chiến tranh, sự sống và cái chết chỉ trong gang tấc. Vì thế, khi nhớ về thời ấu thơ, những kỉ niệm trong kí ức như một thước phim quay chậm lần lượt hiện về trong tâm trí của Bằng Việt với biết bao nhiêu là sự thiệt thòi, gian khổ, thiếu thốn, nhọc nhằn. Kỉ niệm đầu tiên ấy là khi lên bốn tuổi:

*"Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói*

*Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi*

*Bố đi đánh xe, khô rạc ngựa gầy*

*Chỉ nhớ khói hun nhèm mắt cháu*

*Nghĩ lại đén giờ sống mũi còn cay!"*

- Thành ngữ “*đói mòn đói mỏi”* gợi tả cái đói kéo dài làm cho mệt mỏi, rã rời và kiệt sức. Vì thế, cái đói đã khiến cho ngựa cũng trở nên gầy rạc, hình ảnh người bố đánh xe chắc chắn cũng khô héo, tiều tụy, xanh xao…tất cả đã khiến cho người đọc dâng lên một nỗi niềm xót xa khi nhớ tới nạn đói khủng khiếp đến rợn người năm Ất Dậu 1945 năm nào. Khi ấy, cháu ở cùng bà và đã cùng bà nhóm lửa, khói bếp tỏa ra đã làm cho nhèm mắt, “*nghĩ lại đến giờ sống mũi còn cay”.*

- Làn khói đã in đậm, in sâu trong tâm trí của người cháu hay đó chính là nỗi cơ cực, vất vả của cái nghèo, cái đói, của chiến tranh loạn lạc trong tuổi ấu thơ của người cháu. Những câu thơ được viết lên bằng những tình cảm chân thực nên chan chứa nước mắt và dày đặc làn khói. Giọng thơ trầm xuống thấm thía một nỗi buồn cơ cực đến xót xa khi dòng hoài niệm tuổi thơ dâng đầy trong lòng thi sĩ khiến giờ nghĩ lại *“sống mũi còn cay”.*

**\*Khổ 3:** Tiếp đến là những dòng hoài niệm về tám năm ròng trong cuộc sống có chiến tranh sống bên bà:

*"Tám năm ròng cháu cùng bà nhóm lửa*

*Tu hú kêu trên những cánh đồng xa*

*Khi tu hú kêu bà còn nhớ không bà*

*Bà hay kể những ngày ở Huế*

*Tiếng tu hú sao mà tha thiết thế!*

- Giọng thơ thủ thỉ như kể một câu chuyện cổ tích. Đó là những năm tháng của cuộc sống gian khổ, cơ cực mà đứa cháu lớn lên trong sự che chở, đùm bọc, cưu mang của người bà. Tám năm. Tám năm kháng chiến. Tám năm khó khăn. Tám năm trời dài đằng đẵng với bao kỉ niệm buồn vui bên bà, bên bếp lửa.

- Tám năm- một quãng thời gian không dài nhưng cũng chẳng ngắn đủ cho cháu cảm nhận được tình yêu thương của bà dành cho cháu. Một cuộc sống đầy ắp khó khăn, khổ cực nhưng đầy tình yêu thương từ bà. Bà biết không, đó chính là cuộc sống cháu mong muốn bởi cháu được ở với bà, chơi với bà, tâm sự với bà. Người bà vẫn cứ như vậy, vẫn cứ tần tảo, cứ trở đi trở lại trong văn học Việt Nam. Trong tác phẩm “*Đò lèn”*, nhà thơ Nguyễn Duy cũng miêu tả hình ảnh người bà lam lũ, vất vả, chịu thương chịu khó:

*“Tôi đâu biết bà tôi cơ cực thế  
Bà mò cua xúc tép ở Đồng Quan  
Bà đi gánh chè xanh Ba Trại  
 Quán Cháo, Đồng Giao thập thững đêm hàn.”*

- Nếu trong hồi ức lúc tác giả lên bốn tuổi, ấn tượng đậm nét nhất là mùi khói thì ở đây, ấn tượng ấy là tiếng **chim tu hú**. Tiếng chim tu hú vang lên vừa gợi lại trong tâm hồn tác giả bao kỉ niệm khó quên, vừa dấy lên nỗi nhớ quê hương, nhớ nhà, nhớ bà, nhớ bếp lửa.

Tiếng chim tu hú gợi về những buổi mai, hai bà cháu cùng nhau nhóm lửa giữa không gian mênh mông, cô quạnh. Tiếng chim lúc mơ hồ, vang vọng từ “*những cánh đồng xa”*, lúc lại gần gũi, xót xa, nghe “*sao mà tha thiết thế”.* Tiếng chim tu hú như giục giã, khắc khoải điều gì da diết lắm khiến cho lòng người trỗi dậy những hoài niệm, nhớ mong. Nhà thơ Anh Thơ cũng từng đồng điệu với những cảm xúc ấy:   
 *“Con đi dài thương nhớ    
 Mười năm chưa về quê    
 Tu hú ơi tu hú   
 Kêu chi hoài vườn xanh?”*  
- Nỗi lòng của chim tu hú “*kêu chi hoài trên những cánh đồng xa”* đâu có khác gì với nỗi nhớ mong bà sâu sắc của đứa cháu nơi xứ người. Tiếng chim ấy khiến lòng người như trỗi dậy bao hoài niệm, nhớ mong da diết, âm vang trong tim người đọc. Những kỉ niệm trôi theo một nhạc điệu tâm tình thủ thỉ, chậm rãi đầy nhung nhớ đã đưa ta về với tuổi thơ sống bên bà và đầy ắp tình bà cháu của tác giả.

- Nhà thơ đang kể chợt quay sang trò chuyện với bà, tưởng như bà đang ngồi đối diện “*bà còn nhớ không bà”.* Bà có nhớ những câu chuyện bà vẫn thường kể, những câu chuyện cổ tích hằng đêm, dưới ánh trăng sáng, cháu ngồi trong lòng bà, đu đưa trên chiếc võng, vừa nghe bà kể vừa mân mê những sợi tóc bạc của bà hay những câu chuyện về các anh bộ đội cụ Hồ dũng cảm, xả thân vì nước, vì dân? Bà có nhớ những việc làm tận tụy đầy yêu thương của bà dành cho cháu, nhất là trong những buổi chiều hai bà cháu ngồi nhóm bếp? Làm sao cháu có thể quên được hồi ấy:

“Mẹ cùng cha công tác bận không về

Cháu ở cùng bà, bà bảo cháu nghe

Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học

Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc”.

- Tình thương của bà là sự bảo ban, chăm sóc không khác gì công ơn sinh thành và nuôi dưỡng. Một loạt các từ ngữ *“bà bảo”,”bà dạy”,”bà chăm”* vừa diễn tả một cách sâu sắc tình thương bao la, sự chăm chút hết mình của người bà dành cho cháu, vừa thể hiện được lòng biết ơn của cháu đối với bà. Đối với tác giả, bà chính là mẹ, là cha, là người thầy dạy dỗ cháu nên người. Bà là người chăm chút cho cháu từ cái ăn, cái mặc đến việc học hành.

- Bà dạy cháu những bài học quý giá về đạo làm người, dạy cho cháu niềm tự hào về dân tộc ta, một dân tộc bất khuất, kiên cường, không bao giờ chịu khuất phục để bảo vệ quê hương Việt Nam. Tình yêu và kính trọng bà của tác giả được thể hiện thật chân thành, sâu sắc: “*Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọc”.*

*-* Chỉ một mình chữ “t*hương*” thôi cũng đã đủ gói ghém tất thảy tình yêu thương, sự kính trọng và niềm biết ơn sâu nặng mà người cháu dành cho bà của mình.Đối với cháu, bà và tình yêu thương sâu lắng của bà dành cho cháu sẽ luôn là một chỗ dựa tinh thần vững chắc, là điểm tựa của tâm hồn cháu mỗi khi cháu gặp thất bại, khó khăn.

- Đến tận bây giờ, dù đang du học nơi xứ người, đang đứng dưới trời tiết giá lạnh, cháu vẫn cảm nhận được cái ấm áp của tình yêu thương, của sự vỗ về, chăm sóc của bà. Càng nghĩ về bà, cháu lại càng thương bà hơn. Thương bà ở một mình dưới túp lều tranh xiêu vẹo, thương bà mỗi ngày một mình nhóm lửa, lòng luôn cầu mong đứa cháu được bình an. Từ tình yêu thương sâu sắc của mình dành cho bà, tác giả quay sang khẽ trách con chim tu hú:

“Tu hú ơi! Chẳng đến ở cùng bà

Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa?”

- Tác giả đang trách chim tu hú mãi bay xa ngoài các cánh đồng, không đến ở cùng với bà đỡ cô quạnh, đỡ buồn tủi hay tác giả đang trách sự vô tâm, bất lực của chính bản thân mình? Câu hỏi tu từ “*Tu hú ơi chẳng đến ở cùng bà/Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa”* như một lời than thở thật tự nhiên, cảm động vô cùng chân thật, thể hiện nỗi nhớ thương da diết người bà của đứa cháu. Những câu thơ giống như lời đối thoại tâm tình của và bà trò chuyện trong tâm tưởng.

- Tất cả như lời giãi bày, tâm sự của cháu dành cho bà. Hình ảnh của bà, hình ảnh của bếp lửa và âm thanh của chim tu hú vang vọng trong một không gian mênh mông khiến bài thơ như phủ sắc bàng bạc của không gian hoài niệm, của tình bà cháu đẹp như trong truyện cổ tích.

**\* Khổ 4:** Trong những năm đất nước có chiến tranh, những khó khăn, ác liệt, biết bao nhiêu đau thương mất mát vẫn luôn in sâu trong tâm trí của người cháu. Và có một kỉ niệm trong hồi ức mà người cháu chẳng bao giờ quên được dù đã lớn khôn:

*"Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi*

*Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi”*

- Nỗi khổ sở, đau đớn khi giặc giã kéo về làng tàn phá, thiêu hủy nhà cửa, xóm làng, bà vẫn âm thầm chịu đựng, tự gắng gượng đứng lên chống đỡ nhờ sự đùm bọc, giúp đỡ của dân làng. Bà không muốn người con ở chiến khu biết được việc ở nhà mà ảnh hưởng đến công việc trong quân ngũ. Đó phải chẳng là phẩm chất cao quí của những người mẹ Việt Nam anh hùng trong chiến tranh.

- Ta đọc ở đây sự hi sinh thầm lặng, cao cả và thiêng liêng của người bà, người mẹ ở hậu phương luôn muốn gánh vác cùng con cháu, cùng đất nước để đánh đuổi giặc giã xâm lăng, đem lại bầu trời tụ do cho dân tộc.

- Lời dặn dò của người bà vẫn được cháu “*đinh ninh*” nhớ mãi trong lòng, được trích nguyên văn được nhắc lại trực tiếp khi người cháu viết thư cho bố càng cho thấy phẩm chất đáng quí biết bao của người bà. Vì thế, đến đây ta mới thấy được hết tất cả công lao to lớn của người mẹ Việt Nam đối với cuộc kháng chiến chống quân xâm lược.

- Có được thắng lợi ấy không chỉ là sự đóng góp trực tiếp của những người lính trên mặt trận tiền tuyến mà còn có cả sự đóng góp lớn lao của những người phụ nữ ở hậu phương.

- Tuổi thơ cua cháu còn lớn lên trong cảnh hoang tàn đau thương, tang tác trong khói lửa chiến tranh. Quê hương, xóm làng bị giặc tàn phá:

*Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi*

*Hàng xóm bốn bên trở về lầm lụi”*

*-.*Cuộc sống càng khó khăn, nghị lực của bà càng vững bền, tấm lòng của bà càng mênh mông. Bà dặn cháu:

*Bố ở chiến khu, bố còn việc bố*

*Mày có viết thư chớ kể này kể nọ*

*Cứ bảo nhà vẫn được bình yên!”.*

- Lời dặn của bà giản dị nhưng chất chứa biết bao tình cảm. Bà không muốn người con ở chiến khu biết được việc ở nhà mà ảnh hưởng đến công việc trong quân ngũ. Đó phải chẳng là phẩm chất cao quí của những người mẹ Việt Nam anh hùng trong chiến tranh. Gian khổ, thiếu thốn và bao nỗi nhớ thương bà đều phải nén vào trong để làm yên lòng người nơi tiền tuyến. Bà lặng lẽ hi sinh cho con, cho cháu và cho đất nước.

- Có thể nói thắng lợi của cuộc kháng chiến không chỉ là sự đóng góp trực tiếp của những người lính trên mặt trận tiền tuyến mà còn có cả sự đóng góp lớn lao của những người phụ nữ ở hậu phương. Vì thế, hình ảnh bà trở thành biểu tượng của những người phụ nữ Việt Nam cần cù, nhẫn nại, giàu đức hi sinh.

**\*Khổ 5:**  Sau những đoạn thơ hồi tưởng về thời ấu thơ được sống cùng bên bà của mình, người cháu tiếp tục suy ngẫm, chiêm nghiệm về cuộc đời của bà qua hình ảnh bếp lửa:

*“Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*

*Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn*

*Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng…”*

-Từ hình ảnh bếp lửa cụ thể ở câu trên, tác giả chuyển thành hình ảnh ngọn lửa trong lòng bà. Như thế, bếp lửa không chỉ được nhen lên bằng nhiên liệu củi rơm mà còn được nhen lên từ ngọn lửa của sức sống, lòng yêu thương “*luôn ủ sẵn*” trong lòng bà, của niềm tin vô cùng “*dai dẳng”,* bền bỉ và bất diệt.

- Ngọn lửa là những kỉ niệm ấm lòng, là niềm tin thiêng liêng kì diệu nâng bước cháu trên suốt chặng đường dài. Ngọn lửa là sức sống, lòng yêu thương, niềm tin mà bà truyền cho cháu. Cùng với hình tượng *“ngọn lửa”,* các từ ngữ chỉ thời gian:“*rồi sớm rồi chiều”*, các động từ “*nhen”, “ủ sẵn”, “chứa*” đã khẳng định ý chí, bản lĩnh sống của bà, cũng là của người phụ nữ Việt Nam giữa thời chiến.

- Điệp ngữ - ẩn dụ *“một ngọn lửa”* cùng kết cấu song hành đã làm cho giọng thơ vang lên mạnh mẽ, đầy xúc động tự hào. *“Ngọn lửa”* là sáng tạo nghệ thuật đắt giá của tác giả. Nó vừa có ý nghĩa nhấn mạnh đến sự sống dai dẳng bất diệt của ngọn lửa; lại vừa có ý nghĩa thể hiện tình yêu thương mà người bà dành cho cháu. Ngọn lửa chính là hiện thân cho tâm hồn, nghị lực sống phi thường của người bà. Vì thế, bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người, truyền lửa cho người cháu cũng như là thế hệ mai sau. Bà tin cháu mình sau này sẽ nên người và thành tài để xây dựng non sông đất nước.

**Luận điểm 3: Suy ngẫm về bà và hình ảnh bếp lửa (Khổ 6)**

*\* Chuyển ý*: Từ những hoài niệm về tuổi thơ và bà, người cháu suy ngẫm về cuộc đời, về lẽ sống của bà. Bà là người tần tảo, giàu đức hi sinh và giàu lòng nhân ái:

*"Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa*

- Nhà thơ đã gói ghém cả cuộc đời bà bằng một câu thơ với nghệ thuật đảo ngữ “Lận đận đời bà biết mấy nắng mưa”. Bốn chữ “lận đận đời bà” với cụm tù “biết mấy nắng mưa” đã gợi ra sự dài dặc của thời gian, sự vất vả, gian truân, nhọc nhằn, khổ cực, chênh vênh của một đời người.

- Bà đã kiên cường vượt qua mọi “*mưa nắng”* cuộc đời để trở thành chỗ dựa cho con cháu. Cuộc đời bà là một cuộc đời đầy gian truân, vất vả, nhiều lận đận, trải qua nhiều nắng mưa tưởng như không bao giờ dứt.

*Mấy chục năm rồi, đến tận bây giờ*

*Bà vẫn giữ thói quen dậy sớm*

- Hình ảnh của bà cũng là hình ảnh của bao người phụ nữ Việt Nam giàu đức hy sinh dù gian truân vất vả vẫn sáng lên tình yêu thương. Và qua “mấy chục năm”, “đến tận bây giơ”, bà vẫn chẳng nghỉ ngơi.

- Bà vẫn giữ thói quen cũ “dậy sớm”và “nhóm bếp lửa” cũng như giữ trọn tình yêu thương mà bà đã dành cho con, cho cháu mấy chục năm qua.

*Nhóm bếp lửa ấp iu nồng đượm*

*Nhóm niềm yêu thương, khoai sắn ngọt bùi*

*Nhóm nồi xôi gạo mới sẻ chung vui*

*Nhóm dậy cả những tâm tình tuổi nhỏ*

Điệp từ "*nhóm"* được lặp đi lặp lại nhiều lần (4 lần) trong khổ thơ như lời khẳng định: **bà chính là người nhóm lên trong lòng cháu ngọn lửa của tình yêu thương, của đức hy sinh cao cả.** Khi nhóm lên *"lửa ấp iu nồng đượm",* bà đã dạy cho cháu tình yêu thương những người ruột thịt.

- Nhóm tình quê "*khoai sắn ngọt bùi*", bà dạy cháu tình yêu thương xóm làng, yêu mảnh đất quê nghèo. "*Nhóm nồi xôi gạo mới mẻ chung vui",* bà dạy cháu phải luôn mở lòng ra với mọi người xung quanh.Và cũng từ đó, bà cũng nhắc nhở cháu rằng không bao giờ được quên đi những năm tháng nghĩa tình, những năm tháng khó khăn mà hai bà cháu đã cùng trải qua. Không chỉ nhóm lên ngọn lửa đó ấm nồng và cháy sáng mãi trong lòng mọi người.

- Người bà kì diệu ấy đã nhóm dậy, khơi dậy, giáo dục, bồi đắp cho người cháu về cả thể xác lẫn tâm hồn, về ước mơ, lẽ sống của "*tâm tình tuổi nhỏ".*

- Bếp lửa của bà khó khăn, nhọc nhằn, vất vả. Bà nuôi cháu khôn lớn bằng bếp lửa ấy. Vậy mà giờ đây, cháu đã du học tận trời Nga xa xôi, xa bà, xa quê hương, xa Tổ quốc. Cuộc đời của cháu như một câu chuyện cổ tích. Và ở đấy, bà là bà tiên hiền hậu, luôn nâng đỡ từng bước đi của cháu. Cháu đã trưởng thành từ bếp lửa của bà.

- Từ cuộc sống nghèo khổ, bà ươm mầm ước mơ cho cháu đi du học phương xa. Tất cả những gì cháu có được ngày hôm nay chính là nhờ ngọn lửa trong bà, ngọn lửa ấy chắp cánh cho người cháu tự tin bay vào cuộc đời cao rộng.

Khám phá ra những ý nghĩa kì diệu, cao cả, thiêng liêng từ bếp lửa của bà, cháu sung sướng reo lên:

"Ôi kì lạ và thiêng liêng - bếp lửa!"

- Từ nơi phương xa, cháu vẫn luôn nhớ về bà với niềm xúc động mãnh liệt. Phép đảo ngữ, câu cảm thán với từ *“ôi”* đặt ở đầu câu bộc lộ sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng và vui sướng của cháu. “Bếp lửa”- “kì lạ và thiêng liêng” hay chính tình bà nặng sâu và diệu kì đến thế? Câu thơ chỉ có tám chữ mà có sức lan tỏa vô cùng. Bếp lửa ấy luôn hiện diện cùng bà, tỏa sáng vẻ đẹp của bà.

- Đứa cháu nhỏ ấy cảm thấy thật bất ngờ khi phát hiện ra những điều kì diệu thiêng liêng từ những thứ bình thường, giản dị. Bếp lửa và bà như hóa thân vào làm một, luôn rực cháy, bất tử thiêng liêng. Cháu nhớ về bà, về bếp lửa cũng chính là nhớ về quê hương cội nguồn với tấm lòng tri ân sâu nặng.

**Luận điểm 4**: **Nỗi nhớ bà, nhớ quê hương khôn nguôi, da diết. (Khổ cuối)**

- Khổ cuối bài thơ là lời bộc bạch chân thành của người cháu khi đã lớn khôn, trưởng thành:

"Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu  
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả  
Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhớ:  
- Sớm mai này bà nhóm lửa lên chưa?..."

- Đứa cháu năm xưa giờ đã trưởng thành “*Giờ cháu đã đi xa”. Có ngọn khói trăm tàu/ Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả”.* Dấu chấm xuất hiện ở giữa dòng thơ tạo thành một sự ngắt nhịp dài giống như quá khứ đã trôi đi quá xa so với hiện tại. Điệp từ *“trăm”* mở ra một thế giới rộng lớn với bao điều mới mẻ.

- Tuổi thơ đã lùi xa, đứa cháu nhỏ năm xưa giờ đã lớn khôn, đã được chắp cánh bay cao, bay xa đến những chân trời cao rộng có *“ khói trăm tàu”,”lửa trăm nhà”,”niềm vui trăm ngả”.* Tuy thế, cháu vẫn khôn nguôi nhớ về bà và bếp lửa quê hương, nhớ về góc bếp, nơi nắng mưa hai bà cháu có nhau.

- Mỗi ngày cháu đều tự hỏi *“Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa?”.* Cháu sẽ không bao giờ quên và chẳng thể nào quên được vì đó chính là nguồn cội, là nơi mà tuổi thơ của cháu được nuôi dưỡng để lớn lên từ đó. Bà và quê hương yêu dấu là điểm tựa, là chỗ dựa tinh thần vững chắc cho cháu trên mỗi bước đường đời.

- Bếp lửa đã trở thành tấm lòng, niềm tin thiêng liêng kì diệu nâng bước cháu trên hành trình dài rộng của cuộc đời có nghĩa là từ một bếp lửa đơn sơ, giản dị của bà nhiều bếp lửa khác đã được nhen lên, sự sống cứ thế truyền đời, bất diệt.

=> Đến đây ta có thể khẳng định: bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa, truyền lửa, truyền niềm tin. Bếp lửa đã nâng cao để trở thành biểu tượng cho tình nghĩa gia đình, tình yêu quê hương, đất nước. Câu hỏi tu từ và dấu chấm lửng khép lại bài thơ đã tạo ra một kết thúc mở với nỗi nhớ khôn nguôi và niềm hoài vọng thiết tha, đau đáu.

**3. Đánh giá, mở rộng**

**-** Qua việc vận dụng âm điệu thơ trữ tình, sâu lắng; ngôn ngữ thơ bình dị, hình tượng bếp lửa sáng tạo cùng với các điệp ngữ, ẩn dụ đặc sắc, bài thơ đã khắc họa chân thực, xúc động hình ảnh người bà giàu tình yêu thương, đức hi sinh; tình bà cháu ấm nồng, sâu nặng thiết tha…

- Đó cũng là tình cảm của người bà trong "*Tiếng gà trưa*" của Xuân Quỳnh, là bao người mẹ, người chị dịu dàng, đằm thắm đã tô đậm trang sử vàng chói lọi của truyền thống người phụ nữ Việt Nam anh hùng. Đọc xong bài thơ, người đọc như được sưởi chung với Bằng Việt hơi ấm của tình yêu thương của gia đình, của cội nguồn, của Tổ quốc.

**III. Kết bài**

Qua suy ngẫm hồi tưởng và tình cảm của người cháu đã trưởng thành, đoạn thơ đã thể hiện cảm xúc động về bà và tình bà cháu. Qua đó thể hiện lòng kính yêu, tôn trọng, biết ơn của người cháu đối với bà và cũng là cháu với quê hương, đất nước. Đoạn thơ chứa đựng một triết lí thầm kín: Nững gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức tỏa sáng, nâng đỡ con người suốt hành trình dài của cuộc đời mỗi con người.

=====================================================

**ĐỀ 40: CÓ NHẬN ĐỊNH RẰNG "TỪ NHỮNG SUY NGẪM CỦA NGƯỜI CHÁU, BÀI THƠ THỂ HIỆN MỘT TRIẾT LÍ SÂU SẮC: NHỮNG GÌ THÂN THIẾT NHẤT CỦA TUỔI THƠ MỖI NGƯỜI ĐỀU CÓ SỨC TỎA SÁNG, NÂNG BƯỚC CON NGƯỜI TRONG SUỐT HÀNH TRÌNH DÀI RỘNG CỦA CUỘC ĐỜI. TÌNH YÊU ĐẤT NƯỚC BẮT NGUỒN TỪ LÒNG YÊU QUÝ ÔNG BÀ, CHA MẸ, TỪ NHỮNG GÌ GẦN GŨI VÀ BÌNH DỊ NHẤT”. QUA BÀI THƠ ”BẾP LỬA” CỦA BẰNG VIỆT. EM HÃY LÀM SÁNG TỎ NHẬN ĐỊNH TRÊN.**

**I. Mở bài**

Thơ ca là chiều sâu, là sự chắc lọc, kết tinh của tâm hồn. Thuở ban đầu, thơ ca xuất hiện từ nỗi rung động mãnh liệt của người nghệ sĩ trước cuộc đời. Về sau, thơ ca còn là kết tinh của tư tưởng, trết lí, suy niệm của con người. Chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy điều đó trong bài thơ **Bếp lửa**của**Bằng Việt.** Bởi thế, đọc bài thơ, có nhận định cho rằng: “Từ những suy ngẫm của người cháu, bài thơ biểu hiện một triết lí thầm kín: Những gì thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người đều có sức tỏa sáng, nâng bước con người trong suốt hành trình dài rộng của cuộc đời. Tình yêu đất nước bắt nguồn từ lòng yêu quý ông bà, cha mẹ, từ những gì gần gũi và bình dị nhất".

**II. Thân bài**

**1.Giải thích nhận định:**

**-** Đây là một ý kiến xác đáng, đã khái quát được chủ đề tư tưởng sâu sắc của bài thơ Bếp lửa mà Bằng Việt muốn gửi gắm.

### - Vậy “Triết lí thầm kín”*là gì? “Triết lí thầm kín”* là những gì có ý nghĩa, mang tính quy luật được biểu hiện một cách thầm kín, không thổ lộ ra bên ngoài. Cần có một sự suy nghiệm sâu sắc mới có thể nhận thấy được.Còn “Những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người” là gì? *=>*“Những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ *mỗi người”* đó là những gì tồn tại và gắn bó, có tác động sâu sắc lên đời sống và hình thành nên các giá trị trong tuổi thơ con người. Đó có thể là những người thân trong gia đình, bạn bè, những kỷ niệm, một cây lược, một chiếc bút… gắn bó sâu sắc với ta. Những giá trị ấy có sức mạnh làm tỏa sáng và nâng đỡ con người trên hành trình dài rộng của cuộc đời. Các giá trị ấy trở thành điểm tựa, nguồn động lực, cho ta sức mạnh trong mỗi bước đường đời. Còn sức tỏa sáng là gì? *=>*“*Sức tỏa sáng”:* đây là ánh sáng của cái đẹp, của những điều thiêng liêng cao đẹp, ánh sáng ấy soi rọi, cứ mãi lung linh trong tâm hồn con người. Nó là thứ ánh sáng bất diệt. Còn *“nâng đỡ con người trong suốt hành trình dài rộng của cuộc đời”* *=>* là sự nâng đỡ về tinh thần, là sự bồi đắp tâm hồn con người. Từ ấu thơ cho tới khi trưởng thành, thậm chí đến khi con người ta đi hết cuộc đời, những điều cao đẹp ấy vẫn nâng đỡ, là điểm tựa, là sức mạnh tinh thần.

**Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây**

### 2. Phân tích bài thơ Bếp lửa để chứng minh

**a.Khái quát:**

Bài thơ được sáng tác khi Bằng Việt du học ở nước ngoài, xa quê hương, xa tổ quốc. Càng ở xa người ta càng mong nhớ và trân trọng những tháng ngày vất vả và khổ đau đã đi qua để có ngày hạnh phúc. Nhà thơ nhớ về tuổi thơ, nhớ lại kỉ niệm và thêm trân quý bởi nó như viên ngọc sáng có sức mạnh thanh lọc và nâng đỡ tâm hồn. Mạch cảm xúc của bài thơ được khơi nguồn từ hình ảnh bếp lửa, từ bếp lửa, cháu nhớ về bà, suy ngẫm về cuộc đời bà, về tình bà cháu, về những điều thiêng liêng cao đẹp. Hình ảnh bếp lửa và bà là cặp hình tượng nghệ thuật sóng đôi trong suốt bài thơ.

**b.Phân tích, chứng minh**

- Trong bài thơ Bếp lửa, những gì thân thiết của tuổi thơ người cháu là bà, là bếp lửa, là những hình ảnh của quê hương thân thiết… Những hình ảnh đó đã in đậm trong cháu từ thuở ấu thơ:

“Một bếp lửa chờn vờn sương sớm  
Một bếp lửa ấp iu nồng đượm  
Cháu thương bà biết mấy nắng mưa! “

- Hình ảnh bếp lửa khơi nguồn cho dòng hồi tưởng, cảm xúc về người bà hiền hậu. Ba tiếng *“một bếp lửa”* được nhắc lại hai lần, trở thành điệp khúc mở đầu bài thơ với giọng điệu sâu lắng, khẳng định hình ảnh“*bếp lửa*” như một dấu ấn không bao giờ phai mờ trong tâm tưởng của nhà thơ. Từ láy “*chờn vờn*” rất thực như gợi nhớ, gợi thương đến dáng hình bập bùng, chập chờn của ngọn lửa trong kí ức.

- Rất tự nhiên, hình ảnh bếp lửa đã làm trỗi dậy tình yêu thương: *“Cháu thương bà biết mấy nắng mưa”*. Tình thương tràn đầy của cháu đã được bộc lộ một cách trực tiếp và giản dị. Đằng sau sự giản dị ấy là cả một tấm lòng, một sự thấu hiểu đến tận cùng những vất vả, nhọc nhằn, lam lũ của đời bà.

- Bà với tình yêu thương, đức hy sinh, niềm tin yêu cuộc sống. Bếp lửa với sự ấm nồng, thân thiết đã là chỗ dựa cho cháu, nhen lên trong cháu những tâm tình, những niềm tin, là nơi chắp cánh ước mơ cho cháu:

“Lên bốn tuổi cháu đã quen mùi khói  
Năm ấy là năm đói mòn đói mỏi,  
(….)

Tám năm ròng, cháu cùng bà nhóm lửa  
Tu hú kêu trên những cánh đồng xa  
(….)

Năm giặc đốt làng cháy tàn cháy rụi”  
(…)

- Tuổi thơ người cháu gắn bó với bà, với bếp lửa. Mùi khói bếp cay sè cứ lặp đi lặp lại mỗi ngày, trở thành một phần không thể quên của kí ức. Cứ nhớ đến quê hương, nhớ đến tưởi thơ là người cháu nhớ đến mùi khói bếp ấy. Khói bếp quê hương gọi nhớ đến cuộc sống bình dị, lam lũ và tàn khốc của những năm chiến tranh. Cái cay vì khói bếp của người cháu lúc bé thơ và cái cay bởi xúc động của người cháu đã trưởng thành khi nhớ về bà hòa quyện vào nhau.

- Quá khứ và hiện tại đồng hiện trên những dòng thơ. Điều này cho thấy, mùi khói bếp của bà có sức ám ảnh, làm lay động cả thế chất và tâm hồn cháu.

Bà gồng gánh cả cuộc đời. “*Bà dạy cháu làm, bà chăm cháu học”*.

- Một loạt các từ ngữ “*bà bảo”, “bà dạy”, “bà chăm*” vừa diễn tả một cách sâu sắc tình thương bao la, sự chăm chút hết mình của người bà dành cho cháu, vừa thể hiện được lòng biết ơn của cháu đối với bà. Tình yêu và kính trọng bà của tác giả được thể hiện thật chân thành, sâu sắc: “*Nhóm bếp lửa nghĩ thương bà khó nhọ*c”.

- Bà và bếp lửa là chỗ dựa tinh thần, là sự chăm chút, đùm bọc dành cho cháu. Bếp lửa của quê hương, bếp lửa của tình bà.

-Bếp lửa cháy lên mỗi sớm từ đôi tay tần tảo của người bà rồi lại tắt. Nắng mưa, kẻ thù tàn bạo dập tắt ngọn lửa nhưng ngọn lửa ấy tắt đi rồi lại cháy lên. Chính người bà đã gìn giữ và nhen nhóm ngọn lửa bất diệt ấy. Cứ thế, ánh lửa cứ bập bùng tỏa sáng:

“Rồi sớm rồi chiều, lại bếp lửa bà nhen,  
Một ngọn lửa, lòng bà luôn ủ sẵn,  
Một ngọn lửa chứa niềm tin dai dẳng…”

- Bếp lửa không chỉ được nhen lên bằng nhiên liệu củi rơm mà còn được nhen lên từ ngọn lửa của sức sống, lòng yêu thương “*luôn ủ sẵn”* trong lòng bà, của niềm tin vô cùng *“dai dẳng*”, bền bỉ và bất diệt.

- Ngọn lửa là những kỉ niệm ấm lòng, là niềm tin thiêng liêng kì diệu nâng bước cháu trên suốt chặng đường dài. Ngọn lửa là sức sống, lòng yêu thương, niềm tin mà bà truyền cho cháu. Cùng với hình tượng “*ngọn lửa”*, các từ ngữ chỉ thời gian: “*rồi sớm rồi chiều”,* các động từ *“nhen”, “ủ sẵn”, “chứa”* đã khẳng định ý chí,bản lĩnh sống của bà, cũng là của người phụ nữ Việt Nam giữa thời chiến.

- Điệp ngữ – ẩn dụ *“một ngọn lửa”* cùng kết cấu song hành đã làm cho giọng thơ vang lên mạnh mẽ, đầy xúc động tự hào.

Bếp lửa chính là thói quen yêu thương của bà: cả cuộc đời bà dậy sớm nhóm bếp lửa. Lửa luôn cháy trong bếp cũng tượng trưng cho sự ấm cúng trong một gia đình. Từ xưa người phụ nữ Việt Nam luôn được gọi là người “*giữ lửa”* cho ngồi nhà, chăm sóc gia đình từ bữa cơm manh áo.

- Sức sống của bếp lửa khiến cho người cháu ngạc nhiên, không thể nào lí giải được: “Ôi kỳ lạ và thiêng liêng - bếp lửa!”. Nó kì lạ là bởi dù hoàn cảnh có khắc nghiệt đến thế nào, ngọn lửa ấy vẫn ân ỉ cháy lên. Nó thiêng liêng là bởi nó mang lại sự sống, xua tan đêm tối và gắn chặt với tình bà ấm ấp mãi mãi không bao giờ quên. Đó cũng là tấm lòng tri ân, tôn quý của tác giả đối với bà. Từ hình ảnh bếp lửa cụ thể, bài thơ đã gợi đến ngọn lửa với ý nghĩa trừu tượng, khái quát. Bà không chỉ là người nhóm lửa, giữ lửa mà còn là người truyền lửa ngọn lửa của sự sống, niềm tin cho các thế hệ nối tiếp.

- Người bà bằng tất cả nghị lực của mình dưỡng nuôi và che chở cháu. Có thể thấy, bếp lửa và tình bà làm nên kí ức tuổi thơ của người cháu, mãi mãi không bao giờ mờ phai. Khi cháu lớn lên, học tập và công tác nơi xa, bà và bếp vẫn là điểm tựa, là nguồn động viên là nơi nâng đỡ:

“Giờ cháu đã đi xa. Có ngọn khói trăm tàu,  
Có lửa trăm nhà, niềm vui trăm ngả,  
Nhưng vẫn chẳng lúc nào quên nhắc nhở:  
 Sớm mai này, bà nhóm bếp lên chưa?…”

- Bếp lửa và người bà là cả miền kí ức tươi xanh, là quê hương còn đọng lại trong tâm hồn người cháu, tỏa sáng, nâng đỡ người cháu trên hành trình dài rộng của cuộc đời. Suy rộng ra, điều tạo ra sức tỏa sáng, sự nâng đỡ người cháu trong bài thơ còn là quê hương, đất nước.

- Những câu thơ như lời đối thoại tâm tình, cháu trò chuyện với bà trong tâm tưởng. Và tất cả đều là sự bộc bạch của cháu dành cho người bà kính yêu. Hình ảnh của bà, hình ảnh của bếp lửa khiến cả bài thơ nhuốm phủ sắc bàng bạc của không gian hoài niệm, của tình bà cháu đẹp như trong chuyện cổ tích.

- Bài thơ kết hợp trữ tình, tự sự, nhiều hình ảnh thơ đẹp. Suy rộng ra, điều tạo ra sức tỏa sáng, sự nâng đỡ người cháu trong bài thơ còn là quê hương, đất nước. Dù hoàn cảnh sống đã có nhiều đổi thay và kỉ niệm quá khứ bị che phủ bởi lớp thời gian đằng đẵng nhưng nó vẫn tỏa sáng và nồng ấm trong kí ức con người. Ngọn lửa nhóm lên từ bàn tay tảo tần của bà, bởi tình yêu thương thiết tha của bà là “những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ” của nhà thơ, vẫn mãi “tỏa sáng, nâng đỡ con người trên hành trình dài rộng của cuộc đời”.

**c. Đánh giá, mở rộng**

**-** Bài thơ kết hợp trữ tình, tự sự vừa tâm tình thủ thỉ, vừa tha thiết, dặt dìu. nhiều hình ảnh thơ đẹp, gây ấn tượng và sức ám ảnh sâu sắc. Thành công của Bằng Việt đó là kể chuyện bằng thơ rất tự nhiên. Chuyện nhóm lên ngọn lửa mỗi ngày của bà thôi mà trong đó còn có cả ngọn lửa đấu tranh, sức sống mãnh liệt của dân tộc trong trận chiến sinh tử với kẻ thù. Những hình ảnh, kỉ niệm thân thiết nhất của tuổi thơ người cháu đã có sức tỏa sáng, nâng đỡ cháu, là chỗ dựa, là nguồn cổ vũ động viên cháu trên hành trình dài rộng của cuộc đời cháu. Bài thơ còn ca ngợi vẻ đẹp của người bà, người phụ nữ Việt Nam, gợi lòng biết ơn, tình cảm gia đình, tình yêu quê hương, đất nước.

- Bài thơ “*Tiếng gà trưa”* cũng ghi lại những cảm xúc của người cháu khi hồi tưởng lại những kỉ niệm tuổi thơ bên bà, với đàn gà bà nuôi. Hình ảnh người bà tần tảo, giàu đức hi sinh, yêu thương cháu hết mực, rồi hình ảnh những chú gà mái, ổ trứng hồng..., tất cả đều là những hình ảnh giản dị, nhưng lại đem đến cho cháu niềm hạnh phúc, để khi cháu trưởng thành, khi cháu đã là một người chiến sĩ thì những hình ảnh ấy vẫn là điểm tựa tinh thần, là động lực thôi thúc cháu chiến đấu bảo vệ quê hương đất nước...

**III. Kết bài**

Quá khứ là nơi gìn giữ sự sống đã trải qua của mỗi chúng ta. Nó tuy vô hình nhưng luôn hiện hữu trong tâm hồn mỗi người. Hãy trân trọng và giữ gìn nó như giữ gìn sự sống trong hiện tại và khát vọng ở tương lai. Không có quá khứ, sự tồn tại của con người cũng trở nên vô nghĩa. “Những gì là thân thiết nhất của tuổi thơ mỗi người, đều có sức tỏa sáng, nâng đỡ con người trên hành trình dài rộng của cuộc đời”. Bếp lửa là một sự hồi nhớ mang đầy tính nhân văn cao cả về tình yêu gia đình và quê hương đất nước.

**===============================================**

**ÁNH TRĂNG**

*(Nguyễn Duy)*

**ĐỀ 41: CẢM NHẬN VỀ BÀI THƠ ”ÁNH TRĂNG” CỦA NGUYỄN DUY.**

**I. Mở bài**

**Cách 1**

Nguyễn Duy là nhà thơ trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Sáng tác của ông thấm đẫm phong vị của ca dao, dân ca nhưng nhiều bài vẫn có cái ngang tàng mà trầm tĩnh, giàu chiêm nghiệm. Thơ ông vì thế cứ đi sâu vào tâm hồn người đọc một cách tự nhiên và có lúc khiến người ta phải giật mình. “Ánh trăng” là một thi phẩm như thế. Nó tựa như một câu chuyện nhỏ có các sự kiện diễn biến theo trình tự thời gian. Lời thơ dung dị như lời kể nhưng chất thơ vẫn đong đầy và ẩn chứa những triết lí sâu sắc về con người, cuộc đời.

**Cách 2**: Thơ xưa cũng như nay, thiên nhiên luôn là nguồn cảm hứng sáng tác vô tận cho các nhà văn, nhà thơ. Đặc biệt là ánh trăng. Xưa, Lý Bạch khi đối diện với vầng trăng đã giật mình thảng thốt nhớ cố hương. Nay, Nguyễn Duy, một nhà thơ tiêu biểu cho thế hệ trẻ sau năm 1975 cũng góp vào mảng thơ thiên nhiên một ánh trăng.Và đối diện trước vầng trăng, người lính đã giật mình về sự vô tình trước thiên nhiên, vô tình với những kỉ niệm nghĩa tình của một thời đã qua. Bài thơ “Ánh trăng” giản dị như một niềm ân hận trong tâm sự sâu kín ấy của nhà thơ.

**Cách 3**: Ta gặp đâu đây ngòi bút tài hoa của Nguyễn Duy trong tác phẩm : “Tre Việt Nam”, “Hơi ấm ổ rơm”..... Nhưng khi hoà bình lập lại, ông đã chuyển sang một trang mới viết về sự chuyển mình của đất nước, của con người cuộc sống đời thường đang che lấp mất dần những điều đáng quý mà họ vốn có. Bài thơ “Ánh trăng” là một bài thơ tiêu biểu cho chủ đề đó. Bài thơ như một lời tự nhắc nhở của tác giả về những năm tháng gian lao đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên đất nước đồng thời thức dậy trong tâm hồn người lính lòng trung hiếu trọn vẹn với nhân dân.

**Cách 4:** Trăng trong thơ vốn là một vẻ đẹp trong trẻo, tròn đầy, đó là cái gì lãng mạn nhất trong cuộc đời, nhất là trong hai trường hợp: khi con người ta còn ở tuổi ấu thơ hoặc khi có những tâm sự cần phải chia sẻ, giãi bầy. Ánh trăng của Nguyễn Duy là cái nhìn xuyên suốt cả hai thời điểm vừa nêu. Chỉ có điều, đây không phải là một cái nhìn xuôi, bình lặng từ trước đến sau, mà là cách nhìn ngược: từ hôm nay mà nhìn lại để thấy có cái hôm qua trong cái hôm nay. Bài thơ như một câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian nhắc nhở về một thời đã qua của người lính gắn bó với thiên nhiên, bình dị, hiền hoà, với nghĩa tình đằm thắm sáng trong.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

- Thi phẩm “*Ánh trăng”* in trong tập thơ “*Ánh trăng”* của Nguyễn Duy - tập thơ đạt giải A của Hội nhà Văn Việt Nam năm 1984.

**- Chủ đề:** Bài thơ là câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian từ quá khứ đến hiện tại gắn với các mốc sự kiện trong cuộc đời con người. Theo dòng tự sự ấy mạch cảm xúc đi từ quá khứ đến hiện tại và lắng kết trong cái "*giật mình*" ở cuối bài thơ.

**2. Cảm nhận bài thơ**

**Luận điểm 1:Vầng trăng trong quá khứ (Khổ 1 và 2)**

**\*Khổ 1: Hình ảnh vầng trăng gắn với tuổi thơ tươi đẹp và hình ảnh vầng trăng trong chiến đấu nghĩa tình, thủy chung**

**-** Mở đầu bài thơ là những kỉ niệm êm đềm, tươi đẹp giữa trăng và người trong quá khứ. Một loạt những mốc thời gian được liệt kê, như một cuốn phim quay chậm :

“Hồi nhỏ sống với đồng

với sông rồi với bể

hồi chiến tranh ở rừng

vầng trăng thành tri kỉ”

- Hình ảnh vầng trăng đang được trải rộng ra trong cái không gian êm đềm và trong sáng của thuổi thơ. Hai câu thơ với vỏn vẹn mười chữ nhưng dường như đã diễn tả một cách khái quát về sự vận động cả cuộc sống con người.

- Mỗi con người sinh ra và lớn lên có nhiều thứ để gắn bó và liên kết. Cánh đồng, sông và bể là nhưng nơi chốn cất giữ bao kỉ niệm của một thời ấu thơ mà khó có thể quên được. Cũng chính nơi đó, ta bắt gặp hình ảnh vầng trăng.

- Với cách gieo vần lưng “*đồng”, “sông*” và điệp từ “*với”* đã diễn tả tuổi thơ được đi nhiều, tiếp xúc nhiều và được hưởng hạnh phúc ngắm những cảnh đẹp của bãi bồi thiên nhiên của tác giả. Tuổi thơ như thế không phải ai cũng có được! Khi lớn lên, vầng trăng đã theo tác giả vào chiến trường để “*chờ giặc tới*”.

- Nghệ thuật nhân hóa *“Vầng trăng thành tri kỉ”.* Trăng luôn sát cách bên người lính, cùng họ trải nghiệm sương gió, vượt qua những đau thương và khốc liệt của bom đạn kẻ thù. Người lính hành quân giữa đêm, trên những nẻo đường chông gai ra mặt trận, những phiên gác giữa rừng khuya lạnh lẽo, những tối nằm yên giấc dưới màn trời đen đặc, người lính đều có vầng trăng bên cạnh.

- Trăng ở bên, bầu bạn, cùng cảm nhận cái giá buốt nơi “*Rừng hoang sương muối*” (Đồng chí), cùng trải qua bao gian khổ của cuộc sống chiến đấu, cùng chia ngọt sẻ bùi, đồng cam cộng khổ; cùng hân hoan trong niềm vui thắng trận, cung xao xuyến, bồn chồn, khắc khoải mỗi khi người lính nhớ nhà, nhớ quê…Trăng đã thật sự trở thành *“tri kỉ”* của người lính trong nhưng năm tháng máu lửa.

**\*Khổ 2: Cảm nhận của nhà thơ về vầng trăng nghĩa tình**

**-** Khổ thơ thứ hai như một lời nhắc nhở về những năm tháng đã qua của cuộc đời người lính gắn bó với thiên nhiên, đất nước hiền hậu, bình dị. Vầng trăng đó, người bạn tri kỉ đó, ngỡ như sẽ không bao giờ quên được:

*“Trần trụi với thiên nhiên  
hồn nhiên như cây cỏ  
ngỡ không bao giờ quên  
cái vầng trăng tình nghĩa”*

- Tính từ “*trần trụi”, “hồn nhiên*” được đặt ở hai đầu dòng thơ như muốn nhấn mạnh khí chất của con người. Cách gieo vần lưng “*thiên nhiên”, “hồn nhiên*” làm cho âm điệu thơ liền mạch, khơi dòng cảm xúc dâng tràn trong tâm hồn thi nhân.

- Từ “*ngỡ”* như báo trước một sự đổi thay, một điều bất thường. Phép liên tưởng đầy tính nghệ thuật “*trần trụi với thiên nhiên*”, so sánh độc đáo “*hồn thiên như cây cỏ”* đã cho ta thấy rõ hơn vẻ đẹp bình dị, mộc mạc, trong sáng, rất đỗi vô tư, hồn nhiên của vầng trăng.

- Có phải chăng trong hoàn cảnh khó khăn, gian khổ, con người ta sống và đối xử với nhau chân thành hơn, vị tha hơn. Đó lá cái thời sống hồn nhiên, trong sáng như cây cỏ, không biết dối trá, giả tạo “*hồn nhiên như cây cỏ*”.

- Cái vầng trăng mộc mạc và giản dị đó là tâm hồn của những người nhà quê, của đồng, của sông. của bể và của những người lính hồn nhiên, chân chất ấy. Những tình cảm tự nhiên, chân thực thì sẽ vững bền theo dòng thời gian. Mối quan hệ thắm thiết giữa người và trăng làm cho nhân vật trữ tình tự

khẳng định một tâm niệm:  
 *“Ngỡ không bao giờ quên  
 Cái vầng trăng tình nghĩa”*

- Vầng trăng đã gắn bó thân thiết với con người từ lúc nhỏ đến lúc trưởng thành, cả trong hạnh phúc và gian lao.Trăng là vẻ đẹp của đất nước bình dị, hiền hậu; của thiên nhiên vĩnh hằng, tươi mát, thơ mộng. Vầng trăng không những trở thành người bạn tri kỉ, mà đã trở thành “*vầng trăng tình nghĩa***” biểu tượng cho quá khứ nghĩa tình**

**Luận điểm 2 :** **Vầng trăng trong hiện tại (khổ 3, 4)**

**\*Khổ 3: Hình ảnh vầng trăng trong hiện tại và sự vô tình của con người=>**

**=>**Cuộc chiến tranh thần thánh kết thúc, hoàn cảnh sống của con người cũng đổi thay:

*Từ hồi về thành phố  
Quen ánh điện, cửa gương  
Vầng trăng đi qua ngỡ  
Như người dưng qua đường.*

- Từ hồi về thành phố, người lính xưa bắt đầu quen sống với những tiện nghi hiện đại như *“ánh điện, cửa gương”.* Cuộc sống công nghiệp hoá, hiện đại hoá của điện gương đã làm át đi sức sống của ánh trăng trong tâm hồn con người. Trăng được nhân hóa, lặng lẽ bước đi. Trăng thành "người dưng" chẳng còn ai nhớ, chẳng còn ai hay.

- Giọng thơ trở nên sâu lắng, trầm buồn đến xa xót! Một sự thay đổi phũ phàng khiến người ta không khỏi nhói đau. Trăng lướt nhanh như cuộc sống hiện đại gấp gáp, hối hả không có điều kiện để con người nhớ về quá khứ. Và anh lính đã quên đi chính ánh trăng đã đồng cam cộng khổ cùng người lính, quên đi tình cảm chân thành, quá khứ cao đẹp nhưng đầy tình người.

- **Câu thơ dưng dưng - lạnh lùng - nhức nhối, xót xa miêu tả một điều gì bội bạc, nhẫn tâm vẫn thường xảy ra trong cuộc sống.** Có lẽ nào sự biến đổi về kinh tế, về điều kiện sống tiện nghi lại kéo theo sự thay dạ đổi lòng? Ca dao xưa có câu” *“Thuyền về có nhớ bến chăng/ Bến thì một da khăng khăng đợi thuyền”;* nhà thơ Tố Hữu cũng băn khoăn cùng một tâm trạng ấy khi tiễn đưa cán bộ về xuôi:

*“Mình về thành thị xa xôi*

*Nhà cao còn thấy núi đồi nữa chăng?*

*Phố đông còn nhớ bản làng*

*Sáng đêm còn nhớ mảnh trăng giữa rừng?”*

Và cũng bởi vậy mà ông cha ta đã từng nhắc nhớ : *“ngọt bùi nhớ lúc đắng cay”,* khuyên con người ta không nên quay lưng lại với quá khứ.

**\*Khổ 4: Sự cố bất ngờ khiến con người nhận ra sự vô tình của mình**

**-** Quỹ đạo của cuộc sống và dòng đời trong đục khiến con người cứ tất bật, hối hả, chìm trong nhịp sống gấp gáp làm ăn. Nhưng cuộc đời lại là một chuỗi những quy luật nhân - quả nối tiếp nhau, con người có lúc may, lúc rủi, lúc thành công, khi thất bại, lúc vui buồn và sự đổi ngôi là tất yếu để mỗi người tự hoàn thiện mình hơn:

“Thình lình đèn điện tắt

Phòng buyn-ding tối om

Vội bật tung cửa sổ

Đột ngột vầng trăng tròn”

- Khi *“đèn điện tắt”,* cũng là khi không còn được sống trong cái xa hoa, đầy đủ về vật chất, người lính bỗng phải đối diện với cái thực tại tối tăm. Trong cái “*thình lình”, “đột ngột”* ấy, người lính vôi bật tung cửa sổ và bất ngờ nhận ra một cái gì đó.

- Các từ ngữ *"thình lình, vội, bật tung, đột ngột"* gợi tả cảm xúc mạnh mẽ, bất ngờ của con người. "*Bật tung cửa sổ",* cái cửa sổ ấy có lẽ không chỉ đơn thuần là cửa sổ bình thường, mà là cái cửa sổ của lạnh nhạt che khuất tâm hồn người lính, là rào cản đưa lòng người rời xa tình cảm quá khứ, là bức tường vốn đang từng ngày đưa tâm hồn con người vào bóng tối của sự hững hờ, bạc bẽo, tách dần khỏi ánh sáng nghĩa tình của vầng trăng yêu thương.

- Đến khi người lính vội vàng *"bật tung cửa sổ"*, không còn gì ngăn cách, không còn một ranh giới rào cản nào nữa, người chiến sĩ xưa mới nhận ra trăng, một cách thình lình và đột ngột, như không hề ngờ tới, không hề nghĩ tới. Trăng vẫn tròn như những nghĩa tình vẫn đầy ắp không sứt mẻ, vẫn hiện diện bên cạnh nhân vật trữ tình như thuở ấu thơ, như thời chiến đấu; nhưng người đã không còn nhớ gì cả.

**Luận điểm 3: Cảm xúc và suy ngẫm của tác giả trước vầng trăng (Khổ 5, 6)**

**Khổ 5. Cảm xúc của tác giả khi gặp lại "cố nhân" giữa thị thành**

**-** Trăng xưa như đã đến với người. vẫn tròn, vẫn đẹp, vẫn thủy chung. Người ngắm trang rồi bang khuân suy ngẫm:

"Ngửa mặt lên nhìn mặt

có cái gì rưng rưng

như là đồng là bể

như là sông là rừng"

- Vần thơ có cái gì đó khiến lòng người cảm động. Hai từ "*mặt"* trong cùng một dòng thơ: mặt người và mặt trăng, mặt đối mặt, lòng đối lòng. Bao cảm xúc bên trong nhân vật trữ tình lúc này cũng như cánh cửa sổ "*bật tung"* ra, trào dâng đến nỗi như "*có cái gì rưng rưng*".

- Rưng rưng của những niềm thương nỗi nhớ, của những lãng quên lạnh nhạt với người bạn cố tri; của một lương tri đang thức tỉnh sau những ngày đắm chìm trong cõi u mê mộng mị; rưng rưng của nỗi ân hận ăn năn về thái độ của chính mình trong suốt thời gian qua. Một chút áy náy, một chút tiếc nuối, một chút xót xa đau lòng, tất cả đã làm nên cái *"rưng rưng",* cái thổn thức trong sâu thẳm trái tim người lính.

- Và trong phút giây nhân vật trữ tình nhìn thẳng vào trăng- biểu tượng đẹp đẽ của một thời xa vắng, nhìn thẳng vào tâm hồn của mình, bao kỉ niệm chợt ùa về chiếm trọn tâm tư. Kí ức về quãng đời ấu thơ trong sáng, về lúc chiến tranh máu lửa, về cái ngày xưa hồn hậu hiện lên rõ dần theo dòng cảm nhận trào dâng, "*như là đồng là bể, như là sông là rừng*". Đồng, bể, sông, rừng, những hình ảnh gắn bó nơi khoảng trời kỉ niệm.

- Cấu trúc song hành của hai câu thơ, nhịp điệu dồn dập cùng biện pháp tu từ so sánh, điệp ngữ và liệt kê như muốn khắc họa rõ hơn kí ức về thời gian gắn bó chan hòa với thiên nhiên, với vầng trăng lớn lao sâu nặng, nghĩa tình, tri kỉ. Chính thứ ánh sáng dung dị đôn hậu đó của trăng đã chiếu tỏ nhiều kỉ niệm thân thương, đánh thức bao tâm tình vốn tưởng chừng ngủ quên trong góc tối tâm hồn người lính.

- Chất thơ mộc mạc chân thành như vầng trăng hiền hòa, ngôn ngữ hàm súc, giàu tính biểu cảm như "*có cái gì rưng rưng",* đoạn thơ đã đánh động tình cảm nơi người đọc. Đọc bốn câu thơ, ta thấy thương thay cho trăng và tiếc thay cho người chiến sĩ.

*"Khéo trách người sao quá vội vàng*

*Bỏ lại bao kỉ niệm quá khứ*

*Khá trách người sao quá phũ phàng*

*Lãng quên những yêu thương tình tự".*

- Nhân vật trữ tình đã có biết bao lần có thể hội ngộ cùng trăng, nhưng người đều bỏ lỡ dịp đó. Người đã xem trăng như người dưng, và giờ là lúc người bị cắn rứt lương tâm tột độ.

**Khổ 6: Suy ngẫm của nhà thơ về tình đời, tình người và lời nhắc nhở trách nhiệm đối với quá khứ**

**-** Mặc dù như vậy, trăng - gương mặt của ân tình quá khứ, vẫn điềm đạm, cao thương và bao dung:

*"Trăng cứ tròn vành vạnh*

*kể chi người vô tình*

*ánh trăng im phăng phắc*

*đủ cho ta giật mình."*

*- “Trăng tròn vành vạnh”* là hiện diện cho quá khứ đẹp đẽ không thể phai mờ. Nó đối lập với con người vô tình đổi thay, đối lập với ánh điện cửa gương dễ bị chi phối bởi hoàn cảnh. Hai tiếng *“kể chi”* như một lời khẳng định thể hiện sự bao dung độ lượng của trăng.

- Ánh trăng được nhân hoá và khoảnh khắc *“im phăng phắc”* là cái lặng im của sự nghiêm khắc mà bao dung, của sự thấu hiểu và độ lượng, tha thứ. Sự im lặng của trăng đủ để nhà thơ “*giật mình”*. Cái giật mình ấy làm cho con người trở nên đáng trọng hơn.

- Cái “*giật mình”* là cảm giác và phản xạ tâm lí có thật của một người biết suy nghĩ, chợt nhận ra sự vô tình, bạc bẽo, sự nông nổi trong cách sống của mình.

- Cái “*giật mình*” của sự ăn năn, tự trách, tự thấy phải đổi thay trong cách sống. Cái “*giật mình*” tự nhắc nhở bản thân không bao giờ được làm người phản bội quá khứ, phản bội thiên nhiên, sùng bái hiện tại mà coi rẻ quá khứ. Con người “*giật mình*” trước ánh trăng là sự bừng tỉnh của nhân cách, là sự trở về với lương tâm trong sạch, tốt đẹp. Đó là lời ân hận, ăn năn day dứt, làm đẹp con người.

- Nguyễn Duy thầm nhắc nhở chính mình và cũng đồng thời nhắc nhở chúng ta, những người đang sống trong hoà bình, hưởng những tiện nghi hiện đại, đừng bao giờ quên công lao của biết bao người đi trước. Trân trọng, khắc ghi, tri ân kỉ niệm. “*Uống nước nhớ nguồn*”.

**3. Đánh giá, mở rộng**

**-** Với ngôn ngữ giản dị mà hàm súc, cô đọng, giọng điệu tâm tình tự nhiên, hình ảnh giàu tính biểu cảm được thể hiện qua thể thơ năm chữ kết hợp hài hòa giữa tự sự và trữ tình, cùng đạo lý làm người không bao giờ cũ: *“uống nước nhớ nguồn”*; bài thơ như một lời tâm sự, nhắc nhở người ta sống tình cảm với những quá khứ đã qua, trân trọng, biết ơn những thứ mình đã có và đang có.

**-** Nhịp thơ sâu lắng làm người đọc phải suy gẫm. Cùng nói về vầng trăng gợi nhớ nhưng trăng trong *“Ánh trăng*” không phải là vầng trăng cố hương như *“Tĩnh dạ tứ”* của Lý Bạch:

*“Sàng tiền minh nguyệt quang*

*Nghi thị địa thượng sương*

*Cử đầu vọng minh nguyệt*

*Đê đầu tư cố hương.”*

mà là vầng trăng trữ tình đong đầy yêu thương, chất chứa hằng bao xúc cảm, về một thời “*ngày ấy”* của thiên nhiên, đất nước, cuộc đời, và cả tâm hồn con người. *“Ánh trăng”* thực sự để lại trong lòng người đọc rất nhiều những suy tư đáng quý.

**III. Kết bài**

Bài thơ kết thúc nhưng ánh trăng vẫn còn đó, như muốn soi tỏ những ngổn ngang nơi lòng người, để những tâm hồn chìm đắm trong phù du có thể tìm đường về với những ân tình ân nghĩa, có thể tìm lại phút giây bình yên trong khoảng trời kỉ niệm thân thương. Bài thơ đã đem lại cho dàn hợp xướng như bài thơ về trăng một nốt nhạc mới lạ, lắng sâu vào trái tim độc giả. Cuộc sống hôm nay dù không còn bom đạn chiến tranh nhưng vẫn còn đó một cuộc đấu tranh với chính mình để loại bỏ cái vô tình, bội bạc, để hướng tới cuộc sống tốt đẹp. "*Ánh trăng"* của Nguyễn Duy đã, đang và sẽ soi rọi vào những góc tối của tâm hồn để con người nhận ra chính mình và có những cái *"giật mình"* đáng quý.

*===========================================*

**ĐỀ 42: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ HAI KHỔ THƠ SAU:**

*“Ngửa mặt lên nhìn mặt  
Có cái gì rưng rưng  
Như là đồng là bể  
Như là sông là rừng*

*Trăng cứ tròn vành vạnh  
\Kể chi người vô tình  
Ánh trăng* *im phăng phắc  
Đủ cho ta giật mình.”*

(Trích *Ánh trăng*, Nguyễn Duy, SGK Ngữ văn lớp 9, tập một, NXB Giáo dục, 2014, tr.156)

**I. Mở bài**

Thời gian vẫn trôi và bốn mùa luôn luân chuyển. Con người chỉ xuất hiện một lần trong đời và cũng chỉ một lần ra đi mãi mãi vào cõi vĩnh hằng…nhưng những gì là thơ, là văn, là nghệ thuật đích thực thì vẫn còn mãi với thời gian. Trước khi chết, vua Phổ cầm tay Moda và nói *“Ta tiêu biểu cho trật tự, ngươi tiêu biểu cho cái đẹp. Biết đâu hậu thế sẽ quên ta và nhắc nhở đến ngươi”.* Có lẽ về sau, chúng ta vẫn sẽ không quên *“Ánh trăng”* của Nguyễn Duy. Một bài thơ hay, ngọt ngào, da diết, là tiếng lòng thổn thức của Nguyễn Duy gửi đến thế hệ bạn đọc. Đặc biệt là hai khổ thơ cuối, là dòng cảm xúc và suy ngẫm của tác giả trước vầng trăng:

*“Ngửa mặt lên nhìn mặt  
có cái gì rưng rưng  
như là đồng là bể  
như là sông là rừng*

*Trăng cứ tròn vành vạnh  
kể chi người vô tình  
ánh trăng* *im phăng phắc  
đủ cho ta giật mình.”*

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Thi phẩm “*Ánh trăng”* ra đời vào năm 1978, in trong tập thơ “*Ánh trăng”* của Nguyễn Duy - tập thơ đạt giải A của Hội nhà Văn Việt Nam năm 1984.

**- Chủ đề:** Bài thơ là câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian từ quá khứ đến hiện tại gắn với các mốc sự kiện trong cuộc đời con người. Theo dòng tự sự ấy mạch cảm xúc đi từ quá khứ đến hiện tại và lắng kết trong cái "*giật mình*" ở cuối bài thơ.

**2. Cảm nhận khổ thơ**

**- Khổ 5:** Vầng trăng đã từng gắn bó với tuổi thơ, với cuộc đời người lính, đã trở thành người bạn tri kỉ, ngỡ không bao giờ quên. nhưng hoàn cảnh sống đổi thay, con người cũng thay đổi, có lúc cũng trở nên vô tình. Sau chiến thắng trở về thành phố, quen *“ánh điện cửa gương”,* khiến cho vầng trăng tình nghĩa vô tình bị lãng quên nhưng một tình huống đời thường xảy ra làm cho con người phải giật mình tỉnh ngộ, phải đối mặt với vầng trăng mà sám hối:

“Ngửa mặt lên nhìn mặt

có cài gì rưng rưng

như là đồng là bể

như là sông là rừng”

- Vần thơ có cái gì đó khiến lòng người cảm động. Hai từ "*mặt"* trong cùng một dòng thơ: mặt người và mặt trăng, mặt đối mặt, lòng đối lòng. Bao cảm xúc bên trong nhân vật trữ tình lúc này cũng như cánh cửa sổ "*bật tung"* ra, trào dâng đến nỗi như "*có cái gì rưng rưng*". *“Rưng rưng”* là biểu hiện xúc động, nước mắt đang ứa ra, sắp khóc. Rưng rưng của những niềm thương nỗi nhớ, của những lãng quên lạnh nhạt với người bạn cố tri; của một lương tri đang thức tỉnh sau những ngày đắm chìm trong cõi u mê mộng mị; rưng rưng của nỗi ân hận ăn năn về thái độ của chính mình trong suốt thời gian qua.

- Một chút áy náy, một chút tiếc nuối, một chút xót xa đau lòng, tất cả đã làm nên cái *"rưng rưng",* cái thổn thức trong sâu thẳm trái tim người lính. Và trong phút giây nhân vật trữ tình nhìn thẳng vào **trăng- biểu tượng đẹp đẽ của một thời xa vắng**, nhìn thẳng vào tâm hồn của mình, bao kỉ niệm chợt ùa về chiếm trọn tâm tư. Kí ức về quãng đời ấu thơ trong sáng, về lúc chiến tranh máu lửa, về cái ngày xưa hồn hậu hiện lên rõ dần theo dòng cảm nhận trào dâng, "*như là đồng là bể, như là sông là rừng*". Đồng, bể, sông, rừng, những hình ảnh gắn bó nơi khoảng trời kỉ niệm.

- Cấu trúc song hành của hai câu thơ, nhịp điệu dồn dập cùng biện pháp tu từ so sánh, điệp ngữ và liệt kê như muốn khắc họa rõ hơn kí ức về thời gian gắn bó chan hòa với thiên nhiên, với vầng trăng lớn lao sâu nặng, nghĩa tình, tri kỉ. Chính thứ ánh sáng dung dị đôn hậu đó của trăng đã chiếu tỏ nhiều kỉ niệm thân thương, đánh thức bao tâm tình vốn tưởng chừng ngủ quên trong góc tối tâm hồn người lính. Chất thơ mộc mạc chân thành như vầng trăng hiền hòa, ngôn ngữ hàm súc, giàu tính biểu cảm như "*có cái gì rưng rưng",* đoạn thơ đã đánh động tình cảm nơi người đọc. Đọc bốn câu thơ, ta thấy thương thay cho trăng và tiếc thay cho người chiến sĩ.

*"Khéo trách người sao quá vội vàng*

*Bỏ lại bao kỉ niệm quá khứ*

*Khá trách người sao quá phũ phàng*

*Lãng quên những yêu thương tình tự".*

- Nhân vật trữ tình đã có biết bao lần có thể hội ngộ cùng trăng, nhưng người đều bỏ lỡ dịp đó. Người đã xem trăng như người dưng, và giờ là lúc người bị cắn rứt lương tâm tột độ.

**Khổ 6:** Khổ cuối bài thơ, Nguyễn Duy đưa người đọc cùng đắm chìm trong suy tư, trong chiêm nghiệm về vầng trăng tình nghĩa một thời:

*"Trăng cứ tròn vành vạnh*

*Kể chi người vô tình*

*Ánh trăng im phăng phắc*

*Đủ cho ta giật mình."*

- *“Trăng tròn vành vạnh”* là hiện diện cho quá khứ đẹp đẽ không thể phai mờ. Nó đối lập với con người vô tình đổi thay, đối lập với ánh điện cửa gương dễ bị chi phối bởi hoàn cảnh.

- Hai tiếng *“kể chi”* như một lời khẳng định thể hiện sự bao dung độ lượng của trăng. Ánh trăng được nhân hoá và khoảnh khắc *“im phăng phắc”* là cái lặng im của sự nghiêm khắc mà bao dung, của sự thấu hiểu và độ lượng, tha thứ. Sự im lặng của trăng đủ để nhà thơ “*giật mình”*. Cái giật mình ấy làm cho con người trở nên đáng trọng hơn. Cái “*giật mình”* là cảm giác và phản xạ tâm lí có thật của một người biết suy nghĩ, chợt nhận ra sự vô tình, bạc bẽo, sự nông nổi trong cách sống của mình.

- Cái “*giật mình*” của sự ăn năn, tự trách, tự thấy phải đổi thay trong cách sống. Cái “*giật mình*” tự nhắc nhở bản thân không bao giờ được làm người phản bội quá khứ, phản bội thiên nhiên, sùng bái hiện tại mà coi rẻ quá khứ. Con người “*giật mình*” trước ánh trăng là sự bừng tỉnh của nhân cách, là sự trở về với lương tâm trong sạch, tốt đẹp. Đó là lời ân hận, ăn năn day dứt, làm đẹp con người. Nguyễn Duy thầm nhắc nhở chính mình và cũng đồng thời nhắc nhở chúng ta, những người đang sống trong hoà bình, hưởng những tiện nghi hiện đại, đừng bao giờ quên công lao của biết bao người đi trước. Trân trọng, khắc ghi, tri ân kỉ niệm. “*Uống nước nhớ nguồn*”.

**3. Đánh giá, mở rộng**

- Với giọng thơ trầm tĩnh, sâu lắng, hai đoạn thơ trên đã gây nhiều xúc động cho người đọc. Nó như là lời tâm sự, lời tự thú, lời tự nhắc chân thành. Qua đoạn thơ, tác giả muốn nói rằng: phải thuỷ chung, trọn vẹn, phải nghĩa tình sắt son với nhân dân, với đất nước, và ngay với chính bản thân mình.

- Cũng lối sống thủy chung, ân tình đó ta lại liên tưởng tới bài thơ “*Bếp lửa”* của Bằng Việt. Bài thơ khẳng định: hãy sống ân tình, thuỷ chung với quê hương, với quá khứ, với lịch sử và nhân dân. Chẳng ai hạnh phúc nếu không biết trân trọng, tri ân và chung thuỷ với quá khứ.

**III. Kết bài**

Hai khổ thơ trên mang tính chất triết lí sâu sắc, nhẹ nhàng cảnh tỉnh ai đó đã lãng quên quá khứ tốt đẹp. Cần biết sống thủy chung, nghĩa tình. Cuộc sống hôm nay dù không còn bom đạn chiến tranh nhưng vẫn còn đó một cuộc đấu tranh với chính mình để loại bỏ cái vô tình, bội bạc, để hướng tới cuộc sống tốt đẹp. Hai khổ thơ trên đã, đang và sẽ soi rọi vào những góc tối của tâm hồn để con người nhận ra chính mình và có những cái *"giật mình"* đáng quý.

=======================================================

**ĐỀ 43: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ ĐOẠN THƠ SAU:**

“ … Từ hồi về thành phố

                                                              Quen ánh điện, cửa gương

Vầng trăng đi qua ngõ

                                                             Như người dưng qua đường

                                                             Thình lình đèn điện tắt

                                                             Phòng buyn-đinh tối om

                                                             Vội bật tung cửa sổ

                                                             Đột ngột vầng trăng tròn

                                                             Ngửa mặt lên nhìn mặt

                                                             Có cái gì rưng rưng

                                                             Như là đồng là bể

                                                             Như là sông là rừng

                                                             Trăng cứ tròn vành vạnh

                                                             Kể chi người vô tình

                                                             Anh trăng im phăng phắc

                                                             Đủ cho ta giật mình”

(Ánh trăng , Nguyễn Duy - SGK Ngữ văn 9 tập 1, 2008)

**I. Mở bài**

Có những tác phẩm đọc xong gấp sách lại là ta quên ngay cho đến khi xem lại mới chợt nhớ là mình đã đọc rồi, nhưng cũng có những tác phẩm như dòng chảy qua tâm hồn ta để lại trong ta những ấn tượng trạm khắc trogn tâm khảm. Và “Ánh trăng ” của Nguyễn Duy cũng là một tác phẩm như thế. Trong bài thơ ấy, ấn tượng với người đọc nhất có lẽ là 3 khổ thơ đầu.

**II. Thân bài**

**1.Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác :** Bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy được sang tác năm 1978 ba năm sau ngày đất nước giành được độc lập. Khi đó nhà thơ đang sống và làm việc ởthành phố Hồ Chí Minh - nơi đô thị của cuộc sống tiện nghi hiện đại, nơi nhiều người lính trở về sau khi kết thúc những năm tháng chiến tranh gian khổ nhưng đầy ý nghĩa.

**- Chủ đề :** *“Ánh trăng”* là câu chuyện nhỏ được kể theo trình tự thời gian từ quá khứ đến hiện tại gắn với các mốc sự kiện trong cuộc đời con người. Dòng xúc cảm của nhà thơ cũng men theo dòng tự sự này mà bộc lộ tâm tư, suy ngẫm chiêm nghiệm. Theo dòng tự sự ấy mạch cảm xúc đi từ quá khứ đến hiện tại và lắng kết trong cái "*giật mình*" ở cuối bài thơ. Bốn khổ thơ trên như một lời nhắc nhở của tác giả với người đọc về đạo lí sống “Uống nước nhớ nguồn”, về lẽ sống thủy chung tình nghĩa.

**2. Phân tích 4 khổ thơ**

*\* Dẫn dắt :* Nếu như ở hai khổ thơ đầu, tác giả đưa người đọc trở về với quá khứ xa xăm, thì đến với khổ ba, Nguyễn Duy lại đã đưa người đọc trở về với hiện tại trong sự tác động của hoàn cảnh đến con người, khiến con người lãng quên vầng trăng:

*“Từ hồi về thành phố*

*quen ánh điện cửa gương*

*vầng trăng đi qua ngõ*

*như người dưng qua đường”*

- Thành phố là một địa điểm khác, hoàn toàn mới mẻ, đối lập với không gian sống hồi nhỏ và khi còn là người lính trên chiến trường. Hình ảnh “*ánh điện cửa gương*” là hình ảnh hoán dụ, biểu tượng cho cuộc sống đủ đầy, tiện nghi, khép kín trong những căn phòng hiện đại nơi phồn hoa đô thị, rời xa với thiên nhiên.

- Từ đó, nhà thơ đã diễn tả sự thay đổi tình cảm của con người: “*Vầng trăng tri kỉ, tình nghĩa”* kia đã trở thành “*người dưng qua đường*”. Vầng trăng đã được nhân cách hóa. Vầng trăng đi qua ngõ nhưng con người hờ hững, thờ ơ, không còn nhận ra trăng từng là người bạn tri kỉ, tình nghĩa một thời nữa.

- Câu chuyện tâm tình được kể ngắn gọn, súc tích, mộc mạc, giản dị mà chân thành; những câu chữ đầu dòng thơ không viết hoa đã diễn tả dòng suy tư miên man không dứt của nhà thơ trước sự chảy trôi của thời gian, năm tháng và sự thay đổi của lòng người trước cuộc sống tiện nghi.

- Tưởng chừng như *“trăng”* cứ thế mà chìm khuất đi mãi mãi, người với *“trăng”* sẽ chẳng còn cơ hội mà gặp gỡ nhau. Bởi trước phồn hoa đô hội, dưới ánh sáng cửa gương, đèn điện, dưới sự bận bịu, lo toan cho cuộc sống của con người thì *“trăng”* sẽ trở nên nhạt nhòa, chìm khuất nhưng nó đã có dịp bừng sáng lên khi một tình huống bất ngờ xảy đến, để rồi đánh thức biết bao nhiêu là suy ngẫm, kỉ niệm dội về trong lòng thi nhân:

*“Thình lình đèn điện tắt*

*Phòng buyn-đinh tối om*

*Vội bật tung cửa sổ*

*Đột ngột vầng trăng tròn”*

- Nếu ở các khổ thơ trước, giọng thơ đều đều, chậm rãi, miên man trong những kỉ niệm tươi đẹp của quá khứ thì đến khổ bốn, giọng thơ đã đột ngột cất cao, thể hiện sự choáng ngợp, bất ngờ trước sự xuất hiện đột ngột của vầng trăng trước khung của sổ.

- Mất điện, theo một lẽ tự nhiên khi con người chỉ tìm tới nơi có ánh sáng, hành động phản xạ như một thói quen vội tìm nguồn sáng*“vội bật tung cửa sổ”* và con người đã vô tình bắt gặp “*vầng trăng tròn*” tình nghĩa năm nào. Nghệ thuật đảo ngữ đã đẩy từ *“đột ngột”* lên đầu câu thơ, nhấn mạnh đến sự ngỡ ngàng, ngạc nhiên, bàng hoàng của con người khi bắt gặp vầng trăng.

- Tác giả đã nhân hóa vầng trăng. Thì ra vầng trăng vẫn tròn vành vạnh, chan chứa tình nghĩa, vẫn luôn dõi theo, đồng hành cùng con người, vẫn luôn lặng lẽ tỏa sáng không hề hao khuyết. Còn con người thì dửng dưng, lãng quên vầng trăng nên khi bắt gặp vầng trăng mới cảm thấy bất ngờ, đột ngột đến như vậy. Một sự bội bạc, đau xót.

- Mọi khoảng lặng xung quanh rất cần cho lúc này, mọi thứ như ngừng trôi đi, nhường chỗ cho hai tâm hồn gặp gỡ:

*“Ngửa mặt lên nhìn mặt*

*Có cái gì dưng dưng*

*Như là đồng là bể*

*Như là sông là rừng”*

- Nhà thơ lặng lẽ đối diện với trăng “*Ngửa mặt lên nhìn mặt*” và ngậm ngùi *“rưng rưng”* như trực trào nước mặt sắp khóc, vừa vui mừng, vừa ngẹn ngào không nói được thành lời. Từ “*mặt”* ở cuối câu thơ đầu là từ nhiều nghĩa, tạo nên sự đa nghĩa của ý thơ: Nhà thơ đối diện với vầng trăng, người bạn tri kỉ mà mình đã lãng quên.

- Người đối diện với trăng, trăng đối diện với người hay chính là quá khứ đối diện với hiện tại, thủy chung tình nghĩa đối diện với sự bạc bẽo, vô tình. Đối diện với trăng, nhà thơ như soi thấy cả mình trong đó, như được sống lại với những năm tháng gắn bó với thiên nhiên “*đồng, sông, rừng, bể”.* Vì thế, đã làm cho con người nhà thơ *“rưng rưng*” xúc động. Sự xúc động ấy vừa là niềm vui khi được sống lại với quá khứ; lại vừa là giọt nước mắt của sự ăn năn, cảm thấy hổ thẹn, ân hận về sự đổi thay của chính mình. Giọng thơ chuyển từ sự bất ngờ, đột ngột chuyển sang xúc động “*rưng rưng”.*

- Điệp ngữ “*như là*”, kết hợp với biện pháp liệt kê hình ảnh “*đồng – sông – rừng – bể”* đã khiến nhịp thơ trở nên trầm lắng, chậm rãi và những lớp sóng của hoài niệm xa xăm cứ tự đâu ùa về thật xúc động thiêng liêng.

Từ hồi tưởng đến hiện tại, từ hiện tại tới xúc động rưng rưng và cuối cùng lắng dần vào trong những suy ngẫm, chiêm nghiệm. Đó là những phút giây bừng ngộ của tâm hồn nhà thơ mà cũng chính là lời nhắn nhủ thiết tha mà Nguyễn Duy muốn gửi gắm trong cuộc đời:

*“Trăng cứ tròn vành vạnh*

*Kế chi người vô tình*

*Ánh trăng im phăng phắc*

*Đủ cho ta giật mình”.*

- Suốt chiều dài bài thơ, Trăng được miêu tả với rất nhiều những định ngữ khác nhau như: trăng tri kỉ, trăng tình nghĩa, vầng trăng tròn và cuối cùng kết tinh thành "*Trăng cứ tròn vành vạnh".* Điều đó đã cho thấy, trăng trở thành biểu tượng cho sự bất biến, vĩnh hằng, không thay đổi; biểu tượng cho sự tròn đầy, thủy chung, trọn vẹn của thiên nhiên tươi đẹp trong quá khứ, trong hiện tại và cả tương lai, cho dù lòng người đổi thay, khiếm khuyết *“vô tình”.*

- Hình ảnh ánh trăng được nhân hóa với thái độ *“im phăng phắc*” gợi cho chúng ta liên tưởng tới cái nhìn nghiêm khắc như trách móc, nhắc nhở con người về thái độ “*vô tình”* bạc bẽo, lãng quên của chính mình.

- Nhưng đồng thời thái độ "*im phăng phắc"* đó của trăng cũng chất chứa cả sự bao dung, nhân từ, độ lượng của người bạn thủy chung, tình nghĩa. Bởi dù lòng người thay đổi nhưng trăng vẫn dõi theo người, vẫn lặng lẽ tỏa sáng, vẫn cứ “*tròn vành vạnh”.* Dòng thơ cuối dồn nén biết bao nhiêu là cảm xúc trong cái *“giật mình”* của con người. Chính sự im lặng của trăng đã làm cho con người phải “*giật mình”* thức tỉnh, hay đó chính là cái *"giật mình"* của nhân cách, của lương tâm, là lời sám hối chân thành để rửa sạch tội lỗi, để tâm hồn trở nên trong sạch và sống tốt đẹp hơn.

- Lời thơ chuyển từ “*vầng trăng tròn vành vạnh”* sang hình ảnh *“ánh trăng*” chất chứa nhiều ý nghĩa khái quát: nếu như vầng trăng tròn là để nói về quá khứ thủy chung, tình nghĩa vẹn nguyên thì “*ánh trăng*” lại để nói đến vầng hào quang của quá khứ, ánh sáng của lương tâm, của đạo đức soi rọi xua tan đi những bóng tối của sự lãng quên, bội bạc và làm con người thức tỉnh, tâm hồn trở nên trong sáng hơn, đẹp đẽ hơn.

- Vì thế, ánh trăng của Nguyễn Duy là một thứ vầng trăng mang đầy tính nhân văn, nhân bản sâu sắc. Nó trở thành một bài học không chỉ dành riêng cho những người lính mà còn có ý nghĩa với tất cả mọi người, mọi thời đại để rồi từ đó, tự mỗi người trong mỗi chúng ta sẽ tự đối diện với chính mình, với quá khứ xem mình đã sống ra sao, như thế nào...

**3. Đánh giá, mở rộng**

- Đoạn thơ kết hợp hài hòa, tự nhiên giữa biểu cảm và tự sự, tạo nên như một câu chuyện riêng, một lời tâm sự chân thành, một lời tự nhắc nhở có giọng trầm tĩnh mà sâu lắng. Kết cấu và giọng điệu làm nổi bật chủ đề và tạo sức truyền cảm cho bài thơ. Hình ảnh thơ vừa cụ thể, vừa khái quát, mang ý nghĩa biểu tượng sâu xa và chất chứa chiều sâu suy ngẫm, triết lí. Các câu thơ liền mạch, không dùng dấu câu, không viết hoa đầu dòng (trừ chữ cái đầu mỗi khổ thơ) như diễn tả dòng tâm tư triền miên, thiết tha, sâu lắng.

- Cảm xúc ấy ta còn được bắt gặp trong bài thơ “*Bếp lửa”* của Bằng Việt. Một bài thơ hay tiêu biểu cho lối sống thủy chung, ân tình.

**III. Kết bài**

Đoạn thơ kết tinh giá trị tư tưởng, chủ đề của cả bài thơ. Đoạn thơ không chỉ có ý nghĩa với nhà thơ, với cả thế hệ vừa mới đi qua chiến tranh mà còn có ý nghĩa với người đọc ngày nay vì nó đặt ra vấn đề về thái độ sống với quá khứ. Đó chính là truyền thống *“Uống nước nhớ nguồn”* đẹp đẽ của dân tộc. Những câu thơ gần gũi, bình dị nhưng sâu sắc mà rất đỗi tài hoa, đi sâu vào cái nghĩa, cái tình muôn đời của con người Việt Nam còn đọng mãi trong lòng người đọc.

**============================================================**

**CHUYÊN ĐỀ 3: TRUYỆN HIỆN ĐẠI**

**LÀNG**

*(Kim Lân)*

**ĐỀ 44: PHÂN TÍCH NHÂN VẬT ÔNG HAI TRONG TRUYỆN NGẮN « LÀNG : CỦA NHÀ VĂN KIM LÂN.**

**I. Mở bài**

**Cách 1:** Kim Lân là nhà văn tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm but của mình ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị, trong đó đặc sắc nhất là truyện ngắn Làng. Truyện viết về hình ảnh người nông dân trong thời kì đổi mới - Đó là ông Hai một người có tình yêu với làng quê tha thiết gắn bó, hòa quyện thống nhất trong tình yêu đất nước vô cùng sâu nặng. Tình cảm thiêng liêng ấy được thể hiện xuyên suốt tác phẩm.

**Cách 2:** Tình yêu làng luôn là tình cảm gắn bó thiêng liêng trong tâm hồn mỗi người dân Việt Nam, song ở mỗi thời kì lịch sử tình cảm đó lại mang vẻ đẹp lấp lánh ánh sáng thời đại. Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến người nông dân Việt Nam không chỉ yêu làng, mà còn yêu kháng chiến, yêu cách mạng. Điều này được khắc họa rõ nét qua truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân. Đọc truyện ngắn *“Làng”* của nhà văn Kim Lân, người đọc vô cùng ấn tượng về nhân vật ông Hai. Đó là một người nông dân có tình cảm yêu làng, yêu nước, đáng quý, đáng trân trọng

**II. Thân bài**

**1. Khái quát**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Truyện ngắn *“Làng”* được viết vào năm 1948 những năm đầu của cuộc kháng chiến chống quân Pháp xâm lược. Câu chuyện xoay quanh nhân vật chính là ông Hai **-** một người rất tự hào và yêu mến làng Chợ Dầu của mình. Do chiến tranh nên gia đình ông phải tản cư nhưng ông luôn mong ngóng tin tức về làng. Hình ảnh ông Hai đau khổ khi nghe tin làng theo giặc được miêu tả rất độc đáo. Cuối truyện, ông Hai vui mừng khi nghe tin cải chính rằng làng mình không theo giặc dù cho nhà ông bị đốt trong đám cháy ấy.

**- Chủ đề:** Nhân vật ông Hai thể hiện nhận thức của mình, hơn cả là nhận thức chung của giai cấp nông dân trong cuộc chiến tranh vệ quốc. Từ tình yêu làng da diết, nhân vật đã nâng lên thành tinh thần yêu nước mạnh mẽ, hi sinh tài sản riêng để giữ vững lòng trung với Tổ Quốc.

**2. Phân tích nhân vật ông Hai**

**a. Hoàn cảnh của nhân vật**

- Ông Hai là một Lão nông quê ở làng Chợ Dầu.

- Ông lão yêu làng nên hay khoe về làng Chợ Dầu của mình. Nếu trước cách mạng ông hay khoe với sự giàu có trù phú của làng. Thì sau cách mạng ông lão luôn yêu và tự hào về phong trào kháng chiến của làng ông.

- Theo lệnh của ủy ban kháng chiến, gia đình ông phải đi tản cư. Ban đầu ông nhất định không đi cùng anh em dân quân tự vệ đánh Pháp, nhưng về sau ông tự nhủ tản cư âu cũng là kháng chiến.

=> Nhận xét: Từ hoàn cảnh của nhân vật ông Hai, nhà văn giúp người đọc nhận ra được nét phẩm chất đáng quý trong tâm hồn của lão nông chất phát. Tình yêu làng hòa quyện với tình yêu đất nước, kháng chiến đây cũng là sự thay đổi lớn trong tư tưởng và nhận thức của người nông dân trong những năm đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp. Vẻ đẹp của nhân vật ông Hai được thể hiện chân thực và cảm động qua tác phẩm.

**b. Trước khi nghe tin làng theo giặc, ở nơi tản cư, ông Hai luôn nhớ làng da diết , muốn về làng, muốn tham gia kháng chiến.**

*\* Chuyển ý:* Trước hết ông Hai hiện lên là một người yêu nước, yêu làng, luôn tự hào về quê hương- nơi chôn nhau cắt rốn của mình.

- Trước Cách mạng tháng Tám, khi nhắc đến làng là ông Hai tự hào về cái *“sinh phần”* của viên tổng đốc làng ông, nó nguy nga, đồ sộ. Không những thế, ông còn khoe và hãnh diện với mọi người về: *“con đường làng trải toàn là đá xanh. Trời mưa, trời gió bão, bùn đi không dính gót. Trong làng, nhà ngói san sát như trên tỉnh”.*

- Sau cách mạng tháng Tám, khi khoe làng, ông còn nhắc đến những ngày *“cùng anh em đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá….”*. Điều đó cho thấy rõ ràng trong ông Hai đã có sự thay đổi về nhận thức. Trước đây ông chỉ chú ý đến cái hào nhoáng, bóng bẩy bên ngoài thì giờ đây ông trân trọng những kỉ niệm khi cùng mọi người xây dựng cho làng. Từ hình ảnh khoe làng giàu và đẹp, ông đã thay đổi nhận thức của mình. Làng vẫn giàu và đẹp đó nhưng giờ đây làng rất yêu nước, rất “*tinh thần”.*

- Ngoài ra, tình yêu ấy còn thể hiện khi gia đình ông xa làng đi tản cư. Ông nhớ: *“Ôi nhớ làng, nhớ cái làng quá”*. Điều đó không lạ bởi *“làng”* là nơi thân thương gắn bó, là nơi chôn nhau cắt rốn gắn với những kỉ niệm sâu sắc của người nông dân. Sự gắn bó ấy làm sống dậy tâm hồn của những sự vật tưởng gần như vô tri vô giác.

“Khi ta ở chỉ là nơi đất ở  
Khi ta đi đất bỗng hóa tâm hồn.”

(Chế Lan Viên)

- Điều khiến người đọc trân trọng và cảm phục đó chính là lòng yêu nước nồng nàn. Mặc dù rất muốn cùng anh em ở lại giữ ngôi làng thân thuộc nhưng vì chính sách của cụ Hồ, ông Hai đành phải làm theo và tự nhủ *“tản cư cũng là kháng chiến”.* Có thể thấy, ông Hai và những người có suy nghĩ như ông đều tin rằng bản thân mình tuân theo điều lệnh cũng chỉ để phục vụ cho việc kháng chiến diễn ra suôn sẻ. Ấy là một cách nghĩ đơn giản nhưng có lí, có tình. Ở nơi xa quê hương, hình ảnh một ông lão đứng ngóng chờ nghe tin tức kháng chiến thật dễ mến. Mỗi khi có tin báo thắng lợi từ đài phát thanh “*ruột gan ông như múa cả lên”,* lúc ấy, ông Hai rất vui và hòa cùng tiếng reo với mọi người.

=>Tình yêu làng của ông Hai cũng là tình yêu của biết bao nhiêu con người Việt Nam trong kháng chiến. Chính tình yêu ấy là động lực thôi thúc họ giữ đất, giữ làng, giữ nét văn hóa cổ truyền của dân tộc.

**c. Tình yêu làng yêu nước của nhân vật ông Hai khi nghe tin làng theo giặc.**

**- Tình yêu làng của ông Hai còn được nhà văn đặt trong tình cảnh éo le đó là khi ông hay tin làng Chợ Dầu “Việt gian theo Tây”.** Nghe tin sét đánh ấy, ông Hai bàng hoàng: *“cổ ông nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như không thở được. Một lúc sau ông mới rặn è è, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi”.* Từ đỉnh cao của niềm vui, niềm tin ông Hai rơi xuống vực thẳm của sự đau đớn, tủi hổ vì cái tin ấy quá bất ngờ.

- Cái tin ấy được những người tản cư đã kể rảnh rọt quá, lại khẳng định họ *“chúng tôi vừa ở dưới ấy lên đây mà lại”* làm ông không thể không tin. Sự đau đớn thể hiện rõ qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói của ông lão. Không đau đớn và bàng hoàng sao được vì sâu thẳm trong con tim ông làng Chợ Dầu là làng anh hùng, làng của kháng chiến và cách mạng.

- Thế mà giờ đây, tất cả niềm tin, hi vọng, niềm tự hào đã hoàn toàn sụp đổ trong ông. Vì vậy mà trên đường về nhà *“ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi”,* ông xấu hổ không dám nhìn ai, ông tự vấn lương tâm của chính mình. Rồi ông thoáng nghĩ đến mụ chủ nhà. Còn gì chua chát, đau đớn hơn khi giọng nói của người đàn bà cho con bú vẳng vọng theo: “*Cha mẹ tiên sư chúng nó! Đói khổ ăn cắp ăn trộm bắt được người ta còn tha. Còn cái giống Việt gian bán nước chỉ cho mỗi đứa một nhát.”* Tình yêu làng bị sụp đổ, tình cảm của ông bị tổn thương. Và chỉ có tình yêu sâu nặng với quê hương của mình, con người ta mới thấy nỗi đau đớn ấy mà ông Hai là một ví dụ điển hình.

- Còn gì đớn đau hơn khi lòng tự tôn của mình lại bị một sự thật bẽ bàng làm cho sụp đổ. Còn gì đớn đau bằng cái nỗi đau về nơi mình luôn tự hào lại là nơi mình phải hổ thẹn?

Sự uất ức đến căm giận theo đuổi ông mãi khi về tận nhà. *“Về đến nhà ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác nên bọn nó len lén đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau”*. Lúc ấy, *“nước mắt ông lão cứ giàn ra”*, ông rít lên những tiếng kêu đau đớn, nhục nhã. Đồng cảm với nhân vật ấy, người đọc như cảm nhận sự đau đớn, hổ thẹn và uất ức theo từng cử chỉ, từng hành động của ông.

- **Có lẽ đây là đoạn miêu tả nội tâm độc đáo nhất, thành công nhất của nhà văn.** *“Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư?”.* Nghệ thuật độc thoại nội tâm diễn tả cụ thể những câu hỏi giằng xé trong đầu ông Hai. Nếu không yêu làng đến thế thì ông không đau đớn, tủi nhục đến vậy. Ông căm thù những kẻ theo Tây, phản bội làng, ông nắm chặt hai tay lại mà rít lên: *“Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này”.* Niềm tin, nỗi ngờ vực giằng xé trong ông. *“Ông kiểm điểm lại từng người trong óc”*, thấy họ đều có tinh thần cả *“có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy”.*

- Ông đau xót nghĩ đến cảnh *“người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước”.* Tác giả đã để cho nhân vật trải qua từng cung bậc tâm lí, đẩy lên cao trào rồi bật ngược như vỡ òa ở phần sau. Ngẫm kĩ, ta thấy đối với người nông dân chất phác, tay lấm chân bùn thì cái tin làng theo giặc quả thật là cú sốc to lớn, là điều đau đớn và nặng nề mà họ phải chịu đựng.

- Từ đau đớn, nhục nhã, ông Hai trở nên gắt gỏng với vợ con. Rồi tâm trạng ông Hai chuyển dần sang lo lắng, sợ hãi: “*Đã ba bốn hôm nay, ông Hai không bước chân ra đến ngoài, cả đến bên bác Thứ ông cũng không dám sang. Suốt ngày ông chỉ quanh quẩn ở trong cái gian nhà chật chội ấy mà nghe ngóng … Cứ thoáng nghe những tiếng Tây, Việt gian, cam – nhông… là ông lủi ra một góc nhà, nín thít.”*. Nỗi ám ảnh, day dứt nặng nề biến thành sự sợ hãi thường xuyên trong ông. Ông cảm thấy như mình mang nỗi nhục của tên bán nước Việt gian theo Tây. Từ chỗ một con người sống cởi mở, niềm nở, ông trở thành người khép nép, lo lắng.

Tình thế của ông càng trở nên bế tắc, tuyệt vọng khi bà chủ nhà có ý đuổi gia đình ông với lý do không chứa người của làng Việt gian. Ông đau khổ không phải vì bị đuổi đi mà đau khổ vì lí do bị đuổi. Có lúc ông lại nghĩ đến việc về lại làng nhưng lại nghĩ: *“Về làm gì cái làng ấy nữa, chúng nó theo Tây cả rồi. Về làng tức là bỏ kháng chiến, bỏ Cụ Hồ.”,* là cam chịu quay trở lại làm nô lệ cho thằng Tây.

- **Tình yêu làng lúc này đã lớn rộng thành tình yêu nước bởi dẫu tình yêu, niềm tin và tự hào về làng Dầu có bị lung lay nhưng niềm tin về Cụ Hồ và cuộc kháng chiến không hề phai nhạt.** Đó là cả một nhận thức lớn trong tâm hồn của người nông dân. Với một người chỉ qua lớp bình dân học vụ, chỉ biết vài con chữ nhưng mỗi sáng vẫn đọc to từng chữ trên báo, vẫn hòa cùng mọi người bàn tán về tình hình, ta thấy tinh thần ấy thật đáng quý.

- Thật khó để ông đi đến lựa chọn: *“Làng thì yêu thật nhưng làng theo Tây thì phải thù”.* Câu nói ấy thể hiện tấm lòng son sắc của ông dành cho quê hương, đất nước, qua đó ông đưa ra quyết định, thà không quay về làng cho thấy sự kiên quyết trong cách nghĩ, cách sống của ông Hai. Niềm mơ ước lớn lao nhất của ông chính là được quay về làng thăm lại anh em, đồng chí. Vậy mà giờ đây, ông không những buộc phải bỏ làng mà còn thù làng. Chắc chắn, để đi đến quyết định này, nhân vật cũng khổ tâm và đau đớn hơn cả. Dù đã xác định thế nhưng ông vẫn không thể dứt bỏ tình cảm của mình đối với quê hương. Bởi thế mà ông càng xót xa, đau đớn. Người nông dân trong văn của Kim Lân là như thế, yêu ghét rõ ràng, rạch ròi.

- Trong tâm trạng bị dồn nén và bế tắc ấy, để vợi bớt nỗi đau đớn, dằn vặt trong lòng và yên tâm về quyết định của mình, ông chỉ biết trò chuyện với cu Húc, đứa con út, giúp ông bày tỏ tình yêu sâu nặng với làng Chợ Dầu, bày tỏ tấm lòng thủy chung son sắt với kháng chiến, với Cụ Hồ(chết thì chết có bao giờ dám đơn sai). Đó là một cuộc trò chuyện đầy xúc động. Nỗi nhớ quê, yêu quê, nỗi đau đớn khi nghe tin quê hương theo giặc cứ chồng chéo đan xen trong lòng ông lão. Nhưng trong ông vẫn cháy lên một niềm tin tưởng sắt đá, tin tưởng vào Cụ Hồ, tin tưởng vào cuộc kháng chiến của dân tộc. Niềm tin ấy đã phần nào giúp ông có thêm nghị lực để vượt qua khó khăn này. Dường như ông Hai đang nói chuyện với chính mình, đang giãi bày với lòng mình và cũng như đang tự nhắc nhở: hãy luôn “*Ủng hộ Cụ Hồ Chí Minh”*. Tình quê và lòng yêu nước thật sâu nặng và thiêng liêng.

**d. Khi cái tin kia được cải chính, gánh nặng tâm lí tủi nhục được trút bỏ, ông Hai tột cùng vui sướng và càng tự hào về làng chợ Dầu.**

- Tình yêu làng, yêu nước lại một lần nữa được thể hiện rõ nét trong đoạn cuối của tác phẩm, khi đúng lúc ông Hai có được quyết định khó khăn nhất thì cái tin làng Chợ Dầu phản bội đã được cải chính. Sự đau khổ của ông Hai trong những ngày qua nhiều bao nhiêu thì niềm phấn khởi và hạnh phúc của ông lúc này càng lớn bấy nhiêu. Miệng ông *“bô bô”* từ đầu ngõ, chạy hết nơi này đến nơi khác khoe với mọi người về cái tin làng ông bị đốt, nhà ông bị đốt rằng *“Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ, đốt nhẵn! Toàn là sai sự mục đích cả. Láo. Láo hết”*.

- Cái cách ông đi khoe việc Tây đốt sạch nhà của ông là biểu hiện cụ thể ý chí *“Thà hi sinh tất cả chứ không chịu mất nước”* của người nông dân lao động bình thường.  Mất hết cả cơ nghiệp mà ông không hề buồn tiếc, thậm chí còn rất sung sướng, hạnh phúc. Phải chăng, niềm hạnh phúc to lớn hơn đằng sau ấy là một tấm lòng yêu nước trong sạch, kiên định theo chính sách của cụ Hồ?Đây chính là chi tiết khiến người đọc bùi ngùi, trân trọng hơn tình yêu của ông Hai dành cho làng, cho kháng chiến và cho tổ quốc Việt Nam yêu dấu.

**3. Đánh giá khái quát**

Truyện ngắn *"Làng"* đã rất thành công khi miêu tả diễn biến tâm lí nhân vật ông Hai từ một tình huống có tính bất ngờ, căng thẳng, thử thách. Nội tâm nhân vật được miêu tả cụ thể gợi cảm và gây ấn tượng mạnh mẽ về sự ám ảnh day dứt. Ngôi kể mang đậm sắc thái nông thôn, góp phần khắc hoạ tính cách điển hình của nhân vật. Có được thành công này vì Kim Lân Không chỉ là một cây bút truyện ngắn vững vàng, đặc sắc mà còn rất am hiểu gắn bó với người nông dân ở nông thôn Việt Nam. Từ diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Hai, nhà văn ca ngợi tình cảm yêu làng yêu nước bền chặt sâu sắc trong ngày đầu kháng chiến. Nhân vật ông Hai trở thành nhân vật điển hình của người nông dân Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

**III. Kết bài**

Nhân vậtông Hai là nhân vật tiêu biểu, điển hình về người nông dân trong buổi đầu cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, người nông dân yêu làng, yêu nước, có niềm tin tuyệt đối vào cách mạng. Qua nhân vật ông Hai, ta thấy được nhận thức của người nông dân về cuộc kháng chiến. Thấy được nghệ thuật miểu tả nhân vật tài tình của nhà văn Kim Lân cũng như tình cảm gắn bó, quý trọng người nông dân của nhà văn. Đọc truyện, ta càng thêm khâm phục và yêu thương biết bao tình yêu nước và sự hy sinh cao cả của những thế hệ đi trước và từ đó tự rút ra bài học quý giá cho bản thân: hãy biết yêu thương nơi mình sinh ra và lớn lên, hãy biết trân trọng và luôn tin tưởng về một tương lai tươi sáng.

====================================================

**ĐỀ 45: PHÂN TÍCH TÂM TRẠNG CỦA ÔNG HAI QUA ĐOẠN TRUYỆN SAU:**

*“Có người hỏi:*

*- Sao bảo làng Chợ Dầu tinh thần lắm cơ mà?*

*- Ấy thế mà bây giờ đổ đốn ra thế đấy!*

*Ông Hai trả tiền nước, đứng dậy, chèm.chẹp miệng, cười nhạt một tiếng, vươn vai nói to:*

*- Hà, nắng gớm, về nào…*

*Ông lão vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng. Tiếng cười nói xôn xao của đám người mới tản cư lên cứ vẫn dõi theo. Ông nghe rõ cái giọng chua lanh lảnh của người đàn bà cho con bú:*

*- Cha mẹ tiên sư nhà chúng nó! Đói khổ ăn cắp ăn trộm bắt được người ta còn thương. Cái giống Việt gian bán nước thì cứ cho mỗi đứa một nhát!*

*Ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi.Ông thoáng nghĩ đến mụ chủ nhà.*

*Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lén đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau.*

*Nhìn lũ con tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu…”*

*(Trích Làng – Kim Lân)*

**1. Mở bài**

Kim Lân là nhà văn am hiểu cuộc sống nông thôn và người dân Miền Bắc. Ông có sở trường viết truyện ngắn và truyện của ông thường viết về người nông dân lam lũ, nghèo khó nhưng giàu lòng nhân hậu và yêu nước. Truyện ngắn “Làng” được ông sáng tác trong lúc cuộc kháng chiến chống Pháp đang bùng nổ trên quy mô toàn quốc. Đây là một tác phẩm xuất sắc thể hiện thành công hình ảnh người nông dân thời đại cách mạng và kháng chiến mà tình yêu làng quê đã hoà nhập tròng lòng yêu nước và tinh thần của người dân kháng chiến. Đọc truyện ngắn này người đọc không khỏi ấn tượng với cách thể hiện tình yêu làng của nhân vật ông Hai, đặc biệt là trong đoạn ông mới nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát**

|  |  |
| --- | --- |
| **- Hoàn cảnh sáng tác:** Tác phẩm Làng được viết năm 1948, thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, đăng lần đầu trên tạp chí Văn nghệ. Truyện đã diễn tả thành công tình yêu làng, quê hương đất nước, tinh thần cách mạng của nhân vật ông Hai.  **- Vị trí đoạn trích:** Đoạn trích trên thuộc phần giữa của truyện ngắn, tác giả đã miêu tả chân thực và sinh động tâm trạng nhân vật ông Hai khi mới nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc.  - Ông Hai vốn là người yêu làng Chợ Dâu - nơi “chôn rau cắt rốn” của ông. Tình yêu làng của ông gắn liền với những thay đổi của làng quê, đất nước, cách mạng. Trước Cách mạng tháng Tám năm 1945 tình yêu làng của ông biểu hiện ở tính hay khoe về làng của mình: giàu có, sầm uất... Sau Cách mạng tháng Tám ông lại khoe về làng ông kháng chiến rầm rộ khắp nơi với những buổi đào hào đắp ụ mà bản thân ông cũng đã từng trực tiếp tham gia. Khi đi tản cư, tình yêu làng của ông gắn liền với những nỗi nhớ về làng. Ông luôn theo dõi tin tức về làng, tự hào hãnh diện về làng quê một lòng một dạ với kháng chiến, cách mạng mà biểu tượng là Cụ Hồ. Bỗng dưng ông nghe tin đột ngột làng Chợ Dầu của ông theo giặc, lập tề, phản bội kháng chiến, cách mạng, thì diễn biến tâm lý của ông đã hoàn toàn thay đổi theo từng sự việc trong truyện.  **b. Phân tích đoạn truyện**   |  | | --- | | - Đoạn trích là tâm trạng của ông Hai khi mới nghe tin làng Chợ Dầu theo Tây. Cái tin dữ ấy đến với ông đột ngột vào giữa một buổi trưa, lúc tâm trạng ông đang vui vẻ, phấn chấn vì nghe được tin ta thắng giặc trên tờ báo của phòng thông tin, thật chẳng khác nào gáo nước lạnh dội vào ngọn lửa đang cháy bừng bừng khiến ông sững sờ.  - Từ lúc ấy trong tâm trí ông Hai chỉ còn có cái tin dữ ấy xâm chiếm, nó thành một nỗi ám ảnh day dứt. Ông vờ lảng ra chỗ khác, rồi về thẳng nhà. Ông đánh trống lảng để che giấu tâm trạng những nỗi tủi hổ trong lòng. Ống ra về như thể trốn chạy điều gì khủng khiếp, cố không nghe nhưng bên tai vẫn còn nghe văng vẳng tiếng chửi theo “giống Việt gian bán nước”. Nghe tiếng chửi bọn Việt gian, ông xấu hổ, tủi cực" cúi gằm mặt mà đi".  - Niềm tự hào về làng thế là sụp đổ, tan tành trước cái tin sét đánh ấy. Cái mà ông yêu quí nhất nay cũng đã quay lưng lại với ông. Không chỉ xấu hổ trước bà con mà ông cũng tự thấy ông mất đi hạnh phúc của riêng ông, cuộc đời ông cũng như chết mất một lần nữa.  **+ Về đến nhà,** ông nằm vật ra giường nhìn đàn con mà tủi, nước mắt tràn ra, ông tự vẫn “chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rủng, hắt hủi đấy ư?" Ông căm giận lũ người theo giặc, phản bội quê hương, đất nước. Nắm chặt hai tay ông rít lên: “Chúng bay ăn miếng cơm hay ăn miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này!” nhưng ông lại “ngờ ngợ như mình không được đúng lắm”. Niềm tin, nỗi ngờ giằng xé trong ông. Những lời độc thoại nội tâm càng khiến ta hiểu sâu sắc hơn đỗi đau khổ tuyệt vọng của ông trước tin xấu. Bao nhiêu điều tự hào về quê hương như sụp đổ trong tâm hồn người nông dân rất mực yêu quê hương ấy. Ông cảm thấy như chính ông mang nỗi nhục của một tên bán nước theo giặc, cả các con ông cũng sẽ mang nỗi nhục ấy.  **3. Đánh giá**  - Có thể nói. nhà văn Kim Lân đã tạo dựng một tình huống thử thách tâm lí nhân vật rất đặc sắc, qua đó, tính cách, phẩm chất của nhân vật nổi lên thật rõ ràng. Lối kể chuyện giản dị, tự nhiên, ngôn ngữ mang tính khẩu ngữ, ngòi hút phân tích tâm lí sắc sảo, sự kết hợp hài hòa giữa ngôn ngữ đối thoại và độc thoại nội tâm cũng góp phần tạo nên một hình tượng chân thực và đẹp đẽ về người nông dân Việt Nam.  **3. Kết bài**  Đoạn trích cho tháy tâm trạng của nhân vật ông Hai khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc. Tâm trạng của ông rất phù hợp với tính cách, con người ông Hai: một người yêu làng da diết nay nghe tin làng theo giặc thì vô cùng đau khổ, tuyệt vọng. Tâm trạng ấy khiến ta thêm hiểu hơn về ông- một người nông dân yêu làng, yêu nước. Đó cũng chính là tình cảm của những người nông dân nói chung trong thời kì đầu cuộc kháng chiến chống Pháp. Tâm trạng ấy, tình cảm ấy thật đáng trân trọng biết bao!  **=======================================================** | |
|  |

**ĐỀ 46: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ NHÂN VẬT ÔNG HAI QUA ĐOẠN TRÍCH SAU:**

“Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới rặn è è, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc đi:

- Liệu có thật không hở bác? Hay là chỉ lại…

…Vừa về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lét đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau.

Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu…Ông lão nắm chặt hai tay mà rít lên:- Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này.

Ông lão bỗng ngừng lại, ngờ ngợ như lời mình không được đúng cho lắm. Chả nhẽ cái bọn ở làng lại đốn đến thế được. Ông kiểm điểm từng người trong óc. Không mà, họ toàn là những người có tinh thần cả mà. Họ đã ở lại làng, quyết tâm một sống một chết với giặc, có đời nào lại cam tâm làm điều nhục nhã ấy!

Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được? Mà thằng chánh Bệu thì đích là người làng không sai rồi. Không có lửa làm sao có khói? Ai người ta hơi đâu bịa tạc ra những chuyện ấy làm gì. Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian! Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chưa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước … Lại con bao nhiêu người làng tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa? ….”

(Trích Làng, Kim Lân, Ngữ văn 9, tập 1, NXBGD, 2013)

**I. Mở bài**

**Cách 1:**

Kim Lân là nhà văn tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị, trong đó đặc sắc nhất là truyện ngắn « Làng » . Truyện viết về hình ảnh người nông dân trong thời kì đổi mới - Đó là ông Hai một người có tình yêu với làng quê tha thiết gắn bó, hòa quyện thống nhất trong tình yêu đất nước vô cùng sâu nặng. Tình cảm thiêng liêng ấy được thể hiện xuyên suốt tác phẩm. Đến với đoạn truyện trên ta mới thấm thía được điều đó.

**Cách 2:**

Tình yêu làng luôn là tình cảm gắn bó thiêng liêng trong tâm hồn mỗi người dân Việt Nam, song ở mỗi thời kì lịch sử tình cảm đó lại mang vẻ đẹp lấp lánh ánh sáng thời đại. Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến người nông dân Việt Nam không chỉ yêu làng, mà còn yêu kháng chiến, yêu cách mạng. Điều này được khắc họa rõ nét qua truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân. Đến với đoạn truyện trên ta mới thấm thía điều đó.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sang tác:** Truyện ngắn “làng” của nhà văn Kim Lân được viết năm 1948, thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Được đăng lần đầu trên báo văn nghệ năm 1948. Truyện thành công không chỉ bởi tài năng viết truyện của Kim Lân mà còn do sự am hiểu người nông dân cùng thời kì lịch sử lúc bấy giờ. Nhà văn đã có lần tâm sự:" cái không khí ngày đầu kháng chiến ở nông thôn, tôi đã vào làng. Lúc ấy Tây còn đóng ở cầu Đuống, tôi về làng chơi mấy lần chứng kiến tận mắt thế nào là làng chiến đấu". Truyện hấp dẫn bạn đọc ở nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trong những tình huống đặc biệt cùng với cách viết đơn giản ngôn ngữ mộc mạc dân dã.

**- Khái quát chủ đề:** Truyện ngắn “Làng” khai thác một tình cảm bao trùm, phổ biến của người nông dân trong thời kì đổi mới đó là tình yêu làng quê hòa quyện, thống nhất trong tình yêu đất nước.

**- Vị trí đoạn trích**: Đoạn truyện trên là tâm trạng đau khổ dằn vặt của ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu của ông theo giặc.

**2. Phân tích nhân vật ông Hai trong đoạn trích**

**a. Lúc mới nghe tin làng theo giặc**

**-** Diễn biến tâm trạng ông Hai khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc đã được nhà văn Kim Lân thể hiện thật sinh động và tinh tế. **Lúc mới nghe tin làng mình theo giặc, ông Hai bàng hoàng đến sửng sốt** *"Cổ ông lão nghẹn ng hắn lại, da mặt tê rần rần, ông lão lặng đi đến không thở được. Một lúc lâu, ông mới rặn è è như nuốt một cái gì vướng trong cô, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi".* Trạng thái bàng hoàng, hụt hẫng này là phản ứng tâm lý hết sức tự nhiên của một người quá yêu làng. Nếu không yêu thì cái tin làng Chợ Dầu theo giặc không thể gây chấn động mạnh tựa như một cú sốc tinh thần như thế với ông Hai. Song, ông Hai vẫn còn nghi ngờ chưa thể tin ngay lời đồn đại, ông lắp bắp hỏi lại: *"Liệu có thật không hở bác, hay là chi lại ..."*.

-  Ông hỏi lại để khẳng định cũng là để cố bấu víu vào một tia hi vọng rằng đó chỉ là sự nhầm lẫn là một lời đồn đại vô căn cứ. Nhưng khi cái tin được khẳng định từ những người tản cư thì ông Hai không thể không tin.

- Từ lúc ấy, tâm trạng ông bị ám ảnh, day dứt bởi mặc cảm là người làng Việt gian. Nghe tiếng chửi bọn Việt gian bán nước *"ông cúi gằm mặt xuống mà đi"* ta nhận thấy trong cái cúi mặt này biết bao xấu hổ, nhục nhã, đau đớn. Nỗi nhục khiến ông không thể ngẩng đầu lên được. Phải chăng, ông Hai đã đồng nhất danh dự của ông với danh dự của làng ông. Với ông, danh dự của làng cũng là danh dự của chính ông . Đây là nét tâm lý cộng đồng của người nông dân Việt Nam trong thời đại mới.

**b.Về đến nhà**

+ Về đến nhà, ông Hai càng tủi thân, thương con thương mình và thương cả nhữn người nông dân làng chợ Dầu vì mang tiếng là làng Việt gian*"Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lại cứ giàn ra, chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư. Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng, hắt hủi đấy ư”.* Nghĩ đến sự khinh bỉ của mọi người, ông Hai càng căm giận những kẻ Việt gian bán nước.

-  Ông nắm chặt hai tay lại mà rít lên: "*Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này".* Nhà văn Kim Lân đã sử dụng thật tài tình độc thoại để bộc lộ nỗi lòng nhân vật. Sự căm giận, nỗi tủi hổ, nhục nhã trong lòng người nông dân này không kìm nén nổi đã bật ra thành tiếng chửi. Trong nội tâm nhân vật ông Hai đã diễn ra một sự giằng xé giữa tin và không tin.

- Một mặt, ông Hai kiểm điểm lại từng người trong óc *"họ toàn là những người có tinh thần cả mà".* Ông tin những người ở lại làng không ai can tâm làm điều nhục nhã ấy. Nhưng rồi ông lại phân vân: "*Thằng Chảnh Bệu thì đích là người làng không sai rồi. Không có lửa làm sao có khói? Ai người ta hơi đâu bia tạo ra những chuyện ấy làm gì".*

*-***Nhà văn Kim Lân đã rất tinh tế khi phát hiện ra nét tâm lý nửa tin nửa ngờ ở nhân vật.** Vì quá yêu làng nên ông Hai cố tìm một chút hy vọng để bấu víu. Nhưng rồi trước những chứng cứ hiển' nhiên, ông đành cay đắng chấp nhận sự thật. Từ lúc ấy, nỗi nhục nhã lại sôi réo trong lòng ông: *“Chao ôi! Cực nhục chưa, cả làng Việt gian****!".*Ông Hai lại càng hoang mang, lo sợ, sẽ tuyệt đường sinh sống khi nghĩ đến việc người ta sẽ không chứa, không buôn bán gì người làng Việt gian “Rồi đây biết làm ăn, buôn bán ra sao? Ai người ta chưa. Ai người ta buôn bán mấy. Suốt cả cái nước Việt Nam này người ta ghê** tởm, người ta thù hằn cái giống Việt gian bán nước … Lại con bao nhiêu người làng tan tác mỗi người một phương nữa, không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa?...”

**- Có lẽ đây là đoạn miêu tả nội tâm độc đáo nhất, thành công nhất của nhà văn.** Tác giả đã để cho nhân vật trải qua từng cung bậc tâm lí, đẩy lên cao trào rồi bật ngược như vỡ òa ở phần sau. Ngẫm kĩ, ta thấy đối với người nông dân chất phác, tay lấm chân bùn thì cái tin làng theo giặc quả thật là cú sốc to lớn, là điều đau đớn và nặng nề mà họ phải chịu đựng.

**3. Nghệ thuật xây dựng nhân vật**

Với lối kể chuyện giản dị, tự nhiên, ngôn ngữ mang tính khẩu ngữ, ngòi bút phân tích tâm lí sắc sảo, Kim Lân đã thành công khi xây dựng nhân vật ông Hai- một người nông dân trong buổi đầu chống Pháp yêu làng, yêu nước tha thiết.

**III. Kết bài**

Ông Hai là nhân vật tiêu biểu điển hình về người nông dân trong buổi đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, người nông dân yêu làng, yêu nước, có niềm tin tuyệt đối vào cách mạng. Qua nhân vật ông Hai, ta thấy được nhận thức của người nông dân về cuộc kháng chiến. Thấy được nghệ thuật miểu tả nhân vật tài tình của nhà văn Kim Lân cũng như tình cảm gắn bó, quý trọng người nông dân của nhà văn. Đọc truyện, ta càng thêm khâm phục và yêu thương biết bao tình yêu nước và sự hy sinh cao cả của những thế hệ đi trước và từ đó tự rút ra bài học quý giá cho bản thân: hãy biết yêu thương nơi mình sinh ra và lớn lên, hãy biết trân trọng và luôn tin tưởng về một tương lai tươi sáng.

**===========================================================**

**ĐỀ 47: EM HÃY PHÂN TÍCH DIỄN BIẾN TÂM TRẠNG CỦA ÔNG HAI TRONG CÁC ĐOẠN TRÍCH SAU:**

*“Ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm việc với anh em. Ô, sao mà độ ấy vui thế. Ông thấy mình như trẻ ra. Cũng hát hỏng, bông phèng(1), cũng đào, cũng cuốc mê man suốt ngày. Trong lòng ông lão lại thấy náo nức hẳn lên. Ông lại muốn về làng, lại muốn được cùng anh em đào đường đắp ụ, xẻ hào, khuân đá... Không biết cái chòi gác ở đầu làng đã dựng xong chưa? Những đường hầm bí mật chắc còn là khướt(2) lắm, Chao ôi! Ông lão nhớ làng, nhớ cải làng quá."*

*………………*

*“Ông Hai quay phắt lại, lắp bắp hỏi:*

*- Nó... Nó vào làng Chợ Dầu hở bác? Thế ta giết được bao nhiêu thằng? Người đàn bà ẵm con cong môi lên đỏng đảnh:*

*- Có giết được thằng nào đâu. Cả làng chúng nó Việt gian(3) theo Tây còn giết gì nữa!*

*Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng như đến không thở được. Một lúc lâu ông mới dặn è è, nuốt một cái gì vướng ở cổ, ông cất tiếng hỏi, giọng lạc hẳn đi:*

*-Liệu có thật không hở bác? Hay chỉ lại…[….]*

*Ông lão vờ vờ đứng lảng ra chỗ khác, rồi đi thẳng[…]*

*Ông Hai cúi gằm mặt xuống mà đi. Ông thoáng nghĩ đến mụ chủ nhà.*

*Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường, mấy đứa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lét đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau.*

*Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư?Chúng nó cũng bị người ta rẻ rung hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu…ông lão nắm chặt hai tay lại mà rít lên:*

*-Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này.*

(Trích *Làng*, Kim Lân, Ngữ văn 9, tập một,NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, tr.162-**166)**

**I. Mở bài**

**Cách 1:**

Kim Lân là nhà văn tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm but của mình ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị, trongđó đặc sắc nhất là truyện ngắn « Làng » . Truyện viết về hình ảnh người nông dân trong thời kì đổi mới - Đó là ông Hai một người có tình yêu với làng quê tha thiết gắn bó, hòa quyện thống nhất trong tình yêu đất nước vô cùng sâu nặng. Tình cảm thiêng liêng ấy được thể hiện xuyên suốt tác phẩm. Nhưng được thể hiện sâu sắc nhất qua hai đoạn truyện trên.

**Cách 2:**

Tình yêu làng luôn là tình cảm gắn bó thiêng liêng trong tâm hồn mỗi người dân Việt Nam, song ở mỗi thời kì lịch sử tình cảm đó lại mang vẻ đẹp lấp lánh ánh sáng thời đại. Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến người nông dân Việt Nam không chỉ yêu làng, mà còn yêu kháng chiến, yêu cách mạng. Điều này được khắc họa rõ nét qua truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân. Đến với hai đoạn truyện trên ta mới thấm thía được điều đó.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sang tác:** Truyện ngắn “làng” của nhà văn Kim Lân được viết năm 1948, thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Được đăng lần đầu trên báo văn nghệ năm 1948. Truyện thành công không chỉ bởi tài năng viết truyện của Kim Lân mà còn do sự am hiểu người nông dân cùng thời kì lịch sử lúc bấy giờ. Nhà văn đã có lần tâm sự:" cái không khí ngày đầu kháng chiến ở nông thôn, tôi đã vào làng. Lúc ấy Tây còn đóng ở cầu Đuống, tôi về làng chơi mấy lần chứng kiến tận mắt thế nào là làng chiến đấu". Truyện hấp dẫn bạn đọc ở nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trong những tình huống đặc biệt cùng với cách viết đơn giản ngôn ngữ mộc mạc dân dã.

**- Khái quát chủ đề:** Truyện ngắn “Làng” khai thác một tình cảm bao trùm, phổ biến của người nông dân trong thời kì đổi mới đó là tình yêu làng quê hòa quyện, thống nhất trong tình yêu đất nước.

**- Vị trí đoạn trích**: Đoạn truyện trên diễn tả rất chân thật và xúc động tâm trạng của ông Hai khi nghe làng chợ Dầu theo Việt gian. Nhà văn Kim Lân đã đặt nhân vật vào tình huống truyện độc đáo ấy, nhà văn đã làm nổi bật tình yêu làng quê thiết tha sâu nặng của ông.

**2. Phân tích diễn biến tâm trạng của nhân vật ông Hai**

**a. Tóm tắt truyện**

**-** Ở phần đầu của tác phẩm, người đọc đã được chứng kiến một ông Hai rất yêu và tự hào về làng của mình.

- Ông Hai là một người nông dân Việt Nam sinh ra ở làng chợ Dầu, thuần hậu, chất phác. Giống như bao người nông dân khác ông Hai có một tình yêu với làng quê thiết tha sâu nặng.

- Trước cách mạng ông thường khoe về sự giàu có trù phú của làng với một niềm tự hào, kiêu hãnh.

- Khi cuộc kháng chiến bùng nổ ông phải rời làng tới nơi tản cư mới. Ở nơi tản cư ông luôn đau đáu nhớ về làng quê của mình, nhớ về tinh thần kháng chiến, nhưng rồi bỗng nhiên ông nghe tin làng chợ Dầu theo tây. Cái tin đó làm cho ông từ đỉnh cao của niềm vui, niềm tự hào, kiêu hãnh rơi xuống vực thẳm của sự đau xót, tủi hổ, nhục nhã.

- Quá đau khổ nhục nhã, ông Hai không dám đi đâu, không biết tâm sự cùng ai, nhất là khi nghe tin mụ chủ nhà đuổi khéo, ông Hai rơi vào tận cùng của sự bế tắc, giằng xé và cuối cùng ông quyết định dứt khoát tột cùng đau đớn: “ làng thì yêu thật nhưng theo tây thì phải thù”

**b. Phân tích nhân vật ông Hai**

**\* Luận cứ 1: Tình yêu làng của ông Hai**

*\* Dẫn dắt:* Trước hết ông Hai hiện lên là một người yêu nước, yêu làng, luôn tự hào về quê hương- nơi chôn nhau cắt rốn của mình.

- Nét tính cách đầu tiên và dễ nhận thấy nhất ở ông Hai là tình yêu tha thiết đối với làng ông. Đối với người nông dân, làng không chỉ là một đơn vị hành chính, địa lí. Ở đó chứa đựng cuộc sống của họ, tất cả những gì gần gũi và thân thuộc với họ. Làng chính là quê hương, là cuộc đời họ. Ông Hai cũng vậy, ông có tính hay khoe làng với tất cả niềm hãnh diện. *“Ông nói về cái làng ấy một cách say mê và náo nức lạ thường. Hai mắt ông sáng hẳn lên, khuôn mặt biến chuyển hoạt động.”*

- Tình yêu làng đã biến ông Hai thành một con người hoàn toàn khác so với một ông Hai bị gò bó, tù túng trong căn bếp tản cư. Một nguồn sinh lực mới như dồi dào trong ông lúc đó. Tối này đến tối khác, ông nói đi nói lại về cái làng của ông. Kim Lân điểm nhịp câu chuyện bằng những lời trách móc ông hàng xóm nhãng ý không nghe chuyện, nhưng kỳ thực là để cho ta thấy rằng ông Hai không thực sự cần bác Thứ nghe, ông nói cho chính mình, nói để cho sướng miệng và cũng để thỏa nỗi nhớ làng. *“Ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm việc với anh em. […] Ông lại muốn về làng, lại muốn được cùng anh em đào đường, đắp ụ, xẻ hào, khuân đá.”* Những ký ức về làng xưa, xóm cũ trở thành niềm an ủi, động viên ông Hai mỗi khi chán nản.

- Chỉ cần được ở lại làng, cùng chiến đấu với anh em thì như có một luồng sinh lực mới chảy dồi dào trong ông, và dù có gian khổ, khó nhọc, nguy hiểm đến bao nhiêu ông cũng chịu được. Hình ảnh đó hoàn toàn trái ngược với ông Hai lúc nào cũng buồn chán, bức bối, không biết làm gì trong căn bếp tản cư.

- Thế nhưng đó cũng chỉ là hồi ức, một hồi ức tươi vui và đầy tự hào đến nỗi mỗi khi nhớ lại, trong ông lại trào dâng một nỗi nhớ khôn nguôi: *“Ông Hai nhớ cái làng, nhớ cái làng quá.”* Với ông, ngôi làng của ông vốn đã là một điều gì đó vô cùng thiêng liêng và đẹp đẽ. Nay ở trong căn bếp tản cư chật hẹp, cái làng ấy lại càng đẹp hơn, trở thành một niềm mong ước, khao khát mãnh liệt. Điều đó hoàn toàn không phải phóng đại. **Tâm sự của ông Hai là tâm sự của một người gắn bó với làng tha thiết, yêu làng bằng một niềm tự hào chân chính.**

**\* Luận cứ 2: Tâm trạng của ông hai khi nghe tin làng chợ dầu đi theo giặc:**

- Nhưng như người xưa đã nói, cái gì cũng cần thời gian thử thách. Lòng yêu làng, yêu nước của ông bị đặt vào một tình huống éo le: làng chợ Dầu của ông theo giặc. Nghệ thuật miêu tả tâm lí tài tình của Kim Lân đã được bộc lộ rõ ở đây. Như sét đánh ngang tai, ông từ chối tin vào điều đó.

- Ông Hai hỏi đi hỏi lại mãi người phụ nữ vừa mới tản cư lên. Tin đó quá bất ngờ và quá dữ dội đối với ông. *“Cổ ông lão nghẹn ắng lại, da mặt tê rân rân. Ông lão lặng đi, tưởng chừng như không thở được. Một lúc sau ông mới rặn è è, nuốt một cái gì vướng ở cổ.”* Nếu như tin dữ ấy là cái làng đẹp đẽ của ông bị đốt trụi, nhà cửa, ruộng vườn của ông bị cướp mất thì có lẽ ông cũng không đau khổ bằng tin làng mình theo Tây. Tội nghiệp ông lão vui tính, xởi lởi giờ đây phải giả vờ đánh trống lảng “*rồi đi thẳng”* về nhà mặc cho *“ cười nói xôn xao của đám người mới tản cư ấy vẫn dõi theo ông”.* Ấy vậy mà cái giọng chua lanh lảnh của người đàn bà cho con bú vẫn văng vẳng bên tai ông “*Cha mẹ tiên sư nhà chúng nó…………Cái giống Việt gian bán nước thì cứ cho mỗi đứa một nhát”.* Lúc bấy giờ ông Hai không dám đi thẳng mà *“cúi gằm mặt xuống mà đi”.* Và trong khoảnh khắc ngắn đó ông bỗng thoáng nghĩ đến mụ chủ nhà*.* Mụ mà biết gia đình ông là người làng chợ Dầu thì thế nào cũng bị đuổi ra đường.Ông về đến nhà, nhìn lũ con, *“nước mắt ông cứ giàn ra”.* *“ chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ta rẻ rúng hắt hủi đấy ư?”.*

- Ông căm thù những kẻ theo Tây, phản bội làng. Giá ông không quá yêu làng, không quá tự hào về làng thì ông đã không thấy tủi nhục đến thế. Mấy chữ *“cả làng chúng nó Việt gian theo Tây”* như găm vào trái tim ông, vào niềm tự hào về cái làng mà ông yêu vô cùng.

-Tất cả những gì ông trân trọng giữ gìn trong tim giờ đây như đều sụp đổ tan tành. Ông không chấp nhận được sự thật ấy và đấu tranh nội tâm dữ dội. Lúc đầu là nghi ngại *(“Nhưng sao lại nảy ra cái tin như vậy được ?“*), nhưng sau đó là đau đớn khi được biết những bằng chứng rõ ràng (“*Mà thằng chánh Bệu thì đích là người làng không sai rồi“*). Phải thừa nhận cái tin đó, không thể nào tả được nỗi đau của ông lúc ấy. *“ Ông lão nắm chặt hai tay lại mà rít lên “ Chúng bây ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này”.*

*-* Chỉ một câu nói thôi mà ta như thấy được sự chênh vênh, bấp bênh giữa tình yêu làng, yêu nước và lòng tin trong người ông Hai. Có lẽ trong đời mình, ông Hai chưa từng chịu đựng hay thậm chí tưởng tượng được một nỗi đau, nỗi nhục như thế. Những tiếng ấy như thốt lên từ trái tim bị tổn thương, từ niềm tự hào bị chà đạp của ông, khiến người đọc cũng như cảm nhận được nỗi xót xa, tủi nhục của ông lúc ấy. Kim Lân đã rất tài tình khi sử dụng hàng loạt câu cảm, câu hỏi liên tiếp trong nghệ thuật độc thoại nội tâm để lột tả sự đau khổ, xót xa, uất ức mà ông Hai phải chịu đựng. Lúc này đây, làng không chỉ là nơi chôn rau cắt rốn nữa, mà là một cái gì đó lớn lao hơn, là lòng tự trọng, là danh dự.

**3. Đánh giá nghệ thuật**

Để xây dựng thành công nhân vật ông Hai, Kim Lân đã dựng được một tình huống truyện rất đặc biệt mà qua đó nhân vật bộc lộ được chiều sâu tâm trạng. Nghệ thuật miêu tả tâm lí rất tinh tế, thông qua từng cử chỉ, hành động, ý nghĩ, lời nói,… làm cho nhân vật trở nên sống động, hấp dẫn. Khả năng sử dụng ngôn ngữ đối thoại cùng độc thoại nội tâm linh hoạt đã tạo nên một ông Hai rất điển hình của người nông dân Việt Nam yêu nước nhưng vẫn có được những nét riêng, dấu ấn riêng của bản thân mình.

**III. Kết bài**

Qua truyện ngắn *“Làng”* và nhân vật ông Hai, Kim Lân đã khắc hoạ thành công hình tượng người nông dân chất phác luôn yêu làng, yêu nước và tin tưởng vào kháng chiến. Những suy nghĩ tình cảm của họ được phản ánh một cách chân thực và mang tính giáo dục sâu sắc cho độc giả. Đọc truyện, ta càng thêm khâm phục và yêu thương biết bao tình yêu nước và sự hy sinh cao cả của những thế hệ đi trước và từ đó tự rút ra bài học quý giá cho bản thân.

=========================================================

**ĐỀ 48: CẢM NHẬN VỀ NHÂN VẬT ÔNG HAI QUA ĐOẠN TRUYỆN SAU: ( \*)**

*Dứt lời ông lão lại lật đật đi thẳng sang bên gian bác Thứ.*

*Chưa đến bực cửa ông lão đã bô bô:*

*-Bác Thứ đâu rồi? Bác Thứ làm gì đấy? Tây nó đốt nhà tôi rồi bác ạ. Đốt nhẵn! Ông chủ tịch làng tôi vừa mới lên trên này cải chính, ông ấy cho biết...cái chính là cái tin làng chợ Dầu chúng tôi đi Việt gian ấy mà. Láo! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả.*

*Bác Thứ chưa nghe thủng câu chuyện ra sao, ông lão đã lật đật bỏ lên nhà trên.*

*-Tây nó đốt nhà tôi rồi ông chủ ạ. Đốt nhẵn. Ông chủ tịch làng em vừa lên cải chính...cải chính cái tin làng Chợ Dầu chúng em Việt gian ấy mà. Ra láo! Láo hết, chẳng có gì sất. Toàn sai sự mục đích cả!*

*Cũng chỉ được bằng ấy câu, ông lão lại lật đật bỏ đi nơi khác*.

        (Trích Làng - Kim Lân, Ngữ văn lớp 9, tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr.169 - 170)

**A. Mở bài**

Kim Lân là cây bút văn xuôi xuất sắc của nền văn học hiện đại Việt Nam. Vốn sống và am hiểu sâu sắc cuộc sống ở nông thôn nên ông chủ yếu viết về sinh hoạt nơi làng quê và cảnh ngộ người nông dân. Sau CMT8 - 1945 bằng ngôn ngữ kể chuyện mộc mạc, giản dị, ngòi bút miêu tả tâm lí người dân vô cùng tinh tế, nhà văn đã thành công khi phản ánh sự chuyển biến lớn trong tư tưởng nhận thức của người dân: Tình yêu làng quê gắn liền với tình yêu kháng chiến. Điều này được khắc họa rõ nét qua nhân vật ông Hai trong truyện ngắn “ Làng”. Tác phẩm đã khắc hoạ sinh động chân dung nhân vật ông Hai - một người nông dân chân chính với tình yêu làng, yêu quê hương tha thiết và sự gắn bó máu thịt với bộ đội cụ Hồ. Điều đó được thể hiện một cách rõ nét nhất qua đoạn trích kể về tâm trạng của ông Hai khi nghe được tin cải chính.

**B .Thân bài:**

**1. Khái quát về tác phẩm**

**- Hoàn cảnh sang tác:** Truyện ngắn “làng” của nhà văn Kim Lân được viết năm 1948, thời kì đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp. Được đăng lần đầu trên báo văn nghệ năm 1948. Truyện thành công không chỉ bởi tài năng viết truyện của Kim Lân mà còn do sự am hiểu người nông dân cùng thời kì lịch sử lúc bấy giờ. Nhà văn đã có lần tâm sự:" cái không khí ngày đầu kháng chiến ở nông thôn, tôi đã vào làng. Lúc ấy Tây còn đóng ở cầu Đuống, tôi về làng chơi mấy lần chứng kiến tận mắt thế nào là làng chiến đấu". Truyện hấp dẫn bạn đọc ở nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật trong những tình huống đặc biệt cùng với cách viết đơn giản ngôn ngữ mộc mạc dân dã.

**- Khái quát chủ đề:** Truyện ngắn “Làng” khai thác một tình cảm bao trùm, phổ biến của người nông dân trong thời kì đổi mới đó là tình yêu làng quê hòa quyện, thống nhất trong tình yêu đất nước.

**- Vị trí đoạn trích**: Đoạn truyện trên thuộc phần cuối của tác phẩm đã thể hiện tâm trạng vui sướng của ông Hai khi nghe tin làng Chợ Dầu được cải chính

**2. Phân tích diễn biến tâm trạng ông Hai**

**a. Khái quát nội dung đoạn trước đó.**

Ở phần đầu của tác phẩm, người đọc đã được chứng kiến một ông Hai rất yêu và tự hào về làng của mình. Đi đâu ông cũng khoe về làng thế nên khi nghe tin làng theo giặc ông vô cùng bàng hoàng sửng sốt. Không không tin đó là sự thật nhưng khi buộc phải tin ông đã vô cùng đau khổ, tủi nhục đến mức phải đi đến quyết định *thù làng.* Nhưng tất cả những khổ đau, tủi nhục ấy đã tan biến hết khi ông nghe được tin cải chính. Ông Hai như được hồi sinh, “bệnh” hay khoe của ông lại “tái phát”.

**b. Cảm nhận về ông Hai trong đoạn trích**

**\*Ông Hai là một người nông dân ít chữ, chân chất, mộc mạc.**

Đọc đoạn trích này, ta không khỏi ấn tượng với hình ảnh ông Hai- một người nông dân ít học, chân chất mộc mạc. Nhận được tin cải chính, ông đi khoe khắp nơi. Ông gọi “Bác Thứ đâu rồi? Bác Thứ làm gì đấy?” rồi “Láo! Láo hết! Toàn là sai sự mục đích cả” Cái cách ông Hai trò chuyện và giao tiếp với mọi người mới thân thiện và gần gũi làm sao. Ông ít học, không thông thạo chữ nghĩa nhưng lại thích dùng chữ. Kim Lân để cho ông năm lần bảy lượt nói “Toàn là sai sự mục đích” nhưng không hề biết rằng mình đang dùng sai từ. Thế đấy, người nông dân bao giờ cùng mộc mạc và giản dị như vậy.

**\*Tuy nhiên, nổi bật hơn cả ở ông Hai trong đoạn trích này là tinh thần sẵn sàng hi sinh vì kháng chiến.**

- Đọc đoạn trích, có lẽ gây ấn tượng với người đọc nhất là hình ảnh ông Hai chạy đi khắp nơi chỉ để khoe “Tây nó đốt nhà tôi rồi. Đốt nhẵn!” Mới đọc chi tiết này, ta thấy dường như vô lý bởi ngôi nhà là cả một tài sản quá lớn, người ta phải dành dụm cả đời mới có thể làm được một căn nhà.

- Hơn thế nó còn gắn với bao kỷ niệm vui buồn rất thiêng liêng của mỗi con người. Mất nó ai mà không xót xa đau đớn? Nhưng ông Hai lại có cử chỉ “Múa tay lên để khoe” đó là biểu hiện của tâm trạng sung sướng, sung sướng đế tột độ. Tâm trạng này dường như có vẻ không bình thường? Không! Đặt ông Hai trong hoàn cảnh của “Làng” - làng Dầu đang bị hai tiếng việt gian theo tây - thì ông Hai không vui sướng sao được vì nhà bị tây đót là bằng chứng hùng hồn rằng làng Dầu của ông vẫn theo kháng chiến, theo cách mạng, đó là một làng quê anh hùng, đứng dậy chống thực dân Pháp.

- Chắc hẳn mất nhà ông Hai cũng đau lắm chứ, xót xa lắm chứ. Nhưng dù thế nào thì nhà còn có thể xây dựng lại được, song danh dự của làng đâu dễ lấy lại? Ông đã quên nỗi đau, sự mất mát riêng để tự hào sung sướng trong vẻ đẹp, sức mạnh chung của làng quê, đất nước. Thế đấy niềm vui, nỗi buồn của ông Hai luôn gắn liền với vận mệnh của Làng Dầu. Thế mới biết ông Hai yêu làng quê tha thiết đến chừng nào! Tình yêu làng quê được mở rộng, hoà quyện trong tình yêu tổ quốc thật sâu nặng và thiêng liêng.

**3. Đánh giá**

**- Nhà văn Kim Lân đã tạo dựng một tình huống thử thách tâm lí nhân vật rất đặc sắc, qua đó, tính cách, phẩm chất của nhân vật nổi lên thật rõ ràng. Lối kể chuyện giản dị tự nhiên, gần gũi, ngòi bút phân tích tâm lí sắc sảo, sự kết hợp hài hòa giữa ngôn ngữ đối thoại và độc thoại nội tâm cũng góp phần tạo nên một hình tượng chân thực và đẹp đẽ về người nông dân Việt Nam.**

**- Đoạn trích đã cho ta thấy sự phát triển trong nhận thức của người nông dân Việt Nam: tình yêu làng là cơ sở của tình yêu nước, yêu cách mạng song tình yêu nước vẫn bao trùm lên tất cả và là định hướng hành động cho họ.**

**C. Kết bài:**

**Có thể nói rằng truyện ngắng “Làng” của nhà văn Kim Lân là một tác phẩm vô cùng đặc sắc. Tác phẩm và đặc biệt là đoạn trích kể diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai khi nghe tin làng được cải chính đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng kể chuyện của nhà văn Kim Lân, càng thêm trân trọng và yêu mến những người nông dân Việt Nam trong kháng chiến. Từ tình huống ông Hai nghe được tin cải chính về làng, tác phẩm đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về tình yêu quê hương, về đức hi sinh, về lòng yêu nước. Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử truyện ngắn “Làng” của nhà văn Kim Lân vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.**

=========================================================

**LẶNG LẼ SA PA**

*(Nguyễn Thành Long)*

**ĐỀ 49: CẢM NHẬN VỀ VẺ ĐẸP CỦA ANH THANH NIÊN QUA TRUYỆN NGẮN “LẶNG LẼ SA PA” CỦA NGUYỄN THÀNH LONG.**

**I. Mở bài**

Nguyễn Thành Long là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông đã đẻ lại nhiều tác phẩm văn học có giá trị mà đặc sắc nhất là truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” . Đọc tác phẩm ta bắt gặp những con người lao động thầm lặng mà đầy ý nghĩa trong công cuộc xây dựng đất nước mà tiêu biểu nhất là nhân vật anh thanh niên. Mặc dù phải sống và làm việc trong điều kiện khắc nghiệt nhưng ở anh thanh niên lại tỏa sáng nhiều phẩm chất tốt đẹp đáng để chúng ta ngưỡng mộ, học tập.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sang tác:“***Lặng lẽ Sa Pa”* được sáng tác năm 1970, trong chuyến đi thực tế của tác giả ở Lào Cai. Đây là một truyện ngắn tiêu biểu ở đề tài viết về cuộc sống mới hòa bình, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, in trong tập *“Giữa trong xanh”* (1972) của Nguyễn Thành Long. Truyện xoay quanh cuộc gặp gỡ bất ngờ giữa ông họa sĩ, cô kĩ sư với anh thanh niên ở trạm khí tượng trên đỉnh Yên Sơn.

**- Chủ đề:** Truyện khắc họa thành công hình ảnh những con người lao động bình thường mà tiêu biểu là anh thanh niên làm công tác khí tượng ở một mình trên đỉnh núi cao. Qua đó truyện khẳng định vẻ đẹp của người lao động và ý nghĩa của những công việc thầm lặng.

**2. Phân tích nhân vật anh thanh niên**

**a. Hoàn cảnh sống và công việc khó khăn gian khổ:**

- Hoàn cảnh sống và làm việc vất vả gian khổ của anh thanh niên được tác giả khắc họa khá rõ ràng. Nguyễn Thành Long rất tinh tế khi miêu tả anh thanh niên, tác giả không để anh tự giới thiệu về mình mà làm nổi bật vẻ đẹp của anh qua cái nhìn của các nhân vật khác. Anh thanh niên 27 tuổi, sống một mình trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600 m, quanh năm cây cỏ và mây mù che phủ. Đó là một thế giới cách biệt với cuộc sống của mọi người *“bốn bề chỉ cây cỏ và mây mù lạnh lẽo”*. Nơi anh ở rất vắng vẻ, thiếu người qua lại, vắng bạn tâm tình trò chuyện. Bởi thế mà bác lái xe đã gọi anh là “*người cô độc nhất thể gian”.*

- Anh làm công việc khí tượng kiêm vật lý địa cầu dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Nhiệm vụ cụ thể là *“đo gió, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất...”* Đây là công việc vô cùng vất vả, đòi hỏi sự kiên trì, nhẫn nại, sự tỉ mỉ chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao.Với một chàng trai trẻ đầy nhiệt huyết mà lại ở một nơi cô đơn hẻo lánh như vậy, với một công việc nhàm chán thế nhưng anh luôn hoàn thành công việc một cách xuất sắc, vượt qua tất cả khó khăn, thậm chí thức dậy lúc 1 giờ sáng với rét mướt và gió tuyết. Từ đó có thể thấy được anh là con người nhiệt huyết, tràn đầy tinh thần trách nhiệm.

**b. Vẻ đẹp phẩm chất, tâm hồn cao quý của anh thanh niên**

**\*Luận điểm 1: Yêu nghề, có tinh thần trách nhiệm với công việc.**

**- Trước hết, anh là người yêu nghề.** Lòng yêu nghề, gắn bó với công việc, sống một mình trên đỉnh núi cao với rừng xanh, mây trắng và bão tuyết nhưng anh vẫn yêu nghề, yêu việc. Lời anh nói với người họa sĩ *“Khi ta làm việc ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi cháu buồn đến chết mất ”* đã giúp ta nhận thấy điều đó. - Qua lời anh kể và lời bộc bạch này, ta hiểu rằng anh đã thực sự tìm thấy niềm vui và hạnh phúc trong công việc thầm lặng giữa Sa Pa và sương mù bao phủ.

Anh luôn ý thức đầy đủ và sâu sắc về ý nghĩa công việc. Anh luôn tự hào về nghề

nghiệp của mình. Anh rất sung sướng vì công việc có ích đã góp phần bắn hạ phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Anh tâm sự *“..từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc”*.Với anh, hạnh phúc là được đóng góp một phần công sức nhỏ bé thầm lặng của mình cho cuộc sống xây dựng và bảo vệ đất nước, đem lại hòa bình cho dân tộc.

- **Không những yêu nghề mà anh còn có tinh thần trách nhiệm với công việc**. Là người thành thạo, am hiểu công việc, nhìn gió hay nhìn trời, nhìn sao anh cũng có thể *“nói được mây, tính được gió”.* Anh ý thức một cách rất rõ ràng: *Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc?*. Nhận thức đó cho thấy anh trẻ nhưng không hời hợt. Anh sống một mình nhưng không cô đơn vì lúc nào trong tư tưởng của anh mục đích sống, lẽ sống vẫn luôn luôn tồn tại và nhắc nhở. Làm một công việc đơn độc, phải dậy vào lúc nửa đêm, phải ra ngoài trời lúc mưa bão, lạnh lẽo, anh có thể nằm ở trong nhà, lấy số liệu cũ mà gọi bộ đàm về để báo cáo. Nhưng anh không làm điều đó.

- Vì anh có trách nhiệm và anh hiểu rõ việc anh làm ở đây có liên quan, có ảnh hưởng đến cuộc sống lao động và chiến đấu của rất nhiều người lúc bấy giờ. Việc phái đoàn không quân – phòng không đến thăm và khen ngợi anh đã cho thấy rõ điều đó. Nghĩa là anh quên mình, vượt qua gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ.

**\*Luận điểm 2: Tâm hồn lạc quan, biết sắp xếp công việc, cuộc sống khoa học, gọn gàng, ngăn nắp.**

*Chuyển ý:*Không những yêu nghề, có tinh thần trách nhiêm cao với công việc mà anh còn là người yêu đời, biết tổ chức, sắp xếp cuộc sống gọn gàng, ngăn nắp.

Trong buổi đầu gặp gỡ khi thấy anh thanh niên chạy vội lẻn trước về nhà, ông họa sĩ đã tưởng tượng ra cái cảnh *“khách tới nhà bất ngờ chắc cu cậu chưa kịp quét tước, dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn”* Nhưng rồi trước mặt ông và cô kĩ sư lại hiện ra một *“Căn nhà ba gian”*  *“sạch sẽ”*, đồ đạc được kê xếp gọn gàng, ngăn nắp. Một vườn hoa với đầy đủ sắc màu, đủ chủng loại: hoa dơn, hoa cẩm chướng, anh, vàng, tím…Ngoài giờ làm việc anh còn nuôi thêm gà để lấy trứng bổ sung thêm thực phẩm hàng ngày vừa gợi không khí gia đình ấm áp. Ngoài ra anh còn đọc sách, coi sách là bạn. Một chiếc bàn học được kê xếp cẩn thận với một cái giá sách đủ để biết anh chủ động tổ chức, cải thiện cuộc sống *“một mình”* như thế nào.

=>Tất cả những điều đó cho ta thấy anh tự tìm niềm vui, niềm hạnh phúc trong cuộc sống ở một nơi cô đơn, lạnh lẽo gần bốn năm qua như thế nào.

**\*Luận điểm 3: Ở anh thanh niên ta còn bắt gặp một phẩm chất đáng quý đó là sự cởi mở, chân thành, hiếu khách luôn quý trọng tình cảm của mọi người.**

- Sống một mình trên đỉnh cao nên anh được bác lái xe gọi là “ Người cô độc nhất thế gian” và mắc bệnh “ Thèm người”. Vậy nên anh luôn khao khát được trò chuyện với mọi người bằng cách lấy khúc gỗ chắn ngang đường để chặn xe lại: “ Đâng đi thế này chợt thấy một khúc thân cây chặn ngang đường phải hãm lại một anh thanh niên từ từ chạy đến giúp đỡ” Thì ra anh thèm người quá nên anh thanh niên kiếm cớ để dừng xe lại nhìn và nói chuyện một lát, cái hành động ấy của anh đáng yêu và thật đáng thông cảm biết bao.

- Anh còn biết quan tâm chu đáo đến những người tình cờ gặp gỡ và sẵn sàng chia sẻ yêu thương, biết vợ bác lái xe bị ốm “anh còn gửi củ tam thất để cho bác gái ngâm rượu uống”. Hành động ấy cho thấy anh luôn biết quan tâm đến mọi người.

- Khi gặp được người thì anh mừng đến mức tất cả cuống cuồng như không kiềm được cảm xúc: “anh chạy vụt đi,cũng tất tả như khi đến”, “người con trai nói to những điều đáng lẽ người ta chỉ nghĩ”.

- Anh là một người thân thiện, cởi mở ngay cả với những người mới gặp lần đầu như ông họa sĩ và cô kĩ sư: Niềm nở, hồ hởi không giấu lòng, pha trà, tặng hoa và cả quà ăn đường. Và không dấu được lòng mình anh nói to những điều đáng nhẽ người ta chỉ nghĩ: “Bác và cô là đoàn khách thứ hai thăm nhà tôi từ tết và cô là cô gái thứ nhất từ Hà Nội lên tới nhà tôi từ bốn năm nay.

- Trân trọng từng giây từng phút gặp gỡ: Đếm từng phút vì sợ hết mất ba mươi phút gặp gỡ vô cùng quý báu.

=>Anh thanh niên xứng đáng trở thành biểu tượng cho phẩm chất và con người nơi mảnh đất Sa Pa

**\* Luận điểm 4: Khiêm tốn, có ý thức hoàn thiện bản thân:**

*\* Chuyển ý:* **Ngoài yêu nghề và biết tự sắp xếp cuộc sống của mình ngăn nắp, gọn gàng anh còn là** **một người khiêm tốn, có ý thức hoàn thiện bản thân**. Khi ông họa sĩ định vẽ chân dung anh thì anh từ chối, giới thiệu người khác xứng đáng hơn *“Bác đừng mất công vẽ cháu! Cháu giới thiệu với bác ông kĩ sư ở vườn rau dưới Sa Pa! …Hay là đồng chí nghiên cứu khoa học ở cơ quan cháu ở dưới đấy….”*. Qua lời tâm sự ấy ta thấy anh là người rất khiêm tốn, bởi anh cảm thấy đóng góp của mình còn nhỏ bé, chưa xứng đáng. Anh nhận thấy xung quanh còn bao nhiêu người đáng vẽ hơn mình, đóng góp nhiều hơn mình. Anh thốt lên *“Ông kỹ sư làm cháu thấy cuộc đời đẹp quá”.* Đọc tới đây, ta càng thêm yêu quý anh thanh niên nhiều hơn và anh cảm thấy yêu đời, yêu cuộc sống , thấy cuộc đời đẹp và ý nghĩa hơn khi chứng kiến bao người đang ngày đêm miệt mài, hi sinh và đóng góp cho Tổ quốc.

**c. Những ảnh hưởng tích cực của anh với các nhân vật khác:**

- Trong truyện ngắn này còn xuất hiện một số nhân vật khác đã góp phần làm rõ nét hơn nhân vật chính. Đó là **bác lái xe** cầu nối khiến người đọc mong chờ gặp anh. Đó là **ông họa sĩ** với những cảm xúc xúc động, bối rối vì *“họa sĩ đã bắt gặp một điều thật ra ông vẫn ao ước được biết”.* Chính nỗi xúc động và bao điều suy tư của ông họa sĩ đã làm cho chân dung của anh thanh niên sáng đẹp hơn lên và chứa đựng những chiều sâu tư tưởng. Ông muốn vẽ chân dung anh thanh niên nhưng làm thế nào đặt được chính tấm lòng của mình vào bức tranh đó. **Anh thanh niên làm cho ông họa sĩ thêm khao khát, thêm yêu cuộc sống.**

- Đặc biệt nhất chính là **cô kĩ sư trẻ**. Cuộc gặp gỡ bất ngờ với anh thanh niên khiến cô cảm thấy “*bàng hoàng”.* Cô hiểu thêm cuộc sống một mình dũng cảm tuyệt đẹp của người thanh niên, về cái thế giới những con người như anh mà anh kể và về con đường cô đang đi tới. Trong lòng cô gái trẻ dạt lên một ấn tượng hàm ơn khó tả.

=> Anh thanh niên làm cho cô kĩ sư háo hức và mơ mộng. Cô tin tưởng con đường mà mình đã lựa chọn là đúng. Đây chính là thủ pháp nghệ thuật mà nhà văn sử dụng thành công trong việc xây dựng nhân vật chính của truyện mình

**3. Đánh giá, mở rộng:**

Như vậyvới tình huống truyện hợp lí, cách kể chuyện tự nhiên, nhân vật chính được tái hiện qua nhiều điểm nhìn: bác họa sĩ, cô kĩ sư.., cách đặt tên cho nhân vật bằng các danh từ chung, …Nguyễn Thành Long đã gieo vào lòng người đọc xúc cảm về hình ảnh đẹp của người lao động bình thường mà tiêu biểu là **nhân vật anh thanh niên** làm công tác khí tượng một mình trên đỉnh núi cao, đang ngày đêm lặng lẽ âm thầm cống hiến cho đất nước:

*“Nếu là con chim chiếc lá*

*Chim phải hót, chiếc lá phải xanh*

*Lẽ nào vay mà không có trả*

*Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”.*

(Tố Hữu).

*\* Liên hệ Mở rộng*: Lẽ sống này, lý tưởng này ta còn bắt gặp trong một số tác phẩm cùng thời như Đoàn thuyền đánh cá của Huy Cận hay Mùa lạc của Nguyễn Khải,… Những tác phẩm ấy ra đời ca ngợi những con người đang lạc quan, làm việc hăng say, cống hiến hết mình cho đất nước.

**III. Kết bài**

Đã gần nửa thế kỉ trôi qua nhưng đến nay truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long vẫn còn nguyên giá trị. Tác phẩm đã cho người đọc cảm nhận rõ nét về chân dung nhân vật anh thanh niên với những nét đẹp hoàn hảo lí tưởng. Nhân vật anh thanh niên tiêu biểu cho những con người lao động ở Sa Pa nói riêng và những con người lao động trong thời đại mới nói chung. Đọc tác phẩm ta càng thêm tự hào, ngưỡng mộ và quý trọng hơn những con người đang lặng lẽ, âm thầm làm việc và cống hiến cho tổ quốc. Hình ảnh anh đã truyền cảm hứng cho bao thế hệ bạn đọc. Qua câu chuyện về anh thanh niên, về những mảnh đời lặng lẽ tưởng như thầm lặng, Nguyễn Thành Long muốn nhắn nhủ với chúng ta rằng: Hãy sống một cuộc đời có ý nghĩa không chỉ vì bản thân mà còn vì xã hội, đất nước.

**================================================**

**ĐỀ 50: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ NHÂN VẬT ANH THANH NIÊN QUA ĐOẠN TRÍCH SAU:**

[…] Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu […] Cháu lấy những con số, mỗi ngày báo về “nhà” bằng máy bộ đàm bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối, lại một giờ sáng. Bản báo ấy trong ngành gọi là “ốp”. Công việc nói chung dễ, chỉ cần chính xác. Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió giống những nhát chổi lớn muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung … Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ được.

(Trích Lặng lẽ Sa Pa, Nguyễn Thành Long, Ngữ văn 9, tập I)

**I. Mở bài**

*“ Một mùa xuân nho nhỏ*

*Lặng lẽ dâng cho đời*

*Dù là tuổi hai mươi*

*Dù là khi tóc bạc”.*

Lời bài hát trên đã thể hiện khao khát cháy bỏng là được dâng hiến, được cống hiến dù chỉ là *“nho nhỏ”* cho đời. Cũng viết về những nốt trầm lặng lẽ nhưng cao đẹp giữa cuộc sống, nhà văn Nguyễn Thành Long trong truyện ngắn *“Lặng lẽ Sa Pa”* đã hướng ngòi bút đến những con người vô danh đang ngày đêm âm thầm cống hiến cho Tổ quốc. Có lẽ khi gấp trang sách lại, người đọc vẫn không thể nào quên được hình ảnh anh thanh niên với lí tưởng cao đẹp qua cuộc trò chuyện với ông họa sĩ, cô kĩ sư đặc biệt là ở đoạn trích trên.

**II. Thân bài**

**1.Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác :** Truyện ngắn *“Lặng lẽ Sa Pa”* là kết quả chuyến đi thực tế của Nguyễn Thành Long lên Sa Pa - nơi giao thoa và gặp gỡ của đất trời. Truyện được viết vào mùa hè năm 1970, in trong tập truyện *“Giữa trong xanh”.*

**- Chủ đề :** Tác phẩm kể lại cuộc gặp gỡ giữa ông họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ với anh thanh niên làm công tác khí tượng thủy văn kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m giữa núi rừng Lào Cai. Qua đó, tác giả ca ngợi những con người tuy sống lặng lẽ giữa trong xanh nhưng rất nhân hậu, sống sôi nổi, giàu chí hướng và hết lòng phục vụ đất nước.

**- Vị trí đoạn trích**: Đoạn trích nằm ở phần giữa của tác phẩm, là lời tâm sự của nhân vật thanh niên về công việc làm của mình với ông họa sĩ già và cô kỹ sư nông nghiệp trẻ qua lời giới thiệu của bác lái xe, lên thăm nơi ở và làm việc của anh trong thời gian ba mươi phút.

**2.Phân tích nhân vật anh thanh niên trong đoạn trích**

**a. Công việc của anh thanh niên**

- Mở đầu đoạn trích, anh thanh niên hiện lên vô cùng rõ nét qua lời tâm sự. Anh mới 27 tuổi, sống một mình trên đỉnh núi cao quanh năm mây mù che phủ, hơn bốn năm qua anh làm việc với cỏ cây và mây núi Sapa. Với công việc làm khí tượng kiêm vật lí địa cầu, anh có nhiệm vụ “đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu ».

- Công việc anh thanh niên kể trong đoạn văn là ghi báo về những con số lúc một giờ sáng trong hoàn cảnh thời tiết khắc nghiệt. Mặc dù làm công việc ít ai dám làm nhưng anh lại kể cho ông họa sĩ và cô kĩ sư bằng giọng tự hào, hạnh phúc. *“Cái máy nằm dưới sâu kia là máy đo chấn động vỏ quả đất. Cháu lấy những con số, mỗi ngày báo về nhà bằng máy bộ đàm bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối, lại một giờ sáng. Bản báo ấy trong ngành gọi là ốp.”* Vì công việc mà anh không thể ngủ đủ giấc, mỗi đêm đều phải dậy bốn lần.

- Ngoài khó khăn được nói đến trong đoạn trích trên, hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật còn có điều đặc biệt là: Anh thanh niên mới có hai mươi bảy tuổi, cái tuổi đang hừng hực sức sống và sự bay nhảy. Cái tuổi mà nhiều hoài bão đam mê. Cái tuổi mà người sẽ bay cao bay xa với những ước mơ, lập nghiệp ở thủ đô hoa lệ, những thành phố rộng lớn  nhưng anh lại chọn Sapa làm nơi lập nghiệp cho riêng mình. Anh đã sống một mình trong suốt bốn năm trên đỉnh Yên Sơn.

- Trong bốn năm đó, ông họa sĩ và cô gái trẻ là đoàn khách thứ hai đến thăm nhà anh. Như vậy, cái gian khổ nhất đối với anh là phải vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng chỉ có một mình trên đỉnh núi cao không một bóng người. Công việc của anh làm âm thầm, lặng lẽ một mình, báo về “ốp” đều đặn những con số để phục vụ sản xuất, chíên đấu. Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác, có tính trách nhiệm cao.

=> Qua phân tích ta thấy, hoàn cảnh sống khắc nghiệt, công việc gian khổ, vất vả. nhưng anh thiên niên đã vượt qua tất cả bằng ý chí, nghị lực và những suy nghĩ rất đẹp. Có thể nói đây chính là sự hi sinh thầm lặng, cống hiến cao cả của anh với quê hương đất nước, dân tộc.

**b. Phẩm chất của anh thanh niên được thể hiện qua đoạn văn**

- Trước hết, anh thanh niên rất yêu nghề. Anh có những suy nghĩ đúng và sâu sắc về công việc đối với cuộc sống con người: *“…Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với công việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất”*. Anh đã tự đề ra cho mình nhiệm vụ và đã vượt qua mọi khó khăn thử thách để đạt được kết quả tốt nhất. Một chàng trai trẻ tự nguyện lên đây làm việc không phải vì sự bốc đồng nhất thời mà là cả một nhận thức chín chắn, đúng đắn, sâu sắc nhất. Thân trai tráng đứng trước cảnh nước nhà còn gặp nhiều khó khăn gian khổ thì làm sao anh có thể ngồi yên hưởng thụ được. Từ đáy lòng anh từng tiếng gọi của non sông đất nước cứ mãi vang lên từng hồi thôi thúc như hồi kèn xung trận. Không ai bắt buộc anh phải lên nơi mây mù sương phủ như vậy để làm việc nhưng anh vẫn chọn nơi đây là ngôi nhà thứ hai của mình. Bởi anh nhận thức “*Ai cũng chọn việc nhẹ nhàng, gian khổ sẽ dành cho ai?”.*

- Anh thanh niên như một viên kim cương sáng giữa vùng đất sa mạc cằn cỗi. Anh tự hào với công việc của mình. Phải yêu công việc lắm, gắn bó với công việc lắm mới có thể làm được như vậy.

- **Không những yêu nghề anh còn là người có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc**:

- Một mình sống trên đỉnh Yên Sơn, không có ai đôn đốc, kiểm tra  nhưng anh vẫn vượt qua hoàn cảnh làm việc một cách nghiêm túc, tự giác với tinh thần trách nhiệm cao. Dù thời tiết khắc nghiệt mùa đông giá rét mà anh đều thức dậy thắp đèn đi *“ốp”* đúng giờ. Qua lời tâm sự của anh với ông họa sĩ, cô kĩ sư , ta càng hiểu hơn những gian khổ mà anh phải chịu: *“Gian khổ nhất là lần đi và báo về lúc một giờ sáng. Rét bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết ấy.”* Khuya rét, mưa tuyết,..có thể là lí do để anh trốn tránh trách nhiệm. Lúc một giờ khuya lạnh lẽo ấy, liệu ai dậy đi kiểm tra xem anh có làm tốt công việc của mình hay không? Anh có thể trùm chăn ngủ, lấy số cũ rồi báo về *« ốp »* được chứ ? Nhưng anh không làm thế.

- Ngày nào cũng vậy anh làm việc một cách đều đặn, chính xác 4 lần trong ngày, âm thầm, bền bỉ trong nhiều năm trời. Bởi anh thấy được công việc thầm lặng của mình có ích cho cuộc sống, cho mọi người. Anh đã thấy mình *“thật hạnh phúc”* khi được biết một lần do phát hiện kịp thời một đám mây khô mà anh đã góp phần vào chiến thắng của không quân ta bắn rơi nhiều máy bay Mỹ trên bầu trời Hàm Rồng. Công việc của anh thật chẳng kém gì nhiệm vụ của các anh chiến sĩ biên phòng đang ngày đêm bảo vệ Tổ quốc. Nếu như thời xưa, ông cha ta chiến đấu để giành độc lập cho đất nước, cho dân tộc mới được coi là suy nghĩ cho đất nước thì giờ đây, những công việc hi sinh thầm lặng của anh thanh niên là phẩm chất thể hiện lòng yêu nước. Anh mang tuổi trẻ, sức trẻ cùng sự nhiệt huyết  của mình đến vùng cao của tổ quốc.  Như Bác Hồ đã từng nói:

*“Không có việc gì khó*

*Chỉ sợ lòng không bền*

*Đào núi và lấp biển*

*Quyết chí ắt làm nên.”*

- Tuổi trẻ cùng với sự kiên trì, bền bỉ, anh thanh niên đã không ngại gian khó, gian khổ để hoàn thành công việc tốt nhất, góp phần đem lại sự phát triển cho đất nước, xã hội.

Lật giở những trang sách tiếp theo, ta lại càng thêm thán phục về anh thanh niên: người có phong cách sống cao đẹp.

- Anh có một phong cách sống khiến mọi người phải nể trọng. Tinh thần thái độ làm việc của anh thật nghiêm túc, chính xác, khoa học và nó đã trở thành phong cách sống của anh.

**3. Đánh giá, mở rộng:**

Bằng việc xây dựng cốt truyện đơn giản, cách đặt tên cho nhân vật là những danh từ chung, …đoạn trích đã khắc họa thành công nhân vật anh thanh niên - đại diện tiêu biểu cho thanh niên Việt Nam, hăng say làm việc, hết mình cống hiến cho dân tộc, cho đất nước:

*“ Nếu là con chim, chiếc lá*

*Thì chim phải hót, chiếc lá phải xanh*

*Lẽ nào vay mà không có trả*

*Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”*

(*Khúc ca xuân,* Tố Hữu)

**III. Kết bài**

**Có thể nói rằng truyện ngắng “LLSP” của nhà văn NTL là một tác phẩm vô cùng đặc sắc. Tác phẩm và đặc biệt là đoạn trích trên đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng kể chuyện của nhà văn Nguyễn Thanh Long, càng thêm trân trọng và yêu mến những con người đang lao động cống hiến hết mình vì đất nước. Từ cuộc trò chuyện của anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, tác phẩm đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về lí tưởng sống, về trách nhiệm và về tinh thần vượt khó vươn lên . Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử truyện ngắn “LLSP” của nhà văn NTL vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.**

**======================================================**

**ĐỀ 51: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ NHÂN VẬT ANH THANH NIÊN QUA ĐOẠN TRÍCH SAU: TỪ ĐÓ HÃY LIÊN HỆ VỚI HÌNH ẢNH CỦA THẾ HỆ TRẺ TRONG MỘT TÁC PHẨM VĂN HỌC KHÁC HOẶC TRONG THỰC TẾ ĐỜI SỐNG ĐỂ THẤY ĐƯỢC VẺ ĐẸP CỦA SỨC TRẺ VIỆT NAM.**

 - Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều:

-   Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Vả, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắm liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai mà chả “thèm” hở bác? Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy. Bác lái xe đi, về Lai Châu cứ đến đây dừng lại một lát. Không vào “ốp” là cháu chạy xuống chơi, lâu thành lệ. Cháu bỗng dưng tự hỏi: Cái nhớ xe, nhớ người ấy thật ra là cái gì vậy? Nếu là nỗi nhớ phồn hoa đô hội thì xoàng. Cháu ở liền trong trạm hàng tháng. Bác lái xe bao lần dừng, bóp còi toe toe, mặc, cháu gan lì nhất định không xuống. Ấy thế là một hôm, bác lái phải thân hành lên trạm cháu. Cháu nói: “Đấy, bác cũng chẳng “thèm” người là gì?”.

Anh xoay sang người con gái đang một mắt đọc cuốn sách, một mắt lắng nghe, chân cô đung đưa khe khẽ, nói:

-   Và cô cũng thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện. Nghĩa là có sách ấy mà. Mỗi người viết một vẻ.

**I. Mở bài**

Mỗi tác phẩm văn học ra đời đều mang một số phận riêng. Có tác phẩm vừa cất tiếng chào đời đã chết yểu đáng thương. Có tác phẩm gây dư luận xôn xao một thời rồi bị độc giả quên lãng với thời gian. Nhưng cũng có những bài thơ, quyển truyện có một sức sống lâu bền trong lòng bạn đọc, có một sức hút kì lạ. Truyện ngắn *"Lặng lẽ Sa Pa"* của Nguyễn Thành Long là một truyện ngắn đặc sắc, để lại trong lòng mỗi người đọc chúng ta nhiều rung cảm đẹp đẽ. Trong đó anh thanh niên làm công tác khí tượng kiêm vật lý địa cầu khiến chúng ta suy ngẫm về lý tưởng, lẽ sống ở đời. Đoạn trích được dẫn ở đề bài mang lại cho người đọc nhiều ấn tượng khó phai mờ về nhân vật anh thanh niên.

**II. Thân bài**

**1.Khái quát chung**

Truyện ngắn *“Lặng lẽ Sa Pa”* là kết quả của chuyến đi Lào Cai trong mùa hè 1970 của tác giả. Truyện rút từ tập “*Giữa rừng xanh”* in năm 1972. Truyện ca ngợi những con người sống đẹp. Trước hết đây là câu chuyện về anh thanh niên sống một mình trên đỉnh núi cao *“bốn bề chỉ có cây cỏ và mây mù lạnh lẽo*”, anh vẫn chủ động gắn mình với cuộc sống chung.

**2. Phân tích nội dung**

**a.Cảm nhận về nhân vật anh thanh niên trong đoạn trích**

- Trước hết, đọc tác phẩm Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long, người đọc cảm nhận sâu sắc hình ảnh anh thanh niên trẻ say mê lao động, có tinh thần trách nhiệm cao với công việc khiến mỗi chúng ta trân trọng và cảm phục. Từ giã cuộc sống đô thị, nơi xa hoa, lộng lẫy, anh thanh niên trẻ tình nguyện lên mảnh đất Sa Pa, lên đỉnh Yên Sơn lạnh giá làm việc. Anh làm công tác khí tượng thuỷ văn kiêm vật lý địa cầu, quanh năm vắng bóng âm thanh của con người.

- Chỉ nói về mình vẻn vẹn có năm phút, một cách rất khiêm tốn, anh đã cho chúng ta hiểu hết sự gian khổ của công việc anh làm. Anh tâm sự với bác họa sĩ *“Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu cũng nghĩ ngay ngôi sao kia lẻ loi một mình. Bây giờ làm nghề này, cháu không nghĩ như vậy nữa”.* Phải chăng trong lời nói ấy chứa đựng bao nhiêu tình yêu, niềm say mê với công việc. Khi bác lái xe nói anh là người *“cô độc nhất thế gian”* nhưng anh lại nói *“khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với bao anh em đồng chí khác. Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi cháu buồn chết mất”.*

*-* Qua lời tâm sự của anh thanh niên, người đọc nhận thấy hình ảnh một người trẻ tuổi yêu nghề và sẵn sàng cống hiến. Dường như anh nhận ra rằng công việc của mình đang làm vô cùng quan trọng và có tính tập thể cao bởi gắn liền với rất nhiều đồng chí.

- Ngoài yêu nghề ra anh còn rất **yêu người**. Sống đơn độc nên anh rất khao khát được gặp gỡ và trò chuyện với mọi người. Vì *“thèm người”* nên anh đã nghĩ ra việc lấy cây chặn đường xe chạy để được nói chuyện một lát với mọi người. Anh nói với bác họa sĩ: *“Cháu thèm nghe chuyện dưới xuôi lắm”*  hay *“con người thì ai mà chả “thèm” hở bác”*.

*\* Chuyển ý :* Không những yêu nghề, yêu người anh còn là **người sống có lý tưởng, có trách nhiệm.** Anh ý thức một cách rất rõ ràng “*Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc?”*. Nhận thức đó cho thấy anh trẻ nhưng không hời hợt.

- Anh sống một mình nhưng không cô đơn vì lúc nào trong tư tưởng của anh mục đích sống, lẽ sống vẫn luôn luôn tồn tại và nhắc nhở. Làm một công việc đơn độc, phải dậy vào lúc nửa đêm, phải ra ngoài trời lúc mưa bão, lạnh lẽo, anh có thể nằm ở trong nhà, lấy số liệu cũ mà gọi bộ đàm về để báo cáo. Nhưng anh không làm điều đó.

- Vì anh có trách nhiệm và anh hiểu rõ việc anh làm ở đây có liên quan, có ảnh hưởng đến cuộc sống lao động và chiến đấu của rất nhiều người lúc bấy giờ. Việc phái đoàn không quân – phòng không đến thăm và khen ngợi anh đã cho thấy rõ điều đó.

- Không chỉ dừng lại ở những phẩm chất tốt đẹp đó mà qua đoạn trích ta còn thấy **anh- một người ham học hỏi, rất quan tâm đến đời sống nội tâm**. Sống một mình trên đỉnh núi, anh không cảm thấy cô đơn vì lúc nào bên cạnh anh cũng có sách. Ngoài giờ làm việc, ngoài lúc phải chăm sóc vườn hoa, đàn gà, anh dành thời gian để đọc sách. Khi cô kĩ sư, ông họa sĩ… đến phòng ở của anh và quyển sách anh đang đọc dở vẫn còn để mở trên bàn. Chính anh cũng đã khẳng định với cô kĩ sư: “*Và cô cũng thấy đấy, lúc nào tôi cũng có người trò chuyện. Nghĩa là có sách ấy mà. Mỗi người viết một vẻ”.* Anh xem sách là bạn, lấy nó làm nguồn vui và cũng là để tăng thêm sự hiểu biết. Cái cách đọc sách của anh tinh tế, nghiêm túc và đúng đắn biết bao.

**\* Đánh giá đoạn trích**

- Qua phân tích ta thấy, nhân vật anh thanh niên được xây dựng bằng một nghệ thuật đặc sắc. Nó được miêu tả và thể hiện qua cuộc gặp gỡ đặc biệt với ông họa sĩ già và cô kĩ sư trẻ; được bộc lộ qua lời đối thoại của nhân vật; nhân vật không có tên riêng, không có ngoại hình cụ thể mà chỉ có tên gọi theo kiểu chung, phiếm chỉ. Và vì thế, hình ảnh anh thanh niên thể hiện vẻ đẹp của người thanh niên Việt Nam nói chung trong giai đoạn chống Mĩ: giản dị, chân thành và giàu lý tưởng; góp phần thể hiện tư tưởng chủ đề của tác phẩm, thể hiện chủ nghĩa anh hùng cách mạng Việt Nam trong chiến đấu; thể hiện cảm hứng của Nguyễn Thành Long khi sáng tác: “*SaPa không chỉ là một sự yên tĩnh. Bên dưới sự yên tĩnh ấy, người ta làm việc”,* hy sinh, yêu thương và mơ ước**.** Hình ảnh này gợi cho người đọc đến hình ảnh của thế hệ trẻ Việt Nam trong giai đoạn chống Mĩ nói riêng và theo dòng chảy thời gian nói chung.

**b. Liên hệ với hình ảnh của thế hệ trẻ trong một tác phẩm văn học khác hoặc trong thực tế đời sống để thấy được vẻ đẹp của sức trẻ Việt Nam**

- Nó gợi chúng ta nhớ đến hình ảnh những người như cô Phương Định, Nho, Thao trong tác phẩm *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê.Họ là những cô thanh niên xung phong làm công tác trinh sát mặt đường trên đường mòn Trường Sơn trong giai đoạn kháng chiến chống Mĩ gian khổ, ác liệt và đầy nguy hiểm.

- Nhưng trên hết họ là những người rất lạc quan, thích đùa tếu, mỗi người một vẻ góp phần làm nên vẻ đẹp của những nữ thanh niên xung phong lúc bấy giờ. Trong đó tiêu biểu nhất là nhân vật Phương Định. Đó là một cô gái Hà Nội xinh đẹp, có tâm hồn nhạy cảm, lao động và chiến đấu gan góc, dũng cảm và cũng là người có ý thức, có tình cảm đẹp về tình đồng đội của mình. Họ là những người:

“*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*

*Mà lòng phơi phới dậy tương lai*”.

**3. So sánh hai hình ảnh đã nêu trên**

Qua tìm hiểu ta thấy họ là những nhân vật khác nhau trong những tác phẩm văn học khác nhau. Họ khác nhau về giới tính, về môi trường sống, về công việc cụ thể. Nhưng họ là những người thanh niên của cùng một thời kì chiến tranh, cùng thể hiện vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong một thời kì lịch sử đầy khốc liệt của Tổ quốc và cùng để lại những ấn tượng sâu đậm đối với người đọc ở các giai đoạn sau.

**III. Kết bài**

Đây là một đoạn văn ngắn nhưng biểu hiện được những nét tiêu biểu của nhân vật anh thanh niên. Tác giả Nguyễn Thành Long đã thành công trong việc khắc họa nét đẹp của tuổi trẻ Việt Nam trong chiến tranh cũng như trong giai đoạn hiện nay. Với truyện ngắn này, phải chăng nhà văn muốn khẳng định cuộc sống của chúng ta được làm nên từ bao phấn đấu, hy sinh lớn lao và thầm lặng? Những con người cần mẫn, nhiệt thành như anh thanh niên ấy khiến cuộc sống này thật đáng trân trọng, thật đáng tin yêu.

**ĐỀ 52: CẢM NHẬN VỀ NHÂN VẬT ANH THANH NIÊN QUA ĐOẠN TRÍCH SAU**

“Thôi, chấm dứt tiết mục hái hoa - Người con trai bất chợt quyết định - Bác lái xe chỉ cho ba mươi phút thôi. Hết năm phút rồi. Cháu nói qua công việc của cháu, năm phút. Còn hai mươi phút, mời bác và cô vào nhà uống chè, cho cháu nghe chuyện. Cháu thèm nghe chuyện dưới xuôi lắm. Công việc của cháu cũng quanh quẩn ở mấy chiếc máy ngoài vườn này thôi. Những cái máy vườn trạm khí tượng nào cũng có. Dãy núi này có một ảnh hưởng quyết định tới gió mùa đông bắc đối với miền Bắc nước ta. Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Đây là máy móc của cháu. Cái thùng đo mưa này, ở đâu bác cũng trông thấy, mưa xong đổ nước ra cốc li phân mà đo. Cái này là máy nhật quang kí, ánh nắng mặt trời xuyên qua cái kính này, đốt các mảnh giấy này, cứ theo mức độ, hình dáng vết cháy mà định nắng. Đây là máy Vin, nhìn khoảng cách giữa các răng cưa mà đoán gió. Ban đêm, không nhìn mây, cháu nhìn gió lay lá hay nhìn trời, thấy sao nào khuất, sao nào sáng, có thể nói được mây, tính được gió. Cái máy nằm dưới sâu kia là máy đo chấn động vỏ quả đất. Cháu lấy những con số, mỗi ngày báo về “nhà” bằng máy bộ đàm bốn giờ, mười một giờ, bảy giờ tối, lại một giờ sáng. Bản báo ấy trong ngành gọi là “ốp”. Công việc nói chung dễ, chỉ cần chính xác. Gian khổ nhất là lần ghi và báo về lúc một giờ sáng. Rét, bác ạ. Ở đây có mưa tuyết đấy. Nửa đêm đang nằm trong chăn, nghe chuông đồng hồ chỉ muốn đưa tay tắt đi. Chui ra khỏi chăn, ngọn đèn bão vặn to đến cỡ nào vẫn thấy là không đủ sáng. Xách đèn ra vườn, gió tuyết và lặng im ở bên ngoài như chỉ chực đợi mình ra là ào ào xô tới. Cái lặng im lúc đó mới thật dễ sợ: nó như bị gió chặt ra từng khúc, mà gió thì giống những nhát chổi lớn, muốn quét đi tất cả, ném vứt lung tung… Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ lại được.

**Gợi ý:**

a. Đảm bảo cấu trúc của một bài nghị luận văn học: có đầy đủ Mở đoạn , thân đoạn , Kết đoạn . Mở đoạn giới thiệu vấn đề nghị luận; Thân triển khai được các luận điểm làm rõ vấn đề nghị luận; Kết khái quát được nội dung nghị luận.

b. Xác định đúng vấn đề nghị luận

c. Triển khai vấn đề nghị luận thành các luận điểm; thể hiện sự cảm nhận sâu sắc và vận dụng tốt các thao tác lập luận; có sự kết hợp chặt chẽ gữa lí lẽ và dẫn chứng. Thí sinh có thể giải quyết vấn đề theo hướng sau:

**A. Mở bài:**

Nguyễn Thành Long là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông đã để lại nhiều tác phẩm văn học có giá trị mà đặc sắc nhất là truyện ngắn “ Lặng lẽ Sa Pa” . Đọc tác phẩm ta bắt gặp những con người lao động thầm lặng mà đầy ý nghĩa trong công cuộc xây dựng đất nước mà tiêu biểu nhất là nhân vật anh thanh niên. Mặc dù phải sống và làm việc trong điều kiện khắc nghiệt nhưng ở anh thanh niên lại tỏa sáng nhiều phẩm chất tốt đẹp đáng để chúng ta ngưỡng mộ, học tập. Chúng ta hãy đến với lời tâm sự của bác họa sĩ và cô kĩ sư để hiểu thêm vẻ đẹp của nhân vật này {.....}

**B.Thân bài**

**1. Khái quát**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Truyện ngắn *“Lặng lẽ Sa Pa”* là kết quả chuyến đi thực tế của Nguyễn Thành Long lên Sa Pa - nơi giao thoa và gặp gỡ của đất trời. Truyện được viết vào mùa hè năm 1970, in trong tập truyện *“Giữa trong xanh”.* Tác phẩm kể lại cuộc gặp gỡ giữa ông họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ với anh thanh niên làm công tác khí tượng thủy văn kiêm vật lí địa cầu trên đỉnh Yên Sơn cao 2600m giữa núi rừng Lào Cai. Qua đó, tác giả ca ngợi những con người tuy sống lặng lẽ giữa trong xanh nhưng rất nhân hậu, sống sôi nổi, giàu chí hướng và hết lòng phục vụ đất nước.

**- Vị trí đoạn truyện:** Đoạn trích nằm ở phần giữa của tác phẩm, là lời tâm sự của nhân vật thanh niên về công việc làm của mình với ông họa sĩ già và cô kỹ sư nông nghiệp trẻ qua lời giới thiệu của bác lái xe, lên thăm nơi ở và làm việc của anh trong thời gian ba mươi phút gặp gỡ.

**2. Phân tích nhân vật anh thanh niên qua đoạn trích**

**a. Khái quát về công việc của anh thanh niên**

- Đoạn trích đưa ta đến vùng đất Sapa để gặp một chàng thanh niên 27 tuổi làm công tác khí tượng khí tượng kiêm vật lí địa cầu. Sống một mình trên đỉnh núi cao quanh năm mây mù che phủ, hơn bốn năm qua anh làm việc với cỏ cây và mây núi Sapa. Với công việc làm khí tượng kiêm vật lí địa cầu.

- Hoàn cảnh sống và làm việc của nhân vật hết sức đặc biệt: Anh thanh niên mới có hai mươi bảy tuổi, cái tuổi đang hừng hực sức sống và thèm tự do, bay nhảy. Cái tuổi mà nhiều hoài bão đam mê. Cái tuổi mà con người ta sẽ bay cao, bay xa với những ước mơ, lập nghiệp ở thủ đô hoa lệ, những thành phố rộng lớn  nhưng anh lại chọn Sapa làm nơi lập nghiệp cho riêng mình. Anh đã sống một mình trong suốt bốn năm trên đỉnh Yên Sơn.

- Công việc anh thanh niên kể trong đoạn văn là ghi báo về những con số lúc một giờ sáng trong hoàn cảnh thời tiết khắc nghiệt.

- Trong bốn năm đó, ông họa sĩ và cô gái trẻ là đoàn khách thứ hai đến thăm nhà anh. Như vậy, cái gian khổ nhất đối với anh là phải vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ, quanh năm suốt tháng chỉ có một mình trên đỉnh núi cao không một bóng người. Công việc của anh làm âm thầm, lặng lẽ một mình, báo về “ốp” đều đặn những con số để phục vụ sản xuất, chíên đấu. Công việc ấy đòi hỏi phải tỉ mỉ, chính xác, có tính trách nhiệm cao.

=> Qua phân tích ta thấy, hoàn cảnh sống khắc nghiệt, công việc gian khổ, vất vả. nhưng anh thiên niên đã vượt qua tất cả bằng ý chí, nghị lực và những suy nghĩ rất đẹp. Có thể nói đây chính là sự hi sinh thầm lặng, cống hiến cao cả của anh với quê hương đất nước, dân tộc.

**b. Phẩm chất của anh thanh niên được thể hiện qua đoạn trích**

**\*Ở anh trước hết ta nhận ra là tình yêu với công việc. Anh giới thiệu chi tiết từng loại máy, từng dụng cụ của mình cho ông họa sĩ và cô kĩ sư***.*

- Trước hết ta thấy cuộc sống và công việc của anh vô cùng khó khăn, vất vả. Nên anh đã tự đề ra cho mình nhiệm vụ và đã vượt qua mọi khó khăn thử thách để đạt được kết quả tốt nhất. Một chàng trai trẻ tự nguyện lên đây làm việc không phải vì sự bốc đồng nhất thời mà là cả một nhận thức chín chắn, đúng đắn, sâu sắc nhất. Thân trai tráng đứng trước cảnh nước nhà còn gặp nhiều khó khăn gian khổ thì làm sao anh có thể ngồi yên hưởng thụ được. Từ đáy lòng anh từng tiếng gọi của non sông đất nước cứ mãi vang lên từng hồi thôi thúc như hồi kèn xung trận. Không ai bắt buộc anh phải lên nơi mây mù sương phủ như vậy để làm việc nhưng anh vẫn chọn nơi đây là ngôi nhà thứ hai của mình. Bởi anh nhận thức “Ai cũng chọn việc nhẹ nhàng, gian khổ sẽ dành phần ai?”.

- Anh thanh niên như một viên kim cương sáng giữa vùng đất sa mạc cằn cỗi. Anh tự hào với công việc của mình. Phải yêu công việc lắm, gắn bó với công việc lắm mới có thể làm được như vậy.

- Đầu tiên anh kể về công việc của mình với ông họa sĩ và cô kĩ sư với giọng tràn đầy niềm tự hào và hạnh phúc. “Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất, dự vào việc báo trước thời tiết hằng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Mặc dù công việc của anh, ít ai dám làm nhưng anh kể lại cho ông họa sĩ và cô kĩ sư giọng đày tự hào, hạnh phúc. “ Cái máy nằm dưới sâu kia là máy đo chấn động vỏ quả đất. Cháu lấy những con số, mỗi ngày báo về nhà bằng máy bộ đàm, bốn giờ, 11h, 7h tối, 1h sáng, bản báo ấy trong ngành gọi là ốp. Đây là máy móc của cháu. Cái thùng đo mưa này, ở đâu bác cũng trông thấy, mưa xong đổ nước ra cốc li phân mà đo. Cái này là máy nhật quang kí, ánh nắng mặt trời xuyên qua cái kính này, đốt các mảnh giấy này, cứ theo mức độ, hình dáng vết cháy mà định nắng. Đây là máy Vin, nhìn khoảng cách giữa các răng cưa mà đoán gió.”

- Để có thể hiểu và giới thiệu một cách đầy đủ về công việc cũng như các thiết bị làm việc của mình một cách rành rọt như vậy hẳn là anh đã phải dành rất nhiều thời gian để tìm hiểu về nó thậm chí coi nó như người bạn của mình.Và anh cũng có rất nhiều kinh nghiệm trong công việc của mình. Ban đêm, không nhìn mây, cháu nhìn gió lay lá hay nhìn trời, thấy sao nào khuất, sao nào sáng, có thể nói được mây, tính được gió. Những kinh nghiệm ấy anh đã tích lũy được trong quá trình làm việc, trong suốt 4 năm anh gắn bó với công tác khí tượng kiêm vật lí địa cầu.

- **Không những yêu nghề, Anh thanh niên còn là một người có tinh thần tự giác rất cao, có thái độ nghiêm túc trong công việc.** Một mình sống trên đỉnh Yên Sơn, không có ai đôn đốc, kiểm tra  nhưng anhvẫn vượt qua hoàn cảnh làm việc một cách nghiêm túc. Dù thời tiết khắc nghiệt mùa đông giá rét mà anh đều thức dậy thắp đèn đi “ốp” đúng giờ.

- Qua lời tâm sự của anh với ông họa sĩ, cô kĩ sư , ta càng hiểu hơn những gian khổ, khó khăn vất vả trong công việc mà anh phải chịu: *“Gian khổ nhất là lần đi và báo về lúc một giờ sáng. Rét bác ạ. Ở đây có cả mưa tuyết ấy.”* Khuya rét, mưa tuyết,..có thể là lí do để anh trốn tránh trách nhiệm. Lúc một giờ khuya lạnh lẽo ấy, liệu ai dậy đi kiểm tra xem anh có làm tốt công việc của mình hay không? Anh có thể trùm chăn ngủ, lấy số cũ rồi báo về *« ốp »* được chứ ? Nhưng anh không làm thế.

- Ngày nào cũng vậy anh làm việc một cách đều đặn, chính xác 4 lần trong ngày, âm thầm, bền bỉ trong nhiều năm trời. Bởi anh thấy được công việc thầm lặng của mình có ích cho cuộc sống, cho mọi người. Anh đã thấy mình *“thật hạnh phúc”* khi được biết một lần do phát hiện kịp thời một đám mây khô mà anh đã góp phần vào chiến thắng của không quân ta bắn rơi nhiều máy bay Mỹ trên bầu trời Hàm Rồng. Công việc của anh thật chẳng kém gì nhiệm vụ của các anh chiến sĩ biên phòng đang ngày đêm bảo vệ Tổ quốc. Nếu như thời xưa, ông cha ta chiến đấu để giành độc lập cho đất nước, cho dân tộc mới được coi là suy nghĩ cho đất nước thì giờ đây, những công việc hi sinh thầm lặng của anh thanh niên là phẩm chất thể hiện lòng yêu nước. Anh mang tuổi trẻ, sức trẻ cùng sự nhiệt huyết  của mình đến vùng cao của tổ quốc.  Như Bác Hồ đã từng nói:

*“Không có việc gì khó*

*Chỉ sợ lòng không bền*

*Đào núi và lấp biển*

*Quyết chí ắt làm nên.”*

- Tuổi trẻ cùng với sự kiên trì, bền bỉ, anh thanh niên đã không ngại gian khó, gian khổ để hoàn thành công việc tốt nhất, góp phần đem lại sự phát triển cho đất nước, xã hội.

Lật giở những trang sách tiếp theo, ta lại càng thêm thán phục về anh thanh niên: người có phong cách sống cao đẹp.

- Anh có một phong cách sống khiến mọi người phải nể trọng. Tinh thần thái độ làm việc của anh thật nghiêm túc, chính xác, khoa học và nó đã trở thành phong cách sống của anh

. **3. Đánh giá**

- Bằng cách kể chuyện tự nhiên, chân thực, bằng sự đan xen giữa tự sự và miêu tả, đoạn trích đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn những vẻ đẹp trong tâm hồn nhân vật anh thanh niên- một chàng yêu nghề và có tinh thần trách nhiệm, tinh thần tự giác đáng trọng. Anh thanh niên chính là hình ảnh đại diện của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước. Xây dựng nhân vật này, Nguyễn Thành Long muốn gửi vào đó lời ngợi ca đến những con người đang ngày đêm thầm lặng cống hiến cho dân tộc.

1. **Kết bài:**

**Có thể nói rằng truyện ngắng “LLSP” của nhà văn NTL là một tác phẩm vô cùng đặc sắc. Tác phẩm và đặc biệt là đoạn trích trên đã khơi gợi trong lòng người đọc không ít những tình cảm đẹp. Nó khiến ta càng thêm cảm phục trước tài năng kể chuyện của nhà văn Nguyễn Thanh Long, càng thêm trân trọng và yêu mến những con người đang lao động cống hiến hết mình vì đất nước. Từ cuộc trò chuyện của anh thanh niên với cô kĩ sư và bác họa sĩ, tác phẩm đã đem đến cho người đọc những bài học vô cùng sâu sắc. Đó là bài học về lí tưởng sống, về trách nhiệm và về tinh thần vượt khó vươn lên . Và có lẽ chính vì thế mà sau bao thăng trầm của lịch sử truyện ngắn “LLSP” của nhà văn NTL vẫn còn mãi trong lòng bạn đọc.**

**========================================================**

**ĐỀ 53: « LẶNG LẼ SA PA » LÀ MỘT TRUYỆN NGẮN GIÀU CHẤT THƠ ( CHẤT TRỮ TÌNH). EM HÃY PHÂN TÍCH ĐỂ LÀM RÕ NHẬN ĐỊNH TRÊN. HOẶC CHỨNG MINH Ý KIẾN SAU: “ LẶNG LẼ SA PA CỦA NGUYỄN THÀNH LONG LÀ BÀI THƠ BẰNG VĂN XUÔI CA NGỢI VẺ ĐẸP TRONG SỰ LẶNG LẼ TỎA HƯƠNG CỦA THIÊN NHIÊN CON NGƯỜI”.**

**I. Mở bài**

Nguyễn Thành Long là cây bút chuyên viết truyện ngắn và kí. Ông đã thành công trong những tác phẩm về đề tài con người mới trong công cuộc xây dựng CNXH. Một trong những truyên ngắn tiêu biểu của ông là truyện “ Lặng lẽ Sa Pa”. Những yếu tố nghệ thuật tạo nên sức hấp dẫn và góp phần vào thành công của truyện ngắn là chất trữ tình ( chất thơ). Vì thế có ý kiến cho rằng: “ Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long là bài thơ bằng văn xuôi ca ngợi vẻ đẹp trong sự lặng lẽ tỏa hương của thiên nhiên con người”

**II. Thân bài**

**1. Khái quát**

- Thơ là tiếng nói của tình cảm mãnh liệt, thể hiện qua ngôn ngữ cô đọng, hàm súc, giàu hình ảnh, nhạc điệu. Khái niệm chất thơ trong tác phẩm văn xuôi để chỉ tác phẩm có thiên hướng biểu hiện trực tiếp tình cảm, cảm xúc trước những vẻ đẹp cuộc sống, thiên nhiên, con người và có ý nghĩa khơi gợi cảm xúc trữ tình ở người đọc thông qua ngôn ngữ giàu hình ảnh, nhạc điệu, giọng văn nhẹ nhàng êm ái...Trong truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa chất thơ được biểu hiện phong phú, bàng bạc trong cả truyện nhưng chủ yếu toát lên từ thiên nhiên đẹp đầy thơ mộng của Sa Pa, thấm đượm trong vẻ đẹp cuộc sống một mình giữa thiên nhiên lặng lẽ của anh thanh niên, từ tình cảm, cảm xúc đẹp đẽ về con người, nghệ thuật, cuộc sống của người họa sĩ già, cô kĩ sư trẻ...

**2. Biểu hiện của chất thơ trong đoạn trích Lặng lẽ Sa Pa:**

**a. Chất thơ trong thiên nhiên:**

**- Trước hết, chất thơ trong tác phẩm biểu hiện ở vẻ đẹp của thiên nhiên, cụ thể là núi rừng Sa Pa.** Trong truyện, theo chuyến xe đưa ông họa sĩ già và cô kĩ sư trẻ lên Sa Pa, tác giả dẫn người đọc đến với những không gian núi rừng Tây Bắc với vẻ đẹp hoang sơ, thơ mộng. Cảnh Sa Pa đẹp một cách kì lạ, quyến rũ khiến con người ta ngỡ ngàng khi lần đầu tiên bắt gặp.

- Chất thơ toát lên từ cảnh sắc Sa Pa thơ mộng như một bức tranh. Đó là nơi núi cao, thác đổ trắng xoá, với mây, nắng, sương đều rất la. Sự bắt đầu của Sa Pa là *“những răng đào”* ven đường hay *“những đàn bò lang cổ có đeo chuông”* là đặc trưng hữu hình của cuộc sống muôn màu, muôn vẻ nơi đây. Hình ảnh rừng cây đầu mùa bao bọc lấy nhau “Những cây thông chỉ cao quá đầu, rung tít trong nắng, những ngón tay bằng bạc dưới cái nhìn bao che của những cây tử kinh thỉnh thoảng nhô cái đầu màu hoa cà lên trên màu xanh của rừng”.

- Nhất là vẻ đẹp của nắng khiến cảnh sắc thêm lộng lẫy. “Nắng bây giờ bắt đầu len tới đốt cháy rừng cây”; “nắng đã mạ bạc cả con mèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái cảm thấy mình rực rỡ theo”. Người ta cảm thấy như bị cuốn theo nhịp chạy của mây hay đầy xúc cảm trong sự cuốn hút của nắng. Sa Pa không hoang vu, lạnh lẽo mà mang nét đẹp thơ mộng, huyền ảo và rất đỗi hữu tình.

- Cuối truyện, khi ông họa sĩ và cô kĩ sư tạm biệt Sa Pa, khung cảnh núi rừng lại được miêu tả một lần nữa:*“Lúc bấy giờ, nắng đã mạ bạc cả con đèo, đốt cháy rừng cây hừng hực như một bó đuốc lớn. Nắng chiếu làm cho bó hoa càng thêm rực rỡ và làm cho cô gái cảm thấy mình rực rỡ theo”.*

- Tác giả không miêu tả nhiều nhưng chỉ với những nét chấm phá, qua lời văn trong sáng, giàu hình ảnh, ngôn ngữ như có đường nét, hình khối, sắc màu, cảnh sắc thiên nhiên Sa Pa hiện lên ấn tượng với vẻ đẹp trong trẻo, hữu tình. Khung cảnh nên thơ này có tác dụng làm phông nền cho câu chuyện đầy chất thơ, là chất xúc tác đồng thời là điểm tựa cho chất thơ trong truyện được thăng hoa.

**a. Chất thơ trong vẻ đẹp của con người:**

**\*Anh thanh niên**

**- Chất thơ không chỉ biểu hiện qua thiên nhiên mà chất thơ còn biểu hiện qua con người.** Trước hết nó biểu hiện qua nhân vật chính là anh thanh niên. Chất thơ toát lên từ những suy nghĩ, cảm xúc, việc làm, cách sống của anh. Đó là con người yêu nghề, có ý thức sâu sắc về công việc mình làm và hiểu rõ ý nghĩa của công việc với cuộc sống con người, có tinh thần trách nhiệm, biết vượt lên khó khăn và gian khổ của hoàn cảnh sống để hoàn thành nhiệm vụ.

- Anh là một chàng trai với tâm hồn cởi mở, chân thành, có nếp sống ngăn nắp, khoa học và thơ mộng *(“một căn nhà ba gian, sạch sẽ, với bàn ghế, sổ sách, biểu đồ, thống kê, máy bộ đàm”),* không cảm thấy cô đơn vì có niềm vui trồng hoa, đọc sách; yêu nghề, tận tụy, có trách nhiệm và luôn tìm thấy niềm vui trong công việc  *“Khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi công việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất”*; chân thành, cởi mở, chu đáo và biết quan tâm người khác (tặng củ tâm thất để vợ bác lái xe chữa bệnh, vui sướng khi có khách đến thăm, tiếp đãi khách nồng nhiệt, lưu luyến, tặng quà khi chia tay); thành thật, khiêm tốn (tự nhận thấy đóng góp của mình chỉ là nhỏ bé so với những người khác, từ chối khi được vẽ chân dung và giới thiệu những người xứng đáng hơn mình).

=> Có thể nói, hiện lên với những vẻ đẹp dung dị, đời thường mà cao quý, anh thanh niên hình ảnh tiêu biểu của những con người *“lặng lẽ”* giữa “*Sa Pa”,* là chân dung của con người lao động mới trong thời đại mới đang góp sức mình cho công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Tâm hồn, cách sống, từng câu chuyện về công việc của anh như những bài thơ mang vẻ đẹp nhân văn thấm đẫm. Chất thơ trong truyện bung tỏa từ chính hình tượng nhân vật này.

**\*Các nhân vật khác**

**- Chất thơ trong Lặng lẽ Sa Pa còn được thể hiện nổi bật qua vẻ đẹp của các nhân vật khác** với những câu chuyện bình dị mà cảm động của họ. Tất cả đều hiện lên với những vẻ đẹp riêng. Ông họa sĩ già với khát vọng chân chính về nghệ thuật , con người từng trải, tâm huyết với nghệ thuật, khát khao đi tìm đối tượng của nghệ thuật, có tâm hồn nghệ sĩ giàu xúc cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên, vẻ đẹp của tâm hồn con người và nghệ thuật.

- Cô kĩ sư trẻ mang nhiệt huyết của tuổi trẻ, có niềm khát khao cống hiến, sẵn sàng rời thành phố đến với miền đất xa xôi khi vừa mới ra trường ; cuộc gặp gỡ với người thanh niên đã khơi dậy trong cô những tình cảm lớn lao, cao đẹp, hiểu thêm về cuộc sống tuyệt đẹp của người thanh niên, có những nhận thức sâu sắc về lẽ sống và vững tin vào con đường mình đã lựa chọn.

- Bác lái xe với hơn 30 năm miệt mài. Ông kĩ sư vườn rau Sa Pa tận tụy với công việc, hàng ngày ngồi trong vườn chăm chú quan sát cách lấy phấn của ông, tự tay thụ phấn cho hoa su hào...

- Anh cán bộ nghiên cứu sét hi sinh hạnh phúc bản thân vì đam mê khoa học. Anh đồng nghiệp trên đỉnh Phan-xi-păng lặng lẽ cống hiến cho cộng đồng…, Tất cả những nhân vật của Lặng lẽ Sa Pa đều hiện lên với vẻ đẹp rạng ngời trong tâm hồn và cách sống. Không chỉ say mê, hết lòng trong công việc, họ còn biết hi sinh hạnh phúc riêng tư cho lí tưởng xây dựng, làm giàu đất nước.

- Dù thật lặng lẽ, bình dị (phần lớn các nhân vật đều không có tên - đây là một dụng ý nghệ thuật của tác giả) nhưng nhân cách, tâm hồn của họ vẫn tỏa vẻ đẹp nhân văn lấp lánh.

**a3.** **Một câu chuyện thơ**

**Không chỉ trên phương diện nội dung, chất thơ trong Lặng lẽ Sa Pa còn được thể hiện sinh động trên nhiều khía cạnh của phương diện hình thức.**

- Ấn tượng chung của độc giả đối với tác phẩm là câu chuyện nhẹ nhàng với cốt truyện đơn giản, tình tiết không phức tạp, diễn biến truyện không quá gây cấn. Tuy có đôi lúc sôi nổi nhưng chủ yếu truyện vẫn mang giọng điệu chậm rãi, khoan thai.

- Đặc biệt, truyện có lớp ngôn ngữ trong sáng, giàu sức biểu cảm và hình ảnh với những biểu hiện như: Sử dụng nhiều từ ngữ chỉ màu sắc (thác trắng xóa, mây hắt từng chiếc quạt trắng, thấp thoáng trong màu xanh bao la, một vệt hình ba góc màu vàng, những ngón tay bằng bạc, nhô cái đầu màu hoa cà màu xanh của rừng, anh chỉ đỏ mặt, đứng trông mây mù ngang tầm với chiếc cầu vồng kia, hoa dơn, hoa thược dược, vàng, tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong…);Sử dụng nhiều từ láy (lặng lẽ, lả tả, thấp thoáng, dễ dàng, nhẹ nhàng, bối rối, nhỏ nhẻ, sạch sẽ, toe toe, khe khẽ, hí hoáy, loay hoay, choáng choàng, vắng vẻ, vòi vọi, băn khoăn, rực rỡ,…); sử dụng nhiều so sánh tu từ (nó như con gián gặm nhấm người ta, nó như bị chặt ra từng khúc, các anh chị cứ như con bướm,…). Có thể nói, lớp ngôn ngữ truyện giàu chất thơ là một trong những phương diện quan trọng làm nên chất thơ xuyên suốt trong toàn bộ tác phẩm.

**3. Đánh giá:**

- Lặng lẽ Sa Pa là truyện ngắn giàu chất thơ. Bên cạnh vẻ đẹp của thiên nhiên và con người, còn có những chi tiết rất thơ, có ngôn ngữ văn xuôi trau chuốt, nhịp điệu nhẹ nhàng... khơi gợi nhiều xúc cảm cho người đọc. Có thể nói chất thơ là một trong những yếu tố tạo nên sức hấp dẫn và thành công của truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa đặc biệt là trong đoạn trích, giúp cho chủ đề truyện được rõ nét và sâu sắc (trong cái lặng im của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ kĩ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước) làm nên đặc sắc văn phong và khẳng định sự tìm tòi, sáng tạo trong nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Thành Long.

**III. Kết bài**

Với nghệ thuật sử dụng ngôn từ tinh tế, tạo nên những câu văn giàu hình ảnh, nhạc tính, cách kể chuyện tự nhiên, gần gũi, tạo ra những tình tiết giàu mang những chiều sâu chưa nói hết, có thể nói, truyện ngắn “*Lặng lẽ Sa Pa”* mang dáng dấp như một bài thơ, chất thơ bàng bạc trong toàn truyện, từ phong cảnh đẹp hết sức thơ mộng của thiên nhiên vùng núi cao đến hình ảnh con người sống và làm việc trong cái lặng lẽ mà không hề cô độc bởi sự gắn bó với đất nước, với mọi người. Chất thơ trong truyện còn góp phần tạo nên dấu ấn phong cách nghệ thuật của nhà văn Nguyễn Thành Long.

=======================================================

**ĐỀ 54: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ HAI ĐOẠN TRÍCH SAU: TỪ ĐÓ EM HÃY NHẬN XÉT NGẮN GỌN VỀ TUỔI TRẺ CỦA TUỔI TRẺ VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM THÁNG CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC.**

*"... Nhân dịp Tết một đoàn các chú lái máy bay lên thăm cơ quan cháu ở Sa Pa. Không có cháu ở đây. Các chú lại cử một chú lên tận đây. Chú ấy nói: nhờ cháu có góp phần phát hiện một đám mây khô mà ngày ấy tháng ấy, không quân ta hạ được bao nhiêu phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế (...)*

*Nhưng từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc. Ơ bác vẽ cháu đấy ư? Không, không đừng vé cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn"*

(Ngữ văn 9, Tập một, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, tr 185).

Và tác phẩm Những ngôi sao xa xôi của Lệ Minh Khuê Có đoạn:

"*Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần, Ngày nào Ít ba lần. Tôi cố nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chỉnh: liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đứng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi,, mằn mặn, cát lạo xạo trong miệng. "*

(Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2017, tr 118)

**GỢI Ý:**

**I. Mở bài:**

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm và hai nhân vật

+ Giới thiệu Nguyễn Thành Long và truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa; Lê Minh Khuê và truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi.

- Giới thiệu nhân vật anh thanh niên và Phương Định, từ đó khái quát vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc sống lao động và chiến đấu thời kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

**II. Thân bài:**

- Lặng lẽ Sa Pa là kết quả từ chuyến đi thực tế ở Lào Cai của Nguyễn Thành Long. Tác giả đã khắc họa vẻ đẹp của người lao động, ca ngợi cuộc sống mới, con người mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, là hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn ở miền Nam.

- Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê lại miêu tả chân thực, sinh động cuộc sống chiến đấu dũng cảm; tâm hồn lạc quan, hồn nhiên, trong sáng của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.

**1. Vẻ đẹp trong cách sống**

**a. Nhân vật anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa**

- Hoàn cảnh sống và làm việc: một mình trên núi cao, quanh năm suốt tháng giữa cây cỏ và mây núi Sa Pa. Công việc là đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất..

- Anh làm việc với tinh thần trách nhiệm cao, cụ thể, tỉ mỉ, chính xác, đúng giờ ốp thì dù cho mưa tuyết, giá lạnh thế nào anh cũng trở dậy ra ngoài trời làm việc đúng giờ quy định.

- Anh đã vượt qua sự cô đơn, vắng vẻ quanh năm suốt tháng trên đỉnh núi cao không một bóng người.

- Sự cởi mở chân thành, quý trọng mọi người, khao khát được gặp gỡ, trò chuyện với mọi người.

-Tổ chức sắp xếp cuộc sống của mình một cách ngăn nắp, chủ động: trồng hoa, nuôi gà, tự học..

**b. Cô thanh niên xung phong Phương Định**

- Hoàn cảnh sống và chiến đấu: ở trên cao điểm giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhất bom đạn và sự nguy hiểm, ác liệt. Công việc đặc biệt nguy hiểm: Chạy trên cao điểm giữa ban ngày, phơi mình trong vùng máy bay địch bị bắn phá, ước lượng khối lượng đất đá, đếm bom, phá bom.

- Yêu mến đồng đội, yêu mến và cảm phục tất cả những chiến sĩ mà cô gặp trên tuyến đường Trường Sơn.

- Có những đức tính đáng quý, có tinh thần trách nhiệm với công việc, bình tĩnh, tự tin, dũng cảm…

**2. Vẻ đẹp tâm hồn**

**a. Anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa**

- Anh ý thức về công việc của mình và lòng yêu nghề khiến anh thấy được công việc thầm lặng ấy có ích cho cuộc sống, cho mọi người.

- Anh đã có suy nghĩ thật đúng và sâu sắc về công việc và những đóng góp của mình rất nhỏ bé.

- Cảm thấy cuộc sống không cô đơn buồn tẻ vì có một nguồn vui, đó là niềm vui đọc sách mà lúc nào anh cũng thấy như có bạn để trò chuyện.

- Là người nhân hậu, chân thành, giản dị. b. Cô thanh niên xung phong Phương Định

- Có thời học sinh hồn nhiên vô tư, vào chiến trường vẫn giữ được sự hồn nhiên.

- Là cô gái nhạy cảm, mơ mộng, thích hát, tinh tế, quan tâm và tự hào về vẻ đẹp của mình.

– Kín đáo trong tình cảm và tự trọng về bản thân mình.

=> Các tác giả đã miêu tả sinh động, chân thực tâm lí nhân vật làm hiện lên một thế giới tâm hồn phong phú, trong sáng và đẹp đẽ cao thượng của nhân vật ngay trong hoàn cảnh chiến đấu đầy hi sinh gian khổ.

- Một người ở hậu phương, một người ở tiền tuyến nhưng cả hai có điểm chung là đều có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; không ngại gian khổ hi sinh trong hoàn cảnh đơn độc hay ác liệt; sống có lí tưởng, sống là để cống hiến, phục vụ, sẵn sàng hi sinh cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- Cùng có tinh thần dũng cảm, lạc quan, yêu đời, trẻ trung, sôi nổi hồn nhiên; giản dị, khiêm tốn.

=> Hai tác phẩm có đề tài phản ánh khác nhau, thể hiện hình tượng nhân vật khác nhau nhưng cùng hướng đến vẻ đẹp chung của tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc sống lao động và chiến đấu để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giữa những ngày tháng chống Mĩ ác liệt nhất.

**III. Kết bài**

- Hai tác phẩm đều khám phá, phát hiện ngợi ca vẻ đẹp tâm hồn con người Việt Nam trong lao động và trong chiến đấu.

- Vẻ đẹp của các nhân vật đều mang màu sắc lí tưởng, họ là hình ảnh của con người Việt Nam mang vẻ đẹp của thời kì lịch sử gian khổ hào hùng và lãng mạn của dân tộc.

==============================================================

**ĐỀ 55**: **VẺ ĐẸP CỦA NHỮNG CÔ GÁI THANH NIÊN XUNG PHONG TRONG TÁC PHẨM “NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI” CỦA NHÀ VĂN LÊ MINH KHUÊ. HÃY LIÊN HỆ THỰC TẾ TRÁCH NHIỆM CỦA THẾ HỆ THANH NIÊN TRONG XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG TÌNH HÌNH HIỆN NAY.**

**Hướng dẫn làm bài**

Học sinh cần phải đảm bảo các nội dung sau:

 - Phân tích vẻ đẹp của ba cô gái thanh niên xung phong trong tác phẩm: “ Những ngôi sao xa xôi” của nhà văn Lê Minh Khuê.

- Từ các nhân vật trong tác phẩm học sinh có thể liên hệ thực tế về nhiệm vụ của thế hệ thanh niên trong việc xây dựng đất nước và bảo vệ tổ quốc trong tình hình hiện nay bằng các ý cụ thể như sau:

**1. Mở bài**

- Lê Minh Khuê là cây bút nữ chuyên về truyện ngắn. Trong những năm chiến tranh, truyện của Lê Minh Khuê viết về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ ở tuyến đường Trường Sơn. Sau năm 1975, tác phẩm của nhà văn bám sát những chuyển biến của đời sống xã hội và con người trên con đường đổi mới.

- Truyện " Những ngôi sao xa xôi" là một trong số những tác phẩm đầu tay của Lê Minh Khuê, viết năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc đang diễn ra ác liệt.

- Tiêu biểu là vẻ đẹp về tâm hồn, phẩm chất anh hùng của ba nữ thanh niên xung phong trong tác phẩm.

**2. Thân bài**

\* Vẻ đẹp chung của các cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.

- Đó là những cô gái tuổi đời còn trẻ. Vì nhiệm vụ giải phóng miền Nam, họ đã không tiếc tuổi xuân chiến đấu, cống hiến cho đất nước.

- Công việc của họ là trinh sát mặt đường gặp nhiều khó khăn nguy hiểm. Họ phải làm việc dưới mưa bom bão đạn, phải phá bom thông đường để những đoàn quân tiến vào giải phóng miền Nam.

- Họ mang lí tưởng chiến đấu để thống nhất Tổ Quốc nên đều giàu tinh thần trách nhiệm, coi thường gian khổ. Mỗi nhân vật có nét tính cách riêng nhưng họ yêu thương, lạc quan, có niềm tin vào tình yêu đất nước.

\* Vẻ đẹp riêng của các cô gái thanh niên xung phong

a. Nhân vật Phương Định.

- Đây là cô gái Hà Nội trẻ trung yêu đời. Phương Định thích ngắm mình trong gương, là người có ý thức về nhan sắc của mình. Cô có hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Đôi mắt màu nâu, dài dài, hay nheo nheo như chói nắng...

- Phương Định là nhân vật kể chuyện xưng tôi đầy nữ tính.Cô đẹp nhưng không kiêu căng mà có sự thông cảm, hoà nhập. Cô thích hát dân ca quan họ Bắc Ninh, dân ca ý, đặc biệt hát bài Ca Chiu Sa. Cô có tài bịa lời cho những bài hát. Những bài hát về cuộc đời, về tình yêu và sự sống cất lên giữa cuộc chiến tranh ác liệt tôn thêm vẻ đẹp của những cô thanh niên xung phong có niềm tin vào cuộc chiến tranh chính nghĩa của dân tộc.

- Phương Định là cô gái dễ thương, hay xúc động. Chứng kiến cảnh trận mưa đá cô nhớ về Hà Nội, nhớ mẹ, nhớ cái cửa sổ, nhớ những ngôi sao, nhớ quảng trường lung linh... Những hoài niệm; kí ức dội lên sâu thẳm càng chứng tỏ sự nhạy cảm trong tâm hồn cô gái Hà Nội mơ mộng, lãng mạn, thật đáng yêu.

b. Nhân vật Thao

Đây là cô  gái lớn tuổi nhất trong nhóm, là đội trưởng tổ trinh sát mặt đường. ở chị có những nét dễ nhớ ấn tượng. Chị cũng tỉa tót lông mày nhỏ như cái tăm, cương quyết, mạnh mẽ, táo bạo. Chị không sợ bom đạn, chỉ đạo công việc dứt khoát nhưng lại rất sợ máu và vắt.

- Chị yêu thương đồng đội đúng vai trò của người chị cả. Khi Nho bị thương, chị rất lo lắng, săn sóc tận tình từng hớp nước, cốc sữa. Tình đồng đội sưởi ấm tâm hồn những cô gái lúc khó khăn nhất.

- Chị Thao cũng thích hát dù hát sai lời và sai nhạc. Tiếng hát yêu đời, cất lên từ cuộc chiến tranh để khẳng định bản lĩnh, sức mạnh, niềm tin vào lí tưởng của thanh niên thời đại những năm chống Mĩ.

c. Nhân vật Nho.

- Nho xuất hiện trong thời điểm quan trọng của câu chuyện. Đó là lúc phá bom, khi ranh giới của sự sống và cái chết gần kề gang tấc. Nho nhỏ nhẹ, dịu dàng, duyên dáng " Trông nó nhẹ mát mẻ như một que kem trắng"

\* Liên hệ thực tế:

- Chúng ta hiểu được có cuộc sống như ngày hôm nay đó là nhờ biết bao thế hệ cha ông đổ biết bao mồ hôi, xương máu và nước mắt mới có được nền hoà bình. Cần tự hào về những truyền thống tốt đẹp đó.

- Hiện nay mặc dù chúng ta đang sống trong hoà bình nhưng vẫn còn các thế lực thù địch âm mưư thôn tính nước ta.

- Vì vậy là một công dấn của đất nước chúng ta cần có trách nhiệm góp một phần nhỏ bé của mình trong việc xây dựng đất nước và bảo vệ tổ quốc, phát huy những truyền thống anh hùng của ba nữ thanh niên trong tác phẩm.

**3. Kết luận**

- Khẳng định tâm hồn trong sáng sự hồn nhiên và phẩm chất anh hùng dũng cảm, lạc quan của ba nữ thanh niên xung phong.

- Rút ra bài học cho bản thân.

==============================================================

**ĐỀ 56:** **TUỔI TRẺ VIỆT NAM TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ QUA NHÂN VẬT ANH LÍNH LÁI XE VÀ PHƯƠNG ĐỊNH. VẺ ĐẸP CỦA THẾ HỆ TRẺ VIỆT NAM QUA NHÂN VẬT ANH THANH NIÊN TRONG “LẶNG LẼ SA PA” CỦA NGUYỄN THÀNH LONG VÀ NHÂN VẬT PHƯƠNG ĐỊNH TRONG “ NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI” CỦA LÊ MINH KHUÊ.**

**Hướng dẫn làm bài:**

- Nêu vấn đề nghị luận: Giới thiệu tác giả, tác phẩm và luận đề:

+ Giới thiệu Nguyễn Thành Long và truyện ngắn Lặng lẽ Sa Pa; Lê Minh Khuê và truyện ngắn Những ngôi sao xa xôi.

+ Giới thiệu nhân vật anh thanh niên và Phương Định, từ đó khái quát vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc sống lao động và chiến đấu thời kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

a. Giới thiệu chung (khái quát đề tài hai tác phẩm; tóm tắt sơ lược…)

+ Lặng lẽ Sa Pa là kết quả từ chuyến đi thực tế ở Lào Cai của Nguyễn Thành Long. Tác giả đã khắc họa vẻ đẹp của người lao động, ca ngợi cuộc sống mới, con người mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, là hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn ở miền Nam.

+ Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê lại miêu tả chân thực, sinh động cuộc sống chiến đấu dũng cảm; tâm hồn lạc quan, hồn nhiên, trong sáng của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.

+ Hai tác phẩm có đề tài phản ánh khác nhau, thể hiện hình tượng nhân vật khác nhau nhưng cùng hướng đến vẻ đẹp chung của tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc sống lao động và chiến đấu để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giữa những ngày tháng chống Mĩ ác liệt nhất.

b. Vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam được thể hiện qua các nhân vật:

- Nhân vật anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa:

+ Trong công việc: anh là một người say mê công việc; có tinh thần trách nhiệm; có ý chí, nghị lực để vượt qua gian khổ; dũng cảm khi sống đơn độc giữa non xanh; biết lấy công việc làm niềm vui, thực sự hạnh phúc khi hiểu được ý nghĩa công việc của mình à Sống có lí tưởng, hoài bão: sống là để cống hiến, phục vụ cho nhân dân, cho đất nước.

(Học sinh nêu và phân tích dẫn chứng: nơi sống và làm việc, những công việc của anh thanh niên, những khó khăn vất vả trong công việc và những suy nghĩ đúng đắn tích cực của anh về công việc của mình)

+ Trong cách sống, trong tâm hồn: anh có cuộc sống giản dị, biết tổ chức cuộc sống khoa học, ngăn nắp, sạch sẽ; ham học hỏi, cần cù, chịu khó; giàu tình cảm; sống cởi mở, chân tình; và cũng rất khiêm tốn à Đời sống tâm hồn phong phú, sôi nổi trẻ trung, lạc quan yêu đời.

(Học sinh nêu và phân tích dẫn chứng: về căn nhà của anh ở; việc anh ham đọc sách; trồng hoa, nuôi gà; rất hiếu khách, tiếp đón ông họa sĩ và cô kĩ sư chu đáo, nồng hậu; tặng củ tam thất cho vợ bác lái xe, tặng hoa cho cô gái, tặng trứng gà cho ông họa sĩ; lịch sự, khiêm tốn khi ông họa sĩ vẽ mình,…)

- Nhân vật Phương Định trong Những ngôi sao xa xôi:

+ Trong công việc: hoàn cảnh sống và công việc rất gian khổ, nguy hiểm nhưng cô vẫn tự nguyện, sẵn sàng chịu đựng mọi gian khổ, hi sinh, làm việc với một tinh thần trách nhiệm cao; đặc biệt trong giờ phút căng thẳng đối diện với cái chết, cô vẫn tỏ ra bình tĩnh, gan dạ, dũng cảm.

(Học sinh nêu và phân tích dẫn chứng: nơi sống, làm việc; công việc của Phương Định; chi tiết kể về việc phá bom…)

+ Trong đời sống tâm hồn, tình cảm: dù sống trong hoàn cảnh ác liệt, căng thẳng, dữ dội nhất nhưng cô có một tâm hồn trong sáng, hồn nhiên, vô tư, lạc quan, yêu đời; nhạy cảm, giàu mộng mơ; có tình cảm yêu mến, sự cảm phục và sẵn lòng giúp đỡ đồng đội trong tổ, trong đơn vị…

(Học sinh nêu và phân tích dẫn chứng: Phương Định thích ca hát, hay quan tâm đến hình thức của mình, thích ngắm mình trong gương; hay làm ra vẻ “điệu” khi gặp các anh bộ đội, quan tâm lo lắng khi Nho bị thương; như trẻ con khi nghịch mưa đá, sống lại những kỉ niệm về Hà Nội…)

- Tổng hợp:

+ Một người ở hậu phương, một người ở tiền tuyến nhưng cả hai có điểm chung là đều có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; không ngại gian khổ hi sinh trong hoàn cảnh đơn độc hay ác liệt; sống có lí tưởng, sống là để cống hiến, phục vụ, sẵn sàng hi sinh cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Cùng có tinh thần dũng cảm, lạc quan, yêu đời, trẻ trung, sôi nổi hồn nhiên; giản dị, khiêm tốn.

Vẻ đẹp của tuổi trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước mà hai nhà văn muốn khẳng định, ca ngợi.

- Đánh giá nghệ thuật hai tác phẩm (cách kể chuyện, giọng điệu; tình huống; xây dựng nhân vật, miêu tả nội tâm, tính cách; ngôn ngữ…)

**===================================================**

**CHIẾC LƯỢC NGÀ**

*(Nguyễn Quang Sáng)*

**ĐỀ 57: SUY NGHĨ CỦA EM VỀ NHÂN VẬT BÉ THU QUA TRUYỆN NGẮN “CHIẾC LƯỢC NGÀ” CỦA NHÀ VĂN NGUYỄN QUANG SÁNG.**

**I. Mở bài**

**Cách 1:** Nguyễn Quang Sáng là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị, trong đó đặc sắc nhất là truyện ngắn “ Chiếc lược ngà”. Đọc truyện ta vô cùng xúc động trước tình cảm cha con trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Đặc biệt nhân vật bé Thu đã để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong long bạn đọc về một cô bé cá tính có tình yêu cha sâu sắc, mãnh liệt. ( Tình cảm ấy được thể hiện xuyên suốt trong toàn bộ tác phẩm nhưng thể hiện xúc động nhất là đoạn trích sau…)

**Cách 2:** Bom đạn chiến tranh đã khiến cho đất nước mang trên mình những vết thương, khiến cho bao gia đình tan nát vì chia xa, những nỗi đau cứ thế mà chồng chất. Tuy nhiên, giữa bản nhạc buồn của chiến tranh, văn học vẫn mang đến cho đời sống tình cảm của con người những cung bậc, những âm thanh da diết, tuyệt đẹp về tinh thần đoàn kết, về tình đồng đội, đồng chí và cả tình cảm gia đình thiêng liêng bất diệt. Một trong những tác phẩm hay nhất viết về tình cảm gia đình trong chiến tranh là “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Truyệnđã thể hiện những diễn biến tâm lí tinh tế và tình cảm sâu sắc, mạnh mẽ mà bé Thu dành cho cha.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**1. Khái quát về tác phẩm**

**- Hoàn cảnh sang tác:** Tác phẩm *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó khẳng định rằng: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

**- Khái quát về chủ đề:** Câu chuyện tập trung thể hiện tình cảm cha con của ông sáu với bé Thu, đặc biệt là tình yêu thương mãnh liệt của bé Thu dành cho cha.

**2. Phân tích**

**a. Cảnh ngộ của bé Thu**

- Như chúng ta đã biết bé Thu sinh và lớn lên trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh. Ba em lên đường đánh giặc khi em chưa tròn một tuổi, tám năm dòng em chưa được gặp cha, em chỉ được ngắm nhìn ba qua bức hình chụp chung với má.

=> Như vậy chiến tranh đã chia cắt tình cảm khiến cho gia đình bé Thu cũng như bao gia đình VN khác phải rơi vào cảnh ngộ li tán, chia lìa.

- Tám tuổi Thu còn quá nhỏ để hiểu được sự khốc liệt và éo le của chiến tranh. Chính vì vậy cuộc gặp gỡ bất ngờ với người cha sau 8 năm xa cách đã khiến cho bé Thu có nhiều sự ngộ nhận. Từ đó ta càng thấy bé Thu phải chịu nhiều thiệt thòi và cảm thấy thương em hơn và căm ghét chiến tranh.

**\* Đặc điểm của bé Thu:**

- Thu là cô bé cá tính , ương bướng, ngang ngạnh và đáo để.

*Chuyển ý:* Chính hoàn cảnh của chiến tranh đã tạo cho bé Thu một cá tính rất mạnh mẽ, ương bướng, ngang ngạnh, đáo để nhưng cũng rất trong sang, hồn nhiên và đáng yêu.

- Trong tâm trí non nớt của bé Thu hình ảnh người cha hiện lên thật đẹp, một người cha mà em luôn thần tượng. Như vậy em yêu cha bằng một tình yêu bền vững, tuyệt đối không có gì lay chuyển được mặc dù 8 năm em chưa từng gặp và gọi một tiếng ba.

- Và để làm nổi bật tình cảm đó của bé Thu nhà văn đã đặt bé Thu vào tình huống cụ thể để bé Thu bộc lộ rõ cá tính của mình đó cũng là khi ông Sáu trở về thăm nhà sau 8 năm xa cách.

**b. Diễn biến, thái độ, tình cảm của Thu trong thời gian ông Sáu về phép thăm nhà**

**\* Khi mới gặp cha**

- Mở đầu đoạn trích, Thu xuất hiện là cô bé hồn nhiên, xinh xắn với mái *“tóc cắt ngang vai, mặc quần đen, áo bông đỏ đang chơi nhà chòi”…* Thu thương cha như thế. Ta tưởng chừng như khi được gặp cha, nó sẽ bồi hồi, sung sướng và sà vào vòng tay của ba nó nũng nịu với tình cảm mãnh liệt hơn bao giờ hết. Nhưng không Thu đã làm cho người đọc phải bất ngờ qua hành động quyết liệt không chịu nhận ông Sáu là ba.

- Đầu tiên, nghe gọi, con bé *“ giật mình, tròn mắt nhìn”,* ngơ ngác, lạ lùng. Đây là một hành động rất tự nhiên, sự ngạc nhiên khó hiểu của bé Thu khi thấy một người xa lạ gọi mình là con. Sau khi khi ông Sáu đến gần, lặp đi lặp lại: *“Ba đây con !”* , con bé bỏ chạy và thét lên “*Má, má”.* Đây là phản ứng sợ hãi rất dễ hiểu của một đứa trẻ. Thu chưa sẵn sàng tâm lí đón nhận người mà em chưa hề gặp mặt bao giờ làm cha. Hành động của Thu đáng thương hơn đáng trách.

**\* Ba ngày ông Sáu ở nhà**

- Thu là cô bé có cá tính, ngang ngạng, bướng bỉnh. Những ngày nghỉ phép mặc những cử chỉ quan tâm của ông Sáu, Thu vẫn gan lì không chịu gọi ba. Mẹ nó bảo gọi ba vào ăn cơm nhưng nó lại nói trổng *“Vô ăn cơm”* để rồi khi bị mẹ dọa đánh nó vẫn lại nói trổng *“Cơm chín rồi”.* Nó gọi ông Sáu là *“người ta”.* Rồi ngày hôm sau khi bị dồn đến đường cùng phải nhờ sự giúp đỡ của ông Sáu nhưng nó vẫn không chịu lễ phép, chỉ nói “*Cơm sôi rồi, chắt nước dùm cái”, “Cơm sôi rồi nhão bây giờ”*.

**\* Khi ông Sáu gắp cái trứng cá:**

- Mặc dù sợ nhưng nó nhất quyết không gọi *“ba”, nó lấy cái vá múc ra từng vá nước”.* Lúc này ta thấy Thu đáng trách hơn đáng thương. Với bé Thu , người trong ảnh chụp chung với má mới chính là ba nó. Tới bữa cơm, khi ông Sáu gắp cho nó cái trứng cá to thì nó *“lấy đũa xoi vào chén rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm”.* Giận quá ông Sáu đánh vào mông nó, nó đứng dậy, xuống bến *“mở lòi tói, cố làm cho dây lòi tói khua rổn rảng…rồi lấy dầm bơi qua sông”* mét với ngoại và khóc ở bên ấy.

=> Qua phân tích ta thấy, việc Thu không nhận ông Sáu là cha có nguyên nhân của nó. Bởi vì ông Sáu có vết thẹo dài trên má. Với suy nghĩ của một đứa trẻ hồn nhiên và đáng yêu, em luôn mường tượng ra người cha của em đẹp như trong ảnh chụp chung với má. Trong sâu thẳm tâm hồn Thu, em rất yêu cha vì vậy nên em không muốn người nào khác thế chỗ của ba mình. Em muốn giữ mãi hình ảnh người cha đẹp đẽ của em. Hiểu như vậy, ta thấy sự ương ngạnh của bé Thu hoàn toàn không đáng trách mà còn có phần đáng yêu. Đó là phản ứng tâm lí hoàn toàn tự nhiên của một đứa trẻ có cá tính mạnh mẽ.

- Phản ứng tâm lí của em là hoàn toàn tự nhiên, nó còn chứng tỏ em có cá tính mạnh mẽ, tình cảm của em sâu sắc, chân thật, em chỉ yêu ba khi tin chắc đó đúng là ba. Chính cái thái độ quyết liệt ngang ngạnh đó lại là biểu hiện tuyệt vời của tình cảm người con dành cho cha - người trong tấm hình chụp chung với má em.một tình yêu chân thực, sâu sắc và mãnh liệt .

=> Qua những phản ứng mạnh mẽ của bé Thu ta nhận thấy phải thực sự là một người có lòng yêu trẻ và thấu hiểu tâm lý trẻ thơ, Nguyễn Quang Sáng mới có thể khắc họa nhân vật bé Thu một cách đáng yêu như thế.

**c.****Trong buổi sáng cuối cùng, trước giờ phút ông Sáu phải đi xa thì thái độ và hành động của bé Thu đã đột ngột, thay đổi hoàn toàn.**

- Cá tính ương ngạnh là thế nhưng rồi sau khi nghe bà ngoại giải thích về vết thẹo trên mặt ba thì mọi nghi ngờ bấy lâu được giải tỏa và ở Thu nảy sinh một trạng thái ân hận, hối tiếc *“Nghe bà kể , nó nằm im, lăn lộn và thỉnh thoảng lại thở dài như người lớn”.*

*-* Vì thế trong buổi sáng cuối cùng trước lúc ông Sáu lên đường, thái độ và hành động của bé Thu thay đổi đột ngột. Nó không bướng bỉnh hay cau mày nhăn nhó nữa, vẻ mặt nó sầm lại buồn rầu khi đối diện với ông Sáu “*đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao”.*

- Đằng sau đôi mắt ấy đang xáo động bao ý nghĩ, bao tình cảm và sau lời từ biệt của ông Sáu *“Thôi ba đi nghe con”* thì tình yêu và nỗi mong nhớ với người cha xa cách bị dồn nén bấy lâu nay bỗng trỗi dậy hơn bao giờ hết: mạnh mẽ, hối hả và cuống quýt.

- Lần đầu tiên Thu cất tiếng gọi ba sau 8 năm. Tiếng gọi ấy chứa chan bao tình cảm *“Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé ruột gan mọi người, nghe thật xót xa”*. *“Đó là tiếng ba mà nó cố đè nén bấy lâu nay, tiếng ba như vỡ tung ra từ đáy lòng nó”* cùng với những cử chỉ khiến người kể chuyện, bà con hàng xóm và cả người đọc chúng ta xúc động đến nao lòng *“nó vừa kêu vừa chạy tới, nhanh như sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt cổ ba nó”*. Nguyễn Quang Sáng không viết nhiều, chỉ vài chi tiết nhỏ cũng đủ để người đọc cảm nhận tình yêu thương nồng nàn mà bé Thu dành cho ba của mình. Trong giây phút ấy bé Thu không chỉ yêu ba, thương ba mà còn tự hào về ba *“Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa”*.

- Có lẽ vì rất tiếc thời gian qua không nhận ra ba nên giờ nó muốn níu ba nó ở lại *“không cho ba đi nữa, ba ở nhà với con”*, nhưng rồi ý thức được công việc của ba, của kháng chiến nên khi bà ngoại giải thích Thu đã rời vòng tay ba. Điều này làm ta hiểu thêm một điều rằng: Tình yêu, niềm tin và tự hào về ba đã trở thành sức mạnh thôi thúc Thu sau này trở thành một cô giao liên dũng cảm.

**3. Đánh giá về nghệ thuật xây dựng nhân vật**

- Tình yêu thương ba của bé Thu để lại bao ấn tượng trong lòng bạn đọc là nhờ cách xây dựng nhân vật rất thành công của Nguyễn Quang Sáng. Trước hết tác giả đặt nhân vật bé Thu vào tình huống truyện rất éo le để nhân vật bộc lộ rõ nét cá tính và tình cảm của mình. Đặc biệt Nguyễn Quang Sáng còn rất thành công trong nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật, mọi hành động, thái độ của bé thu trong hai giai đoạn trước và sau khi nhận ra ba đều biểu hiện trái ngược hoàn toàn.

- Tất cả bắt nguồn từ tình cảm sâu sắc dành cho ba mà em hằng kính yêu, tôn thờ. Có thể nói với một tâm hồn nhạy cảm, chan chứa yêu thương, Nguyễn Quang Sáng dường như đã cảm nhận tận cùng những biểu hiện tình cảm của nhân vật để miêu tả một cách cảm động như thế.

**III. Kết bài**

Chiến tranh đã lùi xa hơn 40 năm nhưng hình ảnh bé Thu cùng câu chuyện *“Chiếc lược ngà”* của Nguyễn Quang Sáng vẫn để lại bao ấn tượng khó phai trong lòng bạn đọc về một em bé hồn nhiên, bướng bỉnh nhưng yêu thương ba vô cùng. Qua nhân vật bé Thu ta càng thấm thía hơn tình phụ tử thiêng liêng cao đẹp, thấm thía bao mất mát mà chiến tranh gây ra để ta biết trân trọng cuộc sống hòa bình hôm nay.

**==================================================**

**ĐỀ 58: SUY NGHĨ CỦA EM VỀ TÌNH CẢM SÂU NẶNG VÀ CAO ĐẸP MÀ ÔNG SÁU DÀNH CHO CON QUA TRUYỆN NGẮN “CHIẾC LƯỢC NGÀ” CỦA NHÀ VĂN NGUYỄN QUANG SÁNG.**

**I. Mở bài**

**Cách 1:** Nguyễn Quang Sáng là một trong những cây bút tiêu biểu của nền văn xuôi hiện đại Việt Nam. Trong suốt cuộc đời cầm bút của mình ông đã để lại nhiều tác phẩm có giá trị, trong đó đặc sắc nhất là truyện ngắn “ Chiếc lược ngà”. Đọc truyện ta vô cùng xúc động trước tình cảm cha con trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Truyệnđã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật ông Sáu - một người lính cách mạng dũng cảm, một người cha yêu thương con mãnh liệt. ( Tình cảm ấy được thể hiện xuyên suốt trong toàn bộ tác phẩm nhưng thể hiện xúc động nhất là đoạn trích sau…)

**Cách 2:** Bom đạn chiến tranh đã khiến cho đất nước mang trên mình những vết thương, khiến cho bao gia đình tan nát vì chia xa, những nỗi đau cứ thế mà chồng chất. Tuy nhiên, giữa bản nhạc buồn của chiến tranh, văn học vẫn mang đến cho đời sống tình cảm của con người những cung bậc, những âm thanh da diết, tuyệt đẹp về tinh thần đoàn kết, về tình đồng đội, đồng chí và cả tình cảm gia đình thiêng liêng bất diệt. Một trong những tác phẩm hay nhất viết về tình cảm gia đình trong chiến tranh là “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng.

Truyệnđã giúp người đọc cảm nhận được vẻ đẹp tâm hồn của nhân vật ông Sáu - một người lính cách mạng dũng cảm, một người cha yêu thương con mãnh liệt.

**B.Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm**

Tác phẩm *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó khẳng định rằng: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

**2. Phân tích nhân vật ông Sáu**

**a. Hoàn cảnh của ông Sáu**

- Ông Sáu sinh ra trong hoàn cảnh đất nước có chiến tranh, giống như bao chàng trai khác ông Sáu phải xa gia đình cầm sung vào chiến trường từ khi đứa con gái chưa đầy một tuổi, mãi đến khi con gái lên 8 tuổi ông mới có dịp về thăm nhà.

- Nhưng bé Thu con gái ông lại nhất định không chịu nhận ba chỉ vì vết thẹo trên má nên không giống với bức ảnh chụp chung với má.

- Bé Thu đối xử với ông Sáu như người xa lạ, đến lúc hiểu ra thì tình cha con xúc động mãnh liệt trong em, cũng là lúc ông sáu phải trở về khu căn cứ.

- Ở khu căn cứ ông dành hết tình cảm nhớ thương con vào việc làm chiếc lược ngà nhưng chưa kịp trao cho con ông Sáu đã hi sinh trong một trận càn của giặc. Trước lúc nhắm mắt đi xuôi ông đã kịp lấy trong túi áo chiếc lược ngà để trao lại cho người bạn.

- Như vậy chiến tranh đã làm cho cha con ông Sáu phải li tán, cuộc đời ông chỉ được ôm con một lần và chỉ được chăm sóc con bằng một cây lược ngà mà cây lược ấy mười năm sau bé Thu mới được nhận.

=> Chiến tranh không chỉ cướp đi ông Sáu mà còn cướp đi biết bao người cha khác. Như vậy tuy không viết về bom đạn nơi chiến trường nhưng tình cảm gia đình trong chiến tranh đã làm lay động biết bao trái tim bạn đọc.

**2. Phân tích tình cảm ông Sáu dành cho con**

**a. Nỗi khao khát gặp lại con:**

- Nỗi khao khát muốn gặp lại con sau nhiều năm xa cách với bao nhớ thương khiến cho ông Sáu bồi hồi suốt quãng đường về nhà. Khithuyền còn chưa kịp cập bến thì ông Sáu đã vội vàng nhảy xuống “*…nhún chân, xô chiếc xuồng tạt ra, bước vội vàng với những bước dài…”*. Đây là hành động có phần gấp gáp, vội vàng của một người cha nóng lòng muốn gặp con. Khi nhìn thấy đứa nhỏ chơi ở gần đó, ông Sáu biết chắc đó là con của mình, sự xúc động dâng trào khiến cho ông Sáu kêu to tên con *“Thu! Con”.* Ông đưa tay ra đón chờ con, nhưng trái ngược với sự mong chờ, hi vọng của ông Sáu, bé Thu lại không biết người đàn ông kêu tên mình là ai nên *“giật mình, tròn mắt nhìn*”.

- Cái nhìn vừa lạ lùng, vừa ngơ ngác. Hơn nữa, sự xúc động làm cho vết thẹo trên mặt của ông "giật giật", giọng nói run run không còn kìm chế được được sự xúc động: "Ba đây con! Ba đây con". Vì sự nôn nóng, biểu hiện có phần gấp gáp, vồ vập của ông Sáu, lại thêm vết sẹo đỏ ửng trên mặt giật giật khiến cho bé Thu hoảng sợ, mặt *“tái đi, rồi vụt chạy, kêu thét lên “Má! Má!”*.

- Bởi vì quá hi vọng vào cuộc đoàn viên hạnh phúc này nên khi bị bé Thu khước từ đón nhận, hoảng sợ chạy vụt đi thì ông Sáu đã "*ngạc nhiên, đau đớn và hụt hẫng".* Sự đau khổ của người cha bị chính con mình từ chối thừa nhận được nhà văn Nguyễn Quang Sáng miêu tả rất xúc động : *"đau đớn khiến mặt anh sầm lại...hai tay buông thỏng như bị gãy"*.

- Người cha náo nức vì niềm vui được gặp con gái, muốn ôm con vào lòng với tất cả sự âu yếm dành dụm bao năm xa cách nhưng lại bị đứa con hoảng sợ, chối từ. Đó chẳng phải nỗi đau đớn, tuyệt vọng nhất của một người cha hay sao?

**\* Trong ba ngày nghỉ phép:**

- Hai ngày ở nhà, ông Sáu cũng chẳng dám đi đâu xa, cứ quanh quẩn tìm mọi cách để được gần con, mong mỏi sự đón nhận của bé Thu. Tuy nhiên, hiện thực diễn ra khiến ông vô cùng đau lòng, bé Thu không những nhất quyết không chịu nhận ông, mà một chút quan tâm, chút lễ phép đối với ông cũng không có. Khi được má sai vào gọi ba xuống ăn cơm, bé Thu lại nói trống không *“vô ăn cơm”.*

- Rồi bị mẹ dọa đánh Thu vẫn lại nói trổng *"cơm chín rồi".* Lúc ấy ông Sáu *"vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười".* Tuy là cười đấy, nhưng sao nụ cười này thật buồn, còn man mác sự thất vọng, bất lực, khổ tâm của người cha. Vì dù bao nhiêu cố gắng đi nữa thì cũng đều vô vọng, chính đứa con gái ruột thịt mình yêu quý đều một mực khước từ, thậm chí còn phủ nhận sự xuất hiện của ông.

**\* Trong bữa cơm**

- Tuy rất buồn nhưng chưa một phút giây nào ông Sáu thôi cố gắng, thôi chăm chút, lo lắng cho bé Thu. Trong bữa cơm gia đình, vì yêu thương con nên ông Sáu đã gắp cho con miếng trứng cá to nhất, ngon nhất. Nhưng đáp lại cử chỉ ân cần ấy là sự chối bỏ quyết liệt của con bé, con bé không những không đón nhận nó mà còn *“ lấy đũa xoi vào chén rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm”* . Vì quá tức giận, ông Sáu đã đánh con. Đánh con nhưng lòng người cha còn đau gấp bội. Vì hành động nóng nảy này mà đến lúc hi sinh, ông Sáu vẫn mang theo sự hối hận.

- Đến tận lúc chia tay, lên đường vào chiến trận, ông Sáu vẫn "*buồn nẫu ruột"*, ông không dám chạy lại ôm con, bế con vì sợ con bé hoảng sợ. Ông chỉ đưa mắt lên nhìn, cái nhìn cũng "*buồn rầu".* Nhưng thật bất ngờ, vào giây phút cuối cùng, khi sắp phải chia tay, ông Sáu lại vỡ òa trong hạnh phúc vì tiếng gọi ba bất ngờ từ bé Thu *"b...a..".* Ông Sáu sững sờ, một lần nữa không kìm nén được xúc động, người đàn ông ấy “*một tay ôm con, một tay lấy khen lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc con”*. Giọt nước mắt hạnh phúc, sung sướng vì ông cảm nhận được tình ruột thịt từ con mình. Có thể nói, đây là món quà ý nghĩa nhất mà ông Sáu nhận được trước giây phút lên đường.

**\* Khi trở lại chiến trường:**

- Vào chiến trường, ông Sáu không giây phút nào thôi nhớ con, day dứt ân hận vì đánh con. Ông mang theo lời hẹn ước với con gái *“ Ba về..mua cây lược cho con nghe ba!”* . Vậy nên khi nhặt được một mảnh ngà, ông đã vui sướng như nhặt được một thứ gì lớn lao lắm *“mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà”.* Rồi những lúc rỗi anh dành hết tâm trí vào việc làm cây lược *“anh cưa từng chiếc răng lược thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thơ bạc*”. Trên chiếc lược ông còn kì công khắc lên sống lưng cây lược những dòng chứa đầy yêu thương: *"Yêu nhớ, tặng Thu con của ba".*

- Lòng yêu thương con đã biến người chiến sĩ thành nghệ nhân- nghệ nhân chỉ sáng tạo một tác phẩm duy nhất trong đời. Cho nên nó không chỉ là chiếc lược xinh xắn và quý giá mà đó là chiếc lược kết tụ tất cả tình phụ tử mộc mạc mà đằm thắm, sâu xa, đơn sơ mà kì diệu làm sao! Cây lược ngà ấy chưa trải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng ông. Nó trở thành vật thiêng, an ủi ông, nuôi dưỡng trong ông tình cha con và sức mạnh chiến đấu. Hằng đêm, ông đã nhìn ngắm chiếc lược, cố mài lên mái tóc, cho chiếc lược thêm bóng, thêm mượt. Tác giả không miêu tả rõ song người đọc vẫn hình dung cái kỉ vật nhỏ bé mà thân thương ấy, mỗi ngày một đẹp lên, trắng ngà, toả sáng lung linh.

- Đó là biểu tượng trắng trong, quý giá, bất diệt của tình cha con giữa ông Sáu và bé Thu. Chiếc lược nhỏ bé mà thiêng liêng đã làm dịu nỗi ân hận và ánh lên niềm hi vọng khắc khoải sẽ có ngày anh Sáu được gặp lại con, trao tận tay nó món quà kỉ niệm này.

- Nhưng tình cảnh thật đáng thương, anh chưa kịp trao chiếc lược ngà đến tận tay cho con thì người cha ấy đã hi sinh trong một trận càn. Trước khi hi sinh, thu hết tàn lực, ông lấy ra cây lược, trao cho ông Ba- bạn chiến đấu thân thiết của mình, cũng là người ông tin tưởng nhất lúc này- nhờ ông sau này trao lại cho con gái.

- Và đến lúc nhận được lời hứa từ ông Ba: "*Tôi sẽ mang về trao tận tay cháu*", ông Sáu mới nhắm mắt đi xuôi. Tấm lòng của người cha dành cho con đến phút cuối của cuộc đời vẫn bao la như vậy, da diết như vậy. Có thể nói chiếc lược ngà như một cử chỉ chuyển giao sự sống, như một sự ủy thác, là ước nguyện cuối cùng của người bạn thân: ước nguyện của tình phụ tử. Điều đó đúng như ông Ba nói: *“chỉ có tình cha con là không thể chết được”.* Chiếc lược ngà là lời trăng trối không lời, nó rõ ràng và thiêng liêng hơn cả một lời di chúc. Qua tìm hiểu ta thấy tình cảm của ông Sáu dành cho con thật sâu nặng, tha thiết. Tình cảm ấy bất diệt trước sự hủy diệt, tàn khốc của chiến tranh.

**3. Đánh giá nghệ thuật**

Nhân vật ông Sáu- người cha giàu tình yêu thương con đã để lại bao mến phục với độc giả, một phần nhờ cách xây dựng nhân vật của Nguyễn Quang Sáng, trước hết nhà văn đã đặt nhân vật vào tình huống truyện bất ngờ nhưng tự nhiên hợp lí để bộc lộ nội tâm nhân vật ngoài ra tác giả chọn ngôi kể chuyện trong vai người bạn thân thiết của ông Sáu nên không chỉ là người chứng kiến khách quan kể lại câu chuyện mà còn bày tỏ sự đồng cảm chia sẻ với nhân vật ông Sáu.  
Hơn nữa nhà văn còn miêu tả tâm lí, tình cảm nhân vật sâu sắc đặc biệt là sáng tạo nên hình ảnh chiếc lược ngà mang nhiều ý nghĩa: tình người, tình đồng đội

và tình cha con.   
**III. Kết bài**

Có thể nói, chiến tranh đã lùi xa hơn bốn mươi năm nhưng hình ảnh nhân vật ông Sáu và câu chuyện về "*chiếc lược ngà*” của Nguyễn Quang Sáng vẫn để lại bao ám ảnh day dứt trong lòng bạn đọc. Câu chuyện ấy không chỉ nói lên tình cha con thắm thiết sâu nặng của cha con ông Sáu, đặc biệt là tình cảm ông Sáu dành cho con, mà còn gợi cho người đọc nỗi đau thương mất mát của chiến tranh gây ra cho bao nhiêu gia đình, con người. Từ đó, ta càng có ý thức trân trọng giữ gìn tình phụ tử cao đẹp đồng thời trân trọng cuộc sống hòa bình đang được hưởng hôm nay.

**========================================================**

**ĐỀ 59: SUY NGHĨ CỦA EM VỀ TÌNH CHA CON ÔNG SÁU QUA ĐOẠN TRÍCH SAU CỦA NHÀ VĂN NGUYỄN QUANG SÁNG.**

**Cảm nhận về tình cha con của ông Sáu và bé Thu trong đoạn trích sau:**

*“Đến lúc chia tay, mang ba lô lên vai, sau khi bắt tay hết mọi người, anh Sáu mới đưa mắt nhìn con, thấy nó đứng trong góc nhà.*

*Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn với đôi mắt trìu mến lẫn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao.*

*- Thôi ! Ba đi nghe con ! – Anh Sáu khe khẽ nói.*

*Chúng tôi, mọi người – kể cả anh, đều tưởng con bé sẽ đứng yên đó thôi. Nhưng thật lạ lùng, đến lúc ấy, tình cha con như bỗng nổi dậy trong người nó, trong lúc không ai ngờ đến thì nó bỗng kêu thét lên:*

*- Ba…a…a… ba!*

*Tiếng kêu của nó như tiếng xé, xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người, nghe thật xót xa. Đó là tiếng “ba” mà nó cố đè nén trong bao nhiêu năm nay, tiếng “ba” như vỡ tung ra từ đáy lòng nó, nó vừa kêu vừa chạy xô tới, nhanh như một con sóc, nó chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó. Tôi thấy làn tóc tơ sau ót nó như dựng đứng lên.*

*Nó vừa ôm chặt lấy cổ ba nó vừa nói trong tiếng khóc:*

*- Ba! Không cho ba đi nữa ! Ba ở nhà với con !*

*Ba nó bế nó lên. Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa...*

*[…]*

*Trong lúc đó, nó vẫn ôm chặt lấy ba nó. Không ghìm được xúc động và không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con:*

*- Ba đi rồi ba ba về với con.*

*- Không! – Con bé hét lên, hai tay siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run”*

(Nguyễn Quang Sáng, Chiếc lược ngà, Ngữ văn 9, tập 1)

**I. Mở bài**

Nguyễn Quang Sáng là nhà văn trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Các sáng tác của ông hầu như chỉ xoay quanh cuộc sống và con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như sau hòa bình. Truyện ngắn *“Chiếc lược ngà”*được viết năm 1966 khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ. Truyện khai thác thành công tình phụ tử hai cha con ông Sáu và bé Thu trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh. Đặc biệt là đoạn trích trên đã khắc họa tình cảm cha con sâu đậm, thiêng liêng của cha con ông Sáu trong giờ phút chia tay.

**II. Thân bài**

**1.Khái quát chung**

- Truyện ngắn *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó làm nổi bật tình cha con sâu nặng đồng thời khẳng định: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

- Thu là một cô bé có cá tính độc đáo mạnh mẽ. Cha đi chiến đấu biền biệt xa nhà. Đến khi Thu lên tám tuổi thì hai cha con mới được gặp lại nhau. Nhưng niềm vui sau bao năm xa cách lại là nỗi buồn khi bé Thu không nhận ra ông Sáu là cha. Trong suốt ba ngày nghỉ phép, bé Thu ương ngạnh, cư xử vùng vằng, khướt từ mọi sự quan tâm của ba. Bé nhất định không gọi ba vào ăn cơm, không nhờ ông Sáu chắt nước nồi cơm mà chỉ nói trổng, nó hất cái trứng cá mà ông gắp cho. Bị ông Sáu đánh nó bỏ về nhà ngoại. Trước khi sang nhà ngoại, nó xuông xuồng cố mở dây lòi tói khua rổn rảng, khua thật to. Đó là thái độ rất ương ngạnh của một đứa bé mới tám tuổi. Nhưng thái độ đó không hề chê trách được bởi tất cả vì chiến tranh. Chiến tranh đã gây ra những mất mát và đau thương. Mà một đứa trẻ như Thu còn quá bé bỏng để có thể hiểu được những tình thế khắc nghiệt, éo le mà ngay cả người lớn cũng không kịp chuẩn bị cho nó. Chỉ vì một vết sẹo trên mặt người cha cộng với bức ảnh mà nó biết về cha, nó đã không nhận cha. Vết thương do chiến tranh đã trở thành vết thương lòng sâu nặng của tình cảm cha con.

**2.Cảm nhận về tình cha con của ông Sáu và bé Thu trong đoạn trích**

**a. Tình yêu thương của ông Sáu với con**

- Và rồi, cuộc vui nào cũng phải tàn, dù không được con bé chấp nhận và yêu thương, nhưng đối với ông Sáu ba ngày ngắn ngủi đó cũng khiến ông vơi đi nỗi nhớ về con sau 8 năm xa cách đằng đẵng. Lúc chia tay, ông nhìn con trìu mến lẫn *“buồn rầu”* đôi mắt của người cha giàu tình thương yêu, độ lượng, có phần thất vọng, sợ con không đón nhận tình cảm của mình.Ông chỉ đưa mắt lên nhìn, cái nhìn cũng "*buồn rầu".* Ánh mắt cho thấy nỗi xót xa, cả sự yếu đuối của một người lính trước tình cảm gia đình. Nhưng thật bất ngờ, vào giây phút cuối cùng , khi sắp phải chia tay, ông Sáu lại vỡ òa trong hạnh phúc vì tiếng gọi ba bất ngờ từ bé Thu *"b...a..".*

- Ông Sáu sững sờ, một lần nữa không kìm nén được xúc động, người đàn ông ấy “*một tay ôm con, một tay lấy khen lau nước mắt rồi hôn lên mái tóc con”*. Giọt nước mắt hạnh phúc, sung sướng vì ông cảm nhận được tình ruột thịt từ con mình. Giọt nước mắt mà ông cố giấu, lời hứa trở về cùng chiếc lược ngà cho con đã gói trọn tình cảm yêu thương, gắn bó sâu sắc, mãnh liệt mà ông dành cho con .

=> Có thể nói, đây là món quà ý nghĩa nhất mà ông Sáu nhận được trước giây phút lên đường. Tình yêu con của ông Sáu đã chiến thắng mọi khoảng cách của sự biệt li. Tình cảm ấy luôn vẹn nguyên, ấm áp và tràn đầy.

**b. Tình yêu thương bé Thu dành cho ông Sáu**

- Và khi được nghe bà ngoại giải thích, anh Sáu không giống trong bức ảnh thì bé Thu hiểu ra mình đã sai. Thu đã rất ân hận về hành động của mình. Nếu trước đây Thu bướng bỉnh, ương ngạnh không nhận anh Sáu quyết liệt bao nhiêu thì khi nhận ra cha tình cảm ấy lại càng sâu nặng bấy nhiêu. Trong giờ phút cuối cùng trước khi cha đi, tình cảm dồn nén bấy lâu nay bùng lên thật mãnh liệt, mạnh mẽ.Mọi thái độ và hành động của bé Thu bỗng đột ngột thay đổi. Khi nhìn thẳng, đối diện với người cha *"đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao*".

- Đằng sau đôi mắt mênh mông ấy chắc đang xao động biết bao ý nghĩ, tình cảm. Lần đầu tiên bé cất tiếng gọi *"Ba...ba"* và tiếng kêu “*như tiếng xé , xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người*” cùng với đó là hành động *“chạy nhanh như sóc ôm lấy cổ ba nó*" cùng với cử chỉ *“hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài trên má của ba nó nữa”.* Tâm lý ngờ vực chỉ vì vết sẹo đã được giải tỏa.

- Vì thế trong phút chia tay với cha tình yêu và nỗi mong nhớ suốt bao năm trời bị dồn nén nay trở nên mạnh mẽ và có cả sự hối hận. Cảnh tượng ấy diễn ra xúc động trong lòng mọi người.Và khi ông Sáu nói "*Ba đi rồi ba về với con*", bé Thu đã hét lên *"không*", rồi *“hai tay siết chặt lấy cổ”,* “*dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba”*, “*đôi vai nhỏ bé run run”.* Chắc cô bé đã khóc, khóc vì sự ân hận của mình đã không nhận ra cha, khóc vì xót thương người cha vì chiến tranh mà phải xa gia đình. Chỉ vì bom đạn quân thù, mà ba đã mang sẹo trên mặt.

- Đó là điều đau khổ.Vậy mà, bé Thu đã không hiểu, lại còn xa lánh cha khiến cha đau khổ. Khi được bà ngoại giảng cho, bé đã hiểu. Nhưng có lẽ khi bé hiểu ra thì ...muộn rồi. Cha bé đã phải xa gia đình trở về chiến trường, phải chịu bao gian khổ của mưa bom bão đạn. Vì vậy, mà bé Thu mới siết cổ cha, níu chặt lấy người cha, như muốn đền bù những hành động sai lầm của bé.

- Từ giây phút bé Thu thức tỉnh, tình cảm tính cách của bé đã thay đổi. Sự ương ngạnh, bướng bỉnh của cô bé tám tuổi đã không còn, mà thay vào đó là tình yêu cha, thương cha, tự hào về cha.Chính tình yêu thương cha ấy đã tạo nên một sức mạnh thôi thúc, rèn giũa để Thu trưởng thành sau này, khi trở thành một cô giao liên gan dạ, dũng cảm.

=> Qua phân tích tất cả những hành động ấy cho thấy Thu yêu thương ba vô cùng, một tình yêu mãnh liệt, chân thành, thắm thiết. Tình yêu đó được bộc lộ một cách cảm động qua hoàn cảnh éo le của chiến tranh.

**3.  Đánh giá nghệ thuật**

Bằng nghệ thuật miêu tả tâm lí và xây dựng tính cách nhân vật đặc sắc( từ chỗ Thu ngạc nhiên hoảng sợ đến lạnh lùng, cuối cùng là sự bùng nổ những yêu thương do bị dồn nén), chứng tỏ Nguyễn Thành Long am hiểu tâm lí trẻ em, yêu mến, trân trọng những tình cảm trẻ thơ. Hơn nữa với ngôn ngữ giản dị, đậm chất Nam Bộ, đặt nhân vật vào tình huống truyện bất ngờ nhưng tự nhiên hợp lí đoạn trích thể hiện một cách chân thực và cảm động tình cảm yêu thương sâu nặng của hai cha con ông Sáu trong giờ phút chia tay.

**III. Kết bài**

Với truyện ngắn “*Chiếc lược ngà*” Nguyễn Quang Sáng đã ca ngợi tình phụ tử giản dị mà thiêng liêng, với những con người giàu tình cảm và đẹp đẽ như nhân vật bé Thu và ông Sáu. Đoạn trích trên không chỉ ca ngợi tình cha con sâu nặng thắm thiết trước lúc chia tay, mà còn gợi cho chúng ta những suy ngẫm và thấm thía được những mất mát đau thương, éo le mà chiến tranh gây ra… Vì thế mà ta càng quý cuộc sống thanh bình của ngày hôm nay, quý tình cha cao thượng và vĩ đại.

**=========================================================**

**ĐỀ 60: PHÂN TÍCH SỰ THAY ĐỔI TÂM TRẠNG CỦA BÉ THU TRONG ĐOẠN TRÍCH SAU:**

*(...) Trong bữa cơm đó, anh Sáu gắp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó. Nó liền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm. Giận quá và không kịp suy nghĩ, anh vung tay đánh vào mông nó và hét lên:*

*- Sao mày cứng đầu quá vậy hả?*

*Tôi tưởng con bé sẽ lăn ra khóc, sẽ giẫy, sẽ đạp đổ cả mâm cơm, hoặc sẽ chạy vụt đi. Nhưng không, nó ngồi im, đầu cúi gằm xuống. Nghĩ thế nào mà nó cầm đũa, gắp lại cái trứng cá để vào chén rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm. Xuống bến, nó nhảy xuống xuồng, mở lòi tói cố làm cho dây lòi tói khua rổn rảng, khua thật to, rồi lấy đầm bơi qua sông. Nó sang qua nhà nhà ngoại, mét với ngoại và khóc ở bên ấy. Chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nó cũng không về.*

**Và:**

*(….) Trong lúc đó, nó vẫn ôm chặt lấy ba nó. Không ghìm được xúc động và không muốn cho con thấy mình khóc, anh Sáu một tay ôm con, một tay rút khăn lau nước mắt, rồi hôn lên mái tóc con:*

*- Ba đi rồi ba về với con*

*- Không! – Con bé hét lên, hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chan rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run.*

*Nhìn cảnh ấy bà con xung quanh có người không cầm được nước mắt, còn tôi bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim tôi.*

(Nguyễn Quang Sáng, *Chiếc lược ngà,* Ngữ văn 9, Tập 1, NXB Giáo dục Việt Nam, 2019).

**I. Mở bài**

Bom đạn chiến tranh đã khiến cho đất nước mang trên mình những vết thương, khiến cho bao gia đình tan nát vì chia xa, những nỗi đau cứ thế mà chồng chất. Tuy nhiên, giữa bản nhạc buồn của chiến tranh, văn học vẫn mang đến cho đời sống tình cảm của con người những cung bậc, những âm thanh da diết, tuyệt đẹp về tinh thần đoàn kết, về tình đồng đội, đồng chí và cả tình cảm gia đình thiêng liêng bất diệt. Một trong những tác phẩm hay nhất viết về tình cảm gia đình trong chiến tranh là “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Tác phẩm đã giúp người đọc cảm nhận được tình cảm yêu thương cha mãnh liệt của bé Thu. Đặc biệt là sự thay đổi trong tâm lý của nhân vật bé Thu đối với người cha của mình qua hai đoạn trích trên.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung về hoàn cảnh của hai cha con**

- Truyện ngắn *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó làm nổi bật tình cha con sâu nặng đồng thời khẳng định: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

- Anh Sáu đi kháng chiến từ khi đứa con duy nhất của anh chưa đầy một tuổi. Từ đó hai ba con chưa hề gặp lại nhau, cho đến khi anh được nghỉ phép ba ngày, anh đã trở về thăm gia đình, nhưng đứa con gái tám tuổi không chịu nhận ba.

**2. Phân tích sự thay đổi tâm trạng của bé Thu trong đoạn trích**

Sự thay đổi trong tâm trạng bé Thu trong hai đoạn văn rất tự nhiên và hợp lí.

**+ Đoạn 1: Trước khi nhận cha: Bé Thu là đứa bé bướng bỉnh, ương ngạnh**

*\* Chuyển ý*: Trước hết là ở đoạn văn thứ nhất. Ở đoạn văn này, Bé Thu hiện lên với tính cách rắn rỏi, bướng bỉnh, lì lợm rất trẻ con *"Trong bữa cơm đó.... nó cũng không về”*

- Như ta đã biết, Thu gặp lại cha sau tám năm xa cách. Trước sự vồ vập của cha, bé Thu tỏ ra ngờ vực và hoảng sợ. Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn mình như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên: *"Má! Má".*

Những ngày sau đó, bé Thu hiện lên là một cô bé không ngoan, thiếu lễ phép với người lớn, nó còn khướt từ mọi sự quan tâm của ông Sáu. Điều đó cũng thật dễ hiểu bởi *“người cha”* – người vốn đã có trong hình dung, tiềm thức của bé, nay lại có người xa lạ lại đến bắt em gọi bằng ba.

- Với bé Thu, đây thực sự là một “*cú sốc tinh thần*”. Mặc dù vậy, bé Thu không phải là đứa trẻ chỉ biết “chống đối”, quậy phá, bé cũng có suy nghĩ. Khi thấy ông Sáu “gắp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó”, Thu “*l*iền lấy đũa xoi vào chén, để đó rồi bất thần hất cái trứng ra, cơm văng tung tóe cả mâm”. Từ “bất thần” như nhãn tự của câu văn, nó cho chúng ta thấy đó không phải là hành động cố tình mà phải chăng là hành động bất cẩn do đang mải suy nghĩ ? Bởi nếu phản đối, em đã hất miếng trứng ra ngay từ đầu. Nhưng do quá yêu con, quá thương con và mong mỏi một tiếng gọi *“ba”* ấm áp mà luôn bị chối từ nên khi con bé làm như vậy, ông Sáu đã không kiềm chế được nên đã đánh và mắng con : “Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?“. Sự bướng bỉnh, ngang ngạnh không phải là bản chất tính cách của bé Thu nên dù bị cha đánh em không “*khóc, giẫy, đạp đổ cả mâm cơm*” mà “gắp lại cái trứng cá để vào chén, rồi lặng lẽ đứng dậy, bước ra khỏi mâm rồi sang nhà ngoại, mét với ngoại và khóc ở bên đấy”.

- Bé Thu là cô bé bướng bỉnh, song em thực sự là người có tình cảm, biết suy nghĩ. Nếu không như vậy, chắc hẳn em sẽ quậy đến cùng chứ không sang nhà ngoại để *“khóc”.* Với em yêu ghét rõ ràng, kiên định trong nhận thức, trong tình cảm.Thái độ ngang ngạnh của em với ông Sáu không làm người đọc giận, trái lại làm người đọc thấy đau xót. Sự tàn phá của chiến tranh thật ghê gớm, nó khiến cho con không nhận ra ba… Thật xót xa.

=> Qua phân tích ta thấy bé Thu dù *“cứng đầu”* ương ngạnh nhưng rất giàu tình yêu thương cha.

**+ Đoạn 2: Khi nhận ra ba: Bé Thu có tình yêu thương cha tha thiết, mãnh liệt**

*\* Chuyển ý:* Nếu như ở đoạn văn thứ nhất bé Thu bướng bỉnh, ương ngạnh bao nhiêu thì ở đoạn văn thứ hai này bé Thu thay đổi bấy nhiêu. Thay vì bướng bỉnh, ương ngạnh thì Thu dành cho ba một tình yêu thương vô bờ *"Trong lúc đó... nắm lấy trái tìm tôi"*.

- Điều kì diệu đã xảy ra vào những phút giây cuối cùng trước khi ông Sáu chia tay gia đình lên đường chiến đấu. Trong khi mọi người đang chuẩn bị cho ông Sáu lên đường “con bé như bị bỏ rơi, nó không bướng bỉnh hay nhăn mày cau có nữa, vẻ mặt nó sầm tại, buồn rầu”.

- **Bé Thu đã có sự thay đổi thái độ rõ rệt.** Nhà văn miêu tả cô bé như già hơn so với tuổi “đôi mắt nó như to hơn, cái nhìn của nó không ngơ ngúc, không lạ lùng, nó nhìn với vẻ nghĩ ngợi sâu xa”.

- Người đọc hiểu rằng chắc hẳn đang có sự giằng co, day dứt trong lòng bé. Liệu bé có nhận ông Sáu làm cha ? Tiếng thét nức nở của em như trả lời cho tất cả: *“Ba..a…a..ba”.* Bé Thu thật đáng thương bởi giây phút nhận cha cũng là giây phút em phải chia tay ba. Hạnh phúc đến với em ngắn ngủi quá. Như ý thức được điều đó, Thu ra sức níu giữ *“nó vẫn ôm chặt lấy ba nó”* nhưng rồi nó sợ ba nó đi thế nên “hai tay nó siết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai của nó run run”. Chắc cô bé đã khóc, khóc vì sự ân hận của mình đã không nhận ra cha, khóc vì xót thương người cha vì chiến tranh mà phải xa gia đình.

- Nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã vượt qua các họa sĩ hay nhiếp ảnh gia để tạo dựng một cảnh chia tay đẫm nước mắt bằng ngôn từ thông qua việc lựa chọn câu chữ giàu chất tạo hình, biểu cảm. Chiến tranh khiến cho cả những đứa trẻ ngây thơ cũng phải hi sinh. Thu chấp nhận để ông Sáu ra đi và không quên kèm theo lời dặn trong nước mắt : “Ba về ! Ba mua cho con một cây lược nghe ba ”. Nhìn cảnh ấy không ai cầm được nước mắt còn ông Ba-người kế chuyện cảm thấy khó thở như có bàn tay ai đó đang nắm lấy trái tim mình. Chỉ vì bom đạn quân thù, mà ba đã mang sẹo trên mặt. Đó là điều đau khổ.Vậy mà, bé Thu đã không hiểu, lại còn xa lánh cha khiến cha đau khổ. Khi được bà ngoại giảng cho, bé đã hiểu. Nhưng có lẽ khi bé hiểu ra thì ...muộn rồi.

- Cha bé đã phải xa gia đình trở về chiến trường, phải chịu bao gian khổ của mưa bom bão đạn. Vì vậy, mà bé Thu mới siết cổ cha, níu chặt lấy người cha, như muốn đền bù những hành động sai lầm của bé. Từ giây phút bé Thu thức tỉnh, tình cảm tính cách của bé đã thay đổi.

- **Sự ương ngạnh, bướng bỉnh của cô bé tám tuổi đã không còn, mà thay vào đó là tình yêu cha, thương cha, tự hào về cha.** Chính tình yêu thương cha ấy đã tạo nên một sức mạnh thôi thúc, rèn giũa để Thu trưởng thành sau này, khi trở thành một cô giao liên gan dạ, dũng

cảm. Đoạn văn là những gì xúc động nhất, sâu lắng nhất về tình cảm mà bé Thu dành cho ba của mình.

=> Qua phân tích ta thấy hai đoạn văn đã cho thấy được sự thay đổi trong tâm lý của nhân vật bé Thu đối với người cha của mình. Nếu như đoạn trên, bé Thu xa lánh, với ba mình bao nhiêu thì đoạn dưới ta lại thấy được sự gần gũi không còn khoảng trống của tình cảm mà Thu dành cho người ba của mình. Đoạn l bé Thu lì lợm, bướng bỉnh bao nhiêu thì đoạn 2, bé Thu lại trở nên nhẹ nhàng, tỉnh cảm bấy nhiêu

**3. Đánh giá chung**

Hai đoạn trích cũng cho thấy được sự tài tình trong miêu tả diễn biến tâm lý nhân vật, đặc biệt là tâm lý trẻ con của nhà văn: tinh tế, sâu sắc. Qua những biểu hiện tâm lí và hành đông của bé Thu, người đọc cảm nhận được tình cảm sâu sắc, mạnh mẽ nhưng cũng thật dứt khoát, rạch ròi của bé Thu. Sự cứng đầu, tưởng như ương ngạnh ở Thu là biểu hiện của một cá tính mạnh mẽ (cơ sở để sau này trở thành một cô giao liên mưu trí, dũng cảm). Tuy nhiên, cách thể hiện tình cảm của em vẫn rất hồn nhiên, ngây thơ.Điều đó cho thấy tác giả đã tỏ ra rất am hiểu tâm lí trẻ thơ và diễn tả rất sinh động với tấm lòng yêu mến, trân trọng những tình cảm trẻ thơ

**III. Kết bài**

Với cái nhìn của người từng trải, Nguyễn Quang Sáng đã làm sống dậy hình ảnh một bé Thu hồn nhiên, bướng bỉnh mà giàu tình cảm. Tình cảm của em dành cho cha thật xúc động. Những trang văn của Nguyễn Quang Sáng thực sự là những trang văn đẫm nước mắt. Nó giúp người đọc hiểu được sự tàn phá khốc liệt của chiến tranh nhưng cũng thấy được sự bất diệt của tình cảm thiêng liêng, cao quý của con người. Câu chuyện đã khép lại mà vẫn còn văng vẳng đâu đây tiếng gọi ba đến xé lòng của bé Thu. Đó thực sự là một âm vang ám ảnh trong lòng người đọc hôm nay và mai sau…

**Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây**

**=======================================================**

**ĐỀ 61: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ ĐOẠN TRÍCH SAU:**

“Tôi hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó - buổi chiều sau một ngày mưa rừng, giọt mưa còn đọng trên lá, rừng sáng lấp lánh. Đang ngồi làm việc dưới tấm ni lông nóc, tôi bỗng nghe tiếng kêu. Từ con đường mòn chạy lẫn trong rừng sâu, anh hớt hải chạy về, tay cầm khúc ngà đưa lên khoe với tôi. Mặt anh hớn hở như một đứa trẻ được quà.

Sau đó anh lấy vỏ đạn hai mươi li của Mĩ, đập mỏng làm thành một cây cưa nhỏ, cưa khúc ngà thành từng miếng nhỏ. Những lúc rỗi, anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc. Chẳng hiểu sao tôi thích ngồi nhìn anh làm và cảm thấy vui vui khi thấy bụi ngà rơi mỗi lúc một nhiều. Một ngày, anh cưa được một vài răng. Không bao lâu sau, cây lược được hoàn thành. Cây lược dài độ hơn một tấc, bề ngang độ ba phân rưỡi, cây lược cho con gái, cây lược dùng để chải mái tóc dài, cây lược chỉ có một hàng răng thưa. Trên sống lưng lược có khắc một hàng chữ nhỏ mà anh đã gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét: “Yêu nhớ tặng Thu con của ba”. Cây lược ngà ấy chưa chải được mái tóc của con, nhưng nó như gỡ rối được phần nào tâm trạng của anh. Những đêm nhớ con, anh ít nhớ đến nỗi hối hận đánh con, nhớ con, anh lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên mái tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt. Có cây lược, anh càng mong gặp lại con. Nhưng rồi một chuyện không may xảy ra. Một ngày cuối năm năm mươi tám - năm đó ta chưa võ trang - trong một trận càn lớn của quân Mĩ - ngụy, anh Sáu bị hi sinh. Anh bị viên đạn của máy bay Mĩ bắn vào ngực. Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được, anh đưa tay vào túi, móc cây lược, đưa cho tôi và nhìn tôi một hồi lâu. Tôi không đủ lời lẽ để tả lại cái nhìn ấy, chỉ biết rằng, cho đến bây giờ, thỉnh thoảng tôi cứ nhớ lại đôi mắt của anh.

- Tôi sẽ mang về và trao tận tay cho cháu.

Tôi cúi xuống gần anh và khẽ nói. Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi.”

(Trích “Chiếc lược ngà”, Nguyễn Quang Sáng, Ngữ Văn 9, Tập một)

**I. Mở bài**

Nguyễn Quang Sáng là cây bút tiêu biểu trong dòng văn học hiện đại Việt Nam. Những năm chống Mỹ, ông trở về Nam Bộ tham gia kháng chiến và tiếp tục sáng tác văn học. Tác phẩm của ông thuộc nhiều thể loại: truyện ngắn, tiểu thuyết, kịch bản phim và hầu như chỉ viết về cuộc sống và con người Nam Bộ trong hai cuộc kháng chiến cũng như trong thời bình. Truyện ngắn “Chiếc lược ngà” được viết năm 1966, khi tác giả hoạt động ở chiến trường Nam Bộ và được đưa vào tập truyện cùng tên. Nhân vật ông Sáu là nhân vật chính của tác phẩm, để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng bạn đọc. Đặc biệt là ở đoạn trích trên đã thể hiện vẻ đẹp của tình phụ tử thiêng liêng, sâu sắc của ông Sáu đối với bé Thu trong những ngày ông trở về căn cứ.

**II. Thân bài**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Truyện ngắn *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó làm nổi bật tình cha con sâu nặng đồng thời khẳng định: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

**1. Giới thiệu khái quát cảnh ngộ gia đình ông Sáu và tình yêu thương ông Sáu dành cho con**

- Đất nước có chiến tranh, công Sáu phải đi công tác khi con gái chưa đầy một tuổi, khi con lớn lên, ông Sáu không chưa một lần được gặp con, được yêu thương chăm sóc cho con. Sau tám năm vào sinh ra tử, khi được về thăm nhà, nỗi khao khát được gặp con, được ôm con vào lòng khiến ông không kìm nén được cảm xúc.

- Tuy nhiên, vì vết thẹo trên mặt, vết thương do chiến tranh gây ra nên đứa con gái hồn nhiên, ngây thơ của ông nhất định không chịu nhận cha. Đến lúc con gái nhận ra thì là lúc ông phải trở lại chiến trường. Niềm hạnh phúc mà ông hằng mong chờ đã tới nhưng quá ngắn ngủi vì đến giờ biệt li. Ông chỉ kịp rút khăn lau nước mắt rồi hôn lên tóc con, lặng lẽ ra đi không hẹn ngày về mang theo một ước nguyện của con là *“Ba về!Ba mua cho con một cây lược nghe ba”*

**2. Cảm nhận về vẻ đẹp nội dung của đoạn trích – vẻ đẹp của tình phụ tử thiêng liêng**

- Vẻ đẹp của nhân vật ông Sáu mà người đọc cảm nhận được trước hết là vẻ đẹp của người lính cách mạng. Nhưng cảm động nhất, để lại ấn tượng nhiều nhất cho người đọc chính là vẻ đẹp của tình phụ tử thiêng liêng, sâu đậm - tình yêu thương mà ông Sáu dành cho đứa con gái. Tình cảm ấy còn được nhà văn thể hiện rất cảm động khi ông ở khu căn cứ. Nỗi day dứt, ân hận ám ảnh ông suốt nhiều ngày là việc ông đã đánh con khi nóng giận. Rồi lời dặn của con: *“Ba về ba mua cho con một cây lược nghe ba”*đã thôi thúc ông nghĩ đến việc làm cho con một cây lược bằng ngà.

- Làm cây lược trở thành bổn phận của người cha, thành tiếng gọi cầu khẩn của tình yêu thương con. Vì thế khi kiếm được khúc ngà voi, ông Sáu *“hớn hở như một đứa trẻ được quà”* và ông dành hết tâm trí, công sức vào việc làm ra cây lược. Hãy nghe đồng đội của ông kể lại: “*Những lúc rỗi, anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc”.* Phải chăng, bao nhiêu tình yêu thương con ông dồn vào việc làm cây lược ấy? Rồi ông gò cây lược tỉ mẩn, khắc từng nét chữ lên sống lưng lược: *“Yêu nhớ tặng Thu con của ba”.*Cây lược ấy, dòng chữ ấy là tình yêu, là nỗi nhớ thương, sự ân hận của ông đối với đứa con gái. Những lúc rỗi hay đêm đêm nhớ con *“anh thường lấy cây lược ra ngắm nghía, rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt”.*

*-*  Làm như vậy, có lẽ ông không muốn con ông bị đau khi chải lược lên tóc. Yêu con, ông Sáu yêu từng sợi tóc của con. Người đọc cảm động trước tấm lòng của người cha ấy. **Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ thành một nghệ nhân** – nghệ nhân chỉ sáng tạo ra một tác phẩm duy nhất trên đời– chiếc lược ngà. Ông gửi vào đó bao lời nhắn nhủ thiêng liêng, gửi vào đó bao nỗi nhớ mong con.

- Chiếc lược ngà là kết tinh tình phụ tử mộc mạc mà đằm thắm, đơn sơ mà diệu kì, là hiện hữu của tình cha con bất hủ giữa ông Sáu và bé Thu. Tình thương ông dành cho con cháy bỏng, như một dòng sông chảy mãi từ suối nguồn, như dòng máu chảy sâu vào tim ông, vào tâm hồn ông đến phút cuối vẫn bùng cháy chẳng nguôi. Cho nên**, chiếc lược ngà là kết tinh của tình phụ tử.**

  - Làm được lược cho con, ông Sáu mong được gặp con, được tận tay chải mái tóc con. Nhưng rồi, một tình cảnh đau thương lại đến với cha con ông Sáu: trong một trận càn lớn của quân Mỹ ngụy, ông Sáu bị một viên đạn bắn vào ngực. *“Trong giờ phút cuối cùng, không còn đủ sức trăng trối lại điều gì, hình như chỉ có tình cha con là không thể chết được”,* tất cả tàn lực cuối cùng chỉ còn cho ông làm một việc *“đưa tay vào túi, móc cây lược”* đưa cho người bạn chiến đấu rồi đến khi người đồng đội hứa sẽ trao tận tay cho bé Thu thì ông mới yên lòng nhắm mắt. Đây là tình huống rất cảm động. Những mất mát do chiến tranh gây ra là không bù đắp nổi. Tuy không một lời trăng trối **nhưng nó thiêng liêng hơn cả những lời di chúc.** Và hành động cuối cùng của ông Sáu càng cho ta thấy tình cảm của ông dành cho con thật sâu nặng. Người đồng đội của ông – người kể chuyện đã thay ông làm việc đó. **Chiếc lược ngà đã trở thành biểu tượng của tình cha con đời đời bất diệt.**

- Những dòng cuối cùng của đoạn trích khép lại trong nỗi buồn mênh mang mà chứa chan ý nghĩa nhân văn sâu sắc. Chiến tranh là hiện thực đau xót của nhân loại. Chiến tranh đã làm cho con người phải xa nhau, chiến tranh làm khuôn mặt ông Sáu biến dạng,chiến tranh khiến cuộc gặp gỡ của hai cha con vô cùng éo le, bị thử thách,rồi một lần nữa chiến tranh lại khắc nghiệt để ông Sáu chưa kịp trao chiếc lược ngà đến tận tay cho con mà đã phải hi sinh trên chiến trường.

- Nhưng những đau thương mất mát mà chiến tranh tàn bạo gây ra không thể nào giết chết những tình cảm đẹp đẽ của con người Việt Nam*. “Chiếc lược ngà*” như một truyện cổ tích hiện đại dẫn người đọc dõi theo số phận của nhân vật. Người còn, người mất nhưng kỉ vật gạch nối giữa cái mất mát và sự tồn tại là chiếc lược ngà nói với chúng ta nhiều điều về tình người, tình đồng chí, tình cha con. Cảm động nhất, để lại ấn tượng nhiều nhất cho người đọc là tình phụ tử thiêng liêng, sâu đậm –tình yêu thương mà ông Sáu dành cho đứa con gái. Và cũng qua đây, nhà văn đã khẳng định: Bom đạn và chiến tranh có thể hủy diệt được sự sống, nhưng tình cha con – tình phụ tử thiêng liêng không gì có thể giết chết được.

**3*.* Đánh giá nghệ thuật**

Đoạn văn là lời kể của một người đồng chí của ông Sáu-người đã chứng kiến toàn bộ quá trình ông làm cây lược tặng con gái và thấu hiểu những suy nghĩ, cảm xúc của ông. Nên vì thế mà trở nên khách quan, chân thành. Có thể nói nhân vật ông Sáu được nhà văn xây dựng bằng những nét nghệ thuật đặc sắc. Ngôn ngữ văn xuôi giàu tình cảm, khả năng miêu tả tâm lí tinh tế, chính xác, bắt nguồn từ một tâm hồn nhạy cảm và tấm lòng yêu thương, trân trọng con người. Mặt khác, nhà văn đã xây dựng một tình huống truyện rất éo le, bất ngờ mà tự nhiên, cảm động; qua đó, phần nào nói lên sự ác nghiệt của chiến tranh. Đặc biệt, nhà văn đã lựa chọn được một số chi tiết nghệ thuật rất đắt giá như ông Sáu hớn hở khi kiếm được chiếc ngà voi… Tất cả đã góp phần tô đậm vẻ đẹp của người chiến sĩ cách mạng, của **người cha yêu con nồng thắm**.

**3. Kết bài**

Hình ảnh ông Sáu - người chiến sĩ cách mạng, người cha trong truyện “Chiếc lược ngà” đã để lại bao thổn thức trong lòng người đọc về tình phụ tử sâu sắc. Chiếc lược ngà và những dòng chữ trên sống lưng lược mãi mãi là kỉ vật, là nhân chứng về nỗi đau, về bi kịch đầy máu và nước mắt của những năm chiến tranh. Ông Sáu là người lính của một thế hệ anh hùng mở đường đi trước đã nếm trải nhiều gian khổ và hi sinh. Ông là hình ảnh tiêu biểu của con người Việt Nam sẵn sàng hi sinh tất cả vì độc lập dân tộc, thống nhất đất nước.Tác phẩm khép lại nhưng tình phụ tử ấm áp, thiêng liêng, cao cả sẽ mãi là ngọn lửa lấp lánh sáng, sưởi ấm trái tim độc giả.

**=======================================================**

**ĐÊ 62: Một truyện ngắn hay là truyện mà ở đó nhà văn sáng tạo được những chi tiết độc đáo. Em hãy chọn và phân tích một chi tiết trong tác phẩm "Chiếc lược ngà" của nhà văn Nguyễn Quang Sáng mà theo em là độc đáo và có nhiều ý nghĩa trong việc làm nổi bật chủ đề tác phẩm. (Chi tiết chiếc lược ngà và chi tiết vết thẹo)**

**Gợi ý:** - Đây là một đề bài mở. Các em được quyền lựa chọn một chi tiết nghệ thuật trong tác phẩm "Chiếc lược ngà" để nghị luận. Có thể là chi tiết chiếc lược ngà, chi tiết "vết thẹo" trên khuôn mặt của ông Sáu;... Có thể chọn chi tiết "vết thẹo" trên khuôn mặt của ông Sáu, để giúp các em định hướng được các ý mà mình cần phải có trong bài viết.

**Dàn ý chi tiết**

**I. Mở bài:**

- Giới thiệu được tác giả Nguyễn Quang Sáng

- Giới thiệu được tác phẩm "Chiếc lược ngà".

- Giới thiệu được vấn đề nghị luận: Chi tiết "vết thẹo" trên khuôn mặt của ông Sáu.

**II. Thân bài:**

**1. Vai trò của chi tiết trong truyện ngắn:**

- Truyện ngắn là thể tài văn học gần gũi với đời sống hằng ngày, có tác dụng và ảnh hưởng to lớn đến đời sống và nhu cầu thẩm mỹ của độc giả. Ngoài việc đảm bảo những yêu cầu khắt khe của thể loại như: hình thức tự sự cỡ nhỏ, đảm bảo tính tình huống, nhân vật điển hình, thì truyện ngắn luôn đòi hỏi sự có mặt của các chi tiết nghệ thuật độc đáo, tiêu biểu.

- Chi tiết là một trong những yếu tố nhỏ nhất tạo nên tác phẩm. Để làm nên một chi tiết nhỏ có giá trị đòi hỏi nhà văn phải có sự thăng hoa về cảm hứng và tài năng nghệ thuật.

- Nghệ thuật là một lĩnh vực đặc thù: Tầm vóc của người nghệ sỹ có thể được làm nên từ những yếu tố nhỏ nhất. Nhà văn lớn có khả năng sáng tạo được những chi tiết nhỏ nhưng giàu giá trị biểu đạt, góp phần đắc lực trong việc thể hiện chủ đề tư tưởng của tác phẩm, quan niệm nghệ thuật của mình.

=> Đánh giá giá trị của chi tiết “vết thẹo” trong truyện ngắn Chiếc lược ngà của Nguyễn Quang Sáng.

**2. Phân tích:**

**\* Chi tiết “vết thẹo” xuất hiện 3 lần trong tác phẩm.**

- Lần thứ nhất, phút đầu bé Thu gặp ba.

- Lần thứ hai, qua cuộc trò chuyện với bà ngoại.

- Lần thứ ba, Thu nhận ra ba, hôn cùng khắp, hôn cả vết thẹo.

=> Chi tiết này góp phần tạo sự hoàn chỉnh, chặt chẽ cho cốt truyện. Vết thẹo trên mặt ông Sáu là chi tiết nghệ thuật đặc sắc, nối kết các tình tiết trong truyện, tạo nên nghệ thuật thắt nút, mở nút bất ngờ, hợp lý:

- Chỉ vì "vết thẹo" mà bé Thu không nhận ra ba, đối xử với ba một cách lạnh lùng, cự tuyệt.

- Khi được bà ngoại giải thích về "vết thẹo" trên gương mặt ba, mối nghi ngờ của bé Thu về ông Sáu đã được giải tỏa, khiến bé Thu nhận ra ba.

- Khi nhận ra ba, tình cảm, thái độ của em đã thay đổi hoàn toàn. Thu nhận cha, yêu cha, yêu vết thẹo, không muốn chia tay cha

=> Như vậy, chi tiết "vết thẹo" đã tạo nên kịch tính, tình huống truyện làm nên sức hấp dẫn, lôi cuốn của tác phẩm.

=> Chi tiết nghệ thuật "vết thẹo" góp phần quan trọng làm rõ vẻ đẹp của các nhân vật:

- Ông Sáu yêu nước, dũng cảm,dám chấp nhận hi sinh.

- Bé Thu có cá tính mạnh mẽ, có tình yêu thương cha sâu sắc, mãnh liệt.

=>Chi tiết "vết thẹo" còn thể hiện chủ đề, nội dung tư tưởng của tác phẩm:

- Vết thẹo là chứng tích của chiến tranh, chiến tranh đã gây ra nỗi đau về thể xác và tinh thần cho con người, đã chia cắt nhiều gia đình.

- Chứng tỏ chiến tranh có thể hủy diệt tất cả nhưng không thể hủy diệt được tình cảm con người: cụ thể là tình cha con, tình phụ tử thiêng liêng, sâu nặng.

**3. Nhận xét, đánh giá:**

- Chi tiết "vết thẹo" trong tác phẩm không chỉ đặc sắc về nội dung, mà còn độc đáo về nghệ thuật.

- Chi tiết cũng góp phần làm cho tác phẩm của Nguyễn Quang Sáng sống mãi cùng thời gian.

**III. Kết bài:**

- Khẳng định lại vấn đề.

**BÀI THAM KHẢO 1:**

**1. Mở bài**

Nếu như trong “Chuyện người con gái Nam Xương” tác phẩm được tác giả Nguyễn Dữ xây dựng cốt truyện trở nên hấp dẫn và đầy kịch tính nhờ những chi tiết đặc sắc, kỳ ảo đó là chi tiết cái bóng đã góp phần làm nên thành công của câu chuyện. Đến với truyện ngắn “Chiếc lược Ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng, người đọc vô cùng ấn tượng với vết thẹo của ông Sáu, vai trò của những chi tiết ấy cũng thể thiếu được. Và đó là chi tiết góp phần làm nên thành công của tác phẩm.

**2. Thân bài**

**\* Khái quát**

**- Hoàn cảnh sang tác:** Tác phẩm *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó khẳng định rằng: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

**-** Với chi tiết Chiếc Lược ngà đây là cũng là nhan đề chính của câu chuyện. Chi tiết này mang lại nhiều ý nghĩa đối với từng nhân vật trong tác phẩm. Như với ông Sáu đây là kỷ vật duy nhất ông dành cho con, là lời hứa sẽ trở về cùng đoàn tụ với con gái, nhưng quan trọng nhất là đây là vật giúp ông gỡ rối được trong lòng mình vì khi tức giận đã đánh bé Thu. Đồng thời, chiếc lược ngà mỗi khi ông mang ra mài dũa cũng là lúc giúp ông vơi bớt nỗi nhớ con gái.

- Và chi tiết chiếc lược ngà có ý nghĩa với ông Sáu bao nhiêu thì nó lại càng quan trọng với Bé Thu bấy nhiêu. Bởi đây là di vật thể hiện giấc mơ tuổi thơ về lời hứa của ông Sáu với cô bé sẽ trở về và đem mua cô một chiếc lược. Và món quà duy nhất mà cha cô để lại này nó chất chứa biết bao tình cảm của ông Sáu dành cho bé Thu, đó là tình cha con thiêng liêng và đáng quý bởi nó diễn ra vô cùng ngắn ngủi trong thời khắc mà cô bé nhận ra ba của mình nhưng đó cũng là thời khắc éo le trong cuộc chia tay của họ.

- Không chỉ bé Thu hay ông Sáu, chiếc lược ngà ấy cũng vô cùng ý nghĩa với Bác Ba. Đó là sự ủy thác thiêng liêng của người bạn thân mà giây phút trước khi hy sinh ông Sáu không kịp trăn trối điều gì chỉ có thể rút chiếc lược ra và nhờ Bác Ba đem tận tay cho cô con gái bé nhỏ. Và Bác Ba đã trở thành người giúp kết nối tình cảm cha con cho ông Sáu với Bé Thu.

- Nhưng đặc biệt hơn, chi tiết đặc sắc chiếc lược Ngà không chỉ có ý nghĩa với các nhân vật trong truyện mà nó là biểu tượng cho tình phụ tử thiêng liêng, giúp gắn kết các câu chuyện với nhau tạo nên một mạch câu chuyện diễn ra có sự liên kết và hấp dẫn, cảm động hơn. Và hơn hết, chiếc lược ngà đó là nhân chứng cho nỗi đau và sự hi sinh do chiến tranh gây ra. Cùng với chiếc lược ngà, chi tiết vết thẹo trên mặt ông Sáu luônsong song, đồng hành góp phần làm cho câu chuyện trở nên đầy kịch tính và lôi cuốn, chạm đến trái tim người đọc hơn.

*\* Liên hệ mở rộng:* Cũng giống như chi tiết cái bóng trong Chuyện người con gái Nam Xương thì chi tiết vết thẹo đặc sắc này trong Chiếc lược Ngà đóng vai trò quan trọng cho cốt truyện, bởi đó là chi tiết thắt nút - mở nút cho câu chuyện. Nó có ý nghĩa thắt nút cho câu chuyện bởi vì chính vết thẹo mà bé Thu không nhận ra ngay từ lần gặp đầu tiên. Khi vừa thấy một đứa trẻ vui đùa trên bến, ông Sáu vội vàng gọi bé Thu và vết thẹo của ông cũng đỏ ửng lên, tình tiết này đã làm cho bé Thu hoảng sợ và chạy khóc gọi mẹ. Cảnh tượng ấy xuất hiện thật éo le, còn nỗi đau hay sự thất vọng nào bằng chính sự hoảng sợ và con gái không nhận ra ba nó. Và chính vì vết thẹo ấy mà bé Thu một mực không nhận Ba, quyết không gọi ba, bởi với cô bé người ba này không giống với ba chụp chung hình với má.

- Bên cạnh thắt nút, chi tiết đặc sắc vết thẹo cũng là chi tiết mở nút cho câu chuyện. Và cho đến khi được bà ngoại giải thích vì sao trên mặt ông Sáu có thẹo là do thằng Mĩ gây nên đã góp phần giải toả sự nghi ngờ của cô bé mới 8 tuổi.

- Và khi mở nút cho câu chuyện từ chi tiết vết thẹo, kịch tính của câu chuyện như được đẩy cao trào lên khi cô bé nhận ra ba mình trong thời khắc của một cuộc chia tay. Cô nhận ra ba mình và không muốn xa lìa ông, nên cô bé có những cử chỉ trái ngược với ban đầu của câu chuyện, nếu như trước đây vết thẹo làm cô sợ thì cô bé lại càng yêu vết thẹo ấy, cô hôn lên trán, lên má và cả lên vết thẹo dài của ba mình.

- Cũng từ chi tiết mở nút ấy, ta nhận ra được nhiều điều hơn về nhân vật cũng như chủ đề tư tưởng của tác phẩm. Với ông sáu, vết thẹo là dấu vết của chiến tranh, là minh chứng cho lòng dũng cảm và sự hy sinh của một chiến sĩ cách mạng. Đồng thời nó là rào cản làm ông mất đi 3 ngày không được làm cha. Còn với bé Thu, nó thể hiện được cá tính mạnh mẽ và cùng tình yêu sâu sắc của cô bé dành cho ba vô cùng lớn. Còn với nội dung, chủ đề tư tưởng của tác phẩm, chi tiết vết thẹo là minh chứng cho những nỗi đau trong chiến tranh đồng thời khẳng định tình phụ tử thiêng liêng, vĩnh cửu và mạnh liệt, nó không thể bị hủy diệt cho dù chiến tranh có xảy ra.

**3. Kết bài**

Như vậy, qua hai chi tiết đặc sắc như chiếc lược Ngà và vết thẹo đã góp phần làm cho câu chuyện trở nên kịch tính, hấp dẫn và ý nghĩa hơn. Đặc biệt nó đã khẳng định được tình yêu cha con thật thiêng liêng và đáng trân quý ở mọi hoàn cảnh, đó cũng là tư tưởng mà tác giả Nguyễn Quang Sáng muốn gửi đến qua tác phẩm "Chiếc lược Ngà".

**BÀI THAM KHẢO 2:**

**1. Mở bài**

Trong mưa bom lửa đạn, trong chất cay xè của mùi thuốc súng, tình cảm cao đẹp nhất của tình đồng chí đồng đội trào dâng. Những bùi ngùi dấu tận đáy lòng của những người cha lên đường chiến đấu gửi lại quê hương đứa con thân yêu nhất của mình để rồi trong giờ phút hiếm hoi giữa cuộc hành quân nỗi nhớ con không còn dấu được. Tình cảm thiêng liêng ấy càng mãnh liệt hơn trong tác phẩm “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Và đặc biệt chi tiết chiếc lược ngà và chi tiết vết thẹo đã làm nên thành công của tác phẩm.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát:**

**- Hoàn cảnh sang tác:** Truyện ngắc *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó khẳng định rằng: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

**- Chủ đề tác phẩm:** Nội dung văn bản trong là cuộc gặp gỡ của anh Sáu – một người xa nhà đi kháng chiến. Mãi khi con gái lên tám tuổi, anh mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Bé Thu – con gái anh không nhận cha , trái lại đã đối xử lạnh nhạt, có lúc vô lễ với cha. Điều đó làm anh Sáu đau lòng, nhưng anh vẫn yêu thương con bằng tình cha con ruột thịt. Sau vài ngày ngắn ngủi sum họp gia đình, anh Sáu phải ra đi.

**b. Phân tích chi tiết vết thẹo**

**-**  “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng là một truyện ngắn viết về tình phụ tử sâu nặng của cha con ông Sáu sau chiến tranh. Đây là một truyện ngắn giản dị nhưng chứa đầy sức bất ngờ như ta thường thấy ở văn của Nguyễn Quang Sáng. Đoạn trích đã cho thấy một khoảnh khắc nhỏ mà trong đó có sự cao cả thiêng liêng về tình phụ tử .

- Đến lúc ấy Bé Thu bỗng thay đổi thái độ. Em ôm chặt lấy cha không muốn cha con phải xa nhau .Mọi người ngỡ ngàng sửng sốt. Thì ra mấy ngày trước do nhìn thấy trên mặt anh Sáu có vết sẹo lớn, bé Thu thấy anh không giống cha chụp chung ảnh với mẹ. Nhờ bà ngoại giảng giải, Thu đã hiểu ra mọi chuyện, em cất tiếng gọi “Ba...ba!..” và hẹn “Ba mua cho con một cây lược nghe!”. Ở khu căn cứ, anh Sáu dồn hết tình cảm yêu quý nhớ con vào việc làm một chiếc lược bằng ngà voi để mang về tặng cô con gái bé bỏng. Nhưng trong một cuộc chiến đấu anh đã ngã xuống. Trước lúc nhắm mắt anh còn kịp trao cây lược cho người bạn, gửi về tận tay cho con. Truyện được viết theo lời kể qua cái nhìn của ông Ba – nhân vật xưng tôi. Tuy đây là một đề tài khá phổ biến trong văn chương nhưng chính vì thế mà giá trị nhân văn của truyện càng trở nên sâu sắc.

+ Chi tiết “vết thẹo” xuất hiện 3 lần:

- Lần 1: phút đầu bé Thu gặp ba.

- Lần 2: qua cuộc trò chuyện với bà ngoại,

- Lần 3: Thu nhận ra ba, hôn cùng khắp, hôn cả vết thẹo.

- Vết thẹo trên gương mặt ông Sáu là chi tiết nghệ thuật độc đáo, vừa thắt nút truyện, đẩy mâu thuẫn lên đến đỉnh điểm, lại vừa mở nút truyện. Vì vết thẹo mà bé Thu không nhận ra ba, đối xử với ba một cách lạnh lùng, cự tuyệt. Khi được bà ngoại giải thích về vết thẹo trên gương mặt ba, mối nghi ngờ của bé Thu về ông Sáu đã được giải toả, khiến bé Thu nhận ra ba. Khi nhận ra ba, tình cảm, thái độ của em đã thay đổi hoàn toàn. Như vậy, chi tiết vết thẹo đã tạo nên kịch tính, tình huống truyện làm nên sức hấp dẫn, lôi cuốn của tác phẩm.

- Chi tiết nghệ thuật vết thẹo góp phần quan trọng thể hiện tính cách và tình cảm của nhận vật bé Thu – một em bé có bản lĩnh và có tình yêu ba sâu sắc. Chi tiết vết thẹo còn thể hiện sự tàn khốc của chiến tranh và là lời tố cáo chiến tranh nhẹ nhàng mà thấm thía. Chiến tranh không chỉ khiến vợ phải xa chồng, con phải xa cha. Chiến tranh không chỉ tàn phá thể xác mà còn làm tổn thương tinh thần, khiến con không nhận ra cha. Chiến tranh khiến người ta phải xa cách và phải xa cách trong chính lúc gặp mặt.

- “Chi tiết nhỏ làm nên nhà văn lớn”, cời chi tiết nghệ thuật đặc sắc: vết thẹo, tác phẩm “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng đã khắc họa tính cách nhân vật bé Thu, đồng thời góp phần tạo nên sự lôi cuốn hấp dẫn người đọc. Chi tiết cũng góp phần làm cho tác phẩm của Nguyễn Quang Sáng sống mãi cùng thời gian.

=> Chi tiết “vết thẹo” đã thắt nút và mở nút câu truyện về chính vết thẹo đã làm bé Thu không nhận ra cha nên em đã lạnh nhạt và xa lánh ông Sáu, kiên quyết không gọi ông Sáu là “ba”. Nhưng trong thái độ đó ta lại nhận ra một tình cảm thuỷ chung, sâu sắc mà bé Thu dành cho cha của nó. Và cũng chính “vết thẹo” ấy, sau khi đã hiểu được ngọn nguồn của nó lại làm cho bé Thu càng yêu cha nhiều hơn. Ngoài ra, “vết thẹo” còn là chứng tích của chiến tranh gây ra bi kịch trong tình cảm của cha con ông Sáu, gợi cho người đọc nghĩ đến những mất mát đau thương éo le của chiến tranh. Vì vậy, chi tiết “vết thẹo” còn mang ý nghĩa tố cáo chiến tranh. Từ đó, ta thấy chi tiết “vết thẹo” đã thể hiện sự già dặn trong ngòi bút của Nguyễn Quang Sáng.

**3. Kết bài**

Qua hai chi tiết đặc sắc như chiếc lược Ngà và vết thẹo đã góp phần làm cho câu chuyện trở nên kịch tính, hấp dẫn và ý nghĩa hơn. Đặc biệt nó đã khẳng định được tình yêu cha con thật thiêng liêng và đáng trân quý ở mọi hoàn cảnh, đó cũng là tư tưởng mà tác giả Nguyễn Quang Sáng muốn gửi đến qua tác phẩm "Chiếc lược Ngà".

======================================================

**ĐỀ 63: PHÂN TÍCH TÌNH CHA CON GIỮA ÔNG SÁU VÀ BÉ THU TRONG TRUYỆN CHIẾC LƯỢC NGÀ**

**Dàn ý chi tiết:**

**I. Mở bài**:

- Giới thiệu tác giả: Nguyễn Quang Sáng là nhà văn gắn liền với miền đất Nam Bộ, văn ông có giọng điệu tự nhiên, thân mật, dân dã, ngôn ngữ gần với khẩu ngữ, lời ăn tiếng nói của nhân dân Nam Bộ.

- Truyện ngắn Chiếc lược ngà được sáng tác năm 1966 đã diễn tả một cách cảm động tình cha con thắm thiết, sâu nặng của ông Sáu trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh.

**II. Thân bài:**

**1. Khái quát**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Tác phẩm *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó khẳng định rằng: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

**- Hoàn cảnh của cha con ông Sáu**

- Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến, mãi đến khi con gái ông lên tám tuổi, ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Bé Thu không chịu nhận cha vì vết theo trên mặt làm ba em không giống với người chụp chung với má trong bức ảnh mà em đã biết.

- Thu đối xử với ba như người xa lạ, đến lúc hiệu ra, tình cảm cha con thức dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải lên đường.

- Ở khu căn cứ, bao nỗi nhớ thương con sông dồn vào việc làm cho con cây lược. Ông hi sinh trong một trận càn của Mỹ nguy. Trước lúc nhắm mắt, ông còn kịp trao cây lược cho một người bạn.

\* Tình cảm cha con trong truyện ngắn này được thể hiện từ hai phía: tình cảm của con dành cho cha và tình cảm của cha dành cho con.

*a. Tình cảm của bé Thu dành cho ông Sáu - Khi chưa nhận ra ông Sáu với vết thẹo dài trên mặt, bé Thu đã có thái độ xa lánh, hành động cự tuyệt và những lời nói cử chỉ khiến ông Sáu phải đau lòng: (*hét toáng lên khi nhìn thấy ba, toàn nói lời trống không, nhất định không chịu nhờ ông Sáu chắt nước cơm cho, hất cái trứng cá...).

=> Tất cả những hành động ấy đã thể hiện được cá tính mạnh mẽ và tình cảm yêu thương rạch ròi của cô bé.

- Khi nhận ra ông Sáu là cha mình, trong buổi sáng cuối cùng trước khi ông Sáu phải lên đường, thái độ, hành động của bé Thu đột ngột thay đổi:

+ Nó bỗng kêu thét lên "ba" - tiếng kêu như xé tan sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người.

+ Cô bé chạy xô tới, dang hai tay ôm lấy cổ ba, hôn ba cùng khắp (hôn tóc, hôn cổ, hôn vai, hôn vết thẹo), dang cả hai chân để câu chặt lấy ba, đôi vai nhỏ bé run run. Tình yêu thương ba được bộc lộ một cách mãnh liệt, dâng trào, không thể kìm nén nổi. Em yêu ba, nhớ ba, mong ba. Nay tình cảm ấy mới có dịp vỡ òa ra nên vô cùng mạnh mẽ, hối hả, cuống quýt.

*b. Tình cảm của ông Sáu dành cho con*

- Khi bị con từ chối, ông cảm thấy vô cùng hụt hẫng, đau khổ, cáu giận, không thể kìm chế nổi. Ông đã đánh con vì nó không chịu nhận mình. Đây là biểu hiện đau khổ tột cùng của người cha khi bị con khước từ.

- Về đơn vị, ông day dứt, ân hận vì trong lúc nóng giận đã đánh con. Chi tiết này thể hiện tình yêu con tha thiết.

- Khi kiếm được khúc ngà voi, ông vô cùng vui mừng sung sướng, dành hết tâm trí, công sức vào việc làm cây lược. Chiếc lược đã trở thành vật báu thiêng liêng đối với ông Sáu. Nó làm dịu đi những ân hận và chứa đựng bao nhiêu tình cảm yêu mến của ông với đứa con xa cách nơi quê nhà.

- Trước lúc hi sinh, lời trăng trối sau cùng, ông muốn nhờ bạn trao tận tay chiếc lược ngà cho con.

**III. Kết bài**

- Truyện ngắn Chiếc lược ngà đã khẳng định và ca ngợi tình cảm cha con thiêng liêng như một giá trị nhân bản sâu sắc. Tình cảm ấy càng trở nên cao đẹp, thiêng liêng hơn trong những cảnh ngộ éo le của cuộc chiến tranh tàn khốc.

**BÀI THAM KHẢO 1:**

**1. Mở bài**

Bom đạn chiến tranh đã khiến cho đất nước mang trên mình những vết thương, khiến cho bao gia đình tan nát vì chia xa, những nỗi đau cứ thế mà chồng chất. Tuy nhiên, giữa bản nhạc buồn của chiến tranh, văn học vẫn mang đến cho đời sống tình cảm của con người những cung bậc, những âm thanh da diết, tuyệt đẹp về tinh thần đoàn kết, về tình đồng đội, đồng chí và cả tình cảm gia đình thiêng liêng bất diệt. Một trong những tác phẩm hay nhất viết về tình cảm gia đình trong chiến tranh là “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Tác phẩm đã giúp người đọc cảm nhận được tình cảm yêu thương con mãnh liệt của ông Sáu. Tình cảm ấy được bộc lộ rõ nét nhất trong những ngày anh Sáu trở lại chiến trường cùng lời hứa tặng con cây lược. { được thể hiện qua đoạn trích ….. }

**2. Thân bài**

**a. Khái quát**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Tác phẩm *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó khẳng định rằng: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

**- Hoàn cảnh của cha con ông Sáu**

- Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến, mãi đến khi con gái ông lên tám tuổi, ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Bé Thu không chịu nhận cha vì vết theo trên mặt làm ba em không giống với người chụp chung với má trong bức ảnh mà em đã biết.

- Thu đối xử với ba như người xa lạ, đến lúc hiệu ra, tình cảm cha con thức dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải lên đường.

- Ở khu căn cứ, bao nỗi nhớ thương con sông dồn vào việc làm cho con cây lược. Ông hi sinh trong một trận càn của Mỹ nguy. Trước lúc nhắm mắt, ông còn kịp trao cây lược cho một người bạn.

**2. Phân tích truyện**

- Câu truyện kể về tình cha con đặc biệt cảm động giữa ông Sáu – một người cán bộ cách mạng luôn thương nhớ và khao khát được gặp con sau bao năm xa cách – và bé Thu, đứa con gái tám tuổi của ông.

- Chủ đề tình cảm cha con không mới lạ, nhưng sự thành công của Nguyễn Quang Sáng là đã khai thác và biểu hiện tình cha con trong tình huống rất tự nhiên, hợp lý – chiến tranh tàn bạo khiến những người thân phải xa lìa nhau. Nguyễn Quang Sáng đã khắc họa rõ nét hình ảnh hai nhân vật chính – ông Sáu, một người chiến sĩ và cũng là một người cha hết mực yêu thương con dù cho tình cảm nồng nàn của mình có bị đứa con ương ngạnh xa lánh; và bé Thu, cũng là một nhân vật trọng tâm của câu chuyện. Dưới ngòi bút tinh tế, nhạy bén của tác giả, bé Thu hiện lên là một cô bé giàu cá tính, bướng bỉnh và gan góc nhưng lại là một đứa con hết mực yêu cha.

- Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến lúc đứa con gái đầu lòng mới một tuổi. Mãi đến khi con được tám tuổi, ông mới có dịp về thăm nhà.Thế nhưng, con gái ông là bé Thu lại không nhận ra cha mình do có vết sẹo mới trên mặt khiến ông không giống như trong ảnh.

-Trong ba ngày nghỉ phép ngắn ngủi đó, ông ở nhà suốt để vỗ về con và cho con cái cảm giác có cha ở bên. Thế nhưng bé Thu không chịu nhận cha, càng ngày càng ương bướng, thậm chí lúc được cha gắp cho cái trứng cá, bé đã hất ra.

- Ông Sáu nổi giận, không kiềm chế được mà đánh vào mông nó. Nó buồn chạy sang nhà bà, kể hết mọi chuyện cho bà. Được bà giải thích, bé hiểu ra và trong giây phút cuối cùng trước khi cha trở lại chiến trường, tình cha con trong bé đã trỗi dậy mãnh liệt, bé nhận cha trong sự xúc động của mọi người và bé đã vòi cha mua cho mình một chiếc lược. Xa con, ông Sáu nhớ mãi lời dặn của con, ông dồn hết tình cảm để làm cho con một cây lược. Ngày ngày, ông đem chiếc lược ra ngắm cho đỡ nhớ. Nhưng trong một trận càn của địch, ông Sáu đã bị thương nặng.

- Trước khi nhắm mắt, ông Sáu đã giao lại cây lược cho một người đồng đội nhờ chuyển tận tay cho bé Thu. Chiếc lược ngà được người đồng đội ấy trao lại cho Thu một cách tình cờ, khi cô làm giao liên dẫn đường cho đồng chí ấy trong kháng chiến chống Mĩ.

- Tình phụ tử giữa ông Sáu và bé Thu được thể hiện sâu sắc qua hai tình huống: Tình huống thứ nhất là khi hai cha con gặp lại nhau sau tám năm trời xa cách nhưng éo le thay, bé Thu lại không chịu nhận cha, mãi đến lúc ông Sáu phải ra đi, bé mới gọi tiếng “Ba“ trong nước mắt. Tình huống thứ hai là khi ở chiến khu, ông Sáu dành hết tâm sức làm chiếc lược ngà cho con nhưng ông đã hy sinh trước khi món quà được trao tận tay bé Thu.

- Lúc con ở rừng, ông Sáu chỉ biết mặt con qua tấm ảnh nhỏ, ông lúc nào cũng nhớ thương con, khát khao được nhận con và được sống trong tình yêu thương của con. Được nghỉ phép, ông Sáu về thăm gia đình, nghĩ đến việc sẽ được gặp lại đứa con, “cái tình cha cứ nôn nao trong người ông”. “Không thể chờ xuồng cập bến, ông nhún chân nhảy thót lên, xô chiếc xuồng tạt ra xa”, “bước vội vàng với những bước dài rồi dừng lại kêu to: “Thu ! Con. Ba đây con !”. Ông cứ ngỡ con bé sẽ chạy xô vào lòng và ôm chặt lấy cổ mình, tình cảm bị dồn nén cùng những mong muốn bấy lâu khiến ông không thể không vui mừng, không thể không hy vọng. Tâm trạng ông Sáu xúc động mạnh mẽ, “vết thẹo dài bên má phải lại đỏ ứng lên, trông rất dễ sợ”, có lẽ cũng vì vậy mà bé Thu mới “giật mình”, “tròn mắt nhìn”, mặt tái đi rồi vụt chạy kêu thét lên “Má! Má!”.

- Điều bất ngờ khiến ông Sáu từ tâm trạng sung sướng náo nức, nôn nóng muốn được ôm con chuyển thành nỗi thất vọng, bất lực, bao nhiêu niềm vui sướng, hy vọng của ông bỗng chốc vụn vỡ và hơn hết là nỗi buồn, sự đau khổ khi bị chính đứa con mình thương yêu nhất sợ hãi, xa lánh, “mặt ông tối sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông thõng xuống như bị gãy”. Suốt 3 ngày nghỉ phép, ông Sáu lúc nào cũng muốn gần gũi, quan tâm con nhưng ông càng khao khát yêu thương con, bé Thu càng lạnh lùng khước từ sự chăm sóc, vỗ về của ông. Ngọn lửa nồng nàn của tình cha cứ bị xa lánh, lạnh lùng, bé Thu bướng bỉnh, ương ngạnh không chịu nhận cha, bé vẫn nghe lời mẹ gọi ông vào ăn cơm nhưng lại nói trổng: “Vô ăn cơm !”.

- Cứ ngỡ ông Sáu sẽ bực tức vì thái độ vô lễ của bé Thu nhưng trái lại, ông không la mắng bé và cũng không ép buộc con bé phải chấp nhận ông bởi lẽ ông hiểu rõ, tình cảm là một thứ không thể gượng ép; ông Sáu chỉ đành “nhìn con vừa khe khẽ lắc đầu vừa cười”, “có lẽ vì khổ tâm đến nỗi không khóc được, nên ông mới cười vậy thôi.”

- Bé Thu gây ấn tượng cho người đọc về một cô bé dường như lì lợm, đến ghê gớm, khi mà trong mọi tình huống em cũng nhất quyết không gọi tiếng Ba. Nguyễn Quang Sáng đã khéo léo xây dựng nhiều tình huống thử thách cá tính của bé Thu, nhưng điều khiến người đọc phải bất ngờ là sự nhất quán trong tính cách của bé, dù là bị mẹ quơ đũa dọa đánh, dù là bị dồn vào thế bí, dù là bị anh Sáu đánh, bé Thu luôn bộc lộ một con người kiên quyết, mạnh mẽ. Cái cảm giác đó không đơn thuần là sự bướng bỉnh của một cô bé đỏng đảnh, nhiêu sách mà là sự kiên định, thẳng thắn, của một người có lập trường – cái mầm sâu kín sau này làm nên tính cách cứng cỏi ngoan cường của cô giao liên giải phóng.

- Bất chấp mọi lời khuyên, giảng giải của mẹ bé Thu kiên quyết không cất lên cái tiếng mà cha bé mong đợi nhất, thậm chí khi bé bị dồn vào thế bí “nồi cơm sôi lên sùng sục, cơm nhão má về sẽ đánh đòn”, bé vẫn không chịu gọi: “Ba chắt nước giùm con”, con bé tự mình nhón gót lấy cái vá múc ra từng vá nước.

- Thái độ và tâm lý của bé Thu đã được tác giả thuật lại qua những chi tiết vừa cảm động, vừa buồn cười. Trong bữa cơm, bé Thu hắt đi cái trứng cá ngon mà ông Sáu gắp cho mình, làm cơm văng tung tóe, hành động đó đã khiến ông Sáu vô cùng tức giận, trong một phút giây không kiềm chế được cơn giận, ông đã đánh con: “Sao mày cứng đầu quá vậy, hả?” làm con bé uất ức bỏ sang nhà ngoại, lúc cởi dây xuồng, nó còn cố ý khua dây xích kêu rộn ràng để tỏ ý bất bình.

- Điều này khiến ông Sáu đau lòng khôn xiết, ông cứ trách mình vì đã làm tổn thương con. Và với bé Thu, giữa một bên là sự cứng cỏi, già giặn hơn tuổi, nhưng ở khía cạnh khác cô bé vẫn mong được yêu quý vỗ về. Trong khi “Chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nó cũng không chịu về”, cái cá tính cố chấp một cách trẻ con của bé Thu được tác giả khắc họa vừa gần gũi, vừa tinh tế.

- Có lẽ những chi tiết trên sẽ khiến người đọc “giận thay” cho ông Sáu vì sự bướng bỉnh của bé Thu, thế nhưng tác giả xây dựng tình tiết như vậy là hoàn toàn hợp lý. Sự ương ngạnh của Thu đúng là tâm lý và tính cách điển hình của trẻ nhỏ, vì vậy không đáng trách, nó còn quá nhỏ để có thể hiểu hết sự tàn khốc của bom đạn, thuốc súng cùng bao điều cay nghiệt, oan trái của chiến tranh, và hoàn cảnh đáng thương, éo le của những người chiến sĩ...

- Đối với trẻ con, thật khó để chấp nhận một người “bỗng nhiên xuất hiện” làm cha, hơn nữa người này lại không giống với ba bé Thu “trong tấm hình chụp chung với mẹ” vì vết sẹo dài trên mặt. Đây lại là một biểu hiện của tình thương yêu sâu nặng dành cho cha của bé Thu, sâu trong thâm tâm, con bé tự hào và dành niềm thương yêu tuyệt đối cho người cha “điển trai” trong bức hình chụp. Nguyễn Quang Sáng đã thể hiện được điều đó qua chi tiết bé Thu giận dỗi ba bỏ qua nhà ngoại. Ở đoạn cuối, khi mà bé Thu nhận ra cha, thật khó để phủ nhận bé Thu là đứa bé giàu tình cảm. Nghe bà giải thích, nó mới nhận ra mình đã hiểu lầm ba.

- Con bé ân hận hơn bao giờ hết, chỉ bởi những hành động sai trái mà nó đã làm với ba. Nghe ngoại kể nó nằm im, lăn lộn và thỉnh thoảng lại thở dài như một người lớn. Có lẽ giờ đây Thu đang nghĩ rằng ba nó tốt với nó như thế, thương nó nhiều như vậy mà nó lại một mực từ chối ông, kiên quyết không chịu nhận ba. Con bé lại càng thêm khó xử khi đối mặt ông Sáu. Nhưng câu chuyện éo le của tình cha con lẽ nào có êm đềm được vậy. Khi thắc mắc của bé Thu về vết sẹo trên mặt ông Sáu được giải đáp, cũng là lúc ông phải ra đi, trong tim con bé dấy lên sự ân hận tiếc nuối, và tình thương dành cho cha đã trào dâng mãnh liệt hơn bao giờ hết. Sáng hôm ấy, Thu chỉ dám đứng trong góc nhà lặng lẳng nhìn ba nó. Vẻ mặt của bé Thu đã thay đổi, nó “không bướng bỉnh hay nhăn mày cau có như ngày trước mà sầm mặt lại đượm buồn”.

-Dường như nó thèm khát cái sự ấm áp của tình cảm gia đình, nó cũng muốn chạy lại và ôm hôn cha nó lắm chứ, nhưng lại có cái gì chặn ngang cổ họng nó, làm nó cứ đứng nguyên ở đấy, ước mong cha nó sẽ nhận ra sự có mặt của nó. Ông Sáu vẫn day dứt niềm tiếc nuối không nguôi khi chưa gặp được đứa con gái ông hằng yêu thương. Ông cũng muốn ôm con, hôn con nhưng lại sợ nó giẫy lên bỏ chạy. Chỉ đành đưa mặt nhìn con bằng đôi mắt trìu mến lẫn buồn rầu rồi khe khẽ nói: *“Thôi! Ba đi nghe con!”.* Có ai mà ngờ vừa nhận được sự quan tâm của ông Sáu, con bé lại ùa tới hét lên trong nước mắt: “Ba...a...a....ba! “.

- Nó “chạy thót lên và dang hai tay ôm chặt lấy cổ ba nó”, những giọt nước mắt nóng hổi, chứa đựng sự ân hận muộn màng lăn dài trên má nó như trách móc nó vì đã không biết trân trọng ba ngày hạnh phúc được sống cùng cha.

- Có ai ngờ một cô bé không được gặp cha từ năm một tuổi vẫn luôn vun đắp một tình yêu bền bỉ và mãnh liệt với cha mình, dù người cha ấy chưa hề bồng bế nó, cưng nựng nó, săn sóc, chăm lo cho nó, làm cho nó một món đồ chơi kể từ khi nó bắt đầu làm quen với cuộc sống. Chỉ tiếng gọi ba như thế cũng đủ xé lòng người. “*Xé sự im lặng và xé cả ruột gan mọi người”.* Tiếng gọi ba chất chứa tự đáy lòng từ lâu nghe sao quá đỗi xót xa. Tiếng gọi ấy không chỉ khiến ba nó bật khóc mà còn mang một giá trị thiêng liêng với nó. Lần đầu tiên nó cảm nhận mơ hồ về niềm sung sướng của một đứa con có cha. Nỗi đau xa cách tình cha con dai dẳng trong lòng bấy lâu như bùng cháy.

- Làm bé Thu chỉ muốn chạy xô tới câu chặt lấy ba nó, không muốn ông rời xa. Nó hôn ba khắp mọi nơi, hôn lên luôn vết sẹo. Như mọi đứa bé khác, con bé vừa ôm ba vừa nói trong tiếng khóc: “Không cho ba đi nữa! Ba ở nhà với con”.

- Tình cha con sao quá éo le, trắc trở. Ba thương yêu con, con không nhận. Đến lúc con hiểu chuyện thì ba phải đi xa. Tiếng gọi “ba” thiêng liêng lần đầu tiên cũng chính là tiếng gọi cuối cùng ông Sáu được nghe. Bà con xung quanh chứng kiến cảnh cha con nhận nhau cũng “không cầm được nước mắt”. Riêng ông Ba cảm thấy khó thở, nghẹn ngào như “có bàn tay ai nắm lấy trái tim”.

- Đọc đến đây, không ai có thể tránh khỏi rơi lệ. Những giọt nước mắt nóng hổi, chứa đựng sự ân hận muộn màng lăn dài trên má bé Thu như trách móc nó vì đã không biết trân trọng ba ngày hạnh phúc được sống cùng ba. Con bé lại ôm chầm ba nó một lần nữa và mếu máo: “Ba về! Ba mua cho con một cây lược nghe ba!”. Kể từ giây phút đó, chiếc lược ngà chính thức bước vào câu chuyện tình phụ tử, là minh chứng của tình yêu thương giữa hai cha con. Một chiếc lược, đó là mong ước đơn sơ của đứa con gái bé bỏng trong phút giây từ biệt.

- Phút chia tay sao mà cảm động biết bao. Để lại hình ảnh bé Thu với tình yêu ba sâu sắc đã gây xúc động mạnh trong lòng người đọc, để lại một ấn tượng vô cùng sâu sắc trong lòng mỗi người đọc. Nỗi đau, nỗi nhớ thương và mất mát... do quân giặc đem đến cho ông Sáu, cho bao người lính, cho bao bà mẹ, em thơ trên khắp mọi miền đất nước ta có bao giờ nguôi! Sự hi sinh của thế hệ đi trước để làm nên độc lập, thống nhất, dân chủ, hòa bình là vô giá.

- Những ngày xa bé Thu, ông Sáu lúc nào cũng ân hận vì đã đánh con. Nỗi nhớ thương, sự hối tiếc cùng tình yêu con đã được ông dồn việc thực hiện lời hứa với con – tặng cho con bé một cây lược. Tìm thấy khúc ngà voi, “mặt ông hớn hở như đứa trẻ được quà”, mỗi lúc rảnh rỗi, ông “cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như một người thợ bạc”, ông “ gò lưng, tẩn mẩn khắc từng nét: "Yêu, nhớ tặng Thu con của ba”. Khi chiếc lược hoàn thành, ông “thường hay lấy chiếc lược ra ngắm nghía rồi cài lên tóc cho cây lược thêm bóng mượt”.

- Chính lòng yêu con vô bờ bến đã khiến ông Sáu – một người chiến sĩ – trở thành một nghệ nhân “chỉ tạo ra một sản phẩm duy nhất trong đời”. Chiếc lược là sự kết tinh của tình phụ tử thiêng liêng, của bao nỗi nhớ, yêu thương nồng nàn ông Sáu dành cho đứa con gái duy nhất, nên thấm đẫm trong nó là tình cảm chân thành, sâu sắc, cao cả và tình người rực sáng giữa chiến trường đau thương, tàn khốc. Điều đó cho thấy, ông Sáu cũng như hàng triệu chiến sĩ, đồng bào ta hi sinh chiến đấu vì đất nước và dân tộc, vì hạnh phúc gia đình, vì tình vợ chồng, tình cha con.

- Nhưng rồi trong một trận càn, ông Sáu đã bị thương nặng, khó qua khỏi, và ông cũng biết rõ điều này. Thật cảm động thay chi tiết ông Sáu đưa tay vào túi, móc cây lược ra và trao lại cho bác Ba trong những giờ phút cuối cùng của mình, chỉ đến khi bác Ba khẽ nói rằng bác sẽ mang chiếc lược ngà về trao tận tay bé Thu, “ông Sáu mới nhắm mắt đi xuôi”. Cũng từ hình ảnh này, nhà văn đã khẳng định: Bom đạn và chiến tranh có thể hủy diệt được sự sống, nhưng tình cha con – tình phụ tử thiêng liêng không gì có thể giết chết được. Ông Sáu dường như đã trao lại lời trăn trối cuối cùng, tuy ông chỉ “nhìn bác Ba một hồi lâu” mà không nói thành lời, nhưng nó rõ ràng, nó thiêng liêng hơn mọi lời di chúc, đó là sự ủy thác, lòng tin dành cho người bạn thân nhất của mình, và bắt đầu từ giây phút đó, cây lược của tình phụ tử đã biến người đồng đội của ông Sáu thành một người cha thứ hai của bé Thu.

- Thứ mà truyện ngắn mang đến cho ta không đơn thuần là tình cảm gia đình nồng thắm mà còn là sự rung động của con tim, cái “tình người” đã tỏa rạng rực rỡ giữa gam màu u ám của chiến tranh, nó như một ngọn lửa sưởi ấm con người, khiến họ thêm vững tin vào tình cảm chân thành, cao quý của đồng bào đối với nhau.

**3. Kết bài**

Nguyễn Quang Sáng đã ghi lại dấu ấn khó phai trong lòng các bạn đọc với “Chiếc lược ngà” bằng cốt truyện chặt chẽ, cách lựa chọn tình huống bất ngờ mà tự nhiên, hợp lý cùng sự am hiểu, miêu tả chân thật tâm lý nhân vật, đặc biệt là tâm lý trẻ nhỏ, qua việc làm nổi rõ tính cách của bé Thu – một cô bé cứng cỏi, ương ngạnh nhưng vẫn nhìn thấy trong nó sự hồn nhiên, ngây thơ như bao đứa trẻ khác, bé Thu có tình cảm dành cho cha sâu, sắc, mạnh mẽ, nhưng cũng thật dứt khoát, rạch ròi. Điều này chứng tỏ nhà văn rất thấu hiểu tâm lý, tính cách trẻ thơ, thể hiện tình cảm yêu quý, trân trọng của ông dành cho các em nhỏ. Ngoài ra cách lựa chọn ngôi kể cũng là một yếu tố góp phần vào sự thành công của của truyện, việc lựa chọn nhân vật kể truyện – bác Ba – làm cho câu truyện đảm bảo tính khách quan, đáng tin cậy và hoàn toàn chủ động nhịp kể, dẵn dắt nội dung truyện theo dòng cảm xúc của nhân vật.

**BÀI THAM KHẢO 2:**

**1. Mở bài**

Truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng là tiêu biểu của tình cha con nồng nàn bất diệt, đồng thời cũng là một lời tố cáo, lên án tội ác, những đau thương, mất mát mà chiến tranh đã gây ra cho biết bao gia đình. Nó khiến ta thêm trân trọng và quyết tâm giữ gìn những tháng ngày hạnh phúc, độc lập của dân tộc mình; nhắc nhở mọi người tình cảm gia đình quý giá không dễ gì mà có được. Sau khi đọc xong câu truyện, chúng ta bỗng muốn ôm chầm lấy người đàn ông mà suốt cả cuộc đời dãi nắng dầm sương, luôn làm tất cả vì con. Truyện ngắn đã làm thức tỉnh trái tim những ai luôn hời hợt với cha mình, nhắc nhở mỗi người con về sự hiếu thảo đối với cha.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Truyện "Chiếc lược ngà" (Nguyễn Quang Sáng) được viết trong cuộc kháng chiến chống Mĩ nhưng chủ yếu tập trung nói về tình người trong cảnh ngộ éo le của chiến tranh. Đoạn trích "Chiếc lược ngà" (Sgk Văn 9, tập I) thể hiện tình cha con thắm thiết, sâu nặng của ông Sáu và bé Thu. Ông Sáu về thăm nhà sau bao năm ở chiến khu với cái tình của người cha nôn nao, cháy bỏng khát khao được gặp con. Nhưng ngay từ giây phút đầu, điều mà ông bấy lâu mong đợi được nghe con gái gọi tiếng "Ba !" không được đền đáp. Đứa trẻ hoàn toàn ngơ ngác, lạnh lùng, đối xử với ông như người xa lạ. Với lòng mong nhớ con, ông càng đón chờ tình cảm của con, nó càng cố tình cự nự. Điều đó, khiến ông đau đớn "hai tay buông xuống như bị gãy". Có những tình huống, tưởng chừng thế nào nó cũng chịu thua, không ương ngạnh được nữa, phải gọi tiếng "Ba". Nhưng nó vẫn không chịu cất tiếng "Ba" mà ông Sáu chờ đợi. Hành động trẻ con, nói năng cộc lốc, ngang ngạnh của Thu dành cho Ba khiến ông Sáu, bạn ông Sáu và cả người đọc đau lòng và suy nghĩ. Khi có gia đình, hạnh phúc được làm cha, tiếng gọi "Ba" của đứa con gái yêu chưa dành cho ông khiến ông "khổ tâm đến nỗi không khác được, chỉ biết nhìn con vừa khẽ lắc đầu vừa cười".

- Phản ứng tâm lí của Thu là hoàn toàn tự nhiên. Thu còn quá bé để có thể hiểu tình thế éo le xảy ra trong chiến tranh. Bản thân người lớn cũng chưa ai chuẩn bị cho Thu ứng phó với bất thường. Điều đó, người đọc cảm được tình cảm chân thật, sâu sắc, mãnh liệt Thu dành cho ba - người mà Thu biết trên ảnh, người cha được cô bé ghi sâu trong lòng từ tấm ảnh, không phải người đàn ông xưng là "ba". Đến khi được bà ngoại tháo gỡ thắc mắc trong lòng, về lai lịch vết thẹo, Thu vỡ lẽ đó thực là ba mình. Trăn trở dằn vặt, cùng tình yêu, khát khao bấy lâu mong gặp mặt cha dồn nén, bùng nổ dữ dội, quyết liệt vào giờ phút trước khi người cha lên đường. Tiếng "Ba... a... a... ba !" vỡ ra từ sâu thẳm lòng cô bé.

- Tiếng kêu mà ba nó chờ đợi bao năm ròng. Tiếng kêu làm nhói tim mọi người. Ông Sáu sung sướng, hạnh phúc nghẹn lời, không cầm được nước mắt. Thu vồ vập, cuống quít, níu giữ cha, níu giữ yêu thương bấy lâu nó mong đợi. "Nó hôn ba nó cùng khắp. Nó hôn tóc, hôn cổ, hôn vai và hôn cả vết thẹo dài bên má của ba nó nữa", "hai tay nó xiết chặt lấy cổ, chắc nó nghĩ hai tay không thể giữ được ba nó, nó dang cả hai chân rồi câu chặt lấy ba nó, và đôi vai nhỏ bé của nó run run".

- Đối với người cha, đó là tiếng "ba" đầu tiên và cũng là tiếng yêu thương cuối cùng ông được nghe từ con ! Ở chiến khu, ông cố gắng hết sức, thận trọng, tỉ mỉ làm cho con chiếc lược ngà. Ông đặt vào đấy tất cả tình cảm cha con. Chiếc lược trở thành vật thiêng, an ủi ông "gỡ rối phần nào tâm trạng", nuôi dưỡng tình cha con. Ông thường xuyên "lấy cây lược ra ngắm nghía rồi mài lên tóc cho cây lược thêm bóng, thêm mượt". Lòng yêu con đã biến người chiến sĩ thành một nghệ nhân - nghệ nhân chỉ sáng tạo ra một tác phẩm duy nhất trong đời. Trước khi nhắm mắt xuôi tay, ông Sáu vẫn nhớ chiếc lược, nhờ bạn chuyển lại cho con - cử chỉ chuyển giao đó là một ước nguyện giữ gìn muôn đời tình cảm cha con, ruột thịt.

**3. Kết bài**

Truyện "Chiếc lược ngà" đã diễn tả một cách cảm động tình cha con thắm thiết, sâu nặng của cha con ông Sáu trong hoàn cảnh éo le của chiến tranh. Hình ảnh cây lược được gắn vào đó một trái tim thổn thức tình ruột thịt, khẳng định giá trị nhân bản sâu sắc, cao đẹp thiêng liêng !

**BÀI THAM KHẢO 3:**

**1. Mở bài**

Trong mỗi chúng ta, ai mà chẳng được sống trong những giây phút xúc động của tình cảm gia đình. Đến với văn học ta càng cảm nhận rõ nét hơn sự rung cảm đến tột cùng đó. Nếu đến với " Bếp lửa" của Bằng Việt ta được sống lại cuộc sống êm đềm bên người bà... Đến với " Tắt đèn" của Ngô Tất Tố ta được chìm ngập trong tình mẹ con sâu nặng...Thì đến với tác phẩm " Chiếc lược ngà" của Nguyễn Quang Sáng đã thể hiện thật cảm động tình cảm cha con của ông Sáu và bé Thu.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Tác phẩm *Chiếc lược ngà*  được Nguyễn Quang Sáng viết năm 1966, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ đang rất ác liệt. Truyện kể về tình cảnh éo le của cha con ông Sáu để từ đó khẳng định rằng: Chiến tranh có thể cướp đi tất cả, thậm chí là cả mạng sống của con người nhưng tình cảm gia đình thì không gì có thể giết chết được.

**- Hoàn cảnh của cha con ông Sáu**

- Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến, mãi đến khi con gái ông lên tám tuổi, ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Bé Thu không chịu nhận cha vì vết theo trên mặt làm ba em không giống với người chụp chung với má trong bức ảnh mà em đã biết.

- Thu đối xử với ba như người xa lạ, đến lúc hiệu ra, tình cảm cha con thức dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải lên đường.

- Ở khu căn cứ, bao nỗi nhớ thương con sông dồn vào việc làm cho con cây lược. Ông hi sinh trong một trận càn của Mỹ nguy. Trước lúc nhắm mắt, ông còn kịp trao cây lược cho một người bạn.

**b. Phân tích truyện**

- Dưới cây bút tài ba của nhà văn ta được đến với những tình huống vô cùng độc đáo và bất ngờ, qua đó càng nhấn mạnh tình cảm cha con sâu sắc cao đẹp trong cảnh ngộ éo le. Cái cảnh ngộ đã làm bé Thu và ông Sáu trở nên xa cách và lạnh lùng. Sau tám năm xa cách gia đình, vợ con để đi chiến đấu lúc nào ông Sáu cũng nuôi trong mình hy vọng là được về thăm nhà. Thế rồi cái ước mơ đó đã trở thành hiện thực, ông được về thăm nhà, thăm vợ con. Lúc về đến nhà ông vô cùng hồi hộp được nhìn thấy đứa con sau bao năm xa cách, nhưng ông càng hy vọng bao nhiêu thì càng thất vọng bấy nhiêu. Bé Thu - con gái ông đã không nhận ra cha bởi vì cái vết thẹo dài trên má. Đã làm cho ông Sáu đau lòng nhưng ông vẫn yêu thương con bằng tất cả tấm lòng. Chỉ vì cái vết thẹo mà chiến tranh tàn khốc đã gây nên đã tạo ra những bi kịch đáng buồn, là bức rào ngăn cản cha con.

- Đọc tác phẩm, ta thấy trong mình sục sôi sự căm ghét chiến tranh, không những gây nên sự hy sinh đau khổ mà còn gây lên những trớ trêu mà ngay cả những đứa trẻ thơ ngây, hồn nhiên cũng phải gánh chịu. Hành động chạy vụt đi của bé Thu khi ấy cũng chỉ là xuất phát từ tình yêu mà bé dành cho cha, vì người cha trước mặt không giống với người cha trong ảnh mà mẹ đã chỉ. Bé cũng chỉ là nạn nhân của chiến tranh, không được sống gần gũi, yêu thương của cha mà phải xa cha từ nhỏ. Nhưng vết thẹo dài trên mặt ấy chỉ là bức cản tạm thời, nó đã không che lấp được tình cha con. Tình cha con sâu nặng đã vượt lên trên tất cả sự đau thương mất mát để được bên nhau. Tuy chỉ là nhưng giây phút ngắn ngủi nhưng chứa đựng là những kỷ niệm khó quên trong tâm hồn bé Thu và ông Sáu.

- Mà có lẽ, ta không thể không xúc động trước tình cảm yêu thương tha thiết của ông Sáu dành cho đứa con gái.Ôi ! ta phải thốt lên trước những hành động suy nghĩ của ông Sáu khi ở căn cứ. Vì nỗi nhớ thương con da diết đã khiến ông dồn hết tâm trí và sức lực những lúc dỗi dãi ông chau chuốt làm cho con một chiếc lược thật đẹp bằng ngà voi. Cái hình ảnh ấy cứ thấp thoáng đâu đây: " Anh cưa từng chiếc răng lược, thận trọng, tỉ mỉ và cố công như người thợ bạc".

- Chiếc lược đã trở thành vật thiêng liêng quý giá chứa đựng bao nỗi nhớ thương yêu con của ông Sáu. Ông đã từng tưởng tượng cái giây phút hạnh phúc khi được tận tay trao chiếc lược cho con nhưng tất cả đã trở thành kỷ niệm, ông Sáu đã hy sinh. Một lần nữa người đọc lại thấm thía về sự mất mát hy sinh của chiến tranh.

**3. Kết bài**

Khi đọc tác phẩm " Chiếc lược ngà" với cốt truyện chặt chẽ, bất ngờ đã đưa người đọc đến với tình cảm cha con sâu nặng nhưng vô cùng éo le trong cảnh ngộ chiến tranh. Qua đó Nguyễn Quang Sáng muốn gửi đến bạn đọc rằng : tình cảm cha con là một tình cảm vô cùng thiêng liêng và cao quý đối với mỗi chúng ta. Vậy nên chúng ta hãy biết trân trọng tình cảm và quý mến tình cảm ấy.

**===============================================================**

**ĐỀ 64: MƯỢN LỜI BÉ THU KỂ LẠI TRUYỆN NGẮN “CHIẾC LƯỢC NGÀ” CỦA NHÀ VĂN NGUYỄN QUANG SÁNG.**

**1. Mở bài**

Mỗi lần ngắm nhìn cây lược lòng tôi lại bồi hồi xúc động về những ký ức và kỷ niệm về người bạn thân yêu luôn hiện hữu trong trái tim tôi. Nhớ đến ba tôi không nguôi nỗi đau day dứt và ân hận.

**2. Thân bài**

  Ngày ấy khi tôi còn là một cô bé 8 tuổi, ba tôi đi kháng chiến có dịp về thăm nhà, tôi chỉ biết mặt ba qua tấm ảnh ba chụp với má hồi ba và má mới cưới nhau. Khi tôi lên 1 tuổi, ba tôi đã phải tạm biệt gia đình đi chiến đấu đến tận lúc 8 tuổi ba tôi mới được trở về, Tôi đang thơ thẩn chơi ở nhà chòi thì bỗng có tiếng gọi to:

  “Thu con!”

 Tôi giật mình quay lại dưới kênh có chiếc xuồng đang gần cập bờ. Tiếng gọi cất lên từ một người đàn ông mặc quân phục, tôi ngơ ngác không hiểu vì sao người đó lại người biết tên tôi, người đó nhảy phốc lên bờ tiến lại rất nhanh về phía tôi rồi kêu lên: “ Thu con!”. Tôi sợ hãi vội chạy về nhà gọi má, các bạn biết đấy tôi chỉ biết mặt ba qua tấm ảnh, khi mà ba tôi trong tấm hình kia còn rất trẻ trên mặt cũng không có vết thẹo dài nên tôi không nhận ra ba, điều khiến tôi day dứt và ân hận là mặc dù được má và các bác các ba đồng đội của ba đã giải thích rằng đó là ba tôi, tôi vẫn cương quyết không nghe, thậm chí tôi lạnh lùng đến nỗi chỉ nói trống không với ba. Mặc dù suốt ba ngày nghỉ phép 3 tôi dành hết thời gian để vỗ về tôi, với mong muốn tôi sẽ gọi một tiếng Ba. Trong tâm thức của một đứa trẻ lên 8, tôi nghĩ rằng người xuất hiện trước mặt tôi phải là người trong tấm ảnh, vì tôi chưa hiểu và cũng không thể hình dung được sự khốc liệt của chiến tranh đã khiến Ba tôi già đi. Thế rồi vào bữa cơm trưa hôm đó khi đang được ba gắp cho miếng trứng cá, tôi đã hất tung bị ba phát cho một cái, tôi giận dỗi bỏ sang nhà ngoại. Ngoại luôn là người gần gũi, yêu thương tôi nhìn thái độ của bà ngoại đoán được tình hình rồi nhẹ nhàng: “ Ba con sao con không nhận ?” tôi hét toáng lên: “Không phải ba con, ba con không có vết thẹo dài trên mặt như thế, cũng không già như thế!”

 Tôi nói hết suy nghĩ của mình,Ngoại nghe xong kéo tôi vào lòng và thủ thì, giải thích cho tôi vì sao ba già đi, vì sao mặt ba có vết thẹo tôi dần dần hiểu ra, phải rồi nếu không phải là ba thì tại sao lại quan tâm đến tôi như vậy. Tôi vẫn nhớ mãi ánh mắt đượm buồn như sắp khóc của ba khi bị tôi cự tuyệt.

 Tối hôm đó, tôi ngủ ở nhà ngoại, tôi trằn trọc, tôi hối hận vô cùng vì ngoài ba tôi yêu thương tôi, mong chờ đến ngày gặp tôi, nhưng tôi không nhận, lúc này tôi chỉ mong trời mau sáng, để được về nói với ba lời xin lỗi muộn màng. Sáng hôm sau, khi được ngoại đưa về nhà, nhà tôi đông lắm vì mọi người sang để tiến ba lên đường, trở lại chiến trường, ngoại đi ra tiếp nước cùng với má, tôi đứng dậy nép ở góc tường muốn chạy lên ôm chầm lấy ba nhưng sợ bị ba còn giận. Đến khi ba tiến lại gần tôi khẽ nói: *“ Thôi ba đi nghe con!”* thì tôi không thể kìm lòng được nữa nhanh như một con sóc tôi chạy tới ôm chầm lấy cổ ba và gọi tiếng Ba mà bấy lâu nay tôi hằng khao khát, ba ôm chặt lấy tôi chưa bao giờ tôi lại được cảm giác tình yêu của ba dành cho tôi lớn lao đến như vậy. Tôi hôn ba, hôn cả vết thẹo dài trên má của Ba tôi, tôi không cảm thấy sợ nó như trước nữa. Bàn tay nhỏ xíu của tôi đặt lên vết sẹo xoa nhẹ để ba đỡ đau vì tôi sợ vết thẹo như thế sẽ làm ba đau lắm. Tôi dùng hai chân quắp chặt lấy ba và luôn miệng kêu không cho ba đi, mọi người, bà ngoại khuyên nhủ tôi, để ba đi khi nào về ba sẽ mua cây lược ngà, ba vuốt tóc tôi, thì thầm vào tai tôi: “Ba đi rồi ba sẽ về”. Tôi mếu máo, từ từ tụt xuống và sau cái ngày ba tôi lên đường, tôi luôn sống trong những tháng ngày chờ đợi, lời hứa ba sẽ về luôn văng vẳng bên tai tôi, nhưng chiến tranh thật là khốc liệt, tôi không thể ngờ lần gặp gỡ đó lại là lần gặp cuối cùng của cha con tôi, sau này nghe bác Ba kể lại ba đã cất công tìm làm cái lược ngà ra sao càng khiến tôi thương ba nhiều hơn, ngay cả khi bị trúng đạn. Tưởng như không đủ sức trăn trối điều gì Ba vẫn lấy cây lược để trao cho bác Ba chỉ khi bác mang cây lược về cho tôi ba mới nhắm mắt đi xuôi.

**3. Kết bài**

  Câu chuyện cách đây hơn 50 năm nhưng với tôi cứ ngỡ mới hôm qua, chiến tranh đã kết thúc tôi cũng bước tiếp con đường của ba đang đi dang dở và hoàn thành trách nhiệm của mình với đất nước và điều giúp tôi vượt qua những khó khăn, gian khổ là nhờ có tình yêu thương của ba. Mỗi lần nhớ ba tôi lại mang chiếc lược ra ngắm, cho dù cha con tôi âm dương cách biệt. Nhưng tôi nhận ra rằng không điều gì có thể chia cắt được tình phụ tử.

**==========================================================**

**CHUYÊN ĐỀ 4 : VĂN HỌC SAU GIẢI PHÓNG**

**Bài 6: MÙA XUÂN NHO NHỎ**

*(Thanh Hải)*

**ĐỀ 65: CẢM NHẬN VỀ ƯỚC NGUYỆN CỦA NHÀ THƠ THANH HẢI QUA BA ĐOẠN THƠ SAU:**

*« Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc*

*Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời*

*Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng.*

*Mùa xuân người cầmsúng*

*Lộc giắt đầy trên lưng*

*Mùa xuân người ra đồng*

*Lộc trải dài nương mạ*

*Tất cả như hối hả*

*Tất cả như xôn xao…*

*Đất nước bốn ngàn năm*

*Vất vả và gian lao*

*Đất nước như vì sao*

*Cứ đi lên phía trước”*

*(Trích Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải, Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục )*

**I. Mở bài:**

**Cách 1**: Thanh Hải là nhà thơ tiêu biểu trong nền thơ ca hiện đại Việt Nam. Là con người tài hoa, giàu sức sống nghệ thuật và lắng nghe được âm thanh của cuộc sống, ngay cả những phút giây cận kề với cái chết Thanh Hải vẫn lạc quan khao khát sống, được cống hiến cho đời. Ước nguyện ấy được gói gém trong một bài thơ nhỏ xinh “ Mùa xuân nho nhỏ”. Bài thơ được xem như lời tâm nguyện thiết tha đáng trân trọng mà nhà thơ Thanh Hải để lại cho đời trước lúc đi xa. Tiếng lòng tha thiết, yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời được thể hiện rõ nhất qua ba khổ thơ đầu.

**Cách 2:** Mùa xuân từ lâu đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận, là nơi hội tụ bàn tay nghệ sĩ tài hoa. Thanh Hải - Nhà thơ của xứ Huế cũng góp vào vờn thơ xuân ấy một bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” . Bài thơ là tiếng lòng thiết tha, yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời thể hiện ước nguyện của nhà thơ được cống hiến cho đất nước. Tiếng lòng ấy được thể hiện xuyên suốt bài thơ, đặc biệt rõ nhất qua 3 khổ thơ đầu.

**B. Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” được nhà thơ Thanh Hải sáng tác tháng 11/1980, năm năm sau ngày đất nước ta giành được độc lập. Viết ở giữa mùa đông giá rét của xứ Huế. Khi đó đất nước ta vừa trải qua hai cuộc kháng chiến trường kì, kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, phải đối mặt với vô vàn những khó khăn, thách thức. Và đây cũng là một hoàn cảnh rất đặc biệt đối với nhà thơ Thanh Hải. Cá nhân nhà thơ Thanh Hải lúc này đang bị bệnh nặng phải điều trị ở bệnh viện trung ương thành phố Huế, và một tháng sau ông qua đời. Đối lập giữa ranh giới sự sống và cái chết nhưng không làm trái tim nhà thơ nguội lạnh. Ngược lại tâm hồn thi nhân lại nảy nở, bừng sức sống để cảm nhận ấm áp về một mùa xuân nồng ấm tình người.

=> Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh đặc biệt như vậy nhưng bài thơ vẫn tràn đầy niềm lạc quan, niềm tin yêu vào cuộc sống. Đó là điều đáng quý, đáng trân trọng ở nhà thơ Thanh Hải.

**- Chủ đề**: Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp mùa xuân thiên nhiên, đất nước, con người và khát vọng cống hiến của nhà thơ.

**- Vị trí khổ thơ**: Ba khổ thơ trên thuộc phần đầu của bài thơ, ca ngợi vẻ đẹp của thiên nhiên đất trời và cảm xúc về mùa xuân đất nước.

**2. Phân tích đoạn thơ**

**\* Dẫn dắt:** Mùa xuân là mùa khởi đầu cho một năm mới, là mùa muôn hoa đua nở đem đến hương sắc, vị ngọt của tình yêu, sức sống, hạnh phúc. Trước vẻ đẹp diệu kì của mùa xuân được các thi nhân cảm nhận bằng tâm hồn trìu mến, thân thương, mùa xuân hiện ra với muôn vàn sắc màu rực rỡ.

- Nhà thơ Nguyễn Trãi từng viết về mùa xuân với những xúc cảm:

“*Cỏ xanh như khói bến xuân tươi*

*Lại có mưa xuân nước vỗ trời”*

- Vũ điệu mùa xuân đã rót vào tâm hồn nhà thơ Thanh Hải niềm cảm xúc dâng tràn. Thật đơn sơ, lặng lẽ mà mùa xuân vẫn hiện về tràn đầy sức sống trào dâng.

**a. Khổ 1 - Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân của thiên nhiên**

- Mở đầu bài thơ là bức tranh thiên nhiên mùa xuân trong “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải được mở ra bằng những hình ảnh, màu sắc, âm thanh hài hòa, tràn đầy sức sống của xứ Huế mộng mơ:

*“Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc”*

- Giản dị mà ấm áp nhà thơ nhà thơ Thanh Hải đã chọn cho mình bức tranh mùa xuân với gam màu ấm áp mà dịu dàng trang nhã.

- Chỉ bằng vài chi tiết nhưng nhà thơ Thanh Hải đã vẽ lên trước mắt người đọc một bức tranh mùa xuân bằng tâm hồn nghệ sĩ với đầy đủ màu sắc, âm thanh, đường nét. Với một dòng song xanh hiền hòa mênh mang, tác giả không nói rõ là dòng song nào nhưng người đọc dễ dàng nhận ra đây là dòng sông Hương của xứ Huế mộng mơ.

- Trên gam màu xanh của dòng sông ấy nổi bật là hình ảnh *“bông hoa tím biếc”.* Bông hoa ấy “mọc” từ giữa dòng sông như tâm điểm của bức tranh đầy ấn tượng. Bông hoa ấy như phát sinh như khởi nguồn từ cái sức sống dồi dào bất tận của dòng sông xanh để không ngừng vươn lên bất tử. Như vậy sự kết hợp hài hòa giữa hai gam màu xanh của dòng sông, sắc tím biếc của bông hoa đã gợi lên một bức tranh dịu dàng tươi tắn mang đậm hương sắc của xứ Huế thân thương.

- Động từ “mọc” được đảo lên đầu câu thơ như một lời báo hiệu, nhấn mạnh sự trỗi dậy của một bông hoa giữa bốn bề sông nước, tác giả tô đậm hình ảnh bông hoa tím bé nhỏ mà tràn đầy sức sống mãnh liệt, vươn lên sự sống có phần khắc nghiệt để hòa cùng vạn vật giữa sự bao la vô tận. Màu hoa tím biếc xuôi dòng Hương Giang xanh thẳm thật thơ mộng, quyến rũ đến lạ thường! Một màu tím đặc trưng của con người xứ Huế mộng mơ, trầm tư, cổ kính.

*\* Chuyển ý:* Bức tranh mùa xuân ấy không chỉ đẹp bởi màu sắc mà còn sinh động bởi âm thanh của tiếng chim chiền chiện hót líu lo. Âm thanh ấy vút cao, lảnh lót, trong trẻo, ngân vang như lan tỏa trong không gian làm cho không khí mùa xuân trở lên náo nức, rộn rang cũng như làm rung động tâm hồn nghệ sĩ.

*“Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời”*

- Mùa xuân không chỉ với sắc màu hài hòa mà bức tranh mùa xuân ấy bỗng nhộn nhịp hẳn lên với tiếng chim chiền chiện hót vang trời chào đón ngày mới. Không gian tươi vui ấy làm xao động tâm hồn thi nhân.

- Từ cảm thán “Ôi” được đặt lên đầu câu cùng với câu hỏi “ hót chi” tạo cảm giác thân thương, trìu mến của tác giả, đồng thời giúp ta cảm nhận được sự ngọt ngào thân thương của xứ Huế, như một nốt nhạc ngân vang trong bản trường ca vô tận, đồng thời thể hiện được cảm xúc say sưa, ngây ngất của tác giả trước mùa xuân thiên nhiên. Tiếng chim hót như rót vào tâm hồn nhà thơ một niềm rung cảm mãnh liệt, tiếng chim chiền chiện hót vang lừng trong trẻo như nốt nhạc rộn rã của mùa xuân.

=> Dòng sông êm trôi, bông hoa lững lờ, tiếng chim rộn rã… bức tranh mùa xuân xứ Huế bao giờ cũng đẹp, nhẹ nhàng, và mơ mộng như thế!

*\* Chuyển ý*: Thiên nhiên, nhất là mùa xuân vốn hào phóng, sẵn sàng trao tặng con người mọi vẻ đẹp nếu con người biết mở rộng tấm lòng. Thanh Hải đã thực sự đón nhận mùa xuân với tất cả sự tài hoa của ngòi bút, sự thăng hoa của tâm hồn. Nhà thơ lặng ngắm, lặng nghe bằng cả trái tim xao động, bằng trí tưởng tượng, liên tưởng độc đáo nhà thơ Thanh Hải như cảm nhận được hơi thở nồng ấm của mùa xuân, sắc xuân, tình xuân chan chứa:

*“Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng.”*

- Hình ảnh “giọt long lanh” gợi lên những liên tưởng phong phú và đầy thi vị. Có thể hiểu theo nhiều nét nghĩa: Có thể là giọt nắng bên thềm, giọt mưa xuân, giọt sương mùa xuân, hay cũng có thể là giọt nước mắt hạnh phúc của tác giả… Nhưng theo mạch cảm xúc của bài thơ “giọt long lanh” là giọt âm thanh của tiếng chim.

- Âm thanh mượt mà trong vắt của tiếng chim, thánh thót như chuỗi ngọc long lanh, đọng lại lên thành từng giọt và rơi xuống cõi lòng rộng mở của thi sĩ, thấm vào tâm hồn đang rạo rực tình xuân.

=> Phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác được Thanh Hải vận dụng một cách tài hoa, tinh tế qua trí tưởng tượng của nhà thơ. Từ một hình tượng, một sự vật được cảm nhận bằng âm thanh ( thính giác), tác giả đã chuyển đổi biến nó thành một thứ có thể nhìn thấy (bằng thị giác) bởi nó có hình khối, màu sắc. Rồi lại được cảm nhận nó bằng da thịt, sự tiếp xúc (xúc giác).

=> Sự chuyển đổi cảm giác ấy là một sáng tạo nghệ thuật qua bút pháp ẩn dụ. Cảm xúc ấy chỉ có thể có được ở một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế của một thi sĩ yêu đời.

- Động từ “hứng” thể hiện sự nâng niu trân trọng của nhà thơ vừa cho thấy cảm xúc của tác giả say sưa, ngây ngất trước cảnh đất trời vào xuân với cảm xúc say sưa, xốn xang, rạo rực. Nhà thơ như muốn ôm trọn vào lòng tất cả sức sống của mùa xuân, của cuộc đời.

- Đặt bài thơ vào hoàn cảnh nhà thơ Thanh Hải đang sống những ngày cuối cùng của cuộc đời những vần thơ của ông vẫn dào dạt, tràn đầy cảm xúc thiết tha yêu mến thiên nhiên, yêu mùa xuân, yêu cuộc đời.

- Đang sống giữa những ngày đông giá lạnh, đang phải đối mặt với bệnh tật, thậm chí phải đối diện với cả cái chết, vậy mà nhà thơ vẫn hướng đến mùa xuân tươi trẻ, tràn đầy sức sống, thể hiện một tâm hồn lạc quan yêu đời, một niềm khát khao cuộc sống vô bờ. Đọc những vầnthơ của ông, người đọc trân trọng hơn, yêu hơn một tâm hồn nghệ sĩ, một tìnhyêu quê hương, đất nước đến vô ngần.

**b. Cảm xúc trươc mùa xuân của đất nước**

**\*Khổ 2**

*\* Chuyển ý:* Trong vũ điệu của mùa xuân, ta không chỉ thấy được vẻ đẹp quyến rũ của mùa xuan thiên nhiên mà con người bắt gặp mùa xuân trẻ trung sôi nổi. Từ những cảm xúc trước mùa xuân của thiên nhiên, nhà thơ liên tưởng đến mùa xuân của con người, của đất nước với một sức sống vô tận:

*“Mùa xuân người cầm súng*

*Lộc giắt đầy trên lưng*

*Mùa xuân người ra đồng*

*Lộc trải dài nương mạ”*

- Điệp từ “mùa xuân” được tác giả đặt ở đầu hai câu thơ để nhấn mạnh đến mùa xuân của “người cầm súng” và “ người ra đồng”, biểu thị cho hai nhiệm vụ chính lúc bấy giờ là bảo vệ và xây dựng đất nước.

- Nét đặc sắc của bài thơ là sự sáng tạo ra hình ảnh “lộc”. Lộc có nghĩa là chồi non, lộc biếc, là sức sống trỗi dậy của mùa xuân.

- Với “người cầm súng” lộc là những vành ngụy trang che mắt quân thù, giắt trên lưng người lính, theo chân họ ra trận. Còn “lộc” với “ người ra đồng” lại là những nhành mạ non trải dài trên những cánh đồng tạo màu xanh ngút ngàn.

- Tuy nhiên “lộc” ở đây còn được hiểu theo nghĩa biểu tượng, đối với “người cầm súng” “lộc” là thành quả cách mạng là những chiến thắng mà những người chiến sĩ đã đem về để bảo vệ cuộc sống bình yên, hạnh phúc cho người dân. Còn “ với người ra đồng” “lộc” là những mùa màng bội thu, là những hạt gạo trắng ngần, là bát cơm dẻo thơm làm giàu cho đất nước.

- Điệp từ “ giắt đầy”, “ trải dài” gợi ra một không gian rộng lớn tràn ngập sắc xuân.

=> Bằng những hình ảnh sóng đôi nhịp nhàng, am hưởng câu thơ trở lên nhịp nhàng cân xứng đã vẽ lên mảng xanh niềm tin, hi vọng của đất nước đang lên người cầm súng và người ra đồng là những hình ảnh tiêu biểu cho những con người đóng góp cống hiến cả thân mình để làm lên mùa xuân cho mùa xuân tổ quốc.

*\* Chuyển ý*: Những người lao động với những chiến sĩ, họ đang mang mùa xuân của thiên nhiên, đất trời khi làm nhiệm vụ hay chính họ đã làm ra mùa xuân đất nước. Để rồi đất nước vào xuân với không khí vô cùng tưng bừng, náo nhiệt. Giai điệu rộn rã của mùa xuân, nhịp sống của con người như hối hả hơn, xôn xao hơn.

*“Tất cả như hồi hả*

*Tất cả như xôn xao”*

- Điệp từ “tất cả” xuất hiện liên tục nhấn mạnh đây là nhiệm vụ chung của tất cả mọi người chứ không của riêng ai. Lời thơ thể hiện niềm hân hoan, rung động trong tâm hồn thi sĩ.

- Từ láy “hối hả” gợi nhịp điệu khẩn trương, còn từ láy “xôn xao”, gợi sự tươi vui, nhiệt tình và trách nhiệm của những con người đang bắt tay vào công cuộc xây dựng CNXH.

=> Ý thơ khẳng định một điều: Không chỉ cá nhân nào vội vã mà cả đất nước đang hối hả, khẩn trương sản xuất và chiến đấu. Tất cả đều náo nức, rộn ràng trong mùa xuân tươi đẹp của thiên nhiên, của đất nước.

**\* Khổ 3:**

*\* Chuyển ý:*Sức sống của mùa xuân đất nước còn được cảm nhận qua nhịp điệu, qua những âm thanh xôn xao của đất nước bốn nghìn năm, trải qua bao vất vả gian lao để tiến lên phía trước và mỗi khi xuân về lại được tiếp thêm sức sống để bừng dạy. Xúc cảm trước vẻ đẹp của thiên nhiên đất nước khi bước vào mùa xuân, nhà thơ Thanh Hải đã có cái nhìn sâu sắc và tự hào về lịch sử bốn nghìn năm dân tộc:

*“Đất nước bốn ngàn năm*

*Vất vả và gian lao*

*Đất nước như vì sao*

*Cứ đi lên phía trước”*

- Trong giai điệu trầm lắng suy tư câu thơ đưa ta trở về với lịch sử *“Bốn nghìn năm”* là chặng đường lịch sử của dân tộc ta, trong chặng đường ấy đất nước đã trải qua bao thăng trầm “bao vất vả, gian lao” được chứng minh trong lịch sử dân tộc Việt Nam, đó là các cuộc xâm lược của kẻ thù, chúng nhiều lần muốn cướp nước ta, đàn áp nhân dân ta.Những vần thơ trầm lắng suy tư như gơi hắc về một thời đau thương mà anh dũng.

*\* Liên hệ mở rộng:* Nhà thơ Nguyễn Đình Thi từng viết về những khó khăn gian lao vất vả nhưng luôn giành chiến thắng, chính điều đó đã sản sinh ra những con người trưởng thành từ đất mẹ gian lao:

*“Đất nghèo nuôi dưỡng những anh hùng*

*Chìm trong máu chảy lại vùng đứng lên”*

*- “Bốn nghìn năm”* cũng là lời khẳng định sự trường tồn của đất nước ta, dù lúc thịnh, lúc suy, lúc thăng, lúc trầm, nhưng dân tộc Việt Nam vẫn sáng ngời, vẫn mạnh mẽ đi lên phía trước.

- Vì vậy tác giả đã nhân hóa đất nước “ vất vả và gian lao” cho thấy đất nước như một người mẹ tần tảo,vất vả sớm hôm, trĩu nặng gian lao, đã làm nổi bật sự trường tồn của đất nước. Để có được sự trường tồn ấy, giang sơn gấm vóc này đã thấm bao máu, mồ hôi và cả nước mắt của các thế hệ đi trước.

*“Sống vững chãi bốn nghìn năm sừng sững*

*Lưng đeo gươm tay mềm mại bút hoa”.*

 ( Huy Cận)

- Hình ảnh so sánh *“ Đất nước như vì sao”* là hình ảnh đẹp thể hiện sự tỏa sáng của dân tộc Việt Nam mãi như một vì sao sáng, qua đó thể hiện niềm tin, niềm tự hào dân tộc của tác giả.

Sao là nguồn sáng bất diệt của thiên hà, là vẻ đẹp lung linh của bầu trời đêm, là hiện thân của sự vĩnh hằng trong vũ trụ. So sánh như thế, là tác giả đã ngợi ca đất nước trường tồn, tráng lệ, đất nước đang hướng về một tương lai tươi sáng. Điệp ngữ “đất nước” được nhắc lại hai lần thể hiện sâu sắc ý thơ: trải qua những gian truân, vất vả, đất nước vẫn toả sáng đi lên không gì có thể ngăn cản được.

Với hình ảnh này ngôi sao đã trở thành biểu tượng đẹp, thiêng liêng trên lá cờ tổ quốc, ngôi sao trên mũ cối của lực lượng quốc phòng an ninh, biểu thị cho sự trường tồn vĩnh cửu của dân tộc.

- Ba động từ “cứ đi lên” đặt liên tiếp cạnh nhau vừa là hình ảnh nhân hóa vừa khẳng định tư thế vươn lên mạnh mẽ không ngừng của dân tộc Việt Nam, không có một thế lực nào, khó khăn nào có thể cản trở được tư thế ấy.

=> Khổ thơ trên ta cảm nhận được niềm tin, sự lạc quan phơi phới, niềm tự hào của tác giả vào tương lai của đất nước. Đặt bài thơ vào những năm 1980 khi đất nước ta phải đương đầu với bao khó khăn, thử thách, nền kinh tế như người bệnh trọng vừa mới hồi phục, nhưng nhà thơ Thanh Hải luôn đặt trọn niềm tin lớn lao vào đất nước. Qua đó ta càng thêm trân trọng lòng yêu đời, yêu cuộc sống và niềm tin của nhà thơ Thanh Hải vào quê hương, đất nước.

**3. Đánh giá**

Đoạn thơ trên viết theo thể thơ năm chữ mang âm hưởng của ca dao dân ca nhẹ nhàng, tha thiết, giàu hình ảnh đẹp, giản dị, gần gũi. Khổ thơ đã sử dụng thành công các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, nghệ thuật đảo ngữ cùng các từ ngữ, hình ảnh giàu giá trị gợi tả, hai khổ thơ đầu đã giúp người đọc cảm nhận được những cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân của thiên nhiên, của đất nước. Đó là niềm say sưa ngây ngất trước vẻ đẹp mộng mơ, dịu dàng của bức tranh thiên nhiên xứ Huế, là niềm tin, niềm vui, niềm tự hào khi đất n ước bước vào xuân. Và đằng sau những vần thơ ấy, ta nhận ra ở Thanh Hải là niềm yêu đời, yêu cuộc sống, là tình yêu tha thiết với thiên nhiên, với quê hương đất nước. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng biết bao.

**C. Kết bài**

Ba khổ thơ đầu bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” đã đem đến cho người đọc một cảm nhận rất riêng của mùa xuân xứ Huế, mùa xuân của thiên nhiên, của đất nước. Ba khổ thơ trên đã góp phần làm nên thành công của tác phẩm, làm lay động trái tim người đọc hôm nay và mai sau. Mỗi lần đọc bài thơ ta càng thêm trân trọng một tâm hồn yêu thiết tha quê hương, đất nước của nhà thơ. Với những giá trị ấy tên tuổi của nhà thơ Thanh Hải cùn

======================================================

**ĐỀ 66: CẢM NHẬN VỀ ƯỚC NGUYỆN CỦA NHÀ THƠ THANH HẢI QUA BA ĐOẠN THƠ SAU:**

*« Ta làm con chim hót  
Ta làm một cành hoa  
Ta nhập vào hòa ca  
Một nốt trầm xao xuyến.*

*Một mùa xuân nho nhỏ  
Lặng lẽ dâng cho đời  
Dù là tuổi hai mươi  
Dù là khi tóc bạc.*

*Mùa xuân ta xin hát*

*Khúc Nam ai, Nam bình*

*Nước non ngàn dặm mình*

*Nước non ngàn dặm tình*

*Nhịp phách tiền đất Huế »*

*(Trích Mùa xuân nho nhỏ - Thanh Hải, Ngữ văn 9, Tập hai, NXB Giáo dục )*

**I. Mở bài:**

**Cách 1**: Thanh Hải là nhà thơ tiêu biểu trong nền thơ ca hiện đại Việt Nam. Là con người tài hoa, giàu sức sống nghệ thuật và lắng nghe được âm thanh của cuộc sống, ngay cả những phút giây cận kề với cái chết Thanh Hải vẫn lạc quan khao khát sống, được cống hiến cho đời. Ước nguyện ấy được gói gém trong một bài thơ nhỏ xinh “ Mùa xuân nho nhỏ”. Bài thơ được xem như lời tâm nguyện thiết tha đáng trân trọng mà nhà thơ Thanh Hải để lại cho đời trước lúc đi xa. Tiếng lòng tha thiết, yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời được thể hiện rõ nhất qua ba khổ thơ cuối.

**Cách 2:** Mùa xuân từ lâu đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận, là nơi hội tụ bàn tay nghệ sĩ tài hoa. Thanh Hải - Nhà thơ của xứ Huế cũng góp vào vờn thơ xuân ấy một bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” . Bài thơ là tiếng lòng thiết tha, yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời thể hiện ước nguyện của nhà thơ được cống hiến cho đất nước. Tiếng lòng ấy được thể hiện xuyên suốt bài thơ, đặc biệt rõ nhất qua 3 khổ thơ cuối.

**II.Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” được nhà thơ Thanh Hải sáng tác tháng 11/1980, năm năm sau ngày đất nước ta giành được độc lập. Khi đó đất nước ta vừa trải qua hai cuộc kháng chiến trường kì, kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, phải đối mặt với vô vàn những khó khăn, thách thức. Và đây cũng là một hoàn cảnh rất đặc biệt đối với nhà thơ Thanh Hải. Cá nhân nhà thơ Thanh Hải lúc này đang bị bệnh nặng phải điều trị ở bệnh viện trung ương thành phố Huế, và một tháng sau ông qua đời.

=> Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh đặc biệt như vậy nhưng bài thơ vẫn tràn đầy niềm lạc quan, niềm tin yêu vào cuộc sống. Đó là điều đáng quý, đáng trân trọng ở nhà thơ Thanh Hải.

**- Chủ đề**: Bài thơ ca ngợi vẻ đẹp mùa xuân thiên nhiên, đất nước, con người và khát vọng cống hiến của nhà thơ.

**- Vị trí khổ thơ**: Ba khổ thơ trên thuộc phần cuối của bài thơ, thể hiện chân thành ước nguyện được hiến dâng và lời ngợi ca quê hương xứ Huế.

**2. Phân tích thơ**

**a. Tóm tắt nội dung 3 khổ thơ đầu**

Nếu như 3 khổ thơ đầu, nhà thơ tái hiện một bức tranh thiên nhiên của mùa xuân, của thiên nhiên đát trời rộn ràng tràn đầy sức sống. Đó là niềm say sưa ngây ngất trước vẻ đẹp mộng mơ, dịu dàng của bức tranh thiên nhiên xứ Huế, là niềm tin, niềm vui, niềm tự hào khi đất nước bước vào xuân. Và đằng sau những vần thơ ấy, ta nhận ra ở Thanh Hải là niềm yêu đời, yêu cuộc sống, là tình yêu tha thiết với thiên nhiên, với quê hương đất nước. Đến với ba khổ thơ sau nhà thơ Thanh Hải muốn được làm “Mùa xuân nho nhỏ” để hòa nhập với mùa xuân lớn của dân tộc.

**b. Ước nguyện của nhà thơ**

*\* Chuyển ý:* Từ những cảm xúc về mùa xuân, tác giả đã chuyển mạch thơ một cách tự nhiên sang bày tỏ những suy ngẫm và tâm niệm của mình về lẽ sống,về ý nghĩa giá trị của cuộc đời mỗi con người. Trong cảm xúc về mùa xuân đang dâng tràn nhà thơ muốn hóa thân:

*“ Ta làmcon chim hót*

*Ta làm một cành hoa*

*Ta nhập vào hoà ca*

*Một nốt trầm xao xuyến”.*

- Cái giai điệu nhẹ nhàng, du dương, êm ái, ngọt ngào của những thanh bằng liên tiếp yheer hiện một sự hóa thân kì diệu của tác giả. Ta thấy lời thơ cất lên ngân vang như một lời ca. Khổ thơ có sự chuyển đổi đại từ nhân xưng. Nếu như ở khổ đầu tác giả xưng tôi là để bộc lộ cảm xúc say sưa, ngây ngất của riêng mình trước cảnh mùa xuân thiên nhiên đất trời thì đến khổ thơ này nhà thơ đã chuyển thành đại từ “ta” để nói lên khát vọng hòa nhập không chỉ của riêng mình mà là của tất cả mọi người, để được hòa nhập vào mùa xuân đất nước.

- Khát vọng của tác giả *“muốn làm con chim hót”* để góp âm thanh rộn ràng cho mùa xuân, muốn làm “ một cành hoa” để tỏa hương sắc nồng nàn dâng hiến cho đời. Và trong bản hòa ca bất tận nhà thơ chỉ xin làm “một nốt trầm” nốt nhạc ghi âm thấp để tạo ra sự lắng đọng làm xao xuyến lòng người.

=> Đó là ước vọng nhỏ bé không cao siêu vĩ đại nhưng rất chân thành tha thiết. Nhỏ bé nhưng lại là những gì tinh túy nhất của cuộc sống mà tác giả muốn dành cho, muốn dâng hiến cho đất nước, dân tộc. Nhà thơ cũng có ước nguyện sống là phải cho, phải cống hiến. Đó là quan niệm sống đẹp. Say trong vũ khúc mùa xuân, khúc nhạc long Thanh Hải cứ ngân vang mãi như cây đàn muôn điệu

- Hình ảnh thơ tự nhiên giọng thơ nhẹ nhàng êm ái của những thanh bằng liên tiếp làm cho ước nguyện của tác giả trở lên rất chân thành và tự nhiên.

- Điệp từ “ ta làm” được đặt ở đầu hai câu thơ để nhấn mạnh như một lời khẳng định, như một lời thiết tha muốn làm cái gì đó cho đời. Ước nguyện đó đã được đẩy lên thành một lẽ sống cao đẹp không chỉ cho riêng nhà thơ mà còn cho tất cả mọi người trong thời đại của chúng ta. Trong bài “Một khúc ca xuân” Tố Hữu từng viết:

*“Nếu là con chim chiếc lá*

*Con chim phải hót, chiếc lá phải xanh*

*Lẽ nào vay mà không trả*

*Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”*

=> Đọc đoạn thơ, ta mới cảm nhận được tình yêu thiên nhiên, cuộc sống và khát vọng cháy bỏng cống hiến cho đời của nhà thơ.Nhà thơ muốn cống hiến một cách âm thầm lặng lẽ, muốn đem tài năng sức lực của mình để đóng góp cho sự nghiệp xây dựng hòa bình, đổi mới đất nước.

**\* Khổ 5:**

*\* Chuyển ý:* Từ khát vọng nhà thơ muốn nâng lên thành khát vọng dâng hiến cho đời. Lẽ sống đó của Thanh Hải còn được thể hiện trong những vần thơ sâu lắng, tất cả như lắng lại trong tâm hồn nhà thơ như một niềm cảm xúc:

*“ Một mùa xuân nhỏ*

*Lặng lẽ dâng cho đời*

*Dù là tuổi hai mươi*

*Dù là khi tóc bạc.”*

- Mùa xuân là khái niệm trừu tượng chỉ thời gian, còn “*Mùa xuân nho nhỏ”* là một hình ảnh đầy sáng tạo của nhà thơ Thanh Hải chỉ ước nguyện sống đẹp, sống có ích cho đời nhưng rất khiêm nhường, chỉ làm một *“mùa xuân nho nhỏ”* để tô điểm hương sắc cho mùa xuân chung của đất nước.

- Động từ “dâng” đã thể hiện thái độ thành kính nâng niu, trân trọng của nhà thơ đối với đất nước.

- Phép đảo ngữ “lặng lẽ” đứng đầu câu thơ đã nhấn mạnh khát vọng cống hiến chân thành của nhà thơ không ồn ào, không phô trương chỉ âm thầm lặng lẽ trôi đi mà không đòi hỏi được đền đáp, không cần mọi người biết đến.

- Điệp ngữ “ dù là” như một lời tự khẳng định, một lời nhắn nhủ với lòng mình sẽ phải kiên trì, bất chấp thời gian, tuổi tác và bệnh tật. Cống hiến ngay cả khi tuổi hai mươi tràn đầy sinh lực, vẫn phải sống có ích cho đời, sống làm đẹp cho đất nước.

*\* Liên hệ mở rộng:* Trong lời tự tình của tác giả khiến ta liên tưởng đến nhân vật anh thanh niên trong Tác phẩm “ Lặng lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long.

Hay người chiến sĩ của Lê Anh Xuân trong *“Dáng đứng Việt Nam”*

*“Từ dáng đứng của anh giữa đường băng Tân Sơn Nhất*

*Tổ quốc bay lên bát ngát mùa xuân”*

- Lật tiếp những dòng thơ của Thanh Hải ta lại liên tưởng đến những chiến sĩ, những cô gái thanh niên xung phong đã miệt mài cống hiến cả tuổi xuân phơi phới tươi đẹp cho tổ quốc:

*“Em đã lấy tình yêu tổ quốc đăó lên ngọn lửa*

*Đánh lạc hướng thù hứng lấy luồng bom”*

=> Đó là sự cống hiến không ngừng nghỉ, là sự cống hiến bền bỉ suốt cả cuộc đời mỗi con người. Thật cảm động và kính phục biết bao khi đọc những vần thơ như lời tổng kết của cuộc đời Thanh Hải. Cả tuổi trẻ đôi mươi Thanh Hải từng là người lính đi qua hai cuộc chiến tranh chống Pháp và chống Mĩ, cho đến khi tóc bạc về già, bệnh tật, ông vẫn sống âm thầm lặng lẽ dâng hiến cho đời. Và trước khi rời xa cuộc đời Thanh Hải vẫn kịp tặng lại cho chúng ta một khúc ca xuân để làm cho bản tình ca của đất nước thêm rộn ràng hương sắc.

*\* Liên hệ mở rộng:* Trở về với dòng chảy lịch sử cách đây 600 năm, Nguyễn Trãi đã từng khẳng định tấm lòng trung hiếu sắt son với đất nước. Nhớ khi xưa, Ức Trai tiên sinh đã từng tâm niệm:

*“Bui một tấc lòng trung lẫn hiếu*

*Mài chăng khuyết,nhuộm chăng đen”.*

*( Thuật hứng XXIV - Nguyễn Trãi)*

=> Đây là một vấn đề nhân sinh quan nhưng đã được chuyển tải bằng những hình ảnh thơ sáng đẹp, bằng giọng thơ nhẹ nhàng, thủ thỉ, thiết tha. Vì vậy, mà sức lan tỏa của nó thật lớn.

**c. Khổ 6: Lời ngợi ca quê hương, đất nước qua điệu dân ca xứ Huế.**

*\* Chuyển ý*: Kết thúc bài thơ là một âm điệu thân thương của xứ Huế thật tha thiết, ngọt ngào, là lời ca ngợi đát nước, là niềm tin yêu và gắn bó sâu nặng của tác giả với quê hương qua điệu dân ca xứ Huế.

*“Mùa xuân – ta xin hát*

*Câu Nam ai, Nam bình*

*Nước non ngàn dặm mình*

*Nước non ngàn dặm tình*

*Nhịp phách tiền đất Huế.”*

- Vẫn trái tim dạt dào yêu quê hương, nhà thơ Thanh Hải chọn khúc hát giữa mùa xuân. Giai điệu êm ái. Điệu *“nam ai, nam bình”* là hai điệu ca quen thuộc của xứ Huế quê hương tác giả. Điệu “ Nam ai” với giai điệu buồn thương, còn điệu “nam bình” thì dịu dàng trìu mến.

=> Khổ thơ tha thiết dịu dàng ngân lên như một khúc dân ca, như tình cảm ngọt ngào của người dân xứ Huế. Và trong những giây phút cuối cùng của cuộc đời Thanh Hải muốn cất lên hát điệu ca xứ Huế quê mẹ.

- “Mùa xuân ta xin hát” đã diễn tả niềm khao khát bồi hồi của nhà thơ trước mùa xuân quê hương.

- Trong âm hưởng lời ca ấy tác giả như hình dung được vẻ đẹp của non nước hữu tình, cảm thấy yêu mến và tự hào hơn về quê hương mình. Đó là “ngàn dặm mình”, “ngàn dặm tình” là tình yêu của con người, quê hương mở rộng ra là tình yêu đất nước.

**\* Đánh giá**

Đoạn thơ trên viết theo thể thơ năm chữ mang âm hưởng của ca dao dân ca nhẹ nhàng, tha thiết, giàu hình ảnh đẹp, giản dị, gần gũi. Khổ thơ đã sử dụng thành công các biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, nghệ thuật đảo ngữ cùng các từ ngữ, hình ảnh giàu giá trị gợi tả, hai khổ thơ đầu đã giúp người đọc cảm nhận được những cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân của thiên nhiên, của đất nước. Đó là niềm say sưa ngây ngất trước vẻ đẹp mộng mơ, dịu dàng của bức tranh thiên nhiên xứ Huế, là niềm tin, niềm vui, niềm tự hào khi đất n ước bước vào xuân. Và đằng sau những vần thơ ấy, ta nhận ra ở Thanh Hải là niềm yêu đời, yêu cuộc sống, là tình yêu tha thiết với thiên nhiên, với quê hương đất nước. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng biết bao.

**C. Kết bài**

Ba khổ thơ cuối bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” đã đem đến cho người đọc một cảm nhận rất riêng của mùa xuân xứ Huế, mùa xuân của thiên nhiên, của đất nước, đồng thời thể hiện chân thành ước nguyện được hiến dâng và lời ngợi ca quê hương xứ Huế. Ba khổ thơ trên đã góp phần làm nên thành công của tác phẩm, làm lay động trái tim người đọc hôm nay và mai sau. Mỗi lần đọc bài thơ ta càng thêm trân trọng một tâm hồn yêu thiết tha quê hương, đất nước của nhà thơ. Với những giá trị ấy tên tuổi của nhà thơ Thanh Hải cùng với bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” sẽ mãi bất tử với thời gian.

**============================================================**

**ĐỀ 67: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ HAI ĐOẠN THƠ SAU:**

*Ta làm con chim hót*

*Ta làm một cành hoa*

*Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến*

*Một mùa xuân nho nhỏ*

*Lặng lẽ dâng cho đời*

*Dù là tuổi hai mười*

*Dù là khi tóc bạc.*

(Trích *Mùa xuân nho nhỏ*- Thanh Hải, Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục)

**I.Mở bài**

**Cách 1**: Thanh Hải là nhà thơ tiêu biểu trong nền thơ ca hiện đại Việt Nam. Là con người tài hoa, giàu sức sống nghệ thuật và lắng nghe được âm thanh của cuộc sống, ngay cả những phút giây cận kề với cái chết Thanh Hải vẫn lạc quan khao khát sống, được cống hiến cho đời. Ước nguyện ấy được gói gém trong một bài thơ nhỏ xinh “ Mùa xuân nho nhỏ”. Bài thơ được xem như lời tâm nguyện thiết tha đáng trân trọng mà nhà thơ Thanh Hải để lại cho đời trước lúc đi xa. Tiếng long tha thiết, yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời được thể hiện rõ nhất qua ba khổ thơ đầu. ( Thơ)

**Cách 2:** Mùa xuân từ lâu đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận, là nơi hội tụ bàn tay nghệ sĩ tài hoa. Thanh Hải – Nhà thơ của xứ Huế cũng góp vào vờn thơ xuân ấy một bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” . Bài thơ là tiếng long thiết tha, yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời thể hiện ước nguyện của nhà thơ được cống hiến cho đất nước. Tiếng long ấy được thể hiện xuyên suốt bài thơ, đặc biệt rõ nhất qua 3 khổ thơ đầu. ( Chép thơ)

**B. Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm**

- Bài thơ được nhà thơ Thanh Hải sáng tác vào tháng 11/1980, năm năm sau ngày đất nước ta giành được độc lập.Và đây cũng là một hoàn cảnh rất đặc biệt đối với nhà thơ Thanh Hải. Ông đang bị bệnh nặng phải điều trị ở bệnh viện trung ương thành phố Huế, và một tháng sau ông qua đời. Bài thơ sáng tác vào tháng 11 năm 1980 thì tháng 12 ông bị mất). Có hiểu cho hoàn cảnh của nhà thơ trên giường bệnh ta mới thấy hết được tấm lòng tha thiết với cuộc sống, với quê hương đất nước của nhà thơ.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

*- “Mùa xuân nho nhỏ*” là bài thơ cuối cùng của nhà thơ Thanh Hải . Bài thơ ra đời trong một hoàn cảnh đặc biệt (tháng 11- 1980), chỉ ít ngày sau, nhà thơ qua đời. Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh đất nước ta mới thống nhất lại đang phải đối mặt với nhiều khó khăn và thử thách gay gắt. Có lẽ vì vậy, bài thơ như một lời tâm niệm, chất chứa bao cảm xúc, suy tư của nhà thơ trọn đời gắn bó với cách mạng, đất nước. Bài thơ có 6 khổ, 2 khổ thơ trên nằm ở khổ 4 và 5 của bài.

(Năm 1980, Thanh Hải đau nặng phải vào bệnh viện Huế điều trị khoa nội. Tuy căn bệnh được các bác sĩ chẩn đoán là không thể qua được nhưng Thanh Hải luôn là người lạc quan yêu đời. Nằm ở tầng 4 của bệnh viện, những lúc khoẻ, TH thường ra ngắm cảnh và làm thơ…. Nhưng rồi vào một ngày cuối đông, trời Huế bỗng trở lạnh và mưa lâm thâm…. Những người bạn của Thanh Hải nhận được tin như sét đánh: Thanh Hải đã qua đời. Thương tiếc người bạn tài hoa ra đi khi tuổi đời vừa bước sang 50, mọi người đến viếng và đưa nhà thơ về nơi an nghỉ cuối cùng. Đang lúc làm lễ, thì vợ Thanh Hải tìm gặp nhạc sĩ Trần Hoàn và trao cho ông một bài thơ cuối cùng mà Thanh Hải đã sáng tác khi nằm viện vào tháng 11 năm 1980. Đó chính là bài thơ: Một mùa xuân nho nhỏ- bài thơ cuối cùng của Thanh Hải. Nỗi thương bạn và niềm cảm xúc trào dâng mãnh liệt, nhạc sĩ Trần Hoàn đã phổ nhạc ngay bài thơ chỉ trong vòng không đầy ba mươi phút và bài hát đó đã được vang lên ngay trong buổi lễ tiễn đưa ấy.))

**2. Phân tích hai khổ thơ**

**\* Nhắc lại nội dung khổ thơ đầu:** Ở 3 khổ thơ đầu, bằng biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, nghệ thuật đảo ngữ cùng các từ ngữ, hình ảnh giàu giá trị gợi tả, lời thơ đã giúp người đọc cảm nhận được những cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân của thiên nhiên, của đất nước. Đó là niềm say sưa ngây ngất trước vẻ đẹp mộng mơ, dịu dàng của bức tranh thiên nhiên xứ Huế, là niềm tin, niềm vui, niềm tự hào khi đất nước bước vào xuân. Và đằng sau những vần thơ ấy, ta nhận ra ở Thanh Hải là niềm yêu đời, yêu cuộc sống, là tình yêu tha thiết với thiên nhiên, với quê hương đất nước.

**Khổ 4: Khát vọng hòa nhập, tự nguyện mang niềm vui đến cho cuộc đời**

- Trong khí thế bừng bừng của đất nước vào xuân, tác giả đã cảm nhận được một mùa xuân trỗi dậy từ tâm hồn mình. Đó là mùa xuân của lòng người, mùa xuân của sức sống tươi trẻ, mùa xuân của cống hiến và hoà nhập. Tác giả không mơ một giấc mơ vĩ đại, không ước vọng lớn lao, chỉ là những mong muốn đơn sơ bình dị:

*“ Ta làm con chim hót*

*Ta làm một cành hoa*

*Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến.”*

- Điệp từ *“ta làm”* được lặp lại hai lần kết hợp với  biện pháp lặp cấu trúc ngữ pháp khiến cho nhịp thơ vừa uyển chuyển, nhịp nhàng vừa mạnh mẽ diễn tả rõ nét khát khao cống hiến mãnh liệt. Không ước mơ trở thành cái gì quá lớn lao, cao sang, vĩ đại, những điều tác giả mong muốn thật bình dị nhưng đầy ý nghĩa.

- Tác giả muốn hóa thân thành *"con chim"* để góp tiếng ca cho đời, để đem lại niềm vui cho mọi người; muốn hóa thân thành "*cành hoa*" để tô điểm, tô sắc cho vườn hoa mùa xuân muôn hương muôn sắc của đất nước và muốn "*nhập vào hòa ca*" để góp một tiếng nhạc hay cho mai sau. Sau cùng, tác giả mong muốn trở thành “ một nốt trầm »  không ồn ào, không cao điệu mà chỉ âm thầm, lặng lẽ “*nhập”* vào khúc ca, tiếng hát của nhân dân vui mừng đón xuân về. Sự cống hiến ấy lặng lẽ, âm thầm, không phô trương, xa hoa, không câu lệ. Tất cả đều bình dị, nhẹ nhàng. Một ước mơ nhỏ nhoi, giản dị đến vô cùng. Ước nguyện sống ấy vô cùng cao đẹp. - Đại từ “ta” dùng để khẳng định đó không chỉ là tâm niệm riêng của cá nhân nhà thơ mà còn là khát vọng chung cho mọi người, cho dân tộc, cho đất nước. Khát vọng ấy vượt qua tất cả mọi khuôn khổ, giới hạn. Ngay cả khi nằm trên giường bệnh, cái khát vọng cao quý ấy cũng không bị dập tắt. Ta bắt gặp sự đồng điệu giữa tâm hồn thơ Thanh Hải với tâm hồn nhạc sĩ Trương Quốc Khánh – tác giả khúc ca Tự nguyện :

“Nếu là chim tôi sẽ là loài bồ câu trắng

Nếu là hoa, tôi sẽ là một đóa hướng dương

Nếu là mây, tôi sẽ là một vầng mây ấm

Là người, tôi sẽ chết cho quê hương”

- Đó là sự gặp gỡ của những tâm hồn nghệ sĩ ý thức được vai trò, trách nhiệm cao cả của mình với quê hương. Khát vọng sống hoà nhập vào cuộc sống của đất nước, cống hiến phần tốt đẹp, dù nhỏ bé, của mình cho cuộc đời chung, cho đất nước, nguyện hi vinh cho sự phồn vinh của đất nước. Đây là tâm niệm thiết tha của một nhà cách mạng, một nhà thơ đã gắn bó trọn đời với đất nước, quê hương với một khát vọng chân thành và tha thiết.

**Khổ 5:** **Ước nguyện cống hiến chân thành không kể tuổi tác**

- Khát vọng, ước nguyện đó đã được đẩy lên cao thành một lẽ sống cao đẹp, không chỉ cho riêng nhà thơ mà cho tất cả mọi người, cho thời đại của chúng ta. Đó là lẽ sống cống hiến cho đời lặng lẽ, khiếm tốn, không kể gì đến tuổi tác:

"Một mùa xuân nho nhỏ  
Lặng lẽ dâng cho đời  
Dù là tuổi hai mươi  
Dù là khi tóc bạc"

- Lời thơ như tâm tình thiết tha. Một sự sáng tạo độc đáo của nhà thơ khi phát hiện ra được hình ảnh “ *mùa xuân nho nhỏ”.* Hình ảnh “mùa xuân nho nhỏ” là ẩn dụ cho cuộc đời mỗi con người, mỗi sự cống hiến. Tác giả muốn góp chút công sức nhỏ bé của mình vào mùa xuân lớn của đất nước.

- Từ láy “lặng lẽ”, “nho nhỏ” là cách nói khiêm tốn, chân thành của nhân cách sống cao đẹp khi hướng tới việc góp vào lợi ích chung của dân tộc. Thái độ "lặng lẽ dâng cho đời” nói lên ý nguyện thật khiêm nhường nhưng hết sức bền bỉ và vô cùng đáng quý vì đó là những gì tốt đẹp nhất trong cuộc đời. Thật cảm động làm sao trước ao ước của nhà thơ dẫu đã qua tuổi xuân của cuộc đời, vẫn được làm một mùa xuân nhỏ trong cái mùa xuân lớn lao ấy. Âm thầm lặng lẽ hiến dâng, chẳng phô trương, không cần ai biết đến dù ở tuổi tác nào :

“Dù là tuổi hai mươiDù là khi tóc bạc”.

- Lời thơ rắn rỏi . Lời ước nguyện thật thuỷ chung, son sắt. Hình ảnh hoán dụ "tuổi hai mươi", và "khi tóc bạc" là ầm thầm cống hiến bất kể khi tuổi trẻ hay lúc về già. Điệp ngữ "dù là" nhắc lại hai lần như tiếng lòng tự dặn mình đinh ninh: dẫu có ở giai đoạn nào của cuộc đời, tuổi hai mươi tràn đầy sức trẻ, hay khi đã già, bệnh tật thì vẫn phải sống có ích cho đời, sống làm đẹp cho đất nước. Đây là một vấn đề nhân sinh quan nhưng đã được chuyển tải bằng những hình ảnh thơ sáng đẹp, bằng giọng thơ nhẹ nhàng, thủ thỉ, thiết tha. Vì vậy, mà sức lan tỏa của nó thật lớn!

- Như vậy, với niềm yêu đời tha thiết, tác giả vượt lên trên hoàn cảnh về bệnh tật mong muốn da diết được sống có ích bằng tất cả sức trẻ của mình. Ý thức về trách nhiệm với quê hương, đất nước, khát vọng được sống, được cống hiến trở thành một ý thức bất diệt trong tâm hồn tác giả. Tâm nguyện này, ta bắt gặp đâu đó trong những vần thơ của Tố Hữu:

“Nếu là con chim, chiếc láThì chim phải hót, chiếc lá phải xanhLẽ nào vay mà không có trảSống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình”

**c. Đánh giá, mở rộng**

**-** Với lời thơ năm chữ nhẹ nhàng, giọng điệu chân thành, tha thiết phù hợp với tâm trạng cảm xúc, cùng với hình ảnh ẩn dụ, hoán dụ, điệp từ,… Thanh Hải đã gửi đến cho chúng ta một thông điệp đáng quý: mỗi người hãy sống có khát vọng, sống có cống hiến, dù chỉ là phần nhỏ bé của mình vào công cuộc bảo vệ, giữ gìn và dựng xây đất nước.

- Khát vọng sống có cống hiến, dù chỉ là phần nhỏ bé nào phải chỉ có trong thơ Thanh Hải, hay Tố Hữu mà nhà văn Nguyễn Thành Long trong truyện ngắn “ *Lặng lẽ Sa Pa* ” cũng đã khắc họa nên bức chân dung nhân vật anh thanh niên cùng nhiều nhân vật khác. Họ chính là minh chứng sinh động nhất của hình ảnh “ *mùa xuân nho nhỏ ”* mà Thanh Hải gửi gắm đến chúng ta qua bài thơ cuối đời của ông.

**III. Kết bài**

Hai khổ thơ bốn và năm trong bài *“Mùa xuân nho nhỏ* ” đã làm lay động tâm hồn người đọc, không chỉ bởi chất nhạc vấn vương, không chỉ bởi giai điệu vừa thiết tha vừa hào hùng thôi thúc mà còn bởi nguyện ước chân thành và khiêm tốn của nhà thơ. Nguyện ước ấy đâu còn của riêng Thanh Hải. Đọc những vần thơ của ông, ta tự nhủ phải làm gì để không hổ thẹn với những người đi trước , hổ thẹn vì đã chối bỏ trách nhiệm đối với quê hương, đất nước.

*================================================*

**ĐỀ 68: PHÂN TÍCH KHỔ 1 VÀ KHỔ 4 BÀI THƠ MÙA XUÂN NHO NHỎ CỦA NHÀ THƠ THANH HẢI.**

**1. Mở bài**

Thanh Hải là nhà thơ luôn gắn bó với quê hương xứ Huế. Một trong những bài thơ tiêu biểu của ông là bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”. Bài thơ được viết năm 1980 khi tác giả đang nằm trên giường bệnh, chẳng bao lâu trước khi ông qua đời. Bài thơ thể hiện cảm xúc khát vọng của nhà thơ trước mùa xuân. Điều đó được thể hiện rõ nhất trong hai đoạn thơ:

*“Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc*

*Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời*

*Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng*

*……………………..*

*Ta làm con chim hót*

*Ta là một nhành hoa*

*Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến”*

 Từ những cảm xúc trước mùa xuân thiên nhiên đất trời ở đoạn thơ đầu. Mạch thơ chuyển một cách tự nhiên sang bày tỏ thái độ khát vọng được hòa nhập cống hiến với cuộc đời chung.

**2. Thần bài**

**\* Khái quát**

- Bài thơ ra đời tháng 11/1980- 5 năm sau ngày đất nước giành được độc lập.Và đây cũng là một hoàn cảnh rất đặc biệt đối với nhà thơ Thanh Hải. Ông đang bị bệnh nặng phải điều trị ở bệnh viện trung ương thành phố Huế, và một tháng sau ông qua đời. Có hiểu cho hoàn cảnh của nhà thơ trên giường bệnh ta mới thấy hết được tấm lòng tha thiết với cuộc sống, với quêhương đất nước của nhà thơ.

*a. Đoạn thơ đầu đã diễn tả cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên đất trời.*

*“Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc*

*Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời”*

- Chỉ bằng vài nét phác họa nhưng rất đặc sắc (dòng sông xanh, bông hoa tím biếc, chim chiền chiện hót vang trời), Thanh Hải đã làm hiện ra trước mắt chúng ta một bức tranh Xứ Huế với không gian cao rộng (có chiều dài của dòng sông, chiều cao của bầu trời, chiều rộng của mặt đất và bầu trời bao la, màu sắc thật hài hòa, tươi thắm( màu xanh của dòng sông, màu tím biếc của bông hoa) và rất đặc trưng ưng quê hương xứ Huế (tím biếc).

- Màu Tím của bông hoa hòa quyện với màu xanh của dòng sông tạo nên cảm giác dịu mát, đồng thời cũng là tín hiệu của mùa xuân Xứ Huế. Tác giả đảo động từ “mọc” lên đầu câu thơ và số từ “một” ( mọc giữa dòng sông xanh, một bông hoa tím biếc). Để nhấn mạnh sự xuất hiện đột ngột, bất ngờ của một bông hoa đang xòe nở.

- Hình ảnh bông hoa đang xòe nở từ từ nhô lên, cho thấy sức sống mạnh mẽ của mùa xuân, đồng thời tạo cho bức tranh xuân thêm sống động. Bức tranh xuân còn rộn rã, tươi vui với âm thanh của tiếng “chim chiền chiện hót chi mà vang trời”. Tiếng chim trong ánh sáng xuân lan tỏa khắp bầu trời. Phải là người có tâm hồn nhạy cảm, tình yêu tha thiết với thiên nhiên với cuộc sống. Thanh Hải mới vẽ được bức tranh mùa xuân xứ Huế đẹp thơ mộng và đầy sức sống đến như vậy.

- Trước vẻ đẹp của thiên nhiên đất trời lúc vào xuân, nhà thơ có cảm xúc say sưa, ngất ngây. Thái độ nâng lưu, quý trọng vẻ đẹp ấy, cảm xúc ấy, tình cảm ấy được thể hiện qua tư thế độc đáo của một động tác trữ tình.

*“Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng”*

 “Giọt long lanh” có thể hiểu là giọt mưa xuân, giọt sương long lanh trong ánh sang của trời xuân. Nhưng giọt long lanh cũng có thể hiểu theo nghĩa ẩn dụ chuyển đổi cảm giác: giọt tiếng chim. Tiếng chim từ chỗ âm thanh cảm nhận bằng thính giác chuyển thành từng giọt( Cảm nhận bằng thị giác). Từng giọt ấy lại long lanh trong ánh sáng của trời xuân có thể cảm nhận bằng xúc giác ( tôi đưa tay tôi hứng). Nhà thơ đưa tay hứng từng giọt tiếng chim. Nhưng dù hiểu theo cách nào thì hai câu thơ vẫn biểu hiện niềm say sưa, ngây ngất của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời vào lúc mùa xuân và thái độ nâng niu, trân trọng vẻ đẹp ấy, cảm xúc đó, thái độ đó chỉ có được một tâm hồn nhạy cảm, tinh tế ở một tấm lòng chân thành tha thiết với cuộc sống.

**\* Khái quát khổ 2-3:** Ở khổ thơ 2,3, bằng biện pháp tu từ so sánh, nhân hóa, điệp ngữ, nghệ thuật đảo ngữ cùng các từ ngữ, hình ảnh giàu giá trị gợi tả, lời thơ đã giúp người đọc cảm nhận được những cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân của thiên nhiên, của đất nước. Đó là niềm say sưa ngây ngất trước vẻ đẹp mộng mơ, dịu dàng của bức tranh thiên nhiên xứ Huế, là niềm tin, niềm vui, niềm tự hào khi đất nước bước vào xuân. Và đằng sau những vần thơ ấy, ta nhận ra ở Thanh Hải là niềm yêu đời, yêu cuộc sống, là tình yêu tha thiết với thiên nhiên, với quê hương đất nước.

**b.Từ cảm xúc của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên đất trời, mạch thơ chuyển sang bày tỏ khát vọng được hòa nhập dâng hiến cho cuộc đời chung.**

*Ta làm con chim hót*

*Ta là một nhành hoa*

*Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến”*

- Khát vọng đó được Thanh Hải thể hiện một cách chân thực trong những hình ảnh thơ tự nhiên, giản dị mà đẹp, tự nhiên giàu ý nghĩa vì nhà thơ đã lấy cái đẹp tinh túy của thiên nhiên để diễn tả vẻ đẹp của tâm hồn, để nói lên ước nguyện của mình. Nhà thơ Thanh Hải muốn được làm con chim hót giữa muôn vàn tiếng chim vô tư, cống hiến tiếng hót cho đời: là một cành hoa giữa vườn hoa xuân rực rỡ, vô tư tỏa hương sáng cho đời.

- Là một nốt trầm giữa bản hòa ca muôn điệu, “con chim”, “cành hoa” chính là những hình ảnh tạo nên bức tranh mùa xuân Xứ Huế ở khổ đầu bài thơ đã trở lại trong khổ thơ này mang ý nghĩa mới: điều mong muốn được sống có ích, cống hiến cho đời là một lẽ tự nhiên như con chim mang đến tiếng hót, bông hoa tỏa hương cho đời.

- Điệp ngữ “ta làm” thể hiện sự tha thiết, chân thành trong thái độ của nhà thơ. Cách chuyển từ “tôi” sang “ta” tạo được sắc thái trang trọng, thiêng liêng của một lời nguyện ước. Cái “tôi” của Thanh Hải đã nói thay cho nhiều cái “tôi” khác và hóa thành cái “ta” chung. Điều tâm niệm ấy không chỉ riêngThanh Hải mà của biết bao thế hệ Việt Nam đang sống và cống hiến cho cuộc đời chung. Nhưng cống hiến, hòa nhập mà không làm mất đi nét riêng của mỗi người. Dù là một nốt trầm trong bản hòa ca nhưng phải là nốt trầm xao xuyến. Các từ “con”, “ một” ( Con chim hót, một bông hoa, một nốt trầm) là cách nói khiêm tốn, chân thành và giản dị thể hiện lối sống cao đẹp của nhà thơ. Những hình ảnh tuy đơn sơ mà chứa đựng tình cảm đã cập đề cập đến một vấn đề lớn đó là ý nghĩa của đời sống cá nhân trong quan hệ với cộng đồng, mỗi người hãy mang đến cuộc đời chung một nét riêng, cái phần tinh túy của mình dù nhỏ bé.

**c. Đánh giá**

 Như vậy, ở hai đoạn thơ này có một mối liên hệ rất đặc biệt đó là từ cảm xúc đến ước nguyện, từ đón nhận, đến dâng hiến, từ mùa xuân thiên nhiên đến mùa xuân của lòng người… từ đó thể hiện lẽ sống cao đẹp của nhà thơ hai đoạn thơ này đã sử dụng thể thơ 5 chữ, hình ảnh tự nhiên, giản dị mà giàu ý nghĩa biểu trưng khái quát cách cấu tạo sự đối ứng chặt chẽ giọng điệu tha thiết, lời thơ giản dị, giàu tính nhạc gần với điệu dân ca miền Trung.

**3. Kết bài**

Qua hai đoạn thơ, người đọc thấy được tâm hồn nhạy cảm, tinh tế cùng tình yêu quê hương, đất nước cũng như khát vọng được dâng hiến cho cuộc đời chung. Tâm hồn đó, tình cảm đó, khát vọng đó khiến chúng ta vô cùng cảm phục và trân trọng.

*==================================================*

**ĐỀ 69: PHÂN TÍCH KHỔ 4 VÀ KHỔ 5 BÀI THƠ MÙA XUÂN NHO NHỎ CỦA NHÀ THƠ THANH HẢI.**

*“Ta làm con chim hót*

*Ta làm một nhành hoa*

*Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến*

*Một mùa xuân nho nhỏ*

*Lặng lẽ dâng cho đời*

*Dù là tuổi hai mươi*

*Dù là khi tóc bạc”*

**1. Mở bài**

Thanh Hải là nhà thơ luôn gắn bó với quê hương xứ Huế. Một trong những bài thơ của ông để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc là bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ”. Bài thơ được sáng tác khi tác giả đang nằm trên giường bệnh, chẳng bao lâu trước khi ông qua đời trong đó có đoạn thơ rất hay. Khổ thơ trên thuộc khổ 4, khổ 5 của bài thơ. Thể hiện ước nguyện của nhà thơ được cống hiến cho đời, muốn được làm mùa xuân nhỏ góp vào mùa xuân chung của đất nước, của cuộc đời.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát :**

**- Hoàn cảnh sáng tác :** Bài thơ ra đời tháng 11/1980- 5 năm sau ngày đất nước giành được độc lập.Và đây cũng là một hoàn cảnh rất đặc biệt đối với nhà thơ Thanh Hải. Ông đang bị bệnh nặng phải điều trị ở bệnh viện trung ương thành phố Huế, và một tháng sau ông qua đời. Có hiểu cho hoàn cảnh của nhà thơ trên giường bệnh ta mới thấy hết được tấm lòng tha thiết với cuộc sống, với quê hương đất nước của nhà thơ.

**- Vị trí đoạn thơ:** Đoạn thơ trên thuộc khổ 4 và khổ 5 của bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” là tiếng lòng yêu tha thiết và gắn bó với đất nước với cuộc đời của Thanh Hải.

**- Mạch cảm xúc:** Từ những cảm xúc về thiên nhiên, đất nước ở ba khổ thơ đầu, mạch thơ chuyển một cách tự nhiên sang bày tỏ những suy nghĩ và ước nguyện của nhà thơ, khát vọng được hòa nhập, dâng hiến cho cuộc đời  chung.

**1. Khổ 4**:

**\* Nhắc lại nội dung khổ 1,2,3 bằng 4-5 dòng**

**\* Đến với khổ thơ thứ 4 nhà thơ Thanh Hải đã thể hiện khát vọng được hòa nhập, dâng hiến** của nhà thơ, được cống hiến phần tốt đẹp dù nhỏ bé của mình trước cuộc đời chung cho đất nước được Thanh Hải thể hiện một cách chân thành trong những hình ảnh thơ tự nhiên, giản dị.

*“ Ta làm con chim hót*

*Ta là một nhành hoa*

*Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến”*

- Đẹp, tự nhiên, giàu ý nghĩa vì nhà thơ đã lấy cái đẹp tinh túy của thiên nhiên để diễn tả vẻ đẹp của tâm hồn, để nói lên ước nguyện của mình. Nhà thơ Thanh Hải muốn được làm “con chim hót” giữa muôn vàn tiếng chim vô tư cống hiến tiếng hót cho đời, là một nhành hoa giữa vườn hoa xuân rực rỡ, vô tư tỏa hương sắc cho đời, là một nốt trầm trong bản hòa ca muôn điệu con chim, cảnh hoa chính là những hình ảnh tạo nên bức tranh mùa xuân xứ Huế ở đầu bài thơ trở lại trong khổ thơ này mang một ý nghĩa mới: Niềm mong muốn được sống có ích, cống hiến cho đời là một lẽ tự nhiên như con chim mang đến tiếng hót, bông hoa tỏa hương cho đời, điệp ngữ “ta làm” con chim hót được thể hiện sự tha thiết, chân thành trong thái độ của nhà thơ. Cách chuyển từ “tôi” sang “ta” tạo sắc thái trang trọng, thiêng liêng một lời nguyện ước. cái “tôi” của Thanh Hải đã nói thay cho nhiều cái “tôi” khác và hóa thành cái “ta” chung. Điều tâm niệm ấy không chỉ riêng của Thanh Hải mà của biết bao thế hệ Việt Nam đang sống, cống hiến cho cuộc đời chung.

**2. Khổ 5**: Khổ thơ tiếp theo vẫn diễn tại ước nguyện của Thanh Hải

**\*Tâm niệm lớn nhất của nhà thơ “Một mùa xuân nho nhỏ” góp vào mùa xuân lớn của đất nước, cuộc đời chung.**

*“ Một mùa xuân nho nhỏ*

*Lặng lẽ dâng cho đời”*

- Hình ảnh “Mùa xuân nho nhỏ” cùng với những hình ảnh “cành hoa, con chim, nốt nhạc trầm”… tất cả đều mang một vẻ đẹp bình dị, khiêm nhường. Thể hiện ước nguyện chân thành, tha thiết của nhà thơ. Nhà thơ nguyện làm “một mùa xuân” - nghĩa là sống đẹp, sống với tất cả sức sống tươi trẻ của mình nhưng rất khiêm nhường, chỉ là “một mùa xuân nho nhỏ” góp vào mùa xuân lớn của đất nước, của cuộc đời. Những hình ảnh đơn sơ mà chứa đựng những tình cảm đó đã được đề cập đến một vấn đề lớn đó là ý nghĩa của đời sống cá nhân trong quan hệ với cộng đồng “mùa xuân nho nhỏ” còn là hình ảnh ẩn dụ độc đáo sáng tạo, mới lạ để nhà thơ thể hiện một quan niệm sống của mình, mỗi người phải mang đến cuộc đời chung một nét riêng cái phần tinh túy của mình, dù là bé nhỏ mỗi người hãy làm một “mùa xuân nho nhỏ” góp vào mùa xuân chung của đất nước, của cuộc đời.Những cống hiến, hòa nhập mà không làm mất đi cái riêng của mỗi người. Dù là một nốt trầm những bản hòa ca nhưng phải là “nốt trầm xao xuyến” từ láy “nho nhỏ”, cùng với các từ “con”, “ một” ( con chim, một nhành hoa, một nốt trầm) là cách nói khiêm tốn, chân thành mà giản dị, thể hiện lẽ sống cao đẹp khiêm nhường của nhà thơ.

**b.Đoạn thơ cũng thể hiện quan niệm của Thanh Hải về sự cống hiến.**

- Với Thanh Hải cống hiến là phải tự nguyện, không phô trương, ồn ào ( lặng lẽ dâng cho đời). Và khát được hòa nhập, mong muốn được cống hiến cho đời không phải là một lúc mà là trọn đời:

*“Dù là tuổi hai mươi*

*Dù là khi tóc bạc”*

- “Tuổi 20” và “khi tóc bạc” là hai thời điểm khác nhau trong cuộc đời con người . “Tuổi 20” là khi còn trẻ, còn sung túc. “Khi tóc bạc” là khi đã về già cách nói hoán dụ đó đã cho ta thấy Thanh Hải, sự cống hiến không kể tuổi tác, thời gian. Điệp ngữ “dù là” khiến nhịp điệu câu thơ sâu lắng, giọng điệu ấm áp, xúc động, thiết tha. Hai câu thơ cho thấy một con người khi đã trải qua hai cuộc kháng chiến đã cống hiến trọn đời cho cách mạng, vẫn tha thiết được sống đẹp, sống có ích, sống với tất cả sức sống tươi trẻ điều đó đã khiến cho chúng ta xúc động vô cùng.

**3. Đánh giá**:

- Đoạn thơ được làm theo thể thơ năm chữ, giọng điệu trong sáng, thiết tha, gần với âm điệu dân ca miền Trung, nhiều hình ảnh đẹp, tự nhiên giản dị mà gợi cảm. Giọng thơ phù hợp với tâm trạng, cảm xúc của nhà thơ. Bài thơ được viết một tháng trước khi nhà thơ trở về cát bụi, nhưng không gợi một chút băn khoăn với bệnh tật, những suy nghĩ riêng tư cho bản thân mà chỉ lặng lẽ cháy bỏng một khao khát được cống hiến. Chúng ta xúc động, trân trọng và vô cùng cảm phục sức xuân bừng nở trong tâm hồn tác giả đúng vào lúc Thanh Hải đang ốm nặng trên giường bệnh. Nhà thơ đã nhìn cuộc sống bằng đôi mắt thiết tha, tràn đầy hy vọng. Đọc thơ Thanh Hải ta có cảm nhận nhà thơ có tình yêu cuộc sống mãnh liệt, ta nghe như tiếng thì thầm của mùa xuân đang đắm say lòng người.

**3. Kết bài**

Khổ 4 và khổ 5 của bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” là tiếng lòng yêu tha thiết và gắn bó với đất nước với cuộc đời của Thanh Hải. Đoạn thơ như một tâm niệm chân thành lời gửi gắm thiết tha của Thanh Hải đã để lại cho đời. Chúng ta càng cảm thấy khâm phục, trân trọng khát vọng hòa nhập, dâng hiến của Thanh Hải bao nhiêu thì bản thân chúng ta là là học sinh cần phải bồi đức, luyện tài để góp phần nhỏ bé của mình vào

**======================================================**

**ĐỀ 70: PHÂN TÍCH KHỔ THƠ ĐẦU CỦA BÀI THƠ « MÙA XUÂN NHO NHỎ » CỦA NHÀ THƠ THANH HẢI.**

**Cảm nhận khổ thơ đầu bài thơ Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải**

“Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Ơi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng.”

**I. Mở bài**

Nói đến đề tài mùa xuân, người yêu văn thơ nước nhà nhớ ngay đến “***Mùa xuân nho nhỏ*”** của nhà thơ Thanh Hải- nhà thơ trưởng thành trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ. Bài thơ này được xem như sợi dây nối tiếp mạch cảm xúc của mấy mươi năm về trước. Thanh Hải viết “Mùa xuân nho nhỏ” vào thời điểm sắp kề cận cát bụi nhưng người đọc tìm thấy một tình yêu thiên nhiên đất trời mãnh liệt, luôn dâng trào ở trái tim tác giả. Khổ thơ đầu bài thơ đã nói lên được điều đó.

“Mọc giữa dòng sông xanh

Một bông hoa tím biếc

Ơi con chim chiền chiện

Hót chi mà vang trời

Từng giọt long lanh rơi

Tôi đưa tay tôi hứng”

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

Bài thơ được viết năm 1980, trong lúc nhà thơ đang ốm nặng và phải điều trị ở bệnh viện Bạch Mai, tức khoảng một tháng trước khi ông qua đời. Khổ thơ trên nằm ở vị trí phần đầu của thi phẩm, khổ thơ là những dòng cảm xúc hồn nhiên, trong trẻo, đắm say của tác giả trước vẻ đẹp mùa xuân **–mùa xuân thiên nhiên xứ Huế.** Mùa xuân của đất trời mang vẻ đẹp tươi trẻ, tràn trề sức sống.

**2. Cảm nhận khổ thơ**

- Với nét bút khoáng đạt, bức tranh mùa xuân thiên nhiên được nhà thơ phác họa bằng hình ảnh tự nhiên, bình dị và gợi cảm:

*“Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc*

*Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chim mà vang trời”*

- Dòng sông có màu xanh gợi nhắc một hình ảnh của những khúc sông uốn lượn quanh co của dải đất miền Trung. Trên gam màu xanh lơ nổi bật lên hình ảnh một bông hoa tím biếc, không có màu vàng của hoa mai hay là màu đỏ của hoa đào mà chỉ có một bông hoa màu tím hiện lên trước mắt. Cho thấy hình ảnh mang đậm bản sắc của xứ Huế, màu tím là màu đặc trưng của con người và đất trời Huế.

- Nhà thơ đã rất khéo léo khi dùng nghệ thuật đảo ngữ đưa động từ “*mọc”* lên ở phía đầu câu như một cách để nhấn mạnh vẻ đẹp tràn đầy sức sống của mùa xuân thiên nhiên, mùa xuân của đất trời. Không chỉ có hình ảnh mà còn có âm thanh của con chim chiền chiện hót vang trời làm xao xuyến cả đất trời, cả tâm hồn của người thi sĩ bằng những từ ngữ cảm thán như “*ơi, hót chi”.*

*-* Một bức tranh đang suy tư bỗng đâu đó vang lên một tiếng chim hót làm sinh động hẳn lên, một con chim chiền chiện mà lại hót được vang cả trời, thực ra khoảng trời ấy chính là khoảng không gian riêng của tác giả, chính vì vậy mà chỉ có tác giả mới cảm nhận được điều đó mà thôi.

Say sưa, ngây ngất trước vẻ đẹp bình dị và nên thơ của mùa xuân, nhà thơ bồi hồi xúc động:

*“Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng”*

*- “Giọt long lanh”* là giọt mùa xuân, giọt nắng vàng, giọt mưa hay giọt sương sớm hay giọt hạnh phúc? Đây chính là một trong những nét nghệ thuật đặc sắc của tác giả. Theo mạch cảm xúc của nhà thơ thì có lẽ đây là giọt âm thanh của tiếng chim ngân vang, đọng lại thành từng giọt niềm vui, rơi xuống cõi lòng rộng mở của thi sĩ, thấm vào tâm hồn đang rạo rực tình xuân.

- **Phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác** được sử dụng một cách tự nhiên, hợp lí. Thanh Hải cảm nhận vẻ đẹp của mùa xuân bằng nhiều giác quan: thị giác, thính giác và cả xúc giác. Cử chỉ *“Tôi đưa tay tôi hứng”* thể hiện sự nâng niu, trân trọng của nhà thơ trước vẻ đẹp của mùa xuân với cảm xúc say sưa, lặng ngắm. Hình ảnh thơ lung linh, đa nghĩa, vừa là thơ, vừa là nhạc, là hoạ. Bức tranh mùa xuân được phác hoạ khi nhà thơ đang nằm trên giường bệnh khiến người đọc trân trọng hơn, yêu hơn một tâm hồn nghệ sĩ, một tình yêu quê hương, đất nước.

**3. Đánh giá, mở rộng**

- Đoạn thơ ngũ ngôn sáu câu ba mươi chữ của Thanh Hải quả là một bức tranh xuân đẹp và tươi vui. Có bầu trời và dòng sông. Có hoa khoe sắc và chim cất tiếng hót. Có giọt sương mai long lanh. Hình ảnh con người xuất hiện trên bức tranh xuân với cử chỉ tao nhã, ung dung, với tâm hồn trong sáng, lạc quan yêu đời và giàu tình yêu thiên nhiên.

- Cũng viết về thiên nhiên lúc giao mùa, ta bắt gặp Hữu Thỉnh với tình yêu thiên nhiên tha thiết qua bài Sang thu. Tuy nhiên, mỗi nhà thơ đều có cảm nhận riêng về cảnh sắc thiên nhiên và đều để lại cho người đọc những cảm xúc sâu lắng, khó phai mờ.

**III. Kết bài**

Qua khổ thơ đầu của bài thơ, Thanh Hải đã gợi lên trước mắt người đọc bức tranh thiên nhiên xứ Huế vào mùa xuân. Còn gì đẹp hơn mùa xuân ? Có tình yêu nào rộng lớn hơn tình yêu quê hương đất nước ? Thấm nhuần tâm tư, ước nguyện của của nhà thơ, chúng ta càng thêm tin yêu vào mùa xuân của đất nước và *“mùa xuân nho nhỏ”* trong lòng mình. Chúng ta muốn cùng con chim chiền chiện hót lên khúc ca ngọt ngào gọi xuân về, muốn học thành tài để hiến dâng cho đất nước, góp phần công sức nhỏ bé để tô điểm cho mùa xuân cuộc đời thêm đẹp.

*============================================*

**ĐỀ 71: PHÂN TÍCH BÀI THƠ « MÙA XUÂN NHO NHỎ » CỦA NHÀ THƠ THANH HẢI.**

**I. Mở bài**

**Cách 1:**

Thanh Hải là nhà thơ tiêu biểu của mảnh đất cố đô xinh đẹp, ông nổi tiếng với những vần thơ mượt mà, sâu lắng mang đậm văn hóa con người xứ Huế. *“Mùa xuân nho nhỏ”* là một trong những tác phẩm tiêu biểu của ông. Bài thơ được viết vào năm 1980, khi nhà thơ đang nằm trên giường bệnh, không bao lâu sau tác giả qua đời. Bài thơ là tiếng lòng thiết tha, yêu mến và gắn bó với đất nước, với cuộc đời và thể hiện chân thành một ước nguyện hiến dâng:

"Mọc giữa dòng sông xanh.

{……..}

Nhịp phách tiền đất Huế".

**Cách 2**

Thời gian vẫn trôi và bốn mùa luôn luân chuyển. Con người chỉ xuất hiện một lần trong đời và cũng chỉ một lần ra đi mãi mãi vào cõi vĩnh hằng…nhưng những gì là thơ, là văn, là nghệ thuật đích thực thì vẫn còn mãi với thời gian. Trước khi chết, vua Phổ cầm tay Moda và nói *“Ta tiêu biểu cho trật tự, ngươi tiêu biểu cho cái đẹp. Biết đâu hậu thế sẽ quên ta và nhắc nhở đến ngươi”.* Có lẽ về sau, chúng ta vẫn sẽ không quên *“Mùa xuân nho nhỏ”* của Thanh Hải. Một bài thơ hay, ngọt ngào, da diết, là tiếng lòng tha thiết gắn bó với cuộc đời, thể hiện ước nguyện chân thành của nhà thơ được cống hiến cho đất nước:

"Mọc giữa dòng sông xanh.  
.…  
Nhịp phách tiền đất Huế".

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

Thi phẩm được viết năm 1980, khi tác giả đang nằm trên giường bệnh, tức khoảng một tháng trước khi ông qua đời. Bài thơ có 6 khổ. Xuyên suốt bài thơ là hình ảnh mùa xuân: mùa xuân của thiên nhiên, mùa xuân của đất nước và “*mùa xuân nho nhỏ”* của mỗi người. Bài thơ bắt đầu từ những cảm xúc trực tiếp hồn nhiên, trong trẻo trước vẻ đẹp và sức sống của mùa xuân thiên nhiên, từ đó mở rộng cảm nghĩ về mùa xuân đất nước. Từ mùa xuân lớn của thiên nhiên đất nước mà liên tưởng tới mùa xuân của mỗi cuộc đời – một mùa xuân nho nhỏ góp vào mùa xuân lớn.

**2. Phân tích, cảm nhận bài thơ**

**Luận điểm 1:** **Cảm xúc của nhà thơ trước mùa xuân thiên nhiên, đất trời. ( Khổ 1)**

- Với nét bút khoáng đạt, bức tranh mùa xuân thiên nhiên được nhà thơ phác họa bằng hình ảnh tự nhiên, bình dị và gợi cảm:

*“Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc”.*

- Xứ Huế vào xuân với *“dòng sông xanh*”, với “*bông hoa tím*”. Tác giả đã sử dụng màu sắc thật hài hòa: ở giữa dòng sông xanh lại có một màu tím nổi lên. Màu tím hiện lên giữa màu xanh, đó là hình ảnh của một vẻ đẹp nổi bật nhưng không rực rỡ, mà nên thơ nhẹ nhàng, hài hòa duyên dáng.

- Động từ *“mọc”* được vận dụng rất tự nhiên, biểu hiện rất thực sức sống đang vươn lên của cây cảnh giữa thiên nhiên. Giữa thiên nhiên bao la, rộng lớn ấy hiện lên một bông hoa với màu sắc tím biêng biếc hiện lên giữa dòng sông trong xanh.

- Màu xanh của nước hài hoà với màu tím biếc của bông hoa tạo nên một nét chấm phá nhẹ nhàng mà sống động, đem lại một vẻ đẹp tự nhiên, hài hòa, một màu sắc đặc trưng của xứ Huế. Màu tím hoa lục bình phá vỡ nét đơn điệu của bức tranh nhưng cũng nhuốm lên màu của tâm trạng thoáng chút u buồn. Một bông hoa lẻ loi trôi nổi giữa dòng nước vô định như đời người chưa biết sẽ về đâu trong dòng thời gian vĩnh hằng. Câu thơ làm ta chợt nhớ đến bài hát “*Hoa tím lục bình*” của Bích Tuyền:

“Có một loài hoa buồn trôi lững lờ  
Theo nước hững hờ xuôi mãi về đâu  
Vẫn trôi trôi chẳng hết sầu  
Có một loài hoa vừa trôi vừa nở  
Em lấy chồng rồi anh ở vậy thôi”.

- Dòng sông xanh hay cũng chính là dòng đời. Hoa lục bình hay cũng chính là kiếp người nhỏ bé trên dòng sinh diệt trùng trùng. Có lẽ, trước lúc đi vào với vĩnh hằng, Thanh Hải tâm niệm về đời người và nhìn nhận lại tất cả những gì mình đã trải qua cả triết lí sống và ý nghĩa của sự tồn tại.

- Trong vòng luân hồi biến ảo, ta không thể lựa chọn mình sẽ hóa thân thành cái gì nhưng lại có thể quyết định mình sống như thế nào. Đối với Thanh Hải sống là phải đẹp, phải có ích cho cuộc sống như bông hoa lục bình tuy nhỏ bé nhưng luôn biết mang đến cho đời sắc đẹp tươi xanh.

- Bất giác, nhà thơ nhìn lên bầu trời, hướng theo tiếng chim chiền chiện đang say mê ca hát giữa bầu trời xanh:

*“Ơi con chim chiền chiện,*

*Hót chi mà vang trời”*

- Tiếng hót của chim chiền chiện mở ra một không gian cao vời, trong trẻo. Và cũng bởi tiếng chim lảnh lót đó vang lên làm xao động cả đất trời, làm xao xuyến cả tâm hồn thi sĩ nhạy cảm của nhà thơ.

- Với cảm thán từ *“Ơi”* và lời hỏi *“hót chi”,* Thanh Hải đã đưa vào lời thơ giọng điệu ngọt ngào, dịu nhẹ, thân thương của người dân xứ Huế, diễn tả cảm xúc vui say đến ngỡ ngàng trước một mùa xuân tươi đẹp – một mùa xuân đậm chất quê hương và giàu chất thơ.

Say sưa, ngây ngất trước vẻ đẹp giản dị mà nên thơ của mùa xuân, nhà thơ bỗng bồi hồi, xúc động:

*Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng”*

*- “Giọt long lanh”* là giọt mùa xuân, giọt nắng vàng, giọt mưa hay giọt sương sớm hay giọt hạnh phúc? Đây chính là một trong những nét nghệ thuật đặc sắc của tác giả. Theo mạch cảm xúc của nhà thơ thì có lẽ đây là giọt âm thanh của tiếng chim ngân vang, đọng lại thành từng giọt niềm vui, rơi xuống cõi lòng rộng mở của thi sĩ, thấm vào tâm hồn đang rạo rực tình xuân. Phép ẩn dụ chuyển đổi cảm giác được sử dụng một cách tự nhiên, hợp lí. Thanh Hải cảm nhận vẻ đẹp của mùa xuân bằng nhiều giác quan: thị giác, thính giác và cả xúc giác. Cử chỉ *“Tôi đưa tay tôi hứng”* thể hiện sự nâng niu, trân trọng của nhà thơ trước vẻ đẹp của mùa xuân với cảm xúc say sưa, lặng ngắm. Hình ảnh thơ lung linh, đa nghĩa, vừa là thơ, vừa là nhạc, là hoạ. Bức tranh mùa xuân được phác hoạ khi nhà thơ đang nằm trên giường bệnh khiến người đọc trân trọng hơn, yêu hơn một tâm hồn nghệ sĩ, một tình yêu quê hương, đất nước.

**Luận điểm 2: Cảm xúc của nhà thơ trước vẻ đẹp của mùa xuân đất nước và con người (Khổ 2 và 3)**

**Khổ 2 :** Từ mùa xuân thiên nhiên đất trời, nhà thơ cảm nhận về mùa xuân đất nước, mùa xuân Cách mạng. Tác giả hướng tình cảm tới những con người cụ thể - những con người làm nên lịch sử:

*“Mùa xuân người cầm súng*

*Lộc giắt đầy trên lưng*

*Mùa xuân người ra đồng*

*Lộc trải dài nương mạ”*

- Các điệp ngữ *“mùa xuân”, “ lộc”, “người”* như trải rộng khung cảnh hiện thực khi gắn với cuộc sống lao động, chiến đấu của nhân dân. Nhà thơ đã sáng tạo cặp **hình ảnh sóng đôi đẹp** như hai vế của câu đối mừng xuân để nói về hai lực lượng chủ yếu của cách mạng, hai nhiệm vụ chiến lược của đất nước.

- Đó là người chiến sĩ và người lao động - bảo vệ và xây dựng Tổ quốc, quê hương. Từ *“lộc”* được dùng với hai lớp nghĩa : tả thực chồi non, nhành biếc và ẩn dụ cho sức sống, thế vươn lên, sức phát triển mới, thành quả tốt đẹp là mùa xuân.

- *“Lộc”* trên cành lá ngụy trang theo bước chân người cầm súng ra trận*,“lộc”* trải dài trên những nương mạ theo bàn tay người ra đồng. Như thế, người chiến sĩ, người lao động đã đem mùa xuân, gieo mùa xuân đến mọi miền đất nước. Họ trở thành những con người làm ra mùa xuân, bảo vệ mùa xuân. Và họ đã làm nên cái giai điệu chính của bản hợp xướng mùa xuân, tạo nhịp điệu hối hả, hào hùng:

*“Tất cả như hối hả*

*Tất cả như xôn xao”*

- Lời thơ giản dị có cụm từ so sánh “*tất cả như*” vận dụng theo hình thức một điệp ngữ đặt trong nhịp thơ nhanh gấp của nhân dân tạo nên sự thống nhất trong suy nghĩ và hành động của mọi người. Bởi vì từ “*tất cả*” gợi lên hiện thực đồng lòng, nhất trí trong cả một cộng đồng.

- Bên cạnh đó, từ láy “*hối hả”* mang tính gợi hình cao, nó gợi lên hình ảnh mọi người đang say sưa, khẩn thương, tấp nập trong công việc.

- Còn từ láy “*xôn xao*” thì gợi âm thành cuộc sống, vừa thể hiện chiều sâu của cộng đồng đang phát triển, vừa là tiếng reo vui trong lao động, trong tư thế làm chủ đất nước của con người. Hơn nữa, cách ngắt nhịp 2/1/2 làm cho câu thơ vang lên một nhịp điệu tươi vui, mạnh mẽ. Đó là hành khúc mùa xuân của thời đại Hồ Chí Minh.

**Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây**

**Khổ 3:** Đoạn thơ tiếp theo nói lên những suy tư của nhà thơ về đất nước và nhân dân:

“Đất nước bốn nghìn năm

Vất vả và gian lao

Đất nước như vì sao

Cứ đi lên phía trước”

- Chặng đường lịch sử của đất nước với bốn nghìn năm trường tồn, lúc suy vong, lúc hưng thịnh với bao thử thách "*vất vả và gian lao".* Thời gian đằng đẵng ấy, nhân dân ta từ thế hệ này qua thế hệ khác đã đem xương máu và mồ hôi, lòng yêu nước và tinh thần quả cảm để xây dựng và bảo vệ đất nước. Dân ta tài trí và nhân nghĩa.

- Bốn nghìn năm lập quốc tỏa sáng nền văn hiến Đại Việt đã khẳng định sức mạnh Việt Nam.

- Câu thơ "*Đất nước như vì sao"* là một hình ảnh so sánh đẹp và đầy ý nghĩa. *“Sao”* là nguồn sáng lấp lánh, là vẻ đẹp bầu trời, vĩnh hằng trong không gian, và thời gian. So sánh đất nước với vì sao là biểu lộ niềm tự hào đối với đất nước Việt Nam anh hùng, giàu đẹp. Hành trang đi tới tương lai của dân tộc ta không một thế lực nào có thể ngăn cản được: "*Cứ đi lên phía trước".*

- Ba tiếng "*cứ đi lên"* thể hiện chí khí, quyết tâm và niềm tin sắt đá của dân tộc để xây dựng một Việt Nam "*dân giàu, nước mạnh*”. Nếu ta đặt bài thơ vào những năm 80 khi nước ta còn đang phải đương đầu với bao khó khăn, nền kinh tế còn rất thấp kém thì ta càng trân trọng lòng yêu đời, yêu cuộc sống và niềm tin của nhà thơ Thanh Hải vào quê hương, đất nước.

**Luận điểm 3 : Suy nghĩ và ước vọng của nhà thơ trước mùa xuân của đất nước. (khổ 4 và 5)**

**Khổ 4: Khát vọng hòa nhập, tự nguyện mang niềm vui đến cho cuộc đời**

**-** Sau lời suy tư là điều tâm niệm của Thanh Hải. Trước hết là lời nguyện cầu được hóa thân:

*“ Ta làm con chim hót*

*Ta làm một cành hoa*

*Ta nhập vào hòa ca*

*Một nốt trầm xao xuyến.”*

- Điệp từ *“ta làm”* được lặp lại hai lần kết hợp với  biện pháp lặp cấu trúc ngữ pháp khiến cho nhịp thơ vừa uyển chuyển, nhịp nhàng vừa mạnh mẽ diễn tả rõ nét khát khao cống hiến mãnh liệt. Không ước mơ trở thành cái gì quá lớn lao, cao sang, vĩ đại, những điều tác giả mong muốn thật bình dị nhưng đầy ý nghĩa.

- Tác giả muốn hóa thân thành *"con chim"* để góp tiếng ca cho đời, để đem lại niềm vui cho mọi người; muốn hóa thân thành "*cành hoa*" để tô điểm, tô sắc cho vườn hoa mùa xuân muôn hương muôn sắc của đất nước và muốn "*nhập vào hòa ca*" để góp một tiếng nhạc hay cho mai sau. Sau cùng, tác giả mong muốn trở thành “ một nốt trầm »  không ồn ào, không cao điệu mà chỉ âm thầm, lặng lẽ “*nhập”* vào khúc ca, tiếng hát của nhân dân vui mừng đón xuân về.

- Sự cống hiến ấy lặng lẽ, âm thầm, không phô trương, xa hoa, không câu lệ. Tất cả đều bình dị, nhẹ nhàng. Một ước mơ nhỏ nhoi, giản dị đến vô cùng. Ước nguyện sống ấy vô cùng cao đẹp.

- Đại từ “ta” dùng để khẳng định đó không chỉ là tâm niệm riêng của cá nhân nhà thơ mà còn là khát vọng chung cho mọi người, cho dân tộc, cho đất nước. Khát vọng ấy vượt qua tất cả mọi khuôn khổ, giới hạn. Ngay cả khi nằm trên giường bệnh, cái khát vọng cao quý ấy cũng không bị dập tắt. Ta bắt gặp sự đồng điệu giữa tâm hồn thơ Thanh Hải với tâm hồn nhạc sĩ Trương Quốc Khánh – tác giả khúc ca Tự nguyện :

“Nếu là chim tôi sẽ là loài bồ câu trắng

Nếu là hoa, tôi sẽ là một đóa hướng dương

Nếu là mây, tôi sẽ là một vầng mây ấm

Là người, tôi sẽ chết cho quê hương”

- Đó là sự gặp gỡ của những tâm hồn nghệ sĩ ý thức được vai trò, trách nhiệm cao cả của mình với quê hương. Khát vọng sống hoà nhập vào cuộc sống của đất nước, cống hiến phần tốt đẹp, dù nhỏ bé, của mình cho cuộc đời chung, cho đất nước, nguyện hi vinh cho sự phồn vinh của đất nước. Đây là tâm niệm thiết tha của một nhà cách mạng, một nhà thơ đã gắn bó trọn đời với đất nước, quê hương với một khát vọng chân thành và tha thiết.

**Khổ 5:** **Ước nguyện cống hiến chân thành không kể tuổi tác**

- Khát vọng, ước nguyện đó đã được đẩy lên cao thành một lẽ sống cao đẹp, không chỉ cho riêng nhà thơ mà cho tất cả mọi người, cho thời đại của chúng ta. Đó là lẽ sống cống hiến cho đời lặng lẽ, khiếm tốn, không kể gì đến tuổi tác:

"Một mùa xuân nho nhỏ  
Lặng lẽ dâng cho đời  
Dù là tuổi hai mươi  
Dù là khi tóc bạc"

- Lời thơ như tâm tình thiết tha. Một sự sáng tạo độc đáo của nhà thơ khi phát hiện ra được hình ảnh “ *mùa xuân nho nhỏ”.* Hình ảnh “mùa xuân nho nhỏ” là ẩn dụ cho cuộc đời mỗi con người, mỗi sự cống hiến. Tác giả muốn góp chút công sức nhỏ bé của mình vào mùa xuân lớn của đất nước. Từ láy “lặng lẽ”, “nho nhỏ” là cách nói khiêm tốn, chân thành của nhân cách sống cao đẹp khi hướng tới việc góp vào lợi ích chung của dân tộc.

- Thái độ "lặng lẽ dâng cho đời” nói lên ý nguyện thật khiêm nhường nhưng hết sức bền bỉ và vô cùng đáng quý vì đó là những gì tốt đẹp nhất trong cuộc đời. Thật cảm động làm sao trước ao ước của nhà thơ dẫu đã qua tuổi xuân của cuộc đời, vẫn được làm một mùa xuân nhỏ trong cái mùa xuân lớn lao ấy. Âm thầm lặng lẽ hiến dâng, chẳng phô trương, không cần ai biết đến dù ở tuổi tác nào :

“Dù là tuổi hai mươiDù là khi tóc bạc”.

- Lời thơ rắn rỏi . Lời ước nguyện thật thuỷ chung, son sắt. Hình ảnh hoán dụ "tuổi hai mươi", và "khi tóc bạc" là ầm thầm cống hiến bất kể khi tuổi trẻ hay lúc về già.

- Điệp ngữ "dù là" nhắc lại hai lần như tiếng lòng tự dặn mình đinh ninh: dẫu có ở giai đoạn nào của cuộc đời, tuổi hai mươi tràn đầy sức trẻ, hay khi đã già, bệnh tật thì vẫn phải sống có ích cho đời, sống làm đẹp cho đất nước.

- Đây là một vấn đề nhân sinh quan nhưng đã được chuyển tải bằng những hình ảnh thơ sáng đẹp, bằng giọng thơ nhẹ nhàng, thủ thỉ, thiết tha. Vì vậy, mà sức lan tỏa của nó thật lớn!

Như vậy, với niềm yêu đời tha thiết, tác giả vượt lên trên hoàn cảnh về bệnh tật mong muốn da diết được sống có ích bằng tất cả sức trẻ của mình.

- Ý thức về trách nhiệm với quê hương, đất nước, khát vọng được sống, được cống hiến trở thành một ý thức bất diệt trong tâm hồn tác giả. Tâm nguyện này, ta bắt gặp đâu đó trong những vần thơ của Tố Hữu:

“Nếu là con chim, chiếc láThì chim phải hót, chiếc lá phải xanhLẽ nào vay mà không có trả

Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình.**Luận điểm 4: Lời ca ngợi quê hương đất nước qua làn điệu dân ca Huế ( Khổ cuối)**

- Những câu thơ cuối cùng mang đậm dấu ấn của những làn điệu dân ca trữ tình xứ Huế. Nó như tiếng tâm tình, thủ thỉ, như tiếng lòng sâu lắng thiết tha, nồng đậm nghĩa tình:

“Mùa xuân ta xin hát

Câu Nam ai, Nam bình

Nước non ngàn dặm mình

Nước non ngàn dặm tình

Nhịp phách tiền đất Huế”.

*- “Nam ai”* và *“Nam bình”* là hai điệu dân ca Huế rất nổi tiếng mấy trăm năm nay. Phách tiền là một nhạc cụ dân tộc để điểm nhịp cho lời ca, tiếng đàn tranh, đàn tam thập lục.

- Câu thơ "*Mùa xuân ta xin hát*" diễn tả niềm khao khát bồi hồi của nhà thơ đối với quê hương yêu dấu buổi xuân về. Quê hương đất nước trải dài ngàn dặm, chứa chan tình yêu thương.

- Đó là "*ngàn dặm mình", "ngàn dặm tình"* đối với non nước và xứ Huế quê mẹ thân thương! Câu thơ của người con đất Huế quả là "*dịu ngọt".* Có lẽtrong những ngày cuối cùng của cuộc đời, Thanh Hải muốn hát lại hai làn điệu dân ca quen thuộc của quê hương xứ Huế. Bởi lẽ trong những ngày tháng nằm trên giường bệnh, khi bị tử thần rình rập, nhà thơ lại thấy quê hương của mình đẹp hơn, bản sắc quê hương mình cũng đáng tự hào hơn. Đây cũng là cách để nhà thơ thể hiện tình yêu quê hương, nguồn cội.

**3. Đánh giá, mở rộng**

**-** Mùa xuân là đề tài truyền thống trong thơ ca dân tộc. Có thể nói, Thanh Hải đã góp cho vườn thơ Việt một bài thơ xuân đẹp, đậm đà tình nghĩa. Thể thơ năm chữ, giọng thơ lúc mạnh mẽ, lúc tha thiết ngân vang. Ngôn ngữ thơ trong sáng và biểu cảm, hàm súc và hình tượng. Các biện pháp tu từ như so sánh, ẩn dụ song hành đối xứng, các điệp ngữ... được vận dụng sắc sảo, tài hoa. Tình yêu mùa xuân gắn liền với tình yêu đất nước, quê hương được Thanh Hải diễn tả một cách sâu sắc, cảm động.

- Đến đây tự nhiên chúng ta lại nhớ đến *“Đây thôn Vĩ Dạ”* của Hàn Mặc Tử bởi bài thơ cũng được viết khi tác giả đang sống trong những ngày tháng cuối cùng của cuộc đời mình. Thanh Hải cũng vậy. Dường như nhà thơ đang dành trọn từng phút giây để được cống hiến, để được sống với văn chương.

**III. Kết bài**

Có thể nói, đã có rất nhiều thi nhân Việt Nam bộc lộ xúc cảm trước mùa xuân, nhưng “*Mùa xuân nho nhỏ*” của Thanh Hải vẫn mang nét độc đáo, riêng biệt. Bài thơ đã để lại cho đời một ý nghĩa thật lớn lao. Nó đã tái hiện thành công vẻ đẹp của mùa xuân đất nước tươi sáng, tràn đầy nhựa sống bằng giọng văn tha thiết, đầy tự hào. Nhưng đằng sau những câu thơ ấy còn cho thấy lẽ sống đẹp đẽ, cao cả của nhà thơ: nguyện cống hiến tất cả cuộc đời mình cho đất nước, quê hương. Tấm lòng, tình cảm ấy thật đáng ngưỡng mộ và trân trọng. Cảm ơn Thanh Hải đã cho chúng ta có một cái nhìn mới mẻ, có một cảm nhận tinh tế về cuộc sống tươi đẹp này để ta thêm yêu mùa xuân của đất nước và “*mùa xuân nho nhỏ*” của lòng mình.

*==============================================*

**VIẾNG LĂNG BÁC**

*(Viễn Phương)*

**ĐỀ 72: CẢM NHẬN VỀ BÀI THƠ « VIẾNG LĂNG BÁC » CỦA NHÀ THƠ VIỄN PHƯƠNG.**

**I. Mở bài**

**Cách 1:**

Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ vĩ đại, người cha già muôn vàn kính yêu của dân tộc Việt Nam. Người ra đi để lại niềm tiếc thương vô hạn cho toàn thể nhân dân. Để rồi 7 năm sau năm 1976, nhà thơ Viễn Phương bồi hồi thương nhớ Người và sáng tác lên bài thơ “*Viếng lăng Bác*”. Bài thơ thể hiện niềm kính yêu, sự xót thương và lòng biết ơn sâu sắc của tác giả nói riêng, của toàn thể đồng bào Việt nói chung với vị lãnh tụ của dân tộc.

**Cách 2:**

Bác Hồ-Người là nguồn cảm hứng bất tận trong thơ ca Việt Nam. Nếu “*Sáng tháng năm”* của Tố Hữu là tình cảm tha thiết, sôi nổi của nhà thơ với Bác khi ở chiến khu, hay “*Đêm nay Bác không ngủ”* của nhà thơ Minh Huệ là niềm xúc động của Bác trước tình thương bao la của nguồn sáng dân tộc với mọi người thì *“Viếng lăng Bác”* của Viễn Phương lại là bài ca chân thành, cảm động của nhà thơ đối với người. Và có lẽ đây chính là một trong những bài hay nhất viết về Người.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác: -** Bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương được viết vào năm 1976, một năm sau ngày giải phóng miền nam thống nhất đất nước. Đó cũng là khi lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa được khánh thành, đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước là được đến viếng lăng Bác. Tác giả là một người con của miền Nam, suốt ba mươi năm hoạt động và chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ xa xôi. Cũng như đồng bào và chiến sĩ miền Nam, nhà thơ mong mỏi được ra thăm Bác và chỉ đến lúc này, khi đất nước đã thống nhất, ông mới có thể thực hiện được ước nguyện ấy. Tình cảm đối với Bác trở thành nguồn cảm hứng để ông sáng tác bài thơ này.

**- Chủ đề**: Bài thơ thể hiện niềm thành kính xúc động sâu sắc của nhà thơ và của mọi người đối với Bác Hồ khi vào lăng viếng Bác.

**2. Phân tích, cảm nhận**

**Luận điểm 1: Cảm xúc của nhà thơ khi đến lăng Bác (Khổ 1)**

- Mở đầu bài thơ, người đọc cảm nhận được niềm xúc động và tự hào của nhà thơ khi được đến thăm lăng Bác sau 7 năm kể từ ngày Người ra đi:

“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác  
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát  
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam  
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng”

- Câu thơ mở đầu như một lời thông báo ngắn gọn, lời lẽ giản dị nhưng chứa đựng trong nó biết bao điều sâu xa, Nhà thơ nói mình ở miền Nam, ở tuyến đầu của Tổ quốc, ở nơi máu đổ suốt mấy chục năm trời. Như vậy, không đơn giản là chuyên đi thăm công trình kiến trúc, không chỉ chiêm ngưỡng trước di hài một vĩ nhân mà đó là cây tìm về cội, lá tìm về cành, máu chảy về tim, sông trở về nguồn. Đó là cuộc trở về để báo công với Bác, để được Bác ôm vào lòng và ngợi khen.

- Viễn Phương xưng hô *“con -Bác”* gợi cảm giác gần gũi thân thương, gợi mối quan hệ gắn bó như cha con ruột thịt. Nhà thơ trong đó giống như một người con xa nhà, lâu ngày mới có dịp trở về thăm hỏi người cha già kính yêu. Đồng thời, động từ “thăm” được sử dụng như cách nói giảm nói tránh cho sự ra đi của Bác để nén lại bớt cảm xúc mất mát đau thương chưa thể nguôi ngoai của cả dân tộc.

- Câu thơ không có một dụng công nghệ thuật nào nhưng lại vô cùng gợi cảm, dồn nén biết bao cảm xúc. Cách xưng hô và cách dùng từ của Viễn Phương giúp cho người đọc cảm nhận được tình cảm xúc động, nhớ thương của một người con đối với cha. Đó không chỉ là tình cảm riêng của nhà thơ mà còn là tình cảm chung của dân tộc Việt Nam. Thế hệ này tiếp nối thế hệ khác song tất cả đều có chung một tình cảm như thế với Bác Hồ kính yêu.

- Đến lăng Bác, hình ảnh đầu tiên mà tác giả quan sát được, cảm nhận được, và có ấn tượng đậm nét là hình ảnh hàng tre. Khi xây dựng lăng Bác, các nhà thiết kế đã đưa về từ mọi miền đất nước các loài cây, loài hoa, tiêu biểu cho mọi miền quê hương đất nước để trồng ở lăng Bác bởi Bác là một tâm hồn rộng mở trước thiên nhiên và Bác cũng là biểu tượng cho tinh hoa, chođất nước, cho dân tộc Việt Nam. Và ai đã từng đến lăng Bác đều có thể nhận thấy hình ảnh đầu tiên về cảnh vật hai bên lăng là những hàng tre đằng ngà bát ngát.

- Nhà thơ Viễn Phương cũng vậy! Hình ảnh *“hàng tre bát ngát”* ẩn hiện trong làn sương sớm mờ ảo trên đường đến thăm Bác chính là hình ảnh tả thực mang dáng hình quê hương đất nước thân yêu, bình dị. Nó cũng là biểu tượng cho con người Việt Nam kiên cường bất khuất, vượt qua “*bão táp mưa sa*” muôn vàn gian khổ để thống nhất đất nước theo di ngôn của Người, rồi trở về nghiêng mình kính cẩn trước anh linh của Người.

- Những hình ảnh gợi tả gợi cảm kết hợp với nhau đã tạo nên một trường liên tưởng độc đáo, thú vị. Lăng Bác hiện lên dưới ngòi bút nhà thơ như một làng quê yên bình.**=>** Chỉ một khổ thơ ngắn thôi nhưng cũng đủ để thể hiện những cảm xúc chân thành, thiêng liêng của nhà thơ và cũng là của nhân dân đối với Bác kính yêu.

**Luận điểm 2:** **Cảm xúc của nhà thơ khi đứng trước lăng Bác (Khổ 2)**

- Tác giả bước theo dòng người chầm chậm vào lăng, tâm hồn trào dâng niềm thành kính, biết ơn và ngưỡng mộ sâu sắc:

“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng  
Thấy một Mặt Trời trong lăng rất đỏ  
 Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ  
 Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”

- Đến đây, nhà thơ tiếp tục sáng tạo những hình ảnh thơ vô cùng độc đáo. Hình ảnh “*mặt trời đi qua trên lăng”* là hình ảnh thực. Đó là mặt trời thiên tạo, là hành tinh quan trọng nhất của vũ trụ, nó gợi ra sự kì vĩ, sự bất tử, vĩnh hằng. Mặt trời là nguồn cội của sự sống, ánh sáng.

- **Hình ảnh “*mặt trời trong lăng”* là một ẩn dụ** đầy sáng tạo, độc đáo – đó là hình ảnh của Bác Hồ. Giống như “*mặt trời”,* Bác Hồ cũng là nguồn ánh sáng, nguồn sức mạnh.

- *“Mặt trời”* Bác Hồ soi đường dẫn lối cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do, thống nhất đất nước. Bác đã cùng nhân dân vượt qua trăm ngàn gian khổ, hi sinh để đi tới chiến thắng quanh vinh, trọn vẹn.

- *“Mặt trời”* – Bác Hồ tỏa hơi ấm tình thương bao la trong lòng mỗi con người Việt Nam. Nhà thơ Tố Hữu đã so sánh Bác như: “*Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ”.* Cái nghĩa, cái nhân lớn lao của Bác đã tác động mạnh mẽ, sâu xa tới mỗi số phận con người.

**\* Liên hệ mở rộng :** Thật ra so sánh Bác Hồ với mặt trời đã được các nhà thơ sử dụng từ rất lâu:

*Người rực rỡ một mặt trời cách mạng*

*Mà đế quốc là loài dơi hốt hoảng*

*Đêm tàn bay chập chạng dưới chân người.*

(Tố Hữu – “*Sáng tháng năm*”)

- Nhưng cái so sánh ngầm Bác Hồ nằm trong lăng rất đỏ trong cái nhìn chiêm ngưỡng hàng ngày của mặt trời tự nhiên là một sáng tạo độc đáo và mới mẻ của Viễn Phương. Cách ví đó một mặt ca ngợi sự vĩ đại, công lao trời biển của Người đối với các thế hệ con người Việt Nam. Mặt khác bộc lộ rõ niềm tự hào của dân tộc Việt Nam khi có Bác Hồ - có được mặt trời của cách mạng soi đường chỉ lối cũng như ánh sáng của mặt trời thiên nhiên.

**-** Từ *“ngày ngày”* khẳng định quy luật thời gian bất biến của tự nhiên lẫn con người, diễn tả hiện thực dòng người nối dài vô tận, lặng lẽ trang nghiêm mỗi ngày tiến vào lăng Bác để bày tỏ tình cảm với người cha già muôn vàn kính yêu. Họ là đại diện cho người Việt Nam từ ba miền Bắc Trung Nam, từ 54 dân tộc anh em trên khắp mọi miền Tổ Quốc.

- Họ kết thành **hình ảnh ẩn dụ “*tràng hoa****”* biểu tượng cho những gì tinh túy, đẹp đẽ nhất của đất nước và con người Việt Nam kính dâng lên Bác.

- Ngoài ra, tác giả cũng sáng tạo **hình ảnh hoán dụ “*bảy mươi chín mùa xuân”*** diễn tả bảy mươi chín năm tuổi đời của Bác là bảy mươi chín mùa xuân tươi đẹp, tràn đầy ý nghĩa. 79 mùa xuân ấy đã hy sinh để đem đến cho dân tộc ta một mùa xuân độc lập, tự do và hạnh phúc vĩnh hằng.

**Luận điểm 3: Cảm xúc của nhà thơ khi vào trong lăng (Khổ 3)**

- Để rồi khi đứng trước di hài của Bác, trái tim nhà thơ trào dâng cảm xúc nghẹn ngào không thể kìm nén, lay động trái tim của hàng triệu người:

“Bác nằm trong giấc ngủ bình yên  
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền  
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi  
Mà sao nghe nhói ở trong tim”

- Viễn Phương vẫn tiếp tục dùng phép nói giảm, nói tránh “*giấc ngủ bình yên”* như muốn cố gắng giảm bớt sự thật đau đớn về sự ra đi của Bác. Chỉ là mệt nên Bác ngủ thôi bởi “*Suốt cuộc đời Bác có ngủ yên đâu/ Nay Bác ngủ chúng con canh giấc ngủ” (*Chúng con canh giấc Bác ngủ, Bác Hồ ơi- Hải Như).

- Hình ảnh *“vầng trăng sáng dịu hiền”* gợi cho chúng ta nghĩ đến tâm hồn, cách sống cao đẹp, thanh cao, sáng trong của Bác và những vần thơ tràn ngập ánh trăng của Người. Trăng với Bác đã từng vào thơ Bác trong nhà lao, trên chiến trận, giờ đây trăng cũng đến để giữ giấc ngủ ngàn thu cho Người.

- Chỉ có thể bằng trí tưởng tượng, sự thấu hiểu và yêu quí những vẻ đẹp trong nhân cách của Hồ Chí Minh thì nhà thơ mới sáng tạo nên được những ảnh thơ đẹp như vậy! Hình ảnh *“trời xanh”* được hiểu theo nghĩa tả thực đó là thiên nhiên mà chúng ta hằng ngày vẫn đang chiêm ngưỡng, nó tồn tại mãi mãi và vĩnh hằng.

- Mặt khác, *“trời xanh”* còn là một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: Bác vẫn còn mãi với non sông đất nước, như *“trời xanh”* vĩnh hằng. Nhà thơ Tố Hữu đã viết: *“Bác sống như trời đất của ta”,* bởi Bác đã hóa thân thành thiên nhiên, đất nước và dân tộc.

- Cặp quan hệ từ *“vẫn biết – mà sao”* diễn tả cảm xúc nghẹn ngào trào dâng. Biết rằng Người sẽ luôn sống mãi trong lòng dân tộc nhưng sự thật Bác đã ra đi mãi mãi vẫn khiến nhà thơ cũng như mấy chục triệu người dân Việt Nam *“nghe nhói ở trong tim”.*

*-* Nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “*nghe nhói”* nhấn mạnh niềm đau xót tột cùng của nhà thơ trước thực tại Bác không còn nữa. (Liên hệ)=>Cảm xúc đau đớn này, vô vọng này đã từng xuất hiện trong bài thơ của Tố Hữu:

*Trái bưởi kia vàng ngọt với ai*

*Thơm cho ai nữa hỡi hoa nhài*

*Còn đâu bóng Bác đi hôm sớm…*

- Cảm xúc này là đỉnh điểm của nỗi nhớ thương, của niềm đau xót. Nó chính là nguyên nhân dẫn đến những khát vọng ở khổ cuối bài thơ.

**Luận điểm 4:** **Tâm trạng lưu luyến của nhà thơ khi rời xa lăng Bác (khổ 4)**

- Khép lại nỗi đau mất mát ấy là những giọt nước mắt luyến tiếc, bịn rịn, không muốn rời xa Bác. Khổ thơ thứ tư đã diễn tả tâm trạng lưu luyến của nhà thơ muốn được ở mãi bên lăng Bác.

“Mai về miền Nam thương trào nước mắt  
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác  
Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây  
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này”

- Những giọt nước mắt tiếc thương, nhung nhớ Bác đến giây phút này đã không thể kìm nén. Lời thơ vang lên đầy nức nở, nghẹn ngào. Niềm khát khao chân thành muốn ở gần Bác của ông được bộc lộ mãnh liệt bằng một loạt động từ “*muốn làm”.*

- Điệp ngữ “*muốn làm”* cùng các hình ảnh đẹp của thiên nhiên “*con chim”, “đóa hoa”, “cây tre”* đã thể hiện ước muốn tha thiết, mãnh liệt của tác giả. Nhà thơ ao ước được hóa thân thành con chim nhỏ cất tiếng hót làm vui lăng Bác, thành đóa hoa đem sắc hương, điểm tô cho vườn hoa quanh lăng.

**Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây**

- Đặc biệt là ước nguyện *“Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này”* để nhập vào hàng tre bát ngát, canh giữ giấc ngủ thiên thu của Người. Hình ảnh cây tre có tính chất tượng trưng một lần nữa nhắc lại khiến bài thơ có **kết cấu đầu cuối tương ứng**.

- Hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác được lặp ở câu thơ cuối như mang thêm nghĩa mới, tạo ấn tượng sâu sắc, làm dòng cảm xúc được trọn vẹn. “*Cây tre trung hiếu”* là hình ảnh ẩn dụ thể hiện lòng kính yêu, sự trung thành vô hạn với Bác, nguyện mãi mãi đi theo con đường cách mạng mà Người đã đưa đường chỉ lối. *“Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta/ Ta bỗng lớn ở bên Người một chút”.* Đó là lời hứa thủy chung của riêng nhà thơ và cũng là ý nguyện của đồng miền Nam, của mỗi chúng ta nói chung với Bác.

**3. Đánh giá**

Trải qua bao dòng chảy thời gian, bài thơ vẫn chạm đến trái tim người đọc bởi nội dung và nghệ thuật đặc sắc. Bài thơ được viết theo thể tám chữ sáng tạo, kết hợp khéo léo chất tự sự và trữ tình. Ngôn ngữ thơ giản dị, mộc mạc, đậm chất Nam Bộ đồng thời sử dụng những hình ảnh thơ chân thực gợi nhiều trường liên tưởng. Đặc biệt, sử dụng thành công các biện pháp nói giảm, nói tránh, ẩn dụ, hoán dụ, điệp từ...Từ đó thể hiện cảm xúc đau đớn xót thương, nỗi nhớ và tình cảm thiết tha, sự biết ơn thành kính với Bác Hồ kính yêu. Bài thơ dễ dàng khơi gợi cảm xúc trong lòng độc giả, là nén tâm hương kính dâng lên Người.

**III. Kết bài**

Với bài thơ *“Viếng lăng Bác*” Viễn Phương đã đóng góp không nhỏ cho thi ca đề tài về Bác. Dù bao năm qua đi, bài thơ mãi mãi là tác phẩm đầy xúc cảm gửi gắm những giá trị tốt đẹp vĩnh cửu mà nhà thơ và toàn thể dân tộc dành cho Bác. Cảm ơn Viễn Phương đã để lại cho đời một bài thơ hay như thế để em biết mình phải làm gì? Phải sống ra sao để xứng đáng với công lao trời biển ấy.

**========================================================**

**ĐỀ 73: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ ĐOẠN THƠ SAU:**

*“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.*

*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân*

*Bác nằm trong giấc ngủ bình yên*

*Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền*

*Vẫn biết trời xanh là mãi mãi*

*Mà sao nghe nhói ở trong tim!”*

(Trích *“Viếng lăng Bác*”-Viễn Phương, Ngữ Văn 9, Tập 2)

**I. Mở bài**

Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ vĩ đại, người cha già muôn vàn kính yêu của dân tộc Việt Nam. Người ra đi để lại niềm tiếc thương vô hạn cho toàn thể nhân dân. Để rồi 7 năm sau năm 1976, nhà thơ Viễn Phương bồi hồi thương nhớ Người và sáng tác lên bài thơ “*Viếng lăng Bác*”. Bài thơ thể hiện niềm kính yêu, sự xót thương và lòng biết ơn sâu sắc của tác giả nói riêng, của toàn thể đồng bào Việt nói chung với vị lãnh tụ của dân tộc.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sang tác**: Bài thơ được viết vào tháng 4 năm 1976, một năm sau ngày giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Bài thơ được in trong tập thơ *“Như mây mùa xuân*” (1978).

- **Chủ đề:** Bài thơ được xem như là cuộc hành hương của Viễn Phương sau bao năm chờ đợi để được trở về bên cha già kính yêu.. Mạch vận động của cảm xúc trong bài theo trình tự của một cuộc viếng thăm.

**- Vị trí đoạn thơ:** Hai khổ thơ trên nằm ở phần 2 và 3 của bài. Nếu khổ thơ đầu của bài thơ là cảm xúc của tác giả khi viếng lăng Bác thì đến hai khổ thơ này là cảm xúc của tác giả khi đứng trước lăng Bác và khi vào trong lăng viếng Bác.

**2. Cảm nhận hai khổ thơ**

**Luận điểm 1:  Những cảm xúc, suy ngẫm của nhà thơ khi đứng trước lăng viếng Bác (Khổ 2)**

- Tác giả bước theo dòng người chầm chậm vào lăng, tâm hồn trào dâng niềm thành kính, biết ơn và ngưỡng mộ sâu sắc:

“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng  
Thấy một Mặt Trời trong lăng rất đỏ  
 Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ  
 Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”

- Đến đây, nhà thơ tiếp tục sáng tạo những hình ảnh thơ vô cùng độc đáo. Hình ảnh “*mặt trời đi qua trên lăng”* là hình ảnh thực. Đó là mặt trời thiên tạo, là hành tinh quan trọng nhất của vũ trụ, nó gợi ra sự kì vĩ, sự bất tử, vĩnh hằng. Mặt trời là nguồn cội của sự sống, ánh sáng.

- **Hình ảnh “*mặt trời trong lăng”* là một ẩn dụ** đầy sáng tạo, độc đáo – đó là hình ảnh của Bác Hồ. Giống như “*mặt trời”,* Bác Hồ cũng là nguồn ánh sáng, nguồn sức mạnh. *“Mặt trời”* Bác Hồ soi đường dẫn lối cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do, thống nhất đất nước. Bác đã cùng nhân dân vượt qua trăm ngàn gian khổ, hi sinh để đi tới chiến thắng quanh vinh, trọn vẹn.

- *“Mặt trời”* - Bác Hồ tỏa hơi ấm tình thương bao la trong lòng mỗi con người Việt Nam. Nhà thơ Tố Hữu đã so sánh Bác như: “*Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ”.* Cái nghĩa, cái nhân lớn lao của Bác đã tác động mạnh mẽ, sâu xa tới mỗi số phận con người.

*\* Liên hệ mở rộng :*Thật ra so sánh Bác Hồ với mặt trời đã được các nhà thơ sử dụng từ rất lâu:

*Người rực rỡ một mặt trời cách mạng*

*Mà đế quốc là loài dơi hốt hoảng*

*Đêm tàn bay chập chạng dưới chân người.*

(Tố Hữu – “*Sáng tháng năm*”)

- Nhưng cái so sánh ngầm Bác Hồ nằm trong lăng rất đỏ trong cái nhìn chiêm ngưỡng hàng ngày của mặt trời tự nhiên là một sáng tạo độc đáo và mới mẻ của Viễn Phương. Cách ví đó một mặt ca ngợi sự vĩ đại, công lao trời biển của Người đối với các thế hệ con người Việt Nam. Mặt khác bộc lộ rõ niềm tự hào của dân tộc Việt Nam khi có Bác Hồ - có được mặt trời của cách mạng soi đường chỉ lối cũng như ánh sáng của mặt trời thiên nhiên.

**-** Hình ảnh “dòng người” đi liền với điệp từ “ngày ngày” gợi dòng thời gian vô tận và sự sống vĩnh cữu; mang giá trị tạo hình, vẽ lên quang cảnh những đoàn người nối tiếp nhau không dứt, lặng lẽ và thành kính vào viếng Bác. Lối nói “đi trong thương nhớ” thể hiện nỗi tiếc thương, nhớ nhung lớn lao của bao thế hệ người dân Việt Nam trong giây phút vào lăng viếng Bác. Họ là đại diện cho người Việt Nam từ ba miền Bắc Trung Nam, từ 54 dân tộc anh em trên khắp mọi miền Tổ Quốc.

- Hình ảnh ẩn dụ “*tràng hoa”* biểu tượng cho những gì tinh túy, đẹp đẽ nhất của đất nước và con người Việt Nam kính dâng lên Bác. *“Tràng hoa”* ấy được kết từ hàng ngàn, hàng vạn trái tim của dân tộc Việt Nam. Ngoài ra, tác giả cũng sáng tạo hình ảnh hoán dụ “*bảy mươi chín mùa xuân”* diễn tả bảy mươi chín năm tuổi đời của Bác là bảy mươi chín mùa xuân tươi đẹp, tràn đầy ý nghĩa. 79 mùa xuân, 79 năm cuộc đời ấy Người đã hiến dâng trọn vẹn để đem đến cho dân tộc ta một mùa xuân độc lập, tự do và hạnh phúc vĩnh hằng.

**Luận điểm 2: Cảm xúc của nhà thơ khi vào trong lăng (Khổ 3)**

- Để rồi khi đứng trước di hài của Bác, trái tim nhà thơ trào dâng cảm xúc nghẹn ngào không thể kìm nén, lay động trái tim của hàng triệu người:

“Bác nằm trong giấc ngủ bình yên  
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền  
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi  
Mà sao nghe nhói ở trong tim”

- Viễn Phương vẫn tiếp tục dùng phép nói giảm, nói tránh “*giấc ngủ bình yên”* như muốn cố gắng giảm bớt sự thật đau đớn về sự ra đi của Bác. Chỉ là mệt nên Bác ngủ thôi bởi

“*Suốt cuộc đời Bác có ngủ yên đâu/*

*Nay Bác ngủ chúng con canh giấc ngủ”*

*(*Chúng con canh giấc Bác ngủ, Bác Hồ ơi- Hải Như).

- Hình ảnh *“vầng trăng sáng dịu hiền”* gợi cho chúng ta nghĩ đến tâm hồn, cách sống cao đẹp, thanh cao, sáng trong của Bác và những vần thơ tràn ngập ánh trăng của Người. Trăng với Bác đã từng vào thơ Bác trong nhà lao, trên chiến trận, giờ đây trăng cũng đến để giữ giấc ngủ ngàn thu cho Người. Chỉ có thể bằng trí tưởng tượng, sự thấu hiểu và yêu quí những vẻ đẹp trong nhân cách của Hồ Chí Minh thì nhà thơ mới sáng tạo nên được những ảnh thơ đẹp như vậy!

- Hình ảnh *“trời xanh”* được hiểu theo nghĩa tả thực đó là thiên nhiên mà chúng ta hằng ngày vẫn đang chiêm ngưỡng, nó tồn tại mãi mãi và vĩnh hằng. Mặt khác, *“trời xanh”* còn là một hình ảnh ẩn dụ sâu xa: Bác vẫn còn mãi với non sông đất nước, như *“trời xanh”* vĩnh hằng.

- Nhà thơ Tố Hữu đã viết: *“Bác sống như trời đất của ta”,* bởi Bác đã hóa thân thành thiên nhiên, đất nước và dân tộc.

- Cặp quan hệ từ *“vẫn biết – mà sao”* diễn tả cảm xúc nghẹn ngào trào dâng. Biết rằng Người sẽ luôn sống mãi trong lòng dân tộc nhưng sự thật Bác đã ra đi mãi mãi vẫn khiến nhà thơ cũng như mấy chục triệu người dân Việt Nam *“nghe nhói ở trong tim”.*

*-* Nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác “*nghe nhói”* nhấn mạnh niềm đau xót tột cùng của nhà thơ trước thực tại Bác không còn nữa.

*\* Liên hệ mở rộng :* Cảm xúc đau đớn, vô vọng này đã từng xuất hiện trong bài thơ của Tố Hữu:

*Trái bưởi kia vàng ngọt với ai*

*Thơm cho ai nữa hỡi hoa nhài*

*Còn đâu bóng Bác đi hôm sớm…*

- Cảm xúc này là đỉnh điểm của nỗi nhớ thương, của niềm đau xót. Nó chính là nguyên nhân dẫn đến những khát vọng ở khổ cuối bài thơ.

**3. Đánh giá**

Với lời thơ cô đọng, giọng thơ trang nghiêm thành kính, tha thiết và rất giàu cảm xúc, đoạn thơ đã để lại ấn tượng rất sâu đậm trong lòng người đọc. Bởi lẽ, đoạn thơ không những chỉ bộc lộ tình cảm sâu sắc của tác giả đối với Bác Hồ mà còn nói lên tình cảm chân thành tha thiết của hàng triệu con người Việt Nam đối với vị lãnh tụ kính yêu của dân tộc.

**III. Kết bài**

Mỗi lần có dịp đi qua Quảng trường Ba Đình lịch sử, ta vẫn sẽ thấy dòng người như bất tận vào lăng viếng Bác. Ta chợt nhớ tới bài thơ của Viễn Phương mà đặc biệt là hai đoạn thơ trên với những tình cảm ấm áp, thiết tha. Giờ đây, Bác đã đi xa và Viễn Phương cũng đã trở thành người thiên cổ nhưng dư âm của “*Viếng lăng Bác”*nói chung và hai đoạn thơ trên nói riêng sẽ còn mãi ngân vang trong lòng của mỗi người dân đất Việt

=============================================================

**ĐỀ 74: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ HAI ĐOẠN THƠ SAU :**

*“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác*

*Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát*

*Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam*

*Bão táp mưa sa vẫn thẳng hàng”*

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”*

*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”*

**1. Mở bài**

**Cách 1:**

Viễn Phương là cây bút thơ xuất hiện sớm nhất trong lực lượng văn nghệ giải phóng miền Nam. Thơ ông thường nhỏ nhẹ, giàu tình cảm và rất mộc mạc. Một trong những bài thơ tiêu biểu của ông là bài thơ “Viếng lăng Bác”. Bài thơ được viết trong không khí xúc động của nhân dân ta lúc công trình Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được khánh thành sau khi giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Bài thơ thể hiện niềm xúc động thiêng liêng, tấm lòng tha thiết thành kính của nhà thơ, của mọi người đối với Bác. Hai khổ thơ đầu của bài thơ đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc, khổ thơ đã thể hiện niềm xúc động thành kính, thiêng liêng của nhà thơ và cũng là tất cả của mọi người khi vào lăng viếng Bác:

*“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác*

*………………………………………….*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...”*

**Cách 2:**

Bác Hồ tên gọi thân yêu ngân vang, ngân vang trong trái tim muôn triệu con người, người là niềm tin, là sức mạnh, là phẩm giá của mỗi con người Việt Nam, một người bạn lớn với tâm hồn mỗi con người, đối với thiên nhiên tạo vật... sự vĩ đại vẻ đẹp của Bác, lòng kính yêu đối với Bác đã trở thành đề tài, nguồn cảm hứng cho các nghệ sĩ sáng tạo ra các tác phẩm nghệ thuật bất hủ. Đến sau trong đề tài về Bác do điều kiện, hoàn cảnh là người con miền nam cầm súng ở tiền tuyến . Nhà thơ Viễn Phương đã để lại bài thơ “ Viếng Lăng Bác” độc đáo có sức cảm hóa sâu sắc bởi sự xúc động chân thành, tình cảm sâu sắc của nhà thơ cũng như muôn triệu người dân Việt Nam đối với Bác.

**Cách 3:**

Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, một danh nhân văn hóa thế giới, một trái tim vĩ đại, một nhân cách vĩ đại, người cha già muôn vàn kính yêu của dân tộc Việt Nam. Người ra đi để lại niềm tiếc thương vô hạn cho toàn thể nhân dân. Để rồi 7 năm sau - Năm 1976, nhà thơ Viễn Phương bồi hồi thương nhớ Người và sáng tác lên bài thơ “*Viếng lăng Bác*”. Bài thơ thể hiện niềm kính yêu, sự xót thương và lòng biết ơn sâu sắc của tác giả nói riêng, của toàn thể đồng bào Việt nói chung với vị lãnh tụ của dân tộc. Hai khổ thơ đầu của bài thơ đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc, khổ thơ đã thể hiện niềm xúc động thành kính, thiêng liêng của nhà thơ và cũng là tất cả của mọi người khi vào lăng viếng Bác:

*“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác*

*………………………………………….*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...”*

**B. Thân bài**

**1. Giới thiệu khái quát về bài thơ**

**- Hoàn cảnh sáng tác: -** Bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương được viết vào năm 1976, một năm sau ngày giải phóng miền nam thống nhất đất nước. Đó cũng là khi lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa được khánh thành, đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước là được đến viếng lăng Bác. Tác giả là một người con của miền Nam, suốt ba mươi năm hoạt động và chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ xa xôi. Cũng như đồng bào và chiến sĩ miền Nam, nhà thơ mong mỏi được ra thăm Bác và chỉ đến lúc này, khi đất nước đã thống nhất, ông mới có thể thực hiện được ước nguyện ấy. Tình cảm đối với Bác trở thành nguồn cảm hứng để ông sáng tác bài thơ này.

**- Chủ đề**: Bài thơ thể hiện niềm thành kính xúc động sâu sắc của nhà thơ và của mọi người đối với Bác Hồ khi vào lăng viếng Bác.

**Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây**

**- Vị trí:** Hai khổ thơ trên thuộc phần đầu của bài thơ đã thể hiện niềm xúc động mãnh liệt của nhà thơ khi đứng trước lăng Bác, hòa cùng dòng người khi tác giả vào lăng viếng Bác.

**2. Phân tích đoạn thơ**

**a. Khổ 1: Cảm xúc của nhà thơ khi lần đầu tiên được ra lăng viếng Bác**

*\* Dẫn dắt:* Mở đầu bài thơ đã diễn tả cảm xúc của một người con đã đi từ một nơi rất xa về cả không gian và thời gian, là cảm xúc của nhà thơ Viễn Phương khi lần đầu được đến thăm lăng Bác, đứng trước lăng Bác tâm hồn nhà thơ trào dâng niềm xúc động:

*“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác”*

- Câu thơ mở đầu như một lời thông báo ngắn gọn, lời lẽ giản dị nhưng chứa biết bao điều sâu xa, Nhà thơ muốn nói mình là người con ở miền Nam, nơi tuyến đầu của Tổ quốc, ở nơi máu đổ suốt mấy chục năm trời. Như vậy, không đơn giản là chuyên đi thăm công trình kiến trúc, không chỉ chiêm ngưỡng trước di hài một vĩ nhân mà đó là cây tìm về cội, lá tìm về cành, máu chảy về tim, sông trở về nguồn. Đó là cuộc trở về để báo công với Bác, để được Bác ôm vào lòng và ngợi khen.

- Nhà thơ xưng “con” và gọi chủ tịch HCM là “Bác”, chữ “con” lại được đặt ở đầu dòng thơ, đầu bài thơ. Trong ngôn từ của nhân loại không có một chữ nào lại xúc động và sâu nặng bằng tiếng “con”. => Cách xưng hô này thật gần gũi, thân thiết, ấm áp tình thân mà vẫn rất mực thành kính, thiêng liêng. Với cách xưng hô và cách dùng từ của nhà thơ Viễn Phương giúp cho người đọc cảm nhận được tình cảm xúc động, nhớ thương của một người con đối với cha. Một tiếng “con” ấy thôi cũng để diễn tả được tâm trạng xúc động của người con ra thăm cha sau bao nhiêu năm xa cách. Đó không chỉ là tình cảm riêng của nhà thơ mà còn là tình cảm chung của dân tộc Việt Nam. Thế hệ này tiếp nối thế hệ khác song tất cả đều có chung một tình cảm như thế với Bác Hồ kính yêu.

- Nhà thơ sử dụng từ “thăm” thay cho từ “viếng” Cách nói giảm, nói tránh giảm nhẹ nỗi đau thương mất mát khẳng định Bác vẫn còn mãi trong trái tim nhân dân miền Nam, trong lòng dân tộc. Đồng thời gợi sự thân mật, gần gũi: Con về thăm cha - thăm người thân ruột thịt, thăm chỗ Bác nằm, thăm nơi Bác ở để thỏa lòng khát khao mong nhớ bấy lâu.

- Đến lăng Bác, hình ảnh đầu tiên mà tác giả quan sát được, cảm nhận được, và có ấn tượng đậm nét là hình ảnh hàng tre:

*“Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát”*

- Hình ảnh *“hàng tre bát ngát”* ẩn hiện trong làn sương sớm mờ ảo trên đường đến thăm Bác chính là hình ảnh tả thực mang dáng hình quê hương đất nước thân yêu, bình dị. Nó cũng là hình ảnh ẩn dụ: biểu tượng cho con người Việt Nam kiên cường, bất khuất, bền bỉ, cần cù chịu thương chịu khó, vượt qua “*bão táp mưa sa*” muôn vàn gian khổ để thống nhất đất nước theo di ngôn của Người, rồi trở về nghiêng mình kính cẩn trước anh linh của Người.

- Những hình ảnh gợi tả gợi cảm kết hợp với nhau đã tạo nên một trường liên tưởng độc đáo, thú vị. Lăng Bác hiện lên dưới ngòi bút nhà thơ như một làng quê yên bình. Trước hàng tre Viễn Phương xúc động, tự hào và thốt lên:

*“Ôi hàng tre xanh xanh Việt Nam*

*Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng.”*

- Từ cảm thán “Ôi” được đặt ở đầu câu thơ thể hiện niềm thương cảm, vừa mang vẻ tự hào thương cảm vì dân tộc ta trải qua “bão táp mưa sa” khó khăn gian khổ cuộc đời. Tự hào như người Việt Nam vẫn “đứng thẳng hàng” như người Việt Nam ta luôn kiên cường bất khuất trước mọi gian lao thử thách

 - Cách nói ẩn dụ “Xanh xanh Việt Nam”, cùng với phép nhân hóa “đứng thẳng hàng” **-** là tinh thần đoàn kết đấu tranh, chiến đấu anh hùng, không bao giờ khuất phục, tất cả vì độc lập tự do của nhân dânViệt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và Bác Hồ. Với cách nói này tác giả làm nổi bật hình ảnh hàng tre mang màu xanh đất nước, mang dáng dấp của con người Việt Nam hiên ngang, bất khuất. Đức tính cao quý ấy được thể hiện qua bài thơ của nhà thơ Nguyễn Duy:

*“ Thân gầy guộc, lá mong manh*

*Mà sao nên lũy nên thành tre ơi !”*

- Thành ngữ “bão táp mưa sa” là hình ảnh ẩn dụ cho bao khó khăn, thách thức, gian khổ, những vinh quang và cay đắng mà dân tộc ta đã vượt qua. Thế nhưng đi qua bao song gió thăng trầm, bao biến cố bi thương nhưng với tinh thần đoàn kết kiên cường, bất khuất đã không làm lay chuyển hoặc mất đi những phẩm chất tốt đẹp của con người Việt Nam. Họ vẫn đứng thẳng hang, vẫn kiên trung bất khuất.

=> Hàng tre ấy như những đội quân danh dự cùng với những loài cây khác đại diện cho những con người ở mọi miền quê trên đất nước ViệtNam tụ họp về đây xum vầy với Bác, trò chuyện và bảo vệ giấc ngủ cho Người. Nơi Bác nghỉ vẫn luôn xanh mát bóng tre xanh.

=> Khổ thơ đầu thể hiện niềm xúc động chân thành của nhà thơ Viễn Phương khi lần đầu được ra lăng viếng Bác. Cảm xúc ấy không chỉ riêng của nhà thơ mà là cảm xúc chung của toàn dân tộc Việt Nam khi được đến lăng viếng Bác.

**b. Cảm xúc của nhà thơ khi đứng trước lăng Bác:**

*\* Chuyển ý*: Theo trình tự thời gian, tác giả đã ghi lại cảm xúc của tác giả khi hòa cùng dòng người vào lăng viếng Bác:

**Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây**

*“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ.”*

*-* Hình ảnh “*mặt trời đi qua trên lăng”* là hình ảnh thực. Đó là mặt trời thiên tạo, mặt trời của tự nhiên, là hành tinh quan trọng nhất của vũ trụ, nó gợi ra sự kì vĩ, sự bất tử, vĩnh hằng. Mặt trời là nguồn cội của sự sống, ánh sáng.

- Hình ảnh *“mặt trời trong lăng*” là một ẩn dụ đầy sáng tạo, độc đáo - đó là hình ảnh của Bác Hồ. Giống như “mặt trời”, Bác Hồ cũng là nguồn ánh sáng, nguồn sức mạnh. “Mặt trời” **-** Bác Hồ soi đường dẫn lối cho sự nghiệpcách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do, thống nhất đất nước. Bác đã cùng nhân dân vượt qua trăm ngàn gian khổ, hi sinh để đi tới chiến thắng quanh vinh, trọn vẹn. “Mặt trời” **-** Bác Hồ tỏa hơi ấm tình thương bao la trong lòng mỗi con người Việt Nam.

*\* Liên hệ mở rộng:* Nhà thơ Tố Hữu đã so sánh Bác như:

*“Người là Cha, là Bác, là anh*

*Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ”.*

Cái nghĩa, cái nhân lớn lao của Bác đã tác động mạnh mẽ, sâu xa tới mỗi số phận con người.

- Thật ra so sánh Bác Hồ với mặt trời đã được các nhà thơ sử dụng từ rất lâu:

*Người rực rỡ một mặt trời cách mạng*

*Mà đế quốc là loài dơi hốt hoảng*

*Đêm tàn bay chập chạng dưới chân người.*

*( Tố Hữu - “Sáng tháng năm”)*

- Nhà thơ ví bác như mặt trời vừa thể hiện tấm lòng thành kính, lòng biết ơn vô hạn với công lao của Bác, đồng thời còn khẳng định sự vĩ đại, sự trường tồn của Bác là bất biến với thời gian.

- Hình ảnh “mặt trời” đi kèm với từ “rất đỏ” còn ẩn dụ cho lòng nhiệt huyết và trái tim nồng nàn của chủ tịch HCM. Đây là một sáng tạo độc đáo và mới mẻ của Viễn Phương. Cách ví đó một mặt ca ngợi sự vĩ đại, công lao trời biển của Người đối với các thế hệ con ngườiViệt Nam. Mặt khác bộc lộ rõ niềm tự hào của dân tộc Việt Nam khi có Bác Hồ - có được mặt trời của cách mạng soi đường chỉ lối cũng như ánh sáng của mặt trời thiên nhiên.

- Từ láy “ngày ngày” đứng ở đầu câu vừa diễn tả sự liên tục bất biến của tự nhiên vừa góp phần vĩnh viễn hóa, bất tử hóa hình ảnh Bác Hồtrong lòng mọi người và giữa thiên nhiên vũ trụ.

*\* Chuyển ý*: Niềm xúc động của nhà thơ còn được gợi ra từ những hình ảnh rất thực, lại vừa giàu sức kiên tưởng qua hình ảnh dòng người vào thăm lăng Bác đã được nhà thơ miêu tả một cách độc đáo và để lại nhiều ấn tượng:

*“Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.”*

- Từ láy “ngày ngày” được đặt ở đầu câu thơ diễn tả cảnh tượng có thực đang diễn ra hàng ngày, đều đặn trong cuộc sống của con người Việt Nam: Những dòng người nặng trĩu nhớ thương từ khắp mọi miền đất nước đã về đây xếp hàng, lặng lẽ theo nhau vào lăng viếng Bác.

+ Bằng sự quan sát trong thực tế, tác giả đã tạo ra một hìnhảnh ẩn dụ đẹp và sáng tạo: “tràng hoa”.

- Hình ảnh “tràng hoa” là hình ảnh ẩn dụ đầy sang tạo, mang nhiều cách hiểu khác nhau. Nghĩa thực là những bông hoa tươi thắm kết thành vòng hoa được những người con khắp nơi trên đất nước và thế giới về thăm dâng lên Bác để bày tỏ tình cảm, tấm lòng nhớ thương, yêu quý, tự hào của mình.

- “Tràng hoa” ở đây còn mang nghĩa ẩn dụ chỉ từng người một đang xếp hàng viếng lăng Bác mỗi ngày là một bông hoa ngát thơm. Những dòng người bất tận đang ngày ngày vào lăng viếng Bác, dòng ra sau, qua bên lăng, đi ra nối tiếp thành một vòng tròn nối kết nhau thành những tràng hoa bất tận. Những bông hoa **-** tràng hoa rực rỡ đó dưới ánh mặt trời của Bác đã trở thành những bông hoa **-** tràng hoa đẹp nhất dâng lên “bảy mươi chín mùa xuân” **-** 79 năm cuộc đời của Người.

- Hình ảnh “ 79 mùa xuân” là hình ảnh hoán dụ tượng trưng cho 79 tuổi đời của Bác. Mỗi tuổi đời ấy là một mùa xuân tươi đẹp mà Bác đã cống hiến trọn vẹn cho tổ quốc. Động từ “dâng” đã thể hiện tấm lòng thành kính, trân trọng của tác giả nói riêng và của toàn thể dân tộc Việt Nam đối với Bác Hồ. Mùa xuân là mùa đẹp nhất trong một năm, còn Bác là người Việt Nam đẹp nhất.

\* Liên hệ mở rộng: Hình ảnh ấy cũng đã từng xuất hiện trong thơ Tố Hữu:

*“Bẩy mươi chin mùa xuân trong sáng*

*Vào cuộc trường sinh nhẹ cánh bay”*

Bác đã hiến dâng những gì đẹp nhất của cuộc đời mình cho sự nghiệp giải phóng dân tộc, và giờ đây những người con của dân tộc đang dâng lên cho người long biết ơn sâu sắc nhất. lời thơ trang trọng nhưng vô cùng tha thiết gợi nhiều suy tưởng sâu lắng, mênh mông.

=> Có thể nói khổ thơ thứ hai là đẹp nhất trong cả bài. Qua những vần thơ tha thiết chân thành, nhà thơ Viễn Phương đã bộc lộ tấm lòng thành kính, biết ơn, sự thành kính và niềm tự hào của tác giả, của dân tộc Việt Nam đối với Bác Hồ vị lãnh tụ vô cùng kính yêu.

**3. Đánh giá:**

Như vậy, bằng các biện pháp tu từ ẩn dụ, nói giảm nói tránh, các từ ngữ và hình ảnh chọn lọc, 2 khổ thơ đầu đã diễn tả được một cách sâu sắc nỗi niềm xúc động, nghẹn ngào của nhà thơ khi lần đầu tiên được ra lăng viếng Bác. Lời thơ chính là tấm lòng tác giả, của nhân dân cả nước dành cho vị cha già kính yêu của dân tộc. Người sẽ luôn sống và sáng mãi trong lòng dân tộc Việt Nam.

**C. Kết bài**

Bằng những từ ngữ, lời lẽ chân thành, giàu cảm xúc, nhà thơ Viễn Phương đã bày tỏ được niềm xúc động cùng lòng biết ơn sâu sắc đến Bác trong một dịp ra miền Bắc viếng lăng Bác. Bài thơ như một tiếng lòng chân thành tha thiết mà nhà thơ Viễn Phương đã nói thay cho hàng vạn nhân dân miền Nam, của toàn thể nhân dân Việt Nam đối với Bác. Bày tỏ tình cảm, niềm kính yêu tha thiết nhất, lòng biết ơn thành kính nhất với Hồ Chủ tịch.

===========================================================

**ĐỀ 75: PHÂN TÍCH 2 KHỔ THƠ, KHỔ 3 VÀ KHỔ 4 TRONG BÀI THƠ “VIẾNG LĂNG BÁC” CỦA NHÀ THƠ VIỄN PHƯƠNG.**

*“Bác nằm trong giấc ngủ bình yên  
Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền  
Vẫn biết trời xanh là mãi mãi  
Mà sao nghe nhói ở trong tim.  
  
Mai về miền Nam thương trào nước mắt  
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác  
Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây  
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này...”*

**Cách 1:** Viễn Phương là cây bút thơ xuất hiện sớm nhất trong lực lượng văn nghệ giải phóng miền Nam. Thơ ông thường nhỏ nhẹ, giàu tình cảm và rất mộc mạc. Một trong những bài thơ tiêu biểu của ông là bài thơ “Viếng lăng Bác”. Bài thơ được viết trong không khí xúc động của nhân dân ta lúc công trình Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh được khánh thành sau khi giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Bài thơ thể hiện niềm xúc động thiêng liêng, tấm lòng tha thiết thành kính của nhà thơ, của mọi người đối với Bác. Hai khổ thơ cuối của bài thơ đã để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc, khổ thơ đã thể hiện niềm xúc động nghẹn ngào của nhà thơ và cũng là tất cả của mọi người khi vào lăng viếng Bác:

*“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác*

*………………………………………….*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...”*

**Cách 2:**

Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam, một danh nhân văn hóa thế giới, một trái tim vĩ đại, một nhân cách vĩ đại, người cha già muôn vàn kính yêu của dân tộc Việt Nam. Người ra đi để lại niềm tiếc thương vô hạn cho toàn thể nhân dân. Để rồi 7 năm sau - Năm 1976, nhà thơ Viễn Phương bồi hồi thương nhớ Người và sáng tác lên bài thơ “*Viếng lăng Bác*”. Bài thơ thể hiện niềm kính yêu, sự xót thương và lòng biết ơn sâu sắc của tác giả nói riêng, của toàn thể đồng bào Việt nói chung với vị lãnh tụ của dân tộc. Và đọc bài thơ ấy có lẽ người đọc sẽ không khỏi ấn tượng với hai khổ thở cuối - những lời thơ được coi là hay nhất của tác phẩm:

*“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác*

*………………………………………….*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...”*

**Cách 3:** *“Mỗi khi lòng ta xao xuyến rung rinh*

*Môi ta thầm kêu Bác: Hồ Chí Minh”*

(Sáng tháng năm - Tố Hữu)

Bác Hồ tiếng gọi thiết tha trìu mến, tiếng gọi thân thương đã hòa vào dòng máu của những người con đất Việt. Người là nguồn cảm hứng bất tận trong làng văn học nước nhà “tên người là cả một niềm thơ”. Mỗi thi phẩm viết về Bác tựa như một ô cửa mở ra cảm xúc dạt dào, long kính yêu cùng niềm rung động khôn nguôi. Chế Lan Viên viết “Người đi tìm hình của nước” một bài thơ mang âm hưởng sử thi để tái hiện hành trình kéo dài từ khi dời xa quê hương đến giây phút Bác trở về hôn lên hòn đất tổ quốc. Còn Viễn Phương, ông chắp bút viết lên một “ Viếng Lang Bác” với những tình cảm kính trọng, yêu quý và niềm thương nhớ dành cho người cha già dân tộc. Đến với bài thơ qua hai khổ thơ cuối ta thấy được sự thành kính, niềm xúc động nghẹn ngào khi tác giả đứng trước di hài của người:

*“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác*

*………………………………………….*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân...”*

**B. Thân bài**

**1. Giới thiệu khái quát về bài thơ**

**- Hoàn cảnh sang tác:** Bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương được viết vào năm 1976, khi đất nước ta vừa được giải phóng. Đó cũng là khi lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa được khánh thành, đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước là được đến viếng lăng Bác. Tác giả là một người con của miền Nam, suốt ba mươi năm hoạt động và chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ xa xôi. Cũng như đồng bào và chiến sĩ miền Nam, nhà thơ mong mỏi được ra thăm Bác và chỉ đến lúc này, khi đất nước đã thống nhất, ông mới có thể thực hiện được ước nguyện ấy. Tình cảm đối với Bác trở thành nguồn cảm hứng để ông sáng tác bài thơ này.

**- Chủ đề**: Bài thơ thể hiện niềm thành kính xúc động sâu sắc của nhà thơ và của mọi người đối với Bác Hồ khi vào lăng viếng Bác.

**Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây**

**- Vị trí:** Hai khổ thơ trên thuộc phần cuối của bài thơ đã thể hiện niềm xúc động mãnh liệt, cảm xúc trào dâng nghẹn ngào của nhà thơ khi đứng di hài của người.

**2. Phân tích đoạn thơ**

**a. Tóm tắt lại nội dung khổ 1**

- Nếu như ở hai khổ thơ đầu với các biện pháp tu từ ẩn dụ, nói giảm nói tránh, các từ ngữ và hình ảnh chọn lọc, lời thơ đã diễn tả được một cách sâu sắc tấm lòng tác giả, của nhân dân cả nước dành cho vị cha già kính yêu của dân tộc. Người sẽ luôn sống và sáng mãi trong lòng dân tộc Việt Nam. Và tình cảm ấy tiếp tục được bộc bạch ở hai khổ thơ cuối.

**b. Những cảm xúc của nhà thơ khi vào lăng viếng Bác**

\* *Chuyển ý:* Nếu hai khổ thơ đầu là cảm xúc của tác giả khi đứng bên ngoài lăng, thì đến khổ thơ thứ 3 từ lòng biết ơn, thành kính đã chuyển sang niềm xúc động nghẹn ngào khi tác giả đứng trước di hài của Bác.

*“ Bác nằm trong giấc ngủ bình yên*

*Giữa một vầng trăng sáng trong dịu hiền*

- Hai câu thơ đầu gợi lên một khung cảnh nơi Bác yên nghỉ thật yên tĩnh và trang nghiêm như ngưng kết cả thời gian và không gian. Hình ảnh Bác hiện lên thật gần gũi ta có cảm giác Bác như đang chìm trong “ giấc ngủ bình yên” như chưa hề ra đi.

- “Giấc ngủ bình yên” là giấc ngủ thanh thản yên lòng. Trong suốt chặng đường 79 mùa xuân cống hiến không ngừng nghỉ cho dân tộc, Bác chưa có một đêm nào yên giấc. Đúng như nhà thơ Hải Như từng viết:

“*Cả cuộc đời Bác có ngủ yên đâu”*

Giờ đây miền nam hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, Bác mới có thể yên lòng trong một giấc ngủ dài.

- Vẫn là cách nói giảm nói tránh: “ Bác nằm trong giấc ngủ bình yên” để làm nhẹ bớt nỗi xót xa, đau đớn trước sự ra đi của Bác.

- Đặc biệt nơi Bác yên nghỉ thật tĩnh lặng, dịu êm, trong sáng và thanh khiết. Với bóng sáng của ánh đèn chiếu trong lăng nhà thơ có liên tưởng thú vị tới ánh sáng của vầng trăng.

- Hình ảnh vầng trăng được nhà thơ dùng thật hợp lí, gợi một giấc ngủ ban đêm bởi Viễn Phương không muốn cảm nhận một giấc ngủ vĩnh viễn giữa ban ngày. Mặt khác tác giả muốn đưa vầng trăng để nâng niu giấc ngủ của Bác vì khi sinh thời Bác rất yêu trăng

- Hình ảnh “vầng trăng sáng dịu hiền” gợi cho chúng ta nghĩ đến tâm hồn, cách sống cao đẹp, thanh cao, sáng trong của Bác và những vần thơ tràn ngập ánh trăng của Người. Trăng với Bác như người bạn tri âm tri kỉ, vầng trăng đã từng vào thơ Bác từ trăng trong nhà lao, trăng ở trên chiến trận, giờ đây trăng cũng đến để canh giữ giấc ngủ ngàn thu cho Người. => Chỉ có thể bằng trí tưởng tượng, sự thấu hiểu và yêu quí những vẻ đẹp trong nhân cách của Hồ Chí Minh thì nhà thơ mới sáng tạo nên được những ảnh thơ đẹp như vậy!

- Nghệ thuật tả thực đã diễn tả được bầu không khí trang nghiêm, lặng yên trong lăng Bác làm nền cho cảm xúc thăng hoa trong hai câu thơ cuối.

*\* Chuyển ý:* Tâm trạng xúc động của nhà thơ được biểu hiện bằng một hình ảnh ẩn dụ sâu xa, đến đây cảm xúc ngưỡng mộ của tác giả như lắng xuống, nhường chỗ cho nỗi đau không thể kìm nén được:

*“Vẫn biết trời xanh là mãi mãi*

*Mà sao nghe nhói ở trong tim”.*

*- Hình ảnh*  “Trời xanh” cũng như “mặt trời”, “vầng trăng” là những hình ảnh của thiên nhiên vũ trụ, là hình ảnh ẩn dụ lấy cái lớn lao, cái mênh mông, vĩnh hằng để diễn tả sự bất tử của người đồng thời nhà thơ muốn khẳng định: “Bác vẫn còn sống mãi với non sông đất nước như trời xanh còn mãi trên đầu” . Người đã hòa nhập vào trời cao, hòa nhập vào từng tấc đất của tổ quốc, nhưng công lao của người vẫn còn mãi như một tượng đài sừng sững chạm tới trời.

- Từ láy “mãi mãi” đã tô đậm và hoàn chỉnh công lao trời biển của người.

*\* Liên hệ mở rộng:* Nhà thơ Tố Hữu từng viết:

*“Bác sống như trời đất của ta”*

Bởi Bác đã hóa thân thành thiên nhiên đất nước và dân tộc.

- Cặp từ tương phản “ vẫn biết”, “ mà sao” đã diễn tả sự mâu thuấn giữa lí trí và con tim của nhà thơ. Dù lí trí khẳng định Bác vẫn luôn sống mãi trong tâm hồn của dân tộc Việt Nam nhưng con tim lại không giữ nổi nỗi thương đau, không chấp nhận được sự mất mát. Nỗi đau ấy được biểu hiện cụ thể trực tiếp thông qua phép ẩn dụ “ Nghe nhói ở trong tim”. Đó là nỗi đau ở tận trong đáy sâu tâm hồn, là nỗi đau đến tận cùng không ai nói hết được thành lời. Dù tin như thế nhưng mấy chục triệu người dân Việt Nam vẫn đau xót và nuối tiếc khôn nguôi trước sự ra đi của

- Động từ “Nhói” biểu cảm trực tiếp, biểu hiện nỗi đau đột ngột quặn thắt. Tác giả tự cảm thấy nỗi đau mất mát ở tận trong đáy sâu tâm hồn mình: nỗi đau uất nghẹn tột cùng không nói thành lời. Đó không chỉ là nỗi đau riêng tác giả mà của cả triệu trái tim con người Việt Nam.

*\* Liên hệ mở rộng:* Dường như tất cả sự thương tiếc, xót xa của nhà thơ đều gói gọn lại qua động từ “nhói”. Viết về nỗi đau này nhà thơ Thu Bồn đã có lần viết:

*“ Niềm đau vô tận thời gian*

*Nhớ thương nhưng chớ lệ tràn đầm mi”*

Hay cảm xúc đau đớn ấy, vô vọng ấy đã từng xuất hiện trong bài thơ của Tố Hữu:

*“Trái bưởi kia vàng ngọt với ai*

*Thơm cho ai nữa hỡi hoa nhài*

*Còn đâu bóng Bác đi hôm sớm…”*

Cảm xúc này là đỉnh điểm của nỗi nhớ thương, của niềm đau xót. Nó chính là nguyên nhân dẫn đến những khát vọng ở khổ cuối bài thơ.

**Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây**

**c. Tâm trạng lưu luyến của nhà thơ khi rời xa lăng Bác**

*\* Chuyển ý*: Nếu ba khổ thơ trên là niềm xúc động thành kính, tự hào xen lẫn nỗi đau xót của tác giả khi vào lăng viếng Bác thì khổ thơ cuối lại là những cảm xúc quyến luyến bịn rịn, là những ước nguyện chân thành của nhà thơ khi ra về:

*“Mai về miền Nam thương trào nước mắt”*

- Nếu khổ thơ đầu tác giả giới thiệu mình là người con miền Nam ra thăm lăng Bác thì trong khổ cuối nhà thơ lại tiếp tục đề cập đến sự chia xa Bác. Nghĩ đến ngày mai về miền nam, xa Bác, xa Hà Nội tình cảm nhà thơ không thể kìm nén được.

- Câu thơ giống như một lời giã biệt đầy lưu luyến, bịn rịn của tác giả trước giờ phút sắp phải chia xa. Nhà thơ nghĩ đến ngày mai phải trở về, phải rời xa Bác mà lòng trào dâng nỗi niềm xúc động “ thương trào nước mắt” do là cảm xúc chân thành mãnh liệt của nhà thơ không muốn rời xa Bác.

- Từ “trào” diễn tả cảm xúc thật mãnh liệt, luyến tiếc, bịn rịn không muốn xa nơi Bác nghỉ.

=> Đó là không chỉ là tâm trạng của tác giả mà còn là của muôn triệu trái tim khác. Được gần Bác dù chỉ trong giây phút nhưng không bao giờ ta muốn xa Bác bởi Người ấm áp quá, rộng lớn quá.

*\* Chuyển ý:* Mặc dù lưu luyến muốn được ở mãi bên Bác nhưng tác giả cũng biết rằng đến lúc phải trở về miền Nam. Và chỉ có thể gửi tấm lòng mình bằng cách muốn hóa thân, hòa nhập vào những cảnh vật quanh lăng để được luôn ở bên Người trong thế giới của Người:

*“Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác*

*Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây*

*Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này”*

- Điệp từ “muốn làm” được nhắc lại tới ba lần và được đặt ở đầu ba câu thơ, cùng những hình ảnh đẹp của thiên nhiên như để khẳng định, nhấn mạnh những tâm niệm thiết tha, cháy bỏng trong lòng nhà thơ.

- Biện pháp liệt kê, cùng với hình ảnh ẩn dụ: “con chim”, “đóa hoa”, “cây tre” là những hình ảnh gần gũi thân thuộc quanh lăng Bác, đồng thời cũng là hình ảnh rất đẹp, rất tinh túy mang đậm tâm hồn dân tộc Việt Nam

- Nhà thơ ao ước được hóa thân thành con chim nhỏ cất tiếng hót làm vui lăng Bác, muốn làm đóa hoa đem sắc hương, điểm tô cho vườn hoa quanh lăng.

- Đặc biệt là ước nguyện “*Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này”* để nhập vào hàng tre bát ngát, canh giữ giấc ngủ thiên thu của Người. Hình ảnh cây tre có tính chất tượng trưng một lần nữa nhắc lại khiến bài thơ có kết cấu đầu cuối tương ứng. Hình ảnh hàng tre quanh lăng Bác được lặp ở câu thơ cuối như mang thêm nghĩa mới, tạo ấn tượng sâu sắc, làm dòng cảm xúc được trọn vẹn. *“Cây tre trung hiếu”* là hình ảnh ẩn dụ thể hiện lòng kính yêu, sự trung thành vô hạn với Bác, nguyện mãi mãi đi theo con đường cách mạng mà Người đã đưa đường chỉ lối. Đó là lời hứa thủy chung của riêng nhà thơ và cũng là ý nguyện của đồng miền Nam,của mỗi chúng ta nói chung với Bác.

**3. Đánh giá**

Bài thơ thành công bởi nhà thơ Viễn Phương biết chọn lọc hình thức với giọng điệu phù pjv[í nội dung trữ tình, bằng các biện pháp tu từ ẩn dụ, điệp ngữ, các từ ngữ và hình ảnh chọn lọc, 2 khổ thơ cuối đã diễn tả được một cách sâu sắc nỗi niềm xúc động, nghẹn ngào của nhà thơ khi được vào lăng viếng Bác và sự lưu luyến bịn rịn khi sắp phải chia xa. Lời thơ chính là tấm lòng tác giả, của nhân dân cả nước dành cho vị cha già kính yêu của dân tộc. Người sẽ luôn sống và sáng mãi trong lòng dân tộc Việt Nam.

**C. Kết bài**

**Cách 1:** Bằng những từ ngữ, lời lẽ chân thành, giàu cảm xúc, nhà thơ Viễn Phương đã bày tỏ được niềm xúc động cùng lòng biết ơn sâu sắc đến Bác trong một dịp ra miền Bắc viếng lăng Bác. Bài thơ như một tiếng lòng chân thành tha thiết mà nhà thơ Viễn Phương đã nói thay cho hàng vạn nhân dân miền Nam, của toàn thể nhân dân Việt Nam đối với Bác. Bày tỏ tình cảm, niềm kính yêu tha thiết nhất, lòng biết ơn thành kính nhất với Hồ Chủ tịch.

**Cách 2:** “ Viếng lăng Bác” là một bài thơ hay bởi nó được tạo ra bởi những rung cảm, rung động chân thành của trái tim nhà thơ, đồng thời cũng là tiếng long của muôn triệu người con Việt Nam đối với Bác. Cuộc đời và sự nghiệp cách mạng của Bác Hồ như một thần thoại của thế kỉ XX. Chủ tịch Hồ Chí Minh là con người đẹp nhất. Vì thế nhà thơ Cu Ba Pita Rôđrighet đã tự hào khẳng định: “ Hồ Chí Minh tên người là cả một niềm thơ.

=======================================================

**ĐỀ 76: HÌNH ẢNH MẶT TRỜI, VẦNG TRĂNG, TRỜI XANH, TRÀNG HOA LÀ NHỮNG HÌNH ẢNH ẨN DỤ GIÀU Ý NGHĨA TRONG BÀI THƠ “VIẾNG LĂNG BÁC” CỦA NHÀ THƠ VIỄN PHƯƠNG. EM HÃY PHÂN TÍCH NHỮNG HÌNH ẢNH ẨN DỤ ĐÓ ĐẺ LÀM RÕ TÌNH CẢM, CẢM XÚC CỦA NHÀ THƠ VÀ CỦA MỌI NGƯỜI ĐỐI VỚI BÁC.**

**1. Mở bài**

Bác Hồ là một vị lãnh tụ vĩ đại , người cha già của dân tộc Việt Nam. Khi Người còn sống, Người đã dành hết tình yêu cho nhân dân cả nước, đặc biệt là nhân dân miền Nam. Bác luôn mong một ngày đất nước hòa bình, để được về thăm miền Nam yêu dấu. Nhưng có lẽ không bao giờ người dân miền Nam được đón Bác vào thăm và Người cũng không thực hiện được ước mơ về miền Nam. Vì Bác đã ra đi mãi mãi, để lại nỗi đau thương trong lòng mỗi người con Việt Nam nói chung và nhân dân miền Nam nói riêng. Từ miền Nam, Viễn Phương đại diện cho hàng vạn người dân miền Nam hành hương ra thăm Lăng Bác. Không kìm được sự xúc động và nước mắt ông đã sáng tác bài thơ Viếng lăng Bác với tất cả tình yêu và lòng biết ơn đối với Bác Hồ. Thành công nhất của bài thơ là xây dựng được hệ thống những hình ảnh ẩn dụ mang ý nghĩa tượng trưng. Chỉ bằng mấy hình ảnh: “ Mặt trời, vầng trăng, trời xanh, tràng hoa” đã thể hiện rất rõ tình cảm, cảm xúc của nhà thơ cũng như của mọi người với Bác kính yêu.

**2. Thân bài**

- Vào lăng viếng Bác, nhà thơ nhập vào dòng người đang chầm chậm bước đi. Bầu trời cao lồng lộng trên lăng, mặt trời toả sáng trên lăng. Chân bước đi mà hồn ngẫm nghĩ. Nhìn trời cao mà nghĩ về Bác. Bác là ai?

*“ Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ”*

- Mượn hình ảnh mặt trời để nói lên sự vĩ đại của Bác và thể hiện được sự biết ơn, thành kính của nhà thơ cũng như của toàn dân tộc Việt Nam với Bác. Hai câu thơ sóng nhau, hô ứng nhau với hai hình ảnh “mặt trời”. Một mặt trời có thực, mặt trời của thiên nhiên, rực rỡ, vĩnh hằng.

- Còn mặt trời thứ hai là tượng trưng cho Bác Hồ- vị lãnh tụ vĩ đại của dân tộc Việt Nam . Biện pháp ẩn dụ được tác giả vận dụng một cách sáng tạo: Vầng mặt trời ( Bác Hồ ) của ta thì mãi mãi đỏ thắm, mãi mãi là nguồn sưởi ấm, nguồn sáng soi đường cho con người Việt Nam hôm nay. Có hai mặt trời chiếu rọi trên cuộc đời : Một mặt trời tỏa sáng trước mặt, một mặt trời tỏa sáng tâm hồn. Như mặt trời kia, Bác thuộc về vĩnh cửu.

Cùng với mặt trời vẫn hàng ngày đi qua trên lăng là:

“*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”*

- Nhịp thơ chầm chậm như bước chân người đi trong cuộc tưởng niệm mà sao câu thơ vẫn không buồn. Đúng rồi, tại trong chúng ta, trong mỗi người dân Việt Nam thì Bác luôn sống mãi với thời gian. Hình ảnh “ Bảy mươi trước mắt ta chỉ còn có Bác. Bác nằm trong đó giấc ngủ vĩnh hằng cùng với vầng trăng sáng dịu hiền :

*“ Bác nằm trong giấc ngủ bình yên*

*Giữa một vầng trăng sáng dịu hiền”*

- Khi vào đến trong lăng, hiện lên trước mắt tác giả chính là con người vĩ đại của dân tộc đang chìm trong “giấc ngủ bình yên” sau khi dâng hiến cả đời mình cho nền độc lập tự do của dân tộc. Bác nằm nghỉ “giữa vầng chín mùa xuân” là một hình ảnh hoán dụ đẹp. Lấy một nét đẹp trong cuộc đời Bác Hồ ( bảy chín tuổi) để chỉ Người.

- Con người *“bảy mươi chín mùa xuân”* ấy đã sống một cuộc dời đẹp như những mùa xuân và đã làm ra mùa xuân ấy cho đất nước, cho con người. Chữ “dâng” chứa đựng bao tình cảm, bao nghĩa tình mà người Việt Nam dâng lên Bác. Bác như một người cha già đời đời kính yêu đối với cả dân tộc.

- Hai chữ” tràng hoa” này không phải được kết bằng những bông hoa bình thường như mọi tràng hoa vinh hiển khác trên đời đâu. Đây là một tràng hoa bất tận mà mỗi đóa hoa là hoa sự thật của đời , hoa con người, mà Bác đã tạo nên trên đất nước này, trong cuộc sống bảy mươi chín mùa xuân ngắn ngủi nhưng trường cửu của Bác.

- Từ bên ngoài, bước đi chầm chậm, ta cùng nhà thơ đi vào trong lăng với Bác. Đây là giây phút nghẹn ngào nhất. Ta không còn nghĩ đến hàng tre ngoài lăng, ta không nghĩ đến vầng mặt trời trên lăng.

- Lúc này *“ vầng trăng sáng dịu hiền”* trong lăng. Ánh sáng dịu dàng như ánh trăng bao bọc, nâng niu giấc ngủ của Người. Hình ảnh vầng trăng gợi nhớ tới tình cảm của Người với thiên nhiên, với trăng. Dù Bác đã ra đi nhưng thiên nhiên vẫn quây quần quanh Bác, đồng hành với Bác tới một thế giới khác, bầu bạn và sẽ chẳng bao giờ rời xa .

- Nhắc tới trăng, ta chợt nhớ Bác đã yêu trăng biết bao! Trăng đã tràn ngập trong những vần thơ của Bác, trăng đã từng đến với Bác giữa chốn tù đầy, đến giữa cảnh khuya giữa núi rừng Việt Bắc, trăng “khi đi thuyền trên sông Đáy”, trăng khi “ Rằm xuân lồng lộng trăng soi”...Nhưng có bao giờ Bác được một lúc lòng trí thảnh thơi để thật sự đến cùng trăng. Bởi khi thì “ Trong tù không rượu cũng không hoa”, khi thì “ việc quân đang bận”... Chỉ có bây giờ, trong giấc ngủ bình yên này, Bác mới thực sự cùng trăng , để trăng cùng Bác.

- Bác nằm đó, trong quan tài thủy tinh, đó là sự thật mà lòng ta không thể nào chấp nhận được. Ta tự nhủ Bác luôn là “trời xanh” để ta tự an ủi ta:

*“Vẫn biết trời xanh là mãi mãi*

*Mà sao nghe nhói ở trong tim”*

- Bác là mặt trời, là trời xanh mang lại cuộc sống cho muôn loài. “Vẫn biết trời xanh là mãi mãi”, vẫn biết Bác là vĩnh hằng, là mãi mãi trường tồn trong tim mỗi con người Việt Nam. Bác hiện diện trên mỗi phần đất, mỗi thành quả, mỗi phần tử trên đất nước này. Nhưng Bác đã mất thật rồi, ta không còn Bác trong cuộc sống đời thường này. Vắng Bác, cái thiếu vắng ấy lấy gì để bù đắp được ?

**3. Kết bài**

Như vậy, chỉ bằng một bài thơ nhỏ, Viễn phương đã nói lên được một tình cảm lớn của toàn dân tộc với Bác kính yêu. Đó là tấm lòng thành kính thiêng liêng sâu nặng của nhân dân Việt nam dành cho Bác được thể hiện qua những hình ảnh thiên nhiên mang ý nghĩa ẩn dụ. Ra đời cách đây đã mấy chục năm, nhưng mỗi lần đọc lại bài thơ trong tim chúng ta không khỏi xúc động, nghẹn ngào.

*==============================================*

**ĐỀ 77: VIẾT VỀ BÀI THƠ « VIẾNG LĂNG BÁC » CỦA NHÀ THƠ VIỄN PHƯƠNG, SÁCH GIÁO KHOA NGỮ VĂN 9 TẬP 2, NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM 2017 TRANG 60 VIẾT : «BÀI THƠ VIẾNG LĂNG BÁC THỂ HIỆN NIỀM XÚC ĐỘNG THÀNH KÍNH VÀ NIỀM XÚC ĐỘNG SÂU SẮC CỦA NHÀ THƠ VÀ MỌI NGƯỜI ĐỐI VỚI BÁC HỒ KHI VÀO LĂNG VIẾNG BÁC ». EM HÃY PHÂN TÍCH ĐOẠN THƠ SAU ĐỂ LÀM SÁNG TỎ NHẬN DỊNH TRÊN.**

*Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác*

*Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát*

*Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam*

*Bão táp mưa sa vẫn đứng thẳng hàng*

*Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng*

*Thấy một mặt trời trong lăng rất đỏ*

*Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ*

*Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân.*

**I. Mở bài**

Bác Hồ, vị cha già kính yêu của dân tộc luôn là niềm tự hào của triệu triệu người dân Việt Nam. Dù đã đi xa, thế nhưng Người vẫn luôn sống mãi trong trái tim mỗi người dân đất Việt, trở thành nguồn cảm hứng vô tận cho văn chương. Cùng viết về Bác, “*Viếng lăng Bác”* của Viễn Phương nổi bật với xúc cảm và sự trân trọng của người thi sĩ đối với vị cha già. Bài thơ được sáng tác năm 1976 sau ngày giải phóng miền Nam thống nhất đất nước. Thi phẩm ghi lại những ấn tượng, cảm xúc, suy ngẫm của nhà thơ trong cuộc viếng lăng. Khi bàn về bài thơ đặc biệt là hai khổ thơ 1 và 2 có ý kiến cho rằng "*Bài thơ Viếng lăng Bác thể hiện lòng thành kính và sự xúc động sâu sắc của nhà thơ khi vào viếng lăng Bác"*. Em hoàn toàn đồng ý với ý kiến này.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sang tác:** Bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương được viết vào năm 1976, khi đất nước ta vừa được giải phóng. Đó cũng là khi lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa được khánh thành, đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước là được đến viếng lăng Bác. Tác giả là một người con của miền Nam, suốt ba mươi năm hoạt động và chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ xa xôi. Cũng như đồng bào và chiến sĩ miền Nam, nhà thơ mong mỏi được ra thăm Bác và chỉ đến lúc này, khi đất nước đã thống nhất, ông mới có thể thực hiện được ước nguyện ấy. Tình cảm đối với Bác trở thành nguồn cảm hứng để ông sáng tác bài thơ này.

**- Chủ đề**: Bài thơ thể hiện niềm thành kính xúc động sâu sắc của nhà thơ và của mọi người đối với Bác Hồ khi vào lăng viếng Bác.

**- Vị trí:** Hai khổ thơ trên thuộc phần đầu của bài thơ đã thể cảm xúc của tác giả khi đứng trước lăng, và cảm xúc khi hòa cùng dòng người vào lăng viếng Bác.

**Luận điểm 1: Lòng thành kính và sự xúc động trong hoàn cảnh ra viếng lăng Bác (Khổ 1)**

**-** Đầu tiên, nhà thơ đã có những dòng thơ xúc độngvề hoàn cảnh ra viếng thăm vị cha già kính yêu của dân tộc:

“Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác  
Đã thấy trong sương hàng tre bát ngát  
Ôi! Hàng tre xanh xanh Việt Nam  
Bão táp mưa sa đứng thẳng hàng”

- Câu thơ mở đầu như một lời thông báo ngắn gọn, lời lẽ giản dị nhưng chứa đựng trong nó biết bao điều sâu xa, Nhà thơ nói mình ở miền Nam, ở tuyến đầu của Tổ quốc, ở nơi máu đổ suốt mấy chục năm trời. Như vậy, không đơn giản là chuyên đi thăm công trình kiến trúc, không chỉ chiêm ngưỡng trước di hài một vĩ nhân mà đó là cây tìm về cội, lá tìm về cành, máu chảy về tim, sông trở về nguồn. Đó là cuộc trở về để báo công với Bác, để được Bác ôm vào lòng và ngợi khen.

- Viễn Phương xưng hô *“con -Bác”* gợi cảm giác gần gũi thân thương, gợi mối quan hệ gắn bó như cha con ruột thịt. Nhà thơ trong đó giống như một người con xa nhà, lâu ngày mới có dịp trở về thăm hỏi người cha già kính yêu. Đồng thời, động từ “thăm” được sử dụng như cách nói giảm nói tránh cho sự ra đi của Bác để nén lại bớt cảm xúc mất mát đau thương chưa thể nguôi ngoai của cả dân tộc. Câu thơ không có một dụng công nghệ thuật nào nhưng lại vô cùng gợi cảm, dồn nén biết bao cảm xúc.

- Cách xưng hô và cách dùng từ của Viễn Phương giúp cho người đọc cảm nhận được tình cảm xúc động, nhớ thương của một người con đối với cha. Đó không chỉ là tình cảm riêng của nhà thơ mà còn là tình cảm chung của dân tộc Việt Nam. Thế hệ này tiếp nối thế hệ khác song tất cả đều có chung một tình cảm như thế với Bác Hồ kính yêu.

- Đến lăng Bác, hình ảnh đầu tiên mà tác giả quan sát được, cảm nhận được, và có ấn tượng đậm nét là hình ảnh hàng tre. Khi xây dựng lăng Bác, các nhà thiết kế đã đưa về từ mọi miền đất nước các loài cây, loài hoa, tiêu biểu cho mọi miền quê hương đất nước để trồng ở lăng Bác bởi Bác là một tâm hồn rộng mở trước thiên nhiên và Bác cũng là biểu tượng cho tinh hoa, chođất nước, cho dân tộc Việt Nam. Và ai đã từng đến lăng Bác đều có thể nhận thấy hình ảnh đầu tiên về cảnh vật hai bên lăng là những hàng tre đằng ngà bát ngát. Nhà thơ Viễn Phương cũng vậy!

- Hình ảnh *“hàng tre bát ngát”* ẩn hiện trong làn sương sớm mờ ảo trên đường đến thăm Bác chính là hình ảnh tả thực mang dáng hình quê hương đất nước thân yêu, bình dị. Nó cũng là biểu tượng cho con người Việt Nam kiên cường bất khuất, vượt qua “*bão táp mưa sa*” muôn vàn gian khổ để thống nhất đất nước theo di ngôn của Người, rồi trở về nghiêng mình kính cẩn trước anh linh của Người. Những hình ảnh gợi tả gợi cảm kết hợp với nhau đã tạo nên một trường liên tưởng độc đáo, thú vị. Lăng Bác hiện lên dưới ngòi bút nhà thơ như một làng quê yên bình.

=> Tóm lại, chỉ một khổ thơ ngắn thôi nhưng cũng đủ thể hiện niềm xúc động sâu sắc và tấm lòng thành kính của nhà thơ khi ra viếng lăng Người.

**Luận điểm 2: Sự xúc động của nhà thơ khi hòa vào dòng người viếng lăng Bác (Khổ 2)**

**-** Sau cùng, nhà thơ đã có những dòng thơ vô cùng xúc động về cảm xúc của mình khi hòa vào dòng người vào lăng viếng Bác:

“Ngày ngày mặt trời đi qua trên lăng  
Thấy một Mặt Trời trong lăng rất đỏ  
 Ngày ngày dòng người đi trong thương nhớ  
 Kết tràng hoa dâng bảy mươi chín mùa xuân”

- Đến đây, nhà thơ tiếp tục sáng tạo những hình ảnh thơ vô cùng độc đáo. Hình ảnh “*mặt trời đi qua trên lăng”* là hình ảnh thực. Đó là mặt trời thiên tạo, là hành tinh quan trọng nhất của vũ trụ, nó gợi ra sự kì vĩ, sự bất tử, vĩnh hằng. Mặt trời là nguồn cội của sự sống, ánh sáng.

- Hình ảnh “*mặt trời trong lăng”* là một ẩn dụ đầy sáng tạo, độc đáo – đó là hình ảnh của Bác Hồ. Giống như “*mặt trời”,* Bác Hồ cũng là nguồn ánh sáng, nguồn sức mạnh. *“Mặt trời”* – Bác Hồ soi đường dẫn lối cho sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc, giành độc lập tự do, thống nhất đất nước. Bác đã cùng nhân dân vượt qua trăm ngàn gian khổ, hi sinh để đi tới chiến thắng quanh vinh, trọn vẹn. *“Mặt trời”* – Bác Hồ tỏa hơi ấm tình thương bao la trong lòng mỗi con người Việt Nam. Nhà thơ Tố Hữu đã so sánh Bác như: “*Quả tim lớn lọc trăm dòng máu nhỏ”.* Cái nghĩa, cái nhân lớn lao của Bác đã tác động mạnh mẽ, sâu xa tới mỗi số phận con người.

*\* Liên hệ, mở rộng :*Thật ra so sánh Bác Hồ với mặt trời đã được các nhà thơ sử dụng từ rất lâu:

*Người rực rỡ một mặt trời cách mạng*

*Mà đế quốc là loài dơi hốt hoảng*

*Đêm tàn bay chập chạng dưới chân người.*

(Tố Hữu – “*Sáng tháng năm*”)

- Nhưng cái so sánh ngầm Bác Hồ nằm trong lăng rất đỏ trong cái nhìn chiêm ngưỡng hàng ngày của mặt trời tự nhiên là một sáng tạo độc đáo và mới mẻ của Viễn Phương. Cách ví đó một mặt ca ngợi sự vĩ đại, công lao trời biển của Người đối với các thế hệ con người Việt Nam. Mặt khác bộc lộ rõ niềm tự hào của dân tộc Việt Nam khi có Bác Hồ - có được mặt trời của cách mạng soi đường chỉ lối cũng như ánh sáng của mặt trời thiên nhiên.

**-** Từ *“ngày ngày”* khẳng định quy luật thời gian bất biến của tự nhiên lẫn con người, diễn tả hiện thực dòng người nối dài vô tận, lặng lẽ trang nghiêm mỗi ngày tiến vào lăng Bác để bày tỏ tình cảm với người cha già muôn vàn kính yêu. Họ là đại diện cho người Việt Nam từ ba miền Bắc Trung Nam, từ 54 dân tộc anh em trên khắp mọi miền Tổ Quốc. Họ kết thành hình ảnh ẩn dụ “*tràng hoa”* biểu tượng cho những gì tinh túy, đẹp đẽ nhất của đất nước và con người Việt Nam kính dâng lên Bác.

- Ngoài ra, tác giả cũng sáng tạo hình ảnh hoán dụ “*bảy mươi chín mùa xuân”* diễn tả bảy mươi chín năm tuổi đời của Bác là bảy mươi chín mùa xuân tươi đẹp, tràn đầy ý nghĩa. 79 mùa xuân ấy đã hy sinh để đem đến cho dân tộc ta một mùa xuân độc lập, tự do và hạnh phúc vĩnh hằng.

=>Qua phân tích ta thấy khổ 2 là niềm xúc động sâu sắc và tấm lòng thành kính của nhà thơ khi đứng trước lăng Người.

**3. Đánh giá, mở rộng**

- Với hình ảnh thơ sáng tạo, vừa cụ thể, xác thực vừa giàu ý nghĩa biểu tượng, giọng điệu vừa trang nghiêm, sâu lắng vừa xót xa, tha thiết lại chan chứa niềm tin và lòng tự hào, thể hiện đúng những tâm trạng bộn bề của bao người khi vào lăng viếng Bác, nhịp thơ chậm rãi, cấu trúc câu và từ ngữ được lặp lại gợi liên tưởng đến những bước đi chầm chậm của dòng người vào lăng viếng Bác trong không khí thiêng liêng, thành kính và niềm cảm xúc thiết tha. Khổ 1 và 2 bài thơ “*Viếng lăng Bác”* biểu lộ niềm xúc động sâu sắc, tấm lòng thành kính, và biết ơn của nhà thơ, của nhân dân đối với Bác Hồ kính yêu, vị cha già vĩ đại của dân tộc.

*\* Liên hệ Mở rộng:*Cùng bày tỏ cảm xúc này, trong bài Bác ơi, Tố Hữu nghẹn ngào:

*"Bác đã đi rồi sao, Bác ơi!  
Mùa thu đang đẹp, nắng xanh trời  
Miền Nam đang thắng, mơ ngày hội  
Rước Bác vào thǎm, thấy Bác cười!"*

**III. Kết bài**

Như vậy xuyên suốt hai khổ thơ là những cảm nhận rất thực và vô cùng tinh tế của Viễn Phương trong một lần vào lăng viếng Bác. Cảm xúc ấy khi thì bồi hồi, xúc động, tự hào, khi lại vô cùng biết ơn, thành kính. Mỗi lần có dịp đi qua Quảng trường Ba Đình lịch sử, ta vẫn sẽ thấy dòng người như bất tận vào lăng viếng Bác. Ta chợt nhớ tới bài thơ của Viễn Phương và đặc biệt là hai khổ thơ đầu với *lòng thành kính và niềm xúc động sâu sắc* dâng lên Người. Đã hơn 50 năm kể từ ngày Bác ra đi vào cõi vĩnh hằng và cũng hơn một thập kỉ Viễn Phương trở thành người thiên cổ nhưng dư âm của “*Viếng lăng Bác”* sẽ còn mãi ngân vang trong tâm hồn của mỗi người con đất Việt.

*==================================================*

**ĐỀ 78: PHÂN TÍCH KHỔ CUỐI BÀI THƠ « VIẾNG LĂNG BÁC » CỦA NHÀ THƠ VIỄN PHƯƠNG.**

*“Mai về miền Nam thương trào nước mắt*

*Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác*

*Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây*

*Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này…”*

# I. Mở bài

# Chủ tịch Hồ Chí Minh vị cha già kính yêu của dân tộc Việt Nam, danh nhân văn hóa thế giới. Người đã cống hiến trọn đời vì sự nghiệp giải phóng dân tộc. Có nhiều nhà thơ, nhà văn đã viết về Bác bằng niềm trân trọng và xúc động sâu sắc trong đó “*Viếng lăng Bác*” của Viễn Phương là một trong những bài thơ xuất sắc nhất. Bài thơ có nhiều khổ nhưng em ấn tượng nhất là khổ cuối, khổ thơ thể hiện sự thương nhớ và tâm nguyện của tác giả được ở mãi bên Người:

*“Mai về miền Nam thương trào nước mắt*

*Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác*

*Muốn làm đoá hoa toả hương đâu đây*

*Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này…”*

# II. Thân bài

# 1.Khái quát chung

**- Hoàn cảnh sang tác:** Bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương được viết vào năm 1976, khi đất nước ta vừa được giải phóng. Đó cũng là khi lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa được khánh thành, đáp ứng nguyện vọng tha thiết của nhân dân cả nước là được đến viếng lăng Bác. Tác giả là một người con của miền Nam, suốt ba mươi năm hoạt động và chiến đấu ở chiến trường Nam Bộ xa xôi. Cũng như đồng bào và chiến sĩ miền Nam, nhà thơ mong mỏi được ra thăm Bác và chỉ đến lúc này, khi đất nước đã thống nhất, ông mới có thể thực hiện được ước nguyện ấy. Tình cảm đối với Bác trở thành nguồn cảm hứng để ông sáng tác bài thơ này.

**- Chủ đề**: Bài thơ thể hiện niềm thành kính xúc động sâu sắc của nhà thơ và của mọi người đối với Bác Hồ khi vào lăng viếng Bác.

**- Vị trí:** Khổ thơ trên thuộc phần cuối của bài thơ đã thể hiện niềm xúc động mãnh liệt, đồng thời thể hiện ước nguyện sống chân thành tha thiết của tác giả.

**2. Phân tích khổ thơ**

**Luận điểm 1: Niềm thương cảm lớn lao của tác giả**

- Trước hết, khổ thơ thể hiện niềm thương cảm lớn lao của tác giả khi phải chia xa Bác:

*“Mai về miền Nam thương trào nước mắt”*

- Ngôn ngữ Việt phong phú vô cùng. Từ *“thương*” có lẽ là từ đặc biệt mà không một ngôn ngữ nào có thể cắt nghĩa, lí giải được. Chỉ một tiếng tiếng *“thương*” thôi, tình cảm của nhân dân miền Nam đối với Bác đã được bày tỏ một cách vô cùng trọn vẹn. Đó là niềm yêu kính, là quý trọng cả cuộc đời cao thượng, vĩ đại của Hồ Chủ tịch. Người đã dành hết cả đời mình cho dân, cho nước, cho sự nghiệp giải phóng của dân tộc. Là sự hi sinh không tiếc mình của người cha già lặng lẽ, nhiều trăn trở:

*“Bác để tình thương cho chúng con*

*Một đời thanh bạch chẳng vàng son”*

- Đó còn là sự xót xa, đau đớn của tác giả nói riêng và nhân dân Việt Nam nói chung. Giờ đây, chúng ta đã mãi mãi mất đi người cha già kính yêu. Nỗi đau ấy, sau những kìm nén trong suốt cuộc hành trình về với Bác, giờ đây khi phải chia xa lại *“trào nước mắt*”. Mọi xót thương dồn nén lại, tuôn *“trào”.* Và không chỉ con người mới xót thương, dường như thiên nhiên đất trời cũng đã động lòng:

*“Suốt mấy đêm dài đau tiễn đưa*

*Đời tuôn nước mắt trời tuôn mưa”*

(Tố Hữu)

- Chỉ với một câu thơ 8 chữ, tình cảm của nhà thơ Viễn Phương đã được bộc lộ rất chân thành. Đó là nỗi xót thương vô hạn sau khi bị kìm nén đã tuôn thành dòng lệ trong giây phút chia tay.

**Luận điểm 2: Nguyện ước của tác giả**

- Không chỉ bày tỏ cảm xúc một cách đơn thuần, tác giả Viễn Phương còn thể hiện ước nguyện nhỏ bé được ở bên Bác:

*“Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác*

*Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây*

*Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này…”*

- Trong giây phút chia xa đầy lưu luyến, cảm xúc nghẹn ngào của nhà thơ đã khiến tác giả như muốn được hóa thân để mãi mãi bên Người. Ở đây, tác giả đã sử dụng liên tiếp ba lần điệp ngữ *“muốn làm”.* Cùng với đó, các hình ảnh con chim, đoá hoa, cây tre được lồng ghép và sử dụng đầy ý nghĩa. Tất cả đã nói lên ước nguyện tha thiết của nhà thơ. Ông muốn Bác được yên lòng nghỉ ngơi, còn mình thì muốn đền đáp công ơn trời biển của Người. Tác giả không mong ước gì quá lớn lao mà chỉ mong được ở bên Bác mỗi ngày, trở thành con chim, đóa hoa, cành tre lặng lẽ, âm thầm. Điều này đã cho thấy sự thấu hiểu của tác giả về Bác.

- Tác giả muốn làm “*con chim”* để hót quanh lăng Bác. Tiếng chim ấy sẽ như lời yêu thương của nhân dân Việt Nam ở bên, bầu bạn với Người. Cánh chim ấy cũng là cánh chim của tự do, hoà bình, là minh chứng cho khát vọng độc lập thuở hàn vi Bác đã hằng mong mỏi. Không ước làm ánh mặt trời, là cái gì lớn lao mà chỉ là cánh chim không mỏi, nhỏ bé nhưng lại mạnh mẽ và kiên cường vô cùng.

**-** Tác giả còn ước được làm *“đóa hoa”* để luôn *“tỏa hương đâu đây*”. Sinh thời, Bác rất yêu hoa. Và dường như hiểu được tâm ý này, nhà thơ Viễn Phương đã ước được hóa thân thành sự vật quen thuộc và ý nghĩa ấy. Không làm cây hoa, cành hoa mà chỉ ước làm một “*đóa hoa*” giữa rừng hoa tươi đẹp. Đóa hoa ấy còn không hề có tên gọi, màu sắc, hương thơm cụ thể. Chỉ là một đóa hoa vô danh, thế nhưng luôn tỏa hương, làm đẹp cho đời.

**-** Ở đây, tác giả đã sử dụng kết cấu đầu cuối cho bài thơ. Mở đầu là “*hàng tre bát ngát”,* kết thúc cũng là “*cây tre trung hiếu”.* Cũng như cánh chim, đóa hoa, tác giả vẫn chỉ ước làm “*cây tre trung hiếu chốn này”* giữa hàng triệu cây tre khác. *Cây tre trung hiếu”* là hình ảnh ẩn dụ thể hiện lòng kính yêu, sự trung thành vô hạn với Bác, nguyện mãi mãi đi theo con đường cách mạng mà Người đã đưa đường chỉ lối. *“Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta/ Ta bỗng lớn ở bên Người một chút”.*

- Nhân dân Việt Nam sẽ luôn đứng cùng với nhau, đoàn kết, kiên cường trước mọi biến chuyển. Đó cũng chính là mong mỏi của Bác lúc sinh thời. Những nguyện ước nhỏ bé ấy của tác giả Viễn Phương vừa chân thành lại vừa sâu sắc. Đó cũng chính là những cảm xúc và mong muốn của hàng triệu con người miền Nam, của toàn bộ nhân dân Việt Nam trước khi rời lăng sau những lần đến thăm Người. *“Mai về miền Nam”* nhưng tấm lòng chân thành đã gửi lại trọn vẹn nơi lăng Bác.

- Ba câu thơ khuyết chủ ngữ ấy như là lời thay mặt cho triệu triệu đồng bào Việt Nam bày tỏ cảm xúc thành kính, tha thiết tới Người cha già dân tộc.

**3. Đánh giá, mở rộng**

- Với ngôn ngữ giàu cảm xúc cùng những hình ảnh điển hình, khổ cuối bài thơ “*Viếng lăng Bác”* đã để lại trong lòng người đọc nhiều xúc cảm mạnh mẽ. Đó là niềm tiếc nuối, bâng khuâng cùng những mong mỏi đau đáu của tác giả – cũng chính là nguyện ước của triệu triệu người dân Việt Nam với Bác.

*\* Liên hệ mở rộng:*Nguyện ước ấy lúc sinh thời nhà thơ xứ Huế Thanh Hải cũng đã từng ước mơ :

“*Một mùa xuân nho nhỏ*

*Lặng lẽ dâng cho đời*

*Dù là tuổi hai mươi*

*Dù là khi tóc bạc".*

**III. Kết bài**

Thời gian vẫn trôi và bốn mùa luôn luân chuyển. Con người chỉ xuất hiện một lần trong đời và cũng chỉ một lần ra đi mãi mãi vào cõi vĩnh hằng, hư vô…nhưng những gì là thơ, là văn, là nghệ thuật đích thực thì vẫn còn mãi với thời gian. Trước khi chết, vua Phổ cầm tay Mooda và nói *“Ta tiêu biểu cho trật tự, ngươi tiêu biểu cho cái đẹp. Biết đâu hậu thế sẽ quên ta và nhắc nhở đến ngươi”.* Có lẽ về sau, chúng ta vẫn sẽ không quên “*Viếng lăng Bác”* của Viễn Phương - một bài thơ hay ngọt ngào, da diết mà đặc biệt là khổ thơ cuối với những ước nguyện cao đẹp dâng hiến lên Người. Đã hơn 50 năm kể từ ngày Bác ra đi vào cõi vĩnh hằng và cũng hơn một thập kỉ Viễn Phương trở thành người thiên cổ nhưng nhưng dư âm của “*Viếng lăng Bác”* sẽ còn mãi ngân vang trong tâm hồn mỗi người con đất Việt.

===========================================================

**ĐỀ 79: ƯỚC NGUYỆN CHÂN THÀNH, THA THIẾT ĐƯỢC HÒA NHẬP, CỐNG HIẾN CHO CUỘC ĐỜI, CHO ĐẤT NƯỚC, CHO NHÂN DÂN QUA BÀI THƠ “ MÙA XUÂN NHO NHỎ” CỦA THANH HẢI VÀ BÀI THƠ “VIẾNG LĂNG BÁC” CỦA VIỄN PHƯƠNG.**

**I. Mở bài**

**Cách 1:**

Ai cũng có những ước muốn của riêng mình, ước muốn ấy có thể bình thường, giản dị nhưng cũng có thể là cao cả lớn lao. Đứng trước thiên nhiên tươi đẹp của mùa xuân xứ Huế, Thanh Hải đã thể hiện khát vọng dâng hiến mùa xuân của mình vào mùa xuân chung đất nước qua bài thơ “*Mùa Xuân nho nhỏ*”. Còn Viễn Phương đứng trước nơi yên nghĩ nghìn thu của Người lại có những ước nguyện cao đẹp dâng lên Người qua bài thơ*“Viếng lăng Bác”*:

“Mai về miền Nam thương trào nước mắt

Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác

Muốn làm đỏa hoa tỏa hương đâu đây

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này “.

{….}

“Ta làm con chim hót

Ta làm một cành hoa

Ta nhập vào hòa ca

Một nốt trầm xao xuyến.

Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc. ”

**Cách 2:**

Nhà thơ Tố Hữu đã từng viết :

“Nếu là con chim, chiếc lá  
Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh  
Lẽ nào vay mà không có trả  
Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”.

Lẽ sống cao đẹp ấy đã trở thành niềm khao khát cháy bỏng trong tâm hồn của các thi nhân với những thi phẩm để đời.Trong số đó, ta không khi nào quên nhắc đến tiếng hát nhẹ nhàng, sâu lắng, tha thiết của khát vọng với cuộc đời, với đất nước trong khổ 4 và 5 bài thơ***“Mùa xuân nho nhỏ”***của Thanh Hải.Và ta cũng bắt gặp ước nguyện tha thiết chân thành được hoá thân, hoà nhập vào những cảnh vật ở bên lăng Bác, ước nguyện sống đẹp, trung thành với lí tưởng của Bác, của dân tộc trong khổ cuối bài thơ “Viếng lăng Bác” của Viễn Phương:

“Mai về miền Nam thương trào nước mắt

Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác

Muốn làm đỏa hoa tỏa hương đâu đây

Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này “.

{….}

“Ta làm con chim hót

Ta làm một cành hoa

Ta nhập vào hòa ca

Một nốt trầm xao xuyến.

Một mùa xuân nho nhỏ

Lặng lẽ dâng cho đời

Dù là tuổi hai mươi

Dù là khi tóc bạc. ”

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

- Bài thơ *“Mùa xuân nho nhỏ”* được Thanh Hải sáng tác trước khi nhà thơ qua đời một tháng. Trong tâm lí nặng nề, sức khoẻ và bệnh tật mà hồn thơ Thanh Hải vẫn cất cánh bay cao để rồi mang đến cho cuộc sống một tình yêu, một nỗi niềm thiết tha với quê hương đất nước và cùng theo đó là ước nguyện chân thành được cống hiến trọn vẹn cuộc đời mình cho Tổ Quốc thân yêu.

- Và “*Viếng lăng Bác”,* một bài thơ gây một xúc cảm đặc biệt. Từ niềm kính yêu, sự xót thương và lòng biết ơn vô hạn của nhà thơ nói riêng và toàn dân tộc Việt Nam nói chung đối với lãnh tụ, tác giả muốn hóa thân, hòa nhập vào những cảnh vật để được ở mãi bên Người.

**2. Phân tích, cảm nhận hai khổ thơ**

**a. Bài Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải**

- Thật vậy, xuyên suốt bài thơ “*Mùa xuân nho nhỏ”* là niềm vui của tác giả trước sự đổi thay mạnh mẽ của đất nước.**Một con người đầy nhiệt huyết và khao khát được cống hiến cho đất nước**ngay cả khi đối mặt với tử thần như Thanh Hải thật đáng ngưỡng mộ, trân trọng. Những ước nguyện của Thanh Hải giản dị mà cao đẹp biết bao:

*“Ta làm con chim hót  
Ta làm một nhành hoa  
Ta nhập cùng hòa ca  
Một nốt trầm xao xuyến”*

- Lời thơ da diết, ngân vang như tiếng ca tha thiết, như điệu Nam ai, Nam bình nhẹ nhàng trôi trên dòng Hương Giang. Từ “*tôi”* ở đầu bài thơ Mùa xuân nho nhỏ đã được chuyển thành *“ta”* đầy ý nghĩa. Nếu như *“tôi”* chỉ một cá nhân, một con người cụ thể, thích hợp để bày tỏ những cảm xúc, những rung cảm cá nhân thì *“ta”* lại thích hợp với tâm thế hòa nhập, sẻ chia. *“Ta”* ở đây đâu chỉ là nhà thơ mà còn là tất cả mọi người.

**- Đó là khát vọng sống hoà nhập vào cuộc sống của đất nước, cống hiến phần tốt đẹp, dù nhỏ bé, của mình cho cuộc đời chung, cho đất nước.** Điều tâm niệm ấy được thể hiện một cách chân thành trong những hình ảnh tự nhiên giàu sức gợi tả, gây xúc động sâu xa trong lòng người đọc. Ước nguyện được làm một tiếng chim, một cành hoa để góp vào vườn hoa muôn hương muôn sắc, rộn rã tiếng chim, để đem lại hương sắc, tô điểm cho mùa xuân thêm tươi đẹp. Không mơ ước cao xa, vĩ đại, *“ta”* chỉ ước những điều nhỏ nhoi, bình dị nhưng không phải người nào cũng có thể làm được. *“Con chim hót”, “một nhành hoa”.*.tưởng chừng là những điều bình dị, đơn giản với vẻ đẹp âm thầm và lặng lẽ nhưng lại có ý nghĩa lớn đối với nhà thơ.

**- Và Thanh Hải còn hi vọng rằng chút cống hiến bé nhỏ của mình sẽ hòa vào biển người rộng lớn, đóng góp vào công cuộc xây dựng và phát triển đất nước.** Nhà thơ nguyện cầu được làm một “*nốt trầm xao xuyến”* không ồn ào, không cao điệu mà chỉ âm thầm, lặng lẽ để *“nhập”* vào khúc ca, tiếng hát của nhân dân vui mừng đón xuân về. Được tô điểm cho mùa xuân, được góp phần tạo dựng mùa xuân là tác giả đã nguyện hi sinh, nguyện cống hiến cho sự phồn vinh của đất nước.

- Một ước mơ nho nhỏ, chân tình, không cao siêu vĩ đại mà gần gũi quá, khiêm tốn quá. Thanh Hải thật khéo léo khi chọn lựa những hình ảnh thiên nhiên để thể hiện tâm niệm nung nấu trong tim mình. Nó nhỏ bé, đơn sơ như là một con chim, một nhành hoa, một nốt trầm… mà giàu sức gợi, mà mang những ý nghĩa ẩn tàng sâu sắc thể hiện vẻ đẹp tâm hồn con người.

Mùa xuân nho nhỏ nhưng lại có ý nghĩa vô cùng lớn lao. **Một mùa xuân nhỏ, góp thành mùa xuân lớn, tích tiểu thành đại là việc mà mỗi người chúng ta cần phải làm, cần phải cố gắng để cống hiến.**Đó là lẽ sống cống hiến cho đời lặng lẽ, khiêm tốn, không kể gì đến tuổi tác:

*“Một mùa xuân nho nhỏ  
Lặng lẽ dâng cho đời  
Dù là tuổi đôi mươi  
Dù là khi tóc bạc”*

**- Thái độ ‘lặng lẽ dâng cho đời” nói lên ý nguyện thật khiêm nhường nhưng hết sức bền bỉ** và vô cùng đáng quý vì đó là những gì tốt đẹp nhất trong cuộc đời. Điệp từ *“dù là”* càng có ý nghĩa nhấn mạnh, khẳng định thái độ quyết tâm bền bỉ của tấm lòng, của khát vọng thiết tha đổi với quê hương đất nước. Cống hiến cho quê hương từ khi tuổi còn trẻ cho đến khi đã da mồi tóc sương. Và cho đến tận những câu thơ cuối cùng trong cuộc đời mình tác giả cũng dành trọn để dâng hiến cho đời, cho đất nước.

- Điều đó cho ta thấy thời gian, tuổi tác không thể làm hao mòn đi bầu nhiệt huyết của những con người trọn đời cống hiến cho đất nước. Khát vọng sống, cống hiến cuộc đời để làm đẹp cho đất nước thật đáng quý biết bao. Đó là quan niệm sống đầy trách nhiệm và thật đáng trân trọng.

**b. Bài thơ Viếng lăng Bác của Viễn Phương**

**-** Và đến với bài thơ thứ hai bài*“Viếng lăng Bác”* , bài thơ gây một xúc cảm đặc biệt. Nếu như ở cả ba khổ thơ đầu, tác giả cố kìm nén cảm xúc nơi sâu thẳm đáy lòng thì đến với khổ thơ cuối, khi sắp phải chia xa Người, lòng lại nặng trĩu, cảm xúc chợt tuôn trào:

“Mai về miền Nam, thương trào nước mắt  
Muốn làm con chim hót quanh lăng  
Muốn làm đóa hoa toả hương đâu đây  
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.”

- Mặc dù hiện tại nhà thơ đang đứng bên lăng Người , trong lăng Người nhưng khi nghĩ đến những ngày phải rời miền Bắc , ngày xa Bác Viễn Phương thấy bịn rịn không muốn rời . Tình cảm trong những ngày được sống bên Bác luôn luôn sâu lắng từng giây từng phút . Tác giả không thể nào ngăn được nữa những dòng nước mắt trào dâng và tha thiết .

“Mai về miền Nam thương trào nước mắt”

- Câu thơ thật bình dị nhưng chứa chan tình thương ấp ủ sâu lắng tận đáy lòng làm cho mỗi chúng ta khi đọc lên cảm thấy vô cùng xúc động . Đây là một cách nói không hoa mỹ mà là một cách nói rất chân thành của người dân Nam Bộ nhưng lại lắng đọng trong lòng người không gì có thể nói và tả được . Cũng xuất phát từ tình cảm đó cho nên nhà thơ muốn có ước nguyện thành kính và đây có thể là ước vọng chung của tất cả mọi người đã một lần hoặc chưa một lần gặp Bác .

“Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác  
Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây  
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này ”

- Điệp ngữ *“ Muốn làm ”* được nhắc đi nhắc lại nhiều lần trong đoạn thơ thể hiện ước nguyện muốn tự nguyện tự giác của Viễn Phương . Cùng với đó, các hình ảnh con chim, đoá hoa, cây tre được lồng ghép và sử dụng đầy ý nghĩa. Tất cả đã nói lên ước nguyện tha thiết của nhà thơ. Ông muốn Bác được yên lòng nghỉ ngơi, còn mình thì muốn đền đáp công ơn trời biển của Người.

- Tác giả không mong ước gì quá lớn lao mà chỉ mong được ở bên Bác mỗi ngày, trở thành con chim, đóa hoa, cành tre lặng lẽ, âm thầm. Điều này đã cho thấy sự thấu hiểu của tác giả về Bác.  Tác giả muốn làm “*con chim”* để hót quanh lăng Bác. Tiếng chim ấy sẽ như lời yêu thương của nhân dân Việt Nam ở bên, bầu bạn với Người. Cánh chim ấy cũng là cánh chim của tự do, hoà bình, là minh chứng cho khát vọng độc lập thuở hàn vi Bác đã hằng mong mỏi. Không ước làm ánh mặt trời, là cái gì lớn lao mà chỉ là cánh chim không mỏi, nhỏ bé nhưng lại mạnh mẽ và kiên cường vô cùng.

**-** Tác giả còn ước được làm *“đóa hoa”* để luôn *“tỏa hương đâu đây*”quanh nơi nghỉ của Người. Sinh thời, Bác rất yêu hoa. Và dường như hiểu được tâm ý này, nhà thơ Viễn Phương đã ước được hóa thân thành sự vật quen thuộc và ý nghĩa ấy. Không làm cây hoa, cành hoa mà chỉ ước làm một “*đóa hoa*” giữa rừng hoa tươi đẹp. Đóa hoa ấy còn không hề có tên gọi, màu sắc, hương thơm cụ thể.

- Chỉ là một đóa hoa vô danh, thế nhưng luôn tỏa hương, làm đẹp cho đời. Ở đây, tác giả đã sử dụng kết cấu đầu cuối cho bài thơ. Mở đầu là “*hàng tre bát ngát”,* kết thúc cũng là “*cây tre trung hiếu”.* Cũng như cánh chim, đóa hoa, tác giả vẫn chỉ ước làm “*cây tre trung hiếu chốn này”* giữa hàng triệu cây tre khác.

- *Cây tre trung hiếu”* là hình ảnh ẩn dụ thể hiện lòng kính yêu, sự trung thành vô hạn với Bác, nguyện mãi mãi đi theo con đường cách mạng mà Người đã đưa đường chỉ lối. *“Ta bên Người, Người tỏa sáng trong ta/ Ta bỗng lớn ở bên Người một chút”.* Nhân dân Việt Nam sẽ luôn đứng cùng với nhau, đoàn kết, kiên cường trước mọi biến chuyển.

- Đó cũng chính là mong mỏi của Bác lúc sinh thời. Những **nguyện ước nhỏ bé** ấy của tác giả Viễn Phương vừa chân thành lại vừa sâu sắc. Đó cũng chính là những cảm xúc và mong muốn của hàng triệu con người miền Nam, của toàn bộ nhân dân Việt Nam trước khi rời lăng sau những lần đến thăm Người. *“Mai về miền Nam”* nhưng tấm lòng chân thành đã gửi lại trọn vẹn nơi lăng Bác. **Ba câu thơ khuyết chủ ngữ** ấy như là lời thay mặt cho triệu triệu đồng bào Việt Nam bày tỏ cảm xúc thành kính, tha thiết tới Người cha già dân tộc - một con người vĩ đại mà giản dị – Chủ tịch Hồ Chí Minh, người đã sống trọn một đời:

“Chỉ biết quên mình cho hết thảy

Như dòng sông chảy nặng phù sa”

**3. Đánh giá, mở rộng**

- Sự cảm nhận trên đã cho ta thấy ở các đoạn thơ có một số sự tương đồng về nội dung và nghệ thuật, về nội dung, xét về mặt cơ bản, cả hai đoạn thơ đều nói về ước nguyện sống đẹp, sống cống hiến của tác giả và của tất cả mọi người. Hơn nữa, chúng đều xuất phát từ những cảm xúc chân thành nhất của các tác giả và tình yêu của họ đối với cuộc sống, đất nước với vị lãnh tụ kính yêu. về nghệ thuật, cả hai tác giả đã sử dụng những hình ảnh mộc mạc, giản dị trong thiên nhiên và nâng chúng lên thành những khát vọng cống hiến cao đẹp. Không chỉ thế, cả hai đoạn thơ còn sử dụng những hình ảnh ẩn dụ, hoán dụ mới mẻ, sáng tạo độc đáo, làm chúng trở nên thật lôi cuốn, gây nhiều cảm xúc cho người đọc.

- Tuy nhiên, hai đoạn thơ cũng có **sự khác nhau về nội dung và nghệ thuật**, về nội dung, sự khác nhau ấy chính là cảm hứng, hoàn cảnh sáng tác bài thơ. Thanh Hải đã sáng tác “*Mùa xuân nho nhỏ*” lúc đang lâm bệnh, không còn sống được lâu nữa nhưng vẫn rất muốn cống hiến một thứ gì đó cho đời. Còn bài “*Viếng lăng Bác”* được Viễn Phương sáng tác sau khi ra Hà Nội thăm lăng Bác, thể hiện cảm xúc, tâm tư của ông sau chuyến đi ấy. Về nghệ thuật, khổ bốn, năm “*Mùa xuân nho nhỏ”* được viết theo thể thơ năm chữ, giọng thơ nhẹ nhàng, tha thiết, tâm tình, bộc lộ tấm chân tình của tác giả trong khi khổ bốn của “*Viếng lăng Bác*” được viết theo thể thơ tám chữ, giọng thơ trang nghiêm, thành kính, nhịp thơ dồn dập gây cho người đọc nhiều cảm xúc về Bác Hồ.

=> Với tất cả những sự giống nhau và khác nhau đó, mỗi đoạn thơ đều có những âm hưởng riêng, phong cách riêng đã đem lại cái hay, cái đặc sắc riêng của từng bài khiến cho ta vô cùng xúc động trước ước nguyện cống hiến của tác giả và lối sống đẹp đẽ, đầy trách nhiệm của họ.

*\* Liên hệ Mở rộng:*Và cũng là lối sống của con người Việt Nam, như Tố Hữu đã từng viết:

“Nếu là con chim, chiếc lá

Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh

Lẽ nào vay mà không trả

Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình ”

Là học sinh, sau khi hiểu được các đoạn thơ trên, tôi sẽ cố gắng rèn luyện cho mình lối sống đẹp và có trách nhiệm, cố gắng cống hiến những gì tốt đẹp nhất dù là nhỏ bé của mình cho quê hương, đất nước để mỗi ngày được ngắm nhìn quê hương thay da đổi thịt, lớn mạnh, hùng cường.

**III. Kết bài**

Thời gian vẫn trôi và bốn mùa luôn luân chuyển. Con người chỉ xuất hiện một lần trong đời và cũng chỉ một lần ra đi mãi mãi vào cõi vĩnh hằng…nhưng những gì là thơ, là văn, là nghệ thuật đích thực thì vẫn còn mãi với thời gian. Trước khi chết, vua Phổ cầm tay Mooda và nói *“Ta tiêu biểu cho trật tự, ngươi tiêu biểu cho cái đẹp. Biết đâu hậu thế sẽ quên ta và nhắc nhở đến ngươi”.* Có lẽ về sau, chúng ta vẫn sẽ không quên “*Mùa xuân nho nhỏ”* của Thanh Hải và “*Viếng lăng Bác”* của Viễn Phương - hai bài thơ hay, ngọt ngào, da diết, là tiếng lòng thổn thức của Thanh Hải và Viễn Phương, là ước nguyện cao đẹp dâng hiến cho đời. Thấm nhuần tâm tư, ước nguyện của hai nhà thơ, chúng ta càng thêm tin yêu vào mùa xuân của đất nước và “*mùa xuân nho nhỏ”* trong lòng mình. Chúng ta muốn cùng con chim chiền chiện hót lên khúc ca ngọt ngào gọi xuân về, học thành tài để trở thành cây tre trung hiếu của đất nước, góp công sức nhỏ bé để tô điểm cho mùa xuân cuộc đời thêm đẹp.

*===========================================================*

**ĐỀ 80: BỨC TRANH MÙA XUÂN TRONG “CẢNH NGÀY XUÂN” CỦA TÁC GIẢ NGUYỄN DU VÀ “MÙA XUÂN NHO NHỎ” CỦA THANH HẢI.**

**1. Mở bài**

Mùa xuân vốn là đề tài vô tận của thi nhân xưa và nay. Nếu như hoạ sĩ dùng đường nét và sắc màu, nhạc sĩ dùng giai điệu và âm thanh thì thi sĩ lại dùng hình ảnh và ngôn từ để diễn tả cảm xúc của mình-đặc biệt là diễn tả tình yêu thiên nhiên, yêu cái men say nồng của sắc xuân hương xuân. Hãy lật từng trang sách đến với bốn câu thơ đầu trong đoạn trích Cảnh ngày xuân trong kiệt tác Truyện Kiều của Nguyễn Du. Hãy hoà nhịp tâm hồn vào đất trời xứ Huế với bốn câu thơ đầu trong Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải, bạn sẽ thấy non sông gấm vóc, quê hương Việt Nam đẹp biết bao!

*Ngày xuân con én đưa thoi*

*Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi*

*Cỏ non xanh tận chân trời*

*Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*

Và:  
*Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc*

*Ơi! Con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời*

**2. Thân bài**

- Nguyễn Du và Thanh Hải - Họ tuy không cùng một thế hệ thơ, hoàn cảnh sống khác nhau nhưng trong tâm hồn của những người nghệ sĩ ấy luôn tràn đầy một tình yêu thiên nhiên đến lạ kì! Ngòi bút của các thi sĩ đã thăng hoa, đã đồng điệu với vạn vật tự nhiên, thổi vào đó một tình xuân, ý xuân ngọt ngào say đắm. Sao không yêu chứ, sao không ngây ngất chứ! Vẻ đẹp của xuân quê hương, xuân của lòng người rộn rã lắm, náo nức lắm.

- Mùa xuân ấy là màu xanh bát ngát của sự sống, của những chồi non lộc biếc đang cựa quậy trong từng vần thơ. Hai nguồn thi cảm ở hai thời đại cùng nhả những sợi tơ lòng dệt nên bức hoạ tuyệt đẹp của mùa xuân có hình khối màu sắc, có xa, có gần, có tĩnh có động, có nhịp đập trái tim thổn thức, có âm thanh rộn rã, có tình người đắm say. Chỉ một vài nét chấm phá mà sao hai bức tranh xuân ấy lại đẹp đến vậy.

- Ở mỗi đoạn thơ lại có những nét riêng độc đáo. Nếu như Nguyễn Du tài hoa, uyên bác trong ngôn từ thì Thanh Hải lại đằm thắm, ngọt ngào với những vần thơ đầy ắp hình ảnh. Nguyễn Du khi gợi tả mùa xuân đã kế thừa và sáng tạo từ một câu thơ cổ Trung Quốc “Phương thảo thiên liên bích/Lê chi sổ điểm hoa”. Nếu như nhà thơ cổ Trung Quốc đã phác hoạ bức tranh xuân có màu xanh của cỏ non, có vẻ đẹp của mấy bông hoa lê trên cành thì Nguyễn Du lại thể hiện được cả sức xuân căng tràn, dào dạt của cỏ...Cỏ càng xanh, hoa càng trắng, chỉ mấy chữ “non”, “xanh”, “trắng” mà như chứa cả hương thơm, cả sắc màu, cả tình người gửi vào đó. Nguyễn Du báo tín hiệu mùa xuân bằng “én đưa thoi” thì với Thanh Hải là một bông hoa tím biếc “mọc” giữa dòng sông xanh. Nguyễn Du đã dùng không gian để vẽ thời gian. Thời gian - thấm thoắt đã trôi qua hai tháng, nhanh như thoi đưa, chỉ đọng lại ánh sáng rực rỡ, cuối cùng của mùa xuân trong tiết thanh minh.

- Còn Thanh Hải với cách đảo động từ “mọc” đã phác hoạ một hình ảnh rất ấn tượng về sự sống mãnh liệt của loài hoa lục bình xứ Huế đang vươn lên giữa phông nền của dòng sông xanh căng tràn sức sống. Nguyễn Du dùng những thi liệu là “cỏ non”, cánh “én đưa thoi”, “thiều quang”, “hoa lê trắng” để vẽ lên bức tranh xuân cao rộng, thoáng đãng đầy thi vị thì Thanh Hải đã dùng những hình ảnh “dòng sông xanh”, “bông hoa tím biếc”, tiếng “chim chiền chiện hót vang trời “để làm nên cái độc đáo mà chỉ ở quê hương xứ Huế mộng mơ mới có. Tiếng gọi của thanh Hải “ơi”, “hót chi” nghe sao mà tha thiết, ngọt ngào như con người Huế vốn rất đẹp, rất chân thành đó thôi.

- Bức tranh xuân của Nguyễn Du non xanh như tâm hồn của các cô thiếu nữ Thuý Kiều, Thuý Vân trong buổi du xuân. Bức tranh xuân của Thanh Hải tươi sáng, ân tình, chứa chan cảm xúc, thấm thía lòng người. Tâm hồn họ đều rất thăng hoa, rất thiết tha, nhưng mỗi người lại có một bút pháp nghệ thuật riêng đễ ghi đậm cái tôi cá nhân trong lòng độc giả. Nếu như Nguyễn Du đã vận dụng khéo léo thể thơ lục bát của dân tộc thì Thanh Hải cũng rất mượt mà với thể thơ ngũ ngôn ngân nga như điệu nhạc xứ Huế - trong bản hoà ca của đất nước đang xây dựng xã hội chủ nghĩa.

- Nguyễn Du với mười lăm năm lưu lạc, còn Thanh Hải đang phải giáp ranh với cái chết nhưng ở họ vẫn nồng cháy tình yêu thiên nhiên, đất trời, Tình cảm ấy đã hoà chung dòng chảy với các tác phẩm khác viết về mùa xuân.

**3. Kết bài**

Đã nhiều năm trôi qua, nhưng khi đọc những dòng thơ trên, lòng người đọc vẫn không khỏi xúc động, rạo rực, mê say. Có lẽ Nguyễn Du cũng như Thanh Hải sẽ còn sống mãi trong trái tim người đọc bởi những vần thơ như thế, bởi tấm lòng yêu mùa xuân, yêu thiên nhiên, đất trời và con người tha thiết. Bởi chính ngòi bút của họ đã thăng hoa thành những nét vẽ khắc sâu trong hồn ta một mùa xuân bất diệt, vĩnh hằng và truyền vào lòng ta khát vọng được cống hiến, được làm:

*"Một mùa xuân nho nhỏ*

*Lặng lẽ dâng cho đời..."*

====================================================

**VĂN BẢN: SANG THU**

*(Hữu Thỉnh)*

**ĐỀ 81: PHÂN TÍCH BÀI THƠ “SANG THU” - HỮU THỈNH (\*)**

**A. Mở bài:**

**Cách 1:** Hữu Thỉnh là một trong những cây bút tiêu biểu của nền thơ ca hiện đại Việt Nam, trưởng thành trong những năm đầu kháng chiến chống Mỹ. Là một nhà thơ quân đội nhưng Hữu Thỉnh rất có duyên nên khi viết về mùa thu. Những trang thơ của Hữu Thỉnh vừa nhẹ nhàng, gần gũi, tinh tế mới lạ, giọng điệu tha thiết, ngôn ngữ hình ảnh giản dị trong sáng gợi nhiều ý nghĩa biểu tượng. Nên các tác phẩm của ông được đông đảo bạn đọc đón nhận. Bài thơ “ Sang thu” là một bài thơ như thế. Đến với tác phẩm qua những câu thơ viết về cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước khung cảnh thiên nhiên giao mùa từ hạ sang thu. Những cảm xúc ấy được thể hiện rất rõ qua… ( 2 khổ thơ – viết thơ)

**Cách 2**: Nếu mùa xuân là mùa hội tụ của những bàn tay nghệ sĩ tài hoa thì mùa thu cũng trở thành đề tài bất tận, nguồn cảm hứng quen thuộc và lâu đời trong các tác phẩm thi ca, nhạc họa. Mùa thu với tiết trời se lạnh, chiếc lá vàng bay dễ khiến lòng người dao động. Vì thế mùa thu đã trở thành nguồn cảm hứng cho các thi nhân chắp bút ngợi ca. Vườn thơ thu của dân tộc đã có rất nhiều tác phẩm viết về mùa thu để lại trong lòng người đọc những ấn tượng khó quên trong đó phải kể đến bài thơ “Sang Thu” của Hữu Thỉnh. Đến với tác phẩm qua những câu thơ viết về cảm nhận tinh tế của nhà thơ trước khung cảnh thiên nhiên giao mùa từ hạ sang thu. Những cảm xúc ấy được thể hiện rất rõ qua… ( 2 khổ thơ – viết thơ)

**Cách 3**: Mùa thu luôn là đề tài, là cảm hứng quen thuộc lâu đời của thơ ca.Trong kho tàng văn học dân tộc ta đã từng biết đến một mùa thu trong veo trong thơ Nguyễn Khuyến, thu ngơ ngác trong thơ Lưu Trọng Lư, dào dạt và đượm buồn trong thơ Xuân Diệu.Và thật bất ngờ khi ta gặp một Hữu Thỉnh tinh tế, sâu sắc đến vô cùng qua một thoáng “Sang thu”.

**B. Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm**

**- Hoàn cảnh sang tác**: Bài thơ được sáng tác năm 1977 khi đất nước mới giành được độc lập 2 năm. Đây cũng là một trong những mùa thu và những người lính như Hữu Thỉnh lần đầu tiên được cảm nhận vẻ đẹp của nó trong không khí hòa bình.

**- Chủ đề tác phẩm**: Bằng tâm hồn nhạy cảm, bằng tình yêu mùa thu, quê hương nhà thơ đã mở rộng lòng mình để đón nhận giây phút chuyển mình của cảnh vật, đất trời từ cuối hạ sang đầu thu. Đồng thời bộc lộ những chiêm nghiệm, những suy ngẫm về con người, về cuộc đời vốn đầy dẫy những khó khăn thử thách.

**2. Phân tích bài thơ**

**a. Những tín hiệu giao mùa:**

- “Sang thu” ở đây là chớm thu, là lúc thiên nhiên giao mùa. Mùa hè vẫn chưa hết mà mùa thu tới có những tín hiệu đầu tiên. Viết về mùa thu các tác giả thường dùng những chất liệu quen thuộc: Sắc vàng của hoa cúc, của lá vàng rơi hay tiếng lá xào xạc của lá ngô đồng, của rặng liễu… Cò riêng Hữu Thỉnh lại đón nhận mùa thu bằng những cảm nhận tinh tế, giản dị:

*“Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se”*

+ Thu của Hữu Thỉnh được bắt đầu bằng một mùi hương quen thuộc phảng phất trong “gió se” - thứ gió khô và se se lạnh, đặc trưng của mùa thu về ở miền Bắc. Đó là “hương ổi” - mùi hương riêng của mùa thu làng quê ở vùng đồng bằng Bắc Bộ Việt Nam.

+ Động từ “Phả” giàu sức gợi cảm, là động từ mạnh diễn tả mùi hương thơm nồng nàn, lan tỏa. Hương ổi “phả” vào trong “gió se” đem đến cho người đọc một sự liên tưởng thú vị: khiến cho hương thơm ấy như sánh lại và đậm đặc hơn. Làn gió heo may đã đưa hương ổi lan tỏa khắp các đường ngõ, thôn xóm. Để rồi ta nhận ra trong gió có mùi thơm hương ổi nồng nàn một tín hiệu rõ nhất báo mùa thơ về.

+ “Hương ổi” gắn liền với bao kỉ niệm của thời thơ ấu, là mùi vị của quê hương đã thấm đẫm trong tâm tưởng nhà thơ và cứ mỗi độ thu về thì nó lại trở thành tác nhân gợi nhớ. => Hương ổi ấy, cơn gió đầu mùa se lạnh ấy là sứ giả của mùa thu ( cũng như chim én là sứ giả của mùa xuân). Nó đến rất khẽ khàng, “khẽ” đến mức chỉ một chút vô tình thôi là không một ai hay biết.

=> Kể từ đây tín hiệu chuyển mùa khi thu về không chỉ là sắc lá vàng bay, là hoa cúc vàng nở rộ, là rặng liễu đìu hiu… mà vị sứ giả đầu tiên mang đến mùa thu cho mỗi chúng ta là “hương ổi” một thứ hương quê mộc mạc, dân dã vốn đã rất thân thuộc với mọi người. Ở đây Hữu Thỉnh đã có một hình ảnh, một tứ thơ khá mới mẻ so với thơ văn cổ viết về mùa thu, nhưng lại vô cùng quen thuộc và gần gũi đối với mỗi người dân Việt Nam, đặc biệt là người dân miền Bắc mỗi độ thu về.

*Chuyển ý*: Tín hiệu sang thu không chỉ bằng hương ổi, gió se mà còn được gợi ra bằng hình ảnh “sương thu”. Với Hữu Thỉnh sương thu không chỉ đẹp, nhẹ nhàng, mong manh hư ảo mà còn rất con người nó đang ngập ngừng lưu luyến trước bước đi của thời gian:

*“Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về”*

+ Nhà thơ đã nhân hóa làn sương qua từ láy “chùng chình”. Phép tu từ ấy đã thổi hồn vào những sự vật vô tri, vô giác để làn sương mỏng manh ấy như có tâm hồn, có cảm nhận riêng như ai đó đang nửa muốn đi, nửa muốn ở, ngập ngừng vương vấn khi bước chân qua ngưỡng cửa mùa thu. Câu thơ lắng đọng tạo cảm giác mơ hồ đan xen nhiều cảm xúc.

*\* Liên hệ mở rộng*: Với nhà thơ Nguyễn Du thì mùa thu như khói biếc: *“Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng”.*  Còn nhà thơ Tàn Đà thì sương thu nhẹ nhàng như hơi thở của làn khói: *“ Khói thu xây thành”*

+ Ở đây sương thu của Hữu Thỉnh, không phải là làn sương dày đặc, mịt mù như trong câu ca dao quen thuộc miêu tả cảnh Hồ Tây lúc ban mai *“Mịt mù khói tỏa ngàn sương”,* hay như nhà thơ Quang Dũng đã viết trong bài thơ “Tây Tiến”: *“Sài Khao sương lấp đoàn quân mỏi”* mà là *“Sương chùng chình qua ngõ*” gợi ra những làn sương mỏng manh, mềm mại, giăng mắc  màn khắp đường thôn ngõ xóm làng quê. Nó làm cho khí thu mát mẻ và cảnh thu thơ mộng, huyền ảo, thong thả, bình yên.

- “Ngõ” ở đây vừa là ngõ thực của làng quê, nhưng cũng có thể là con ngõ thong giữa hay mùa hạ và thu chăng? Tâm trạng sang thu hay tâm trạng con người đang lưu luyến đợi chờ , tiếc nuối một điều gì đó trước ngưỡng cửa thời gian.

=> Như vậy tín hiệu chuyển mùa được tác giả cảm nhận bằng tất cả các giác quan: khứu giác ( hương ổi), xúc giác (gió se) rồi đến thị giác (làn sương), tuy vậy trước những tín hiệu ban đầu ban đầu của khoảnh khắc giao mùa, cảm xúc của nhà thơ còn mơ hồ chưa rõ ràng. Cảm xúc ấy còn được thể hiện qua từ “bỗng” diễn tả tâm trạng bất ngờ như chưa kịp chuẩn bị. Và từ: *“Hình như thu đã về”.* Câu thơ như lời tự hỏi lòng mình là một câu hỏi tu từ thể hiện sự ngạc nhiên, ngỡ ngàng . Từ “Hình như” là sự phỏng đoán nửa tin, nửa ngờ, một tâm trạng mơ hồ, phân vân, không thật rõ ràng. Đúng là một trạng thái cảm xúc của thời điểm chuyển giao. Thu đến nhẹ nhàng quá, mơ hồ quá.

=> Câu thơ gợi một chút mơ hồ về thời gian rõ nét đồng thời Hữu Thỉnh đã rất tinh tế thể hiện được những cảm nhận về cảm xúc giao mùa của đất trời, của lòng người một cách ngất ngây và say đắm. Phải là một con người có tâm hồn yêu thiên nhiên tinh tế, nhạy cảm mới có thể cảm nhận được những tín hiệu ban đầu của khoảnh khắc giao mùa từ hạ sang thu.

**Khổ 2. Bức tranh thiên nhiên lúc giao mùa**

*\* Chuyển ý*: Nếu khổ thơ thứ nhất là những cảm nhận về mùa thu còn mơ hồ, chưa rõ nét thì đến khổ thơ thứ hai bức tranh mùa thu đã được hiện hữu rõ ràng, đậm nét qua dấu ấn đổi thay của cảnh vật.Sau giây phút ngỡ ngàng và khe khẽ vui mừng, cảm xúc của thi sĩ tiếp tục lan tỏa, mở ra trong cái nhìn xa hơn, rộng hơn:

*Sông được lúc dềnhdàng*

*Chim bắt đầu vội vã*

- Dấu ấn bức tranh mùa thu được tác giả cảm nhận qua 3 nét vẽ cụ thể: với những hình ảnh:*“dòng sông”, “cánh chim”, “đám mây ”.*

- Hình ảnh dòng sông được tác giả miêu tả qua từ láy “dềnh dàng” cùng biện pháp nhân hóa giúp người đọc hình dung trạng thái của dòng sông mùa thu khác hẳn với mùa hạ. Nếu mùa hạ song cuồn cuộn trở nặng phù sa, dữ dội bao nhiêu thì đến mùa thu dòng sông ấy lại trở lên hiền hòa. Nó trôi một cách lững lờ, ung dung, thong thả như đang dạo chơi. Hình ảnh dòng sông gợi lên vẻ đẹp êm dịu của bức tranh mùa thu đã đi qua mùa giông bão. Cái “*dềnh dàng”* của dòng sông không chỉ gợi ra vẻ êm dịu của bức tranh thiên nhiên mùa thu mà còn mang đầy tâm trạng của con người như chậm lại, như trễ nải, như ngẫm ngợi nghĩ suy về những trải nghiệm trong cuộc đời.

- Đối lập với hình ảnh hiền hòa, chậm chạp, khoan thai của dòng sông là sự vội vàng của những cánh chim. Không gian trở nên xôn xao, không có âm thanh nhưng câu thơ lại gợi được cái động. Chim là động vật vô cùng nhạy cảm, chúng nhận ra trong gió heo may cái se lạnh của mùa thu đang về và mùa đông đang tới. Vậy nên chúng gấp gáp làm tổ, hối hả tha mồi, tất bật chuẩn bị cho những ngày tháng trú đông an toàn nhất hay sự vội vã của một hành trình về phương Nam trú rét. Nhưng cái tinh tế của hồn thơ Hữu Thỉnh lại ở từ “ bắt đầu”. Không phải là những cánh chim đang vội vã mà mới chỉ là bắt đầu. Nhận ra quy luật này chắc hẳn Hữu Thỉnh phải là người rất yêu cuộc sống nên mới có tâm hồn nhạy cảm, mới có thể nghe được, thấy được cái vỗ cánh bắt đầu của những cánh chim, cái cựa mình rất nhẹ của thời gian.

*\* Liên hệ mở rộng:* Nhà thơ Xuân Diệu từng viết:

*“ Không gian như có dây tơ*

*Bước đi sẽ đứt động hờ sẽ tan”*

- Ấn tượng nhất trong bức tranh mùa thu chính là hình ảnh:

*Có đám mây mùa hạ*

*Vắt nửa mình sang thu*

- Đây là một hình ảnh thơ sang tạo, một liên tưởng độc đáo, chỉ bằng mười con chữ gói gọn trong hai câu thơ mà người đọc có thể hình dung ra một bàu trời trong veo, những đám mây trắng lững lờ trôi, nắng mùa hạ vẫn còn vương lưng trời, hắt ánh vàng lên đám mây mỏng nhẹ. Thiên nhiên hai mùa như đang trộn lẫn, đang giao hòa trong áng mây bay.

- Động từ “vắt” thể hiện thật tài tình tạo ra nhiều lien tưởng giúp người đọc có thể hình dung những đám mây nhẹ trôi bồng bềnh uốn lượn như dải lụa mà ai đó tung lên trời. Cũng có thể gợi cho ta nghĩ đến cây cầu dải yếm hay cầu Ô Thước trong truyện “ Ngưu Lang, Chức Nữ” bắc trên dải ngân hà… Biết bao liên tưởng thú vị được gợi ra từ hình ảnh đám mây đã trở thành nhịp cầu nối liền hai dải thời gian, nối liền hai bờ không gian và thời gian giữa hạ và thu. Bước qua dải cầu mây mềm mại ấy tức là ta đã bước qua mùa hạ sôi động để sang với mùa thu dịu dàng, quyến rũ.

*\* Liên hệ mở rộng:* Trong thơ ca Việt Nam, không ít những vần thơ nói về đám mây trên bầu trời thu:

*“Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt”*

(Nguyễn Khuyến - “Thu điếu”)

*Hay: “Lớp lớp mây cao đùn núi bạc”*

(Huy Cận - “Tràng giang”)

=> Cài tài của Hữu Thỉnh là ông đã lấy cái thời gian siêu hình của sự vật để miêu tả thời gian định tính của vũ trụ. Dòng sông, cánh chim, đám mây đều được miêu tả bằng nghệ thuật nhân hóa, thổi hồn vào sự vật làm cho bức tranh thu trở nên hữu tình và thi vị.

**3. Những suy tư,chiêm nghiệm của nhà thơ:**

*\* Chuyển ý:* Nếu ở hai khổ thơ đầu của bài thơ, dấu hiệu mùa thu đã khá rõ ràng trong không gian  và thời gian, sang khổ cuối vẫn theo dòng cảm xúc ấy, tác giả bộc lộ suy ngẫm của mình về con người, về cuộc đời:

*Vẫn còn bao nhiêu nắng*

*Đẵ vơi dần cơn mưa*

*-* Bức tranh phong cảnh lúc giao mùa được tác giả gợi tả bằng những hình ảnh quen thuộc. Bằng giác quan nhạy cảm, tinh tế Hữu Thỉnh đã nghe thấy, nhận thấy và đong đếm được những nắng, những mưa, những âm vang của cuộc sống.

- Hàng loạt những phó từ chỉ mức độ giảm dần như vẫn còn “vơi dần, bớt” để nói về trạng thái đặc điểm của thiên nhiên nắng, mưa, sấm khi sang thu.

- Với một hồn thơ bay bổng, một trái tim nhạy cảm, một giác quan tinh tế Hữu Thỉnh đã cảm nhận trên bầu trời thu nắng hạ vẫn còn nhưng không còn gay gắt, chói chang, đổ lửa như nắng mùa hạ. Mưa mùa hạ vẫn còn nhưng sang thu mật độ thưa hơn, nhẹ hơn, nó không dữ dội như những cơn mưa mùa hạ nữa. Chớm thu sấm màu hạ còn theo bước chân mùa hạ đi vào mùa thu nhưng âm vang giảm hẳn. Sang thu con người, vạn vật dường như đã quen dần với tiếng sấm mùa hạ nên không còn bất ngờ và kinh hãi nữa.

- Hai câu thơ cuối bài lắng xuống với nhiều triết lí sâu xa:

*Sấm cũng bớt bất ngờ*

*Trên hàng cây đứngtuổi”.*

Hai câu thơ vừa mang nghĩa tả thực, vừa mang nghĩa tượng trưng:

+ Tả thực: - Sấm là hiện tượng bất thường của tự nhiên

- Hàng cây đứng tuổi là hàng cây cổ thụ sống lâu năm, hang cây ấy đã trải qua nhiều tác động của tự nhiên trở nên vững vàng, mạnh mẽ hơn.

+ Đồng thời câu thơ còn mang ý nghĩa biểu tượng sâu xa:

Sấm và hang cây đứng tuổi là hình ảnh ẩn dụ mang ý nghĩa sâu xa:

+ “Hàng cây đứng tuổi” chỉ những con người đứng tuổi từng trải. Họ trở lên vững vàng hơn trước những tác động bất thường của ngoại cảnh.

=> Giọng thơ trầm hẳn xuống, câu thơ không đơn thuần chỉ là giọng kể, là sự cảm nhận mà còn là sự suy nghĩ, chiêm nghiệm về đời người. Nhìn cảnh vật biến chuyển khi thu mới bắt đầu, Hữu Thỉnh nghĩ đến cuộc đời khi đã “đứng tuổi”. Phải chăng, mùa thu đời người là sự khép lại của những thángngày sôi nổi với những bất thường của tuổi trẻ và mở ra một mùa thu mới, một không gian mới, yên tĩnh, trầm lắng, bình tâm, chín chắn…trước những chấn độngcủa cuộc đời.

=> Vậy là “Sang thu” đâu chỉ là sự chuyển giao của đất trời mà còn là sự chuyển giao cuộc đời mỗi con người. Hữu Thỉnh rất đỗi tinh tế, nhạy bén trong cảm nhận và liên tưởng. Chính vì vậy những vần thơ của ông có sức lay động lòng người mãnh liệt hơn.

**3. Đánh giá**

- Bằng biện pháp tu từ nhân hóa, các hình ảnh thơ tự nhiên, không trau chuốt mà giàu sức gợi cảm, thể thơ năm chữ, bài thơ “Sang thu” của Hữu Thỉnh đã thể hiện một cách đặc sắc những cảm nhận tinh tế để tạo ra một bức tranh chuyển giao từ cuối hạ sang thu nhẹ nhàng, êm dịu,trong sáng nên thơ…ở vùng đông bằng Bắc Bộ để từ đó gửi gắm những suy nghĩ rất sâu sắc về con người và cuộc đời. Đọc “Sang thu”, ta nhận ra ở Hữu Thỉnh là tình yêu tha thiết với thiên nhiên, là một tâm hồn tinh thế và vô cùng nhạy cảm. Điều đó thật đáng để ta trân trọng.

**C. Kết bài**

Đã rất nhiều năm trôi qua nhưng đến nay bài thơ “ sang thu” vẫn còn nguyên giá trị. Những khổ thơ trên đã góp phần làm nên thành công ấy cho bài thơ. Bài thơ mang một chút buồn, dịu dàng và lặng lẽ, thiên nhiên và con người cùng một nhịp sang thu. Cảnh thu và tình thu đang lồng vào nhau, thắm thiết và lưu luyến bồi hồi, vừa trang nghiêm, vừa chững chạc. Một mùa thu thật đẹp, lặng lẽ và dịu dàng, gửi gắm vào đó là tình cảm của con người với quê hương, đất nước. Với những giá trị ấy Hữu Thỉnh cùng với “sang thu” sẽ sống mãi trong long bạn đọc hôm nay và mai sau.

==========================================================

**ĐỀ 82**: **PHÂN TÍCH BÀI THƠ “SANG THU” - HỮU THỈNH (\*) Bài tham khảo 2**

**1. Mở bài**

Trong kho tàng văn học Việt Nam đã xuất hiện nhiều thi phẩm viết về đề tài mùa thu, thể hiện tình yêu say đắm với thiên nhiên và tấm lòng trĩu nặng với cuộc đời. Ta bắt gặp “*Tiếng thu*” của *Lưu Trọng Lư*, “*Đây mùa thu tới*” của *Xuân Diệu*,chùm *ba bài thơ thu* của *Nguyễn Khuyến*. *Hữu Thỉnh* cũng đóng góp vào kho tàng thơ thu ấy môt thi phẩm đặc sắc: “*Sang thu*”. Bài thơ mở ra trước mắt bạn đọc một không gian thiên nhiên đẹp đẽ giữa sự chuyển mình của thiên nhiên từ hạ sang thu. Hơn thế nữa bài thơ còn thể hiện tâm hồn trong sáng , sự cảm nhận tinh tế nhạy cảm của nhà thơ với một cách thể hiện mới mẻ và độc đáo.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát**

**- Hoàn cảnh sáng tác**: Bài thơ được sáng tác năm 1977 khi đất nước mới giành được độc lập 2 năm. Đây cũng là một trong những mùa thu và những người lính như Hữu Thỉnh lần đầu tiên được cảm nhận vẻ đẹp của nó trong không khí hòa bình.

**- Chủ đề tác phẩm**: Bằng tâm hồn nhạy cảm, bằng tình yêu mùa thu, quê hương nhà thơ đã mở rộng lòng mình để đón nhận giây phút chuyển mình của cảnh vật, đất trời từ cuối hạ sang đầu thu. Đồng thời bộc lộ những chiêm nghiệm, những suy ngẫm về con người, về cuộc đời vốn đầy dẫy những khó khăn thử thách.

**b. Phân tích thơ**

- Thiên nhiên là sự ban tặng của trời đất. Chúng đều có một quy luật vận hành mà tất cả vạn vật phải hoạt động theo quy luật ấy. Sự giao mùa là giờ khắc rất thiêng liêng không phải ai cũng cảm nhận được. Bằng tình yêu say đắm với thiên nhiên *Hữu Thỉnh* đã miêu tả bức tranh thiên nhiên đất nước một cách rất nên thơ .

- Mở đầu bài thơ, một cảm hứng ngẫu nhiên đến với tác giả:

*“ Bỗng nhận ra hương ổi”*

- “ Bỗng” - Một sự ngẫu nhiên, ngỡ ngàng như duyên cớ vô tình. Một hương vị dìu dịu, thoáng qua man mác, hương vị thân quen của mỗi làng quê Việt Nam. Hương ổi gợi cho ta cái vị giòn giòn chua chua nơi đầu lưỡi. Cái hương vị ấy xen lẫn trong làn gió se hơi lành lạnh, tạo cho ta một cảm giác dễ chịu, khoan khoái, một cảm giác yên bình nơi thôn xóm. Động từ “ phả” là một động từ rất đặc biệt.

- Tác giả không dùng “tỏa” hay “ thổi” mà dùng “ phả”. Có lẽ đây là một dụng ý nghệ thuật của tác giả. Mùa thu như đang chờ đón, đang mong đợi thời gian trôi qua. Để khi thời khắc đến, mùa thu xuất hiện đột ngột và bất ngờ. Tất cả cảnh vật qua lăng kính của nhà thơ được cảm nhận một cách mới mẻ, nhạy cảm bằng tất cả các giác quan của mình. Bằng xúc giác , khứu giác nhà thơ nhận ra *“ Hương ổi phả và trong gió se”.* Bằng thị giác nhà thơ nhận thấy:

*“Sương chùng chình qua ngõ”*

- Làn sương đầu thu bồng bềnh, nhẹ nhàng trôi trong làn gió se như giăng , như đón con người. Sương chùng chình lặng lẽ lướt qua như bóng dáng quen thuộc của làng quê. Sương như cô gái quê trong tà áo dài e lệ , ngại ngùng. Bức tranh mộc mạc như hiện ra trước mắt người đọc một cái hồn quê trong sáng thân thương .Tất cả dưới ngòi bút của Hữu Thỉnh đều diễn ra một cách hết sức nhẹ nhàng. Nhẹ nhàng thôi nhưng trong thâm tâm nhà thơ nhận thấy “*Hình như thu đã về”.* Phân vân , bối rối: Thu đã về, mình phải làm sao đây?

\* Ở khổ thơ thứ hai, tâm hồn nhà thơ như chan hòa cùng thiên nhiên:

*“ Sông được lúc dềnh dàng*

*Chim bắt đầu vội vã”*

- Dòng sông ngày ngày vẫn chảy mạnh mẽ, hối hả giữa tiết trời mùa hè, Thì hôm nay, khi mùa thu đến, dòng sông êm đềm, lững lờ trôi, khoan thai chậm rãi. Ngược lại , những đàn chim thì hối hả chuẩn bị hành trang tránh rét. Hai hình ảnh đối lập giữa dòng sông và đàn chim càng làm rõ hơn không gian mùa thu đã về. Mùa thu đã về trải dài trên những nẻo đường , trên từng dòng sông, từng cánh đồng quê hương với cách miêu tả vừa cụ thể mà sinh động .

Tiếp theo là một hình ảnh nhân hóa rất mới mẻ và độc đáo:

*“ Có đám mây mùa hạ*

*Vắt nửa mình sang thu”*

- Nửa mây mùa hạ còn đây mà nửa kia đã muốn chuyển mùa sang thu. Đám mây không còn đen kịt, báo hiệu một trận mưa giông đữ dội nữa mà nhởn nhơ, lơ lửng từng không vừa như níu kéo mùa hạ, vừa nhùng nhằng muốn bước sang mùa thu. Hình ảnh : “ ***Có đám mây mùa hạ , Vắt nửa mình sang thu***” là một hình ảnh lạ và độc đáo. Vừa tạo cho người đọc cảm giác bâng khuâng, xao xuyến.

Ở khổ thơ thứ ba, dấu hiệu của mùa thu càng trở nên rõ rệt

*“ Vẫn còn bao nhiêu nắng*

*Đã vơi dần cơn mưa*

*Sấm cũng bớt bất ngờ*

*Trên hàng cây đứng tuổi”*

- Thu đã sang, đã sang thật rồi, nhưng dư âm của mùa hạ vẫn còn chưa phai. Nắng vẫn còn nhưng mưa đã giảm. Đây là một thực tế của thời tiết Bắc bộ nước ta. Khi thu sang trời vẫn còn khá nắng cho dù những cơn gió mát đã xoa dịu phần nào. Mặt trời vẫn ngày ngày chiếu rọi những ánh nắng vàng rực rỡ xuống mặt đất như luyến tiếc một mùa hạ đã qua. Và mưa không còn xối xả, dữ dội như mùa hạ, những cơn mưa nhẹ dần và thưa dần. Đó là đặc trưng khí hậu mùa thu xứ Bắc.

- Kết thúc bài thơ Hữu Thỉnh cho ta thấy một hình ảnh ẩn dụ đầy triết lí của cuộc đời:

“ *Sấm cũng bớt bất ngờ*

*Trên hàng cây đứng tuổi”*

- Hai câu thơ vừa đúng với đặc trưng của thiên nhiên vừa là những trải nghiệm đúng đắn của cuộc đời con người . khi cơn mưa vơi dần thì sấm không còn dữ dội nữa. Với những tiếng sấm yếu ớt của mùa thu không làm cho hàng cây , nhất là hàng cây già cổ thụ thấy nguy hiểm , sợ hãi. Những cây cao, bóng cả là nơi trung tâm để sấm sét đánh vào vừa có nghĩa thực , vừa mang nghĩa tượng trưng. Sấm vừa tượng trưng cho những vang động bất thường, những khó khăn , trắc trở của cuộc đời.

- *“Hàng cây đứng tuổi”* là hình ảnh của những con người từng trải , chín chắn. Những khó khăn nguy hiểm thời tuổi trẻ không làm cho họ sợ hãi, nản lòng. Kinh nghiệm và nghị lực giúp họ đứng vững trước những khó khăn , bất trắc của cuộc đời. Thật là một triết lí sâu xa.

**3. Kết bài**

Chỉ vẻn vẹn có sáu mươi chữ, với ba khổ thơ, với giọng điệu nhẹ nhàng, nhiều hình ảnh lạ và độc đáo, *Hữu Thỉnh* đã cảm nhận bằng cả tâm hồn mình những biến chuyển nhẹ nhàng mà tinh tế của thiên nhiên , trời đất lúc sang thu. Qua bài thơ ta còn thấy cách gieo vần độc đáo, những biện pháp tu từ nhân hóa , ẩn dụ được sử dụng đúng chỗ. Cách dùng từ chính xác mà giàu sức gợi hình, gợi cảm. Chính điều này đã khiến ***Sang thu*** trở thành một tác phẩm không thể quên về mùa thu.

=============================================================

**ĐỀ 83: PHÂN TÍCH KHỔ THƠ ĐẦU BÀI THƠ “SANG THU” - HỮU THỈNH (\*)**

“*Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se*

*Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về*”

**1. Mở bài**

Cuối hạ, thu đến mang theo những cảm xúc bất chợt để lại trong lòng người những bâng khuâng xao xuyến về một mùa thu nồng nàn, êm ái. Ngày hạ đi để nhường bước cho nàng thu dịu dàng bước tới. Sự chuyển mình giữa 2 mùa thật nhẹ nhàng và ngập ngừng như lưu luyến, vấn vương một cái gì đó của một thời đã qua. Khoảnh khắc ấy thật đẹp nhưng không phải ai cũng dễ dàng nhận thấy. Riêng nhà thơ Hữu Thỉnh thì khác, ông đã có một cái nhìn thật tinh tường, một cảm nhận thật sắc nét và một cách sống thật hòa hợp với thiên nhiên nên mới có thể vẽ nên một bức tranh in dấu sự chuyển mình của đất trời qua bài thơ *Sang thu*. Linh hồn của bài thơ chỉ vẻn vẹn trong hai chữ thế thôi, song ý nghĩa sâu sắc chất chứa trong hai từ ngắn ngủi ấy lại không hề ít. Và có lẽ ý nghĩa đó lại tập trung nhiều hơn vào khổ đầu của bài thơ.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát**

**- Hoàn cảnh sáng tác**: Bài thơ được sáng tác năm 1977 khi đất nước mới giành được độc lập 2 năm. Đây cũng là một trong những mùa thu và những người lính như Hữu Thỉnh lần đầu tiên được cảm nhận vẻ đẹp của nó trong không khí hòa bình.

**- Chủ đề tác phẩm**: Bằng tâm hồn nhạy cảm, bằng tình yêu mùa thu, quê hương nhà thơ đã mở rộng lòng mình để đón nhận giây phút chuyển mình của cảnh vật, đất trời từ cuối hạ sang đầu thu. Đồng thời bộc lộ những chiêm nghiệm, những suy ngẫm về con người, về cuộc đời vốn đầy dẫy những khó khăn thử thách.

**- Vị trí đoạn thơ:** Khổ thơ trên thuộc khổ 1 của bài thơ đó là những cảm nhận rất tinh tế của nhà thơ Hữu Thỉnh với sự thay đổi của cảnh vật, đất trời lúc sang thu.

“ *Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se*

*Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về*”

- Dẫu biết rằng thời gian bốn mùa luôn luân chuyển, hết xuân đến hạ, thu sang rồi đông tới, thế nhưng ta vẫn cảm thấy ngỡ ngàng khi quên đi nhịp sống sôi động hàng ngày mà lắng nghe tiếng mùa thu đi để cảm nhận thời khắc đặc biệt : bước chuyển mùa của thiên nhiên. Sang thu của Hữu Thỉnh giúp ta chiêm ngưỡng lại bức tranh thiên nhiên phút giao mùa tinh tế và ý vị mà bấy lâu ta hững hờ. Đó là lúc hồn ta run lên những cảm nhận dung dị.

- Chỉ với bốn câu thơ ngắn mở đầu , Hữu thỉnh đã đem đến cho chúng ta những cảm nhận sâu sắc về thiên nhiên. Những tín hiệu mùa thu với những nét phác họa tài hoa: Hương ổi, gió se, sương chùng chình giản dị mà hiện lên đầy gợi cảm. Không phải là sắc “mơ phai” hay hình ảnh “con nai vàng ngơ ngác” mà là hương ổi thân quen nơi vườn mẹ đã đánh thức những giác quan tinh tế của nhà thơ:

*“ Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se”*

- Từ “ bỗng”được gieo lên trong sự ngỡ ngàng, ngạc nhiên. Từ bao giờ nhỉ, thu về? Tất cả đến với tác giả nhẹ nhàng mà đột ngột quá. Thu về với đất trời quê hương, với lòng người mà không hề báo trước. Để rồi trong giây phút ngỡ ngàng ấy, nhà thơ mới chợt nhận ra hương ổi mà không phải là hương vị khác. Người ta có thể đưa vào bài thơ về mùa thu các hương vị ngọt ngào của *ngô đồng*, của *cốm xanh* hay *hoa ngâu*…nhưng Hữu Thỉnh thì không.

- Giữa tiết trời cuối hạ đầu thu, ông nhận ra hương, nhận ra vị chua chua, giòn giòn của những quả ổi chín vàng ươm. Hương ổi không nồng nàn. Đó là thứ hương dìu dịu, nhè nhẹ. Hương vị đồng nội, mộc mạc rất quen thuộc của quê hương. Thế mà ít ai nhận ra sự hấp dẫn của nó. Bằng cảm nhận tinh tế, bằng khứu giác, thị giác, nhà thơ đã chợt nhận ra dấu hiệu của thiên nhiên khi mùa thu lại về. Chúng ta thật sự rung động trước cái “bỗng nhận ra” ấy của tác giả. Chắc hẳn nhà thơ gắn bó với thiên nhiên, với quê hương lắm nên mới có được sự cảm nhận tinh tế, nhạy cảm như thế.

- Dấu hiệu của sự chuyển mùa còn được thể hiện qua ngọn gió se mang theo hương ổi chín. Gió se là một làn gió nhẹ mang theo chút hơi lạnh, còn được gọi là gió heo may. Ngọn gió se se lạnh, se se thổi, thổi vào cảnh vật, thổi vào lòng người một cảm giác mơn man xao xuyến. Từ “phả” được dùng trong câu thơ mới độc đáo làm sao. “Phả” là một động tác mạnh gợi một cái gì đó đột ngột. Nó diễn tả được tốc độ của gió, vừa góp phần thể hiện sự bất ngờ trong cảm nhận hương ổi có sẵn mà chẳng ai nhận ra. Thế mà Hữu Thỉnh đã bất chợt nhận ra và xao xuyến trước cái hương đồng gió nội ấy. Câu thơ ngắn mà có cả gió, cả hương. Hương là hương ổi, gió là gió se.

=>Đây là những nét riêng của mùa thu xứ Bắc. Gợi được như vậy hẳn cái tình quê của Hữu Thỉnh phải đậm đà lắm.

- Câu thơ:

“*Bỗng nhận ra hương ổi,*

*Phả vào trong gió se”*

Còn có cái cảm giác ngỡ ngàng bối rối: Bỗng nhận ra. Nhận ra hương ổi giống như một sự phát hiện nhưng ở đây là phát hiện ra mùi hương vẫn vấn vương mà bấy lâu nay con người hờ hững. Chính vì sự phát hiện ra cái gần gũi xung quanh mình nên con người mới có cảm giác ngỡ ngàng đôi chút bối rối ấy !

- Không chỉ có hương ổi trong gió se mà tiết trời sang thu còn có hình ảnh “ *Sương chùng chình qua ngõ*”. Một hình ảnh đầy ấn tượng. Sương được cảm nhận như một thực thể hữu hình có sự vận động, một sự vân động chậm rãi. Từ “*chùng chình”* gợi lên nhiều liên tưởng. Tác giả nhân hóa làn sương nhằm diễn tả sự cố ý chậm lại của nó khi chuyển động. Nó bay bay qua ngõ, giăng mắc vào dậu, vào hàng cây trước ngõ, đầu thôn làm ta như thấy một sự dùng dằng gợi cảnh. Thu sống động trong tĩnh lặng, thong thả yên bình. Nó có cái vẻ duyên dáng yểu điệu của một làn sương, một hình bóng thiếu nữ hay bóng của một người con gái nào đó. Đâu chỉ có thế, cái hay của từ láy “ chùng chình” còn là gợi tâm trạng. Sương dềnh dàng hay lòng người đang tư lự, hay tâm trạng của tác giả cũng “chùng chình.”

- Khổ thơ thứ nhất khép lại bằng câu thơ;

“*Hình như thu đã về*”.

- Từ *hình như* không có nghĩa là không chắc chắn mà là thể hiện cái ngỡ ngàng, ngạc nhiên và có chút bâng khuâng. Từ ngọn gió se mang theo hương ổi thơm chín, vàng ươm đến cái duyên dáng, yểu điệu của một làn sương cứ chùng chình không không vội vã trước ngõ, tác giả đã dần nhận ra sự chuyển mình nhẹ nhàng nhưng khá rõ rệt của thời tiết và thiên nhiên trong khoảnh khắc giao mùa bằng đôi mắt tinh tế và tâm hồn nhạy cảm của một thi sĩ yêu thiên nhiên, gắn bó với cuộc sống nơi làng quê.

- Khổ thơ ngắn mà để lại cho ta biết bao rung động. Ta như cảm thấy một hồn quê, một tình quê đi về trong câu chữ làm lòng ta ấm áp. Hình ảnh quê hương như càng thêm gần gũi, yêu mến.

**3. Kết bài**

Mùa thu lặng lẽ và nhẹ nhàng, những hình ảnh thơ cứ vấn vương mãi trong hồn. Có cái gì đó thật êm, dịu dàng toát lên từ đoạn thơ ấy. Quả thực ta thấy lòng thanh thản vô cùng, nôn nao nhớ đến miền quê xa vắng trong nắng thu khi đọc những câu thơ của Hữu Thỉnh.

============================================

**ĐỀ 84: PHÂN TÍCH VÀ CẢM NHẬN VỀ BỨC TRANH THIÊN NHIÊN LÚC GIAO MÙA TRONG BÀI THƠ « SANG THU » CỦA NHÀ THƠ HỮU THỈNH.**

“Bỗng nhận ra hương ổi  
Phả vào trong gió se  
 Sương chùng chình qua ngõ  
Hình như thu đã về

Sông được lúc dềnh dàng  
Chim bắt đầu vội vã  
Có đám mây mùa hạ  
 Vắt nửa mình sang thu

Vẫn còn bao nhiêu nắng  
Đã vơi dần cơn mưa  
Sấm cũng bớt bất ngờ  
 Trên hàng cây đứng tuổi”

**I. Mở bài**

**Cách 1 :**

Mùa thu là nguồn cảm hứng thơ bất tận cho các thi sĩ. Nhà thơ nào cũng muốn vẽ một bức tranh thu cho riêng mình. Và Hữu Thỉnh cũng không ngoại lệ. Bài thơ *“Sang thu”* được ông viết vào năm 1977 sau khi đất nước ta giải phóng được hai năm. Bài thơ là những cảm nhận, những rung động man mác, bâng khuâng của tác giả trước sự biến đổi kì lạ trong thời khắc giao mùa của đất trời trong ngưỡng thu:

**Cách 2**

Có lẽ, trong bốn mùa xuân, hạ, thu, đông thì mùa thu thường gợi cảm hứng cho thi ca, nhạc họa nhiều nhất. Ta có thể bắt gặp chùm thơ Thu của Nguyễn Khuyến, *“Tiếng thu”* của Lưu Trọng Lư hay “*Đây mùa thu tới”* của Xuân Diệu… Và cũng viết về đề tài mùa thu, nhà thơ Hữu Thỉnh với thi phẩm *“Sang thu”* đã có những cảm nhận về phút giây giao mùa chuyển từ cuối hạ sang đầu thu thật mới mẻ, tinh tế, nhẹ nhàng. Bài thơ được sáng tác năm 1977, in trong tập *“Từ chiến hào đến thành phố”,* rất tiêu biểu cho phong cách nghệ thuật thơ nhỏ nhẹ, thiết tha, sâu lắng của Hữu Thỉnh:

**Cách 3**

Hữu Thỉnh sinh năm 1942, là nhà thơ trưởng thành trong kháng chiến chống Mĩ. Ông viết nhiều, viết hay về con người nông thôn, về mùa thu. Thơ ông mang đậm hồn quê Việt Nam dân dã, mộc mạc và giàu rung cảm. Nhiều vần thơ thu của ông mang cảm xúc bâng khuâng, vấn vương trước đất trời trong trẻo, đang biến chuyển nhẹ nhàng. “*Sang thu*” được viết vào cuối năm 1977, in lần đầu trên báo văn nghệ. Bài thơ là cảm nhận của nhà thơ về những biến chuyển của khoảnh khắc giao mùa cuối hạ đầu thu và những triết lý về cuộc đời được ông gửi gắm:

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sang tác**: Bài thơ được sáng tác năm 1977 khi đất nước mới giành được độc lập 2 năm. Và được rút từ tập *“Từ chiến hào đến thành phố”* (1991). Đây cũng là một trong những mùa thu mà những người lính như Hữu Thỉnh lần đầu tiên được cảm nhận vẻ đẹp của nó trong không khí hòa bình.

**- Chủ đề tác phẩm**: Bằng tâm hồn nhạy cảm, bằng tình yêu mùa thu, quê hương nhà thơ đã mở rộng lòng mình để đón nhận giây phút chuyển mình của cảnh vật, đất trời từ cuối hạ sang đầu thu. Đồng thời bộc lộ những chiêm nghiệm, những suy ngẫm về con người, về cuộc đời vốn đầy dẫy những khó khăn thử thách.

**2*.* Cảm nhận về vẻ đẹp của bức tranh thiên nhiên lúc giao mùa**

**Khổ 1: Những tín hiệu giao mùa**

**=>**Với thi sĩ Xuân Diệu thì tín hiệu đầu thu là sắc "*mơ phai*" của lá được bàn tay tạo hóa "*dệt"* nên giữa muôn ngàn cây:

"Đây mùa thu tới, mùa thu tới  
Với áo mơ phai dệt lá vàng."

(Đây mùa thu tới)

Nhưng với Hữu Thỉnh thì là *"hương ổi"* của vườn quê được "*'phả vào"* trong làn gió thu se lạnh:

“Bỗng nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se”.

- Từ *“bỗng”* ở câu thơ mở đầu thể hiện sự đột ngột, bất chợt khi mùa thu đến. Một trạng thái chưa hề được chuẩn bị, như là vô tình như là sửng sốt như là cơ duyên để từ đây nhà thơ có thể quan sát sự xuất hiện của mùa thu trong trời đất bằng tất cả giác quan và cũng chính từ góc nhìn này, hình ảnh của cả sự vật sang thu được nhà thơ đưa vào ống kính.

- Đầu tiên là sự cảm nhận về hương vị. Cái *“hương ổi”* chín thường khó đọng lại trong những cơn gió nồm nam thổi mạnh của mùa hè, giờ đây bỗng *“phả vào trong gió se”,* đem đến hương vị dịu ngọt, đằm thắm của mùa thu khiến nhà thơ ngạc nhiên đến ngỡ ngàng trước sự thay đổi của thiên nhiên.Từ *“phả”* là động từ mạnh diễn tả mùi hương ổi thơm nồng nàn lan toả.

- *“Gió se”* là gió nhẹ, khô và hơi lạnh – gió của mùa thu, gió báo hiệu mùa thu đã đến. *“Gió se”* mang theo *“hương ổi”* của đồng quê. Nhận ra trong gió có *“hương ổi”* là **cảm nhận tinh** tế của một người sống giữa đồng quê và nhà thơ đã đem đến cho ta một tín hiệu mùa thu dân dã mà thi vị. Ông đã phát hiện ra một nét đẹp thật đáng yêu của mùa thu vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ. Chắc hẳn nhà thơ phải gắn bó với thiên nhiên, với quê hương lắm, nên mới có được sự cảm nhận tinh tế và nhạy cảm như thế?

Hai câu thơ tiếp:

“Sương chùng chình qua ngõ

Hình như thu đã về”

- Mùa thu tới không chỉ mang theo gió, có hương ổi mà còn có cả làn sương. Không gian thu lãng đãng hơi sương, tạo cho khung cảnh thu thêm lãng mạn. Làn sương được nhân hóa qua động từ “*chùng chình”,* có tác dụng gợi tả những làn sương mỏng manh, nhẹ nhàng như cố ý chậm lại, như lưu luyến chưa muốn bước hẳn vào thu. Nó bay qua ngõ, giăng mắc vào giậu rào, hàng cây khô trước ngõ xóm đầu thôn. Nó duyên dáng, yểu điệu như thiếu nữ nào đấy vương vấn, ngập ngừng khi qua ngõ nhà ai…… Đâu chỉ có thế, cái hay của từ láy “*chùng chình”* còn là gợi tâm trạng. Sương dềnh dàng hay lòng người đang tư lự hay tâm trạng tác giả cũng *“chùng chình”?* Ngõ ở đây vừa là ngõ thực của thôn làng, ngõ xóm; lại vừa là ngõ cửa của thời gian như chao nghiêng ranh giới giữa hai mùa, mùa hạ thì chưa muốn qua mà mùa thu thì chưa muốn tới.

- Từ tất cả các tín hiệu trên (gió se, hương ổi, làn sương) tác giả đi đến kết luận: *“Hình như thu đã về”.* Đây là một sự phỏng đoán bằng cảm giác, bằng linh tính của tâm hồn. “*Hình như”* là từ tình thái thể hiện sự tin tưởng thấp, chưa chắc chắn, vẫn còn mơ hồ. Trạng thái cảm xúc này không chỉ phù hợp với cảnh thu mà cũng rất phù hợp với logic tâm trạng. Bởi những tín hiệu của mùa thu đều là những tín hiệu vô hình, không có hình khối, màu sắc rõ ràng, cụ thể nên nhà thơ mới có cảm xúc ngỡ ngàng, bâng khuâng, có phần hơi bối rối trước tín hiệu mùa thu.

**Khổ 2: Bức tranh thiên nhiên lúc giao mùa**

**-** Cái cảm giác*“hình như”* đó gần như bị xóa tan bởi những tín hiệu chuyển mùa dần hiện ra rõ hơn:

*“Sông được lúc dềnh dàng*

*Chim bắt đầu vội vã*

*Có đám mây mùa hạ*

*Vắt nửa mình sang thu”*

- Bức tranh thu dường như đã đậm màu hơn bởi cảnh vật ngày càng nhiều thay đổi: những con sông đã không còn gấp gâp, mà lững lờ trôi, chầm chậm, *“dềnh dàng”* khi dành nước cho mùa thu. Phải chăng chúng đã thả hồn mình vào các khoảnh khắc giao mùa này? Trái ngược với sự “*lặng lẽ”- “dềnh dàng”* đó là biểu hiện có vẻ gấp gáp của những cánh chim trời.

- Từ *“bắt đầu”* trong ý thơ được dùng rất độc đáo “*bắt đầu vội vã”* chứ không phải là *“đang vội vã”.* Chúng “*bắt đầu vội vã*” làm gì? Làm tổ, tích trữ thức ăn cho mùa đông giá lạnh hay đang rục rịch chuẩn bị cho chuyến hành trình xa xứ tránh rét về một chân trời xa xôi nào đó? Phải tinh tế lắm, yêu và gần gũi với thiên nhiên lắm mới nhận ra được sự *“bắt đầu”* trong những cánh chim bay.

- Hai câu thơ đã vẽ nên những nét đối lập: đâu phải mùa thu lúc nào cũng *“lặng lẽ”* bởi vạn vật xung quanh ta đều chuyến biến kì lạ theo cách riêng của chúng. Thiên nhiên đầy bí mật, cũng giống như cuộc sống chúng ta - một xã hội với nhiều tầng: có người giàu, có người nghèo, người đang hạnh phúc tận hưởng cuộc sống này, người đang tất tả mưu sinh. Đúng là đầy biến động! Nhưng hiện lên trong tất cả điểm sáng, có lẽ long lanh nhất chính là đám mây vẫn còn vương chút nắng hạ, lưu luyến bắc chiếc cầu:

*“Có đám mây mùa hạ*

*Vắt nửa mình sang thu”*

 - Một liên tưởng thú vị, một hình ảnh đầy chất thơ. Người ta thường nói: khăn vắt vai, con đường mòn vắt ngang sườn núi….Hữu Thỉnh điểm vào bức tranh thu của mình một hình ảnh mới mẻ, gợi cảm: hai nửa của một đám mây thuộc về hai mùa. Không phải vẻ đẹp của mùa hạ cũng chưa hẳn là vẻ đẹp của mùa thu mà đó là vẻ đẹp của thời khắc giao mùa được sáng tạo từ một hồn thơ tinh tế và nhạy cảm đang say thời khắc giao mùa này.

- Đám mây được nhân hóa qua từ *"vắt"* đó chắc còn lưu luyến chút gì của mùa hạ đang qua? Cũng có thể nó là kỉ niệm của *“hạ”* dành cho *“thu”.* Nó dường như là chiếc cầu nối hữu tình dành cho đôi bờ kì lạ. Cái khoảnh khắc thiêng liêng này đang đậu trên đám mây như là chứng tích của giao mùa. *“Vắt”* - đang đặt ngang trời hay chẳng biết đang ở chốn nào. Đám mây cứ nhè nhẹ trôi để rồi thời gian cũng chảy qua. Bức tranh thu đang chứa đựng cái nét hữu hình để gợi nên cái cảnh vốn vô hình!

*\* Liên hệ mở rộng :* Trong bài “chiều sông thương” (1973), ông cũng có một câu thơ tương tự về cách viết:

*Đám mây trên Việt Yên*.

*Rủ bóng về Bố Hạ*.”

Như vậy đây không phải là lần đầu tiên tác giả cảm nhận về hình ảnh đám mây mà trước đó ông đã từng như thế. Qua đây ta thấy Hữu Thỉnh quả là người có trí tưởng tượng phong phú.

**Khổ 3: Những suy tư và chiêm nghiệm của nhà thơ.**

**-** Từ những cảm xúc bâng khuâng, xao xuyến và những rung động mãnh liệt trước những phút giây giao mùa ở khổ một, hai, nhà thơ chuyển sang giọng điệu suy ngẫm, chiêm nghiệm về cuộc đời:

*“ Vẫn còn bao nhiêu nắng*

*Đã vơi dần cơn mưa*

*Sấm cũng bớt bất ngờ*

*Trên hàng cây đứng tuổi”*

- Nhà thơ thật tinh tế và nhạy cảm khi phát hiện ra những thay đổi về thời tiết. Vẫn là *“sấm”,“mưa”,“nắng’*, những hiện tượng thời tiết của mùa hè nhưng trong khoảnh khắc giao mùa này đã có sự đổi thay về mức độ. Cái nắng nóng chói chang của mùa hạ đã dần nhạt màu, không còn gay gắt như còn ở giữa mùa hạ; những cơn mưa rào bất chợt ào ào kéo đến cũng đã vơi dần đi. Sấm chớp kéo theo những cơn dông lốc dữ dội cũng bớt đi, cũng trở nên thưa thớt hơn nhiều.

**Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây**

- Những từ như *“vẫn còn”, “vơi dần”, “cũng bớt”* đã có tác dụng diễn tả những hiện tượng của tự nhiên đó (sấm, mưa, nắng) đã giảm đi về mức độ và cường độ khi trời đất đang giao mùa cuối hạ, đầu thu rất nhẹ nhàng, khó nhận biết. Thế nhưng, với một tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, nhà thơ đã phát hiện ra sự chuyển biến đó của thiên nhiên, vũ trụ.

- Từ hiện tượng của tự nhiên, nhà thơ suy ngẫm, chiêm nghiệm về cuộc đời:

“Sấm cũng bớt bất ngờ  
Trên hàng cây đứng tuổi”

*- “Sấm”*là hình ảnh ẩn dụ, là hiện tượng thời tiết, biểu tượng cho những vang động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời,  là những khó khăn gian lao mà đất nước phải trải qua.*“Hàng cây đứng tuổi”* là những cành cây lâu năm, cành lá sum suê, rễ cắm sâu xuống lòng đất vô cùng chắc chắn. Những hàng cây này đã trải qua biết bao nhiêu mùa bão giông với những biến thiên của trời đất. Và nó biểu trưng cho những con người từng trải đã đi qua biết bao nhiêu những khó khăn, vất vả, hiểm nguy trên đường đời.

- Cũng có thể hiểu*“hàng cây đứng tuổi”* là đất nước luôn vững vàng, kiên cường. Như vậy, bằng nghệ thuật ẩn dụ, nhà thơ thể hiện sự suy ngẫm, chiêm nghiệm về cuộc đời con người: con người từng trải sẽ trở nên vững vàng hơn trước những thử thách trong cuộc đời. Lúc viết bài thơ này, Hữu Thỉnh mới chỉ hơn ba mươi tuổi, ấy vậy nhưng Hữu Thỉnh đã tự cho rằng mình là người từng trải.

- Có lẽ điều này xuất phát từ hoàn cảnh của ông xuất thân từ một người lính, đã trải qua biết bao nhiêu là khó khăn, gian nan, vất vả; với biết bao nhiêu tang tóc, hi sinh, mất mát nơi chiến trường khốc liệt… nên đã rèn luyện cho nhà thơ một bản lĩnh cứng cỏi và nghị lực vươn lên, dám đương đầu với mọi biện động bất thường mà cuộc sống sẽ xảy ra. Đặt câu thơ “*sấm cũng bớt bất ngờ”* vào trong một hệ thống các câu thơ ở khổ một, hai như làn “*sương chùng chình qua ngõ”* và “*vắt nửa mình sang thu”,* người đọc chợt nhận ra sự lưu luyến muốn níu kéo thời gian của nhà thơ khi nhận ra sự “sang thu” của tạo vật cũng chính là sự “sang thu” của đời người…Phải chăng mùa thu của đời người là sự khép lại những ngày tháng sôi nổi bồng bột của tuổi trẻ, để mở ra một mùa mới, một không gian mới thâm trầm, điềm đạm, vững vàng hơn. Ở tuổi "*sang thu",* con người không còn bất ngờ trước những tác động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời.

**3. Đánh giá, mở rộng**

- Bài thơ được viết theo thể năm chữ, hình ảnh thơ đẹp, giàu sức gợi, ngôn ngữ trong sáng, giàu sức biểu cảm đã có tác dụng diễn tả những trạng thái của cảnh vật và sự cảm nhận tinh tế, nhạy cảm của Hữu Thỉnh trước thời khắc giao mùa.

*\* Liên hệ - Mở rộng :*Sự cảm nhận tinh tế ấy ta cũng từng bắt gặp trong thơ Thanh Hải qua bài “*Mùa xuân nho nhỏ*”. Đó là những rung cảm tinh tế và tình yêu thiên nhiên tha thiết của nhà thơ trước mùa xuân xứ Huế

*“Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc*

*Ôi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời…”*

.**III. Kết bài**

Hữu Thỉnh đã đóng góp vào thơ ca dân tộc một bản nhạc mùa thu đầy xinh đẹp, hấp dẫn và gợi cảm. Sức thu hút của thi phẩm không chỉ đến từ ngôn từ, giọng điệu mà còn đến từ trái tim của người viết gửi gắm vào tác phẩm. Có lẽ vì vậy mà sau khi đọc "*Sang thu"* của Hữu Thỉnh ta càng thấy yêu hơn mùa thu thiết tha, nồng hậu của quê nhà.

*================================================*

**ĐỀ 85: PHÂN TÍCH KHỔ THƠ SAU TRONG BÀI “SANG THU” - HỮU THỈNH (\*)**

*“Vẫn còn bao nhiêu nắng*

*Đã vơi dần cơn mưa*

*Sấm cũng bớt bất ngờ*

*Trên hàng cây đứng tuổi”*

(Trích *Sang thu* của Hữu Thỉnh)

**I. Mở bài**

**Cách 1**

Hữu Thỉnh là một nhà thơ trưởng thành từ quân đội. Thơ ông nhẹ nhàng sâu lắng mang đến cho người đọc bao cảm xúc bâng khuâng, vấn vương trước đất trời trong trẻo. Ông viết nhiều về những con người ở nông thôn, về mùa thu đặc biệt là bài thơ *Sang thu*. Thi phẩm được viết năm 1977. Bài thơ là sự chuyển biến nhẹ nhàng giữa mùa hạ và mùa thu được tác giả gợi lên bằng những hình ảnh quen thuộc.   
Tiêu biểu là khổ thơ cuối với những suy ngẫm mang tính triết lý về mùa thu và đời người:

*“Vẫn còn bao nhiêu nắng*

*Đã vơi dần cơn mưa*

*Sấm cũng bớt bất ngờ*

*Trên hàng cây đứng tuổi”*

**Cách 2**

Cuối hạ đầu thu luôn là những khoảnh khắc lòng người đong đầy cảm xúc lẫn lộn. Đó là những chơi vơi nhưng xuyến xao và chút âu lo vấn vương. Mỗi phút giây qua đi dù là mỏng manh nhưng cũng dư âm dư tình đến luyến lưu. Dòng cảm xúc bất tận ấy được Hữu Thỉnh bắt trọn và phô diễn dưới ngòi bút tài hoa qua bài *“Sang thu”.* Bài thơ có nhiều khổ nhưng em ấn tượng nhất là khổ cuối:

*“Vẫn còn bao nhiêu nắng*

*Đã vơi dần cơn mưa*

*Sớm cũng bớt bất ngờ*

*Trên hàng cây đứng tuổi”*

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

Bài thơ Sang thu được viết vào mùa thu năm 1977, là những cảm nhận tinh tế, sâu sắc của tác giả Hữu Thỉnh về sự biến đổi của đất trời từ cuối hạ sang đầu thu. Đây là một bức tranh thu trong sáng, yên bình ở vùng nông thôn nơi đồng bằng Bắc Bộ. Mặc dù đã có rất nhiều những bài thơ nổi tiếng viết về mùa thu, thế nhưng những lời thơ của Hữu Thỉnh vẫn mang rất nhiều nét độc đáo, nổi bật, chiếm một vị trí không thể thay thế trong nền văn học Việt Nam. Bài thơ không chỉ là cảm nhận tinh tế của tác giả về những tín hiệu mùa thu, miêu tả rõ nét những biến chuyển tinh tế của không gian đất trời; mà còn gửi gắm những tâm tư, suy ngẫm sâu sắc, nhiều trải nghiệm của một tác giả đã kinh qua nhiều thử thách. Thông qua khổ cuối của bài thơ, ta sẽ thấy rõ được những suy ngẫm ấy được bộc lộ một cách rất thơ, rất đời.

**2.Cảm nhận khổ thơ**

**Luận điểm 1:** **Cảm nhận thực của tác giả trước khoảnh khắc sang thu**

- Mở đầu khổ thơ tác giả viết:

*“Vẫn còn bao nhiêu nắng*

*Đã vơi dần cơn mưa”*

- Các tính từ *“vẫn còn”, “vơi dần”* chỉ mức độ bớt dần, chỉ mức độ rằng mùa hạ đang nhạt dần, mùa thu dần đậm nét hơn. “*Nắng”* là bình ảnh đặc trưng của mùa hạ, diễn tả cụ thể sắc thái thiên nhiên nổi bật của nó. Giờ đây, vào khoảnh khắc giao mùa, nắng cuối hạ dù vẫn còn nồng, còn sáng chói nhưng cũng đã yếu dần, nhạt dần, bởi gió se đã đến. Cơn gió đổi mùa đã làm dịu đi cái gay gắt của thiên nhiên, khiến ánh nắng không còn chói chang, dữ dội, khiến con người khó chịu nữa.

- Đối lập với “*nắng”* là *“mưa”.* Vào khoảnh khắc giao mùa này, mưa cũng đã ít đi. Nếu như cơn mưa mùa hạ chợt đến chợt đi thì giờ đây dường như đã hiền hòa hơn, *“vơi”* đi. Ở đây, tác giả đã sử dụng từ “*vơi”* có giá trị gợi tả sâu sắc. Nó giúp diễn tả rõ nét cái thưa dần, ít dần, hết dần của những cơn mưa rào bất ngờ, ào ạt, xối xả của mùa hạ.

- Qua hai câu thơ, ta có thể cảm nhận được dường như mùa hạ vẫn còn đang vấn vương, nếu kéo điều gì khi thời gian cứ trôi đi. Thế nhưng không gì có thể ngăn lại được những bước chân trôi chảy của hiện thực. Thời gian vẫn cứ tuần hoàn, và mùa hạ trôi đi không nhanh, không chậm, làm con người ta xao xuyến, nuối tiếc theo. Đọc những lời thơ này của Hữu Thỉnh, ta bất giác nhớ đến Xuân Diệu thưở nào cũng vấn vương, nhớ nhung một mùa xuân dù đang sống và cảm nhận nó:

*“Nói làm chi rằng xuân vẫn tuần hoàn,*

*Nếu tuổi trẻ chẳng hai lần thắm lại.*

*Còn trời đất, nhưng chẳng còn tôi mãi,*

*Nên bâng khuâng tôi tiếc cả đất trời;”*

- Phải yêu thiên nhiên, tha thiết với cuộc đời lắm thì những nhà thơ ấy mới vấn vương, tiếc nuối thời gian trôi chảy. Mặc dù không trực tiếp nói ra, thế nhưng ta vẫn cảm nhận được niềm yêu quý cuộc đời, mong muốn sống từng phút từng giây trọn vẹn của thi sĩ Hữu Thỉnh. Và chính nhờ những giây phút chuyển mình tinh tế của thiên nhiên, cảm xúc ấy mới có thể bộc lộ một cách rõ ràng nhất.

**Luận điểm 2: Suy ngẫm, triết lí của tác giả**

- Sau những tình cảm ẩn chứa trong lời thơ, đến hai câu thơ cuối, tác giả Hữu Thỉnh đã thể hiện một cách rõ ràng những suy ngẫm, triết lý về cuộc sống, về mùa thu của đời người:

*“Sấm cũng bớt bất ngờ*

*Trên hàng cây đứng tuổi”*

- Tác giả sử dụng liên tiếp một loạt các hình ảnh ẩn dụ. Hình ảnh *“sấm”* chỉ một hiện tượng tự nhiên của thời tiết, thường xuất hiện sau những cơn mưa lớn. Cuối hạ, đầu thu, không chỉ có anh nắng dịu đi, cơn mưa chậm lại, mà sấm cũng thưa thớt dần. Chúng không còn dữ dội để có thể làm lay động hàng cây nữa. Thiên nhiên dường như cũng dịu dàng hơn, ưu ái hơn đối với mùa thu. Chính điều đó đã làm cho mùa thu trở nên dịu nhẹ, tinh tế, làm con người ta xao xuyến.

- Không chỉ thế, ở hai câu thơ này, tác giả còn thể hiện những ý nghĩa ẩn dụ sâu sắc. Hình ảnh *“sấm”* còn là biểu tượng cho những vang động bất thường của ngoại cảnh, của cuộc đời con người; là những khó khăn gian lao mà đất nước phải trải qua. Cụm từ “*bớt bất ngờ*” đã được nhân hóa chỉ trạng thái của con người. Còn hình ảnh ẩn dụ “*hàng cây đứng tuổi”* không chỉ là hình ảnh tả thực của thiên nhiên chỉ những cây cổ thụ lâu năm, mà còn là biểu tượng của con người, biểu tượng của đất nước luôn vững vàng, kiên cường. Ở đây, tác giả không dùng từ *“cây”* mà là *“hàng cây”* để ám chỉ sự khăng khít, đoàn kết bền chặt.

- Đó là một thế hệ những con người đã trải qua biết bao khó khăn, vấp ngã, thất bại của cuộc sống. Những thăng trầm ấy của cuộc đời đã tôi luyện cho con người ta bản lĩnh vững vàng, không còn bất ngờ trước những biến đổi của thời gian, của hoàn cảnh nữa. Chính những sự từng trải ấy đã khiến họ trở nên mạnh mẽ, kiên cường, biết cách đối mặt với giông tố, khó khăn. Họ không còn xao động, lung lay, trước những cơn *“sấm”* ồn ã mà trở nên bình ổn, vững vàng hơn.

- Lúc viết bài thơ này, Hữu Thỉnh mới chỉ ngoài ba mươi tuổi, ấy vậy nhưng Hữu Thỉnh đã tự cho rằng mình là người từng trải. Có lẽ điều này xuất phát từ hoàn cảnh của ông xuất thân từ một người lính, đã trải qua biết bao nhiêu là khó khăn, gian nan, vất vả; với biết bao nhiêu tang tóc, hi sinh, mất mát nơi chiến trường khốc liệt… nên đã rèn luyện cho nhà thơ một bản lĩnh cứng cỏi và nghị lực vươn lên, dám đương đầu với mọi biến động bất thường mà cuộc sống sẽ xảy ra. Đặt câu thơ “*sấm cũng bớt bất ngờ”* vào trong một hệ thống các câu thơ ở khổ một, hai như làn “*sương chùng chình qua ngõ”* và “*vắt nửa mình sang thu”,* người đọc chợt nhận ra sự lưu luyến muốn níu kéo thời gian của nhà thơ khi nhận ra sự **“sang thu” của tạo vật** cũng chính là sự **“sang thu” của đời người…**

- Thông qua lời thơ trên, tác giả Hữu Thỉnh còn muốn gửi gắm một quan điểm nhân sinh sâu sắc. Cũng giống như mùa thu yên bình và lặng lẽ, con người ta khi đã đến cái tuổi xế chiều, khi đã trải qua những năm tháng bão giông của cuộc đời, sẽ chẳng còn những bồng bột, nông nổi nữa. Đối mặt với những khó khăn, thử thách, ta sẽ thật bình tĩnh và nhẹ nhàng để cảm nhận, suy ngẫm, suy tư và bước qua nó một cách bình thản nhất.

**3. Đánh giá, mở rộng**

Với lời thơ nhẹ nhàng, tinh tế cùng những hình ảnh ẩn dụ độc đáo, tác giả Hữu Thỉnh đã viết nên một bản Sang thu độc đáo, sâu sắc. Thông qua phân tích khổ cuối bài Sang thu, ta sẽ thấy được đôi mắt yêu mến thiên nhiên, trái tim tinh tế cùng những suy ngẫm sâu sắc, giàu trải nghiệm của tác giả.

**III. Kết bài**

**Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây**

Chỉ với bốn câu thơ ngắn gọn nhưng Hữu Thỉnh đã góp thêm một nét thu mang dấu ấn riêng của mình vào những chùm thơ thu hay và đẹp của thơ ca Việt Nam. Đó cũng là lí do khiến “*Sang thu”* luôn có một chỗ đứng nhất định trong lòng bạn đọc. Gấp lại những vần thơ thu của Hữu Thỉnh, người đọc như thấy vương vấn trong tâm hồn, đánh thức tình cảm của mỗi người về tình yêu quê hương đất nước và suy ngẫm về cuộc đời.

**===========================================================**

**ĐỀ 86: PHÂN TÍCH KHỔ THƠ SAU TRONG BÀI “SANG THU” - HỮU THỈNH (\*)**

*“Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se*

*Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về*

Sông được lúc dềnh dàng  
Chim bắt đầu vội vã  
Có đám mây mùa hạ  
 Vắt nửa mình sang thu."

(*Sang thu*, Hữu Thỉnh, Ngữ văn 9, tập 2)

**I. Mở bài**

**Cách 1 :**

Mỗi năm có 4 mùa xuân, hạ, thu, đông và thiên nhiên cũng vậy tùy theo thời gian mà đổi thay cảnh sắc. Mùa nào cũng đều đẹp, đều yêu, nhưng có lẽ mùa thu là một trong những mùa đẹp nhất, tình nhất. Bởi thế mà nhiều nhà văn, nhà thơ đều bị thu hấp dẫn mà viết nên những thi phẩm độc đáo, thành công. Bài thơ "*Sang thu*" của nhà thơ Hữu Thỉnh là một bài thơ hay như thế. Hai khổ thơ đầu của tác phẩm đã khắc hoạ được một bức tranh thiên nhiên đang chuyển mình sang thu đầy gợi cảm:

*“Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se*

*Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về*

Sông được lúc dềnh dàng  
Chim bắt đầu vội vã  
Có đám mây mùa hạ  
Vắt nửa mình sang thu."

**Cách 2:**

Mỗi mùa đều mang một vẻ đẹp, một hương sắc rất riêng. Và vẻ đẹp ấy, hương sắc ấy đã được nhà thơ Hữu Thỉnh bắt gặp. Ông đã cảm nhận được hơi thở của đất trời khi chuyển mình “*Sang thu”.* Sự chuyển mình của mùa thu được nhà thơ thế hiện rõ ràng trong hai khổ thơ đầu:

**Mở bài 3**

Nếu mùa xuân là mùa tụ hội của những bàn tay nghệ sĩ tài hoa thì mùa thu bước vào trong thơ ca cũng tự nhiên và gần gũi. Trước đây Nguyễn Khuyến nổi tiếng với chùm thơ thu: “Thu điếu”,“Thu vịnh”,“Thu ẩm”, sau này Xuân Diệu có “Đây mùa thu tới”. Bằng một cách nhỏ nhẹ, khiêm nhường, Hữu Thỉnh cũng góp vào cho mùa thu đất nước một góc quê hương “Sang thu”.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác :** Bài thơ được sáng tác vào mùa thu năm 1970, rút từ tập *“Từ chiến hào đến thành phố”* (1991).

**- Chủ đề:** Toàn bộ bài thơ gồm 3 khổ thơ diễn tả những chuyển biến nhẹ nhàng mà rõ rệt của đất trời, những suy nghĩ của lòng người qua những cảm nhận tinh tế, những hình ảnh đẹp và giàu sức gợi cảm.

**2*.* Cảm nhận hai khổ thơ**

**Khổ 1: Những tín hiệu giao mùa**

- Mở đầu bài thơ tác giả viết:

“Bỗng nhận ra hương ổi

Phả vào trong gió se”

- Đoạn thơ có cái hương vị ấm nồng của chớm thu ở một miền quê nhỏ. Nếu như mùa thu trước đây đều được cảm nhận bằng những tín hiệu cổ điển như: hoa cúc, cây phong, cây ngô đồng, mới hơn thì có Xuân Diệu, với hình ảnh rặng liễu: “*Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang/ Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng*” thì Hữu Thỉnh lại tìm đến một mùi hương hết sức giản dị, thân thương của đồng quê, ấy là *“hương ổi”.*

- Mùi hương quê nhà mộc mạc được gió đưa trong không gian cứ lan tỏa, thoang thoảng bay. Cảm giác bất chợt đến với nhà thơ: “*bỗng nhận ra".* Một sự bất ngờ mà như đã đợi sẵn, đợi từ lâu rồi, để giờ đây có dịp là buông ra ngay. Trong số chúng ta chắc chắn không ai chưa một lần nếm vị ổi: giòn ngọt, chua chua nơi đầu lưỡi. Cái dư vị của hương thơm đó cứ vấn vít vương lại trong ta khi chợt đọc câu thơ của Hữu Thỉnh.

- Đó không phải là lá ngô đồng như trong thơ của Bích Khê, cũng không phải là hương cốm trong bài Đất Nước của Nguyễn Đình Thi. Từ *“phả”* là động từ mạnh diễn tả mùi hương ổi thơm nồng nàn lan toả. *“Gió se”* là gió nhẹ, khô và hơi lạnh – gió của mùa thu, gió báo hiệu mùa thu đã đến. *“Gió se”* mang theo *“hương ổi”* của đồng quê.

- Nhận ra trong gió có *“hương ổi”* là cảm nhận tinh tế của một người sống giữa đồng quê và nhà thơ đã đem đến cho ta một tín hiệu mùa thu dân dã mà thi vị. Ông đã phát hiện ra một nét đẹp thật đáng yêu của mùa thu vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ. Chắc hẳn nhà thơ phải gắn bó với thiên nhiên, với quê hương lắm, nên mới có được sự cảm nhận tinh tế và nhạy cảm như thế?

- Và không chỉ vậy, cả sương thu như cũng chứa đầy tâm trạng, thong thả, chùng chình giăng mắc trên khắp nẻo đường thôn:

*“Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về”*

- Những hạt sương thu mềm mại, ươn ướt giăng màn qua ngõ. Mùa thu lại về. Mùa thu mang theo hương quê và mang theo sương mờ ướt lạnh. Dường như có thêm sương nên thu dễ nhận ra hơn. “*Sương chùng chình qua ngõ", “chùng chình*" hay là đợi chờ gì đây? Cứ dần dần như thế, cứ nhẹ nhàng, mềm mại như thế, thu đến tự lúc nào không hay. “*Hình như thu đã về*" nhà thơ giật mình, hơi bối rối.

- Tự bao giờ nhỉ? Thu về? Từ hương ổi hay từ gió, hay từ sương ? Hữu Thỉnh cũng hơi ngỡ ngàng trước thoáng đi bất chợt của mùa thu. Thu về, thu lại về trên quê hương, trên những con đường bờ đê và trên cả những con sông, cánh chim trời.

**Khổ 2: Bức tranh thiên nhiên lúc giao mùa**

**-** Cái cảm giác*“hình như”* đó gần như bị xóa tan bởi những tín hiệu chuyển mùa dần hiện ra rõ hơn:

*“Sông được lúc dềnh dàng*

*Chim bắt đầu vội vã*

*Có đám mây mùa hạ*

*Vắt nửa mình sang thu”*

- Bức tranh thu dường như đã đậm màu hơn bởi cảnh vật ngày càng nhiều thay đổi: những con sông đã không còn gấp gâp, mà lững lờ trôi, chầm chậm, *“dềnh dàng”* khi dành nước cho mùa thu. Phải chăng chúng đã thả hồn mình vào các khoảnh khắc giao mùa này? Trái ngược với sự “*lặng lẽ”- “dềnh dàng”* đó là biểu hiện có vẻ gấp gáp của những cánh chim trời. Từ *“bắt đầu”* trong ý thơ được dùng rất độc đáo “*bắt đầu vội vã”* chứ không phải là *“đang vội vã”.*

- Chúng “*bắt đầu vội vã*” làm gì? Làm tổ, tích trữ thức ăn cho mùa đông giá lạnh hay đang rục rịch chuẩn bị cho chuyến hành trình xa xứ tránh rét về một chân trời xa xôi nào đó? Phải tinh tế lắm, yêu và gần gũi với thiên nhiên lắm mới nhận ra được sự *“bắt đầu”* trong những cánh chim bay. Hai câu thơ đã vẽ nên những nét đối lập: đâu phải mùa thu lúc nào cũng *“lặng lẽ”* bởi vạn vật xung quanh ta đều chuyến biến kì lạ theo cách riêng của chúng. Thiên nhiên đầy bí mật, cũng giống như cuộc sống chúng ta - một xã hội với nhiều tầng: có người giàu, có người nghèo, người đang hạnh phúc tận hưởng cuộc sống này, người đang tất tả mưu sinh. Đúng là đầy biến động! Nhưng hiện lên trong tất cả điểm sáng, có lẽ long lanh nhất chính là đám mây vẫn còn vương chút nắng hạ, lưu luyến bắc chiếc cầu:

*“Có đám mây mùa hạ*

*Vắt nửa mình sang thu”*

- Tựa bài thơ được đặt là *"Sang thu",* nên chẳng mấy khó hiểu khi những rơi rớt của mùa hạ vẫn còn sót lại trong không gian. Đám mây mùa hạ còn quyến luyến chưa muốn rời, "*vắt nửa mình sang thu".* Lối diễn đạt độc đáo, tài ba, gợi ra một hình ảnh mang tính hòa quyện. Trong đám mây đó có cả những tia nắng bỏng cháy mùa hè, một nửa lại đã chuyển mình sang màu xám bàng bạc của mùa thu.

- Động từ *"vắt"* khiến người đọc hình dung đám mây giống như một dải lụa đào uyển chuyển, mềm mại, duyên dáng. Cảnh vật đổi thay, không gian đổi thay nhưng còn hoài niệm chút vương vấn. Phải chăng, mùa thu đến mang cho lòng người sự lưng chừng, e ấp, như đám mây kia còn cố níu giữ màu vàng nắng hạ? Phải là một cây bút tinh tế, một điểm nhìn độc đáo và một tâm hồn mong manh mới có thể nhìn thấy cái đẹp của thiên nhiên qua lăng kính vạn hoa đa chiều đến vậy.

**3. Đánh giá**

- Với một đoạn thơ ngắn vẻn vẹn hai khổ mà nhà thơ đã dựng lại một bức tranh thu nồng đượm hơi ấm cuộc đời, hơi ấm quê nhà. Những hình ảnh sang thu thân quen, giản dị mà tươi tắn, sống động. Với những từ ngữ giàu sức gợi cùng giọng thơ vừa có thoáng ngỡ ngàng, vừa vui sướng, Hữu Thỉnh đã đưa ta về một miền quê dân dã mà ấm áp tình người. Nơi đó có hình ảnh nàng thu giống như cô thôn nữ miền đồng bằng Bắc Bộ đang độ tuổi thanh xuân tràn đầy nhựa sống ẩn mình sau lớp áo nâu sồng thanh thoát và vẻ dịu dàng, nữ tính đặc trưng.

*\* Liên hệ Mở rộng:*Đứng cạnh Xuân Diệu với "*Đây mùa thu tới*", Nguyễn Khuyến với "*Thu điếu", "Thu vịnh", "Thu ẩm", "Sang thu"* của Hữu Thỉnh mang đến một làn gió âm trầm và nhẹ nhàng của mùa thu Bắc Bộ, đẹp dịu dàng mà có thể khiến lòng người vấn vương.

**III. Kết bài**

Hai khổ thơ nhẹ nhàng, ngắn gọn mà đã mở ra cho ta một bức tranh thu vừa sống động lại vừa nên thơ. Có lẽ, sự cảm nhận tinh tế cùng tài năng trong ngòi bút tài hoa của mình, Hữu Thỉnh mới viết nên hồn thơ đẹp đến nao lòng như thế. Đọc thơ Hữu Thỉnh ta càng cảm thấy yêu hơn mùa thu thiết tha, nồng hậu của quê nhà, càng cảm thấy mình cần phải ra sức góp phần xây dựng quê hương ngày càng giàu đẹp.

*============================================*

**ĐÊ 87: CẢM NHẬN BỨC TRANH THIÊN NHIÊN QUA HAI KHỔ THƠ SAU:**

*“Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc*

*Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời*

*Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng”*

(Trích "***Mùa xuân nho nhỏ***" - Thanh Hải)

*“Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se,*

*Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về”*

(Trích "***Sang thu***" - Hữu Thỉnh)

**I. Mở bài**

Thiên nhiên luôn là nguồn cảm hứng vô tận đối với thi sĩ từ xưa đến nay bởi vẻ đẹp gợi cảm và vĩnh hằng của nó. Hình ảnh thiên nhiên luôn được gợi lên với những bức tranh tuyệt đẹp qua biết bao tác phẩm sống mãi với thời gian. Mỗi lần đọc *“Mùa xuân nho nhỏ”* của Thanh Hải và *“Sang Thu”* của Hữu Thỉnh, chúng ta lại bắt gặp những rung cảm tinh tế của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên ban tặng cho cuộc sống. Đặc biệt 2 khổ thơ đầu của bài thơ đã khơi gợi cho người đọc những cảm xúc bâng khuâng xao xuyến của thiên nhiên ở 2 mùa xuân thu:

*“Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc*

*Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời*

*Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng”*

(Trích "***Mùa xuân nho nhỏ***" - Thanh Hải)

*“Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se,*

*Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về”.*

(Trích "***Sang thu***" - Hữu Thỉnh)

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

- Thanh Hải viết bài thơ *“*Mùa xuân nho nhỏ*”* khi đất nước vừa thoát khỏi chiến tranh không lâu (1980), bản thân nhà thơ cũng ở tình trạng sức khỏe hiểm nghèo, nhưng cả cuộc đời gắn bó với quê hương xứ sở làm sao không có những cảm xúc lúc đi xa.

- Còn Hữu Thỉnh lúc viết bài “*Sang thu”* thì mới chỉ ngoài ba mươi tuổi, (1977) nhưng là người từng trải. Vì ông xuất thân từ một người lính, đã trải qua biết bao nhiêu là khó khăn, gian nan, vất vả; với biết bao nhiêu tang tóc, hi sinh, mất mát nơi chiến trường khốc liệt… nên rất thiết tha cháy bỏng với cuộc sống này.

- Viết về quê hương, đất nước thì mỗi nhà thơ lại có một cảm nhận riêng. Nếu hình ảnh đất nước trong bài “Mùa xuân nho nhỏ” của Thanh Hải được soi chiếu qua lăng kính mùa xuân thì “Sang thu” của Hữu Thỉnh, quê hương, đất nước lại được soi chiếu qua bức tranh giao mùa cuối hạ sang thu… Thật phong phú, đa dạng mà không kém phần thú vị.

**2. Cảm nhận bức tranh thiên nhiên qua hai khổ thơ**

**a. Khổ thơ bài Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải**

Thật vậy,hình ảnh quê hương, đất nước hiện lên qua cảnh sắc mùa xuân thiên nhiên xứ Huế tinh khôi, trong trẻo, đầy sức sống. Mùa xuân của thiên nhiên cũng là mùa xuân của đất nước con người:

*“Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc*

*Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời*

*Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng”*

- Thanh Hải đưa ta về với thiên nhiên tạo hoá đất trời. Sau những ngày đông lạnh lẽo, thiên nhiên lại được khoác một tấm áo tươi non, ấm áp của mùa xuân. Mùa xuân đến, báo hiệu bằng những cảnh sắc thiên nhiên quen thuộc : dòng sông xanh, bông hoa tím biếc và chim chiền chiện. Cảnh sắc thiên nhiên ấy không chỉ đẹp mà còn sinh động.

- Từ *“mọc”* đặt ở đầu câu thơ vang lên như một điểm nhấn, một sự phát hiện đầy cảm xúc của nhà thơ. Hai câu thơ đầu vẽ nên một không gian mùa xuân rộng mở tươi tắn với hình ảnh một dòng sông xanh trong chảy hiền hoà.

**Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây**

- Cái màu xanh ấy phản ánh được màu xanh của bầu trời, của cây cối hai bên bờ, cái màu xanh quen thuộc mà ta có thể gặp ở bất kì một con sông nào ở dải đất miền Trung. Nổi bật trên nền xanh lơ của dòng sông là hình ảnh “*một bông hoa tím biếc”,* một hình ảnh thân thuộc của cánh lục bình hay hoa súng mà ta thường gặp ở các ao hồ sông nước của làng quê mà ta từng gặp trong những vần thơ của khác:

*“Con sông nhỏ tuổi thơ ta tắm*

*Vẫn còn đây nước chẳng đổi dòng*

*Hoa lục bình tím cả bờ sông…”*

(Lê Anh Xụân)

- Màu tím biếc ấy không lẫn vào đâu được với sắc màu tím Huế thân thương- vốn là nét đặc trưng của những cô gái đất kinh kỳ với sông Hương núi Ngự. Màu xanh của nước hài hoà với màu tím biếc của bông hoa tạo nên một nét chấm phá nhẹ nhàng mà sống động. Bức tranh xuân còn được điểm xuyết thêm bằng âm thanh rộn rã, tưng bừng của con chim chiền chiện hót vang trời.

- Tiếng hót của chim, đường nét uốn lượn quanh co của con sông, màu tím biếc của bông hoa vẽ  nên  một bức tranh mùa xuân đầy sức sống mãnh liệt trên quê hương tác giả. Trước vẻ đẹp ấy, nhà thơ ngất ngây sung sướng không ngăn được dòng cảm xúc. Những từ cảm thán *“Ơi”, “Hót chi”* vang lên là tiếng lòng nao nức say sưa của nhà thơ khi lần đầu tiên phát hiện vẻ đẹp đơn sơ mà say đắm của cảnh vật quê hương.

*“Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng”*

- Cụm từ “*giọt long lanh”* gợi lên những liên tưởng phong phú và đầy thi vị. Nó có thể là giọt sương lấp lánh qua kẽ lá trong buổi sớm mùa xuân tươi đẹp, có thể là giọt nắng rọi sáng bên

thềm, có thể giọt mưa xuân đang rơi, giọt hạnh phúc, giọt thời gian rơi qua kẻ lá…Nhưng theo mạch liên tưởng của bài thơ thì *“giọt long lanh”* còn là giọt âm thanh đổ liên hồi của con chim chiền chiện… Hình ảnh có tính chất tượng trưng “*tôi đưa tay tôi hứng*” là thái độ yêu thương, trân trọng của nhà thơ trước vả đẹp của đất trời. Nghệ thuật ẩn dụ chuyển đổi cảm giác quả đã đạt tới mức tinh tế đáng khâm phục. Hai câu thơ đã biểu hiện niềm say sưa, ngây ngất, xốn xang, rạo rực của nhà thơ trước vẻ đẹp của thiên nhiên, đất trời lúc vào xuân. Chắc hẳn trong lòng thi sĩ đang dạt dào tình yêu quê hương, đất nước, tình yêu cuộc đời.

**b.Khổ thơ bài Sang thu của Hữu Thỉnh**

*\* Chuyển ý:*Tạm rời xa mùa xuân của Thanh Hải ta tìm đến với cái tình non sông đất nước được khơi nguồn từ cảnh sắc thiên nhiên trong bài “*Sang thu*” của Hữu Thỉnh. Thi sĩ bộc bạch tình yêu đất nước ở nhiều cung bậc.

- Hữu Thỉnh với cái nhìn thật tinh tường, một cảm nhận thật sắc nét đã vẽ lại bức tranh in dấu sự chuyển mình của đất trời qua bài thơ “*Sang Thu*”. *Sang thu* của Hữu Thỉnh giúp ta chiêm ngưỡng lại những giây phút giao mùa tinh tế đầy ý vị mà bấy lâu nay ta hững hờ. Đó là lúc hồn ta run lên những cảm nhận dung dị.

- Hình ảnh đất nước quê hương còn được nhà thơ phác họa qua phút giao mùa cuối hạ sang thu thật tinh tế và sâu sắc. Bắt đầu từ một khu vườn ngoại ô của vùng đồng bằng Bắc Bộ:

*Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se,*

- Không phải là sắc *“mơ phai”* của Xuân Diệu hay hình ảnh *“con nai vàng ngơ ngác”* của Lưu Trọng Lư mà là *“hương ổi”* thân quen nơi vườn mẹ đã đánh thức những giác quan tinh tế nhất của nhà thơ. Hương vị đơn sơ, mộc mạc, đồng nội, rất quen thuộc của quê hương. Câu thơ có hương vị ấm nồng của chớm thu ở một miền quê nhỏ. Vì sao tín hiệu đầu tiên để tác giả nhận ra mùa thu là “*hương ổi”* mà không phải là các hương vị khác? Mùi hương quê nhà mộc mạc *“phả”* trong gió thoảng bay trong không gian.

- Tất cả đến với tác giả nhẹ nhàng, mà đột ngột quá, thu về với đất trời quê hương, với lòng người mà không hề báo trước. Cảm giác bất chợt đến với nhà thơ: “*bỗng nhận ra*” - một sự bất ngờ mà như đã chờ đợi sẵn từ lâu lắm.

- Câu thơ không chỉ tả mà còn gợi liên tưởng đến màu vàng ươm, hương thơm lựng, vị giòn, ngọt, chua chua nơi đầu lưỡi của trái ổi vườn quê. Câu thơ ngắn mà có cả gió cả hương. Hương là hương ổi, gió là gió se. Đây là những nét riêng của mùa thu vùng đồi trung du miền Bắc. Gợi được như vậy hẳn cái tình quê của Hữu Thỉnh phải đậm đà lắm. Nhận ra hương ổi giống như một sự phát hiện nhưng ở đây là phát hiện ra mùi hương vẫn vương vấn mà bấy lâu nay con người hờ hững. chính vì sự phát hiện ra cái gần gũi xung quanh mình cho nên con người mới có cảm giác ngỡ ngàng đôi chút bối rối ấy. Và không chỉ có thế, cả *“sương”* thu như cũng chứa đầy tâm trạng, thong thả, chùng chình giăng mắc trên khắp nẻo đường thôn:

*Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về.*

- Một hình ảnh đầy ấn tượng. *“Sương”* được cảm nhận như một thực thể hữu hình có sự vận động - một sự vận động chậm rãi. Sương thu đã được nhân hoá, hai chữ *“chùng chình”* diễn tả rất thơ bước đi chầm chậm của mùa thu.

- Đâu chỉ có thế, cái hay của từ láy *“chùng chình”* còn là gợi tâm trạng. Sương *“dềnh dàng*” hay lòng người đang tư lự, hay tâm trạng của tác giả cũng *“chùng chình”?* Cái *“ngõ”* sương phải chăng là cái ngõ thời gian thông giữa hai mùa? Nhà thơ ngỡ ngàng, sung sướng, có phần giật mình, bối rối “*Hình như thu đã về”*, cảm giác bâng khuâng, xao xuyến, cảm thấy rồi mà sững sờ khó tin. Hình như thu đã về còn như là một câu thầm hỏi lại mình để có một sự khẳng định.Tâm hồn thi sỹ nắm bắt những biến chuyển nhẹ nhàng, mong manh của tạo vật trong phút giao mùa cũng êm đềm, bâng khuâng như bước đi nhỏ nhẹ của mùa thu. - Khổ thơ ngắn mà đã để lại cho ta biết bao rung động. Ta như cảm thấy một hồn quê, một tình quê đi về trong câu chữ làm lòng ta ấm áp. Hình ảnh quê hương như càng thêm gần gũi, yêu mến.

**3. Đánh giá**

- Cả 2 khổ đều được viết theo thể thơ 5 chữ, cô đọng, hàm súc; vận dụng hiệu quả các phép tu từ (đảo ngữ, nhân hóa, ẩn dụ); sử dụng cả những hình ảnh hữu hình (dòng sông, bông hoa, chim chiền chiên, sương) và vô hình (tiếng chim, hương ổi); ngòi bút miêu tả rất mềm mại, tinh tế; hình ảnh thơ bình dị, thân thuộc.

- Thông qua hai khổ thơ, hai tác giả đã vẽ nên hai bức tranh thiên nhiên thật trong trẻo, bình yên, đẹp đẽ. Điều đó cho thấy sự quan sát tỉ mỉ, tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, yêu thiên nhiên, yêu cuộc sống của hai nhà thơ. Tuy nhiên hai khổ thơ cũng có những điểm khác biệt. Một khổ viết về mùa xuân, một khổ viết về mùa thu. Rồi thời gian, không gian nghệ thuật trong mỗi văn bản cũng khác nhau: một bức tranh đậm chất xuân xứ Huế, một bức tranh chớm thu - bắt đúng khoảnh khắc giao mùa của vùng quê Bắc Bộ.

- Những vần thơ của Thanh Hải chân thật, bình dị, đôn hậu trong khi sáng tác của Hữu Thỉnh lại tinh tế, triết lí. Cảm xúc của hai thi nhân khi viết hai bài thơ cũng khác nhau: Nhà thơ Thanh Hải thiết tha, say đắm trước cảnh xuân, sắc xuân, ông nâng niu, trân trọng từng tiếng chim trong trẻo. Nếu ta đặt bài thơ vào hoàn cảnh ra đời của nó - những ngày cuối đời của nhà thơ, thì ta sẽ càng thêm hiểu những tâm tư này. Còn nhà thơ Hữu Thỉnh, ông ngỡ ngàng, giật mình trước bước đi của thời gian nên còn chưa chắc chắn trước sự hiện hữu của những tín hiệu đầu tiên của mùa thu.

**III. Kết bài**

Hai đoạn thơ là hai bức tranh thiên nhiên đầy cảm hứng. Nếu Thanh Hải cho ta cảm nhận cái rộn ràng của thiên nhiên thì Hữu Thỉnh lại mang đến cái dân dã, mộc mạc, đầy rung cảm và thân quen. Hai đoạn thơ để lại trong lòng bao thế hệ bạn đọc những cảm xúc sâu lắng, khó phai mờ, gợi nhắc cho những thế hệ trẻ tình yêu thiên nhiên, yêu quê hương đất nước.

*=============================================*

**ĐỀ 88: BỨC TRANH THIÊN NHIÊN QUA BÀI THƠ “SANG THU” CỦA NHÀ THƠ HỮU THỈNH VÀ BÀI THƠ “ MÙA XUÂN NHO NHỎ” CỦA THANH HẢI.**

**1. Mở bài**

Từ xưa đến nay, thiên nhiên luôn là người bạn thân thiết gắn bó với con người và là nguồn cảm hứng sáng tạo của người nghệ sĩ. Nhà thơ không chỉ yêu thích ngắm nhìn vẻ đẹp phong phú, bí ẩn của thiên nhiên mà còn gởi gắm trong đó những tâm tư thầm kín, những chiêm nghiệm sâu sắc về lẽ sống, về cuộc đời. Chúng ta có thể bắt gặp điều này qua hai bài thơ Sang thu của Hữu Thỉnh và Mùa xuân nho nhỏ của Thanh Hải.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ “ Mùa xuân nho nhỏ” được nhà thơ Thanh Hải sáng tác tháng 11/1980, năm năm sau ngày đất nước ta giành được độc lập. Khi đó đất nước ta vừa trải qua hai cuộc kháng chiến trường kì, kháng chiến chống Pháp và chống Mĩ, phải đối mặt với vô vàn những khó khăn, thách thức. Và đây cũng là một hoàn cảnh rất đặc biệt đối với nhà thơ Thanh Hải. Cá nhân nhà thơ Thanh Hải lúc này đang bị bệnh nặng phải điều trị ở bệnh viện trung ương thành phố Huế, và một tháng sau ông qua đời.

=> Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh đặc biệt như vậy nhưng bài thơ vẫn tràn đầy niềm lạc quan, niềm tin yêu vào cuộc sống. Đó là điều đáng quý, đáng trân trọng ở nhà thơ Thanh Hải.

- Còn bài thơ “Sang thu” được tác giả Hữu Thỉnhsáng tác năm 1977 khi đất nước mới giành được độc lập 2 năm. Đây cũng là một trong những mùa thu và những người lính như Hữu Thỉnh lần đầu tiên được cảm nhận vẻ đẹp của nó trong không khí hòa bình. Bằng tâm hồn nhạy cảm, bằng tình yêu mùa thu, quê hương nhà thơ đã mở rộng lòng mình để đón nhận giây phút chuyển mình của cảnh vật, đất trời từ cuối hạ sang đầu thu. Đồng thời bộc lộ những chiêm nghiệm, những suy ngẫm về con người, về cuộc đời vốn đầy dẫy những khó khăn thử thách.

**b. Phân tích**

*\* Dẫn dắt:* Thiên nhiên chính là môi trường sống bao quanh chúng ta như trời xanh, mây trắng, gió mát, trăng thanh, rồi hoa thơm cỏ lạ, núi thẳm non xanh, .... Thiên nhiên ấy thật bao la rộng lớn, nên thơ tươi đẹp và hùng vĩ vô cùng. Và thiên nhiên ấy khi đi vào thơ qua cách cảm nhận tinh tế của người nghệ sĩ nó lại đẹp hơn gấp trăm ngàn lần.

Với thi nhân, thiên nhiên là bầu bạn thâm tình. Thiên nhiên gợi lên thi hứng và tình yêu cuộc sống ở con người. Thi ca cũng lấy chất liệu từ thiên nhiên để làm nhân tố cho sự biểu đạt của nó. Trong quá trình tìm kiếm sự hòa hợp, con người phương Đông luôn học cách sống hài hòa với thiên nhiên, thấy mình là một phần không thể thiếu của tự nhiên thanh sạch và thuần khiết ấy.

**\* Trước hết bức tranh thiên nhiên trong bài thơ “Mùa xuân nho nhỏ” của nhà thơ Thanh Hải chúng ta sẽ có dịp đắm mình trong bức tranh mùa xuân êm đềm, nên thơ, dịu mát của vùng đất cố đô Huế, nơi ông đã sinh ra và lớn lên:**

*“Mọc giữa dòng sông xanh*

*Một bông hoa tím biếc*

*Ơi con chim chiền chiện*

*Hót chi mà vang trời*

*Từng giọt long lanh rơi*

*Tôi đưa tay tôi hứng.”*

- Thiên nhiên hiện ra đầu tiên với hình ảnh dòng sông xanh biếc. Dòng sông chính là cội nguồn bồi đắp phù sa và sự sống cho vạn vật. Dòng sông còn là tượng trưng của dòng sống, dòng đời chậm trôi. Trên cái dòng sông ấy mọc lên một bông hoa tím biếc. Có lẽ không chỉ là một. Nhà thơ đã làm mờ đi tát cả, chỉ giữ lại một bông hoa để cảm nhận sự đơn độc, lẻ loi và sự héo tàn sắp xảy ra không có gì để thay thế. Bông hoa tím vừa đẹp lại vừa buồn. Đẹp vì sắc tím là màu sắc gợi cảm, gợi tình, khơi động nhớ thương. Buồn là vì qua hình ảnh một bông hoa tím, ta cảm nhận được sự mong manh, hạn hữu của đời người. Càng nhìn ngắm càng thấy cô đơn.

- Vượt ra khỏi mặt đất, nhà thơ tìm đến bầu trời cao với tiếng chim chiền chiện ca vang. Tiếng chim líu lo, trầm bổng, đôi khi chói gắt. Tiếng gọi “ơi con chim” vừa trìu mến thân thương vừa giận hờn, trách móc. Thương là bởi tiếng chim say mê, yêu bầu trời, yêu cuộc đời đắm say. Giận là bởi nó phá tan cái yên bình của cảnh vật, nó làm con người lay động không thể đằm thắm lại được. Tiếng chim tràn trề sinh lực của cuộc sống hoàn toàn trái ngược với sự sống đang dần vơi cạn ở con người. Thế nên nhà thơ vội đưa tay hứng lấy nguồn sinh lực của đất trới đang ào ạt đổ xuống để mong bồi đắp thêm cho sự sống của mình. Hành động vội vã, háo hức. Lấy sức mạnh của thiên nhiên để làm giàu thêm cuộc sống của chính mình. Hòa mình trong cuộc sống lớn để tìm kiếm sự tương trợ của vũ trụ vĩnh hằng. Đọc đoạn thơ, ta thấy Thanh Hải có một tâm hồn đối với thiên nhiên rất sâu nặng. Ở đó không chỉ có vẻ đẹp của cảnh vật mà còn thấy một tấm lòng tha thiết với cảnh vật. Đó là tình yêu vĩnh cửu với thiên nhiên vô tận, với vẻ đẹp tráng mĩ và sự đồng cảm trước tiếng chim ca, bông hoa nở.

**\* Đến với Sang thu, chúng ta ngỡ ngàng nhận ra bức tranh mùa thu êm đềm nên thơ, dịu mát, không ồn ào, náo động mà trầm lắng, suy tư.**

- Thiên nhiên cảnh vật trong khoảnh khắc giao mùa hết sức nhẹ nhàng và tinh tế. Chứa đựng trong đó là biết bao nỗi luyến lưu bịn rịn, ngập ngừng do dự của một con người. Thi nhân như muốn cưỡng lại thời gian, muốn níu giữ chút gì đó những năm tháng tuổi trẻ của đời mình. Bài thơ không chỉ đơn thuần là tả cảnh mà còn nói lên những suy nghĩ chiêm nghiệm sâu sắc của con người về lẽ sống, cuộc đời.

*Bỗng nhận ra hương ổi*

*Phả vào trong gió se*

*Sương chùng chình qua ngõ*

*Hình như thu đã về.*

- Bước đi của thời gian khiến lòng ta bồi hồi, xao xuyến. Xao xuyến không chỉ vì cái đẹp nên thơ, thanh sạch, tươi mát của thiên nhiên cảnh vật khi xuân đến thu sang mà còn là sự xao xuyến bởi khát vọng hòa nhập, gắn kết mình với thiên nhiên ấy.

- Những dấu hiệu đầu tiên của khoảnh khắc cuối hạ đầu thu hiện ra vừa mơ hồ vừa hết sức rõ ràng. Hương ổi nồng được, làn sương nhẹ trôi, gió mùa sư lạnh vừa như thực vừa như không thực. Thi nhân đã cảm nhận thấy nhưng chưa dám khẳng định bởi sợ nhầm lẫn với biểu hiện của buổi sớm mai thường thấy. Thế nên, ông mới tìm đến với không gian rộng lớn hơn để kiểm chứng và khẳng định điều ấy:

Sông được lúc dềnh dàng Chim bắt đầu vội vã Có đám mây mùa hạ Vắt nửa mình sang thu

- Hình ảnh dòng sông, cánh chim, mây trời tiếp tục xuất hiện trong bài thơ để biểu hiện cho cái đẹp của thiên nhiên. Nếu ở Mùa xuân nho nhỏ là dòng sông xanh và tiếng chin ca vang thì ở Sang thu là dòng sông chảy và cánh chim vội vã. Sự vận động của thiên nhiên lại hiện hữu ở những sự vật khác biệt. Nó chưa hẳn đã đẹp như lại rất đẹp khi được ngắm nhìn bởi một tâm hồn đẹp. Cái đẹp trong đoạn thơ dồn nén lại ở hình ảnh đam mây trời đầy xung đột:

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

- Có đám mây mùa hạ Vắt nửa mình sang thu Rõ ràng, giưa mùa hạ và mùa thu làm gì có ranh giới. Thế mà, bằng hình ảnh đám mây, thi nhân gợi cho ta thấy được cái ranh giới ấy với những xung đột kịch liệt. Đám mây một nửa chói sáng, sôi động như đang còn ở mùa hạ. Còn nửa kia đã vắt sang thu với vẻ u mờ, trầm lắng. Sự xung đột ây không chỉ ở đám mây trời mà còn diễn ra trong khắp đất trời:

- Vẫn còn bao nhiêu nắng Đã vơi dần cơn mưa Sấm cũng bớt bất ngờ Trên hàng cây đứng tuổi Cái nắng chói gắt và rộn ràng của mùa hạ hãy còn nhiều lắm. Những cơn mưa giông dữ dội của mùa hạ đã dần vơi, nhường chỗ cho sự yên tịnh và bình tâm của mùa thu. Tiếng sấm cũng không còn rầm rã trên bầu trời. Hàng cây tư lự đứng nhìn đất trời chuyển động. Vũ trụ dần đi vào tĩnh mịch vốn có mùa mùa thu.

- Đối với thi nhân, thiên nhiên là tri kỉ, là tình nhân. Vũ trụ là gia đình, là nơi nương náu tâm hồn. Bởi thế, họ luôn biết nâng niu vẻ đẹp giao hòa giản dị của thiên nhiên bình dị, đều xúc động trước những sự việc rất tầm thường của vạn vật cỏ cây. Thi nhân âm thầm quan sát thiên nhiên và bằng tâm hồn rỗng ràng sẵn sàng hòa điệu cùng vũ trụ, cảm nhận vẻ đẹp của tự nhiên. Và đôi khi, sự tương thông của lòng người với nhau không phải qua lời nói bề ngoài ồn ào mà sự tương giao ấy biểu hiện qua cái tĩnh lặng say mê với cảnh vật.

- Chính cái không lời vĩnh viễn ấy mới thấu biết được mọi lẽ trong cõi hiện sinh đầy mệt nhọc này. Bởi vậy, tràn lấp trong các dòng thơ là vẻ đẹp của hoa cỏ, núi sông, là thanh âm của sự sống. Ta cũng thấy được cái cảm giác an nhiên, viên mãn giữa tự nhiên khoáng đạt và rộng lớn. Và ẩn sâu trong đó là khát vọng trường tồn cùng thiên nhiên, vũ trụ ấy.

**3. Kết bài**

Với cách biểu đạt nhẹ nhàng, tinh tế hai bài thơ đã thể hiện cái đẹp nồng thắn, mê say của cảnh sắc thiện nhiên đất trời. Ở đó, thiên nhiên vừa tươi đẹp, tràn trào sức sống vừa chứa đựng tâm tư, suy nghiệm của con người về cuộc đời, về lẽ sống. Trong bất cứ hoàn cảnh nào, con người cũng luôn tìm kiếm một tiếng nói chung với thiên nhiên để tìm kiếm một sự hợp nhất viên mãn nhất. Đó là niềm vui, là hạnh phúc, là lối sống đẹp mà con người luôn hướng tới.

**===================================================**

**VĂN BẢN: NÓI VỚI CON (Y PHƯƠNG)**

**ĐỀ 89: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ LỜI NGƯỜI CHA “NÓI VỚI CON” TRONG ĐOẠN THƠ SAU:**

*Chân phải bước tới cha  
Chân trái bước tới mẹ  
Một bước chạm tiếng nói  
Hai bước tới tiếng cười  
Người đồng mình yêu lắm con ơi  
Đan lờ cài nan hoa  
Vách nhà ken câu hát  
Rừng cho hoa  
Con đường cho những tấm lòng  
Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới  
Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.*

**Cách 1:** Y Phương là một trong số ít những nhà thơ dân tộc tày, Thơ ông chủ yếu viết về đề tài quê hương mình. Các bài thơ của ông đều thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của người miền núi. “Nói với con” là một trong những bài thơ tiêu biểu cho phong cách sáng tác ấy. Đọc bài thơ ta cảm nhận được tình cảm thiêng liêng, ấm áp của gia đình và cụ thể hơn đó là tình phụ tử. (Tình cảm ấy được thể hiện rõ nét trong khổ đầu của bài thơ…)

**Cách 2:** Tình cảm gia đình - thứ tình cảm ấm áp, thiêng liêng nhất trong trái tim mỗi con người đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận của thơ ca Việt Nam. Ta đã từng bắt gặp tình cảm thiêng liêng ấy trong bài thơ “Con cò” của Chế Lan Viên, trong “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Và đến với “Nói với con” một thi phẩm thơ nổi tiếng của Y Phương, một lần nữa ta lại được cảm nhận cái thiêng liêng, ấm áp của tình cảm gia đình mà cụ thể hơn chính là tình phụ tử. Đến với bài thơ ( đặc biệt là khổ thơ…) ta hiểu được những lời nhắn nhủ tha thiết của Y Phương với con.

**B. Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ được sáng tác năm 1980, khi thế hệ nhà thơ vừa thoát ra khỏi cuộc chiến tranh khốc liệt kéo dài 21 năm. Nền kinh tế nước ta lúc ấy như người bệnh trọng mới hồi dậy. Cái nghèo khó phủ lên từng con phố, bản làng … Nhà thơ Y Phương viết “ Nói với con” nhằm động viên tinh thần và tôn vinh dân tộc tày của mình qua hình thức tâm sự của người cha với con ( Lúc này con gái nhà thơ mới được 1 tuổi). Tình yêu con lớn dần cùng tình yêu dân tộc, vừa xúc động thiêng liêng vừa chân thành mạnh mẽ, trong sáng.

**- Vị trí đoạn thơ:** Khổ thơ trên nằm ở phần đầu của bài thơ, là lời người cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người.

**2. Cảm nhận về những lời nhắn nhủ của Y phương**

**a. Nhắc nhở con về cội nguồn gia đình**

*\* Dẫn dắt:* Cũng như Tô Hoài Y Phương là cây bút của những tâm tình miền núi, thơ ông mộc mạc mà sâu lắng, thâm trầm mà sâu sắc. Đằng sau những cái giản dị ấy ta bao giờ cũng thấy một tâm hồn nóng rẫy cảm xúc, nói cách khác hồn thơ Y Phương “ưa đạm không ưa nồng” . Thơ ông là bức tranh thổ cẩm đan dệt nhiều sắc màu khác nhau, phong phú và đa dạng, mang đậm bản sắc dân tộc.

- Mở đầu bài thơ, là lời người cha nói với con chính là cội nguồn sinh dưỡng mỗi con người tình yêu thương vô bờ bến mà cha mẹ dành cho con đó là tình gia đình:

*Chân phải bước tới cha*

*Chân trái bước tới mẹ*

*Một bước chạm tiếng nói*

*Hai bước tới tiếngcười.*

- Nhịp thơ 2/3, cấu trúc đối xứng, nhiều từ được láy lại, tạo ra một âm điệu tươi vui, quấn quýt, Nhịp điệu lời thơ khoan thai, chậm rãi. Điệp ngữ “một bước”, “hai bước” tạo ra sự chuyển động, cũng là sự lớn lên hàng ngày của đứa trẻ trong vòng tay yêu thương của cha mẹ.

- Lời thơ gợi vẽ ra trước mắt người đọc hình ảnh em bé đang chập chững tập đi, đang bi bô tập nói, lúc thì sa vào lòng mẹ, lúc thì níu lấy tay cha. Từ tiếng nói bi bô đến nụ cười hồn nhiên của con yêu đã mang lại niềm hạnh phúc vô bờ bến cho những bậc sinh thành. Một khung cảnh gia đình hạnh phúc êm ấm vô bờ

- Bằng những hình ảnh cụ thể, giàu chất thơ kết hợp với nét độc đáo trong tư duy, cách diễn đạt của người miền núi, bốn câu thơ mở ra khung cảnh một gia đình ấm cúng, đầy ắp niềm vui, đầy ắp tiếng nói cười.

- Ta có thể hình dung được gương mặt tràn ngập tình yêu thương, ánh mắt long lanh rạng rỡ cùng với vòng tay dang rộng của cha mẹ đưa ra đón đứa con vào lòng. Từng câu, từng chữ đều toát lên niềm tự hào và hạnh phúc tràn đầy.Cả ngôi nhà như rung lên trong “tiếng nói”, “tiếng cười” của cha, của mẹ.Mỗi bước con đi, mỗi tiếng con cười đều được cha mẹ đón nhận, chăm chút mừng vui. Trong tình yêu thương, trong sự nâng niu của cha mẹ, con lớn khôn từngngày.

=> Tình cha mẹ - con cái thiêng liêng, sâu kín, mối dây ràng buộc, gắn kết gia đình bền chặt đã được hình thành từ những giây phút hạnh phúc bình dị, đáng nhớ ấy

=> Lời thơ ngay từ đầu đã chạm đến sợi dây tình cảm gia đình sâu kín của mỗi con người nên tạo được sự đồng cảm, rung động sâu sắc đến độc giả.

**b. Nhắc nhở con về cội nguồn quê hương**

*\* Chuyển ý:* Cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người được Y Phương nói đến không chỉ là gia đình mà còn là quê hương, là thiên nhiên tươi đẹp và thấm đượm nghĩa tình. Như bầu sữa tinh thần thứ hai, quê hương với cuộc sống lao động, với thiên nhiên tươi đẹp, tình nghĩa đã nuôi dưỡng, sẻ chia giúp cho contrưởng thành.

- Quê hương vốn là một khái niệm vô hình nhưng rất đỗi thân thương. Với mỗi người, quê hương hiện lên với những nét khác nhau. Nếu như với Tế Hanh, quê hương là “*Con sông xanh biếc, nước gương trong soi tóc những hàng tre”,* với Đỗ Trung Quân, *“Quê hương là chum khế ngọt”, “ là con diều biếc”* thì với Y Phương, quê hương chính là người đồng mình, là rừng, là núi:

*Người đồng mình yêu lắm, con ơi!*

*Đan lờ cài nan hoa*

*Vách nhà ken câu hát.*

- Quê hương hiện ra qua hình ảnh của “người đồng mình”. Nói với con về những “người đồng mình”, nhà thơ như đang giới thiệu ân cần đây là những người bản mình, người vùng mình, người dân quê mình gần gũi, thân thương.

=> Cách gọi như thế, cùng với hô ngữ “con ơi” khiến lời thơ trở nên tha thiết, trìu mến. Câu cảm than bộc lộ niềm xúc động mãnh liệt của người cha khi vỗ về đứa con của quê hương. Đó cũng chính là cách nói của người đồng mình, người quê mình, tiếng nói của người dân đồng bào miền núi, đặc biệt của dân tộc tày luôn gợi lên một sự trìu mến gần gũi thân thương.

- Người đồng mình là những con người đáng yêu, đáng quý bởi sự khéo léo trong lao động: *“Đan lờ cài nan hoa - Vách nhà ken câu hát”.* Cuộc sống lao động cần cù và tươi vui của họ được gợi ra qua những hình ảnh thật đẹp! Những nan nứa, nan tre dưới bàn tay tài hoa của người quê mình đã trở thành “nan hoa”. Vách nhà không chỉ ken bằng tre, gỗ mà còn được ken bằng những câu hát si, hát lượn.

- Người đồng mình là những con người đáng yêu, đáng quý bởi sự lạc quan trong cuộc sống: Họ dựng nhà gỗ, tre, nứaVách nhà không chỉ được ken bằng những vật liệu đó, mà còn được ken bằng những câu hát. Câu thơ “ Vách nhà ken câu hát” gợi người đọc hướng tới một điều trong quá trình lao động dựng nhà, dựng cửa người đồng mình luôn cất cao tiếng hát. Các động từ “cài”, “ken” vừa miêu tả chính xác động tác khéo léo trong lao động vừa gợi sự gắn bó, quấn quýt của những con người quê hương trong cuộc sống lao động. Lời thơ không chỉ gợi công việc lao động cần cù tỉ mỉ của dân tộc mình như một dịp khoe đôi bàn tay khéo léo tài hoa, tâm hồn trong sáng, lạc quan yêu đời.

=> Cái “yêu lắm” của “người đồng mình” là gì nếu không phải là cốt cách tài hoa, là tinh thần vui sống? Phải chăng, ẩn chứa bên trong cái dáng vẻ thô mộc là một tâm hồn phong phú, lãng mạn biết bao?

*\* Chuyển ý*: Quê hương với những con người tài hoa, tâm hồn lãng mạn,cũng là quê hương với thiên nhiên thơ mộng, nghĩa tình.Qua lời của người cha quê hương còn được hiện hữu qua hình ảnh “rừng” và con đường:

*Rừng cho hoa*

*Con đường cho những tấm lòng.*

- Nếu như hình dung về một vùng núi cụ thể, chắc hẳn mỗi người có thể gắn nó với những hình ảnh khác cách nói của Y Phương: là thác lũ, là bạt ngàn cây hay rộn rã tiếng chim thú hoặc cả những âm thanh *“gió gào ngàn, giọng nguồn thét núi”,* những bí mật của rừng thiêng… Nhưng Y Phương chỉ chọn một hình ảnh thôi, hình ảnh “hoa” để nói về cảnh quan của rừng. Nhưng hình ảnh ấy có sức gợi rất lớn, gợi về những gì đẹp đẽ và tinh tuý nhất. Hoa trong “Nói với con” có thể là hoa thực **-** như một đặc điểm của rừng **-** và khi đặt trong mạch của bài thơ, hình ảnh này là một tín hiệu thẩm mĩ góp phần diễn đạt điều tác giả đang muốn khái quát: chính những gì đẹp đẽ của quê hương đã hun đúc nên tâm hồn cao đẹp của con người ở đó. Quê hương còn hiện diện trong những gì gần gũi, thân thương. Đó cũng chính là một  nguồn mạch yêu thương vẫn tha thiết chảy trong tâm hồn mỗi người, bởi “con đường cho những tấm lòng”.

- Điệp từ “cho” mang nặng nghĩa tình. Thiên nhiên đem đến cho con người những thứ cần để lớn, giành tặng cho con người những gì đẹp đẽ nhất.Thiên nhiên đã che chở, nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn vàlối sống.

=> Bằng cách nhân hoá “rừng” và “con đường” qua điệp từ “cho”, người đọc có thể nhận ra lối sống tình nghĩa của “người đồng mình”. Quê hương ấy chính là cái nôi để đưa con vào cuộc sống êm đềm.

*\* Chuyển ý:* Cuối cùng, cội nguồn sinh thành, nuôi dưỡng mỗi người trưởng thành chính là những kỉ niệm êm đềm đẹp đẽ, hạnh phúc và tuyệt vời nhất của cha mẹ:

*Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới*

*Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.*

*- “Ngày cưới”* chính là minh chứng tuyệt vời nhất cho tình yêu của cha mẹ và con cũng chính là kết tinh của tình yêu ngọt ngào ấy. *“Ngày cưới”* là ngày gặp gỡ của những tấm lòng, của những con người quê hương*.*

*- “Ngày đầu tiên đẹp nhất”* ấy có thể là ngày cưới của cha mẹ nhưng nó cũng có thể là ngày con chào đời, ngày bố mẹ được hạnh phúc đón chờ con. Người cha nhắc đến những kỉ niệm ngày cưới của mình với con - điểm tựa của hạnh phúc - chính là để mong con luôn nhớ, con lớn lên trong tình yêu trong sáng và hạnh phúc của cha mẹ. Con là kết quả của tình yêu và hạnh phúc gia đình. Đó là điểm xuất phát mọi tình yêu thương trong con. Như vậy, tình cảm riêng đã hoà vào tình cảm chung, tình cảm gia đình đã hòa vào tình cảm quê hương, đất nước.

Đoạn thơ mở ra bằng hình ảnh đứa con, kết thúc bằng hình ảnh cha mẹ, mở ra bằng cội nguồn gia đình, kết thúc bằng cội nguồn quê hương, gia đình và quê hương đã cho con nghĩa tình, đã bao bọc, chở che con ngay từ khi bắt đầu con cất tiếng khóc chào đời. Quê hương và gia đình sẽ mãi mãi luôn bên nhau, nâng đỡ con trong suốt hành trình dài của cuộc đời.

- Theo nhà thơ Y Phương chia sẻ: Tình cảm của những đôi trai gái, của cha mẹ được nảy nở, bắt nguồn từ tình yêu đối với quê hương, tình yêu đối với cuộc sống lao động. Như vậy, nhà thơ quan niệm: Khi con người sống gắn bó với quê hương, với lao động thì con người sẽ tìm được tình yêu, hạnh phúc.

=> Mạch thơ có sự đan xen, mở rộng: từ tình cảm gia đình mà nói tới quê hương.

=> Đoạn thơ vừa là một lời tâm tình ấm áp, vừa là một lời dặn dò đầy tin cậy của người cha trao gửi tới con.

*\* Liên hệ mở rộng:* Tâm sự với con về tình cảm thiêng liêng đó chắc hẳn nhà thơ muốn nhắn nhủ với con rằng: Con hãy yêu gia đình, yêu quê hương mình đừng bao giờ quên cội nguồn sinh dưỡng đó bởi đúng như nhà thơ Đỗ Trung Quân từng viết:

*“ Quê hương mỗi người chỉ một*

*Như là chỉ một mẹ thôi*

*Quê hương nếu ai không nhớ*

*Sẽ không lớn nổi thành người”*

- Có thể nói tình cảm gia đình, nhất là tình cha con luôn thiêng liêng, là tiền đề là cơ sở cho tình yêu tổ quốc phát triển. Năm 1966 ta đã từng thấm thía tình cha con qua tác phẩm “chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Cái khác biệt ở chỗ Nguyễn Quang Sáng thử thách tình cha con qua bom rơi đạn nổ, qua cái khốc liệt của kháng chiến mà ánh ngời lên “hạt ngọc ẩn náu trong tâm hồn” người cha thì Y Phương lại để thứ tình cảm ấy nhẹ nhàng mà không kém phần nồng ấm. Nhờ đó mà ta thấm thía bài ca quý giá về tình cảm gia đình và tình phụ tử cao quý thiêng liêng.

**3. Đánh giá**

Bằng những hình ảnh thơ đẹp, giản dị bằng cách nói cụ thể, độc đáo mà gần gũi của người miền núi, người cha muốn nói với con rằng:vòng tay yêu thương của cha mẹ, gia đình,nghĩa tình sâu nặng của quê hương làng bản **-** đó là cái nôi đã nuôi con khôn lớn, là cội nguồn sinh dưỡng của con. Con hãy khắc ghi điều đó. Và sau mỗi lời thơ ấy, người đọc dễ dàng nhận ra được tình yêu thương vô bờ bến mà Y Phương dành cho cô con gái đầu lòng, dành cho Trùng Khánh quê hương ông. Tình cảm đẹp đẽ ấy thật đáng trân trọng.

**C. Kết bài**

Qua lời thủ thỉ, tâm tình của người cha nói với con, với cách tư duy diễn đạt giàu hình ảnh của người miền núi, kết hợp với hình thức tâm tình, trò chuyện nhẹ nhàng của người cha, hình ảnh của quê hương, của người đồng mình hiện lên thật chân thực, cụ thể với bao phẩm chất tốt đẹp. Đó là suối nguồn ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn và ý chí cho con. Khép lại trang thơ, người đọc không chỉ thấy được chất Tày thấm đượm trong từng câu, từng chữ, hình ảnh mà còn thấy được tình cảm gia đình chính là thứ tình cảm vô cùng cao quý và thiêng liêng song hành cùng với tình yêu của đất nước, của quê hương. Nó chính là thứ động lực mãnh liệt để vun đắp và nuôi dưỡng tâm hồn mỗi con người.

**============================================**

**ĐỀ 90: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ ĐOẠN THƠ SAU TRONG BÀI : “NÓI VỚI CON” CỦA NHÀ THƠ Y PHƯƠNG.**

Người đồng mình thương lắm con ơi

Cao đo nỗi buồn

Xa nuôi chí lớn

Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn

Sống trên đá không chê đá gập ghềnh

Sống trong thung không chê thung nghèo đói

Sống như sông như suối

Lên thác xuống ghềnh

Không lo cực nhọc

Người đồng mình thô sơ da thịt

Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con

Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương

Còn quê hương thì làm phong tục

Con ơi tuy thô sơ da thịt

Lên đường

Không bao giờ nhỏ bé được

Nghe con.

(Nói với con - Y Phương, Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2011, tr. 72 - 73)

**I. Mở bài**

**Cách 1:**

Y Phương là một trong những nhà thơ dân tộc Tày nổi tiếng của văn học Việt Nam hiện đại. Thơ ông thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của con người miền núi. *“Nói với con”* là một trong những thi phẩm đặc sắc làm nên tên tuổi của ông được viết vào năm 1980. Đây là đoạn thứ hai và cũng là đoạn cuối của bài thơ. Đoạn thơ là lời của người cha nói với con về những phẩm chất tốt đẹp, những truyền thống đáng tự hào của người đồng mình và niềm kì vọng con sẽ kế tục xứng đáng truyền thống ẩy:

**Cách 2:**

Từ xưa đến nay, tình cảm gia đình vẫn luôn là tình cảm thiêng liêng và cao cả biết bao. Nó như dòng sữa ấm áp nuôi nấng ta khôn lớn trưởng thành. Nếu như Chế Lan Viên đã mượn những khúc hát ru thắm đượm tình người để thể hiện tình mẫu tử thiêng liêng cao quý trong bài thơ “Con cò” thì Y Phương -  một nhà thơ dân tộc miền núi, lại tha thiết “Nói với con” về tình cảm cha con thắm thiết, hay rộng hơn cả đó chính là tình cảm đối với quê hương dân tộc, với bản làng. Đặc biệt được thể hiện tiêu biểu qua đoạn thơ trên.

**Cách 3:**

Lòng yêu thương con cai, ước mong thế hệ mai sau nối tiếp xứng đáng, phát huy truyền thống của tổ tiên vốn là một tình cảm cao đẹp của người Việt Nam từ bao đời nay. Bài thơ “Nói với con” của nhà thơ dân tộc Tày Y Phương cũng nằm trong nguồn cảm hứng nhân văn ấy. Mượn lời tâm sự với con, Y Phương đã để lại trong lòng người đọc nhiều cảm nhận sâu sắc về những đức tính tốt đẹp của “người đồng mình” – của con người quê hương miền núi qua đoạn thơ sau:

**Cách 4:**

Y Phương là nhà thơ dân tộc Tày. Nhắc đến Y Phương không thể nào không nhắc đến *“Nói với con”-* một trong số những sáng tác tiêu biểu viết về tình cảm gia đình. Bài thơ có hai khổ, khổ nào cũng đẹp, khổ nào cũng hay nhưng hay nhất là đoạn thơ trên. Đoạn thơ là lời của người cha nói với con về những phẩm chất tốt đẹp, những truyền thống đáng tự hào của người đồng mình và niềm kì vọng con sẽ kế tục xứng đáng truyền thống ấy:

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

Tiêu biểu cho phong cách sáng tác của Y Phương, bài thơ “*Nói với con*” gợi về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi người – gia đình và quê hương – đó là nôi êm tổ ấm nuôi dưỡng, bồi đắp tâm hồn con – đó là cội nguồn của hạnh phúc. Để rồi từ trong những cái ngọt ngào của kỉ niệm về gia đình và quê hương, người cha nói với con những đức tính tốt đẹp của người đồng mình.

**2. Cảm nhận những đức tính tốt đẹp của người đồng mình**

**+ Luận điểm 1: Người đồng mình biết lo toan và giàu mơ ước ( Giàu ý chí, nghị lực ).**

- Đoạn thơ nối tiếp theo sau đoạn người cha nói về cội nguồn sinh dưỡng. Đoạn thơ bắt đầu bằng cụm từ “*người đồng mình*” với ý nghĩa người vùng mình, người miền mình. Cách nói giản dị ấy lặp lại 3 lần trong đoạn trích. Y Phương gửi vào đó niềm tự hào về những đức tính cao đẹp của người dân miền núi. Nếu khổ trên là *“yêu lắm con ơi”* thì đến đây niềm ước vọng càng thêm tha thiết *“thương lắm con ơi”.*

*-* Tình cảm được nâng lên nhiều qua từ “*thương”.* Người đồng mình không chỉ là những con người giản dị, tài hoa trong cuộc sống lao động mà còn là những con người biết lo toan và giàu mơ ước:

“Cao đo nỗi buồn

Xa nuôi chí lớn”

- Bằng cách tư duy độc đáo của người miền núi, Y Phương đã lấy cái cao vời vợi của trời để đo nỗi buồn, lấy cái xa của đất để đo ý chí con người. Sắp xếp tính từ *“cao”, “xa”* trong sự tăng tiến, nhà thơ cho thấy khó khăn, thử thách càng lớn thì ý chí con người càng mạnh mẽ.

- Kết cấu câu thơ sóng đôi, cân đối, cách nói giản dị, mộc mạc “*cao đo nỗi buồn”,* là nỗi buồn của người dân tộc quanh năm giữa mây ngàn đá núi thường xuyên phải rời xa bản làng, bước chân của họ ngày càng trải dài trên đỉnh non cao.

- Qua đó ta thấy rằng người đồng mình sống vất vả, nghèo đói, cực nhọc, lam lũ. Họ nhẫn nhục chịu đựng nỗi buồn dai dẳng của mảnh đất quê hương. *“Xa nuôi chí lớn”,* người cha muốn nói với con dân tộc mình ai cũng có một ý chí, nghị lực ai cũng muốn bay cao bay xa trong tương lai. Lời thơ ngắn gọn, khẳng định niềm tự hào về phẩm chất, truyền thống của người đồng mình.

**Luận điểm 2: Người đồng mình dù sống trong nghèo khổ, gian nan vẫn thủy chung gắn bó với quê hương, cội nguồn.**

- Với niềm tự hào về ý chí, nghị lực và truyền thống tốt đẹp của *“ người đồng mình*”, cha mong con luôn sống nghĩa tình, thuỷ chung với quê hương:

*“Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn  
 Sống trên đá không chê đá gập ghềnh  
 Sống trong thung không chê thung nghèo đói”*

- Điệp từ *“sống” ,“không chê”* và điệp cấu trúc câu cùng hình ảnh đối xứng đã nhấn mạnh: người đồng mình có thể nghèo nàn, thiếu thốn về vật chất nhưng họ không thiếu ý chí và quyết tâm. Người đồng mình chấp nhận và thủy chung gắn bó cùng quê hương, dẫu quê hương có đói nghèo, vất vả. Và phải chăng, chính cuộc sống nhọc nhằn, đầy vất vả khổ đau ấy đã tôi luyện cho chí lớn để rồi tình yêu quê hương sẽ tạo nên sức mạnh giúp họ vượt qua tất cả. Từ láy gợi hình “*gập ghềnh*” gợi nên cuộc sống bấp bênh không ổn định.

- Phép liệt kê với những hỉnh ảnh ẩn dụ *“đá gập gềnh”,“thung nghèo đói”* gợi cuộc sống đói nghèo, khó khăn, cực nhọc. Từ đó người cha mong con sống  nghĩa tình, thuỷ chung với quê hương dẫu quê hương còn nhiều khó khăn vất vả. Đồng thời người cha khuyên con phải có ý chí, nghị lực vươn lên trong cuộc sống:

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

*“Sống như sông như suối  
 Lên thác xuống ghềnh  
Không lo cực nhọc”*

- Hình ảnh so sánh cụ thể “*sống như sông như suối*” gợi vẻ đẹp tâm hồn và ý chí của người đồng mình. Gian khó là thế, họ vẫn tràn đầy sinh lực, tâm hồn lãng mạn, khoáng đạt như hình ảnh đại ngàn của sông núi. Tình cảm của họ trong trẻo, dạt dào như dòng suối, con sống trước niềm tin yêu cuộc sống, tin yêu con người.

- Người cha khuyên con hãy sống cuộc đời rộng lớn, tự do, khoáng đạt, không thụ động chấp nhận thực tại mà luôn hướng tới tương lai không bao giờ cam chịu cuộc sống nhỏ bé tầm thường. Đã có biết bao nhà thơ, nghệ sĩ viết về vấn đề này. Nhà thơ Tố Hữu đã viết về lẽ sống “*cho - nhận*” ở đời (“*Sông là cho đâu chi nhận riêng mình”);* nhạc sĩ Trịnh Công Sơn qua ca từ đã đề cập đến lẽ sống yêu thương (“*Sống trong đời sống cần có một tấm lòng”*). Đó đều là những lẽ sống cao thượng, đẹp đẽ. Và Y Phương cũng mong con mình sống như thế.

- Việc vận dụng thành ngữ dân gian *“Lên thác xuống ghềnh*” gợi bao nỗi vất vả, lam lũ. Cách nói ẩn dụ “*lên thác xuống ghềnh*” kết hợp lời nói mộc mạc thường ngày “*không lo cực nhọc*”, cha khuyên con hãy sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thử thách của cuộc đời, không được chùn bước, nản chí. Bởi cuộc đời không bao giờ yên ả như một mặt nước hồ thu nên con hãy ngẩng cao đầu dũng cảm vượt qua chông gai, thử thách của cuộc đời. Những câu thơ dài ngắn, cùng những thanh trắc tạo ấn tượng về cuộc sống trắc trở, gian nan, đói nghèo của quê hương.

**+ Luận điểm 3: Người đồng mình có ý thức tự lập, tự cường và tinh thần tự tôn dân tộc:**

- Không dừng lại ở đó, "người đồng mình" còn hiện lên là những con người bản lĩnh, mạnh mẽ, giàu nghị lực sống và luôn mang trong mình lòng tự tôn dân tộc với khát vọng dựng xây đất nước:

“Người đồng mình thô sơ da thịt  
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con  
 Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương  
Còn quê hương thì làm phong tục”

- Nghệ thuật đối lập tương phản: giữa hình thức bên ngoài và giá trị tinh thần bên trong. Hình ảnh "*thô sơ da thịt"* diễn tả vẻ đẹp mộc mạc, bình dị, chân chất, khẳng khái của *"người đồng mình".* Nhưng họ không hề "*nhỏ bé*" về tâm hồn mà ngược lại rất giàu lòng tự trọng, giàu chí khí, niềm tin cao đẹp với khát vọng dựng xây, phát triển quê hương. Muốn vậy, "*người đồng mình*" phải lao động:

“Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hươngCòn quê hương thì làm phong tục”

- Câu thơ có hai lớp nghĩa tả thực và ẩn dụ. Và tác giả đã miêu tả cuộc sống lao động của họ qua cụm từ "*tự đục đá*" thường thấy của người dân miền núi cao. Công việc của họ rất vất vả, nặng nhọc nhưng họ sẵn sàng tự nguyện làm vì sự phát triển của quê hương mình. Nhưng hình ảnh "*kê cao quê hương*" còn là hình ảnh ẩn dụ, biểu tượng cho lòng tự hào, tự tôn dân tộc của *"người đồng mình"*

*-* Chính những con người cần cù, nhẫn nại, bằng chính bàn tay và khối óc, bằng sức lao động đã xây dựng và làm đẹp giàu cho quê hương, xây dựng để nâng tầm quê hương. Còn quê hương là điểm tựa tinh thần với phong tục tập quán nâng đỡ những con người có chí khí và niềm tin. Câu thơ đã khái quát về tinh thần tự tôn dân tộc, về ý thức bảo vệ nguồn cội, bảo tồn những truyền thống quê hương tốt đẹp của người đồng mình.

**+ Luận điểm 4: Lời dặn dò của người cha**

- Khép lại đoạn thơ bằng âm hưởng của một lời nhắn nhủ trìu mến với biết bao niềm tin hi vọng của người cha đặt vào đứa con yêu:

*“Con ơi tuy thô sơ da thịt*

*Lên đường*

*Không bao giờ nhỏ bé được*

*Nghe con”.*

- Ý thơ “*Tuy thô sơ da thịt”* và *“không bao giờ nhỏ bé”* được lặp lại với bốn câu thơ trước đó càng trở nên da diết, khắc sâu trong lòng con về những phẩm chất cao đẹp của “*người đồng mình”.* Nhưng hai tiếng*“Lên đường”* cho thấy người con đã lớn khôn và tạm biệt gia đình – quê hương để bước vào một trang đời mới.

- Trong hành trang của người con mang theo khi “*lên đường*”có một thứ quí giá hơn mọi thứ trên đời, đó là ý chí, nghị lực, truyền thống quê hương. Con có thể “*thô sơ”,* mộc mạc với áo chàm nhưng không nhỏ bé về khí phách cho nên con không bao giờ được bằng lòng với cuộc sống bó hẹp, tầm thường phải biết trân trọng giữ gìn và phát huy truyền thống của quê hương, ngẩng cao đầu vượt qua chông gai, thử thách để tự tin khi bước vào đời.

- Lời dặn của cha thật mộc mạc, dễ hiểu, thấm thía, ẩn chứa niềm hi vọng lớn lao của cha, hi vọng đứa con sẽ tiếp tục vững bước trên đường đời, tiếp nối truyền thống và làm vẻ vang quê hương. Hai tiếng “*Nghe con”* lắng đọng bao cảm xúc, ẩn chứa tình yêu thương vô bờ bến của cha dành cho con.

- Câu thơ chắc gọn như một mệnh lệnh: đừng chối bỏ cội nguồn dân tộc, hãy khắc sâu tình cảm quê hương vào trong trái tim mình, luôn tôn trọng và phát triển truyền thống dân tộc. Đó là tấm lòng của cha dành cho con hay nói đúng hơn là quê hương của mỗi chúng ta. Người cha ấy nói với con cũng là nói với chính mình, với những ai đang đi trên đường đời: yêu mến tự hào quê hương, sống có chí khí, sống đẹp như "*người đồng mình*" đã bao đời nay. Người cha trong bài thơ của Y Phương đã vun đắp cho con một hành trang quí vào đời. Nếu mẹ là bông hoa cho con cài lên ngực thì cha là cánh chim cho con bay thật xa. Nếu mẹ cho con những lời ngọt ngào yêu thương vỗ về thì cha cho con tinh thần ý chí nghị lực, ước mơ khát vọng, lối sống cao đẹp.

- Đoạn thơ chứa chan ý nghĩa, mộc mạc, đằm thắm mà sâu sắc. Nó tựa như một khúc ca nhẹ nhàng mà âm vang. Lời thơ tâm tình của người cha sẽ là hành trang đi theo con suốt cuộc đời và có lẽ mãi mãi là bài học bổ ích cho các bạn trẻ bài học về niềm tin, nghị lực, ý chí vươn lên.

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

**3. Đánh giá, mở rộng**

**-** Với thể thơ tự do, giọng điệu khỏe khoắn vừa tâm tình tha thiết vừa chứa chan hi vọng cùng những hình ảnh, từ ngữ mộc mạc, cụ thể, nhà thơ nói với con về những vẻ đẹp của người đồng mình để rồi từ đó truyền cho con lòng tự hào về quê hương, dân tộc, nhắn nhủ con biết sống đẹp, biết vượt qua gian khó bằng niềm tin, ý chí như người đồng mình.

*\* Liên hệ Mở rộng:*Cùng là dặn con không được quên quê hương dù có khôn lớn tới đâu đi chăng nữa, Vũ Thu Giang trong bài “*Lời cha dặn dò”* cũng từng viết:

*“Rời tổ ấm chim tung bay xứ lạ*

*Gói hành trang chỉ vỏn vẹn “nhớ nguồn”.*

**-** Cùng là dặn con không được quên quê hương dù có khôn lớn tới đâu đi chăng nữa, bởi nếu quên quê hương, quên nguồn cội thì sẽ không nên người, Đỗ Trung Quân viết:

*“Quê hương nếu ai không nhớ*

*Sẽ không lớn nổi thành người”.*

**III. Kết bài:**

**Cách 1:**

Qua lời thủ thỉ, tâm tình của người cha nói với con, hình ảnh của quê hương, của người đồng mình hiện lên thật chân thực, cụ thể với bao phẩm chất tốt đẹp. Đó là mạch suối ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn và ý chí cho con. Đọc bài thơ, hiểu về vẻ đẹp của những con người quê hương, ta yêu hơn, trân trọng hơn những con người làm giàu đẹp quê hương, đất nước.

**Cách 2:**

Âm điệu thơ tha thiết, ngôn ngữ thơ mộc mạc, hình ảnh thơ vừa cụ thể, vừa khái quát, đậm chất trữ tình. Đoạn thơ thể hiện niềm tin tưởng, hy vọng của người cha đối với bước đường tương lai của con. Đồng thời giúp ta cảm nhận được điều tốt đẹp, được tình cảm gắn bó thuỷ chung của dân tộc miền núi. Từ đó gợi trong mỗi chúng ta tình cảm gắn bó với truyền thống, với quê hương xứ sở và ý chí vươn lên để tiến bộ, sống làm chủ cuộc đời, làm chủ bản thân.

**============================================================**

**ĐỀ 91: PHÂN TÍCH BÀI THƠ : “NÓI VỚI CON” CỦA NHÀ THƠ Y PHƯƠNG.**

**1. Mở bài**

Tình cảm gia đình, tình yêu đối với quê hương xứ sở là những tình cảm nguyên sơ nhưng cũng thiêng liêng nhất của con người VN. Lòng yêu thương con cái, ước mong thế hệ sau tiếp nối xứng đáng truyền thống của tổ tiên, dân tộc , quê hương là sự thể hiện cụ thể của tình cảm cao đẹp đó. Nhiều nhà thơ đã giãi bày những sắc thái tình cảm ấy lên trang giấy. Chúng ta bắt gặp trong bài thơ Nói với con của tác giả Y Phương những lời tâm tình thiết tha, những lời dặn dò ân cần của người cha đối với con được diễn đạt bằng cách nói mộc mạc, chân chất của người miền núi, bằng những hình ảnh giản dị tưởng như thô ráp nhưng vẫn mang vẻ đẹp tinh khôi của cảnh và tình nơi rừng núi quê hương.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ được sáng tác năm 1980, khi thế hệ nhà thơ vừa thoát ra khỏi cuộc chiến tranh khốc liệt kéo dài 21 năm. Nền kinh tế nước ta lúc ấy như người bệnh trọng mới hồi dậy. Cái nghèo khó phủ lên từng con phố, bản làng …

**- Chủ đề:** Nhà thơ Y Phương viết “ Nói với con” nhằm động viên tinh thần và tôn vinh dân tộc tày của mình qua hình thức tâm sự của người cha với con ( Lúc này con gái nhà thơ mới được 1 tuổi). Tình yêu con lớn dần cùng tình yêu dân tộc, vừa xúc động thiêng liêng vừa chân thành mạnh mẽ, trong sáng.

**b. Phân tích thơ**

- “ *Nói với con”* không phải là một bài thơ dài nhưng những điều nhà thơ muốn diễn tả không phải là nhỏ bé : Lòng yêu thương con cái, ước mong con sẽ tiếp nối truyền thống quý báu, cao đẹp của quê hương. Trong cái “khoảng không dài đó” của những dòng thơ, nhà thơ đã diễn tả tình cảm đó một cách xúc động bằng những hình ảnh cụ thể,mộc mạc mà nói được nhiều điều, đồng thời góp phần làm nên điểm độc đáo cho bài thơ.

- Mở đầu bài thơ, bằng những lời tâm tình với con, Y Phương đã gợi về cội nguồn sinh dưỡng của con. Gia đình và quê hương là cái nôi êm, để từ đó con lớn lên , trưởng thành với những nét đẹp trong tình cảm, tâm hồn. Làm sao con có thể quên được những tháng ngày con còn bé thơ, con đã lớn dần trong vòng tay âu yếm của cha mẹ. Trong sự chăm lo ,cổ vũ của cha mẹ con đã lớn lên từng ngày. Cha mẹ có con, không khí gia đình vui tươi, đầm ấm:

*Chân phải bước tới cha*

*Chân trái bước tới mẹ*

*Một bước chạm tiếng nói*

*Hai bước tới tiếng cười.*

*-* Thoạt tiên, những câu thơ đầu của bài thơ rất dễ được cho là đang miêu tả một tình huống cụ thể thường gặp trong đời sống: Con tập đi, cha mẹ vây quanh vui mừng, hân hoan theo mỗi bước chân con. Tuy nhiên, đằng sau lối nói cụ thể đó, tác giả muốn khái quát thành một điều lớn hơn: Con lớn lên bằng tình yêu thương, trong sự nâng đón , vỗ về của cha mẹ. Những hình ảnh ấm êm với cha và mẹ, những âm thanh sống động vui tươi với tiếng nói , tiếng cười là những biểu hiện của không khí gia đình đầm ấm, quấn quýt, hạnh phúc tràn đầy. Không khí gia đình đầm ấm, thân thương ấy là môt hành trang quý báu đối với cuộc đời, tâm hồn con. Đó cũng là yếu tố đầu tiên hình thành nên những phẩm chất tâm hồn mỗi con người.

- Bên cạnh những tình cảm gia đình thắm thiết hạnh phúc, quê hương và cuộc sống lao động trên quê hương cũng giúp con trưởng thành, góp phần bồi dưỡng tâm hồn con:

*“Người đồng mình yêu lắm con ơi*

*Đan lờ cài nan hoa*

*Vách nhà ken câu hát”*

- Khi tâm tình với con về cuộc sống lao động của người đồng mình, tác giả đã lựa chọn đưa vào những hình ảnh đẹp đẽ : “ Đan lờ cài nan hoa” và tươi vui: “ Vách nhà ken câu hát”. Những động từ đan, ken, cài bên cạnh giúp người đọc hình dung được những công việc cụ thể của con người trên quê hương còn gợi ra tính chất gắn bó, hòa quyện, quấn quýt của con người và của quê hương, xứ sở. Phải chăng đó chính là nguồn cội nuôi dưỡng tâm hồn con người ?

- Nói đến quê hương cũng là nói đến cảnh quan đặc trưng của nơi con người cụ thể sinh ra và trưởng thành từ đó. Quê hương của người đồng mình với hình ảnh rừng, một hình ảnh gắn với cảnh quan miền núi hiện ra thật thơ mộng :

*Rừng cho hoa*

*Con đường cho những tấm lòng*

- Hình dung về một vùng núi cụ thể, chắc hẳn mỗi người có thể gắn với hình ảnh rất đặc trưng như: Thác, lũ, hay bạt ngàn cây hoặc rộn tiếng rã tiếng chim thú , có khi là những bất trắc, bí ẩn của núi rừng. Y Phương chỉ chọn một hình ảnh thôi, hình ảnh “hoa” để nói về cảnh quan rừng. Trong tiếng Việt, hoa được hiểu theo những gì đẹp nhất, thơ mộng nhất. Hoa trong “*Nói với con*” có thể là hoa thực, mhư một đặc điểm của rừng và khi đặt trong mạch của bài thơ, hình ảnh này là một tín hiệu thẩm mĩ đáng quý giá. Quê hương còn hiện diện trong những gì gần gũi, thân thương với con. Đó cũng chính là một nguồn mạch yêu thương vẫn tha thiết chảy trong tâm hồn mỗi người, bởi “ Con đường cho những tấm lòng” .Vẻ thơ mộng ấy của thiên nhiên, nghĩa tình sâu đậm ấy của những tấm lòng đã che chở, nuôi dưỡng , bồi đắp tâm hồn cũng như lối sống của con.

- Kết thúc đoạn thơ bằng hai câu thật hay:

*Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới*

*Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời*

- Hình bóng người con ngày một lớn lên, cha mẹ ngập tràn hạnh phúc, nhìn thấy con cha mẹ lại nhớ về kỉ niệm ngày cưới, ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời. Và đứa con là kết tinh của tình yêu, hạnh phúc, của những gì đẹp đẽ nhất của người đồng quê, xóm làng. Tình cảm ấy sẽ khởi nguồn cho những tình cảm lớn lao, bền vững hơn như tình yêu đất nước như Xuân Diệu đã từng khái quát: “ Tình yêu Tổ quốc là đỉnh núi bờ sông”. Trong “ *Nói với con*” chỉ vài câu thơ ngắn, vài lời thơ giản dị nhưng đã mở ra những ý tứ sâu xa thâm trầm gần như được nâng lên thành tầm triết lí. Sức mạnh của thơ, quyền năng và sự quyến rũ của thơ là ở đó chăng?

- Suốt cuộc đời từng chiến đấu gian khổ, hi sinh, từng trải của người cha, những năm tháng phải trải qua bao bão táp, sóng gió của cuộc đời mà người cha đã phát hiện ở người đồng mình có biết bao phẩm chất tốt đẹp với cái nhìn đầy tin yêu trân trọng:

*Người đồng mình thương lắm con ơi*

*Cao đo nỗi buồn*

*Xa nuôi chí lớn...*

- Người đồng mình phải chịu mọi điều kiện vất vả, cực nhọc: Những đá, những thung, những thác, những ghềnh là cái đói, cái khó khăn bao vây. Ở đây nhà thơ khéo léo trong cách dùng câu phủ định để khẳng định thái độ không sợ khó khăn, vất vả, cực nhọc của người dân nơi đây. Dù vất vả nhưng mạnh mẽ khoáng đạt, bền bỉ gắn bó với quê hương dẫu còn cực nhọc, đói nghèo. Từ đó, người cha mong muốn con phải có nghĩa tình chung thủy với quê hương, biết chấp nhận và vượt qua gian nan thử thách bằng ý chí, bằng niềm tin của mình.

- Không chỉ vậy, người đồng mình còn có những đức tính khác nữa mà người cha rất đỗi tự hào:

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

*Người đồng mình thô sơ da thịt*

*Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con*

- “ Người đồng mình ” tuy mộc mạc nhưng giàu chí khí, niềm tin. Họ có thể “thô sơ da thịt” nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn, về ý chí và mong ước xây dựng quê hương. Chính những con người như thế, bằng sự lao động cần cù, nhẫn nại hàng ngày, đã làm nên quê hương với truyền thống, với phong tục tập quán tốt đẹp:

*Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương*

*Còn quê hương thì làm phong tục...*

- Gửi trong những lời tự hào không dấu diếm đó, người cha mong ước, hy vọng người con phải tiếp nối, phát huy truyền thống để tiếp tục sống có tình, có nghĩa chung thủy với quê hương. Không chỉ gửi ước mong của mình đầy tự hào , người cha còn bộc lộ trực tiếp niềm mong ước này trong lời thủ thỉ dặn dò con:

*Con ơi tuy thô sơ da thịt*

*Lên đường*

*Không bao giờ nhỏ bé được*

*Nghe con !*

- Với giọng điệu thiết tha, trìu mến , chỉ bằng bốn câu thơ ngắn gọn đã khép lại toàn bài với những lời dặn dò đáng yêu, nhẹ nhàng mà nói được rất nhiều điều của người cha. Song tựu chung lại điều lớn lao nhất mà nhà thơ muốn con ghi nhớ mãi là lòng tự hào về sức sống mạnh mẽ, bền bỉ, truyền thống cao đẹp của quê hương và niềm tin khi bước vào đời. Những lời dặn dò của cha chứng tỏ tình yêu thương trìu mến và niềm tin tưởng của cha đối với con , mong con phải cố gắng thật nhiều. Tình cảm ấy của Y Phương cũng là tình cảm chung của tất cả những người cha, người mẹ trên thế gian này.

**3. Kết bài**

Bài thơ *Nói với con* của Y Phương góp thêm một tiếng nói yêu thương của cha mẹ đối với con cái cũng như kì vọng lớn lao, mong muốn thế hệ sau sẽ kế tục, phát huy những truyền thống qúy báu của quê hương. Bắng cách diễn đạt mộc mạc “thô sơ”, những hình ảnh cụ thể mà giàu sức khái quát, bài thơ đã thể hiện một cách độc đáo mà cũng thật thấm thía về tình cảm thiết tha mà sâu sắc nhất của con người: Tình cảm gia đình và tình yêu quê hương xứ sở.

*==============================================*

**ĐỀ 92: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ LỜI NGƯỜI CHA “NÓI VỚI CON” TRONG ĐOẠN THƠ SAU:**

Người đồng mình thô sơ da thịt

Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con

Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương

Còn quê hương thì làm phong tục

Cơn ơi tuy thô sơ da thịt

Lên đường

Không bao giờ nhỏ bé được

Nghe con.

(Trích Nói với con – Y Phương, Ngữ Văn 9, tập 2, NXB Giáo Dục)

**I. Mở bài**

**Cách 1**

Tình cảm gia đình, tình yêu đối với quê hương xứ sở là những tình cảm nguyên sơ nhưng cũng thiêng liêng nhất của con người VN. Lòng yêu thương con cái, ước mong thế hệ sau tiếp nối xứng đáng truyền thống của tổ tiên, dân tộc , quê hương là sự thể hiện cụ thể của tình cảm cao đẹp đó. Nhiều nhà thơ đã giãi bày những sắc thái tình cảm ấy lên trang giấy. Chúng ta bắt gặp trong bài thơ Nói với con của tác giả Y Phương những lời tâm tình thiết tha, những lời dặn dò ân cần của người cha đối với con được diễn đạt bằng cách nói mộc mạc, chân chất của người miền núi, bằng những hình ảnh giản dị tưởng như thô ráp nhưng vẫn mang vẻ đẹp tinh khôi của cảnh và tình nơi rừng núi quê hương. Điều đó được thể hiện rõ nét qua khổ thơ trê.

“Người đồng mình thô sơ da thịt

Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con

Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương

Còn quê hương thì làm phong tục

Cơn ơi tuy thô sơ da thịt

Lên đường

Không bao giờ nhỏ bé được

Nghe con”.

**Cách 2:**

Quê hương trong tim mỗi người đều có một vị trí quan trọng như thế để rồi cho đến hôm nay, ta vẫn không khỏi bồi hồi, xúc động trước tình yêu sâu đậm dành cho quê của nhà thơ Y Phương. Không ồn ào, không vồn vã, quê hương trong ông cũng giản dị và mộc mạc đến đẹp đẽ vô ngần. Nhà thơ đã gửi gắm tấm lòng son sắt của mình trong những dòng tâm sự với con. Bài thơ “*Nói với con”* đã thay mặt cho trái tim đang thổn thức của tác giả. Đoạn trích trên nằm ở phần thứ hai và cũng là phần cuối của bài thơ. Đoạn thơ là lời của người cha nói với con về những phẩm chất tốt đẹp, những truyền thống đáng tự hào của người đồng mình và niềm kì vọng con sẽ kế tục xứng đáng truyền thống ẩy:

“Người đồng mình thô sơ da thịt

Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con

Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương

Còn quê hương thì làm phong tục

Cơn ơi tuy thô sơ da thịt

Lên đường

Không bao giờ nhỏ bé được

Nghe con”.

**II. Thân bài**

**a. Khái quát**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ được sáng tác năm 1980, khi thế hệ nhà thơ vừa thoát ra khỏi cuộc chiến tranh khốc liệt kéo dài 21 năm. Nền kinh tế nước ta lúc ấy như người bệnh trọng mới hồi dậy. Cái nghèo khó phủ lên từng con phố, bản làng … Nhà thơ Y Phương viết “ Nói với con” nhằm động viên tinh thần và tôn vinh dân tộc tày của mình qua hình thức tâm sự của người cha với con ( Lúc này con gái nhà thơ mới được 1 tuổi). Tình yêu con lớn dần cùng tình yêu dân tộc, vừa xúc động thiêng liêng vừa chân thành mạnh mẽ, trong sáng.

**- Chủ đề:** . Mượn lời *“Nói với con”,* Y Phương muốn nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi người để rồi từ trong những cái ngọt ngào của kỉ niệm về gia đình và quê hương, người cha nói với con những đức tính tốt đẹp của người đồng mình và niềm kì vọng về con.

**b. Phân tích thơ**

**Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây**

**+ Luận điểm 1: Người đồng mình có ý thức tự lập, tự cường và tinh thần tự tôn dân tộc:**

- Trong cái ngọt ngào của kỉ niệm về gia đình và quê hương, người cha đã tha thiết nói với con về những phẩm chất tốt đẹp của người đồng mình.Người đồng mình biết lo toan và giàu mơ ước. Dù sống trong nghèo khổ, gian nan nhưng họ vẫn thủy chung gắn bó với quê hương, cội nguồn. Không dừng lại ở đó, "người đồng mình" còn hiện lên là những con người bản lĩnh, mạnh mẽ, giàu nghị lực sống và luôn mang trong mình lòng tự tôn dân tộc với khát vọng dựng xây đất nước:

“Người đồng mình thô sơ da thịt  
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con  
 Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương  
Còn quê hương thì làm phong tục”

- Phẩm chất của con người quê hương được người cha ca ngợi qua cách nói đối lập tương phản giữa hình thức bên ngoài và giá trị tinh thần bên trong, nhưng rất đúng với người miền núi. Tuy “*người đồng mình*” không mấy đẹp đẽ ở hình thức *“thô sơ da thịt”* nhưng luôn ẩn chứa một sức mạnh tinh thần lớn lao, không bao giờ nhỏ bé, không bao giờ thôi ước vọng vươn cao.Lời thơ mộc mạc, giản dị nhưng chứa bao tâm tình. Sự tương phản này đã tôn lên tầm vóc của người đồng mình. Họ mộc mạc nhưng giàu chí khí, niềm tin. Họ có thể “*thô sơ da thịt*” nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn, về ý chí, về mong ước xây dựng quê hương.

  - Lời cha giản dị, ân cần trang nghiêm, chắc nịch đã giúp đứa con nhận ra rằng chính nhờ  những “*người đồng mình”* như thế, những con người có ước mơ xây dựng quê hương với những truyền thống, phong tục tốt đẹp:

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

*“Người đồng mình tự đụng đá kê cao quê hương*

*Còn quê hương thì làm phong tục”.*

 - Câu thơ đã khái quát về tinh thần tự tôn dân tộc, về ý thức bảo vệ nguồn cội, bảo tồn những truyền thống quê hương tốt đẹp của người đồng mình. “*Đục đá”* là công việc vô cùng nặng nhọc, đòi hỏi phải bền bỉ, nhẫn nại. *“Đục đá”* vào ý thơ đã trở thành hình ảnh sinh động, gợi cảm. Bởi qua ý thơ, hình ảnh ấy giúp ta hình dung hiện thực người dân lao động miền núi bằng khát vọng và ý chí “*đục đá kê cao quê hương”* đã tôn tạo vẻ đẹp văn hóa của dân tộc với bao thiên tai, bão lũ, bao bọn giặc hung tàn để gìn giữ, bảo vệ quê hương của cả dân tộc.

- Đó là hình ảnh Sơn Tinh (thời Hùng Vương thứ 18) bốc từng quả đồi…, là hình ảnh anh hùng Núp và dân tộc Ba Na anh em đã quyết tâm không khuất phục giặc Pháp bảo vệ cho vùng đất Chư-lây thân yêu, làm nên chiến tích lịch sử. Cách mạng hào hùng cho quê hương, đất nước…. Hình dung ra điều ấy, ta mới thấy chi tiết “*đục đá kê cao quê hương”* là một hình ảnh ấn tượng, chứa chan niềm tự hào cao độ của nhà thơ đối với dân tộc thân yêu.

+ **Luận điểm 2: Lời dặn dò của người cha**

- Khép lại đoạn thơ bằng âm hưởng của một lời nhắn nhủ trìu mến với biết bao niềm tin hi vọng của người cha đặt vào đứa con yêu:

*Con ơi tuy thô sơ da thịt*

*Lên đường*

*Không bao giờ nhỏ bé được*

*Nghe con.*

- Nhịp thơ chậm rãi chân thành, nghe như lời nhắn nhủ tha thiết từ trái tim người cha. Một lần nữa người cha khẳng định người đồng mình “*thô sơ da thịt”,* đó là hình ảnh đáng trân quý và tự hào. Hình ảnh của sự vất vả, lam lũ nơi núi rừng bạt ngàn. Hình ảnh khỏe khoắn, rắn rỏi của người dân lao động miền núi. Vẻ ngoài tuy không đẹp, tuy thô sơ, chân chất mộc mạc nhưng người cha nhắn con hãy nhớ, dù đi đâu, con cũng không bao giờ ngừng nuôi chí lớn, hãy luôn tự hào về quê hương dân tộc, hãy sống với khát vọng và đam mê.

- Người dân quê ta có thể nhỏ bé về vóc dáng, thô sơ về vóc dáng nhưng khí phách, tinh thần thì thật lớn lao. Sự đối lập giữa hình thể và tâm hồn càng khẳng định niềm tự hào về những con người dân tộc miền núi, càng cho thấy được tình yêu thương, tự hào của người cha dành cho quê hương.

- Câu cuối *“nghe con”* nghe vừa nhẹ nhàng mà vừa dứt khoát như lời nhắn nhủ và khẳng định: trên đường đời, dù con có đi đâu làm gì cũng hãy tự hào về dân tộc, về những con người của núi rừng, luôn mang trong mình khát khao, nghị lực, khí phách lớn lao.

**3. Đánh giá, mở rộng**

- Bằng biện pháp miêu tả, ẩn dụ, đối lập tác giả đã vẽ lên một bức tranh về cuộc sống của người dân miền núi, khí phách, hiên ngang. Lời thơ giản dị, chân thành nhưng chạm đến trái tim bạn đọc, cảm nhận được tình yêu to lớn của người cha dành cho con hay chính xác hơn là dành cho quê hương đất nước.

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

*\* Liên hệ Mở rộng:* Cùng là dặn con không được quên quê hương dù có khôn lớn tới đâu đi chăng nữa, bởi quê hương chỉ có một, nếu quên quê hương, quên nguồn cội thì sẽ không nên người, Xuân Quỳnh viết:

"Mỗi người có một quê

Ngày dại thơ để ở

Tuổi thiếu niên để yêu

Và lớn lên để nhớ…"

**III. Kết bài**

**Cách 1:**

Như vậy, thông qua khổ thơ thứ hai, tác giả Y Phương đã khắc họa thành công những vẻ đẹp, phẩm chất của con người, quê hương. Qua đó gửi gắm bức thông điệp về ý chí, nghị lực cùng niềm tin, ước mong con vững bước, trưởng thành và sống xứng đáng với quê hương. Tình yêu thương đối với người con của Y Phương đã hòa với tình yêu dân tộc, quê hương, tạo thành một tình cảm thiêng liêng, cao đẹp.

**Cách 2**

Với cách tư duy diễn đạt giàu hình ảnh của người miền núi, kết hợp với hình thức tâm tình, trò chuyện nhẹ nhàng của người cha, Y Phương đã làm nổi bật lên những vẻ đẹp của người dân miền núi. Khép lại trang thơ, người đọc không chỉ thấy được chất Tày thấm đượm trong từng câu chữ, hình ảnh mà còn thấy được cả sức sống và vẻ đẹp diệu kì của người dân miền núi. Qua đó, chúng ta thấy được tình yêu quê hương sâu sắc của nhà thơ Y Phương đối với dân tộc mình.

*============================================*

**ĐỀ 93: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ LỜI NGƯỜI CHA “NÓI VỚI CON” TRONG ĐOẠN THƠ SAU:**

*“Người đồng mình thương lắm con ơi  
Cao đo nỗi buồn  
Xa nuôi chí lớn  
Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn  
Sống trên đá không chê đá gập ghềnh  
Sống trong thung không chê thung nghèo đói  
Sống như sông như suối  
Lên thác xuống ghềnh  
Không lo cực nhọc  
Người đồng mình thô sơ da thịt  
Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con  
Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương  
Còn quê hương thì làm phong tục  
Con ơi tuy thô sơ da thịt  
Lên đường  
Không bao giờ nhỏ bé được  
Nghe con.”*

**A.Mở bài:**

**Cách 1:** Y Phương là một trong số ít những nhà thơ dân tộc tày, Thơ ông chủ yếu viết về đề tài quê hương mình. Các bài thơ của ông đều thể hiện tâm hồn chân thật, mạnh mẽ và trong sáng, cách tư duy giàu hình ảnh của người miền núi. “Nói với con” là một trong những bài thơ tiêu biểu cho phong cách sáng tác ấy. Đọc đoạn thơ trên ta hiểu được lời của người cha nói với con về những phẩm chất tốt đẹp, những truyền thống đáng tự hào của người đồng mình và niềm kì vọng con sẽ kế tục xứng đáng truyền thống ẩy: ( thơ…)

**Cách 2:** Tình cảm gia đình - thứ tình cảm ấm áp, thiêng liêng nhất trong trái tim mỗi con người đã trở thành nguồn cảm hứng bất tận của thơ ca Việt Nam. Ta đã từng bắt gặp tình cảm thiêng liêng ấy trong bài thơ “Con cò” của Chế Lan Viên, trong “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng. Và đến với “Nói với con” một thi phẩm thơ nổi tiếng của Y Phương, một lần nữa ta lại được cảm nhận cái thiêng liêng, ấm áp của tình cảm gia đình mà cụ thể hơn chính là tình phụ tử. Đọc đoạn thơ trên ta hiểu được lời của người cha nói với con về những phẩm chất tốt đẹp, những truyền thống đáng tự hào của người đồng mình và niềm kì vọng con sẽ kế tục xứng đáng truyền thống ẩy: ( thơ….)

**B. Thân bài**

**1. Khái quát về tác phẩm**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Bài thơ được sáng tác năm 1980, khi thế hệ nhà thơ vừa thoát ra khỏi cuộc chiến tranh khốc liệt kéo dài 21 năm. Nền kinh tế nước ta lúc ấy như người bệnh trọng mới hồi dậy. Cái nghèo khó phủ lên từng con phố, bản làng … Nhà thơ Y Phương viết “ Nói với con” nhằm động viên tinh thần và tôn vinh dân tộc tày của mình qua hình thức tâm sự của người cha với con ( Lúc này con gái nhà thơ mới được 1 tuổi). Tình yêu con lớn dần cùng tình yêu dân tộc, vừa xúc động thiêng liêng vừa chân thành mạnh mẽ, trong sáng.

**- Vị trí đoạn thơ:** Đoạn trích trên nằm ở phần thứ hai và cũng là phần cuối của bài thơ. Là lời của người cha nói với con về những phẩm chất tốt đẹp, những truyền thống đáng tự hào của người đồng mình và niềm kì vọng con sẽ kế tục xứng đáng truyền thống ẩy

**2. Cảm nhận về những lời nhắn nhủ của Y phương**

**a. Nhắc lại nội dung đoạn 1**

Ở khổ thơ đầu, bằng những hình ảnh thơ đẹp,giản dị bằng cách nói cụ thể, độc đáo mà gần gũi của người miền núi, Y Phương đã nói với con về cội nguồn sinh dưỡng. Ông muốn nói với con rằng gia đình và quê hương chính là cái nôi đầu tiên của cuộc đời mỗi con người, là nơi ta được lớn lên, được yêu thương che chở. Từ đó lời thơ nhắc nhở người đọc cần biết trân trọng gia đình và quê hương của chính mình.

**b. Nhắc nhở con về những phẩm chất đẹp đẽ của người đồng mình**

- Trong cái ngọt ngào của kỉ niệm về gia đình và quê hương,người cha đã tha thiết nói với con về những phẩm chất tốt đẹp của người đồng mình.

**Luận điểm 1: Người đồng mình biết lo toan và giàu mơ ước (Giàu ý chí, nghị lực ).**

*\* Chuyển ý:* Người đồng mình không chỉ là những con người giản dị, tài hoa trong cuộc sống lao động mà còn là những con người biết lo toan và giàu mơ ước:

*Người đồng mình thương lắm con ơi!*

- Đoạn thơ bắt đầu bằng cảm xúc “ Thương lắm con ơi”. Nếu trong khổ thơ trên người đồng mình “yêu lắm con ơi” **-** yêu cuộc sống vui tươi bình dị, yêu bản làng thơ mộng, yêu những tấm lòng chân thật nghĩa tình, thì đến đây người cha nói với con “thương lắm con ơi” **-** bởi sau từ “thương” đó là những  những nỗi vất vả, gian khó của con người quê hương => Người cha biểu lộ tình cảm yêu thương chân thành về gian truân, thử thách cùng ý chí mà người đồng mình đã trải qua.

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

*\* Chuyển ý:* Người đồng mình không chỉ là những con người giản dị, tài hoa trong cuộc sống lao động, mà còn là những con người biết lo toan và giàu mơ ước:

*Cao đo nỗi buồn*

*Xa nuôi chi lớn.*

- Bằng cách tư duy độc đáo của người miền núi, Y Phương đã lấy sự từng trải (buồn) để đo chiều cao, lấy chí lớn để đánh giá độ xa. Sắp xếp tính từ “cao”, “xa” trong sự tăng tiến, nhà thơ cho thấy khó khăn, thử thách càng lớn thì ý chí con người càng mạnh mẽ. Qua đó ta thấy rằng người đồng mình sống vất vả, nghèo đói, cực nhọc, lam lũ. Họ nhẫn nhục chịu đựng nỗi buồn dai dẳng của mảnh đất quê hương. Điều này khẳng định người đồng mình thật can trường, dũng mãnh, không khuất phục trước hoàn cảnh biết vươn lên..

=> Có thể nói, cuộc sống của người đồng mình còn nhiều nỗi buồn, còn nhiều bộn bề thiếu thốn song họ sẽ vượt qua tất cả, bởi họ có ý chí và nghị lực, họ luôn tin tưởng vào tương lai tốt đẹp của dân tộc.

**Luận điểm 2: Người đồng mình dù sống trong nghèo khổ, gian nan vẫn thủy chung gắn bó với quê hương, cội nguồn.**

*\* Chuyển ý:* Với niềm tự hào về ý chí, nghị lực và truyền thống tốt đẹp của *“ người đồng mình*”, cha mong con luôn sống nghĩa tình, thuỷ chung với quê hương:

*Dẫu làm sao thì cha vẫn muốn*

*Sống trên đá không chê đá gập gềnh*

*Sống trong thung không chê thung nghèo đói*

- Phép liệt kê với những hỉnh ảnh ẩn dụ “đá gập gềnh”,“thung nghèo đói” => gợi cuộc sống đói nghèo, khó khăn, cực nhọc của những người đồng mình

- Điệp ngữ “sống”, “không chê” và điệp cấu trúc câu cùng hình ảnh đối xứng đã nhấn mạnh: người đồng mình có thể nghèo nàn, thiếu thốn về vật chất nhưng họ không thiếu ý chí và quyết tâm. Người đồng mình chấp nhận và thủy chung gắn bó cùng quê hương, dẫu quê hương có đói nghèo, vất vả. Và phải chăng, chính cuộc sống nhọc nhằn, đầy vất vả khổ đau ấy đã tôi luyện cho chí lớn để rồi tình yêu quê hương sẽ tạo nên sức mạnh giúp họ vượt qua tất cả.

*\* Chuyển ý*: Đồng thời người cha khuyên con phải có ý chí, nghị lực vươn lên trong cuộc sống:

*Sống như sông như suối*

*Lên thác xuống ghềnh*

*Không lo cực nhọc*

- Phép so sánh “Sống như sông như suối” gợi vẻ đẹp tâm hồn và ý chí của người đồng mình. Gian khó là thế, họ vẫn tràn đầy sinh lực, tâm hồn lãng mạn, khoáng đạt như hình ảnh đại ngàn của sông núi. Tình cảm của họ trong trẻo, dạt dào như dòng suối, con sống trước niềm tin yêu cuộc sống, tin yêu con người.

- Người cha khuyên con hãy sống cuộc đời rộng lớn, tự do, khoáng đạt, không thụ động chấp nhận thực tại mà luôn hướng tới tương lai không bao giờ cam chịu cuộc sống nhỏ bé tầm thường. Đã có biết bao nhà thơ, nghệ sĩ viết về vấn đề này.

- Thành ngữ dân gian *“Lên thác xuống ghềnh*” gợi bao nỗi vất vả, lam lũ. Cách nói ẩn dụ “*lên thác xuống ghềnh*” kết hợp lời nói mộc mạc thường ngày “*không lo cực nhọc*”, cha khuyên con hãy sẵn sàng đương đầu với khó khăn, thử thách của cuộc đời, không được chùn bước, nản chí. Nên con hãy ngẩng cao đầu dũng cảm vượt qua chông gai, thử thách của cuộc đời. Những câu thơ dài ngắn, cùng những thanh trắc tạo ấn tượng về cuộc sống trắc trở, gian nan, đói nghèo của quê hương.

=> Cha dặn con điều đầu tiên con phải sống ân nghĩa thủy chung vì đây là nền tảng hình thành nên giá trị một con người.

**Luận điểm 3: Người đồng mình có ý thức tự lập, tự cường và tinh thần tự tôn dân tộc:**

*\* Chuyển ý:* Phẩm chất của những con người quê hương còn được người cha ca ngợi qua cách nói đối lập tương phản giữa hình thức bên ngoài và giá trị tinh thần bên trong, nhưng rất đúng với người miền núi:

*Người đồng mình thô sơ da thịt*

*Chẳng mấy ai nhỏ bé đâu con*

- Lời thơ mộc mạc, giản dị nhưng chứa bao tâm tình.

- Cụm từ “thô sơ da thịt” là cách nói bằng hình ảnh cụ thể của bà con dân tộc Tày, ngợi ca  những con người mộc mạc, giản dị, chất phác, thật thà, chịu thương, chịu khó.

- Cụm từ “chẳng nhỏ bé” khẳng định sự lớn lao của ý chí, của nghị lực, cốt cách và niềm tin.

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

- Phẩm chất của con người quê hương được người cha ca ngợi qua cách nói đối lập tương phản giữa hình thức bên ngoài và giá trị tinh thần bên trong, nhưng rất đúng với người miền núi. Tuy “*người đồng mình*” không mấy đẹp đẽ ở hình thức *“thô sơ da thịt”* nhưng luôn ẩn chứa một sức mạnh tinh thần lớn lao, không bao giờ nhỏ bé, không bao giờ thôi ước vọng vươn cao. Lời thơ mộc mạc, giản dị nhưng chứa bao tâm tình. Sự tương phản này đã tôn lên tầm vóc của người đồng mình. Họ mộc mạc nhưng giàu chí khí, niềm tin. Họ có thể “*thô sơ da thịt*” nhưng không hề nhỏ bé về tâm hồn, về ý chí, về mong ước xây dựng quê hương.

*\* Chuyển ý:* Lời cha giản dị, ân cần trang nghiêm, chắc nịch đã giúp đứa con nhận ra rằng chính nhờ  những “*người đồng mình”* như thế, những con người có ước mơ xây dựng quê hương với những truyền thống, phong tục tốt đẹp:

*Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương*

*Còn quê hương thì làm phong tục.*

- Lối nói của Y Phương đậm ngôn ngữ dân tộc - độc đáo mà vẫn chứa đựng ý vị sâu xa.

- Hình ảnh “Người đồng mình tự đục đá kê cao quê hương” vừa mang tính tả thực (chỉ truyền thống làm nhà kê đá cho cao của người miền núi), vừa mang ý nghĩa ẩn dụ sâu sắc: Người đồng mình bằng chính bàn tay và khối óc, bằng sức lao động đã xây dựng và làm đẹp giàu cho quê hương, xây dựng để nâng tầm quê hương. Còn quê hương là điểm tựa tinh thần với phong tục tập quán nâng đỡ những con người có chí khí và niềm tin.

- Câu thơ đã khái quát về **tinh thần tự tôn dân tộc**, về ý thức bảo vệ nguồn cội, bảo tồn những truyền thống quê hương tốt đẹp của người đồng mình. “*Đục đá”* là công việc vô cùng nặng nhọc, đòi hỏi phải bền bỉ, nhẫn nại. *“Đục đá”* vào ý thơ đã trở thành hình ảnh sinh động, gợi cảm. Bởi qua ý thơ, hình ảnh ấy giúp ta hình dung hiện thực người dân lao động miền núi bằng khát vọng và ý chí “*đục đá kê cao quê hương”* đã tôn tạo vẻ đẹp văn hóa của dân tộc với bao thiên tai, bão lũ, bao bọn giặc hung tàn để gìn giữ, bảo vệ quê hương của cả dân tộc. Đó là hình ảnh Sơn Tinh (thời Hùng Vương thứ 18) bốc từng quả đồi…, là hình ảnh anh hùng Núp và dân tộc Ba Na anh em đã quyết tâm không khuất phục giặc Pháp bảo vệ cho vùng đất Chư-Lây thân yêu, làm nên chiến tích lịch sử. Cách mạng hào hùng cho quê hương, đất nước…. Hình dung ra điều ấy, ta mới thấy chi tiết “*đục đá kê cao quê hương”* là một hình ảnh ấn tượng, chứa chan niềm tự hào cao độ của nhà thơ đối với dân tộc thân yêu.

*\* Chuyển ý*: Khép lại đoạn thơ bằng âm hưởng của một lời nhắn nhủ trìu mến với biết bao niềm tin hi vọng của người cha đặt vào đứa con yêu:

*Con ơi tuy thô sơ da thịt*

*Lên đường*

*Không bao giờ nhỏ béđược*

*Nghe con.*

- Ý thơ “Tuy thô sơ da thịt” và “không bao giờ nhỏ bé” được lặp lại với bốn câu thơ trước đó càng trở nên da diết, khắc sâu trong lòng con về những phẩm chất cao đẹp của “người đồng mình”. Nhưng hai tiếng“Lên đường” cho thấy người con đã lớn khôn và tạm biệt gia đình - quê hương đểbước vào một trang đời mới.

- Trong hành trang của người con mang theo khi “lên đường” có một thứ quí giá hơn mọi thứ trên đời, đó là ý chí, nghị lực, truyền thống quê hương. Lời dặn của cha thật mộc mạc, dễ hiểu, thấm thía, ẩn chứa niềm hi vọng lớn lao của cha, hi vọng đứa con sẽ tiếp tục vững bước trên đường đời,tiếp nối truyền thống và làm vẻ vang quê hương.

- Hai tiếng “Nghe con” lắng đọng bao cảm xúc, ẩn chứa tình yêu thương vô bờ bến của cha dành cho con. Câu thơ còn gợi ra một cảnh tượng cảm động đang diễn ra lúc chia li: cha hiền từ âu yếm nhìn con, xoa đầu con và người con ngoan ngoãn cúi đầu lắng nghe lời cha dặn.

**=>** Ca ngợi nhữngđức tính tốt đẹp của người đồng mình, cha mong con sống có tình nghĩa với quê hương, phải giữ đạo lí “Uống nước nhớ nguồn” của cha ông từ bao đời để lại. Hơn nữa, con phải biết chấp nhận gian khó và vươn lên bằng ý chí của mình.

=> Người cha muốn con hiểu và cảm thông với cuộc sống khó khăn của quê hương, tự hào về truyền thống quê hương, tự hào về dân tộc để vững bước trên con đường đời, để tự tin trong cuộc sống.

- Nhịp thơ chậm rãi chân thành, nghe như lời nhắn nhủ tha thiết từ trái tim người cha. Một lần nữa người cha khẳng định người đồng mình “*thô sơ da thịt”,* đó là hình ảnh đáng trân quý và tự hào. Hình ảnh của sự vất vả, lam lũ nơi núi rừng bạt ngàn. Hình ảnh khỏe khoắn, rắn rỏi của người dân lao động miền núi. Vẻ ngoài tuy không đẹp, tuy thô sơ, chân chất mộc mạc nhưng người cha nhắn con hãy nhớ, dù đi đâu, con cũng không bao giờ ngừng nuôi chí lớn, hãy luôn tự hào về quê hương dân tộc, hãy sống với khát vọng và đam mê. Người dân quê ta có thể nhỏ bé về vóc dáng, thô sơ về vóc dáng nhưng khí phách, tinh thần thì thật lớn lao. Sự đối lập giữa hình thể và tâm hồn càng khẳng định niềm tự hào về những con người dân tộc miền núi, càng cho thấy được tình yêu thương, tự hào của người cha dành cho quê hương. Câu cuối *“nghe con”* nghe vừa nhẹ nhàng mà vừa dứt khoát như lời nhắn nhủ và khẳng định: trên đường đời, dù con có đi đâu làm gì cũng hãy tự hào về dân tộc, về những con người của núi rừng, luôn mang trong mình khát khao, nghị lực, khí phách lớn lao.

=> Đoạn thơ chứa chan ý nghĩa, mộc mạc, đằm thắm mà sâu sắc. Nó tựa như một khúc ca nhẹ nhàng mà âm vang. Lời thơ tâm tình của người cha sẽ là hành trang đi theo con suốt cuộc đời và có lẽ mãi mãi là bài học bổ ích cho các bạn trẻ - bài học về niềm tin,nghị lực, ý chí vươn lên.

**3. Đánh giá**

Bằng giọng thơ vừa thiết tha, trìu mến vừa trang nghiêm và các hình ảnh thơ cụ thể, chọn lọc, đoạn thơ đã giúp người đọc cảm nhận được trọn vẹn những phẩm chất đẹp đẽ của người đồng mình. Người đồng minh là những người giàu ý chí nghị lực và niềm tin, luôn thủy chung tình nghĩa, phóng khoáng lãng mạn … Và đằng sau những vần thơ ấy, ta nhận ra tình yêu, niềm tự hào và sự gắn bó sâu nặng của nhà thơ với con người quê hương mình. Tình cảm ấy thật đáng trân trọng.

**C. Kết bài**

Qua lời thủ thỉ, tâm tình của người cha nói với con, với cách tư duy diễn đạt giàu hình ảnh của người miền núi, kết hợp với hình thức tâm tình, trò chuyện nhẹ nhàng của người cha, hình ảnh của quê hương, của người đồng mình hiện lên thật chân thực, cụ thể với bao phẩm chất tốt đẹp. Đó là suối nguồn ngọt ngào nuôi dưỡng tâm hồn và ý chí cho con. Khép lại trang thơ, người đọc không chỉ thấy được chất Tày thấm đượm trong từng câu, từng chữ, hình ảnh mà còn thấy được tình cảm gia đình chính là thứ tình cảm vô cùng cao quý và thiêng liêng song hành cùng với tình yêu của đất nước, của quê hương. Nó chính là thứ động lực mãnh liệt để vun đắp và nuôi dưỡng tâm hồn mỗi con người.

**=========================================================**

**ĐỀ 94: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ LỜI NGƯỜI CHA “NÓI VỚI CON” TRONG ĐOẠN THƠ SAU:**

Chân phải bước tới cha  
Chân trái bước tới mẹ  
Một bước chạm tiếng nói  
Hai bước tới tiếng cười.

Người đồng mình yêu lắm con ơi  
Đan lờ cài nan hoa  
Vách nhà ken câu hát  
Rừng cho hoa  
Con đường cho những tấm lòng.

Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới  
Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.

*(Nói vơi con*, Y Phương)

**I. Mở bài**

**Cách 1:**

*“Cha là bóng cả ngã che con*

*Là suối tình thương không bao giờ vơi cạn.”*

*(Ca dao)*

Quả thật, nếu tình mẫu tử ngọt ngào và bao la như biển khơi, ôm ấp và vỗ về ta thì tình phụ tử lại càng thiêng liêng và cao cả gấp bội. Đối với người con, hình bóng của cha chính là “*bóng cả”,* là “*suối tình thương*” và là tấm gương sáng cho con noi theo. Chính vì lẽ đó mà tình phụ tử luôn là nguồn cảm hứng bất tận cho biết bao thi nhân xưa và nay. Trong đó có Y Phương – một nhà thơ dân tộc Tày với tác phẩm mang âm hưởng của miền núi non đại ngàn- “*Nói với con”*. Đọc “*Nói với con”*, em ấn tượng nhất là khổ thơ đầu vì đó là cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người:

**Cách 2:**

Là một nhà thơ dân tộc Tày, những sáng tác của Y Phương luôn hấp dẫn và để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng bạn đọc bởi ngôn ngữ, hình ảnh thơ mang đậm dấu ấn, lối tư duy của con người vùng cao. Nhắc đến nhà thơ Y Phương, không thể nào không nhắc tới bài thơ *“Nói với con”* - một trong số những sáng tác tiêu biểu viết về tình cảm gia đình. Đặc biệt, khổ thơ thứ nhất của bài thơ đã thể hiện rõ nét và chân thực cội nguồn đã sinh thành và nuôi dưỡng những người con:

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác**: Bài thơ được sáng tác năm 1980 khi đất nước đã giành được độc lập và đang trong công cuộc khôi phục, xây dựng và phát triển đất nước, in trong Thơ Việt Nam 1945-1985. Mạch cảm xúc bài thơ đi từ tình cảm gia đình mà mở rộng ra là tình cảm quê hương, từ những kỷ niệm gần gũi, thiết tha mà nâng lên thành lẽ sống. Cảm xúc, chủ đề của bài thơ được bộ lộ, dẫn dắt một cách tự nhiên, có tầm khái quát nhưng vẫn thấm thía.

**- Chủ đề:** Mượn lời *“Nói với con”,* Y Phương muốn nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của mỗi người để rồi từ trong những cái ngọt ngào của kỉ niệm về gia đình và quê hương, người cha nói với con những đức tính tốt đẹp của người đồng mình và niềm kì vọng về con.

**2. Cảm nhận khổ thơ**

**\* Mở đầu bài thơ là lời người cha nói với con về cội nguồn sinh dưỡng của con, điều đầu tiên người cha muốn nói tới là tình cảm gia đình. Cái nôi nuôi dưỡng con trưởng thành:**

“Chân phải bước tới cha  
Chân trái bước tới mẹ  
Một bước chạm tiếng nói  
Hai bước tới tiếng cười”

- Con lớn lên từng ngày trong tình yêu thương, trong sự nâng đón và mong chờ của cha mẹ. Đó là hình ảnh một mái ấm gia đình rất hạnh phúc. Người con được nuôi dưỡng, che chở trong vòng tay ấm áp của cha mẹ. Lời thơ rất đặc biệt. Nói bằng hình ảnh, cách hình dung cụ thể để diễn tả ý trừu tượng của người miền núi khiến câu thơ mộc mạc mà gợi cảm: bước chân chạm tới tiếng cười, tiếng nói.

**Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây**

- Cha nói với con lời đầu tiên đó để nhắc nhở con về tình cảm gia đình ruột thịt về cội nguồn của mỗi người. Nhịp thơ 2/3, cấu trúc đối xứng, nhiều từ được lấy lại, tạo ra âm điệu tươi vui, quấn quýt: chân phải, chân trái; một bước, hai bước, tiếng nói, tiếng cười… Y Phương tạo được không khí gia đình ấm cúng, đầy ắp niềm vui, đầy ắp tiếng nói cười. Lời thơ gợi vẽ ra trước mắt người đọc hình ảnh em bé đang chập chững tập đi, đang bi bô tập nói, lúc thì sa vào lòng mẹ, lúc thì níu lấy tay cha. Ta có thể hình dung được gương mặt tràn ngập tình yêu thương, ánh mắt long lanh rạng rỡ cùng với vòng tay dang rộng của cha mẹ đưa ra đón đứa con vào lòng.

- Từng câu, từng chữ đều toát lên niềm tự hào và hạnh phúc tràn đầy. Cả ngôi nhà như rung lên trong “*tiếng nói”, “tiếng cười”* của cha, của mẹ. Mỗi bước con đi, mỗi tiếng con cười đều được cha mẹ đón nhận, chăm chút mừng vui. Trong tình yêu thương, trong sự nâng niu của cha mẹ, con lớn khôn từng ngày. Vì công lao trời biển mà con phải khắc cốt ghi xương.

- Bốn câu thơ khiến chúng ta liên tưởng đến bài hát “*Nhật Ký của mẹ”* do nhạc sĩ Nguyễn Văn Chung sáng tác: “*Bao ngày mẹ ngóng, bao ngày mẹ trông, bao ngày mẹ mong con chào đời…”*

- Đó chính là tâm tư, nỗi lòng của những bậc làm cha mẹ, mong ngóng hình hài nhỏ bé từng ngày, hạnh phúc khi thấy con lớn lên từng ngày. Xúc động lắm những tấm chân tình này: “*Cha mẹ thương con vô điều kiện/ Còn xã hội có điều kiện mới thương con”,* đấy là sự thật mà khi trưởng thành chúng ta mới càng thấm.

=>Như vậy, qua phân tích ta thấy gia đình, cha mẹ chính là cội nguồn đầu tiên sinh ra và nuôi dưỡng mỗi đứa con khôn lớn thành người.

**\* Cội nguồn sinh dưỡng của mỗi con người được Y Phương nói đến không chỉ là gia đình mà còn là quê hương, là thiên nhiên tươi đẹp và thấm đượm nghĩa tình.** Như bầu sữa tinh thần thứ hai, quê hương với cuộc sống lao động, với thiên nhiên tươi đẹp, tình nghĩa đã nuôi dưỡng, sẻ chia giúp cho con trưởng thành. Đó là:

*“ Người đồng mình yêu lắm, con ơi!*

*Đan lờ cài nan hoa*

*Vách nhà ken câu hát.*

Rừng cho hoa  
 Con đường cho những tấm lòng”

- Quê hương hiện ra qua hình ảnh của người đồng mình. *“Nói với con”* về những “*người đồng mình*”, nhà thơ như đang giới thiệu ân cần đây là những người bản mình, người vùng mình, người dân quê mình gần gũi, thân thương.

- Cách gọi như thế, cùng với hô ngữ “*con ơi”* khiến lời thơ trở nên tha thiết, trìu mến. Thêm vào đó, tác giả đã sử dụng hàng loạt các hình ảnh giàu sức gợi để làm bật nổi vai trò của quê hương.

- Hình ảnh “*Đan lờ cài nan hoa”* **vừa** tả thực công cụ lao động thô sơ được những con người nơi đây trang trí trở nên đẹp đẽ hơn **vừa** gợi đôi bàn tay khéo léo, cần cù, tài hoa, giàu sáng tạo của họ đã khiến những nan nứa, nan tre vốn đơn giản, thô sơ trở thành những *“nan hoa”.* Còn hình ảnh “*vách nhà ken câu hát”* vừa tả thực lối sinh hoạt văn hóa cộng đồng và gia đình của *“người đồng mình”* khiến cho những vách nhà như được ken dày trong những câu hát, từ đó nó gợi lên một thế giới tâm hồn tinh tế và tràn đầy lạc quan của những người dân miền cao.

- Cùng với đó, các động từ *“cài”, “ken”* vừa miêu tả được động tác khéo léo vừa gợi sự gắn bó với nhau của những “*người đồng mình”* trong cuộc sống lao động. Cái *“yêu lắm”* của “*người đồng mình”* là gì nếu không phải là cốt cách tài hoa, là tinh thần vui sống? Phải chăng, ẩn chứa bên trong cái dáng vẻ thô mộc là một tâm hồn phong phú, lãng mạn biết bao? Và, đứa con cũng được trưởng thành trong tình yêu thương đó.

- Song song đó, rừng núi quê hương thơ mộng, nghĩa tình cũng góp phần hun đúc cho người con tinh thần, tình yêu thương để trưởng thành:

"Rừng cho hoa  
Con đường cho những tấm lòng".

- Nếu như hình dung về một vùng núi cụ thể, chắc hẳn mỗi người có thể gắn nó với những hình ảnh khác cách nói của Y Phương: là thác lũ, là bạt ngàn cây hay rộn rã tiếng chim thú hoặc cả những âm thanh "*gió gào ngàn, giọng nguồn hét núi",* những bí mật của rừng thiêng.....Nhưng Y Phương chỉ chọn một hình ảnh thôi, hình ảnh *"hoa"* để nói về cảnh quan của rừng. Nhưng hình ảnh ấy có sức gợi rất lớn, gợi về những gì đẹp đẽ và tinh túy nhất. Hoa trong "*Nói với con*" có thể là hoa thực - như một đặc điểm của rừng - và khi đặt trong mạch của bài thơ, hình ảnh này là một tín hiệu thẩm mĩ góp phần diễn đạt điều tác giả đang muốn khái quát: chính những gì đẹp đẽ của quê hương đã hun đúc nên tâm hồn cao đẹp của con người ở đó.

- Quê hương còn hiện diện trong những gì gần gũi, thân thương. Đó cũng chính là một nguồn mạch yêu thương vẫn tha thiết chảy trong tâm hồn mỗi người, bởi *"con đường cho những tấm lòng".*

- Điệp từ *"cho"* mang nặng nghĩa tình. Thiên nhiên đem đến cho con người những thứ cần để lớn, dành tặng cho con người những gì đẹp đẽ nhất.Thiên nhiên đã che chở, nuôi dưỡng con người cả về tâm hồn và lối sống.

- Bằng cách nhân hoá "*rừng*" và *"con đường"* qua điệp từ "*cho"*, người đọc có thể nhận ra lối sống tình nghĩa của "*người đồng mình".* Quê hương ấy chính là cái nôi để đưa con vào cuộc sống êm đềm.

=> Cuối cùng, cội nguồn sinh thành, nuôi dưỡng mỗi người trưởng thành chính là những kỉ niệm êm đềm đẹp đẽ, hạnh phúc và tuyệt vời nhất của cha mẹ:

*Cha mẹ mãi nhớ về ngày cưới*

*Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời.*

*- “Ngày cưới”* chính là minh chứng tuyệt vời nhất cho tình yêu của cha mẹ và con cũng chính là kết tinh của tình yêu ngọt ngào ấy. *“Ngày cưới”* là ngày gặp gỡ của những tấm lòng, của những con người quê hương*.*

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

*- “Ngày đầu tiên đẹp nhất”* ấy có thể là ngày cưới của cha mẹ nhưng nó cũng có thể là ngày con chào đời, ngày bố mẹ được hạnh phúc đón chờ con. Người cha nhắc đến những kỉ niệm ngày cưới của mình vơi con - điểm tựa của hạnh phúc - chính là để mong con luôn nhớ con lớn lên trong tình yêu trong sáng và hạnh phúc của cha mẹ. Con là kết quả của tình yêu và hạnh phúc gia đình. Đó là điểm xuất phát mọi tình yêu thương trong con. Như vậy, tình cảm riêng đã hoà vào tình cảm chung, tình cảm gia đình đã hòa vào tình cảm quê hương, đất nước.

- Đoạn thơ mở ra bằng hình ảnh đứa con, kết thúc bằng hình ảnh cha mẹ, mở ra bằng cội nguồn gia đình, kết thúc bằng cội nguồn quê hương, gia đình và quê hương sẽ mãi mãi luôn bên nhau, nâng đỡ con trong suốt hành trình dài của cuộc đời.

**3. Đánh giá, mở rộng**

# - Bằng những hình ảnh thơ đẹp, giản dị, bằng cách nói cụ thể, độc đáo mà gần gũi của người miền núi, người cha muốn nói với con rằng: vòng tay yêu thương của cha mẹ, gia đình, nghĩa tình sâu nặng của quê hương làng bản- đó là cái nôi đã nuôi con khôn lớn, là cội nguồn sinh dưỡng của con.

# \* Liên hệ Mở rộng: Nơi ấy là nơi mẹ về sau buổi chợ trưa với vành nón lá nghiêng che :

# *“Quê hương là cầu tre nhỏ*

# *Mẹ về nón lá nghiêng che”*

# (Quê hương - Đỗ Trung Quân)

# - Là nơi có cha tẩn mẩn gọt từng *“nan tre”* làm cho con cánh diều nhỏ bé :

# *“Quê hương là cánh diều biếc*

# *Tuổi thơ con thả trên đồng…*

# *Quê hương nếu ai không nhớ*

# *Sẽ không lớn nổi thành người.*

**III. Kết bài**

Mọi tình cảm tốt đẹp của con người đều được nuôi dưỡng từ những điều bình dị nhất. Trong đó có tình cảm gia đình, tình yêu quê hương, đất nước. Y Phương đã mượn lời người cha nhắc nhở con về cội nguồn sinh dưỡng cũng là muốn nhắc nhở chúng ta sống ân nghĩa, thủy chung, hướng về nguồn cội. Đoạn thơ đã bồi đắp cho ta thêm về tình yêu gia đình và tình yêu quê hương đất nước. Từ đó tự nhắn nhủ với bản thân mỗi người phải cố gắng rèn luyện và chăm chỉ học tập hơn để xây dựng nước nhà một giàu đẹp và phát triển.

**=============================================================**

**NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI**

*( Lê Minh Khuê)*

**ĐỀ 95: PHÂN TÍCH NHÂN VẬT PHƯƠNG ĐỊNH TRONG TRUYỆN NGẮN « NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI » CỦA NHÀ VĂN LÊ MINH KHUÊ.**

**1. Mở bài**

*“Chẳng thơm cũng thể hoa nhài*

*Dẫu không thanh lịch cũng người Tràng An”*

Một câu ca dao thật đúng, thật hay về vẻ thanh lịch của người Hà Nội. Ta thường bắt gặp sẽ phần nào lí giải được điều đó. Những chàng trai đất Hà Thành khi ra trận nhưng không nguôi quên nỗi nhớ người yêu nơi thủ đô yêu dấu. Vì sao những cô gái Hà Thành lại có sức cuốn hút như vậy? Làm quen với Phương Định - nhân vật chính trong truyện ngắn “ Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê được sáng tác năm 1971, ta sẽ phần nào lí giải được điều đó.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát**

**- Hoàn cảnh sang tác:** Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê được sáng tác năm 1971 - thời điểm cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra vô cùng ác liệt.

**- Chủ đề:** Truyện kể về cuộc sống, chiến đấu của ba cô gái Nho, Thao, Phương Định để từ đó làm nổi bật vẻ đẹp của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến lửa Trường Sơn, vẻ đẹp của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước.

**b. Phân tích truyện**

- Ba cô gái thanh niên xung phong bước vào trang viết của Lê Minh Khuê với những cái tên đầy nữ tính, rất riêng biệt: Định, Nho và Thao. Trong ba người thì chị Thao là người nhiều tuổi nhất. Họ là những cô gái từ thành thị tình nguyện xung phong ra chiến trường với ước mong giải phóng đất nước. Họ ra đi mang theo ước mơ hoài bão của tuổi trẻ.

- Nhân vật Phương Định trong tác phẩm với ngôi kể xưng “tôi” là một cô gái Hà Nội mới lớn, cô có cả vẻ đẹp hình thức và vẻ đẹp tâm hồn. Tất cả hòa lẫn vào nhau để tạo nên vẻ đẹp của một Phương Định rất Hà nội. Định là cô gái tuổi đời còn rất trẻ, cũng như các cô gái mới lớn, Định nhạy cảm và quan tâm đến hình thức của mình. Cô tự đánh giá: “ Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cô cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: Cô có cái nhìn sao mà xa xăm”. Một vẻ đẹp đầy nữ tính và có chiều sâu.

- Cô còn biết rằng mình được nhiều người, nhất là các anh lái xe để ý và có thiện cảm. Điều đó khiến cô thấy vui và tự hào nhưng vẫn ý thức trân trọng quãng đời đẹp nhất của mình: “ xa đến đâu mặc kệ, nhưng tôi thích ngắm mắt tôi trong gương. Nó dài dài, màu nâu, hay nheo lại như chói nắng”. Hóa ra những cô gái thời nào cũng vậy, dù đang ở đâu và làm bất cứ việc gì họ vẫn luôn thích ngắm mình và làm dáng, họ luôn là những bông hoa tô điểm cho cuộc đời.

- Nhạy cảm là vậy nhưng cô chưa dành riêng tình cảm cho một ai. Có thể có nhiều lí do nhưng với một cô gái được học hành và sâu sắc như Phương Định chắc số lí do đó còn nhiều hơn. Hoặc đang còn lưỡng lự vì hoàn cảnh chiến đấu quá khắc nghiệt, hoặc tuổi đời còn ít, hoặc cô còn đang tìm hiểu đối tượng. Cô gái Hà Nội ấy tường tỏ ra kín đáo giữa đám đông? Phải chăng đó là nét văn hóa rất riêng của con gái Hà Nội. Có lúc “ bọn con gái xúm nhau lại để đối đáp với một anh bộ đội nói giỏi nào đấy, tôi thường đứng ra xa , khoanh tay lại trước ngực và nhìn đi nơi khác, môi mím chặt. Nhưng chẳng qua tôi điệu thế thôi. Thực tình trong suy nghĩ của tôi, những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ. Có mâu thuẫn không nhỉ? Hoàn toàn không, đó là cách biểu lộ tình cảm khôn ngoan nhất, im lặng nhưng chính là nói được nhiều nhất. Các anh bộ đội chắc không thể nào không chú ý đến một cô gái Hà Nội như vậy cho nên buộc phải làm quen bằng cách viết thư mặc dù có thể chào nhau hàng ngày.

=> Qua những dòng tản mạn ấy ta thấy hiện lên một Phương Định thật đáng yêu: Biết điệu đà, làm dáng nhưng không lẳng lơ mà kín đáo, tế nhị rất Hà Nội.

- Nơi chiến trường ác liệt, cũng như hai đồng đội trong tổ trinh sát, Phương Định yêu mến những người đồng đội của mình, đặc biệt là hai người bạn gái cùng tổ. Họ lo lắng và quan tâm đến nhau như ruột thịt nhất là sau mỗi lần phá bom: “ Tôi phủi áo, căng mắt nhìn qua khói và chạy theo chị Thao… chị vấp ngã. Tôi đỡ chị…” Còn lúc Nho bị thương : “ Tôi moi đất bế Nho lên, tiêm cho Nho…”

- Dường như vào lúc ấy không còn là Phương Định điệu đà hay làm đỏm nữa mà đã nhường chỗ cho một Phương Định khác: nhanh nhẹn, tháo vát dành tất cả tình yêu thương cho đồng đội của mình. Một Phương Định như thế thì ai dám nói con gái Hà Nội không chịu được khổ hay tình cảm hời hợt. Cô đang sống rất thật với những tình cảm của mình. Cô chăm đồng đội của mình thành thạo như một y tá: “ Tôi rửa cho Nho bằng nước đun sôi trên bếp than. Bông bắng trắng… tôi tiêm cho Nho” . Trong trường hợp khẩn cấp cô đã biết sử dụng kiến thức của mình vận dụng vào thực tế.

- Quả là một cô gái đảm đang, thích ứng nhanh với thực tế chiến trường, nỗ lực làm tất cả những việc đó bởi tinh thần trách nhiệm và tình yêu thương đối với đồng đội của mình. Có lẽ điều đó còn xuất phát từ tâm hồn giàu tình cảm của cây bút nữ Lê Minh Khuê. Dù đã làm công việc nguy hiểm ấy bao nhiêu lần, trong ba năm mỗi ngày cô phá bom tới năm lần, nhưng mỗi lần vẫn là một thử thách thần kinh ghê gớm : “ thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm ”.

- Nếu không có thực tế chiến đấu ở chiến trường, Lê Minh Khuê đã không thể viết được những cảm giác thật đến như vậy. Mặc dù vẫn sợ nhưng cô gái Hà Nội vẫn cách lấy lại bình tĩnh hay tư thế tác phong cho mình khi cần thiết. “ Cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ đang dõi theo mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom.

- Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể thể cứ đàng hoàng mà bước tới” Một cô gái nhỏ bé trước quả bom to đùng có thể nổ tung bất cứ lúc nào nhưng vẫn tỏ ra đàng hoàng chững chạc. Song chi tiết này không hề xạo khi nó được đặt trong chi tiết: vì có các anh chiến sĩ đang theo dõi cô, các anh ấy không thích đi khom- kiểu đi khúm núm, sợ hãi. Chi tiết này rất thật và rất người, nó lại rất thống nhất với cô Phương Định hàng ngày vẫn tỏ ra hơi kiêu kì. Cô không đi khom vì cô có đồng đội đang khích lệ động viên và cô không đi khom bởi vì cô mang trong mình lòng tự trọng, kiêu hãnh của một cô gái Hà Thành.

- Là con gái Hà Nội vào chiến trường, Phương Định mang theo hành trang là thời học sinh hồn nhiên, vô tư lự bên người mẹ và những hình ảnh, những kỉ niệm thân thương quá đối với thành phố của cô. Vào chiến trường ba năm quen với những thử thách nguy hiểm, giáp mặt hàng ngày với cái chết nhưng cũng như những đồng đội khác không mất đi sự hồn nhiên trong sáng và mơ ước về tương lai.

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

- Cô vẫn giữ nguyên sở thích âm nhạc của mình. Thích hát, cô tự bịa lời cho những điệu nhạc. Không chỉ có vậy, là con gái Hà Nội nên sở thích cũng rất sang: Thích Ka- chiu- sa của hồng quân Liên- xô, thích dân ca Ý trữ tình giàu có, một sở thích rất thanh lịch phản ánh vốn văn hóa, hiểu biết của một cô gái có học vấn. Rồi cô đột ngột hiện ra với sự hồn nhiên đến đáng yêu khi cô gặp cơn mưa đá trên cao điểm: “ Tôi nhảy vào, bỏ trên bàn tay xòe ra của Nho mấy viên đá nhỏ. Lại chạy ra, vui thích cuống cuồng”. Rồi mưa tạnh “ Tôi bỗng thẫn thờ, tiếc không nói nổi”. Vào đúng thời điểm ấy cô bỗng nhớ quay quắt người mẹ của mình, ngôi nhà thân yêu và cả những hình ảnh, kỉ niệm thân thương về thành phố quê hương mình. Mặc dù kháng chiến gay go và ác liệt vậy mà họ vẫn sống một cách tự nhiên, yêu đời lại rất dũng cảm trong chiến đấu. Cô vẫn giữ được những mơ ước về tương lai dẫu biết rằng ngày ấy có thể còn rất xa.

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

**c. Đánh giá**

- Như vậy, bằng hàng loạt các câu trần thuật đơn, câu rút gọn, câu đặc biệt, nhịp ngắt dồn dập, nghệ thuật độc thoại nội tâm, phân tích tâm lí nhân vật độc đáo, tình huống kịch tính, điểm nhìn của tác giả hòa lẫn vào điểm nhìn tâm trạng của nhân vật để tạo nên không khí căng thẳng, hiểm nguy và khắc họa tâm lí Phương Định. Thông qua đó, ta thấy rõ phẩm chất anh dũng, kiên cường của nhân vật. Đó là phẩm chất tiêu biểu cho thế hệ trẻ thời kì kháng chiến chống Mĩ.

**3. Kết bài**

Từ hình tượng Phương Định, Lê Minh Khuê đã khắc họa đậm nét những con người đại diện cho giới trẻ trong thời kì kháng chiến chống Mĩ. Đồng thời qua nhân vật Phương Định, tác giả cũng muốn đề cao vai trò người phụ nữ trong mọi lúc, mọi nơi. Mở rộng ra, tác phẩm còn để lại cho người đọc một bức tranh về con người kháng chiến mà đặc biệt là những cô thanh niên xung phong gan dạ , phi thường. Đọc xong truyện, ba cô gái trong truyện và nhất là Phương Định đã để lại trong em sự cảm phục và quý mến đặc biệt, mà hơn thế nữa, em càng thấy tự hào hơn khi mình là một cô gái và có thể em sẽ trở thành một nữ thanh niên xung phong trong thời kì kinh tế công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

=========================================================

**ĐỀ 96: PHÂN TÍCH NHÂN VẬT PHƯƠNG ĐỊNH TRONG TRUYỆN NGẮN « NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI » CỦA NHÀ VĂN LÊ MINH KHUÊ. Bài tham khảo 2**

**I. Mở Bài**

Hình ảnh những anh bộ đội, những cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn đã đi vào văn chương và trở thành mạch nguồn cảm xúc xuyên suốt văn học một thời. Đó là những người lính lái xe trong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật. *Mảnh trăng cuối rừng* của Nguyễn Minh Châu, Những cô gái mở đường trong *Khoảng trời hố bom* của Lâm Thị Mĩ Dạ… cũng được khơi nguồn từ cảm hứng ấy, truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* của Lê Minh Khuê cũng đem đến cho người đọc những cảm xúc mới mẻ về hình ảnh những nữ thanh niên xung phong trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt. Họ vừa mang vẻ đẹp của những cô gái 18 , đôi mươi hồn nhiên giàu mộng mơ, lại vừa mang vẻ đẹp của người lính giữa chiến trường gan dạ, dũng cảm không sợ hi sinh. In đậm nhất trong tâm trí bạn đọc là hình ảnh nhân vật chính, Phương Định cô Thanh niên xung phong, cô «hoa hậu » trong lòng bom đạn.

**II. Thân bài:**

**1. Khái quát :**

**- Hoàn cảnh sáng tác :** Lê Minh Khuê là nữ nhà văn đã từng có năm tháng tuổi trẻ gắn bó với những con đường Truờng Sơn mưa bom bão đạn từng chứng kiến trải qua và chia sẻ những gian khổ hi sinh của người lính giữa chiến trường. Bởi vậy những trang viết của bà về con người và cuộc sống nơi đây chân thực và xúc động vô cùng. Ở *Những ngôi sao xa xôi* cũng vậy, hiện thực cuộc sống giữa chiến trường và hình ảnh những nữ thanh niên xung phong với cuộc sống gian khổ một thời cứ hiện lên sống động sau từng câu chữ.

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

- Truyện ngắn *Những ngôi sao xa xôi* viết vào năm 1971, giữa lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc diễn ra ác liệt. Tuyến đường Rường Sơn đang là trọng điểm bắn phá của máy bay địch.

- Ấn tượng sâu đậm nhất mà Lê Minh Khuê để lại trong lòng bạn đọc ở Những ngôi sao xa xôi là hình ảnh những con người dũng cảm, có tinh thần trách nhiệm cao, có tình đồng chí, đồng đội sáng ngời, có tâm hồn trong sáng giàu mơ mộng và nhạy cảm. Tất cả những vẻ đẹp ấy được thể hiện tập trung nhât ở nhân vật Phương Định và chủ yếu qua đời sống nội tâm của cô.

**\* Hoàn cảnh sống và chiến đấu đầy gian khổ :**

- Phương Định cùng đồng đội sống và làm việc trong một cái hang dưới chân cao điểm, giữa vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn, nơi tập trung nhiều nhất bom đạn, sự nguy hiểm và ác liệt, từng ngày, từng giờ phải đối mặt với bom rơi, đạn nổ. Có biết bao thương tích vì bom đạn giặc :  « Đường bị đánh lở loét, màu đất đỏ, trắng lẫn lộn. Hai bên đường không có lá xanh chỉ có những thân cây bị tước khô cháy. Những cây nhiều rễ nằm lăn lóc, những tảng đá to. Một vài cái thùng xăng hoặc vài cái thành ô tô méo mó, han gỉ năm trong đất ». Đó là những hiện thực đầy mùi chiến tranh không có màu xanh của sự sống chỉ thấy thần chết luôn rình rập.

- Công việc của các cô đặc biệt nguy hiểm, phải chạy trên cao đểm giũa ban ngày , phơi mình ra giữa vùng trọng điểm đánh phá của máy bay địch để đo và ước tính khối lượng đất đá lấp vào hố bom, đếm những bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom. Nhiệm vụ của họ thật quan trọng nhưng cũng thật gian khổ, hi sinh, mạo hiểm với cái chết, luôn căng thẳng thần kinh, đòi hỏi phải có lòng dũng cảm và sự bình tĩnh hết sức.

**c. Vẻ đẹp của Phương Định:**

- Cuộc sống gian khổ giữa chiến trường ác liệt, công việc đầy nguy hiểm và luôn phải đối mặt với cái chết nhưng PĐ vẫn giữ được sự hồn nhiên, trong sáng của tuổi trẻ, luôn thể hiện tinh thần dũng cảm không sợ hi sinh, lòng lạc quan và tình đồng đội gắn bó sâu sắc. Cô ngời sáng lên vẻ đẹp của chủ nghĩa anh hùng cách mạng trong chiến đấu, vẻ đẹp của thế hệ trẻ VN thời chống Mĩ.

**\* Lí tưởng sống cao đẹp, tinh thần dũng cảm**

- Rời ghế nhà trường phổ thông, PĐ xung phong ra mặt trận , cùng thế hệ của mình «  *Xẻ dọc Trường sơn đi cứu nước, mà lòng phơi phới dậy lai*» để dành độc lập,tự do của tổ quốc. Cô ra đi mà không tiếc tuổi thanh xuân, nguyện dâng hiến hết mình cho đất nước :

*«Ôi Tổ quốc ! nếu cần ta chết*

*Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông »*

- Đối mặt với nguy hiểm, cô và những đồng đội của mình thực sự là những người anh hùng. Phương Định nghĩ về hoàn cảnh sống nơi đây một cách giản dị và cho là có cái thú riêng : *« Có ở đâu như thế này không: Đất bốc khói , không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần. Thần kinh căng như chão, tim đập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà vẫn biết khắp chung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Nhưng nhất định sẽ nổ… »* Công việc phá bom đầy nguy hiểm và phải luôn đối mặt với thần chết được cô kể với giọng điệu bình thản, pha sự hóm hỉnh: *«quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến 5 lần, ngày nào ít 3 lần ».* Thật là biết đùa trước gian khó.

- Đặc biệt , hi sinh mất mát của bản thân cũng được cô coi hết sức nhẹ nhàng : *« Tôi bây giờ vẫn còn một vết thương chưa lành miệng ở đùi. Tất nhiên tôi không vào viện quân y».* nếu không có một cái nhìn lạc quan, một tinh thần dũng cảm như thế thì chắc PĐ không thể nói một cách bình thản như vậy được.

- Cuộc sống nơi chiến trường luôn đối mặt với thử thách nguy hiểm và cái chết đã tôi luyện ở PĐ lòng quả cảm, không sợ hi sinh. Tâm lí PĐ trong một lần phá bom được miêu tả rất cụ thể tinh tế đến từng cảm giác. Khung cảnh và không khí chứa đầy sự căng thẳng nhưng PĐ có nét tâm lí rất con gái. Cảm giác: « Có ánh mắt các chiến sĩ dõi theo mình để rồi sự dũng cảm ở cô như được kích thích bởi lòng tự trọng : *« Tôi đến gần quả bom… Tôi không sợ nữa . Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom trong khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới » .*

- Ở bên quả bom, cận kề với cái chết im lìm và bất ngờ, từng cảm giác của con người cũng trở nên sắc nhọn : *« Thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng nhận thấy tại sao mình lại làm quá chậm. Nhanh lên một tí ! vỏ quả bom nóng, Một dấu hiệu chẳng lành ».* Tiếp đó, là cái giây phút căng thẳng chờ đợi tiếng nổ của quả bom. Phương Định có nghĩ đến cái chết nhưng là « một cái chết mờ nhạt không cụ thể », còn cái chính vẫn là: *« Liệu mìn có nổ, bom có nổ không ? »*

- Đây là một trách nhiệm rất cao trong công việc, là lòng dũng cảm vô song. Có thể khẳng định rằng: Phương Định và những đồng đội của cô thực sự là những người anh hùng nhưng là những anh hùng mà không tự biết. . Chính điều đó, khiến cho nhân vật Phương Định trở nên đáng mến.

**\*. Tính hồn nhiên, tinh nghịch mà mơ mộng của PĐ :**

- Nét nổi bật và cũng là điểm hấp dẫn nhất ở PĐ chính là vẻ đẹp của một tâm hồn trong sáng, hồn nhiên và mơ mộng :

- PĐ là nữ sinh của thủ đô thanh lịch bước vào chiến trường . Cô có một thời HS áo trắng ngây thơ, hồn nhiên và vô tư sống bên mẹ trong một căn buồng nhỏ ở một góc phố yên tĩnh. Những hoài niệm của cô về thời học trò thật đáng yêu, luôn sống trong cô ngay giữa chiến trường dữ dội. Nó vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh căng thẳng khốc liệt của chiến tranh.

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

- Sau những giây phút căng thẳng ở cao điểm, xong việc thở phào chạy vào hang là sà ngay vào một thế giới khác- thế giới con gái với những mộng mơ : « Nằm dài trên nền ẩm, lười biếng nheo mắt nghe nhạc từ cái đài bán dẫn nhỏ, có thể nghe, có thể nghĩ ngợi lung tung »…

- Phương Định mê hát và thích nhiều bài hát : Những bài hành khúc mà bộ đội hay hát trên những ngả đường mặt trận, thích dân ca quan họ mềm mại, thích ngồi bó gối gối mơ mộng trước lời bài hát dân ca ý trữ tình và Ca chiu sa của Hồng quân Liên xô. Thích hát, Phương Định còn bịa lời ra mà hát, ngồi dựa vào thành đá và khe khẽ hát. Rõ ràng thích hát là nét tâm lí của thời đại - cái thời tiếng hát át tiếng bom, nhưng đây cũng là nét cá tính ở Phương Định hé lộ vẻ đẹp phong phú của tâm hồn. Trong tiếng hát, có ý thức về lí tưởng, khao khát về quê hương, tình yêu tuổi trẻ và có cả khát vọng về cuộc sống thanh bình.

- Cũng như bao cô gái mới lớn, Phương Định rất nhạy cảm và quan tâm đến hình thức của mình. PĐ đẹp với *« Hai bím tóc dày tương đối mềm, một cái cổ cao kiêu hãnh như đài hoa loa kèn »* và đôi mắt nâu dài dài hay nheo lại như chói nắng…» Biết mình đẹp, cô thích ngắm mình trong gương, có chút kiêu ngầm khi biết mình được các anh pháo thủ và lái xe thăm hỏi. Cô vui và tự hào về điều đó những không hay biểu lộ tình cảm của mình mà thường tỏ ra kín đáo giữa đám đông. Lê Minh Khuê đã rất tinh tế khi phát hiện ra cái nét tâm lí kiêu ngầm ấy ở PĐ. Đó là cái kiêu ngầm của một cô gái trẻ có ý thức sâu sắc về vẻ đẹp cuộc sống. Chính nét tâm lí rất đời thường, rất con gái này khiến nhân vật Phương Định càng trở nên gần gũi, chân thực và đáng yêu.

- Vẻ đẹp Phương Định ngời sáng nhất khi cơn mưa đá bất ngờ ập đến. Chỉ 1 cơn mưa đá mà bao ngột ngạt căng thẳng , hiểm nguy của chiến trường tan biến , để nhường chỗ cho niềm vui con trẻ òa nở, cuống cuồng : *« Mưa đá ! cha mẹ ơi ! mưa đá ! ».* Trận mưa đá vụt đi qua đánh thức ở Phương Định rất nhiều kỉ niệm và nỗi nhớ về thành phố, quê hương, về gia đình, về tuổi thơ thanh bình của mình. Sau cái say sưa của niềm vui con trẻ là nỗi nhớ da diết không nguôi. Nhớ rất nhiều: Người mẹ, cái cửa sổ ngôi nhà, những ngôi sao to trên bầu trời thành phố, cái cây, vòm trời của nhà hát, tiếng rao của bà bán xôi…Tất cả vừa rõ ràng, vừa mờ ảo, vừa đồng hiện, vừa vụt hiện trong tâm trí ; vừa gần gũi, vừa xa xôi. Những hoài niệm làm dịu cơn khát, những cơn khát cháy lòng, những hi vọng xa xôi. Tất cả ào đến, xoáy mạnh cũng mãnh liệt, dữ dội như cơn mưa đá. Tất cả làm thành hành trang tâm hồn của cô TNXP, tiếp cho cô sức mạnh, thắp cho cô niềm tin và tỏa sáng vẻ đẹp của người chiến sĩ Trường Sơn.

**\* Tình đồng chí, đồng đội nồng ấm**

- Cô luôn yêu thương trìu mến và quan tâm đến đồng đội. Cô lo lắng cho chị Thao và Nho lên cao điểm chưa về đến nỗi « nói như gắt vào máy » khi đại đội trưởng hỏi tình hình. Cô hiểu chị Thao và Nho như biết về chị em ruột thịt. Đó là chị Thao thì hay sợ máu và vắt nhưng khi làm việc lại rất dũng cảm. Trong công việc, ai cũng gờm chị bởi sự bình tĩnh, cương quyết, táo bạo. Với Nho cô em út của tổ trinh sát thì Phương Định rất muốn bế trên tay. *« Trông nó mát mẻ như một que kem trắng »*. Biết bao trìu mến, yêu thương trong cái nhìn ấy. Khi Nho bị thương, cô vỗ về và chăm sóc như một nữ y tá thực thụ: moi đất bé Nho lên, rưả cho Nho bằng nước đun sôi, tiêm cho Nho rồi pha sữa trong cái ca sắt… Đặc biệt, cô dành tình yêu và niềm cảm phục cho tất cả các chiến sĩ mà cô gặp ngày đêm trên con đường ra mặt trận. Với cô *« Những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục có ngôi sao trên mũ».*

=> Tình đồng chí, đồng đội của Phương Định thật thiêng liêng, cao cả. Chính điều đó đã tiếp thêm sức mạnh cho cô để cô hoàn thành tốt nhiệm vụ cùa mình.

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

**d. Đánh giá**

- Có thể nói, xây dựng nhân vật Phương Định, Lê Minh Khuê đã chọn được phương thức trần thuật hợp lí khi nhà văn đặt điểm nhìn vào nhân vật chính của mình để nhân vật tự kể chuyện. Nhờ vậy, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật tâm lí Phương Định đạt đến độ tinh tế nhất. Ngôn ngữ trần thuật qua nhân vật chính làm cho tác phẩm có giọng điệu, ngôn ngữ trẻ trung, đậm chất nữ tính. Lời kể linh hoạt, cùng câu ngắn, nhịp nhanh tạo không khí chiến trường. Nhịp kể có lúc chậm lại khi hồi tưởng như gợi nhớ kỉ niệm của tuổi thơ êm đềm… Tất cả góp phần tạo nên một nhân vật chính nhân vật Phương Định thật như ở ngoài đời và một Phương Định rất Hà Nội.

=> Qua dòng suy nghĩ và tâm trạng của nhân vật Phương Định, cuộc sống chiến đấu của các cô thanh niên xung phong được tái hiện đầy đủ, chân thực và sinh động với vẻ đẹp tỏa sáng. Hình tượng về những nữ thanh niên xung phong Trường Sơn không hiếm trong văn học chống Mĩ, song với sáng tạo riêng của mình, Lê Minh Khuê trong *«Những ngôi sao xa xôi »* đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng, giàu mơ mộng, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ, sự hi sinh nhưng cũng rất lạc quan của họ. Đó là hình ảnh đẹp, tiêu biểu cho thế hệ trẻ VN đã sống và chiến đấu, hi sinh tuổi hanh xuân của mình cho tổ quốc thân yêu:

*« Có biết bao người con gái, con trai*

*Trong bốn ngàn lớp người giống ta lứa tuổi*

*Họ đã sống và chết*

*Giản dị và bình tâm*

*Không ai nhớ mặt đặt tên*

*Nhưng họ đã làm ra đất nước »*

( *Đất nước - Nguyễn Khoa Điềm)*

Hay: Trong bài thơ « Khoảng trời hố bom » của nhà thơ Lâm Thị Mĩ Dạ từng viết : *“Đêm đêm tâm hồn em tỏa sáng*

*Những vì sao ngời chói lung linh”*

*( Khoảng trời hố bom- Lâm Thị Mĩ Dạ)*

**3. Kết bài** :

Với cách kể chuyện linh hoạt, ngôn ngữ miêu tả tinh tế, sinh động, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sâu sắc, đặc biệt lựa chọn ngôi kể phù hợp, Lê Minh Khuê đã rấ thành công trong việc thể hiện hình ảnh những cô TNXP thời kháng chiến chống Mĩ với nhiều phẩm chất cao đẹp. Truyện Ngắn “ Những ngôi sao xa xôi” đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ hi sinh nhưng rất hồn nhiên lạc quan của các cô . Hình ảnh những nữ anh hùng trên tuyến lửa năm xưa gợi nhắc chúng ta - những người hiện đại hôm nay phải sống sao cho xứng với những đóng góp hi sinh của họ.

*==================================================*

**ĐỀ 97: HÌNH ẢNH THẾ HỆ TRẺ VIỆT NAM TRONG TRUYỆN NGẮN « NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI » CỦA NHÀ VĂN LÊ MINH KHUÊ.**

**1. Mở bài**

Đường Trường Sơn đông nắng, tây mưa, một cái tên thôi cũng gợi cho ta về một thời chiến tranh oanh liệt, gợi nhớ về những đoàn xe ra trận vì miền Nam thân yêu trong những năm tháng đánh Mĩ. Viết về những ngày tháng tháng gian khổ ấy, LMK- một cây bút nữ chuyên viết truyện ngắn đã góp không ít tác phẩm viết về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ ở tuyến đường Trường Sơn. NNSXX là tác phẩm đầu tay của bà để lại nhiều ấn tượng nhất trong lòng bạn đọc. Truyện giúp ta hiểu hơn về cuộc sống chiến đấu của những cô TNXP. Và đấy cũng là những chân dung đẹp, sinh động tiêu biểu cho vẻ đẹp tâm hồn thế hệ trẻ VN trong những năm kháng chiến chống Mĩ.

**2. Thân bài**

**a. Khái quát**

Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê được sáng tác năm 1971 – thời điểm cuộc kháng chiến chống Mĩ đang diễn ra vô cùng ác liệt. Truyện kể về cuộc sống, chiến đấu của ba cô gái Nho, Thao, Phương Định để từ đó làm nổi bật vẻ đẹp của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến lửa Trường Sơn, vẻ đẹp của thế hệ trẻ VN thời kì chống Mĩ cứu nước.

**b. Phân tích truyện**

- Một trong những lực lượng nòng cốt của đất nước tham gia “ Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước ” là những thanh niên thời đánh Mĩ. Họ gồm ba cô gái, tuổi đời còn rất trẻ, làm thành tổ trinh sát mặt đường. Họ sống trong một cái hang dưới chân cao điểm thuộc một trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn . Ở đây, *“Đường bị đánh lở loét, màu đất đỏ trắng lẫn lộn, hai bên đường không có lá xanh, chỉ có những thân cây bị tước khô cháy”.* Một sự thực khô khốc đầy mùi chiến tranh, nó đã tàn phá tất cả một cách khốc liệt.

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

- Công việc cụ thể của ba cô gái trên cao điểm là quan sát địch ném bom, đo khối lượng đất đá phải san lấp do bom mìn gây ra, đánh dấu vị trí những trái bom chưa nổ, nếu cần thì phá bom. Đó là công việc hết sức nguy hiểm vì phải chạy thường xuyên trên cao điểm giữa ban ngày và máy bay địch có thể ập tới bất cứ lúc nào. Họ chạy trên cao điểm mà vẫn biết rằng xung quanh có nhiều quả bom chưa nổ, có thể nổ bây giờ, có thể chốc nữa. Cuộc sống chiến đấu đầy gian lao, vất vả như vậy làm cho ta cảm phục hơn những con người dũng cảm, đạp bằng nguy hiểm dành lại độc lập, tự do cho dân tộc.

- Phương Định, Nho, Thao những cô gái trẻ nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của tổ quốc, họ tình nguyện rời mái trường, gác lại ước mơ của tuổi trẻ, cầm súng chiến đấu, không tiếc máu xương để thực hiện lí tưởng cao đẹp:

*“ Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*

*Mà lòng phơi phới dậy tương lai”*

- Qua thực tế chiến đấu, cả ba cô gái đều có tinh thần trách nhiệm cao với công việc, lòng dũng cảm, gan dạ, không sợ gian khổ hi sinh. Mặc dù còn rất trẻ, luôn phải đối mặt với mưa bom bão đạn, họ có thể hi sinh bất cứ lúc nào, nhưng để con đường Trường Sơn luôn thông suốt cho các binh đoàn tiến ra mặt trận nên các cô luôn sẵn sàng: Có lệnh là lên đường, làm việc một cách tự nguyện, luôn nhận khó khăn nguy hiểm về mình. Khi đối mặt với nguy hiểm, các cô có nghĩ đến cái chết, “nhưng là một cái chết mờ nhạt” mà điều quan trọng mìn có nổ, bom có nổ không?

- Trong mọi trường hợp, họ luôn bình tĩnh can đảm. Nói đến công việc phá bom, các cô nói với giọng bình thản: “ quen rồi” một ngày phá từ ba đến năm lần. Khi phá thì cứ đàng hoàng mà bước tới “ không đi khom nữa”, không hề run sợ mà bình tĩnh đặt dây châm, tính toán sao cho chính xác. Chính tinh thần trách nhiệm với công việc đã khiến họ làm việc một cách chính xác đến như vậy . Bởi hơn ai hết họ hiểu rất rõ chỉ cần một quả bom còn sót lại là đồng nghĩa với sự hi sinh, mất mát của đồng đội làm chậm bước tiến của đoàn quân nam tiến.

- Ở họ còn có tình đồng đội keo sơn gắn bó. Họ hiểu được tính tình sở thích của nhau, quan tâm nhau rất chu đáo. PĐ bồn chồn, lo lắng khi chị Thao và Nho ở ngoài cao điểm. Khi Nho bị thương, PĐ và chị Thao lo lắng. Định rửa vết thương, băng bó cho Nho, tiêm cho Nho và cho cô uống sữa... Cô chăm sóc cho Nho như chị em ruột thịt và cảm thấy đau hơn người bị thương. Chính sự chu đáo và yêu thương của những người đồng đội giúp các cô vơi đi nỗi nhớ nhà, quên đi gian khổ, nhọc nhằn trong cuộc sống nơi chiến trường.

- Sau những giờ chiến đấu đầy căng thẳng họ lại trở về hang , cái cuộc sống trong hang mới dễ chịu làm sao. Họ thoải mái nằm nghe nhạc, uống nước suối pha đường. Cuộc sống tuy tạm bợ nhưng đó là giây phút nghỉ ngơi hiếm có giữa hai trận chiến . Ở trong hang, cuộc sống của họ lại bình yên như chưa hề có chuyện gì xảy ra. Họ sống bình thản mơ mộng và thích làm đẹp cho mình. Đặc biệt là thích hát và nghe đài mỗi khi rảnh rỗi. Tiếng hát của họ thực sự là tiếng hát át tiếng bom, hồn nhiên mà anh hùng.

- Đọc Truyện *« những ngôi sao xa xôi »* ta thấy ở những cô thanh niên xung phong này đều có chung một phẩm chất: tinh thần trách nhiệm cao với công việc, hành động dũng cảm, bât chấp gian khổ hi sinh, tình đồng đội keo sơn gắn bó, sống giữa khói bom đạn lửa nhưng ở các cô không mất đi nét hồn nhiên mơ mộng, tinh thần lạc quan, yêu đời. Song mỗi cô lại có nét cá tính rất khác nhau. Ấn tượng đầu tiên là Nho, bé nhỏ và ít tuổi nhất.

- Cô thích thêu thùa, thích ăn kẹo và làm nũng hai cô chị. Trông cô trắng trẻo, mát mẻ như que kem, mỗi khi ở dưới suối lên. Tưởng rằng Nho yếu đuối nhưng khi phá bom cô cũng thật dũng cảm.

- Chị Thao lớn tuổi hơn, tổ trưởng. Ít nhiều chị cũng từng trải hơn và những ước mơ về tương lai cũng thiết thực hơn nhưng cũng không thiếu những khao khát và những rung động của tuổi trẻ. Chị hát không hay nhưng rất chăm chép bài hát, chép cả những bài mà PĐ bịa lời. Áo lót của chị cái nào cũng thêu chỉ màu, chị hay tỉa lông màay, lông mày chị lúc nào cũng tỉa nhỏ như cái tăm. Chị có đặc điểm rất sợ máu và vắt, hễ nhìn thấy là mặt chị tái mét. Song người tổ trưởng ấy lại rất bình thản, thong thả nhai bích quy trước tiếng máy bay trinh sát rè rè trộn lẫn tiếng gầm gào và tiếng dội bom của phản lực. Trên cao điểm, chị phá bom cương quyết táo bạo đến đáng gờm.

- Phương Định cũng như Nho, hồn nhiên, mơ mộng và dũng cảm. Đây là cô gái Hà Nội, lúc rảnh rỗi cô thường hát, ngồi bó gối mơ mộng hoặc nghĩ lung tung. Cô mê hát: “thường cứ thuộc một điệu nhạc nào đó rồi bịa ra lời mà hát”, cô thích nhiều bài, thích những bài hành khúc bộ đội, thích dân ca quan họ, thích Ca chiu sa... Mơ mộng là thế nhưng khi vào trận thì chiến đấu gan dạ, kiên cường chẳng kém gì mấy chị em. Mỗi ngày cô phá tới 5 quả, ít nhất là 3. Mỗi lần phá là một cảm giác khác nhau: căng thẳng, hồi hộp nhưng PĐ đều vượt lên để chiến thắng những quả bom lì lờm chứa trong mình thần chết khủng khiếp.

- Phương Định, Nho, Thao là những hình ảnh cho thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mĩ cứu nước anh hùng. Ba nữ thanh niên xung phong trong những trang văn xuôi trữ tình êm mượt của Lê Minh Khuê gieo vào lòng người đọc ấn tượng khó quên về hình ảnh những nữ anh hùng một thời trên con đường Trường Sơn huyền thoại. Chiến công của các chị khiến cho “ *Người đời sau*” không khỏi ngỡ ngàng:

*“ Hỏi em bao nhiêu tuổi mà sức em phi thường”*

**c. Đánh giá:**

- Có thể nói, xây dựng nhân vật Phương Định, Lê Minh Khuê đã chọn được những phương thức trần thuật hợp lí khi nhà văn đặt điểm nhìn vào nhân vật chính của mình để nhân vật tự kể chuyện. Nhờ vậy, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật – tâm lí Phương Định đạt đến độ tinh tế nhất. Ngôn ngữ trần thuật qua nhân vật chính làm cho tác phẩm có giọng điệu, ngôn ngữ tự nhiên gần với khẩu ngữ, trẻ trung, nữ tính. Lời kể linh hoạt, cùng câu ngắn dài, nhịp nhanh tạo không khí chiến trường, nhịp kể chậm lại khi hồi tưởng như gợi nhớ kỉ niệm của tuổi thơ êm đềm… Tất cả góp phần tạo nên một nhân vật chính- một Phương Định thật như ở ngoài đời và một Phương Định rất Hà Nội.  
  
**3. Kết bài**

Với cách kể chuyện linh hoạt, ngôn ngữ miêu tả tinh tế, sinh động, nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sâu sắc, đặc biệt lựa chọn ngôi kể phù hợp, Lê Minh Khuê đã rấ thành công trong việc thể hiện hình ảnh những cô TNXP thời kháng chiến chống Mĩ với nhiều phẩm chất cao đẹp. Truyện Ngắn “ Những ngôi sao xa xôi” đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ hi sinh nhưng rất hồn nhiên lạc quan của các cô . Hình ảnh những nữ anh hùng trên tuyến lửa năm xưa gợi nhắc chúng ta - những người hiện đại hôm nay phải sống sao cho xứng với những đóng góp hi sinh của họ.

==============================================================

**ĐỀ 98: CẢM NHẬN CỦA EM VỀ NHÂN VẬT PHƯƠNG ĐỊNH QUA TRUYỆN NGẮN “ NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI” CỦA NHÀ VĂN LÊ MINH KHUÊ. ( Bài tham khảo 3)**

**I. Mở bài**

**Cách 1**

Lê Minh Khuê là nhà văn trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ. Bà được đánh giá là cây bút độc đáo với những tác phẩm truyện ngắn. Ngòi bút của nhà văn luôn hướng về cuộc sống chiến đấu trong bom đạn của tuổi trẻ trong thời kỳ bấy giờ, đặc biệt là những người anh hùng thầm lặng trên tuyến đường Trường Sơn. *“Những ngôi sao xa xôi”* cũng là một trong những tác phẩm điển hình của nhà văn về đề tài này. Tác phẩm ngợi ca tinh thần dũng cảm của những cô gái thanh niên xung phong – tiêu biểu cho thế hệ trẻ trong những năm tháng kháng chiến chống Mỹ, đồng thời cũng thể hiện vẻ đẹp trong sáng cùng với tình đồng đội thắm thiết của những cô gái trẻ, điển hình là nhân vật Phương Định. Phương Định mang những nét đẹp trong tâm hồn của những cô gái đã chiến đấu hết mình cho tổ quốc.

**Cách 2**

Viết về những nẻo đường Trường Sơn và hình ảnh người thanh niên xung phong trong những năm đánh Mĩ, không chỉ có những bài thơ, bài hát ca ngợi những chiến sĩ lái xe hay những cô gái mở đường trong trang thơ của Lâm Thị Mĩ Dạ mà còn có những câu chuyện đầy cảm phục viết về những cô gái thanh niên xung phong, những cô trinh sát mặt đường, những cô chuyên phá bom nổ chậm mở đường cho xe qua. Những cô gái trẻ ấy đã được Lê Minh Khuê kể lại và khắc hoạ qua truyện ngắn *“Những ngôi sao xa xôi”.* Ba cô gái trẻ là những ngôi sao xa xôi trên cao điểm Trường Sơn. Nối bậc lên trong ba nữ thanh niên trẻ tuổi kiên cường là nhận vật Phương Định, một cô gái trẻ đất Hà Thành.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

- Tác phẩm được sáng tác vào năm 1971, khi cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc diễn ra hết sức gay go và ác liệt. Nội dung truyện kể về 3 cô gái thanh niên xung phong Nho, Thao, Phương Định với công việc rất khó khăn và nguy hiểm : phá bom nhưng họ vẫn lạc quan, yêu đời và có tinh thần trách nhiệm cao. Nổi bật trong số đó là Phương Định với những phẩm chất và tính cách đáng yêu, đáng mến.

**2. Cảm nhận về nhân vật Phương Định**

- Trước hết, nhân vật Phương Định tạo cảm tình đầu tiên cho người đọc **bởi vẻ trẻ trung, xinh đẹp của một cô gái mới lớn.** Cô là người nhạy cảm và luôn quan tâm đến hình thức của mình. Cô đến với người đọc bằng lời tự giới thiệu thật dễ mến: *“Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm””.*

- Đúng là một cô gái đẹp, một vẻ duyên dáng, đầy nữ tính và có chiều sâu của một cô gái thị thành. Cô cũng biết mình đẹp và được nhiều chàng trai để ý. Điều đó khiến cô vui và tự hào nhưng dù nhạy cảm cô cũng không để lòng xao động. Cô biết vẻ đẹp ấy của cô đã hấp dẫn bao chàng trai*: "Các anh pháo thủ và lái xe hay hỏi thăm tôi*” nên cô không *“ săn sóc vội vã”* với các anh bộ đội mà thường đứng ra xa khoanh tay trước ngực và nhìn đi nơi khác. Điều đó làm Phương Định tự hào nhưng điều đặc biệt là cô chưa dành riêng tình cảm cho ai.

=> Đó là **vẻ đẹp kiêu kì** đáng yêu của một cô gái Hà Nội như chính cô đã từng thú nhận: Chẳng qua là cô chỉ điệu thế thôi. Ai mà có thể ghét được một chút điệu như thế của một cô gái đẹp trước chiến trường ác liệt.

- Ngoài là một cô gái đẹp có dáng vẻ kiêu kì, nữ tính ra thì Phương Định còn là một cô thanh niên xung phong gan dạ, anh hùng. Sinh ra và lớn nên ở thủ đô Hà Nội, có lẽ cô dễ dàng chiếm lấy một chỗ ngồi ở giảng đường đại học, xung quanh cô tíu tít là bạn bè áo trắng. Nhưng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mĩ đã cướp đi sự bình yên của đất nước. Bác Hồ đã từng kêu gọi dù có phải hi sinh tới đâu, dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành được độc lập. Nghe theo tiếng gọi thiêng liêng đó, những lớp thanh niên mang trong mình dòng máu của bà Trưng, bà Triệu, bao chàng trai cô cô gái như Phương Định khát khao được cống hiến cho đất nước, họ ra đi với khí thế quyết tâm

“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước.

Mà lòng phơi phới dậy tương lai”

Hay *“đánh cho Mĩ cút, đánh cho ngụy nhào”* để giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

**Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây**

- Phương Định cùng những người bạn của mình sống và chiến đấu trên một cao điểm, giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn. Phương Định phải chạy trên cao điểm đánh phá của máy bay địch. Sau mỗi trận bom, chị cùng đồng đội phải lao ra trọng điểm, đo và ước tính khối lượng đất đá bị bom địch đào xới, đếm những quả bom chưa nổ và dùng những khối thuốc nổ đặt  vào cạnh nó để phá. Đó là công việc mạo hiểm với cái chết luôn gần kề tạo áp lực khiến thần kinh vô cùng căng thẳng. Thực hiện công việc đó, Phương Định và đồng đội phải rất bình tĩnh và họ đã thực sự bình tĩnh, ung dung một cách lạ thường. Thậm chí, với họ, công việc ấy đã trở thành bình thường. Hãy nghe cô kể về công việc của tổ mình:“Việc của chúng tôi là ngồi đây. Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom”.

- Trên cao điểm trống trơn, cô và các bạn phải chạy giữa ban ngày, phơi mình ra giữa vùng trọng điểm đánh phá của máy bay địch. Từng phút, từng giây phải đối diện với cái chết mà “thần chết là một tay thích đùa”.Cô luôn sống trong không khí ác liệt của chiến trường “đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần, thần kinh căng như chão, tim dập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà không biết rằng khắp xung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thê nổ bây giờ, có thể nổ chốc nữa. Nhưng nhất định sẽ nổ…” Giản dị lắm mà cũng anh hùng lắm thay, cái cô tiểu thư Hà Nội ấy!

- Chiến tranh và đạn bom gịặc Mĩ đã làm cô lớn lên, trở thành dũng sĩ mạnh mẽ mà cô không hề biết. Thật đáng khâm phục! Thần chết do kẻ thù némxuống đang nằm chờ chực ở mọi nơi chờ phút ra tay. Cô và các bạn phải ra tay trước nó, phải tiêu diệt nó. Cô phải nhanh hơn, mạnh hơn nó, không dược phép chậm trễ một giây! Cô nghĩ: “Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một chút! vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng…”.

- Thật đáng sợ cái công việc chọc giận thần chết đó! Ai dám chắc rằng nó sẽ không nổ ngay bây giờ, lúc Phương Định đang hí húi đào đào bới bới khoả đất rồi chạy lại chỗ ẩn lấp của mình: “liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai…”. Cái công việc khủng khiếp bóp nghẹt trái tim ấy không chỉ đến một lần trong đời mà đang hằng ngày: “Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể ”.

- Cảm xúc và suy nghĩ chân thật của cô đã truyền sang cho người đọc nỗi niềm đồng cảm yêu mến và sự kính phục. Một cô nữ sinh nhỏ bé, hồn nhiên, giàu mơ mộng và nhạy cảm mà cũng thật dũng cảm, gan dạ, anh hùng. Thật xứng đáng với những kỳ tích đã khắc ghi trên những tuyến đường Trường Sơn bi tráng.

- Phương Định không những là một cô gái dũng cảm mà là một cô gái có yêu quý trái tim nhân hậu giàu tình yêu thương. Giữa chiến trường ác liệt, tấm lòng Phương Định luôn dành cho đồng đội, yêu quý những anh bộ đội có ngôi sao trên mũ. Cô luôn yêu thương, lo lắng quan tâm tới đồng chí của mình đặc biệt là hai người bạn gái cùng tổ. Chị Thao ngã, cô đỡ dậy. Nho bị thương “máu túa ra” thấm vào đất cô *“bế Nho đặt lên đùi”* băng rửa vết thương cho bạn, cử chỉ cẩn thận, biết bao trìu mến. Dường như lúc ấy không còn một Phương Định điệu hay làm dáng nữa mà đã nhường chỗ cho một Phương Định khác xuất hiện: nhanh nhẹn, tháo vát và giành tình yêu cho đồng đội. Nhìn Phương Định chăm sóc đồng đội thành thạo như một y tá, ta càng cảm thấy Phương Định là một cô gái đảm đang, thích ứng nhanh với hoàn cảnh chiến trường. Tình cảm của cô với đồng đội mãi làm ta cảm động.

- Và cũng như bao cô gái trẻ khác, **Phương Định còn là cô gái hồn nhiên, mơ mộng, lạc quan yêu đời, và đặc biệt cô rất thích ca hát**. Vào chiến trường đã ba năm, luôn phải đối mặt với không khí, nguy hiểm nhiều khi cái chết cận kề nhưng ở cô không hề mất đi sự lạc quan, hồn nhiên, trong sáng, yêu đời. Cô vẫn giữ nguyên sở thích yêu âm nhạc. Hồi ở nhà, cô hát say mê, có lúc hát ầm ĩ đến nỗi làm ông hàng xóm mất ngủ. Có lần hát say sưa đến nỗi suýt ngã lăn nhào từ cửa sổ gác hai xuống đất. Cô đem lòng say mê ca hát đó vào chiến trường Trường Sơn ác liệt. Cô thích hát những hành khúc bộ đội, những bài dân ca quan họ, ca chiu sa của Hồng quân liên xô, dân ca ý …

- Giọng hát của Phương Định chắc là hay lắm chẳng thế mà chị Thao tổ trưởng vẫn hay yêu cầu cô hát. Cô hát trong những khoảnh khắc im lặng trong các trận đánh, hát ngay khi máy bay trinh sát rè rè trên đầu, hát cả khi bom nổ. Tiếng hát say sưa của cô thực sự đã ” át tiếng bom” phải thực sự là cô gái giàu bản lĩnh, hồn nhiên, lạc quan cô mới có thể cất lên những tiếng hát đó ta hiểu dù giặc tàn bạo bao nhiêu, dù muốn hủy diệt cả sự sống nhưng làm sao ngăn được lòng lạc quan yêu đời, vô tư, hồn nhiên của các cô gái trẻ như Phương Định. Ngoài hát ra Phương Định còn có tài bịa ra lời bài hát nữa. Chị Thao đã ghi vào vở cả những lời hát cô bịa ra đấy. Qua phân tích, ta thấy Phương Định hiện ra trước mắt là một cô gái trẻ trung, thông minh, tinh nghịch, nhiều mơ mộng. Cô gái ấy mới đáng yêu làm sao!

- **Nét hồn nhiên** đáng yêu của Phương Định còn được thể hiện khi cô gặp cơn mưa đá trên cao điểm. Cô vui thích cuống cuồng như chưa hề có bom rơi đạn nổ.

- Trận mưa đá bất ngờ đã kéo cô về với tuổi thơ ngày nào. Một cô học trò hồn nhiên mơ mộng hay làm nũng mẹ. Một căn nhà nhỏ ở một đường phố yên tĩnh. Nơi ấy là một xứ sở thần tiên có hàng cây bốn mùa thay lá những ngọn đèn trên Quảng Trường lung linh như những ngôi sao trong câu truyện cổ tích, hoa trong công viên, tiếng giao của bà bán xôi sáng có cái mũ đội trên đầu…

=> Những kỉ niệm ấy luôn luôn sống lại trong cô ngay giữa chiến trường ác liệt. Nó vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh khốc liệt của chiến tranh, chiến tranh ngỡ như lùi xa trong giây phút bình yên của những mơ mộng ấy ngay giữa chiến trường ác liệt mà Phương Định vẫn có được nét hồn nhiên vô tư thật đáng khâm phục. Vậy nên có thể nói Phương Định là một hình ảnh đẹp tiêu biểu cho vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mĩ.

**3. Đánh giá, mở rộng**

**a. Đánh giá**

Với nghệ thuật kể chuyện sinh động, xây dựng nhân vật thành công, ngôn ngữ giàu hình ảnh, truyện*“Những ngôi sao xa xôi”* của Lê Minh Khuê đã tái hiện chân thực, xúc động cuộc sống chiến đấu gian khổ mà hào hùng của dân tộc ta trong cuộc kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Phương Định và đồng đội của cô là những ngôi sao xa mà gần của một thời oanh liệt- một thời không thể nào quên của dân tộc. Những cô gái ấy đã đóng góp một phần không nhỏ vào chiến công kì diệu của đất nước. Đọc truyện ta càng khâm phục tự hào vì thế hệ cha anh đi trước không tiếc xương máu của mình để bảo vệ đất nước. Câu chuyện còn làm chúng ta suy nghĩ về lí tưởng, ý chí và mục đích sống của chúng ta hôm nay. Tuy không phải đối mặt với mũi tên, hòn đao như Phương Định nhưng chúng ta phải đối diện với không ít thử thách của cuộc sống mới*.* ***“Những ngôi sao xa xôi”* sẽ giúp chúng nhìn nhận cuộc sống tốt hơn và có lẽ sống đúng đắn hơn**

**b. Mở rộng**

Hình ảnh những cô thanh niên xung phong trong “*Những ngôi sao xa xôi”* khiến ta liên tưởng đến hình ảnh của các cô gái thanh niên xung phong, trong thơ Phạm Tiến Duật (Trường Sơn Đông - Trường Sơn Tây; Gửi em, cô gái thanh niên xung phong) hay Lâm Thị Mỹ Dạ (Khoảng trời - hố bom),…Họ là những đóa hoa thơm dâng cho đời mật ngọt. Họ sống mãi trong lòng bạn đọc. Vẻ đẹp tâm hồn của họ sẽ tỏa sáng giống như những vì sao lấp lánh trên bầu trời Việt Nam.

**III. Kết bài**

Truyện “*Những ngôi sao xa xôi”* của Lê Minh Khuê đã làm sống lại trong người đọc hình ảnh tuyệt đẹp của những cô gái thanh niên xung phong thời kháng chiến chống Mỹ hồn nhiên, lạc quan nhưng cũng đầy tinh thần quả cảm mà tiêu biểu là nhân vật Phương Định- một ngôi sao bé nhỏ nhưng luôn tỏa sáng:

Em là người thanh niên xung phong

Không có súng, chỉ có đôi vai cáng thương, tải đạn

Giữa tầm đạn thù, tấm lòng dũng cảm

Em vượt đường dài tiếp thêm lửa tiến công.

(Những bông hoa trên tuyến lửa, Đỗ Trung Quân)

Để ta thêm yêu mến và tự hào về họ. Từ đó, ta học tập tinh thần xung phong đi dầu trong công cuộc xây dựng đất nước hôm nay.

===============================================================

**ĐỀ 99: CẢM NHẬN VỀ VẺ ĐẸP TÂM HỒN CỦA NHỮNG CÔ GÁI THANH NIÊN XUNG PHONG TRONG TRUYỆN NGẮN « NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI » CỦA NHÀ VĂN LÊ MINH KHUÊ.**

**I. Mở bài**

Lê Minh Khuê là nhà văn có sở trường về truyện ngắn với ngòi bút miêu tả tâm lí tinh tế, sắc sảo, đặc biệt là tâm lý nhân vật phụ nữ. Những tác phẩm của Lê Minh Khuê đều viết về cuộc sống chiến đấu của nữ thanh niên xung phong và bộ đội trên tuyến đường Trường Sơn. Một trong những tác phẩm của Lê Minh Khuê để lại ấn tượng sâu sắc trong lòng người đọc là truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” truyện viết năm 1971 lúc cuộc chiến kháng chiến chống Mỹ đang diễn ra ác liệt, truyện viết về ba cô gái tổ trinh sát mặt đường, nổi bật nhất là hình ảnh nhân vật Phương Định với tâm hồn trong sáng, lạc quan, hồn nhiên và dũng cảm trong cuộc sống đầy gian khổ.

**Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây**

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

*“Những ngôi sao xa xôi”* được Lê Minh Khuê viết vào năm 1971, khi ấy nước ta đang trải qua cuộc kháng chiến chống Mĩ ác liệt. Tác phẩm đã ghi lại một cách chân thực nhất đời sống của các cô gái thanh niên xung phong sống và chiến đấu trên tuyến đường Trường Sơn đầy bom đạn. Thông qua đó, chúng ta thấy được cuộc chiến tranh kia ác liệt đến nhường nào và những cô gái nhỏ bé mạnh mẽ, gan dạ đến thế nào. Dù sống trong cảnh chiến tranh và phải đối diện với rất nhiều hiểm nguy nhưng họ vẫn luôn giữ vững được tinh thần lạc quan, hồn nhiên, yêu đời. Họ là đại diện cho một thế hệ thanh niên Việt Nam nhiệt huyết, sôi nổi sẵn sàng hy sinh vì Tổ quốc.

**2. Phân tích**

**a.Vẻ đẹp chung của ba cô gái**

- Nhẹ nhàng như tâm hồn phụ nữ của mình, Lê Minh Khuê đi tìm những vẻ đẹp ẩn khuất và phát hiện ra vẻ đẹp ẩn sâu ở những nữ thanh niên xung phong trong cuộc sống đời thường và trong chiến đấu. Câu chuyện kể về ba nữ thanh niên xung phong làm nhiệm vụ trinh sát mặt đường gồm Thao, Phương Định và Nho. Công việc của họ là quan sát tọa độ ném bom của địch, kiểm tra đo đạc các hố bom, san lấp mặt đường và nếu cần sẽ phá bom nổ chậm. Đó là một công việc vất vả và vô cùng hiểm nguy, trong khi ba cô gái có tuổi đời rất trẻ.

**- Ở ba cô gái trẻ có những phẩm chất chung của người chiến sĩ kiên trung, bất khuất**. Họ là những cô gái còn rất trẻ, tuổi đời mười tám đôi mươi. Nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, họ rời xa gia đình, xa mái trường, tình nguyện vào cái nơi mà sự mất còn chỉ diễn ra trong gang tấc. Họ hi sinh tuổi thanh xuân và không tiếc máu xương, thực hiện lí tưởng cao đẹp: “*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước/ Mà lòng phơi phới dậy tương lai”.*

- Qua thực tế chiến đấu, cả ba cô gái đều có tinh thần trách nhiệm vô cùng cao trong công việc của mình*.* Mặc dù còn rất trẻ, luôn phải đối mặt với bom rơi, đạn nổ, họ có thể hi sinh bất cứ lúc nào, nhưng để con đường được thông suốt nên các cô luôn sẵn sàng trong việc ra trận. Có lệnh là lên đường bất kể trong tình huống nào.

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

- Họ làm việc một cách tự nguyện, luôn nhận khó khăn, nguy hiểm về mình*:“Tôi một quả bom trên đồi. Nho hai quả dưới lòng đường. Chị Thao một quả dướicái chân hầm ba – ri – e cũ”.* Đối mặt với hiểm nguy, các cô cũng nghĩ đến cái chết nhưng là “*một cái chết mờ nhạt không cụ thể”* quan trọng là “*liệu mìn có nổ, bom có nổ không?*”. Như thế họ đã đặt công việc lên trên cả tính mạng của mình.

**-** Mặc khác, họ bình tĩnh, can trường và có tinh thần dũng cảm. Những lúc căng thẳng nhất, chị Thao móc cái bánh bích quy trong túi ra nhai. Họ nói đến công việc phá bom với giọng điệu bình thản*: “Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần”.* Khi phá bom, bước tới những quả bom chưa nổ, họ không đi khom mà cứ đường hoàng, thẳng lưng bước tới. Đối mặt với cái chết, các cô không hề run sợ mà bình tĩnh moi đất, đặt dây,châm lửa, tính toán sao cho chính xác.

**- Ở ba cô gái còn có tình đồng đội, đồng chí keo sơn, thắm thiết.** Ba người bọn họ như ba chị em mặc dù họ không được sinh ra trong cùng một gia đình, nhưng từ khi họ cùng nhau vào sinh ra tử trên tuyến đường Trường Sơn đầy bom đạn và đầy hiểm nguy đã giúp họ ngày càng gắn kết với nhau và dần trở thành các chị em vô cùng thân thiết với nhau. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi được nghỉ ngơi, họ luôn vui đùa cùng nhau. Nhưng khi ra chiến trường thì họ luôn tương trợ lẫn nhau và luôn liều mình giúp đỡ và động viên nhau mỗi khi ai đó bị thương.

**- Tâm hồn của ba cô gái trẻ còn đẹp hơn những vì sao trên trời.** Cuộc sống chiến đấu ở chiến trường thật gian khổ, hiểm nguy nhưng họ **luôn lạc quan, yêu đời**. Họ có cuộc sống nội tâm phong phú, đáng yêu, dễ xúc cảm, nhiều mơ ước.

- Họ thích làm đẹp cho cuộc sống của mình ngay cả trong hoàn cảnh chiến trường ác liệt. Nho thích thêu thùa, chị Thao chăm chép bài hát, Phương Định thích ngắm mình trong gương, ngồi bó gối mộng mơ và hát… Họ hồn nhiên như những đứa trẻ trước cơn mưa đá. Và trận mưa đã trở thành nỗi nhớ sự nối dài quá khứ hôm qua và khát vọng mai sau. Kỉ niệm sống dậy như những khoảng sáng trong tâm hồn, những cảm xúc hồn nhiên như nguồn sống, điểm tựa, giúp họ thêm vững vàng, thêm sức mạnh vượt qua những khó khăn,nguy hiểm.

- Quả thật, đó là những cô gái mang trong mình những tính cách tưởng như không thể cùng tồn tại,vô cùng gan dạ, dũng cảm trong chiến đấu mà cũng hồn nhiên, vô tư trong cuộc sống sinh hoạt. Bởi lẽ trong lòng họ biết rõ rằng cuộc chiến này sẽ còn kéo dài và chỉ có yêu đời, lạc quan và nhưng lời động viên nhau mới có thể giúp họ vượt qua được nhưng khó khăn và gian khổ này. Và cứ như thế, cuộc đời của họ lúc nào cũng rộn ràng những tiếng cười và đầy ắp niềm vui mặc dù cuộc chiến xung quanh họ vẫn diễn ra vô cùng khốc liệt và tàn nhẫn.

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

- Ba cô gái ấy như một mùa xuân rực rỡ, trong lành, tràn trề sức sống, khiến cho ai cũng say đắm. Họ đẹp ở hình thức và đẹp cả trong tâm hồn. Tuy sống mỗi ngày trong hang đá, sống giữa khói bụi và những lần mặt đất rung chuyển dữ dội nhưng những cô gái này lại có tâm hồn rất đẹp, rất hồn nhiên, mơ mộng và lạc quan về tương lai. Như thể những tâm hồn ấy chưa từng bị chiến tranh làm bẩn dù chỉ một chút thôi. Ngoài Nho, Thao, Phương Định, dưới mưa bom bão đạn của kẻ thù, trên tuyến đường Trường Sơn ấy vẫn có rất nhiều những tâm hồn trong như những giọt sương đầu ngày và đẹp như những cánh hoa đầu xuân.

- Họ còn rất trẻ, lứa tuổi mà các cô gái đáng lẽ đã phải được say đắm trong một tình yêu nào đó thì với Thao, Phương Định và Nho lại dành hết tình yêu cho đất nước*.* Không có một thứ tình yêu nào khác chen lẫn trong trái tim họ ngoài tình yêu đất nước đang ngự trị ở đó. Trái tim trẻ cũng đó đôi lần rung cảm nhưng nó mau chóng bị dập tắt đi ngay. Bởi họ hiểu, khi tổ quốc chưa được giải phóng thì không có một hạnh phúc nào có thể bền vững được. Họ lấy hạnh phúc của cả dân tộc làm mục tiêu chiến đấu và tạm quên đi hạnh phúc của riêng mình.

- Ở nơi rừng núi vắng người, họ là gia đình. Họ yêu thương nhau như chị em ruột thịt, chia sẻ cho nhau từng niềm vui nỗi buồn. Trong công việc, họ không bao giờ bỏ rơi đồng đội. Mỗi khi bước vào nhiệm vụ, họ đều hợp đồng tác chiến, phân công rõ ràng và thao tác chính xác. Mỗi sơ xuất trong công việc của ai đó đều có thể khiến cho cả tổ phải hứng chịu hậu quả khủng khiếp. Họ hiểu rõ điều đó. Họ không sợ chết nhưng lại sợ gây tổn hại cho đồng đội của mình.

**b. Vẻ đẹp riêng của ba cô thanh niên xung phong**

***\* Chuyển ý:* Bên cạnh những phẩm chất chung ấy, ở ba cô gái, mỗi người mang một tính cách riêng rất dễ thương và đáng kính trọng. Thao, tổ trưởng-** người chị cả của cả tổ. Chị là một người điềm tĩnh và ít nói, ít nhiều có từng trải hơn, mơ ước và dự tính về tương lai có vẻ thiết thực hơn. Trong công việc, cô ấy là một người đáng gờm, rất cương quyết và táo bạo. Đặc biệt là sự *“bình tĩnh đếnphát bực”* máy bay địch đến nhưng chị vẫn “*móc bánh quy trong túi, thong thả nhai*”. Có ai ngờ con người dày dạn trước sự sống và cái chết như thế lại sợ máu, sợ vắt: *“thấy máu, thấy vắt là chị nhắm mắt lại, mặt tái mét”.*

*-* Có lẽ bao năm thương trường nên Thao đã trở nên như vậy. Hoặc do bản tính của cô như vậy cũng nên. Nhưng dù thế nào thì một cô gái đày bản lĩnh. Nhưng mà đừng vì vậy mà nghĩ Thao khô khan. Chị lại hay tỉa đôi lông mày của mình, tỉa nhỏ như cái tăm. Chị thích thêu thùa *“Áo lót của chị cái nào cũng thêu chỉ màu”*. Chị thích chép lời bài hát. Và không ai có thể quên được chị hát : nhạc sai bét, giọng thì chua. Chị chăm chép bài hát dù chẳng thuộc nhạc, chị không hát trôi chảy được bài nào nhưng chị lại có ba quyển sổ dày chép bài hát và rỗi là chị ngồi chép bài hát như một cách để vượt qua sự đơn điệu và nhàm chán cuộc sống nơi rừng núi này.

**- Và Nho- cô em út của tổ*,*** là một cô gái trẻ, xinh xắn*,* rất hồn nhiên, ngây thơ, vô tư *“trông nó nhẹ, mát mẻ như một que kem trắng*”. Nho có “*cái cổ tròn và những cúc áo nhỏ nhắn*” rất dễ thương khiến Phương Định *“muốn bế nó trên tay*”. Nho lại rất hồn nhiên – cái hồn nhiên trẻ thơ “*vừa tắm dưới suối lên, cứ quần áo ướt, Nho ngồi, đòi ăn kẹo”;* khi bị thương nằm trong hang vẫn nhổm dậy, xòe tay xin mấy viên đá mưa. Nhưng trong chiến đấu thì rất dũng cảm, hành động thật nhanh gọn*“Nho cuộn tròn cái gối,cất nhanh vào túi”, “quay lưng lại chúng tôi, chụp cái mũ sắt lên đầu…”* Và trong một lần phá bom, cô đã bị sập hầm, đất phủ kín lên người. Mặc dù bị thương rất đau nhưng cô không rên la, không muốn cho đồng đội phải lo lắng.

**- Phương Định** được biết đến là cô gái để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong lòng mỗi người đọc. Phương Định chính là một con gái Hà Nội cô được nhà văn miêu tả hiện lên trong trang sách đó là một cô gái có hai bím tóc dày, tương đối mềm. Cô có một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn mới thật đẹp làm sao. Và cô tự nhận *“Nói một cách khiêm tốn tôi là một cô gái khá”.* Thực tế thì đó là một sự nói tránh, nói một cách khiêm tốn. Phương Định đẹp như một đóa hoa nở giữ rừng. Cô mang vẻ đẹp của người Hà Nội, đằm thắm và mê say. Bởi thế mà, co rất thích soi gương và tự ngắm mình trong gương đến hàng giờ liền. Thế rồi người đọc ấn tượng nhất chính là đôi mắt Định-một đôi mắt mà các anh lái xe luôn nhận xét “Cô *có cái nhìn sao mà xa xăm”* đến thế. Phương Định cũng rất kiêu kỳ khi được các anh pháo thủ và lái xe *“hỏi thăm”* cô, có khi còn viết thư cho Phương Định nữa.

- Ở Phương Định người ta nhận thấy cô hiện lên như là một cô gái rất hồn nhiên yêu đời, giàu cá tính. Cô cũng rất hay hát và khi ngồi lên thành cửa sổ căn phòng nhỏ bé nhà mình và có thể say sưa hát. Cho đến khi cô phải sống trong cảnh bom đạn ác liệt khi mà chính cái chết kề bên thì người con gái đó như càng thích hát hơn. Có lẽ rằng cũng chính tiếng hát đó như át tiếng bom của quân thù. Cô luôn thích những bài hành khúc, những điệu dân ca quan họ, hay còn thích cả những bài Ca-chiu-sa của Hồng quân  Liên Xô, bài dân ca ý… Không chỉ dừng lại ở đó, Phương Định còn biết bịa ra những lời hát để chị Thao lúc nào rảnh cứ "say mê" chép vào sổ tay của mình.

=> Ba cô gái sống trong làn bom đạn nhưng tâm hồn họ lại đẹp. Tâm hồn trong và sáng lạ thường. Có phải tâm hồn ấy chính là nơi họ nương tựa khi ngoài kia quá nhiều những khó khăn, mệt mỏi?

**Chốt,**  ba cô thanh niên xung phong, Lê Minh Khuê đã không tô vẽ, không mĩ lệ mà miêu tả hết sức cụ thể, chân thực bằng cách cá thể hóa nhân vật với những hình ảnh rất đời thường. Họ đã từ cuộc đời bước vào trang sách, trở thành những anh hùng –những ngôi sao trên bầu trời Trường Sơn.

**Tài liệu ôn thi vào 10 Face book Nhung Tây**

**3. Đánh giá, mở rộng**

**a. Đánh giá**

Với cách lựa chọn ngôi kể phù hợp, kể chuyện tự nhiên, xây dựng nhân vật nhất là miêu tả tâm lí, ngôn ngữ giản dị vừa mang tính khẩu ngữ vừa đậm chất trữ tình, kết hợp câu văn ngắn, nhịp điệu dồn dập, gợi không khí chiến trường, truyện “*Những ngôi sao xa xôi*” đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ hi sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của những cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Đó chính là hình ảnh đẹp, tiêu biểu của thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mĩ cứu nước.

*\* Liên hệ Mở rộng:* Hình ảnh những cô thanh niên xung phong trong *“Những ngôi sao xa xôi”* khiến ta gợi nhớ đến hình ảnh của những cô gái thanh niên xung phong trong thơ Phạm Tiến Duật, Lâm Thị Mỹ Dạ, trong văn của Nguyễn Minh Châu, và 10 đóa hoa thơm ở ngã ba Đồng Lập,…Họ là những cô gái trẻ đã hiến dâng tuổi thanh xuân của mình cho đất nước.

“Em nằm dưới đất sâu

Như khoảng trời nằm yên trong đất

Đêm đêm tâm hồn em tỏa sáng

Những vì sao ngời chói lung linh”.

( *“Khoảng trời hố bom”*- Lâm Thị Mỹ Dạ)

**III. Kết bài**

Truyện ngắn *Những Ngôi Sao Xa Xôi* là lời nhắc nhở chân thành của Lê Minh Khuê muốn gửi đến mọi thế hệ. Dân tộc ta đã sống như thế ấy, đã chiến đấu như thế ấy. Nền độc lập của hôm nay được xây dựng bằng xương máu và sự hi sinh cao cả của biết bao con người. Bởi thế, học tập tấm gương của ba cô gái trẻ, tuổi trẻ ngày nay phải sống sao cho xứng đáng với những hi sinh, mất mát của dân tộc, tiếp tục phát huy thành quả ấy trong thời đại mới.

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

**==============================================================**

**ĐỀ 100: CẢM NHẬN VỀ VẺ ĐẸP NHÂN VẬT PHƯƠNG ĐỊNH QUA ĐOẠN TRUYỆN SAU : HAY ĐỀ PHÂN TÍCH DIỄN BIỄN TÂM LÍ NHÂN VẬT PHƯƠNG ĐỊNH TRONG MỘT LẦN PHÁ BOM TRONG TRUYỆN NGẮN « NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI » CỦA NHÀ VĂN LÊ MINH KHUÊ.**

*“…Vắng lặng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác. Đất nóng. Khói đen vật vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì từ xa. Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không? Chắc có, các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt. Tôi đến gần quả bom. Cảm thấy có ánh mắt các chiến sĩ theo dõi mình, tôi không sợ nữa. Tôi sẽ không đi khom. Các anh ấy không thích cái kiểu đi khom khi có thể cứ đàng hoàng mà bước tới.  
Quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẽ hai vòng tròn màu vàng…  
Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Đất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặt là mặt trời nung nóng. Chị Thao thổi còi. Như thế là đã hai mươi phút trôi qua. Tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi. Dây mìn dài, cong, mềm. Tôi khỏa đất rồi chạy lại chỗ ẩn nấp của mình. Hồi còi thứ hai của chị Thao. Tôi nép người vào bức tường đất, nhìn đồng hồ. Không có gió. Tim tôi cũng đập không rõ. Dường như vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc kim đồng hồ. Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng, đè lên những con số vĩnh cửu. Còn đằng kia, lửa  
đang chui bên trong cái dây mìn, chui vào ruột quả bom…  
Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đứng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi, mằn mặn, cát lạo xạo trong miệng. Nhưng quả bom nổ. Một thứ tiếng kì quái, đến váng óc. Ngực tôi nhói, mắt cay mãi mới mở ra được. Mùi thuốc bom buồn nôn. Ba tiếng nổ nữa tiếp theo. Đất rơi lộp bộp, tan đi âm thầm trong những bụi cây. Mảnh bom xé không khí, lao và rít vô hình trên đầu.”...* (Lê Minh Khuê, *Những ngôi sao xa xôi*, Ngữ văn 9, tập hai, trang 117-118)

**I. Mở bài**

Hình ảnh các cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn là nguồn cảm hứng bất tận cho văn học cách mạng, đó là những cô gái kiên cường nhưng giàu tình cảm, mang những phẩm chất tốt đẹp. Phương Định trong truyện ngắn *“Những ngôi sao xa xôi”* của Lê Minh Khuê là một minh chứng tiêu biểu cho sức sống mãnh liệt của hình tượng cô thanh niên xung phong trong lòng bạn đọc. Nhà văn Lê Minh Khuê bằng một bút pháp tinh tế và cảm nhận sâu sắc đã mở ra một khoảng trời kí ức trong tâm hồn Phương Định, hé lộ những phẩm chất của nhân vật, đặc biệt qua đoạn trích *“Vắng lặng... vô hình trên đầu”.*

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Truyện ngắn *“ Những ngôi sao xa xôi”* được Lê Minh Khuê viết vào năm 1971, khi ấy nước ta đang trải qua cuộc kháng chiến chống Mĩ ác liệt. Tác phẩm đã ghi lại một cách chân thực nhất đời sống của các cô gái thanh niên xung phong sống và chiến đấu trên tuyến đường Trường Sơn đầy bom đạn mà tiêu biểu là nhân vật Phương Định.

**- Chủ đề:** Đoạn trích nằm ở giữa tác phẩm. Sau khi giặc ném bom, chị Thao và Nho đi trinh sát, phát hiện ra có bốn quả bom chậm cần phải phá, nhằm đảm bảo tuyến đường Trường Sơn không bị đứt mạch, Phương Định có nhiệm vụ phá một quả bom trên đồi. Đoạn trích miêu tả công việc phá bom căng thẳng và nguy hiểm của Phương Định. Qua đoạn trích trên ta thấy Phương Định là một cô thanh niên xung phong can trường, gan dạ, giàu tinh thần trách nhiệm.

**2. Cảm nhận vẻ đẹp của nhân vật Phương Định trong đoạn trích**

- Rời ghế nhà trường phổ thông, Phương Định xung phong ra mặt trận, nguyện dâng hiến cả tuổi thanh xuân cho đất nước. Cuộc sống nơi chiến trường luôn đối mặt với thử thách, nguy hiểm và cái chết đã tôi luyện ở Phương Định lòng quả cảm, không sợ hi sinh. Tâm lí Phương Định trong một lần phá bom được miêu tả rất cụ thể, tinh tế đến từng cảm giác, ý nghĩ dù chỉ thoáng qua trong giây lát. Lê Minh Khuê đã rất tinh tế khi miêu tả không gian tĩnh lặng, hoang tàn trên đường Phương Định đi đến chỗ quả bom để làm, bật lên sự tàn khốc, căng thẳng của cuộc chiến. Phương Định nhận xét về bầu không khí ấy *“Vắng lặng đến phát sợ”.*

- Đó là sự tĩnh lặng tuyệt đối và căng thẳng như đè nặng lên tâm hồn nhân vật. Tất cả cảnh vật đều thiếu sức sống. Bom giặc hủy diệt thiên nhiên, những cái cây sót lại thì “*xơ xác”. “Đất nóng”*- câu văn ngắn khiến người đọc cảm nhận được mặt đất nóng rẫy bởi lửa đạn chiến tranh. Trong không khí là “*khói đen vật vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì ở xa”*. Hình ảnh đám khói tạo cảm giác hiu quạnh, hoang tàn. Tất cả các cảnh vật đều gợi đến sự hủy diệt, đều gợi nhắc đến lằn ranh giữa sự sống và cái chết chỉ tích tắc, bởi đó là sự tàn tích sót lại sau một đợt càn quét dữ dội của quân giặc. Vậy mà giữa không gian hoang tàn chết chóc đó, Phương Định chỉ có một mình.

- Trong tình huống nguy hiểm và cô độc ấy, tâm trí Phương Định bỗng hiện ra câu hỏi *“Các anh cao xạ có nhìn thấy chúng tôi không?”.* Câu hỏi ấy cất lên thật tự nhiên, phù hợp với tâm lí nhân vật vì Phương Định luôn dành tình cảm đặc biệt cho các anh lính giải phóng. Tuy cô có nét kiêu kì của một người con gái Hà Thành không săn sóc, vồn vã nhưng thực tâm cô luôn nghĩ rằng “*những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ”.* Sự hiện diện của các anh như tiếp thêm cho cô sức mạnh và niềm tin để hoàn thành nhiệm vụ.

- Mặt khác trong cái tĩnh lặng và cô độc đến đáng sợ ấy ánh mắt dõi theo của các anh cao xạ giống như một sự đồng tình, một sự ủng hộ, một động lực lớn lao đồng hành cùng Phương Định. Nó xua tan cảm giác cô quạnh và xua tan sự sợ hãi. Nó giúp Phương Định nhận ra sợi dây gắn bó vô hình nhưng bền chặt giữa cô và đồng đội, giữa một cá nhân và một tập thể, để có được thứ sức mạnh đoàn kết to lớn làm điểm tựa tinh thần. Cho nên, mặc dù lúc đầu sự không chắc chắn thể hiện qua hình thức câu hỏi, qua cụm từ *“chắc có”,* Phượng Định vẫn tin tưởng mạnh mẽ vào các anh lính cao xạ.

- Biện pháp **nói quá** *“Các anh ấy có những cái ống nhòm có thể thu cả trái đất vào tầm mắt”* vừa cho thấy sự nể phục vừa cho thấy niềm tin vững chắc của Phương Định vào các anh chiến sĩ.

- Có một điểm tựa tinh thần như thế nên Phương Định trở nên mạnh mẽ hơn. Cô nhận ra mình không còn sợ nữa. Và hơn hết cô có can đảm để khẳng định *“Tôi sẽ không đi khom”.* Ta có thể hình dung một dáng đi hiên ngang, mạnh mẽ, ngẩng cao đầu đầy kiêu hãnh của cô thanh niên xung phong đầy can trường giữa hoàn cảnh khắc nghiệt. Ở Phương Định sáng lên vẻ đẹp của lòng tự trọng và một trái tim dũng cảm, bản lĩnh.

- Thế rồi hình ảnh quả bom hiện ra “*Quả bom nằm lạnh lùng trên một bụi cây khô, một đầu vùi xuống đất. Đầu này có vẻ hai vòng tròn màu vàng...”.* Phép nhân hóa qua từ “*lạnh lùng”* khiến quả bom như một kẻ thù hiểm ác, vừa như đe dọa, vừa như thách thức. Hình ảnh quả bom tách ra, chỉ có hai câu, tô đậm thêm sự nguy hiểm và bầu không khí căng thẳng, nặng nề của công việc phá bom.

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

- Phương Định nhanh chóng bắt tay vào công việc. Những câu trần thuật ngắn đặt kề nhau như những nhịp hoạt động liên tục, thành thục của Phương Định “*Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom”, “ Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên”.* Công việc gian khổ, nguy hiểm này có lẽ Phương Định phải đối mặt mỗi ngày cho nên cô hành động dứt khoát, không do dự. Câu đặc biệt “*Đất rắn*” ngắn và bình thản. Nó cho thấy sự cảm nhận trong tích tắc và sự phán đoán mau lẹ của Phương Định. Công việc phá bom không chỉ căng thẳng cần một thần kinh thép mà còn đòi hỏi một sức khỏe bền bỉ và sự cẩn thận, chính xác từng li, từng tí.

- Đôi lúc lưỡi xẻng chạm vào quả bom, Lê Minh Khuê miêu tả âm thanh ấy: *“Một tiếng động sắc đến gai người, cứa vào da thịt tôi”.* Phép chuyển đổi cảm giác đầy sống động đã giúp người đọc hình dung ra cái âm thanh chát chúa của kim loại chạm vào nhau. Tiếng độn**g** ấy như một lưỡi dao cứa vào da thịt Phương Định và như cứa vào trái tim người đọc. Bởi âm thanh ấy, trong những dao động gai người của nó, là thông điệp của cái chết. Biết đâu sau một trong những va chạm nhỏ nhất, quả bom sẽ phát nổ? Lưỡi hái thần chết luôn rình rập trong công việc đầy nguy hiểm, gian khổ này.

- Âm thanh chát chùa này dội vào tâm hồn Phương Định, cô nhận ra sao mình làm quá chậm. Câu cầu khiến *“Nhanh lên một tí”* vang ra như một sự thúc giục. Cần phải nhanh chóng hoàn thành nhiệm vụ trước khi có điều bất trắc gì xảy ra. Chi tiết *“vỏ quả bom nóng”* là một chi tiết đắt giá. Bởi đó là *“một dấu hiệu chẳng lành”.* Có thể vỏ quả bom nóng do mặt trời nung, như vậy thì mọi việc vẫn bình an. Nhưng cũng có thể vỏ quả bom nóng do sức nóng từ bên trong , có nghĩa là nó sắp phát nổ. Câu văn “*vỏ quả bom nóng”* như dồn nén tất cả sự căng thẳng.

- Trong một khoảnh khắc đó là sự giằng co giữa sự sống và cái chết, an toàn và hiểm nguy, là một thử thách lớn lao ngay cả với những tâm hồn can đảm nhất. Trước thử thách tâm lí nặng nề ấy, người đọc nhận ra một sức mạnh phi thường trong tâm hồn Phương Định.

- **Điệp cấu trúc “*hoặc là”...***lặp đi lặp lại hai lần cho thấy **sự phán đoán bình thản đến bất ngờ.** Dường như đứng giữa lằn ranh sống chết ấy, Phương Định quên đi sự an nguy của chính mình và vượt qua mọi nổi sợ hãi, dồn toàn bộ tâm trí để hoàn thành nhiệm vụ.

- Đặt mìn phá bom xong, Phương Định hồi hộp chờ kết quả. Nếu ở phần trên, Lê Minh Khuê khắc họa sự nguy hiểm, căng thẳng của công việc phá bom trên bình diện không gian còn đến đây thì nữ nhà văn giúp người đọc hình dung điều đó rõ hơn qua bình diện thời gian. Hai dấu hiệu của thời gian đó là: hồi còi của chị Thao và chiếc kim đồng hồ.

- Không gian tĩnh lặng đến tận cùng. Và dường như thời gian ngưng đọng. “*Không có gió”* không có dù chỉ một âm thanh nhỏ và không khí vẫn khô nóng đầy ngột ngạt. Không gian tĩnh lặng đủ để Phương Định cảm nhận trái tim mình. *“Tim tôi đập không rõ”.* Đó là những nhịp tim loạn nhịp cho thấy sự căng thẳng, hồi họp ngự trị trong tâm hồn cô thanh niên xung phong. Đối lập với tâm hồn đầy biến động của Phương Định là hình ảnh những chiếc kim đồng hồ *“bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung”* như một sinh vật sống dửng dưng, lạnh lùng. Những câu văn dài như dòng chảy vô thủy vô chung của thời gian *“Nó chạy sinh động và nhẹ nhàng, đè lên những con số vĩnh cửu”.*   
- Ở đây bằng sự tương phản giữa thời gian vật lí và thời gian tâm lí, Lê Minh Khuê đã khắc họa được bức tranh tâm hồn của Phương Định. Nếu thời gian của đời người trong cuộc phá bom đầy nguy hiểm này chỉ là từng khoảnh khắc giằng co giữa sống-chết thì thời gian vật lí lạnh lùng vô tri bởi chúng ta chỉ là *“những con số vĩnh cửu*”. Nếu tâm lí căng thẳng của Phương Định cảm nhận thời gian trôi chậm chạp, nặng nề thì những chiếc kim đồng hồ chỉ đơn giản là “*chạy, sinh động và nhẹ nhàng”* theo nhịp vận động từ ngày xưa của nó.

- Tại sao Phương Định lại có thể mạnh mẽ đến như vậy khi đối mặt với cái chết? Tại sao cô lại hồi hộp, căng thẳng đến mức tim loạn nhịp khi dõi theo ngọn lửa chạy vào quả bom? Khi công việc phá bom thành công. Phương Định tâm tình cùng bạn đọc và lí giải những điều đó “*Quen rồi”.* Câu đặc biệt vừa chân thành như một lời tâm tình vừa bình thản gan dạ đến lạ lùng. Thì ra sức mạnh tinh thần lớn lao ấy giống như một thứ kim loại quý giá và vững vàng đã được ngọn lửa chiến tranh tôi luyện để càng rắn rỏi. Chính cái hoàn cảnh *“một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít:ba lần”* đã tạo cho Phương Định và đồng đội của mình một **tinh thần thép** để vượt qua nỗi sợ hãi và những khoảnh khắc căng thẳng đối diện với cái chết.

-Tất nhiên họ không phải là những kẻ liều mạng. Họ đủ tỉnh táo để nhận ra *“Tôi có nghĩ tới cái chết nhưng cái chết mờ nhạt, không cụ thể”.* Thông thường những người yêu cuộc sống tha thiết sẽ sợ cái chết bởi như một danh nhân từng nói *“Bị kịch thật sự của cái chết không phải là ta chết mà chính là ở chỗ ta không còn được sống nữa”.*

- Thế nhưng thật nghịch lí trong hoàn cảnh chiến tranh lúc con người ta dám can đảm đối mặt với cái chết là lúc con người ta yêu cuộc sống nhất. Bởi cái chết khi làm nhiệm vụ khiến cuộc đời của họ kết thúc một cách có ý nghĩa, họ ngã xuống trở thành một phần máu thịt của đất mẹ quê hương. Lí do khác khiến Phương Định cảm thấy cái chết *“mờ nhạt không cụ thể”* chính là bởi tâm trí cô có một mục tiêu rõ ràng, quan trong, cần phải quan tâm hơn: nhiệm vụ. Các câu hỏi như những làn sóng xoáy sâu vào tâm trí “*Liệu mìn có nổ không?”, “Không thì làm cách nào để châm mìn lần hai”* đã lấn át ý niệm về cái chết và khiến nó trở nên thật mờ nhạt. Như vậy, chính tinh thần trách nhiệm cao độ mà cơ sở của nó chính là tình yêu nước, là khát vọng hòa bình đã tiếp thêm sức mạnh cho Phương Định để cô có thể vững vàng vượt qua tất cả.

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

- Và giây phút chờ đợi đã qua. Bom nổ - *“Một thứ tiếng kì quái đến váng óc*”, ngực nhói, mắt cay, …*“Mảnh bom xé không khí, lao và rít vô hình trên đầu.”...*cô vẫn phủi áo và chạy xuống ngay nơi nổ. *“*Bom nổ”. “Thắng rồi”. Phương Định đã hoàn thành công việc. Đây quả là một cuộc đấu trí gan góc, kiên cường. Từ đó ta thấy tinh thần, ý chí và lòng dũng cảm của người con gái nhỏ bé, bình dị nhưng không bao giờ chịu khuất phục. Một ngày trong những năm tháng Trường Sơn của cô là như vậy! Những trang lịch sử Trường Sơn không thể quên ghi một ngày như thế!

- Đoạn trích trên đã giúp người đọc hình dung ra bức chân dung tinh thần của Phương Định-một cô thanh niên dũng cảm gan dạ với một tinh thần thép và bản lĩnh phi thường. Chính nghịch cảnh chiến trường đã tôi luyện nơi cô thanh niên xung phong một trái tim quả cảm, một tinh thần trách nhiệm để có thể vượt qua được sự căng thẳng của công việc, vượt qua được nổi sợ hãi cái chết để có thể hoàn thành nhiệm vụ. Sự gan dạ, dũng cảm phi thường ấy có nguồn cội sâu xa từ tinh thần yêu nước sâu sắc và khát vọng hòa bình mãnh liệt trong tâm hồn Phương Định. Qua đó ta thấy được ngoi bút của Lê Minh Khuê đậm chất nhân văn. Nhà văn đã mở lòng mình ra để đồng cảm với nhân vật và khai phá được những nét đẹp rất riêng của nhân vật cũng như khái quát lên được những phẩm chất của cả một thế hệ. Đó là thế hệ trẻ trên tuyến đường Trường Sơn quyết dâng hiến sức trẻ của mình để giải phóng dân tộc. Ở họ dòng suối cuộc đời đã hòa vào trường giang của quê hương, để rồi tất cả chan hòa trong đại dương của Tổ quốc, làm nên những sức mạnh thật diệu kì.

**3. Đánh giá, mở rộng**

**a. Đánh giá**

- Có thể nói, xây dựng nhân vật Phương Định, Lê Minh Khuê đã xây dựng bằng những thủ pháp nghệ thuật đặc sắc, hiệu quả. Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sắc sảo tinh tế. Ở đoạn văn trên, nữ nhà văn đã chú ý đến các yếu tố không gian thời gian và chọn lọc các chi tiết ngoại cảnh (tiếng xẻng chạm vào vỏ bom, chi tiết vỏ bom nóng,...) để khắc họa tâm lí nhân vật. Việc chọn ngôi kể là ngôi thứ nhất, lời kể của Phương Định cũng giúp người đọc dễ dàng đồng cảm với nhân vật. Ngôn ngữ tự sự hấp dẫn, sống động, giàu sức tạo hình. Đặc biệt là sự kết hợp giữa câu văn dài, ngắn khác nhau, kết hợp linh hoạt các kiểu câu trần thuật, câu cầu khiến vừa đặc tả được sự tĩnh lặng của không gian, sự trôi chảy của thời gian, vừa giúp người đọc hình dung được hoạt động và tâm lí nhân vật.

*\* Liên hệ Mở rộng:* Hình ảnh Phương Định khiến ta gợi nhớ đến hình ảnh của những cô gái thanh niên xung phong trong thơ Phạm Tiến Duật, Lâm Thị Mỹ Dạ, trong văn của Nguyễn Minh Châu, và 10 đóa hoa thơm ở ngã ba Đồng Lập,…Họ là những cô gái trẻ đã hiến dâng tuổi thanh xuân của mình cho đất nước.

“Em nằm dưới đất sâu

Như khoảng trời nằm yên trong đất

Đêm đêm tâm hồn em tỏa sáng

Những vì sao ngời chói lung linh”.

( *“Khoảng trời hố bom”*- Lâm Thị Mỹ Dạ)

**III. Kết bài**

Qua đoạn trích trên, Phương Định hiện lên là một cô gái dũng cảm, gan dạ, giàu tinh thần trách nhiệm. Bằng một ngòi bút bàng bạc chất thơ và thấm đẫm cảm xúc, Lê Minh Khuê đã vẽ nên bức chân dung gần gũi, đáng yêu của cô thanh niên Phương Định, để lại ấn tượng trong lòng bạn đọc. Chính vì lẽ đó, đứa con tinh thần đầu tay của nhà văn – truyện ngắn “*Những ngôi sao xa xôi”* đến nay vẫn có sức sống mãnh liệt, nó khơi gợi trong lòng người đọc sự trân trọng và nể phục trước một thế hệ trẻ hào hùng của những trang sử vàng dân tộc.

**===========================================================**

**ĐỀ 101: PHÂN TÍCH DIỄN BIẾN TÂM LÍ NHÂN VẬT PHƯƠNG ĐỊNH QUA MỘT LẦN PHÁ BOM. (Bài tham khảo 2)**

**I. Mở bài**

Có những bài ca không bao giờ quên, cũng có những năm tháng chiến tranh không phai mờ trong tâm trí mỗi người. Văn học với sứ mệnh thiêng liêng, cao cả của nó, đã phản ánh thời kỳ chiến tranh với những hình tượng đẹp. *“ Những ngôi sao xa xôi”* của Lê Minh Khuê là một trong số đó. Đọc “ *Những ngôi sao xa xôi”* ta ấn tượng nhất là khi nhà văn miêu tả tâm lý nhân vật Phương Định trong một lần phá bom.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

- Những ngôi sao xa xôi viết năm 1971 của nhà văn Lê Minh Khuê. Truyện đề cập tới hoàn cảnh sống và làm việc của ba cô gái thanh niên xung phong nơi chiến trường. Phá bom là công việc thường ngày. Bới thế, tác giả đã miêu tả tâm lý nhân vật Phương định phá bom rất chân thực.

**2. Diễn biến tâm lí nhân vật Phương Định trong một lần phá bom**

- Trước hết tâm lý nhân vật được thể hiện khi Phương Định đến gần quả bom “*Vắng lặng đến phát sợ, cây còn lại xơ xác. Đất nóng, khối đen vật vờ từng cụm trong không trung, che đi những gì từ xa”* Lê Minh Khuê sử dụng câu văn ngắn liệt kê để diễn tả không khí chiến tranh ác liệt, sợ hãi. Khung cảnh quanh cao điểm thật im lặng đến phát sợ như không còn sống. Khi ấy, Phương Định tuy có chút bận tâm nhưng cô quyết định sẽ đi khom. Cũng bởi các cao xạ không thích đi khom khi mà họ có thể thẳng lương mà đi. Lòng tự trọng đã khiến cô trở nên dũng cảm nơi chiến trường.

- Tâm lý nhân vật, không chỉ thế còn được thể hiện khi Phương Định đến **gần quả bom.** Cô bắt tay vào làm công việc của mình. Công việc mà ba năm nay mỗi ngày từ năm đến ba lần cô đều phải làm: Phá bom. Định bỏ thuốc nổ bên cạnh quả bom *“ Thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào mỏ quả bom, một tiếng động sắc đến gai người cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tý! Bỏ quả bom nóng một dấy hiêu chẳng lành”* Không khí giờ đây thật căng thẳng nhưng cô từng nói “ *Thần chết là một tay không thích đùa. Hắn lần trong ruột những quả bom”* Thì công việc này quả thực rất nguy hiểm, cận kể tới cai chết. Từ đó, ta có thể thấy được sự dũng cảm và tình yêu nước của các cô gái thanh niên xung phong. Rồi trong giờ phút đó người ta cũng dõi theo từng cử chỉ của nhân vật. Cô có nghĩ đến cái chết mờ nhạt. Nhưng sau đó cô vẫn tiếp tục lạc quan làm việc, cống hiến cho tổ quốc.

- Bên cạnh đó, tâm lý Phương Định được miêu tả sinh động khi cô **chờ bom nổ**, Nấp sau tảng đá lớ là một căn hầm. Cô lo lắng “*liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Nếu không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai”* Trong giờ phút sinh tử ấy, điều cô quan tâm chính là công việc chừng không phải mạng sống của chính mình. Ý nghĩ đó đã thể hiện trọn vẹn được tinh thần trách nhiệm trong cô. Đã hai mươi phút trôi qua, đồng hồ chạy đè nặng lên những con số vĩnh cửu, lửa đang chạy vào trong ruột quả bom. Rồi bom cũng nổ, mùi thuốc bom buồn nôn. Những mảnh bom như xé trong không trung. Sau tiếng nổ đó là tiếng nổ của những quả bom mà đồng đội của cô châm ngòi và khi gặp chị Thao, Phương định nhận ra Nho đã bị thương.

- Tâm lý của Phương Định lúc bom nổ, có thể nói đã thể hiện tính cách của cô. Tiếng nổ lớn vang lên, đó là khi Phương Định đã hoàn thành nhiệm vụ. Chưa kịp thở phào nhẹ nhõm thì chợt nhận ra Nho bị thương, hầm của cô bị sập Định hốt hoảng lo lắng cứu chữa cho Nho. Cuối cùng mọi chuyện diễn ra khá tốt đẹp và có lẽ sẽ để lại trong lòng Phương Định nhiều kỷ niệm.

**3. Đánh giá, mở rộng**

- Viết “*Những ngôi sao xa xôi”* nữ nhà văn thành công ở nhiều phương diện không chỉ ở nội dung mà còn ở nghệ thuật. Bằng sự thăng hoa giữa tài năng và cảm hứng, ngòi bút hiện thực của người nghệ sĩ đã viết lên những câu văn ca ngợi hình tượng những nữ thanh niên xung phong mà tiêu biểu là trích đoạn khi Phương Định phá bom đã thể hiện được phẩm chất chung của họ. Câu văn ngắn ngọn, câu rút gọn đặc biệt được sử dụng tài tình. Đặc biệt là nghệ thuật miêu tả tâm lý nhân vật đặc sắc. Giọng văn linh hoạt, ngôi kể thứ nhất thuận lợi việc bộc lộ cảm xúc. Lê Minh Khuê viết ít về những đau thương mất mát với tác dụng động viên, quả thực tác giải góp vào đề tài một tác phẩm hay.

**\* Liên hệ Mở rộng:** Hình ảnh cô thanh niên xung phong Phương Định trong “*Những ngôi sao xa xôi”* khiến ta liên tưởng đến hình ảnh của các cô gái thanh niên xung phong trong thơ Phạm Tiến Duật (Trường Sơn Đông - Trường Sơn Tây; Gửi em, cô gái thanh niên xung phong) hay trong thơ Lâm Thị Mỹ Dạ (Khoảng trời - hố bom),…Họ cống hiến cả tuổi thanh xuân của mình cho đất nước. Họ là những đóa hoa thơm dâng cho đời mật ngọt và vì thế họ sống mãi trong lòng bạn đọc.

Em là người thanh niên xung phong

Không có súng, chỉ có đôi vai cáng thương, tải đạn

Giữa tầm đạn thù, tấm lòng dũng cảm

Em vượt đường dài tiếp thêm lửa tiến công.

(Những bông hoa trên tuyến lửa, Đỗ Trung Quân)

**III. Kết bài**

Truyện ngắn “Những ngôi sao xa xôi” được trần thuật ở ngôi thứ nhất. người kể chuyện cũng là nhân vật chính đã tạo ra một điểm nhìn phù hợp để miêu tả tâm lí nhân vật tinh tế. Ngòi bút của Lê Minh Khuê đã miêu tả chân thực, sinh động tâm lí nhân vật, làm hiện lên thế giới nội tâm phong phú nhưng trong sáng, không phức tạp. Nhân vật Phương Định hiện lên là một cô gái có tâm hồn trong sáng, mơ mộng đẩy dũng cảm. Chúng ta luôn tự hào về những chiến sĩ những thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn như Phương Định và đồng đội của cô. Chúng ta cần yêu mến, tự hào về họ bao nhiêu, thế hệ trẻ chúng ta cần phải kế thừa phát huy truyền thống cách mạng của cha anh.

**============================================================**

**ĐỀ 102: CẢM NHẬN VỀ VẺ ĐẸP NHÂN VẬT PHƯƠNG ĐỊNH QUA ĐOẠN TRUYỆN SAU:**

« Bây giờ là buổi trưa. Im ắng lạ. Tôi ngồi dựa vào thành đá và khe khẽ hát. Tôi mê hát. Thường cứ thuộc một điệu nhạc nào đó rồi bịa ra lời mà hát. Lời tôi bịa lộn xộn mà ngớ ngẩn đến tôi cũng ngạc nhiên, đôi khi bò ra mà cười một mình.

Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn. Còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm!”.

Xa đến đâu mặc kệ, nhưng tôi thích ngắm mắt tôi trong gương. Nó dài dài, màu nâu, hay nheo lại như chói nắng.

Không hiểu sao các anh pháo thủ và lái xe lại hay hỏi thăm tôi. Hỏi thăm hoặc viết những thư dài gửi đường dây, làm như ở cách nhau hàng nghìn cây số, mặc dù có thể chào nhau hàng ngày. Tôi không săn sóc, vồn vã. Khi bọn bạn gái tôi xúm nhau lại đối đáp với một anh bộ đội nói giỏi nào đấy, tôi thường đứng ra xa, khoanh hai tay trước ngực và nhìn đi nơi khác, môi mím chặt. Nhưng chẳng qua tôi điệu thế thôi. Thực tình trong suy nghĩ của tôi, những người đẹp nhất, thông minh, can đảm và cao thượng nhất là những người mặc quân phục, có ngôi sao trên mũ.

(...)

Tôi dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom. Ðất rắn. Những hòn sỏi theo tay tôi bay ra hai bên. Thỉnh thoảng lưỡi xẻng chạm vào quả bom. Một tiếng động sắc đến gai người, cứa vào da thịt tôi. Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một tí! Vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng.

Chị Thao thổi còi. Như thế là đã hai mươi phút qua. Tôi cẩn thận bỏ gói thuốc mìn xuống cái lỗ đã đào, châm ngòi. Dây mìn dài, cong mềm. Tôi khoả đất rồi chạy lại chỗ nấp của mình.

Hồi còi thứ hai của chị Thảo. Tôi nép người vào bức tường, nhìn đồng hồ. Không có gió. Tim tôi cũng đập không rõ. Dường như vật duy nhất vẫn bình tĩnh, phớt lờ mọi biến động chung là chiếc kim đồng hồ. Nó chạy, sinh động và nhẹ nhàng, đè lên những con số vĩnh cửu. Còn đằng kia, lửa đang chui bên trong cái dây mìn, chui vào ruột quả bom…

Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ tới cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể. Còn cái chính: liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai? Tôi nghĩ thế, nghĩ thêm: đứng cẩn thận, mảnh bom ghim vào cánh tay thì khá phiền. Và mồ hôi thấm vào môi tôi, mằn mặn, cát lạo xạo trong miệng. »

( Trích Những ngôi sao xa xôi, Lê Minh Khuê, Ngữ Văn 9 tập 2, NXBGD, 2013 )

**1. Mở bài**

-  Lê Minh Khuê là một cây bút nữ chuyên viết truyện ngắn, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ  của dân tộc . Ngòi bút của bà trong chiến tranh thường hướng về cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ trên tuyến đường Trường Sơn.

- Truyện ngắn “ Những ngôi sao xa xôi” là tác phẩm tiêu biểu của bà khi viết về đề tài này. Tác phẩm của bà được sáng tác vào năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc diễn ra vô cùng ác liệt. Tác phẩm là bức tranh về cuộc sống chiến đấu vô cùng ác liệt mà ánh sáng của nó là ánh sáng của chủ nghĩa anh hùng cách mạng. Những cô gái thanh niên xung phong trinh sát mặt đường là nhân vật chính trong tác phẩm.

- Đoạn văn trên giúp người đọc cảm nhận vẻ đẹp nhân vật Phương Định- nhân vật chính trong tác phẩm với vẻ đẹp tâm hồn và sự dũng cảm, gan dạ đầy ngưỡng mộ.

**2. Thân bài:**

**a. Khái quát chung**

**b. Cảm nhận nhân vật Phương Định trong đoạn trích**

**Luận điểm 1:** **Phương Định là một cô gái Hà Thành hồn nhiên, thơ mộng , trẻ trung, đáng yêu tràn đầy sức sống:**

- Ấn tượng đầu tiên là cô gái có bề ngoài trẻ trung, xinh xắn, đầy sức sống. Cô có “ hai bím tóc dày, tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh..”, “ ánh mắt nhìn xa xăm”, cô hay thích ngắm mình trong gương và làm điệu có vẻ kiêu kì…

- Cô mang theo vào chiến trường vẻ hồn nhiên vô tư lự của cô gái Hà Thành  mơ mộng với những bài hát “ thuộc bất cứ một nhạc điệu nào rồi bịa ra lời mà hát…. Tiếng hát ấy để động viên đồng đội và động viên chính bản thân mình, để gửi vào trong tiếng hát sự khao khát của tuổi trẻ, của người chiến sĩ, mong được trở về quê hương yêu dấu, được gặp lại người yêu sau bao ngày nhớ nhung, yêu thương.

**Luận điểm 2:**  **Phương Định-  cô gái thanh niên xung phong gan dạ, dũng cảm, mạnh bạo:**

- Phương Định có hoàn cảnh sống và chiến đấu vô cùng khó khăn, sống trên một cao điểm, nơi có trọng điểm ở tuyến Trường Sơn ác liệt,giữa mênh mông khói bụi và bom đạn hủy diệt kẻ thù. Công việc của họ là “đo khối lượng đất lấp vào hố bom và đếm bom nếu bom chưa nổ thì phá bom”, Công việc  vô cùng vất vả, hiểm nguy, cô phải đối diện với tử thần với cái chết bất cứ lúc nào.

- Trận phá bom trên đỉnh cao Trường Sơn thể hiện rõ tinh thần, thái độ dũng cảm vượt mọi hiểm nguy của Phương Định và các cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường ấy.

- Phương Định gan dạ dũng cảm, không hề sợ hãi, không đi khom… vừa thể hiện thái độ tự  trọng, vừa là ý chí mạnh mẽ giúp cô vượt mọi khó khăn, hiểm nguy.

- Phương Định có những thao tác rất chuẩn xác “ dùng xẻng nhỏ đào đất”, “cẩn thận bỏ gói thuốc mìn châm ngòi”, “khỏa đất”….Sự thuần thục, nhanh nhẹn do được tôi luyện theo thời gian đã trở thành tiềm thức của nhân vật.

- Phương Định là người có cảm xúc nhạy bén, cảm nhận rõ rệt về trái bom khi nóng lên , suy nghĩ cảm thấy mình làm còn chậm . Sự thúc giục bản thân cần nhanh chóng hoàn thành công việc , tinh thần tự giác và tinh thần trách nhiệm cao trong trái tim người trẻ tuổi yêu nước.

- Tâm trạng nhân vật Phương Định được miêu tả tỉ mỉ, chi tiết, suy nghĩ, lo lắng, hoảng sợ nhưng vẫn gan dạ, dũng cảm, hoàn thành trách nhiệm.. Có nghĩ đến cái chết nhưng là cảm giác bình thường, cái chết không rõ ràng, mà vô cùng mơ  hồ,..Tinh thần trách nhiệm cao hơn tất cả, cao hơn cả mạng sống bản thân, Họ sẵn sàng hi sinh vì nhiệm vụ.

- Câu nói “ quen rồi”, “ phá bom 5 lần”, sự bản lĩnh được tôi luyện. Đối mặt với tử thần là khó khăn nhưng các cô đã làm điều đó trong một thời gian dài để “ quen rồi”..

- Câu văn miêu tả trận phá bom ngắn, dồn dập, khẩn trương,  tất cả làm nổi bật vẻ đẹp cô thanh niên xung phong với lý tưởng sống cao đẹp, dũng cảm, gan dạ với đời sống tinh thần phong phú, hồn nhiên, lạc quan, lãng mạn, thơ mộng,…

-Phương Định và những đồng đội của mình là những người đã  không tiếc tuổi thanh xuân, họ hiến dâng trọn vẹn tất cả những gì cho Tổ quốc:

*“ Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*

*Mà lòng phơi phới dậy tương lai”.*

**3. Đánh giá, mở rộng**

**a. Đánh giá**

-  Đọc tác phẩm *“ Những ngôi sao xa xôi”* của Lê Minh Khuê, người đọc thấy khâm phục và yêu mến Phương Định bởi vẻ hồn nhiên, ngây thơ lãng mạn của cô và vẻ đẹp dũng cảm, gan dạ, lí tưởng yêu nước cao đẹp trong người con gái này.

- Qua nhân vật này chúng ta còn cảm nhận được vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam  trong  những năm tháng kháng chiến chống Mĩ đầy oanh liệt hào hùng. Họ đã góp sức mình làm nên lịch sử dân tộc, làm nên mùa xuân vĩ đại của dân tộc.. *“ nên vành hoa đỏ nên thiên sử vàng”.*

**b. Mở rộng**

- Liên hệ mở rộng so sánh với bài thơ khác cùng viết về đề tài này như: “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính”( Phạm Tiến Duật) viết về những chàng thanh niên lái xe, “ Khoảng trời hố bom”  về cô gái mở đường…

**3. Kết bài**

- Khẳng định giá trị của tác phẩm.

-  Liên hệ bản thân về trách nhiệm của thế hệ trẻ trong thời đại hiện nay: Đất nước đã ra khỏi cuộc chiến tranh, nhiệm vụ của thế hệ trẻ là học tập , rèn luyện bản thân để phát triển đất nước theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa….

**Bài tham khảo**

**I. Mở bài**

Lê Minh Khuê là một cây bút nữ chuyên viết truyện ngắn, trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mĩ  của dân tộc . Đề tài mà ngòi bút của bà thường hướng tới là cuộc sống chiến đấu của tuổi trẻ trên tuyến đường Trường Sơn. Truyện ngắn *“ Những ngôi sao xa xôi”* là tác phẩm tiêu biểu cho đề tài này. Nó được sáng tác vào năm 1971, lúc cuộc kháng chiến chống Mĩ của dân tộc diễn ra vô cùng ác liệt. Truyện kể về những cô thanh niên xung phong mà tiêu biểu là nhân vật Phương Định. Đoạn văn trên giúp người đọc cảm nhận về vẻ đẹp nhân vật Phương Định với vẻ đẹp tâm hồn và sự dũng cảm, gan dạ đầy ngưỡng mộ.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**- Hoàn cảnh sáng tác:** Truyện ngắn *“ Những ngôi sao xa xôi”* được Lê Minh Khuê viết vào năm 1971, khi ấy nước ta đang trải qua cuộc kháng chiến chống Mĩ ác liệt. Tác phẩm đã ghi lại một cách chân thực nhất đời sống của các cô gái thanh niên xung phong sống và chiến đấu trên tuyến đường Trường Sơn đầy bom đạn mà tiêu biểu là nhân vật Phương Định.

**- Vị trí** : Đoạn trích nằm ở giữa tác phẩm. Nó miêu tả vẻ đẹp tâm hồn và sự dũng cảm, gan dạ của Phương Định trong một lần phá bom.

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

**2. Cảm nhận về nhân vật Phương Đinh**

**a. Phương Định là một cô gái Hà Thành hồn nhiên, thơ mộng , trẻ trung, đáng yêu tràn đầy sức sống:**

- Trước hết, nhân vật Phương Định tạo cảm tình đầu tiên cho người đọc **bởi vẻ hồn nhiên, thơ mộng , trẻ trung, đáng yêu tràn đầy sức sống.** Là con gái Hà Nội xung phong vào chiến trường miền Nam khói bom, đạn lửa*.* Cô có một tuổi thơ êm đềm, hồn nhiên, vui tươi ở bên mẹ, một căn buồng nhỏ nơi con phố yên tĩnh những ngày trước chiến tranh. Cô là người nhạy cảm và luôn quan tâm đến hình thức của mình. Cô đến với người đọc bằng lời tự giới thiệu thật dễ mến: *“Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm””.*

- Đúng là một cô gái đẹp, một vẻ duyên dáng, đầy nữ tính và có chiều sâu của một cô gái thị thành. Cô cũng biết mình đẹp và được nhiều chàng trai để ý. Điều đó khiến cô vui và tự hào nhưng dù nhạy cảm cô cũng không để lòng xao động. Cô biết vẻ đẹp ấy của cô đã hấp dẫn bao chàng trai*: "Các anh pháo thủ và lái xe hay hỏi thăm tôi*” nên cô không *“ săn sóc vội vã”* với các anh bộ đội mà thường đứng ra xa khoanh tay trước ngực và nhìn đi nơi khác. Nhưng thực sự trong tâm tưởng cô lại luôn ngưỡng mộ những người chiến sĩ dũng cảm, kiên cường đó. Cô chưa dành riêng tình cảm cho ai.

- Đó là vẻ đẹp kiêu kì đáng yêu của một cô gái Hà Nội như chính cô đã từng thú nhận: Chẳng qua là cô chỉ điệu thế thôi. “*Cô hay thích ngắm mình trong gương”* và làm điệu.Ai mà có thể ghét được một chút điệu như thế của một cô gái đẹp trước chiến trường ác liệt. Cô mang theo vào chiến trường vẻ hồn nhiên vô tư lự của cô gái Hà Thành  mơ mộng với những bài hát *“ thuộc bất cứ một nhạc điệu nào rồi bịa ra lời mà hát….*

- Tiếng hát ấy để động viên đồng đội và động viên chính bản thân mình, để gửi vào trong tiếng hát sự khao khát của tuổi trẻ, của người chiến sĩ, mong được trở về quê hương yêu dấu, được gặp lại người yêu sau bao ngày nhớ nhung, yêu thương.

**b.** **Phương Định - cô gái thanh niên xung phong gan dạ, dũng cảm, mạnh bạo**

*\* Chuyển ý:* Ngoài là **cô gái Hà Thành hồn nhiên, thơ mộng , trẻ trung, đáng yêu tràn đầy sức sống** ra thì Phương Định còn là một cô thanh niên xung phong gan dạ, dũng cảm.Sinh ra và lớn nên ở thủ đô Hà Nội, có lẽ cô dễ dàng chiếm lấy một chỗ ngồi ở giảng đường đại học, xung quanh cô tíu tít là bạn bè áo trắng. Nhưng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mĩ đã cướp đi sự bình yên của đất nước. Bác Hồ đã từng kêu gọi dù có phải hi sinh tới đâu, dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành được độc lập. Nghe theo tiếng gọi thiêng liêng đó, những lớp thanh niên mang trong mình dòng máu của bà Trưng, bà Triệu, bao chàng trai cô cô gái như Phương Định khát khao được cống hiến cho đất nước, họ ra đi với khí thế quyết tâm :

“Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước.

Mà lòng phơi phới dậy tương lai”

Hay : *“Đánh cho Mĩ cút, đánh cho ngụy nhào”*

để giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

- Phương Định **có hoàn cảnh sống và chiến đấu vô cùng khó khăn**, sống trên một cao điểm, nơi có trọng điểm ở tuyến Trường Sơn ác liệt, giữa mênh mông khói bụi và bom đạn hủy diệt kẻ thù. Công việc của cô cung đồng đội của mình là *“đo khối lượng đất lấp vào hố bom và đếm bom nếu bom chưa nổ thì phá bom”,* Công việc  vô cùng vất vả, hiểm nguy, cô phải đối diện với tử thần với cái chết bất cứ lúc nào.

- Trận phá bom trên đỉnh cao Trường Sơn thể hiện rõ tinh thần, thái độ dũng cảm vượt mọi hiểm nguy của Phương Định và các cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường ấy. Phương Định gan dạ dũng cảm, không hề sợ hãi, không đi khom… vừa thể hiện thái độ tự  trọng, vừa là ý chí mạnh mẽ giúp cô vượt mọi khó khăn, hiểm nguy. Phương Định có những thao tác rất chuẩn xác *“ dùng xẻng nhỏ đào đất dưới quả bom”*  *“cẩn thận bỏ gói thuốc mìn châm ngòi”, “khỏa đất”,…*Sự thuần thục, nhanh nhẹn do được tôi luyện theo thời gian đã trở thành tiềm thức của Phương Định.

- Phương Định là người có cảm xúc nhạy bén, cảm nhận rõ rệt về trái bom khi nóng lên. Cô nghĩ: “Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một chút! vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng…”. Thật đáng sợ cái công việc chọc giận thần chết đó! Ai dám chắc rằng nó sẽ không nổ ngay bây giờ, lúc Phương Định đang hí húi đào đào bới bới khoả đất rồi chạy lại chỗ ẩn lấp của mình: “liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai…”.

- Cái công việc khủng khiếp bóp nghẹt trái tim ấy không chỉ đến một lần trong đời mà đang hằng ngày: “Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể ”. Đã hai mươi phút trôi qua, đồng hồ chạy đè nặng lên những con số vĩnh cửu, lửa đang chạy vào trong ruột quả bom. Rồi bom cũng nổ, mùi thuốc bom buồn nôn. Những mảnh bom như xé trong không trung. Sau tiếng nổ đó là tiếng nổ của những quả bom mà đồng đội của cô châm ngòi. Rõ ràng tinh thần trách nhiệm cao hơn tất cả, cao hơn cả mạng sống bản thân, Họ sẵn sàng hi sinh vì nhiệm vụ. Câu văn miêu tả trận phá bom ngắn, dồn dập, khẩn trương,  tất cả làm nổi bật vẻ đẹp cô thanh niên xung phong với lý tưởng sống cao đẹp, dũng cảm, gan dạ với đời sống tinh thần phong phú, hồn nhiên, lạc quan, lãng mạn, thơ mộng,… Phương Định và những đồng đội của mình là những người đã  không tiếc tuổi thanh xuân, họ hiến dâng trọn vẹn tất cả những gì cho Tổ quốc:

*“ Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*

*Mà lòng phơi phới dậy tương lai”.*

(Tố Hữu)

**3. Đánh giá, mở rộng**

- Có thể nói, xây dựng nhân vật Phương Định, Lê Minh Khuê đã xây dựng bằng những thủ pháp nghệ thuật đặc sắc, hiệu quả. Nghệ thuật miêu tả tâm lí nhân vật sắc sảo tinh tế. Việc chọn ngôi kể là ngôi thứ nhất, lời kể của Phương Định cũng giúp người đọc dễ dàng đồng cảm với nhân vật. Ngôn ngữ tự sự hấp dẫn, sống động, giàu sức tạo hình. Đặc biệt là sự kết hợp giữa câu văn dài, ngắn khác nhau, kết hợp linh hoạt các kiểu câu trần thuật, câu cầu khiến giúp người đọc hình dung được hoạt động và tâm lí nhân vật.

*\* Liên hệ - Mở rộng:* Hình ảnh Phương Định khiến ta gợi nhớ đến hình ảnh của mười cô gái thanh niên xung phong ở ngã ba Đồng Lộc hay những cô gái mở đường trong thơ của Lâm Thị Mỹ Dạ. Họ mang vẻ đẹp dũng cảm, trách nhiệm và hi sinh.

“Chuyện kể rằng: em, cô gái mở đường  
Ðể cứu con đường đêm ấy khỏi bị thương  
Cho đoàn xe kịp giờ ra trận  
Em đã lấy tình yêu Tổ quốc của mình thắp lên ngọn lửa  
Ðánh lạc hướng thù. Hứng lấy luồng bom… “

(Khoảng trời hố bom)

**III. Kết bài**

Giờ đây, những cánh rừng Trường Sơn đã im tiếng súng, màu xanh đã hồi sinh trên những cánh rừng già. Tuy nhiên, “*Những ngôi sao xa xôi”* của Lê Minh Khuê mang dấu ấn thời đại vẫn còn lưu giữ những nét son một thời hào hùng của tuổi trẻ Việt Nam mà tiêu biểu là nhân vật Phương Định- một **cô gái Hà Thành hồn nhiên, thơ mộng , trẻ trung, đáng yêu tràn đầy sức sống** nhưng cũng gan dạ, dũng cảm. Đọc lại hai đoạn trích trên, ai trong chúng ta không dậy lên tình yêu mến và khâm phục thế hệ đi trước đã không tiếc máu xương để dệt gấm thêu hoa trên trang sử vàng đất nước? Vậy chúng ta hôm nay phải sống sao cho xứng đáng với sự hi sinh ấy.

============================================================

**ĐỀ 103: CẢM NHẬN VỀ VẺ ĐẸP TÂM HỒN CỦA NHỮNG CÔ GÁI THANH NIÊN XUNG PHONG TRONG TRUYỆN NGẮN « NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI » CỦA NHÀ VĂN LÊ MINH KHUÊ. TỪ ĐÓ HÃY LIÊN HỆ THỰC TẾ TRÁCH NHIỆM CỦA THẾ HỆ THANH NIÊN TRONG VIỆC XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ TỔ QUỐC TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY.**

**I. Mở bài**

Thế hệ trẻ Việt Nam trong thời kháng chiến chống Mĩ cứu nước. Ở đó, ai cũng sẵn một lòng hi sinh vì đất nước, sẵn sàng lên những chiến tuyến xa xôi nhất, hiểm nguy nhất, không tiếc thân mình để bảo vệ tổ quốc yêu thương. Một lần nữa**, Lê Minh Khuê** với truyện ngắn *“****Những ngôi sao xa xôi”*** lại đem đến cho ta hình ảnh về những con người anh hùng, vĩ đại ấy- ba nữ thanh niên xung phong trong tổ trinh sát mặt đường trên một cao điểm ở tuyến đường Trường Sơn.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

**a. Vẻ đẹp chung của ba cô gái**

- Nhẹ nhàng như tâm hồn phụ nữ của mình, Lê Minh Khuê đi tìm những vẻ đẹp ẩn khuất và phát hiện ra vẻ đẹp ẩn sâu ở những nữ thanh niên xung phong trong cuộc sống đời thường và trong chiến đấu. Câu chuyện kể về ba nữ thanh niên xung phong làm nhiệm vụ trinh sát mặt đường gồm Thao, Phương Định và Nho. Công việc của họ là quan sát tọa độ ném bom của địch, kiểm tra đo đạc các hố bom, san lấp mặt đường và nếu cần sẽ phá bom nổ chậm. Đó là một công việc vất vả và vô cùng hiểm nguy, trong khi ba cô gái có tuổi đời rất trẻ.

**- Ở ba cô gái trẻ có những phẩm chất chung của người chiến sĩ kiên trung, bất khuất**. Họ là những cô gái còn rất trẻ, tuổi đời mười tám đôi mươi. Nghe theo tiếng gọi thiêng liêng của Tổ quốc, họ rời xa gia đình, xa mái trường, tình nguyện vào cái nơi mà sự mất còn chỉ diễn ra trong gang tấc. Họ hi sinh tuổi thanh xuân và không tiếc máu xương, thực hiện lí tưởng cao đẹp:

“*Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước*

*Mà lòng phơi phới dậy tương lai*”.

Họ ra đi mà không tiếc tuổi thanh xuân, nguyện dâng hiến hết mình cho đất nước:

*“Ôi Tổ quốc!Nếu cần, ta chết*

*Cho mỗi ngôi nhà, ngọn núi, con sông…”.*

*-* Qua thực tế chiến đấu, cả ba cô gái đều có tinh thần trách nhiệm vô cùng cao trong công việc của mình*.* Mặc dù còn rất trẻ, luôn phải đối mặt với bom rơi, đạn nổ, họ có thể hi sinh bất cứ lúc nào, nhưng để con đường được thông suốt nên các cô luôn sẵn sàng trong việc ra trận. Có lệnh là lên đường bất kể trong tình huống nào. Họ làm việc một cách tự nguyện, luôn nhận khó khăn, nguy hiểm về mình*:“Tôi một quả bom trên đồi. Nho hai quả dưới lòng đường. Chị Thao một quả dướicái chân hầm ba – ri – e cũ”.* Đối mặt với hiểm nguy, các cô cũng nghĩ đến cái chết nhưng là “*một cái chết mờ nhạt không cụ thể”* quan trọng là “*liệu mìn có nổ, bom có nổ không?*”. Như thế họ đã đặt công việc lên trên cả tính mạng của mình.

- Mặc khác, họ bình tĩnh, can trường và có tinh thần dũng cảm. Những lúc căng thẳng nhất, chị Thao móc cái bánh bích quy trong túi ra nhai. Họ nói đến công việc phá bom với giọng điệu bình thản*: “Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần”.* Khi phá bom, bước tới những quả bom chưa nổ, họ không đi khom mà cứ đường hoàng, thẳng lưng bước tới. Đối mặt với cái chết, các cô không hề run sợ mà bình tĩnh moi đất, đặt dây,châm lửa, tính toán sao cho chính xác.

- Ở ba cô gái còn có tình đồng đội, đồng chí keo sơn, thắm thiết. Ba người bọn họ như ba chị em mặc dù họ không được sinh ra trong cùng một gia đình, nhưng từ khi họ cùng nhau vào sinh ra tử trên tuyến đường Trường Sơn đầy bom đạn và đầy hiểm nguy đã giúp họ ngày càng gắn kết với nhau và dần trở thành các chị em vô cùng thân thiết với nhau. Trong khoảng thời gian ngắn ngủi được nghỉ ngơi, họ luôn vui đùa cùng nhau. Nhưng khi ra chiến trường thì họ luôn tương trợ lẫn nhau và luôn liều mình giúp đỡ và động viên nhau mỗi khi ai đó bị thương.

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

- Tâm hồn của ba cô gái trẻ còn đẹp hơn những vì sao trên trời. Cuộc sống chiến đấu ở chiến trường thật gian khổ, hiểm nguy nhưng họ luôn lạc quan, yêu đời. Họ có cuộc sống nội tâm phong phú, đáng yêu, dễ xúc cảm, nhiều mơ ước. Họ thích làm đẹp cho cuộc sống của mình ngay cả trong hoàn cảnh chiến trường ác liệt. Nho thích thêu thùa, chị Thao chăm chép bài hát, Phương Định thích ngắm mình trong gương, ngồi bó gối mộng mơ và hát… Họ hồn nhiên như những đứa trẻ trước cơn mưa đá. Và trận mưa đã trở thành nỗi nhớ - sự nối dài quá khứ hôm qua và khát vọng mai sau. Kỉ niệm sống dậy như những khoảng sáng trong tâm hồn, những cảm xúc hồn nhiên như nguồn sống, điểm tựa, giúp họ thêm vững vàng, thêm sức mạnh vượt qua những khó khăn,nguy hiểm. Quả thật, đó là những cô gái mang trong mình những tính cách tưởng như không thể cùng tồn tại,vô cùng gan dạ, dũng cảm trong chiến đấu mà cũng hồn nhiên, vô tư trong cuộc sống sinh hoạt.

- Bởi lẽ trong lòng họ biết rõ rằng cuộc chiến này sẽ còn kéo dài và chỉ có yêu đời, lạc quan và nhưng lời động viên nhau mới có thể giúp họ vượt qua được nhưng khó khăn và gian khổ này. Và cứ như thế, cuộc đời của họ lúc nào cũng rộn ràng những tiếng cười và đầy ắp niềm vui mặc dù cuộc chiến xung quanh họ vẫn diễn ra vô cùng khốc liệt và tàn nhẫn.

- Ba cô gái ấy như một mùa xuân rực rỡ, trong lành, tràn trề sức sống, khiến cho ai cũng say đắm. Họ đẹp ở hình thức và đẹp cả trong tâm hồn. Tuy sống mỗi ngày trong hang đá, sống giữa khói bụi và những lần mặt đất rung chuyển dữ dội nhưng những cô gái này lại có tâm hồn rất đẹp, rất hồn nhiên, mơ mộng và lạc quan về tương lai. Như thể những tâm hồn ấy chưa từng bị chiến tranh làm bẩn dù chỉ một chút thôi. Ngoài Nho, Thao, Phương Định, dưới mưa bom bão đạn của kẻ thù, trên tuyến đường Trường Sơn ấy vẫn có rất nhiều những tâm hồn trong như những giọt sương đầu ngày và đẹp như những cánh hoa đầu xuân.

- Họ còn rất trẻ, lứa tuổi mà các cô gái đáng lẽ đã phải được say đắm trong một tình yêu nào đó thì với Thao, Phương Định và Nho lại dành hết tình yêu cho đất nước*.* Không có một thứ tình yêu nào khác chen lẫn trong trái tim họ ngoài tình yêu đất nước đang ngự trị ở đó. Trái tim trẻ cũng đó đôi lần rung cảm nhưng nó mau chóng bị dập tắt đi ngay. Bởi họ hiểu, khi tổ quốc chưa được giải phóng thì không có một hạnh phúc nào có thể bền vững được. Họ lấy hạnh phúc của cả dân tộc làm mục tiêu chiến đấu và tạm quên đi hạnh phúc của riêng mình.

- Ở nơi rừng núi vắng người, họ là gia đình. Họ yêu thương nhau như chị em ruột thịt, chia sẻ cho nhau từng niềm vui nỗi buồn. Trong công việc, họ không bao giờ bỏ rơi đồng đội. Mỗi khi bước vào nhiệm vụ, họ đều hợp đồng tác chiến, phân công rõ ràng và thao tác chính xác. Mỗi sơ xuất trong công việc của ai đó đều có thể khiến cho cả tổ phải hứng chịu hậu quả khủng khiếp. Họ hiểu rõ điều đó. Họ không sợ chết nhưng lại sợ gây tổn hại cho đồng đội của mình.

**b. Vẻ đẹp riêng của ba cô thanh niên xung phong**

***\* Chuyển ý* : Bên cạnh những phẩm chất chung ấy, ở ba cô gái, mỗi người mang một tính cách riêng rất dễ thương và đáng kính trọng. Thao, tổ trưởng-** người chị cả của cả tổ. Chị là một người điềm tĩnh và ít nói, ít nhiều có từng trải hơn, mơ ước và dự tính về tương lai có vẻ thiết thực hơn.

- Trong công việc, cô ấy là một người đáng gờm, rất cương quyết và táo bạo. Đặc biệt là sự *“bình tĩnh đếnphát bực”* máy bay địch đến nhưng chị vẫn “*móc bánh quy trong túi, thong thả nhai*”. Có ai ngờ con người dày dạn trước sự sống và cái chết như thế lại sợ máu, sợ vắt: *“thấy máu, thấy vắt là chị nhắm mắt lại, mặt tái mét”.*

*-* Có lẽ bao năm thương trường nên Thao đã trở nên như vậy. Hoặc do bản tính của cô như vậy cũng nên. Nhưng dù thế nào thì một cô gái đày bản lĩnh. Nhưng mà đừng vì vậy mà nghĩ Thao khô khan. Chị lại hay tỉa đôi lông mày của mình, tỉa nhỏ như cái tăm. Chị thích thêu thùa *“Áo lót của chị cái nào cũng thêu chỉ màu”*. Chị thích chép lời bài hát. Và không ai có thể quên được chị hát : nhạc sai bét, giọng thì chua. Chị chăm chép bài hát dù chẳng thuộc nhạc, chị không hát trôi chảy được bài nào nhưng chị lại có ba quyển sổ dày chép bài hát và rỗi là chị ngồi chép bài hát như một cách để vượt qua sự đơn điệu và nhàm chán cuộc sống nơi rừng núi này.

**- Và Nho- cô em út của tổ*,*** là một cô gái trẻ, xinh xắn*,* rất hồn nhiên, ngây thơ, vô tư *“trông nó nhẹ, mát mẻ như một que kem trắng*”. Nho có “*cái cổ tròn và những cúc áo nhỏ nhắn*” rất dễ thương khiến Phương Định *“muốn bế nó trên tay*”. Nho lại rất hồn nhiên – cái hồn nhiên trẻ thơ “*vừa tắm dưới suối lên, cứ quần áo ướt, Nho ngồi, đòi ăn kẹo”;* khi bị thương nằm trong hang vẫn nhổm dậy, xòe tay xin mấy viên đá mưa. Nhưng trong chiến đấu thì rất dũng cảm, hành động thật nhanh gọn*“Nho cuộn tròn cái gối,cất nhanh vào túi”, “quay lưng lại chúng tôi, chụp cái mũ sắt lên đầu…”* Và trong một lần phá bom, cô đã bị sập hầm, đất phủ kín lên người. Mặc dù bị thương rất đau nhưng cô không rên la, không muốn cho đồng đội phải lo lắng.

**- Phương Định** được biết đến là cô gái để lại nhiều ấn tượng sâu sắc trong lòng mỗi người đọc. Phương Định chính là một con gái Hà Nội cô được nhà văn miêu tả hiện lên trong trang sách đó là một cô gái có hai bím tóc dày, tương đối mềm. Cô có một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn mới thật đẹp làm sao. Và cô tự nhận *“Nói một cách khiêm tốn tôi là một cô gái khá”.* Thực tế thì đó là một sự nói tránh, nói một cách khiêm tốn. Phương Định đẹp như một đóa hoa nở giữ rừng. Cô mang vẻ đẹp của người Hà Nội, đằm thắm và mê say. Bởi thế mà, co rất thích soi gương và tự ngắm mình trong gương đến hàng giờ liền. Thế rồi người đọc ấn tượng nhất chính là đôi mắt Định-một đôi mắt mà các anh lái xe luôn nhận xét “Cô *có cái nhìn sao mà xa xăm”* đến thế. Phương Định cũng rất kiêu kỳ khi được các anh pháo thủ và lái xe *“hỏi thăm”* cô, có khi còn viết thư cho Phương Định nữa.

- Ở Phương Định người ta nhận thấy cô hiện lên như là một cô gái rất **hồn nhiên yêu đời, giàu cá tính.** Cô cũng rất hay hát và khi ngồi lên thành cửa sổ căn phòng nhỏ bé nhà mình và có thể say sưa hát. Cho đến khi cô phải sống trong cảnh bom đạn ác liệt khi mà chính cái chết kề bên thì người con gái đó như càng thích hát hơn. **Có lẽ rằng cũng chính tiếng hát đó như át tiếng bom của quân thù.** Cô luôn thích những bài hành khúc, những điệu dân ca quan họ, hay còn thích cả những bài Ca-chiu-sa của Hồng quân  Liên Xô, bài dân ca ý… Không chỉ dừng lại ở đó, Phương Định còn biết bịa ra những lời hát để chị Thao lúc nào rảnh cứ "say mê" chép vào sổ tay của mình.

Ba cô gái sống trong làn bom đạn nhưng tâm hồn họ lại đẹp. Tâm hồn trong và sáng lạ thường. Có phải tâm hồn ấy chính là nơi họ nương tựa khi ngoài kia quá nhiều những khó khăn, mệt mỏi?

=> Mỗi người có một cá tính riêng nhưng ở họ đều ngời sáng vẻ đẹp của chủ nghĩa anh hùng Việt Nam, của tuổi trẻ Việt Nam. Viết về ba cô thanh niên xung phong, Lê Minh Khuê đã không tô vẽ, không mĩ lệ mà miêu tả hết sức cụ thể, chân thực bằng cách cá thể hóa nhân vật với những hình ảnh rất đời thường. Họ đã từ cuộc đời bước vào trang sách, trở thành những anh hùng –những ngôi sao trên bầu trời Trường Sơn.

**c. Liên hệ thực tế về nhiệm vụ của thế hệ thanh niên trong việc xây dựng đất nước và bảo vệ tổ quốc trong tình hình hiện nay**

- Ngày nay, những cánh rừng Trường Sơn đã im tiếng súng, màu xanh đã hồi sinh trên những cánh rừng già. Chúng ta hiểu được có cuộc sống như ngày hôm nay đó là nhờ biết bao thế hệ cha ông đổ biết bao mồ hôi, xương máu và nước mắt mới dệt gấm thêu hoa trên trang sử vàng đất nước. Vì thế chúng ta cần tự hào về những truyền thống tốt đẹp đó. Mặc dù chúng ta đang sống trong hoà bình nhưng đâu đó xung quanh ta vẫn còn các thế lực thù địch âm mưu thôn tính nước ta. Thiết nghĩ, là một công dấn của đất nước Việt Nam trong thời đại mới, chúng ta cần có trách nhiệm góp một phần nhỏ bé của mình trong việc xây dựng đất nước và bảo vệ tổ quốc, phát huy những truyền thống anh hùng của ba nữ thanh niên trong tác phẩm nói riêng và của cha ông ta nói chung.

**3. Đánh giá, mở rộng**

**-** Với cách lựa chọn ngôi kể phù hợp, kể chuyện tự nhiên, xây dựng nhân vật nhất là miêu tả tâm lí, ngôn ngữ giản dị vừa mang tính khẩu ngữ vừa đậm chất trữ tình, kết hợp câu văn ngắn, nhịp điệu dồn dập, gợi không khí chiến trường, truyện “*Những ngôi sao xa xôi*” đã làm nổi bật tâm hồn trong sáng, mơ mộng, tinh thần dũng cảm, cuộc sống chiến đấu đầy gian khổ hi sinh nhưng rất hồn nhiên, lạc quan của những cô thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Đó chính là hình ảnh đẹp, tiêu biểu của thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mĩ cứu nước.

*\* Liên hệ Mở rộng:* Hình ảnh những cô thanh niên xung phong trong *“Những ngôi sao xa xôi”* khiến ta gợi nhớ đến hình ảnh của những cô gái thanh niên xung phong trong thơ Phạm Tiến Duật, Lâm Thị Mỹ Dạ, trong văn của Nguyễn Minh Châu, và 10 đóa hoa thơm ở ngã ba Đồng Lập,…Họ là những cô gái trẻ đã hiến dâng tuổi thanh xuân của mình cho đất nước.

“Em nằm dưới đất sâu

Như khoảng trời nằm yên trong đất

Đêm đêm tâm hồn em tỏa sáng

Những vì sao ngời chói lung linh”.

( *“Khoảng trời hố bom”*- Lâm Thị Mỹ Dạ)

**III. Kết bài**

Truyện ngắn *Những Ngôi Sao Xa Xôi* là lời nhắc nhở chân thành của Lê Minh Khuê muốn gửi đến mọi thế hệ. Dân tộc ta đã sống như thế ấy, đã chiến đấu như thế ấy. Nền độc lập của hôm nay được xây dựng bằng xương máu và sự hi sinh cao cả của biết bao con người. Bởi thế, học tập tấm gương của ba cô gái trẻ, tuổi trẻ ngày nay phải sống sao cho xứng đáng với những hi sin h, mất mát của dân tộc, tiếp tục phát huy thành quả ấy trong thời đại mới.

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

**===========================================================**

**ĐỀ 104: CẢM NHẬN VỀ VẺ ĐẸP TÂM HỒN CỦA THẾ HỆ TRẺ VIỆT NAM THỜI KÌ KHÁNG CHIẾN CHỐNG MĨ CỨU NƯỚC QUA HAI NHÂN VẬT: ANH THANH NIÊN TRONG TRUYỆN NGẮN « LẶNG LẼ SA PA » CỦA NHÀ VĂN NGUYỄN THÀNH LONG, VÀ NHÂN VẬT PHƯƠNG ĐỊNH TRONG TRUYỆN NGẮN « NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI » CỦA NHÀ VĂN LÊ MINH KHUÊ.**

**DÀN Ý**

**1. Mở bài**

- Giới thiệu Nguyễn Thành Long với Lặng lẽ Sa Pa và Lê Minh Khuê với những ngôi sao xa xôi.

- Giới thiệu nhân vật anh thanh niên và Phương Định, từ đó khái quát vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam trong cuộc sống lao động và chiến đấu thời kháng chiến chống Mĩ cứu nước.

**2. Thân bài**

a. Giới thiệu chung (khái quát đề tài hai tác phẩm; tóm tắt sơ lược…)

+ Lặng lẽ Sa Pa là kết quả từ chuyến đi thực tế ở Lào Cai của Nguyễn Thành Long. Tác giả đã khắc họa vẻ đẹp của người lao động, ca ngợi cuộc sống mới, con người mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, là hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn ở miền Nam.

+ Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê lại miêu tả chân thực, sinh động cuộc sống chiến đấu dũng cảm; tâm hồn lạc quan, hồn nhiên, trong sáng của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn.

+ Hai tác phẩm có đề tài phản ánh khác nhau, thể hiện hình tượng nhân vật khác nhau nhưng cùng hướng đến vẻ đẹp chung của tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc sống lao động và chiến đấu để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giữa những ngày tháng chống Mĩ ác liệt nhất.

b. Vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam được thể hiện qua các nhân vật:

- Nhân vật anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa:

+ Trong công việc: anh là một người say mê công việc; có tinh thần trách nhiệm; có ý chí, nghị lực để vượt qua gian khổ; dũng cảm khi sống đơn độc giữa non xanh; biết lấy công việc làm niềm vui, thực sự hạnh phúc khi hiểu được ý nghĩa công việc của mình à Sống có lí tưởng, hoài bão: sống là để cống hiến, phục vụ cho nhân dân, cho đất nước.

(Học sinh nêu và phân tích dẫn chứng: nơi sống và làm việc, những công việc của anh thanh niên, những khó khăn vất vả trong công việc và những suy nghĩ đúng đắn tích cực của anh về công việc của mình)

+ Trong cách sống, trong tâm hồn: anh có cuộc sống giản dị, biết tổ chức cuộc sống khoa học, ngăn nắp, sạch sẽ; ham học hỏi, cần cù, chịu khó; giàu tình cảm; sống cởi mở, chân tình; và cũng rất khiêm tốn à Đời sống tâm hồn phong phú, sôi nổi trẻ trung, lạc quan yêu đời.

(Học sinh nêu và phân tích dẫn chứng: về căn nhà của anh ở; việc anh ham đọc sách; trồng hoa, nuôi gà; rất hiếu khách, tiếp đón ông họa sĩ và cô kĩ sư chu đáo, nồng hậu; tặng củ tam thất cho vợ bác lái xe, tặng hoa cho cô gái, tặng trứng gà cho ông họa sĩ; lịch sự, khiêm tốn khi ông họa sĩ vẽ mình,…)

- Nhân vật Phương Định trong Những ngôi sao xa xôi:

+ Trong công việc: hoàn cảnh sống và công việc rất gian khổ, nguy hiểm nhưng cô vẫn tự nguyện, sẵn sàng chịu đựng mọi gian khổ, hi sinh, làm việc với một tinh thần trách nhiệm cao; đặc biệt trong giờ phút căng thẳng đối diện với cái chết, cô vẫn tỏ ra bình tĩnh, gan dạ, dũng cảm.

(Học sinh nêu và phân tích dẫn chứng: nơi sống, làm việc; công việc của Phương Định; chi tiết kể về việc phá bom…)

+ Trong đời sống tâm hồn, tình cảm: dù sống trong hoàn cảnh ác liệt, căng thẳng, dữ dội nhất nhưng cô có một tâm hồn trong sáng, hồn nhiên, vô tư, lạc quan, yêu đời; nhạy cảm, giàu mộng mơ; có tình cảm yêu mến, sự cảm phục và sẵn lòng giúp đỡ đồng đội trong tổ, trong đơn vị…

(Học sinh nêu và phân tích dẫn chứng: Phương Định thích ca hát, hay quan tâm đến hình thức của mình, thích ngắm mình trong gương; hay làm ra vẻ “điệu” khi gặp các anh bộ đội, quan tâm lo lắng khi Nho bị thương; như trẻ con khi nghịch mưa đá, sống lại những kỉ niệm về Hà Nội…)

- Tổng hợp:

+ Một người ở hậu phương, một người ở tiền tuyến nhưng cả hai có điểm chung là đều có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; không ngại gian khổ hi sinh trong hoàn cảnh đơn độc hay ác liệt; sống có lí tưởng, sống là để cống hiến, phục vụ, sẵn sàng hi sinh cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

+ Cùng có tinh thần dũng cảm, lạc quan, yêu đời, trẻ trung, sôi nổi hồn nhiên; giản dị, khiêm tốn.

**3. Kết bài**

-Vẻ đẹp của tuổi trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước mà hai nhà văn muốn khẳng định, ca ngợi.

- Đánh giá nghệ thuật hai tác phẩm (cách kể chuyện, giọng điệu; tình huống; xây dựng nhân vật, miêu tả nội tâm, tính cách; ngôn ngữ…)

**BÀI THAM KHẢO**

**I. Mở bài**

**Cách 1:**

Tuổi trẻ Việt Nam luôn là lá cờ đầu, tiên phong cho những nổ lực cống hiến vì quê hương, đất nước. Sự cống hiến ấy còn đáng trân trọng hơn khi đất nước đối mặt với những thử thách sống còn của chiến tranh và họ đã dũng cảm chiến đấu, góp sức cho ngày độc lập. Họ là những cô gái mở đường trong thơ của Lâm Thị Mĩ Dạ, là 10 đóa hoa thơm dâng cho đời ở ngã ba Đồng Lộc. Họ còn là anh thanh niên trong “*Lặng lẽ Sa Pa”* của Nguyễn Thành Long, là Phương Định trong “*Những ngôi sao xa xôi”*  của Lê Minh Khuê, là những người anh hùng chúng ta không biết tên đã đem lứa tuổi tươi đẹp nhất hóa thân thành dáng hình xứ sở.

**Cách 2:**

Lịch sử của dân tộc Việt Nam đã ghi nhận biết bao tấm gương anh hùng. Đó là những con người đã không tiếc máu xương, hi sinh bản thân và lợi ích cá nhân hoặc là để bảo vệ đất nước, hoặc là để xây dựng đất nước. Những con người anh hùng ấy đi vào trang văn, trở thành tấm gương sáng ngời lý tưởng yêu nước và tinh thần nhân đạo cao cả của dân tộc. Lê Minh Khuê với nhân vật Phương Định trong Những ngôi sao xa xôi và Nguyễn Thành Long với nhân vật anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa đã khắc hoạ thành công vẻ đẹp của tuổi trẻ Việt Nam thời kháng chiến chống Mỹ cứu nước.

**II. Thân bài**

**1. Khái quát chung**

- Bài “Lặng lẽ Sa Pa” là kết quả từ chuyến đi thực tế ở Lào Cai của Nguyễn Thành Long. Tác giả đã khắc họa vẻ đẹp của người lao động, ca ngợi cuộc sống mới, con người mới trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, là hậu phương lớn cho tiền tuyến lớn ở miền Nam.

- Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê lại miêu tả chân thực, sinh động cuộc sống chiến đấu dũng cảm; tâm hồn lạc quan, hồn nhiên, trong sáng của những cô gái thanh niên xung phong trên tuyến đường Trường Sơn. Hai tác phẩm có đề tài phản ánh khác nhau, thể hiện hình tượng nhân vật khác nhau nhưng cùng hướng đến vẻ đẹp chung của tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc sống lao động và chiến đấu để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giữa những ngày tháng chống Mĩ ác liệt nhất.

**2.** **Vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời kháng chiến chống Mĩ cứu nước qua hai nhân vật: anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa (Nguyễn Thành Long) và Phương Định trong Những ngôi sao xa xôi (Lê Minh Khuê)**

#### a.Nhân vật anh thanh niên trong Lặng lẽ Sa Pa của Nguyễn Thành Long

**\*Trong công việc**

- Nguyễn Thành Long rất tinh tế khi miêu tả anh thanh niên, tác giả không để anh tự giới thiệu về mình mà làm nổi bật vẻ đẹp của anh qua cái nhìn của các nhân vật khác. Anh thanh niên 27 tuổi, sống một mình trên đỉnh núi Yên Sơn cao 2600 m, quanh năm cây cỏ và mây mù che phủ. Đó là một thế giới cách biệt với cuộc sống của mọi người *“bốn bề chỉ cây cỏ và mây mù lạnh lẽo”*. Nơi anh ở rất vắng vẻ, thiếu người qua lại, vắng bạn tâm tình trò chuyện. Bởi thế mà bác lái xe đã gọi anh là “*người cô độc nhất thể gian”.*

- Anh làm công việc khí tượng kiêm vật lý địa cầu dự vào việc báo trước thời tiết hàng ngày, phục vụ sản xuất, phục vụ chiến đấu. Nhiệm vụ cụ thể là *“đo gió, đo nắng, tính mây, đo chấn động mặt đất...”* Đây là công việc vô cùng vất vả, đòi hỏi sự kiên trì, nhẫn nại, sự tỉ mỉ chính xác và có tinh thần trách nhiệm cao.Với một chàng trai trẻ đầy nhiệt huyết mà lại ở một nơi cô đơn hẻo lánh như vậy, với một công việc nhàm chán thế nhưng anh luôn hoàn thành công việc một cách xuất sắc, vượt qua tất cả khó khăn, thậm chí thức dậy lúc 1 giờ sáng với rét mướt và gió tuyết. Từ đó có thể thấy được anh là con người nhiệt huyết, tràn đầy tinh thần trách nhiệm.

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

**- Anh là người yêu nghề.** Lòng yêu nghề, gắn bó với công việc, sống một mình trên đỉnh núi cao với rừng xanh, mây trắng và bão tuyết nhưng anh vẫn yêu nghề, yêu việc. Lời anh nói với người họa sĩ *“Khi ta làm việc ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi việc của cháu gắn liền với bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy chứ cất nó đi cháu buồn đến chết mất ”* đã giúp ta nhận thấy điều đó. Qua lời anh kể và lời bộc bạch này, ta hiểu rằng anh đã thực sự tìm thấy niềm vui và hạnh phúc trong công việc thầm lặng giữa Sa Pa và sương mù bao phủ. Anh luôn ý thức đầy đủ và sâu sắc về ý nghĩa công việc. Anh luôn tự hào về nghề nghiệp của mình.

- Anh rất sung sướng vì công việc có ích đã góp phần bắn hạ phản lực Mĩ trên cầu Hàm Rồng. Anh tâm sự *“..từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc”*.Với anh, hạnh phúc là được đóng góp một phần công sức nhỏ bé thầm lặng của mình cho cuộc sống xây dựng và bảo vệ đất nước, đem lại hòa bình cho dân tộc.

**- Không những yêu nghề mà anh còn có tinh thần trách nhiệm với công việc**. Là người thành thạo, am hiểu công việc, nhìn gió hay nhìn trời, nhìn sao anh cũng có thể *“nói được mây, tính được gió”.* Anh ý thức một cách rất rõ ràng: *Mình sinh ra là gì, mình đẻ ở đâu, mình vì ai mà làm việc?*. Nhận thức đó cho thấy anh trẻ nhưng không hời hợt. Anh sống một mình nhưng không cô đơn vì lúc nào trong tư tưởng của anh mục đích sống, lẽ sống vẫn luôn luôn tồn tại và nhắc nhở. Làm một công việc đơn độc, phải dậy vào lúc nửa đêm, phải ra ngoài trời lúc mưa bão, lạnh lẽo, anh có thể nằm ở trong nhà, lấy số liệu cũ mà gọi bộ đàm về để báo cáo. Nhưng anh không làm điều đó. Vì anh có trách nhiệm và anh hiểu rõ việc anh làm ở đây có liên quan, có ảnh hưởng đến cuộc sống lao động và chiến đấu của rất nhiều người lúc bấy giờ. Việc phái đoàn không quân – phòng không đến thăm và khen ngợi anh đã cho thấy rõ điều đó. Nghĩa là anh quên mình, vượt qua gian khổ để hoàn thành nhiệm vụ.

**\* Trong cách sống, trong tâm hồn**

*\*Chuyển ý:* **Không những yêu nghề, có tinh thần trách nhiêm cao với công việc mà anh còn là người yêu đời, biết tổ chức, sắp xếp cuộc sống gọn gàng, ngăn nắp**.

Trong buổi đầu gặp gỡ khi thấy anh thanh niên chạy vội lẻn trước về nhà, ông họa sĩ đã tưởng tượng ra cái cảnh *“khách tới nhà bất ngờ chắc cu cậu chưa kịp quét tước, dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn”* Nhưng rồi trước mặt ông và cô kĩ sư lại hiện ra một *“Căn nhà ba gian”*  *“sạch sẽ”*, đồ đạc được kê xếp gọn gàng, ngăn nắp. Một vườn hoa với đầy đủ sắc màu, đủ chủng loại: hoa dơn, hoa cẩm chướng, anh, vàng, tím…Ngoài giờ làm việc anh còn nuôi thêm gà để lấy trứng bổ sung thêm thực phẩm hàng ngày vừa gợi không khí gia đình ấm áp. Ngoài ra anh còn đọc sách, coi sách là bạn. Một chiếc bàn học được kê xếp cẩn thận với một cái giá sách đủ để biết anh chủ động tổ chức, cải thiện cuộc sống *“một mình”* như thế nào.

=> Tất cả những điều đó cho ta thấy anh tự tìm niềm vui, niềm hạnh phúc trong cuộc sống ở một nơi cô đơn, lạnh lẽo gần bốn năm qua như thế nào.

*\* Chuyển ý:* **Ngoài yêu nghề và biết tự sắp xếp cuộc sống của mình ngăn nắp, gọn gàng anh còn là** **một người khiêm tốn, có ý thức hoàn thiện bản thân**. Khi ông họa sĩ định vẽ chân dung anh thì anh từ chối, giới thiệu người khác xứng đáng hơn *“Bác đừng mất công vẽ cháu! Cháu giới thiệu với bác ông kĩ sư ở vườn rau dưới Sa Pa! …Hay là đồng chí nghiên cứu khoa học ở cơ quan cháu ở dưới đấy….”*. Qua lời tâm sự ấy ta thấy anh là người rất khiêm tốn, bởi anh cảm thấy đóng góp của mình còn nhỏ bé, chưa xứng đáng. Anh nhận thấy xung quanh còn bao nhiêu người đáng vẽ hơn mình, đóng góp nhiều hơn mình. Anh thốt lên *“Ông kỹ sư làm cháu thấy cuộc đời đẹp quá”.* Đọc tới đây, ta càng thêm yêu quý anh thanh niên nhiều hơn và anh cảm thấy yêu đời, yêu cuộc sống , thấy cuộc đời đẹp và ý nghĩa hơn khi chứng kiến bao người đang ngày đêm miệt mài, hi sinh và đóng góp cho Tổ quốc.

**- Người đọc không chỉ nhận thấy sự chân thành trong đức tính khiêm tốn mà còn thấy ở** **anh sự cởi mở, chân thành hiếu khách và quan tâm đến người khác**. Anh gây thiện cảm với bác họa sĩ và cô kĩ sư ngay lần gặp mặt đầu tiên. Anh đón khách niềm nở, chia sẻ cởi mở những suy nghĩ về cuộc sống và công việc của mình. Anh không quên pha trà Yên Sơn mời ông họa sĩ và cô kĩ sư. Anh biếu một *“củ tam thất”* cho vợ bác lái xe mới ốm dậy.

- Anh đón nhận cuốn sách bác mua hộ với tâm trạng hào hứng, mừng vui. Trước khi bác họa sĩ ra về anh còn tặng làn trứng để tưởng nhớ buổi đầu gặp mặt. Và một chi tiết rất nhỏ thôi nhưng đủ để người đọc nhận ra sự tinh tế và hiếu khách của anh đó là tặng bó hoa cho cô gái *“rất tự nhiên như một người đã quen thân, trao bó hoa đã cắt cho người con gái*”. Tất cả những cử chỉ quan tâm ấy tới tất cả mọi người khiến chúng ta càng thấy thêm yêu mến và quý trọng anh nhiều hơn. Bởi đúng như lời ông họa sĩ già khi nhận xét về anh*“ Người con trai đáng yêu thật”.*

**b. Nhân vật Phương Định trong Những ngôi sao xa xôi của Lê Minh Khuê**

**\*Trong công việc**

- Phương Định là **một cô thanh niên xung phong gan dạ, anh hùng.** Sinh ra và lớn nên ở thủ đô Hà Nội, có lẽ cô dễ dàng chiếm lấy một chỗ ngồi ở giảng đường đại học, xung quanh cô tíu tít là bạn bè áo trắng. Nhưng cuộc chiến tranh xâm lược của đế quốc Mĩ đã cướp đi sự bình yên của đất nước. Bác Hồ đã từng kêu gọi dù có phải hi sinh tới đâu, dù có phải đốt cháy cả dãy Trường Sơn cũng phải giành được độc lập. Nghe theo tiếng gọi thiêng liêng đó, những lớp thanh niên mang trong mình dòng máu của bà Trưng, bà Triệu, bao chàng trai cô cô gái như Phương Định khát khao được cống hiến cho đất nước, họ ra đi với khí thế quyết tâm “Xẻ dọc Trường Sơn đi cứu nước. Mà lòng phơi phới dậy tương lai”, hay *“đánh cho Mĩ cút, đánh cho ngụy nhào”* để giải phóng miền Nam thống nhất đất nước.

- Phương Định cùng những người bạn của mình **sống và chiến đấu** trên một cao điểm, giữa một vùng trọng điểm trên tuyến đường Trường Sơn. Phương Định phải chạy trên cao điểm đánh phá của máy bay địch. Sau mỗi trận bom, chị cùng đồng đội phải lao ra trọng điểm, đo và ước tính khối lượng đất đá bị bom địch đào xới, đếm những quả bom chưa nổ và dùng những khối thuốc nổ đặt  vào cạnh nó để phá. Đó là **công việc mạo hiểm với cái chết luôn gần kề** tạo áp lực khiến thần kinh vô cùng căng thẳng. Thực hiện công việc đó, Phương Định và đồng đội phải rất bình tĩnh và họ đã thực sự bình tĩnh, ung dung một cách lạ thường. Thậm chí, với họ, công việc ấy đã trở thành bình thường.

- Hãy nghe cô kể về công việc của tổ mình: “Việc của chúng tôi là ngồi đây. Khi có bom nổ thì chạy lên, đo khối lượng đất lấp vào hố bom, đếm bom chưa nổ và nếu cần thì phá bom”. Trên cao điểm trống trơn, cô và các bạn phải chạy giữa ban ngày, phơi mình ra giữa vùng trọng điểm đánh phá của máy bay địch. Từng phút, từng giây phải đối diện với cái chết mà “thần chết là một tay thích đùa”.Cô luôn sống trong không khí ác liệt của chiến trường “đất bốc khói, không khí bàng hoàng, máy bay đang ầm ì xa dần, thần kinh căng như chão, tim dập bất chấp cả nhịp điệu, chân chạy mà không biết rằng khắp xung quanh có nhiều quả bom chưa nổ. Có thê nổ bây giờ, có thể nổ chốc nữa. Nhưng nhất định sẽ nổ…” Giản dị lắm mà cũng anh hùng lắm thay, cái cô tiểu thư Hà Nội ấy! Chiến tranh và đạn bom gịặc Mĩ đã làm cô lớn lên, trở thành dũng sĩ mạnh mẽ mà cô không hề biết.

- Thật đáng khâm phục! Thần chết do kẻ thù némxuống đang nằm chờ chực ở mọi nơi chờ phút ra tay. Cô và các bạn phải ra tay trước nó, phải tiêu diệt nó. Cô phải nhanh hơn, mạnh hơn nó, không dược phép chậm trễ một giây! Cô nghĩ: “Tôi rùng mình và bỗng thấy tại sao mình làm quá chậm. Nhanh lên một chút! vỏ quả bom nóng. Một dấu hiệu chẳng lành. Hoặc là nóng từ bên trong quả bom. Hoặc là mặt trời nung nóng…”.

- Thật đáng sợ cái công việc chọc giận thần chết đó! Ai dám chắc rằng nó sẽ không nổ ngay bây giờ, lúc Phương Định đang hí húi đào đào bới bới khoả đất rồi chạy lại chỗ ẩn lấp của mình: “liệu mìn có nổ, bom có nổ không? Không thì làm cách nào để châm mìn lần thứ hai…”. Cái công việc khủng khiếp bóp nghẹt trái tim ấy không chỉ đến một lần trong đời mà đang hằng ngày: “Quen rồi. Một ngày chúng tôi phá bom đến năm lần. Ngày nào ít: ba lần. Tôi có nghĩ đến cái chết. Nhưng một cái chết mờ nhạt, không cụ thể ”. Cảm xúc và suy nghĩ chân thật của cô đã truyền sang cho người đọc nỗi niềm đồng cảm yêu mến và sự kính phục. - **Một cô nữ sinh nhỏ bé, hồn nhiên, giàu mơ mộng và nhạy cảm mà cũng thật dũng cảm, gan dạ, anh hùng.** Thật xứng đáng với những kỳ tích đã khắc ghi trên những tuyến đường Trường Sơn bi tráng.

**\* Trong đời sống tâm hồn, tình cảm:**

- Trước hết, nhân vật Phương Định tạo cảm tình đầu tiên cho người đọc **bởi vẻ trẻ trung, xinh đẹp của một cô gái mới lớn.** Cô là người nhạy cảm và luôn quan tâm đến hình thức của mình. Cô đến với người đọc bằng lời tự giới thiệu thật dễ mến: *“Tôi là con gái Hà Nội. Nói một cách khiêm tốn, tôi là một cô gái khá. Hai bím tóc dày tương đối mềm, một cái cổ cao, kiêu hãnh như đài hoa loa kèn còn mắt tôi thì các anh lái xe bảo: “Cô có cái nhìn sao mà xa xăm””.*

*-*  Đúng là một cô gái đẹp, một vẻ duyên dáng, đầy nữ tính và có chiều sâu của một cô gái thị thành. Cô cũng biết mình đẹp và được nhiều chàng trai để ý. Điều đó khiến cô vui và tự hào nhưng dù nhạy cảm cô cũng không để lòng xao động. Cô biết vẻ đẹp ấy của cô đã hấp dẫn bao chàng trai*: "Các anh pháo thủ và lái xe hay hỏi thăm tôi*” nên cô không *“ săn sóc vội vã”* với các anh bộ đội mà thường đứng ra xa khoanh tay trước ngực và nhìn đi nơi khác. Điều đó làm Phương Định tự hào nhưng điều đặc biệt là cô chưa dành riêng tình cảm cho ai. Đó là **vẻ đẹp kiêu kì** đáng yêu của một cô gái Hà Nội như chính cô đã từng thú nhận: Chẳng qua là cô chỉ điệu thế thôi. Ai mà có thể ghét được một chút điệu như thế của một cô gái đẹp trước chiến trường ác liệt.

- Phương Định không những là một cô gái dũng cảm mà là **một cô gái có yêu quý trái tim nhân hậu giàu tình yêu thương.** Giữa chiến trường ác liệt, tấm lòng Phương Định luôn dành cho đồng đội, yêu quý những anh bộ đội có ngôi sao trên mũ. Cô luôn yêu thương, lo lắng quan tâm tới đồng chí của mình đặc biệt là hai người bạn gái cùng tổ. Chị Thao ngã, cô đỡ dậy. Nho bị thương “máu túa ra” thấm vào đất cô *“bế Nho đặt lên đùi”* băng rửa vết thương cho bạn, cử chỉ cẩn thận, biết bao trìu mến. Dường như lúc ấy không còn một Phương Định điệu hay làm dáng nữa mà đã nhường chỗ cho một Phương Định khác xuất hiện: nhanh nhẹn, tháo vát và giành tình yêu cho đồng đội. Nhìn Phương Định chăm sóc đồng đội thành thạo như một y tá, ta càng cảm thấy Phương Định là một cô gái đảm đang, thích ứng nhanh với hoàn cảnh chiến trường. Tình cảm của cô với đồng đội mãi làm ta cảm động.

- Và cũng như bao cô gái trẻ khác, **Phương Định còn là cô gái hồn nhiên, mơ mộng, lạc quan yêu đời, và đặc biệt cô rất thích ca hát**. Vào chiến trường đã ba năm, luôn phải đối mặt với không khí, nguy hiểm nhiều khi cái chết cận kề nhưng ở cô không hề mất đi sự lạc quan, hồn nhiên, trong sáng, yêu đời. Cô vẫn giữ nguyên sở thích yêu âm nhạc. Hồi ở nhà, cô hát say mê, có lúc hát ầm ĩ đến nỗi làm ông hàng xóm mất ngủ. Có lần hát say sưa đến nỗi suýt ngã lăn nhào từ cửa sổ gác hai xuống đất. Cô đem lòng say mê ca hát đó vào chiến trường Trường Sơn ác liệt. Cô thích hát những hành khúc bộ đội, những bài dân ca quan họ, ca chiu sa của Hồng quân liên xô, dân ca ý … Giọng hát của Phương Định chắc là hay lắm chẳng thế mà chị Thao tổ trưởng vẫn hay yêu cầu cô hát. Cô hát trong những khoảnh khắc im lặng trong các trận đánh, hát ngay khi máy bay trinh sát rè rè trên đầu, hát cả khi bom nổ. Tiếng hát say sưa của cô thực sự đã ” át tiếng bom” phải thực sự là cô gái giàu bản lĩnh, hồn nhiên, lạc quan cô mới có thể cất lên những tiếng hát đó ta hiểu dù giặc tàn bạo bao nhiêu, dù muốn hủy diệt cả sự sống nhưng làm sao ngăn được lòng lạc quan yêu đời, vô tư, hồn nhiên của các cô gái trẻ như Phương Định. Ngoài hát ra Phương Định còn có tài bịa ra lời bài hát nữa. Chị Thao đã ghi vào vở cả những lời hát cô bịa ra đấy. Qua phân tích, ta thấy Phương Định hiện ra trước mắt là một cô gái trẻ trung, thông minh, tinh nghịch, nhiều mơ mộng. Cô gái ấy mới đáng yêu làm sao!

**Tài liệu ôn thi vào 10 môn Ngữ văn**

- **Nét hồn nhiên** đáng yêu của Phương Định còn được thể hiện khi cô gặp cơn mưa đá trên cao điểm. Cô vui thích cuống cuồng như chưa hề có bom rơi đạn nổ. Trận mưa đá bất ngờ đã kéo cô về với tuổi thơ ngày nào. Một cô học trò hồn nhiên mơ mộng hay làm nũng mẹ. Một căn nhà nhỏ ở một đường phố yên tĩnh. Nơi ấy là một xứ sở thần tiên có hàng cây bốn mùa thay lá những ngọn đèn trên Quảng Trường lung linh như những ngôi sao trong câu truyện cổ tích, hoa trong công viên, tiếng giao của bà bán xôi sáng có cái mũ đội trên đầu…Những kỉ niệm ấy luôn luôn sống lại trong cô ngay giữa chiến trường ác liệt. Nó vừa là niềm khao khát, vừa làm dịu mát tâm hồn trong hoàn cảnh khốc liệt của chiến tranh, chiến tranh ngỡ như lùi xa trong giây phút bình yên của những mơ mộng ấy ngay giữa chiến trường ác liệt mà Phương Định vẫn có được nét hồn nhiên vô tư thật đáng khâm phục. Vậy nên có thể nói **Phương Định là một hình ảnh đẹp tiêu biểu cho vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam thời chống Mĩ.**

**3. Đánh giá, mở rộng**

**-** Với nghệ thuật miêu tả sinh động, chân thực tâm lí nhân vật, hai tác giả đã làm hiện lên một thế giới tâm hồn phong phú, trong sáng và đẹp đẽ cao thượng của nhân vật ngay trong hoàn cảnh chiến đấu đầy hi sinh gian khổ. Một người ở hậu phương, một người ở tiền tuyến nhưng cả hai có điểm chung là đều có tinh thần trách nhiệm cao trong công việc; không ngại gian khổ hi sinh trong hoàn cảnh đơn độc hay ác liệt; sống có lí tưởng, sống là để cống hiến, phục vụ, sẵn sàng hi sinh cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Đồng thời, họ còn có tinh thần dũng cảm, lạc quan, yêu đời, trẻ trung, sôi nổi hồn nhiên; giản dị, khiêm tốn. Họ toát lên vẻ đẹp của tuổi trẻ Việt Nam trong thời kì kháng chiến chống Mĩ cứu nước mà hai nhà văn muốn khẳng định, ca ngợi. Hai tác phẩm có đề tài phản ánh khác nhau, thể hiện hình tượng nhân vật khác nhau nhưng cùng hướng đến vẻ đẹp chung của tuổi trẻ Việt Nam trong cuộc sống lao động và chiến đấu để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc giữa những ngày tháng chống Mĩ ác liệt nhất.

*\* Liên hệ Mở rộng:* Hình ảnh những cô thanh niên xung phong Phương Định trong “*Những ngôi sao xa xôi”* và anh thanh niên trong *“Lặng lẽ Sa Pa”* của Nguyễn Thành Long khiến ta liên tưởng đến hình ảnh của các cô gái thanh niên xung phong trong thơ Phạm Tiến Duật (Trường Sơn Đông - Trường Sơn Tây; Gửi em, cô gái thanh niên xung phong) hay Lâm Thị Mỹ Dạ (Khoảng trời - hố bom),…Họ cống hiến cả tuổi thanh xuân của mình cho đất nước. Họ là những đóa hoa thơm dâng cho đời mật ngọt. Họ sống mãi trong lòng bạn đọc.

**III. Kết bài**

Năm tháng trôi đi và lịch sử không ngừng biết động, nhưng *"Những ngôi sao xa xôi"* của Lê Minh Khuê và *"Lặng lẽ Sa Pa*" của Nguyễn Thành Long mãi là những bông hoa không tuổi tựa mùa xuân không ngày tháng, đã ghi lại cái quá khứ hào hùng, sôi động của đất nước mình một thuở. Qua nhân vật Phương Định và anh thanh niên ta thấy được hình ảnh của thanh niên Việt Nam trong hai thời kì : thời chiến và thời bình. Trong mọi hoàn cảnh nào, trong mọi thời điểm nào thì họ vẫn toát lên những giá trị tốt đẹp. Đó chính là sự dũng cảm, là sự cương quyết, là sự mạnh mẽ, luôn luôn đối đầu với hiểm nguy và gian khó, dám hy sinh tuổi trẻ của mình cho sự nghiệp giải phóng và xây dựng đất nước. Hai nhân vật còn là tấm gương, là điểm tựa để thế hệ trẻ hôm nay phấn đấu, góp một phần sức lực của mình cho đất nước.

**===============================================================**

**MỤC LỤC NGỮ VĂN 9 BỘ NGHỊ LUẬN VĂN HỌC**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên văn bản** | **Số đề** | **Trang** |
| 1. | **CHUYỆN NGƯỜI CON GÁI NAM XƯƠNG**  - Đề 1: Phân tích nhân vật Vũ Nương qua “chuyện người con gái Nam Xương……………………………………………….  - Đề 2: Cảm nhận về số phận bi kịch của Vũ Nương……….  - Đề 3: Phân tích nhận định: “ Qua câu chuyện cái chết thương tâm thể hiện niềm thương cảm của VN và vẻ đẹp của người phụ nữ trong XHPK………………………………………….  - Đề 4: Phân tích giá trị chiếc bóng trong truyện……………  - Đề 5: Phân tích đoạn truyện sau: *“… Vũ Thị Thiết, người con gái quê ở Nam Xương, tính đã thùy mị nết na, lại thêm tư dung tốt đẹp…. mà lòng người đã nhuộm mối tình muôn dặm quan san*!”…………………………………………………………………  - Đề 6: Cảm nhận về đoạn trích: *“ Chàng quỳ xuống đất vâng lời dạy…. lo liệu như đối với cha mẹ đẻ mình."*……………………….. | 6 đề……….. | 8  12  15  20  22  25 |
| 2. | **HOÀNG LÊ NHẤT THỐNG CHÍ**  - Đề 7: Phân tích hình tượng nhân vật Quang Trung - Nguyễn Huệ qua đoạn trích “ Hồi thứ 14”…………………………………….. | 1 đề……….. | 29 |
| 3. | **TRUYỆN LỤC VÂN TIÊN**  - Đề 8: Phân tích đoạn trích “Lục Vân Tiên cứu Kiều Nguyệt Nga”……………………………………………………………. | 1 đề……….. | 31 |
| 4. | **CHỊ EM THÚY KIỀU**  - Đề 9: Phân tích đoạn trích “ Chị em Thúy Kiều”.................  - Đề 10: Vẻ đẹp của Thúy Vân và Thúy Kiều qua 16 câu thơ đầu…………………………………………………………….  - Đề 11: Phân tích nhận định văn học: Đoạn trích “ Chị em Thúy Kiều” Thể hiện cảm hứng nhân đạo và dự cảm về kiếp người tài hoa bạc mệnh………………………………. …………………..  - Đề 12: Cảm nhận tấm lòng nhân đạo của Nguyễn Du.  - Đề 13: Nghệ thuật miêu tả chân dung nhân vật qua 10 câu thơ miêu tả vẻ đẹp Thúy Vân, Thúy Kiều................................... | 5 đề……….. | 34  38  42  44  47 |
| 5. | **KIỀU Ở LẦU NGƯNG BÍCH**  - Đề 14: Cảm nhận về cảnh ngộ và nỗi niềm của Thúy Kiều qua 6 câu thơ đầu………………………………………………  - Đề 15: Cảm nhận về cảnh ngộ của Thúy Kiều qua 8 câu thơ miêu tả tâm trạng TK về nỗi nhớ người yêu và cha mẹ………...........  - Đề 16: Cảm nhận 8 câu thơ cuối “ Kiều ở lầu Ngưng Bích”…………………………………………………………… | 3 đề……….. | 50  52  55 |
| 6. | **CẢNH NGÀY XUÂN**  - Đề 17: Phân tích đoạn trích đoạn trích “Cảnh ngày xuân”………………………………………………………….. | 1 đề………. | 59 |
| 7. | **ĐỒNG CHÍ**  - Đề 18: Phân tích cơ sở hình thành tình đồng chí, đồng đội qua 7 câu thơ đầu………………………………………………..  - Đề 19: Phân tích 10 câu thơ nói về biểu hiện tình đồng chí, đồng đội……………………………………………………..  - Đề 20: Cảm nhận về hình tượng người lính qua bài thơ đòng chí……………………………………………………………..  - Đề 21: Cảm nhận về 10 câu thơ đầu bài thơ “Đồng chí”  - Đề 22: Cảm nhận về đoạn thơ:  *“Ruộng nương anh gửi bạn thân cày*  *….Giếng nước gốc đa nhớ người ra lính”*  - Đề 23: Cảm nhận về hình ảnh người lính qua đoạn thơ:  *“ Anh với tôi biết từng cơn ớn lạnh*  *… Thương nhau tay nắm lấy bàn tay”* | 6 đề……….. | 63  66  69  76  82  86 |
| t | **BÀI THƠ VỀ TIỂU ĐỘI XE KHÔNG KÍNH**  - Đề 24: Phân tích vẻ đẹp hình tượng người lính qua “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”………………………………………….  - Đề 25: Cảm nhận về hình ảnh người lính lái xe qua ba khổ thơ cuối……………………………………………………………..…  - Đề 26: Cảm nhận về hai khổ thơ đầu của bài thơ……………..  - Đề 27: Cảm nhận về khổ đầu và khổ cuối bài thơ……………..  - Đề 28: Phân tích “Bài thơ về tiểu đội xe không kính”………….  - Đề 29: Phân tích hình ảnh người lính qua hai bài thơ: Đồng chí của Chính Hữu và “ Bài thơ về tiểu đội xe không kính” của Phạm Tiến Duật……………………………….  - Đề 30: Phân tích nhận định văn học: “ Bài thơ thể hiện hiện thực chiến tranh khốc liệt và ngợi ca thế hệ trẻ Việt Nam………………………………………………………….. | 7 đề……….. | 91  96  102  105  110  118  123 |
| 9. | **ĐOÀN THUYỀN ĐÁNH CÁ**  - Đề 31: Phân tích hai khổ thơ đầu…………………………….  - Đề 32: Phân tích khổ 3,4,5 của bài thơ……………………….  - Đề 33: Phân tích bài thơ “ Đoàn thuyền đánh cá”…………..  - Đề 34: Cảm nhận về vẻ đẹp của biển cả và niềm vui của người lao động qua khổ 6,7 của bài thơ. …………………………….. | 4 đề……… | 126  130  134  141 |
| 10. | **BẾP LỬA**  - Đề 35: Cảm nhận về hình ảnh người bà qua bài thơ “ Bếp lửa”…………………………………………………………….  - Đề 36: Cảm nhận về đoạn thơ:  *“ Lận đận đời bà biết biết mấy nắng mưa*  *…Sớm mai này bà nhóm bếp lên chưa”*  - Đề 37: Phân tích đoạn thơ để thấy được những hoài niệm đẹp đẽ của người cháu về những kỉ niệm tuổi thơ sống bên bà:  *“ Tám năm dòng cháu cùng bà nhóm lửa*  *…..Kêu chi hoài trên những cánh đồng xa”*  - Đề 38: Cảm nhận về đoạn thơ:  *“ Rồi sớm rồi chiều lại bếp lửa bà nhen*  *….Ôi kì lạ và thiêng liêng – bếp lửa!*  - Đề 39: Phân tích bài thơ “ Bếp lửa” của Bằng Việt……….  - Đề 40: Phân tích nhận định Văn học: “Từ những suy ngẫm của người cháu bài thơ thể hiện triết lí sâu sắc nhất… nâng bước con người trong hành trình dài rộng của cuộc đời tình yêu đất nước bắt nguồn từ long yêu quý ông bà, cha mẹ những gì gần gũi, bình dị nhất”……………………………………….. | 6 đề……… | 145  148  152  156  159  168 |
| 11 | **ÁNH TRĂNG**  - Đề 41: Cảm nhận về bài thơ “ Ánh trăng”……………………  - Đề 42: Cảm nhận về hai khổ thơ đầu bài “ Ánh Trăng”……..  - Đề 43: Cảm nhận về khổ 3,4,5,6 của bài “ Ánh trăng”……… | 3 đề……….. | 173  179  182 |
| 12. | **TRUYỆN NGẮN: LÀNG**  - Đề 44: Phân tích nhân vật ông Hai trong truyện ngắn Làng…………………………………………………………….  - Đề 45: Phân tích đoạn truyện: “ Có người hỏi… khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu”…………………………………….  - Đề 46: Phân tích đoạn truyện: “Cổ ông lão nghẹn ắng hẳn lại, da mặt tê rân rân.... không biết họ đã rõ cái cơ sự này chưa? ….”.....................................................................  - Đề 47: Phân tích diễn biến tâm trạng nhân vật ông Hai qua đoạn truyện sau: *“Ông lại nghĩ về cái làng của ông, lại nghĩ đến những ngày cùng làm việc với anh em.... Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này.*  *-* Đề 48: Cảm nhận về nhân vật ông Hai qua đoạn truyện sau: “*Dứt lời ông lão lại lật đật đi thẳng sang bên gian bác Thứ… cũng chỉ được bằng ấy câu, ông lão lại lật đật bỏ đi nơi khác*”...................................................................................... | 5 đề……….. | 186  192  194  197  202 |
| 13. | **LẶNG LẼ SA PA**  - Đề 49: Cảm nhận về anh thanh niên qua truyện ngắn “ Lặng Lẽ Sa Pa” của Nguyễn Thành Long…………………………….  - Đề 50: Cảm nhận về anh thanh niên qua đoạn truyện sau: “Cháu ở đây có nhiệm vụ đo gió, đo mưa, đo nắng, tính mây…. Những lúc im lặng lạnh cóng mà lại hừng hực như cháy. Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ được »…….  - Đề 51: Cảm nhận về nhân vật anh thanh niên qua đoạn truyện : «Anh hạ giọng, nửa tâm sự, nửa đọc lại một điều rõ ràng đã ngẫm nghĩ nhiều…. Mỗi người viết một vẻ ».  - Đề 52 : Phân tích đoạn truyện sau : “Thôi, chấm dứt tiết mục hái hoa - Người con trai bất chợt quyết định… Xong việc, trở vào, không thể nào ngủ lại được.”   - Đề 53: Chứng minh nhận định văn học: Truyện ngắn « Lặng lẽ Sa Pa » là một truyện đậm chất trữ tình, và giàu chất thơ…………………………………………………..  - Đề 54: Cảm nhận về hai đoạn trích trong hai tác phẩm: Lặng lẽ Sa Pa và Những ngôi sao xa xôi…………………  - Đề 55: Vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam qua «  Lặng lẽ Sa Pa » và «  Những ngôi sao xa xôi »……………………………….  - Đề 56: Vẻ đẹp của thế hệ trẻ Việt Nam qua nhân vật anh thanh niên trong « Lặng lẽ Sa Pa » và nhân vật Phương Định trong «  Những ngôi sao xa xôi »…………………………….  . | 8 đê…… | 204  209  212  216  220  224  226  228 |
| 14. | **CHIẾC LƯỢC NGÀ**  - Đề 57: Nhân vật bé thu qua Chiếc lược Ngà ………………  - Đề 58: Tình cảm sâu nặng và cao đẹp của ông Sáu dành cho con qua truyện ngắn «  Chiếc lược ngà »…………………….  - Đề 59: Cảm nhận về tình cha con qua đoạn truyện: «*Đến lúc chia tay, mang ba lô lên vai, .... và đôi vai nhỏ bé của nó run run”* ………………………………………………………….  - Đề 60: Phân tích sự thay đổi tâm trạng bé Thu qua hai đoạn truyện : « *Trong bữa cơm đó, anh Sáu gắp một cái trứng cá to vàng để vào chén nó… Chiều đó, mẹ nó sang dỗ dành mấy nó cũng không về”* ………………………………………………  Và “*Trong lúc đó, nó vẫn ôm chặt lấy ba nó… còn tôi bỗng thấy khó thở như có bàn tay ai nắm lấy trái tim tôi.”*  *-* Đề 61: Cảm nhận về đoạn truyện “Tôi hãy còn nhớ buổi chiều hôm đó.... Đến lúc ấy, anh mới nhắm mắt đi xuôi.”  - Đề 62: Phân tích chi tiết trong truyện: Chiếc lược ngà, vết thẹo trong truyện ngắn “ chiếc lược ngà ” của Nguyễn Quang Sáng......................................................................................  **-** Đề 63: Phân tích tình cha con giữa ông Sáu và bé Thu trong truyện ngắn “ Chiếc lược ngà”.................................................  Đề 64: Mượn lời bé thu kể lại truyện ngắn “chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng................................................... | 8 đề……….. | 230  233  237  241  244  248  253  264 |
| 15. | **MÙA XUÂN NHO NHỎ**  - Đề 65: Cảm nhận về ước nguyện của nhà thơ Thanh Hải qua ba khổ thơ đầu………………………………………………..  - Đề 66: Phân tích ước nguyện của nhà thơ Thanh Hải qua ba khổ thơ cuối.  - Đề 67: Cảm nhận về hai khổ thơ khổ 4, khổ 5 của bài thơ……………………………………………………………..  - Đề 68: Phân tích khổ 1 và khổ 4 của bài thơ « Mùa xuân nho nhỏ » của Thanh Hải…………………………………………  - Đề 69: Phân tích khổ 4,khổ 5 của bài thơ. (Bài 2)…………  - Đề 70: Phân tích khổ thơ đầu bài thơ………………………  - Đề 71: Phân tích bài thơ « Mùa xuân nho nhỏ »………….. | 7 đề……….. | 266  272  278  282  288  290 |
| 16. | **VIẾNG LĂNG BÁC**  - Đề 72: Phân tích bài thơ « Viếng Lăng Bác »………………  - Đề 73: Cảm nhận về khổ 2,3 của bài thơ…………………..  - Đề 74: Cảm nhận về khổ 1,2 của bài thơ…………………..  - Đề 75: Phân tích hai khổ thơ cuối ( Khổ 3,4)……………….  - Đề 76: Phân tích hình ảnh trong thơ hình ảnh mặt trời, vầng trăng, tràng hoa, trời xanh……………………………………  - Đề 77: Phân tích nhận định văn học : «Bài thơ thể hiện niềm thành kính sâu sắc của nhà thơ và mọi người đối với Bác ». Em hãy phân tích hai khổ thơ đầu bài thơ để làm sáng tỏ nhận định trên…………………………………………………………….  - Đề 78: Phân tích khổ cuối bài thơ…………………………..  - Đề 79: Nghị luận hai tác phẩm ước nguyện chân thành tha thiết của nhà thơ được hòa nhập cống hiến cho đời, cho đất nước qua hai bài thơ mùa xuân nho nhỏ và Viếng lăng Bac……………………………………………………………..  - Đề 80: Nghị luận hai tác phẩm Bức tranh phong cảnh mùa xuân qua bài mùa xuân nho nhỏ và Cảnh ngày xuân. | 9 đề………. | 297  303  306  312  318  320  324  327  333 |
| 17. | **SANG THU**  - Đề 81: Phân tích bức tranh thiên nhiên qua bài Sang thu  - Đề 82: Phân tích bài thơ Sang thu…………………………..  - Đề 83: Phân tích khổ thơ đầu bài thơ Sang thu…………….  - Đề 84: Phân tích và cảm nhận bức tranh thiên nhiên lúc giao mùa trong bài Sang Thu………………………………………  - Đề 85: Phân tích khổ thơ cuối của bài thơ…………………  - Đề 86: Phân tích hai khổ thơ đầu bài thơ Sang thu…………  - Đề 87: Nghị luận về hai tác phẩm phân tích bức tranh thiên nhiên qua hai đoạn thơ bài Sang thu và Mùa xuân nho nhỏ…………………………………………………………….  - Đề 88: Nghị luận về hai tác phẩm phân tích bức tranh thiên nhiên qua bài Sang thu và Mùa xuân nho nhỏ………………. | 8 đề……….. | 331  340  343  346  351  354  358  363 |
| 18. | **NÓI VỚI CON**  - Đề 89: Phân tích đoạn thơ :  «Người đồng mình thương lắm con ơi  ... Nghe con.”  - Đề 90: Phân tích bài thơ “Nói với con”................................  - Đề 91: Cảm nhận về lời người cha nói với con qua đoạn thơ sau:  “Người đồng mình thô sơ da thịt  …. Nghe con”  - Đề 92: Cảm nhận về lời người cha nói với con qua đoạn 1của bài thơ………………………………………………………….  - Đề 93: Cảm nhận về lời người cha nói với con qua đoạn 2của bài thơ: *“Người đồng mình thương lắm con ơi*  …*Nghe con.”*  - Đề 94: Cảm nhận về đoạn thơ sau  « Chân phải bước tới cha ….Ngày đầu tiên đẹp nhất trên đời » | 7 đề……….. | 366  376  371  384  385  390 |
| 19. | **NHỮNG NGÔI SAO XA XÔI**  - Đề 95: Phân tích nhân vật Phương Định trong truyện ngắn “ Những ngôi sao xa xôi” Bài 1………………………………..  - Đề 96: Phân tích nhân vật Phương Định trong truyện ngắn “ Những ngôi sao xa xôi” Bài 2…………………………………  - Đề 97: Hình ảnh thế hệ trẻ Việt Nam qua truyện ngắn những ngôi sao xa xôi………………………………………………..  - Đề 98: Cảm nhận về Phương Định từ đó rút ra bài học về lòng yêu nước của thế hệ trẻ hiện nay………………………………  - Đề 99: Cảm nhận vẻ đẹp tâm hồn của những cô gái thanh niên xung phong qua truyện ngắn “ Những ngôi sao xa xôi” của Lê Minh Khuê…………………………………………………….  - Đề 100: Cảm nhận về nhân vật Phương Định qua đoạn truyện sau: *“…Vắng lặng đến phát sợ. Cây còn lại xơ xác…. Mảnh bom xé không khí, lao và rít vô hình trên đầu.”* - Đề 101: Phân tích diễn biến nhân vật Phương Định qua một lần phá bom ( Bài 2)………………………………………………  - Đề 102: Cảm nhận về nhân vật Phương Định qua đoạn truyện sau: « Bây giờ là buổi trưa. Im ắng lạ… Và mồ hôi thấm vào môi tôi, mằn mặn, cát lạo xạo trong miệng. »………………….  - Đề 103: Cảm nhận về thế hệ trẻ Việt Nam trong những ngôi sao xa xôi liên hệ trách nhiệm của thế hệ trẻ Việt Nam trong giai đoạn hiện nay…………………………………………….  - Đề 104: Nghị luận hai tác phẩm Cảm nhận vẻ đẹp tâm hồn qua truyện «Lặng lẽ Sa Pa »  của Nguyễn Thành Long và «Nhũng ngôi sao xa xôi » của Lê Minh Khuê……………….. | 9 đề………. | 395  399  404  407  411  416  422  424  431  436 |